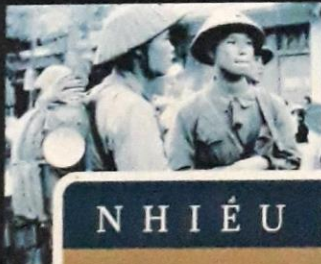


MỘT SỐ TƯ LIỆU QUÝ VỀ

HÀ NỘI



NHIỀU TÁC GIẢ

Lưu Đình Tuấn
(tuyển dịch và chú giải)

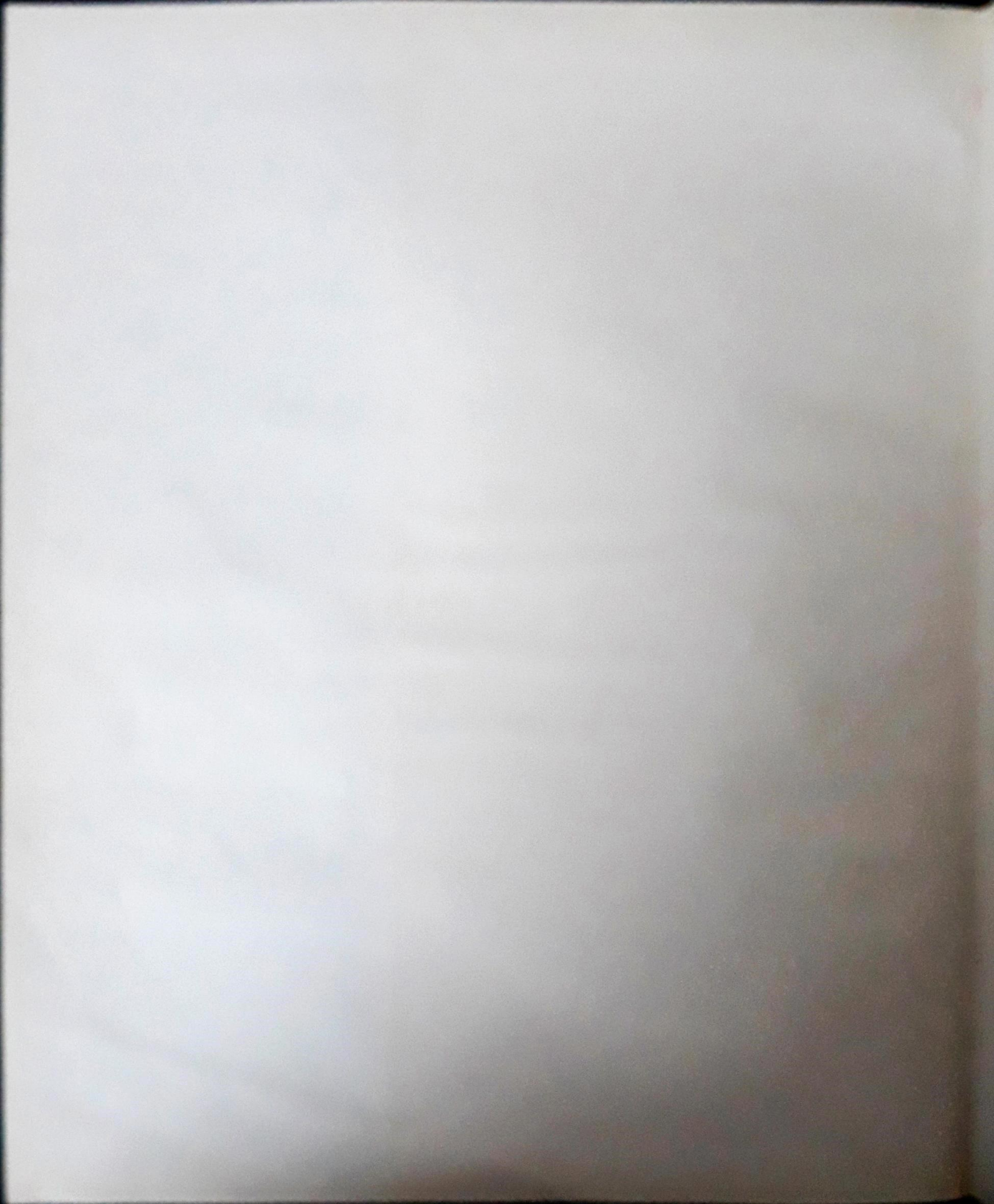


NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Dân số nội thị là 80.844 người (2-1905), trong đó có 2.665 người Pháp dân sự (1.350 nam, 545 nữ, 245 trẻ em nam, 225 trẻ em nữ, 300 phụ nữ và trẻ em là vợ con các sĩ quan), 2.289 người Trung Quốc (1.635 nam, 131 nữ, 523 trẻ em), 380 người lai hợp pháp (345 nam thanh niên, 35 nữ thanh niên), 37 người Hindu mang quốc tịch Pháp, 74 người Hindu mang quốc tịch Anh (trong đó có 5 nữ), 65 người Nhật (20 nam, 45 nữ)...

Cùng với 28.000 người An Nam ở ngoại đô gồm cả huyện Hoàn Long, Hà Nội có tổng cộng 110.000 người ở nội và ngoại đô.

Những điều cần biết khi thăm Hà Nội
Madrolle



MỘT SỐ TÀI LIỆU QUÝ VÀ

HÀ NỘI

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Một số tư liệu quý về Hà Nội / Nhiều tác giả ; ng.d. Lưu Đình Tuấn. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010.

523tr. ; 24cm.

1. Hà Nội (Việt Nam) — Lịch sử — Thế kỷ 20. 2. Hà Nội (Việt Nam) — Văn minh — Ảnh hưởng Phương Tây. 3. Hà Nội (Việt Nam) — Mô tả và du lịch. I. Lưu Đình Tuấn đ.

959.731 — dc 22
M917



MM 19264

MỘT SỐ TƯ LIỆU QUÝ VỀ

HÀ NỘI

NHIỀU TÁC GIẢ

Lưu Đình Tuân
(tuyển dịch và chú giải)

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP
VV 2549/2015

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Lời tựa

Để chào mừng Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội, các nhà xuất bản trên cả nước đều có những ấn phẩm về đề tài dài đất Kinh kỳ ngàn năm văn hiến. Có nhiều thể loại: nghiên cứu, sáng tác, quảng cáo... song tuyệt đại đa số các tác giả là người Việt Nam thời hiện đại.

Nay Nhà xuất bản Trẻ in quyển **Một số tư liệu quý về Hà Nội** thì thật sự có một ý nghĩa đặc biệt. Đây là tập hợp những tiểu luận hoặc những chương sách của gần hai chục tác giả người Pháp viết về nhiều mặt khác nhau, từ lịch sử, địa lý, đến phong tục, tín ngưỡng, nghề nghiệp, giáo dục, kiến trúc, giao thông... của một thời Hà Nội xa xưa. Các tác giả đó đều là những trí thức có tâm cơ đương thời. Tuyển ra 22 vấn đề trong khối tư liệu chữ Pháp mênh mông rồi dịch ra tiếng Việt, đó là công phu tìm đọc, gạn lọc, chuyển ngữ, chú giải... đáng biểu dương của ông Lưu Đình Tuân, một dịch giả có uy tín trong giới nghiên cứu hiện nay. Những năm gần đây dịch giả Lưu Đình Tuân đã in hai bản dịch được bạn đọc hoan nghênh: Hà Nội giai đoạn 1873-1888 và Tỉnh thành xưa ở Việt Nam. Lần này dịch giả Lưu Đình Tuân đã chọn ra các tiểu luận của những nhà nghiên cứu có tiếng của Pháp: George Azambre, André Masson, Madrolle, Paul Boudet, Hocquard, Claude Bourrin... và một học giả Việt Nam là ông Nguyễn Văn Huyền. Các bài dịch đã phản ánh chính xác nội dung lại thêm lời văn lưu loát nên giúp bạn đọc nhận ra diện mạo đa dạng của Hà Nội từ 1954 trở về trước.

Đành rằng, tất cả đều được viết ra trước đây khá lâu, đối tượng miêu tả, trần thuật là những gì ở Hà Nội cách đây sáu bảy chục năm, thậm chí là hàng trăm năm, như bài về cây cầu Doumer, đều là những tư liệu xác thực, chắc chắn sẽ giúp bạn đọc hiểu thêm về một thời đã qua của đất Kẻ Chợ - Kinh kỳ. Ngày ấy, sông hồ Hà Nội như thế nào, nhà cửa xây dựng ra sao, thành cổ, khu phố cổ, khu phố "Tây", làng nghề thủ công, các Hội chợ, thậm chí các tai họa: bão, lụt, hỏa hoạn, dịch bệnh... bấy nhiêu sự vật, sự kiện, hình hài, dáng vóc đô thị được dịch giả khéo lấy ra từ kho tư liệu sách cũ để chuyển tới bạn đọc những bản dịch trung thành và đạt nhả. Riêng về những tiểu luận nghiên cứu lịch sử được viết ra từ nửa đầu thế kỷ XX của các tác giả là người nước ngoài nên có những hạn chế, song thoát qua được những hạn chế đó, người đọc ngày nay sẽ hiểu rõ thêm về quá khứ.

Chỉ với nội dung trên, bộ sách này cũng đã rất đáng được tìm đọc, huống chi lại còn có thêm một giá trị khác là dịch giả đã bổ sung, khoảng nửa độ dày cuốn sách, những ảnh tư liệu có tuổi trên dưới một thế kỷ. Đây là những tấm ảnh quý không chỉ làm cho sách đẹp thêm lên mà cơ bản là giá trị minh họa trực quan giúp nhiều cho sự cảm thụ của bạn đọc.

Như vậy đó, được viết lời tựa cho tập sách thật là một vinh dự đối với tôi. Xin cảm ơn Nhà xuất bản, dịch giả và xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc xa gần!

Hà Nội, ngày Hạ chí năm 2010

NGUYỄN VINH PHÚC

Lời người tuyển dịch

Hà Nội là thủ đô của nước Việt Nam từ hàng ngàn năm qua; thậm chí trong gần 80 năm bị thực dân Pháp đô hộ, người Pháp vẫn chọn nơi đây làm thủ phủ của nước ta và cả Đông Dương.

Diện mạo mọi mặt của Hà Nội trước năm 1954 trong kho tư liệu bằng tiếng Pháp rất phong phú. Chúng tôi chọn dịch các bài tổng quan về cấu hình đô thị và dân cư Hà Nội, các địa điểm mang tính tâm linh, những sự kiện liên quan tới quá trình văn minh phương Tây du nhập vào Hà Nội như hàng không, kịch, cầu Paul Doumer, quảng cáo, triển lãm...

Có những vấn đề được nhiều tác giả đề cập, mỗi người một vẻ, sẽ được chúng tôi tổng hợp thành một bài.

Minh họa cho các nội dung trên là một số bản đồ và hình ảnh.

Tác giả và xuất xứ của mỗi bài chọn sẽ được giới thiệu chi tiết dưới hình thức một tiểu dẫn.

Chú ở chân trang sách nếu của người dịch sẽ phụ thêm kí hiệu (ND); nếu không sẽ là của tác giả.

Để tái hiện cái hồn xưa, đôi khi câu chữ cũ kĩ sẽ được sử dụng.

Các phụ lục của mỗi bài do người dịch biên soạn.

Nhân lần đầu tiên soạn dịch một cuốn sách về Hà Nội, người soạn xin lạm chen vào đây một chút tư tình với Hà Nội: com thật bò Đại Nghi Xuân đầu Mạ Mây những năm 1950, 1951 ngon tuyệt; nhà số 314 Duy Tân¹ "là nơi tôi hằng mến yêu"² mà rạp Đại Nam gần đó tôi đêm đêm chờ linh vào xem chạp; đệ ngũ Chu Văn An với Quý Dương đứng giữa sân trường hát "Ngựa phi đường xa"; rồi đại giảng đường trên đường Lê Thánh Tôn uy nghiêm nhưng dễ buồn ngủ...

Đẹp thật!

Để hoàn thành cuốn sách chúng tôi xin cảm ơn ông Nguyễn Đức Nhân vì những tư vấn rất có giá trị, ông Nguyễn Thế Truật vì những khuyến khích đáng quý, anh Đình Gia Trung vì sự biên tập chỉ lí và tận tụy, ông Nguyễn Văn Trường vì sự giúp đỡ tra cứu.

LUU ĐÌNH TUÂN

¹ Ngôi nhà người dịch cùng với bố mẹ và các em đã ở một thời gian.

² Trích lời bản nhạc "Hà Nội 49" của Trần Văn Nhơn.

NGUỒN GỐC HÀ NỘI

Georges Azambre

Tiểu dẫn:

- Bài dưới đây dịch từ một tiểu luận nhan đề **Les Origines de Hanoi** của **G. Azambre**, đăng trên **Bulletin de la Société d'Etude indochinoise**. Tác giả là giáo sư trường Trung học Albert Sarraute, thư kí Hội Địa lí Hà Nội (Société de Géographie de Hanoi). Ông cũng là giáo sư của các trường trung học Pháp ở Hà Nội và Sài Gòn, thành viên của các hội địa lí tên tuổi. Ông đã viết nhiều bài báo về Hà Nội và một luận văn về vấn đề khai thác nông nghiệp ở cao nguyên miền Nam Việt Nam.
- Sau bài là phần chú giải riêng của tác giả.
- Trong bài, các chữ “hiện nay” là của tác giả, tương đương với năm 1954, năm tác giả hoàn thành bài viết.

Năm 1011, Lí Thái Tổ (1009-1028), người sáng lập ra triều đại mới, chuyển trị sở chính quyền của mình từ Hoa Lư, trong tỉnh Ninh Bình hiện nay, về thành Đại La⁽¹⁾, bên bờ sông Hồng.

Trong tám thế kỉ liên, trừ một giai đoạn ngắn ở đầu thế kỉ thứ 15, lựa chọn của Lí Thái Tổ luôn luôn được các triều đại sau đó duy trì.

Thế nhưng trước đó, cứ mỗi chính quyền lên lại thực hiện một cuộc dời đô⁽²⁾: Luy Lâu⁽³⁾, Long Biên⁽⁴⁾, Tống

Bình, La Thành, Đại La⁽⁵⁾, Loa Thành⁽⁶⁾, Hoa Lư⁽⁷⁾ đã lần lượt là trị sở của chính quyền dù đất nước nằm dưới quyền cai trị của Trung Quốc hay độc lập. Việc dời đô đôi khi chỉ đơn giản là quay về chỗ phụ cận của chính vùng vừa mới bỏ đi; đôi khi chỉ đơn giản là sự chuyển dịch trong cùng một địa hình.

Vậy thì những nguyên nhân nào khiến Lí Thái Tổ bỏ Hoa Lư và quay lại chỗ mà những người trước ông đã bỏ? Và Hà Nội sẽ phát triển như thế nào?

Ta cần phải chú ý tới mọi khía cạnh, kể cả những khía cạnh không quan trọng. Chỉ trong 41 năm, hai triều đại có số phận bi thảm đã nối tiếp nhau tại Hoa Lư, hình như làm cho đất ở đó xấu, trong khi Đại La được hưởng nhiều ảnh hưởng siêu nhiên mà lúc đó các yếu tố phong thủy lại có vai trò quyết định trong việc chọn địa điểm⁽⁸⁾. Cũng có thể nhà vua muốn gần quê ở làng Cổ Pháp (giống như ý muốn người đã thiết lập kinh đô ở Hoa Lư) mặc dù ông phải tự kiểm chế không chọn Cổ Pháp⁽⁹⁾. Và có cần phải nghĩ rằng nền giáo dục tinh tế ăn sâu vào con người trẻ tuổi, do một nhà sư Phật giáo theo văn hóa Trung Quốc dạy dỗ, cũng không kém phần ảnh hưởng trong việc quay trở lại nơi là trị sở cũ của Cao Biền? Ngay từ khi được truyền bá thông qua Phật giáo, văn hóa và truyền thống Trung Quốc, thông qua Phật giáo, đã in dấu mạnh mẽ lên “tầng lớp trên”

(Phạm Quỳnh, *Essais franco - annamites*, Huế, 1937, trang 140 – 143), tôn giáo mới đã thấm dầm mạnh mẽ ở đây. Cuối cùng, chính vị trí của Đại La đã khiến Thái Tổ có quyết định khác hẳn quyết định mang tính tình thế: nằm bên bờ sông Cái; từ đây Đại La sẽ có những quan hệ quan trọng hoặc với miền thượng du, hoặc với bên ngoài (chủ yếu với Trung Quốc) và là trung tâm của của đất nước (gồm những đồng bằng lớn ở phía Bắc). Tập hợp các lí do đủ loại như địa lí, phong thủy, nhân sự, hành chính, kinh tế... tất cả đều có mặt vào lúc Thái Tổ quyết định và tầm ảnh hưởng có thể còn kéo dài - tất nhiên có yếu tố mà giá trị tương đối sẽ bị thay đổi theo lịch sử thành phố.

HÀ NỘI TRƯỚC THỜI NHÀ LÍ (TRƯỚC THẾ KỈ 11)

Vậy thì những hào lũy, bị Ngô Quyền bỏ đi vào năm 939, rồi được Lí Thái Tổ kết nối lại vào năm 1010, lúc đó như thế nào? Và “thành phố” quan trọng như thế còn lại bên sông Cái như thế nào?

Lúc đó, những thành lũy chưa cổ lắm, được Cao Biền xây dựng vào năm 866⁽¹⁰⁾, dưới thời thuộc Trung Quốc; cổ hơn nữa là những thành lũy do Trương Bá Nghi xây dựng, có trước năm 767⁽¹¹⁾. Chúng chạy từ phía Nam lên Hồ Tây, giữa sông Tô Lịch và sông Hồng. Ngày nay ta vẫn còn thấy những vết tích lộn xộn của chúng. Tất cả các thành lũy đó do người Trung Quốc dựng lên và họ đã duy trì trị sở hành chính ở đó bằng cách luôn luôn di chuyển trung tâm về phía Đông.

“Năm 1011, Thái Tổ chuyển kinh đô của triều Lý mới thành lập ra Hà Nội, ông đổi tên cũ Đại La thành Thăng Long. Nhưng ta không rõ ông khôi phục lại thành cũ của người Trung Quốc, đã bị bỏ 60 năm, hay di chuyển đi chỗ khác một lần nữa”⁽¹²⁾. *Biên niên*, cuốn sử chính thức lộn lộn thực hư, có nói qua về việc xây dựng một thành mới ở phía Đông các thành cũ, ở chỗ sau này Gia Long xây một ngôi thành theo kiểu phương Tây⁽¹³⁾ vào đầu thế kỷ 19. Việc xê dịch của thành Thăng Long về phía Đông so với thành Đại La được G. Dumoutier khẳng định bằng những phát hiện khảo cổ học⁽¹⁴⁾.

HÀ NỘI DƯỚI TRIỀU LÍ VÀ TRẦN (TỪ THẾ KỈ 11 TỚI THẾ KỈ 15)

Kinh đô nhà Lí hình thù cụ thể như thế nào? Nếu được tu chỉnh thường xuyên thì nó sẽ luôn giữ được nguyên cấu trúc? Nó không phải là một thành phố mà cũng chẳng hơn gì một ngôi thành⁽¹⁵⁾ theo nghĩa của phương Tây về các từ này. Chu vi *Thành* dài 4.700m, vây kín một vùng đất gồm ruộng, vườn cây, đầm lầy, trong đó người ta đắp năm ụ đất để cải thiện các điều kiện phong thủy⁽¹⁶⁾.

Rải rác đây đó trong Thành, người ta xây dựng cung điện nhà vua, chỗ ở của các quan và gia đình, chùa, cửa hàng thực phẩm, trại lính. Còn có một số xưởng thủ công phục vụ cho nhà vua⁽¹⁷⁾. “Chỗ” đó không có vẻ gì là thị tứ, cũng không phải là điểm dân cư. Ta chỉ có thể nói nó dành cho nhà vua và các quan to của chính quyền trung ương. Nó mang một tên riêng cho thấy tính cách riêng biệt: Long Thành. Như vậy, chỗ bên trong không chỉ giới hạn một vùng đất mà còn giới hạn một tầng lớp xã hội khép kín: triều đình và các quan cao cấp. Thuật ngữ “hoàng thành”(ville impérial) mà ngày nay chúng ta gán cho nó là cách diễn đạt không sát nghĩa ở chỗ nếu mọi thứ xoay quanh nhà vua thì chẳng có một cấu trúc nào như thế nói lên đó là một thành phố. Thành là hạt nhân của kinh đô; nó sẽ quyết định các chức năng khác. Thành che chở chính quyền và các cơ quan của chính quyền. Thành chỉ bảo vệ các thành phần đó. Sự ra vào Thành được qui định chặt chẽ⁽¹⁸⁾.

Henri Maspero nhận xét rất đúng về Thành: “Những mô tả về cấu trúc bên trong Thành vào chính năm 1011 cho thấy khá rõ ràng là dân chúng không ở trong đó”. Điều đó được chứng tỏ một sự kiện lí thú cần thấy: “Năm *Thuận Thiên* thứ ba(1012), nhà vua cho xây dựng cung Long Đức, ở phía ngoài Thành để Đông cung thái tử ở vì ông muốn Đông cung biết đời sống dân chúng”⁽¹⁹⁾. Điều này nói lên cái gì nếu không phải là:

- 1) đã tồn tại điểm dân cư ở các cửa Thành;
- 2) điểm dân cư này gồm những người của một tầng lớp xã hội hoàn toàn khác, thậm chí xa lạ, đối với những người ở bên trong Thành⁽²⁰⁾.

Điểm dân cư này có từ thời Đại La và vẫn tiếp tục tồn tại với tư cách là trị sở tỉnh dưới triều Đinh và Tiền Lê mặc dù bị nhà Đinh bỏ không làm kinh đô nữa. Sự quan trọng của điểm dân cư đã làm Thái Tổ chú ý khi ông đi hành hương ở Cổ Pháp. Việc chính quyền quay lại Thăng Long đã làm gia tăng sự cất cánh của điểm dân cư. Nó gồm các nhà buôn, các thợ thủ công qui tụ ở phía Bắc Hồ Hoàn Kiếm, giữa Thành và sông, lúc đầu chưa có đê. Các ngôi nhà lá tạo thành các khu riêng biệt, giữa các đầm lầy nối nhau từ Hồ Tây tới Hồ Hoàn Kiếm tuy tù hãm nhưng, giống như ở nhà quê, cần thiết cho lối sống của cư dân. Trung tâm dân cư, vốn phát triển một cách tự phát, gần nhưng bên ngoài khu các quan, thuần buôn bán, nhận được từ rất sớm một cái tên mang nghĩa hơi xấu: *Kẻ Chợ* (dịch sát nghĩa là: những người ở Chợ). Tên gọi này phổ biến nhất, chung nhất; chính tên gọi này được ghi trên các bản đồ của châu Âu⁽²¹⁾, trong khi tên Thăng Long, dùng để chỉ riêng Thành, lại là tên duy nhất được ghi bằng chữ Nho trên các kí họa của các nhà địa lí Việt Nam⁽²²⁾.

Như vậy, từ thế kỷ thứ 11, trên lãnh thổ mà sau này Hà Nội phát triển, ta thấy có hai nhóm xa lạ nhau nhưng ở cạnh nhau, có cấu trúc xã hội và địa hình khác nhau. Nói cho đúng, chẳng nhóm nào làm thành một thành phố; mỗi nhóm sẽ tiến hóa bằng cách luôn luôn bảo tồn các đặc điểm cơ bản của mình cho tới những năm cuối của thế kỉ thứ 19, trước khi có những biến đổi sâu sắc.

Trong khoảng thời gian từ thế kỉ 11 tới thế kỉ 15, việc theo dõi sự tiến hóa của hai nhóm càng khó khăn hơn: một mặt vì những vết tích vật chất của thời kì đó không còn nữa hoặc do những biến động (chẳng hạn, năm 1592, Trịnh Tùng cho san bằng các lũy thành của Thăng Long), hoặc do vật liệu, khí hậu, thiếu bảo trì; một mặt vì chủ đề, ngoài việc xây dựng các “cung điện” và “chùa” và đôi khi về đê, không làm các nhà biên niên quan tâm nữa⁽²³⁾.

Trong hai nhóm, lúc nào người ta cũng coi Thăng Long là quan trọng nhất. Nơi phải nói tới, nơi chỉ huy những nơi khác, nơi cầm đầu, đó là kinh đô; và kinh đô, đó là “Thành”.

Chúng tôi đã nói rằng vị trí của Thăng Long được xác định theo các qui tắc miễn bàn của thuật phong thủy⁽²⁴⁾. Giá trị của các qui tắc phong thủy, tức cũng mang ít giá trị địa lí, không thua kém nhân tố con người; tác dụng của nó được giải thích rõ trên bản đồ địa hình thành phố Hà Nội và vẫn còn phản ánh trên bản đồ thành phố hiện đại. Như vậy, lịch sử nguồn gốc Hà Nội đã bị bó sắn bởi việc thiết lập vĩnh viễn kinh-thành¹ tại Thăng Long, và Kẻ Chợ lúc đó chỉ là một hiện tượng phụ⁽²⁵⁾.

Lịch sử đáng ra không nên viết từ đây, tức là từ “Thành”. Chúng ta chỉ cần nhớ rằng Thành đã bị chiếm và đốt phá nhiều lần⁽²⁶⁾ và nhiều lần bị đổi tên⁽²⁷⁾. Nó bị mất vị thế kinh đô dưới thời các tiếm vương họ Hồ; từ năm 1397 tới năm 1407, các vua nhà Hồ đã đóng đô ở Tây Đô trong tỉnh Thanh Hóa quê hương của họ (chính xác hơn là tại xóm An Tôn, làng Tây Giai, phủ Quang Hòa). Năm 1428, người sáng lập ra triều đại mới là triều Lê tái lập vai trò cũ của Thăng Long.

Về các công trình xây dựng trong Thành, chúng dần dần nhiều lên. Cung vua nằm trong một lớp tường vây riêng, tạo ra ngay trong Thành một Cấm thành. Cấm thành có các phòng tiếp kiến, các phòng biệt lập, các ngôi nhà dùng cho các mục đích riêng.

Giữa Thăng Long và sông Hồng là “[chỗ] những kẻ [ở] Chợ”² tụ hội nhau thành từng “phường” riêng biệt và liền nhau. Các phường dày đặc ở phía Bắc Hồ Hoàn Kiếm (lúc đó hồ còn kéo dài về phía Bắc hơn ngày nay), phân bố đây đó dọc theo một trục sau này trở thành phố Jean Dupuis³ và dọc theo sông Tô Lịch, lúc đó còn chảy lộ thiên⁴ và đổ ra sông Hồng gần thành phố hơn rất nhiều so với bây giờ.

Ở phía Bắc phố *des Graines*⁵ hiện nay và ở phía Nam hồ Hoàn Kiếm là đồng ruộng trải dài.

¹ Tam dịch từ nguyên văn *citadelle-capitale*.

² Nguyên văn *les "gens du Marché"*.

³ Nay là phố Hàng Chiếu.

⁴ Ý nói một số đoạn của sông sau này biến thành cống ngầm, như đoạn từ đầu Thụy Khê, chảy theo đường Phan Đình Phùng, qua gầm cầu (đường sắt), Hàng Buồm, ra sông.

⁵ Hàng Gạo ngày nay.

Các “phường” giống như bao làng nhà lá khác; tự quản lý một cách độc lập. Giống như các làng, mỗi phường thuộc vào một *huyện*, nhưng không có một tổ chức cộng đồng nào liên kết các phường với nhau. Không có đường kiểu đường đô thị; các đầm ngăn cách các phường vẫn được giữ nguyên. Thợ thủ công và các nhà buôn tập hợp nhau theo nghề mà không theo một qui hoạch tổng thể nào. Không có cửa hàng mà chỉ có những quán hàng và các xưởng. Những chợ họp thường xuyên được thành lập từ rất sớm, như chợ Cầu Đông (bị thiêu rụi bởi trận hỏa hoạn năm 1226) rất lớn, quanh đền Bạch Mã; cuối thế kỉ 19, có 5 chợ trong khu vực này. Nhưng trước hết, những ngày mồng một và rằm là những ngày phiên của Kẻ Chợ. Những ngày đó, dân các làng xung quanh tới bày bán các sản vật ở tất cả các phố trung tâm. Các chợ, thường xuyên cũng như theo phiên, do chính quyền kiểm soát⁽²⁸⁾.

Triều Lý là triều đại đầu tiên tổ chức vững chắc đất nước về mặt hành chính và quân sự. Để đào tạo các nhà cai trị, chỉ tuyển chọn từ con em các gia đình lớn, triều đình đã xây dựng Văn Miếu⁽²⁹⁾ ở phía Nam Thành. Văn Miếu thờ Khổng phu tử, tại đây có một trường dạy các nhà nho. Đền Quan Thánh⁽³⁰⁾ dựng ở phía Bắc Thành từ năm 1010; chùa Một Cột⁽³¹⁾, 1049. Đền Bạch Mã⁽³²⁾, khi xây dựng Long Thành bị chuyển về phía Đông, tới làng Hạ Châu (ngày xưa là làng Giang Khẩu, nay là phố Hàng Buồm), nằm ở trung tâm Kẻ Chợ. Năm 1056, dưới triều ông vua sùng đạo Lý Thánh Tôn, người ta xây chùa Sùng Khánh ở *phường* Báo Thiên⁶. Đền Lý Quốc Sư thờ Nguyễn Minh Không, sư riêng của hoàng gia và là người làng An Tập⁷, được lập dưới triều vua Lý Anh Tôn⁽³³⁾. Cũng dưới triều Lý Anh Tôn, đền Hai Bà⁽³⁴⁾ được chuyển về Hương Viên (*huyện* Thọ Xương), nằm giữa cánh đồng⁸. Đền thờ hai chị em bà Trưng, ban đầu nằm trên đất làng Đồng Nhân, nhưng bị lũ và sự xói mòn của sông đe dọa nên phải chuyển về Hương Viên.

Thêm vào tai họa xâm lăng⁽³⁵⁾, thường xuyên hơn đối với Kẻ Chợ, là hỏa hoạn, lại càng tai hại hơn vì các nhà lá dễ cháy và lan nhanh: ba trận hỏa hoạn đã thiêu hủy

thành phố vào năm 1226, dưới triều Trần. Các biện pháp ngăn ngừa hỏa hoạn được tăng cường nhiều lần⁽³⁶⁾.

Từ năm 1014, vùng đất Thăng Long, Kẻ Chợ và các làng gần đó được bao quanh⁽³⁷⁾ bởi một con đê rộng bằng đất do triều Lý và triều Trần tiến hành đắp trong nhiều lần. Vào giữa thế kỉ 14, vòng đê dài 30 lý (khoảng 21km), và được gọi là đê La Thành. Từ đê, người ta trở nhiều cửa. Ở cửa phía Nam, năm 1048, người ta xây dựng đền Xã Tắc, để thờ Thần Đất và Thần Nông. Về phía bờ sông, đoạn đê bao to lớn mãi tới giữa thế kỉ thứ 18 mới được hoàn thành⁽³⁸⁾.

Con đê đất này đáp ứng mục đích gì? Phòng ngự về mặt quân sự chăng? Về mặt này, chúng chưa hề. Hay chống ngập lụt?⁽³⁹⁾ Không có một câu khẳng định nào trong các văn bản. Hay là một con đường làm cao lên để tránh nước? Nhưng các con đường không tồn tại mà xe cũng không đi⁽⁴⁰⁾. Thực tế, nó khoanh lại một vùng đất, ban đầu được xây dựng để cách li sở chính quyền mà thời nào cũng cần phải bảo vệ chẳng riêng gì khỏi chiến tranh, để nhăm, trong trường hợp phát triển thêm, xác định đất của các cơ quan sẽ hợp thành “khu phố” của thành phố Hà Nội⁽⁴¹⁾.

HÀ NỘI DƯỚI TRIỀU HẬU LÊ (TỪ THẾ KỈ 15 TỚI THẾ KỈ 18)

Thế kỉ vĩ đại đối với lịch sử Việt Nam là thế kỉ 15, khi các vị vua đầu tiên của nhà Hậu Lê trị vì. Kinh đô, về mặt cấu trúc và chức năng, vẫn như cũ. Về mặt hành chính, nó sẽ được ban quy chế mang tính vĩnh viễn.

Vào thế kỉ tiếp theo, quyền lực của họ Trịnh được thiết lập ở triều đình Đàng Ngoài và được duy trì tới năm 1786, chẳng có gì làm thay đổi những nét đặc trưng của thành phố.

Vào thế kỉ 17, ở Đàng Ngoài bắt đầu có những người châu Âu đầu tiên. Do sự có mặt và những hoạt động của họ, các tài liệu về Hà Nội phong phú thêm một cách đáng kể, cho phép tái hiện lại những nét và cuộc sống của Hà Nội lúc đó⁽⁴²⁾. Trong số những ý đồ lúc đó của người phương Tây là thiết lập các quan hệ thương mại

⁶ Gắn Nhà Thờ Lớn hiện nay

⁷ Thời Pháp thuộc là phố Lamblot, nay là phố Lý Quốc Sư

⁸ Thời Pháp thuộc là phố số 27, nay là phố Đồng Nhân

và xâm nhập văn hóa ở mức độ tôn giáo thì ý đồ thứ nhất bị chết yếu, ý đồ thứ hai bị ngăn trở nhưng được tiếp tục.

Vào thế kỷ 18, do sự đối nghịch giữa chúa Nguyễn và chúa Trịnh (1620 – 1674), Huế thực tế từ năm 1635 trở thành một kinh đô phía Nam, do đó, chia sẻ đặc quyền chính trị nguyên lai của kinh đô phía Bắc⁽⁴³⁾. Đất nước đã bị chia cắt khi vươn dài ra.

Trong tiến trình lịch sử “hiện đại” của Hà Nội, cấu trúc của thành phố không thay đổi so với thành phố dưới triều Lê từ thế kỷ 15 tới thế kỷ 18. Bằng quy chế hành chính gắn vĩnh viễn cho mình, thành phố không thay đổi gì về mặt tổ chức; các chức năng của nó vẫn như thế.

QUI CHẾ HÀNH CHÍNH

Mặc dù Thành, tức Long Thành, và thành phố thương mại, tức Kẻ Chợ, đều là hạt nhân cấu thành điểm dân cư nhưng vẫn luôn luôn có sự phân biệt không sao bỏ được. Theo suy nghĩ thời đó, chỉ có Thành là tồn tại; vì thế, trong một bản chép tay⁽⁴⁴⁾ vào cuối thế kỷ thứ 15, bản đồ kinh đô bị lược đi chỉ còn Thăng Long, các hồ, đền miếu, các cung thự xung quanh; và không một phường nào của thành phố thương mại có tên trên bản đồ, thậm chí đến cả chỉ rõ cũng không. Về mặt hành chính, kinh đô và vùng đất xung quanh có dân ở trong các làng tạo thành một khu độc lập gọi là *phủ* mà tên gọi lần lượt là: 1466, *Trung Đô phủ* (các thuật ngữ địa lí hành chính *phủ* và *châu* thay cho *lộ* và *trấn* được dùng trước đó); 1469, *Phụng Thiên phủ*; 1490, lại đổi về *Trung Đô phủ*; tiếp theo, đổi lại thành *Phụng Thiên phủ*⁽⁴⁵⁾. Năm 1428, phủ này gồm có hai *huyện*: Quảng Đức (cuối cùng đổi thành Vĩnh Thuận) và Vĩnh Xương (sau đổi thành Thọ Xương). Mỗi *huyện* có 18 *phường*, mỗi *phường* lại hợp thành từ hai *thôn*⁽⁴⁶⁾. Như vậy, chúng ta thấy rằng, từ thế kỷ 15, Kẻ Chợ đã có một vai trò quan trọng nhưng nền hành chính của nó vẫn sao chép nền hành chính của các tỉnh nông thôn. Về mặt hành chính, các *phường* trực tiếp thuộc *huyện*, không có một quan hệ nào khác ngoài quan hệ ở cạnh nhau. Giống như *tổng* trong các tỉnh, chúng hoàn toàn độc lập đối với nhau; đối với toàn bộ các *phường*, không có

nghĩa vụ chung sinh ra do gần nhau; mỗi *phường* có bộ máy hành chính riêng mà trụ sở là *đình*, nơi thờ thành hoàng và diễn ra các cuộc họp của các thân hào. Giữa các phường giáp nhau có *cổng*. Các *cổng* được đóng lại vào ban đêm cho thấy sự khác biệt giữa các thực thể hành chính tới chừng nào.

Về mặt hành chính, Kẻ Chợ không chịu một qui định chung nào ngoài qui định liên quan tới sự cai trị các chợ, an ninh ban đêm, phòng cháy.

CẤU TRÚC

Cụ thể, chúng ta có thể biết cấu trúc và đặc điểm của Kẻ Chợ qua các ngôi bút rất sinh động của những người châu Âu. Cũng chính cũng từ các hoạt động của họ mà ta có thể hình dung ra Kẻ Chợ như thế nào.

Cha Baldinotti⁽⁴⁷⁾ viết vào năm 1626: kinh đô “không có tường mà cũng chẳng có pháo đài”. “Trừ hoàng cung được lợp ngói và xây cẩn thận thành những khối to, các nhà đều làm bằng sậy, to như cây, mà người ta gọi là tre; các nhà được lợp bằng rơm và không có cửa sổ. Trong thành phố, có những cái đầm lớn cho phép dập tắt rất nhanh lửa bắt vào các mái nhà; có những vụ cháy thiêu rụi năm, sáu nghìn ngôi nhà rồi sau đó cháy đi cháy lại trong bốn hay năm ngày liền⁽⁴⁸⁾. Thành phố có chu vi năm hay sáu dặm và dân số nhiều vô kể. Có một con sông lớn, thuyền bè đi lại được, chảy ra biển cách xa mười tám dặm. Nước sông rất đục nhưng mọi người vẫn uống vì trong thành phố không có đài nước⁹ mà cũng chẳng có giếng hay bể chứa nước. Thường thường, nước sông gây ngập lụt nửa thành phố mỗi năm hai lần, vào tháng sáu và tháng mười một, nhưng ít kéo dài”.

Những mô tả của A. de Rhodes, S. Baron, W. Dampier, - một người là nhà truyền giáo, một người là thương nhân, và một người là du khách - đều trùng với nhau.

Điều đập vào mắt A. de Rhodes⁽⁴⁹⁾, trước hết là số lượng loại “thuyền nhiều tay chèo kiểu Đàng Ngoài”¹⁰ mà ông ước đoán khoảng năm hay sáu trăm chiếc; mỗi

⁹ Nguyễn văn fontaine.

¹⁰ Nguyễn văn galères tunquinoises.

thuyền “có khoang riêng, có mái che, để tránh ảnh hưởng của thời tiết...”. Về số lượng thuyền nhiều tay chèo, Cha Marini Romain⁽⁵⁰⁾ lại nâng lên con số hai nghìn; sự chênh lệch quá lớn khiến ta nghĩ rằng sự lượng giá của các nhà truyền giáo chỉ thể hiện sự ngạc nhiên của họ trước một lượng tàu thuyền quá lớn đến thế. Ấy là chưa kể việc thủy đội của nhà vua không ở Kê Chợ; còn có những thuyền đậu ở “Phố Hiến”⁽⁵¹⁾.

Điều Cha A. de Rhodes nhấn mạnh là sự kiện có rất nhiều người ở một cách bình thường trong thành phố “Che-Ce”, nơi nhà vua thiết lập “triều đình”. “Vì thành phố dài hơn sáu nghìn bộ, và rộng cũng chừng ấy, phố xá quá rộng, và thừa cho mười, mười hai con ngựa sống hàng đi một cách thoải mái. Tuy nhiên, mỗi tháng hai lần vào mồng một và rằm, những ngày mọi người tổ chức như tổ chức hội hè, ta thấy rất đông người đi lại tràn ra khắp các phố, chỗ nào cũng chen lấn nhau tới mức ai cũng bị ép chặt và phải dừng lại, phải mất rất nhiều thời gian để đi một đoạn ngắn”⁽⁵²⁾.

Cha Marini Romain⁽⁵³⁾ cho ta những chi tiết rõ ràng rất “thuyết phục” về “Kê-Cio”. Ông viết: “Chúng tôi đi qua những người lính gác để vào chiêm ngưỡng thành phố¹², nếu có thể gọi đó là một thành phố, nhà của san sát nhau, người đông vô kể, không tường, không mương, rãnh, không tường vây bao quanh. Dù là gì đi nữa, các quốc gia nước ngoài¹³ gọi chỗ này một cách đơn giản là Triều đình¹⁴ vì nhà vua ở đây; nhưng người trong nước lại gọi là Kê Chợ, tức là chợ phiên hay chợ, vì tất cả những gì tốt trong vương quốc và tất cả những gì nhập từ nước ngoài đều mang tới đây; tới mức mỗi tháng có hai phiên chợ rất lớn vào mồng một và rằm [...]”. “Những người châu Âu, có mặt ở Triều đình¹⁵, hoặc nếu thích thì gọi là phiên chợ¹⁶, có lẽ không quan tâm ngắm nhìn các ngôi nhà vì chúng được xây dựng không khác nhà ở các vùng khác trong Vương quốc⁽⁵⁴⁾; và không thể xây dựng ở đây những ngôi nhà đẹp mà không tốn kém lớn vì chỗ

nào cũng có nước. Đến độ để phục vụ các tiện nghi sinh hoạt chỉ cần làm một cái ao nuôi cá, hoặc một cái ao nhỏ, miễn là không ảnh hưởng tới sức khỏe, dùng vào nhiều việc như giặt đủ thứ hăm bà làng, giữ cho sạch, tưới cây và câu. Dù không bằng nhà ở những nơi khác trong Vương quốc, các nhà ở đây nhiều nhất chỉ có một tầng nhưng có một số ụ, giống như lũy, để lên đó tránh nước vào mùa lũ. Các phố không có vỉa hè. Dân chúng ở đây dường như tất cả đều cời trần và luôn luôn đi chân đất như những vùng khác của vương quốc [...]”. “Triều đình, hay chợ, có 72 phường, mỗi phường to bằng một thành phố trung bình ở Ý; 72 phường này⁽⁵⁵⁾ toàn thợ thủ công và nhà buôn. Để tránh sự lẩn lộn có thể xảy ra và không mất thời gian khi cần tìm, tại cổng vào mỗi phường có một cái bảng⁽⁵⁶⁾ hay một cái biển hiệu cho biết loại và chất lượng hàng bán ở phường đó [...]. Từ khắp nơi trên Vương quốc và những vùng xung quanh và nước ngoài, người ta mang về đây mọi thứ tốt nhất, quý nhất, với số lượng lớn nhất so với bất cứ nơi nào của Vương quốc. Chính vì thế mà Nhà vua quyết định các hàng hóa nước ngoài phải quá cảnh. Nhà vua hiếm lắm mới cho phép, mà cũng rất khó khăn, các tàu Trung Quốc, Nhật, Cao Mên, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Philippin, Hà Lan và các nước phương Đông tới Vương quốc theo con sông này; đã thế lại không được bỏ neo ở chỗ khác ngoài cảng này”⁽⁵⁷⁾.

Cha J. Tissanier, mà các quan hệ⁽⁵⁸⁾ với Đoàn Truyền giáo Bắc Kỳ trong các năm 1658, 1659, 1660 cho phép ông xác minh các quan sát của những người tiền nhiệm mình, đã thêm vào một quan sát mà ta cần ghi nhận vì quan sát này cho thấy một đặc điểm của nhiều người Hà Nội lúc đó mà ngày nay vẫn còn thấy. Nhà truyền giáo cho biết (trong *Relation*, trang 294) người Đàng Ngoài thường rời Hà Nội về làng chết bên người thân và được chôn bên cạnh tổ tiên. Cư dân kinh đô thường là dân các làng bị kéo lên vì công việc; họ ở Kê Chợ chỉ vì những lí do cần thiết của nghề nghiệp, trong khi những ràng buộc gia đình lại ở quê hương bản quán. Vì thế, khi mỗi khi có chiến tranh, giặc giã xâm lấn, họ bỏ thành phố và chạy về làng (xem chú 35).

Ông Deydier, khi làm nhiệm vụ ở Đàng Ngoài năm 1666⁽⁵⁹⁾, mô tả thành phố như sau: “Thành phố dài phát

¹² Nguyễn văn Hán (xem chú 64 ở phần Chú giải).

¹³ Nguyễn văn la ville Royale.

¹⁴ Nguyễn văn les Nations Etrangères.

¹⁵ Nguyễn văn la Cour. Chú ý rằng, do quy chế (xem phần trên), Hà Nội lúc đó được người nước ngoài gọi lúc thì Kê Chợ, lúc thì Triều đình.

¹⁶ Xin hiểu là Hà Nội.

¹⁷ Nguyễn văn faire mà ta nên hiểu là Hà Nội.

kiep và không có tường vây. Trong thành phố, từng chỗ từng chỗ lại có những hồ lớn và khắp thành phố ta có thể gặp cơ man người mặc dù các phố rất rộng; tuy nhiên, ta phải mất rất nhiều công sức để qua các nơi: các nhà được làm bằng tre, trát đất sét và lợp rạ. Tuy vậy, có một số nhà gạch, trát vôi và lợp ngói¹⁷.

Trong một tác phẩm du kí của mình, Gemelli Careri⁽⁶⁰⁾ ghi lại cảnh nhà cửa của Kẻ Chợ: "Các nhà thấp và làm bằng tre là giống cây có rất nhiều ở thôn quê [...]". Ông còn viết: "Thành phố rất lớn và có nhiều người; có ba phố dài tới ba dặm và có nhiều chợ¹⁸ đẹp [...]". Vương quốc Đàng Ngoài là xứ giàu có nhất về lụa".

Samuel Baron⁽⁶¹⁾ viết trong báo cáo năm 1685: "Thành phố Co-cho là kinh đô của Đàng Ngoài. Nó nằm ở vĩ độ 21 Bắc, cách biển khoảng 40 dặm, và có thể sánh với nhiều thành phố châu Á; nó đặc biệt đông hơn phần lớn các thành phố khác vào những ngày rằm và mùng một; đó là những ngày phiên chợ, dân chúng ở các làng lân cận lũ lượt kéo tới cùng với hàng hóa nhiều không thể tưởng được. Nhiều phố rộng rãi thoáng đãng mà cũng tắc nghẽn đến nỗi đôi khi may lắm mới đi xuyên qua một đám đông khoảng một trăm bước trong nửa giờ. Trong thành phố, mỗi vật dụng được bán ở một phố riêng, và các phố này lại bị chia ra giữa một, hai hay nhiều làng mà dân làng được độc quyền có của hàng, hoàn toàn y như các công ti hay nghiệp đoàn trong các thành phố châu Âu.

Chỗ làm việc¹⁹ của nhà vua, các tướng, các thân vương... và tòa án tối cao nằm ở đây. Tôi chỉ có thể nói rằng những ngôi nhà đó chiếm những khoảng đất rất rộng; các tòa nhà chính, làm bằng gỗ, trông cũng bình thường. Các nhà còn lại làm bằng tre và phen mất cáo xộc xệch. Có ít nhà bằng gạch, trừ những thương điểm nước ngoài đua tranh rất thành công với những ngôi nhà còn lại; tàn tích của những ngôi nhà này cho thấy trước đây chúng là những công trình chắc chắn...".

Và đây là vài dòng nữa: "Con sông này được dân chúng gọi là *Sông Cái*²⁰, có nghĩa là sông chính [...]. Con

sông rất tiện dụng cho thành phố, nơi mọi loại hàng hóa đổ tới, nơi thu tóm mọi hoạt động của vương quốc nhờ vô số thuyền bè ra vào phục vụ giao thương khắp nước. Các thương nhân có nhà trong làng mình [...]".

W. Dampier, ở Đàng Ngoài năm 1688, viết⁽⁶²⁾: "Cachao, kinh đô của vương quốc, nằm ở đây, không tường, không lũy, không muơng rãnh. Thành phố cách biển khoảng 80 dặm, ở phía Tây một con sông, trong một đồng bằng nhỏ, cao tầm tầm. Cachao có thể có hai mươi nghìn ngôi nhà. Nói chung, các nhà thấp, tường làm bằng bùn, mái lợp rạ. Tuy vậy cũng có một số nhà bằng gạch, lợp ngói. Phần lớn các nhà có sân trước hoặc phần hậu. Ở mỗi sân, ta sẽ thấy một ngôi nhà vòm nhỏ, khá giống một chiếc lò nung, cao gần 6 bộ, miệng ở ngang mặt đất; nó được xây bằng gạch từ dưới lên trên, mặt ngoài được trát bùn hoặc thạch cao. Dù một ngôi nhà không có tí sân nào để xây cái giống như cái lò nói trên, nó vẫn có một cái nhỏ hơn và cao hơn ở giữa nhà. Khó mà tìm thấy ở thành phố này một ngôi nhà không có cái lò như vậy. Những cái lò như vậy được dùng để cất giữ những thứ đồ vật tốt nhất phòng khi xảy ra cháy. Vì các nhà lợp rạ rất dễ cháy, đặc biệt vào mùa khô, đốt cháy nhiều nhà cùng một lúc, thành ra, dù chiếc lò rất gần, dân chúng cũng chỉ còn đủ thời gian vơ quáng quàng những thứ bà đàn nhét vào lò vòm đó".

Ta hãy theo dõi một cách chi tiết những qui định yêu cầu mọi người phải tuân thủ phòng cháy lan ra và những trừng phạt nếu không tuân thủ. "Các phố chính của thành phố khá rộng, mặc dù vẫn còn một số phố khá hẹp. Phần lớn các phố được lát vỉa hè, nói cho đúng hơn là được nện chặt bằng đá nhỏ nhưng rất kém. Vào mùa ẩm ướt, các phố rất lầy lội, và người ta thấy thành phố cũng như các vùng xung quanh, khi trời khô ráo, có nhiều vũng nước hôi thối và một số rãnh nước đầy bùn đen, bốc lên mùi rất khó chịu, làm cho những ngày ở đây không thoải mái, thậm chí ta có thể nghĩ là có hại cho sức khỏe; tuy vậy cũng khá lành theo như tôi đoán hoặc theo như những người khác cho tôi biết".

Tiếp theo, W. Dampier kể về "hoàng cung", làm bằng gỗ, được vây quanh bằng gạch ở hai bên và được trổ ra ba cửa, cửa giữa to nhất, dành riêng cho hoàng đế.

¹⁷ Nguyễn văn thuiles (chữ cổ).

¹⁸ Nguyễn văn marche (chữ cổ).

¹⁹ Nguyễn văn les cours.

²⁰ Nguyễn văn Song-koy

khấp và không có tường vây. Trong thành phố, từng chỗ từng chỗ lại có những hồ lớn và khắp thành phố ta có thể gặp cơ man người mặc dù các phố rất rộng; tuy nhiên, ta phải mất rất nhiều công sức để qua các nơi: các nhà được làm bằng tre, trát đất sét và lợp rạ. Tuy vậy, có một số nhà gạch, trát vôi và lợp ngói¹⁷.

Trong một tác phẩm du kí của mình, Gemelli Careri⁽⁶⁰⁾ ghi lại cảnh nhà cửa của Kẻ Chợ: “Các nhà thấp và làm bằng tre là giống cây có rất nhiều ở thôn quê [...]”. Ông còn viết: “Thành phố rất lớn và có nhiều người; có ba phố dài tới ba dặm và có nhiều chợ¹⁸ đẹp [...]”. Vương quốc Đàng Ngoài là xứ giàu có nhất về lúa”.

Samuel Baron⁽⁶¹⁾ viết trong báo cáo năm 1685: “Thành phố Co-cho là kinh đô của Đàng Ngoài. Nó nằm ở vĩ độ 21 Bắc, cách biển khoảng 40 dặm, và có thể sánh với nhiều thành phố châu Á; nó đặc biệt đông hơn phần lớn các thành phố khác vào những ngày rằm và mồng một; đó là những ngày phiên chợ, dân chúng ở các làng lân cận lũ lượt kéo tới cùng với hàng hóa nhiều không thể tưởng được. Nhiều phố rộng rãi thoáng đãng mà cũng tắc nghẽn đến nỗi đôi khi may lắm mới đi xuyên qua một đám đông khoảng một trăm bước trong nửa giờ. Trong thành phố, mỗi vật dụng được bán ở một phố riêng, và các phố này lại bị chia ra giữa một, hai hay nhiều làng mà dân làng được độc quyền có của hàng, hoàn toàn y như các công ti hay nghiệp đoàn trong các thành phố châu Âu.

Chỗ làm việc¹⁹ của nhà vua, các tướng, các thân vương... và tòa án tối cao nằm ở đây. Tôi chỉ có thể nói rằng những ngôi nhà đó chiếm những khoảng đất rất rộng; các tòa nhà chính, làm bằng gỗ, trông cũng bình thường. Các nhà còn lại làm bằng tre và phen mất cáo xộc xệch. Có ít nhà bằng gạch, trừ những thương điểm nước ngoài đua tranh rất thành công với những ngôi nhà còn lại; tàn tích của những ngôi nhà này cho thấy trước đây chúng là những công trình chắc chắn...”.

Và đây là vài dòng nữa: “Con sông này được dân chúng gọi là *Sông Cái*²⁰, có nghĩa là sông chính [...]. Con

sông rất tiện dụng cho thành phố, nơi mọi loại hàng hóa đổ tới, nơi thu tóm mọi hoạt động của vương quốc nhờ vô số thuyền bè ra vào phục vụ giao thương khắp nước. Các thương nhân có nhà trong làng mình [...]”.

W. Dampier, ở Đàng Ngoài năm 1688, viết⁽⁶²⁾: “Cachao, kinh đô của vương quốc, nằm ở đây; không tường, không lũy, không mương rãnh. Thành phố cách biển khoảng 80 dặm, ở phía Tây một con sông, trong một đồng bằng nhỏ, cao tầm tầm. Cachao có thể có hai mươi nghìn ngôi nhà. Nói chung, các nhà thấp, tường làm bằng bùn, mái lợp rạ. Tuy vậy cũng có một số nhà bằng gạch, lợp ngói. Phần lớn các nhà có sân trước hoặc phần hậu. Ở mỗi sân, ta sẽ thấy một ngôi nhà vòm nhỏ, khá giống một chiếc lò nung, cao gần 6 bộ, miệng ở ngang mặt đất; nó được xây bằng gạch từ dưới lên trên, mặt ngoài được trát bùn hoặc thạch cao. Dù một ngôi nhà không có tí sân nào để xây cái giống như cái lò nói trên, nó vẫn có một cái nhỏ hơn và cao hơn ở giữa nhà. Khó mà tìm thấy ở thành phố này một ngôi nhà không có cái lò như vậy. Những cái lò như vậy được dùng để cất giữ những thứ đồ vật tốt nhất phòng khi xảy ra cháy. Vì các nhà lợp rạ rất dễ cháy, đặc biệt vào mùa khô, đốt cháy nhiều nhà cùng một lúc, thành ra, dù chiếc lò rất gần, dân chúng cũng chỉ còn đủ thời gian vơ quáng quàng những thứ bà đàn nhét vào lò vòm đó”.

Ta hãy theo dõi một cách chi tiết những qui định yêu cầu mọi người phải tuân thủ phòng cháy lan ra và những trừng phạt nếu không tuân thủ. “Các phố chính của thành phố khá rộng, mặc dù vẫn còn một số phố khá hẹp. Phần lớn các phố được lát vỉa hè, nói cho đúng hơn là được nện chặt bằng đá nhỏ nhưng rất kém. Vào mùa ẩm ướt, các phố rất lầy lội, và người ta thấy thành phố cũng như các vùng xung quanh, khi trời khô ráo, có nhiều vũng nước hôi thối và một số rãnh nước đầy bùn đen, bốc lên mùi rất khó chịu, làm cho những ngày ở đây không thoải mái, thậm chí ta có thể nghĩ là có hại cho sức khỏe; tuy vậy cũng khá lành theo như tôi đoán hoặc theo như những người khác cho tôi biết”.

Tiếp theo, W. Dampier kể về “hoàng cung”, làm bằng gỗ, được vây quanh bằng gạch ở hai bên và được trở ra ba cửa, cửa giữa to nhất, dành riêng cho hoàng đế.

¹⁷ Nguyên văn *thuiles* (chữ cổ).

¹⁸ Nguyên văn *marchez* (chữ cổ).

¹⁹ Nguyên văn *les cours*.

²⁰ Nguyên văn *Song-koy*.

Cuối cùng, ông kể về hai thương điểm, một của Anh và một của Hà Lan, nằm bên sông⁽⁶³⁾: “Ngôi nhà của thương điểm Anh, không có nhiều người, nằm một cách thú vị ở phía Bắc thành phố và nhìn ra sông. Giữa nhà có một căn phòng đẹp dùng làm phòng ăn; mỗi bên nhà lại có những căn phòng sạch sẽ dành cho hàng hóa, nhân viên và gia nhân, trong có nhiều tiện nghi. Thương điểm nằm song song với sông; hai đầu có những ngôi nhà nhỏ hơn dùng làm bếp, cửa hàng,... làm thành một dãy từ khu nhà ở ra tới sông, tạo thành hai cánh, ôm lấy một cái sân vuông quay ra sông. Trên sân, chỗ gần sông, trồng một cái sào để treo cờ Anh khi cần thiết, vì người Anh, khi ở trên bờ, có thói quen treo cờ vào ngày chủ nhật và những ngày quan trọng.

Thương điểm của người Hà Lan liền với thương điểm của chúng tôi, ở phía Nam thành phố, nhưng tôi không bao giờ tới đó; vì thế tôi không thể nói gì ngoài những điều người ta kể cho tôi như chỗ họ không rộng như chỗ chúng tôi mặc dù thương điểm của họ được thiết lập trước chúng tôi nhiều năm: người Anh chỉ mới chuyển từ Phố Hiến⁽⁶⁴⁾ tới đây”.

Cho tới thế kỷ 18, cảnh quan thành phố vẫn không có gì thay đổi. Linh mục Richard⁽⁶⁵⁾ dẫn lại những ghi chép của linh mục Saint Phallas:

“Xứ Đàng Ngoài, nói chung rất đông dân: có ít thành phố, nhưng rất nhiều thị trấn, làng, hay còn gọi là Aldée²¹ [...]”.

Thành phố duy nhất xứng đáng với từ ngữ thành phố là Kacho, hay Kécho, kinh đô của Vương quốc. Nhà vua ở đây: cung điện nằm trên bờ *Song koi* [...]. Ta có thể so sánh thành phố này với các thành phố Châu Á nổi tiếng nhất về mặt to lớn [...]. Các phố rộng và đẹp, vỉa hè lát gạch từng chỗ hoặc thành vạt.

Hai phần ba nhà cửa làm bằng gỗ, những nhà khác làm bằng gạch, trong đó có nhà của các thương điểm nước ngoài mà ta có thể nhận ra giữa vô số nhà làm bằng tre và đất sét, lợp tranh. Nhà của các quan và các công thự, ở những mảnh đất rộng, không có gì đặc biệt

ngoài một ngôi nhà lớn bằng gỗ, tạo thành phần chính của khu vực [...].

Nhà của dân chúng là những ngôi nhà có mái thường lợp rạ, cói²², hoặc những loại lá to; các mái như vậy có thể dùng tới 30 hay 40 năm nếu không có tai nạn gì xảy ra. Các nhà không có trần, cũng chẳng có tầng lầu, nhà nào cũng chỉ có một tầng trệt, vì người nào xây nhà nhiều tầng sẽ bị trọng tội [...].”

Không nhà nào trở cửa sổ, “cũng chẳng có cửa kính; thay vào đó là những tấm vải không kín hết và những mảnh tre hoặc mảnh Ratan²³, mỏng manh gần như trong suốt [...]. Thành phố không có tường vây, cũng chẳng có lũy phòng ngự vành ngoài. Nó chỉ có một lớp rào vây bằng tre sống.

Theo cái cách nhà làm và mở toang như vậy, người ta đã tính tới hỏa hoạn và đã đề phòng rất cẩn thận như cấm giữ lửa trong đêm, chỉ được nhóm lửa vào một số giờ nhất định trong ngày, tuần vệ phải đi tuần tra [...].

Thông thường, ở kinh đô này rất có trật tự; nó được chia thành các phường theo nghề nghiệp; mỗi phường có trưởng phường và nhiều cộng đồng, mỗi cộng đồng có tuần đinh và luật lệ riêng [...].

Việc buôn bán ở đây rất phát triển và diễn ra nhờ con sông chảy qua thành phố; tàu và thuyền nhiều vô kể cập vào, mang theo đủ loại hàng hóa và thực phẩm của dân các tỉnh, chủ yếu mang lên kinh đô [...].

[...] các con sông và các cảng hoạt động giao thương mạnh mẽ nhất của chúng ta, thậm chí như Venise với đủ loại thuyền gôn-đô-lô và tàu, cũng không thể cho ta hình dung ra sự hoạt động và dân chúng của sông Kécho [...].

Hoàng cung chiếm một phần thành phố: cung có tường vây và hoàn toàn bị che khuất bởi các nhà vây quanh.

Kho vũ khí và kho đạn dược nằm bên bờ sông.

²¹ Như nguyên văn; rất có thể là biến âm của từ Bồ Đào Nha *aldeia*, có nghĩa là làng.

²² Tạm dịch từ nguyên văn *jonc de mer*. Nghi là còi ở vùng cửa sông mà ngày nay các xã ven biển của Hải Phòng, Thái Bình thường dùng để lợp nhà. Chú ý rằng, vào thời kì đó, nhiều mô tả của các tác giả nước ngoài không rõ ràng do chưa ở lâu.

²³ Như nguyên văn; không tra cứu được là loại cây gì.

Ngày xưa, người nước ngoài và thậm chí cả người châu Âu được vào trong hoàng thành [...]; ngày nay, người nước ngoài tuyệt đối không được vào hoàng thành, lí do là số người Trung Quốc giàu có càng ngày càng đông [...], người ta sợ rằng họ sẽ đủ mạnh để gây nên một cuộc nổi dậy. Nhưng sự cẩn thận đó không ngăn cấm họ không được tự do đi khắp vương quốc buôn bán lớn, thậm chí họ còn được đón tiếp trong hoàng thành, nhưng không được đặt cơ sở trong đó. Những người nước ngoài khác bị cấm không được vào hoàng thành, thậm chí lại gần mà không có giấy phép khẩn cấp cũng bị cấm.

Sau kinh đô, Phố Hiến là thành phố đáng kể nhất của xứ Đàng Ngoài [...]. Dân chúng ở đây rất đông; đó là một trong những chợ chính của Vương quốc [...].

Ngày xưa, người Pháp cũng có một thương điểm ở Phố Hiến; do chỉ cách kinh đô hai ngày thuyền nên ở Hiến người ta làm những kho tạm rất lớn.

Như vậy, mô tả của những người nước ngoài đã ở Hà Nội rất khớp nhau về những đặc điểm của điểm dân cư: qui mô của nó, nhà thấp, hình dáng giống nhau và làm bằng những vật liệu dễ cháy, bị lũ lụt đe dọa, quy tụ thành những phường, giữa những đầm hồ, có những con đường huyết mạch chạy trên bờ, trong đó có một số đường lớn nhưng lúc nào cũng chật cứng người.

DÂN CƯ

Phần khảo sát cuối cùng này là phần chung, nó dựa vào cảm tưởng của các tác giả đối với đám đông trên đường phố, nhất là những ngày phiên chợ, mỗi tháng hai lần, khi các dân làng xung quanh đổ về gây thêm tắc nghẽn.

Ngày từ đầu thế kỷ thứ 11, thành phố đã “quan trọng nhất vương quốc”, hàng hóa từ khắp nơi đổ về đây để mua bán, đúng như lập luận của Lí Thái Tổ khi chuyển kinh đô của triều đại mới về đây.

Vào thế kỷ thứ 15, sự quy tụ dân chúng không giống bất cứ nơi nào đã tạo ra một tổ chức hành chính ở điểm dân cư nếu không gọi là độc đáo thì ít ra cũng gọi là đặc biệt.

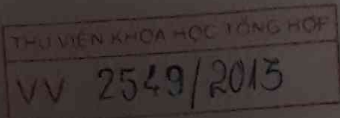
Trong thời kì hiện đại, số lượng dân cư được nhiều người nước ngoài có óc quan sát nêu lên. Cha Baldinotti nhắc sơ qua hai lần. Cha A. de Rhodes dành hẳn một chương trong bút kí của mình để nói về “số thần dân đông đảo ở thành phố Che-Ce, nơi nhà vua thiết lập triều đình”. Ông Deydier quan sát thấy tại đây “người ta gặp nhau ở khắp nơi, đến nỗi dù các phố rộng lớn cũng phải mất nhiều công sức để đi qua”. S. Baron và W. Dampier bỏ công ghi chép số lượng lớn dân cư. Đáng tiếc là không có một con số thống kê chính xác nào. Trong số dân chúng Kẻ Chợ có cả người nước ngoài mà, theo với thời gian, ít nhiều bị sai lệch: thoát đầu là người Trung Quốc, những người ở đây lâu nhất và đông nhất; người Nhật cũng vậy.

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

Những người nước ngoài từ phương Tây cố gắng thiết lập, lần đầu tiên vào thế kỷ 17, những quan hệ với xứ Đàng Ngoài: quan hệ buôn bán và quan hệ văn hóa, thành quả của các thương nhân và các nhà truyền giáo thường trú trong thành phố theo giấy phép nhỏ giọt của nhà cầm quyền, hoặc của những người đều đặn theo gió mùa tới tạm trú để mua bán.

Các quan hệ thương mại mới với Tây phương, bổ sung cho các hoạt động thương mại và thủ công nghiệp riêng của kinh tế nội địa, sẽ chỉ là nhất thời và sẽ không để lại một dấu vết vật chất nào: chúng đã không thiết lập được một hoạt động mới mẻ nào. Thiết chế xã hội và những biến động về chính trị đã ngăn cản những khẩn cầu của người nước ngoài mang tới những mầm mống mới cho nền kinh tế Hà Nội và từ đó có thể nhân lên.

Kẻ Chợ là chợ quan trọng nhất của vùng châu thổ⁽⁶⁶⁾. Các hoạt động thủ công nghiệp và thương mại của kinh đô phải làm hai nhiệm vụ: phục vụ thị trường nội địa và buôn bán với nước ngoài. Vào thế kỷ 17, một mặt, chúng ta thấy những người thợ thủ công rất nghèo làm việc trong thành phố; tính chất và khối lượng hoạt động thường xuyên của họ chỉ bó hẹp trong các yêu cầu của dân chúng địa phương; họ cũng làm theo những đơn đặt hàng ngẫu nhiên của các thương nhân nước ngoài; vì thế chúng ta thấy một số chợ họp thường xuyên,



chuyên cung cấp nhu yếu phẩm cho dân chúng và một số chợ khác, họp theo phiên mỗi tháng hai lần, thực sự là những hội chợ, tầm hoạt động rất lớn trong vùng châu thổ, lôi kéo cả thợ thủ công và nông dân các làng xa xôi tới tham gia. Mặt khác, chúng ta thấy các thợ thủ công làm việc trong thành cho các quan, hoặc làm các đồ nhật dụng cho các quan, hoặc làm để các quan trao đổi với thương nhân nước ngoài. Những thợ thủ công trong Thành như vậy thực sự là những nông nô.

Về thị trường nội địa, số liệu của một khách hàng nghèo nói lên tất cả⁽⁶⁷⁾. Tính chất của các thương vụ đáp ứng các nhu cầu lúc đó. Thấy dòng Richard ghi nhận⁽⁶⁸⁾: “Thị trường nội địa của Đàng Ngoài gây ra những chuyển động liên tục và cần thiết, từ đầu này tới đầu kia của vương quốc, để chuyển những thực phẩm thông thường từ khắp nơi về kinh thành [...]. Vì chỉ bán lẻ nên nền thương mại này chỉ có lợi cho những người làm hàng [...]. Những mặt hàng của nền nội thương này là [...] cau, khô hoặc tươi [...], các loại trái cây trong nước, nhất là gạo và rượu nấu từ gạo [...], bông xo và sợi bông; vải bông [...], lụa mộc [...](thợ dệt lụa chủ yếu ở các tỉnh Bắc Ninh và Sơn Tây), [...] quế [...], sơn”. Người ta rạch thân cây con lấy nhựa rồi hòa với một loại dầu lấy từ cây *tong chu*²⁴ để làm sơn mà, theo như S. Baron mô tả, “ngày nào cũng thấy người ta mang hàng thùng tới Ka-cho”⁽⁶⁹⁾. Chất lượng gỗ để phết sơn lên rất quan trọng; đó là lí do vì sao Dampier nói rằng người ta mang tới châu Âu những đồ gỗ làm sẵn cỡ nhỏ đã sơn. Đường mía, được sản xuất rất thô sơ, là mặt hàng “bán lẻ mạnh nhất” trong nước. Tre cây, dùng vào nhiều việc, mặc dù mọc một cách tự nhiên ở khắp nơi nhưng vẫn là mặt hàng mua bán đáng kể”. Từ tre, người ta có thể làm ra nhiều thứ: lõi tre ăn rất ngon; tre dùng làm nguyên liệu giấy; tre dùng để làm nhà và lợp nhà; tre làm sàn hoặc chẻ thành mè để lợp nhà. Tre làm đòn gánh, đòn khiêng. Tre dùng làm thuyền, rổ, hộp, phen, bè. Người ta đóng tre thành bè cho xuôi về Hoàng thành. Giấy là “một trong những mặt hàng mua bán chính trong xứ”. Người ta dùng giấy làm thẻ lễ trên mộ trong các buổi lễ, để trang trí nhà. Các nhà Nho tiêu

thụ giấy rất nhiều vì giấy chỉ được dùng một mặt. Nguyên liệu làm giấy chủ yếu từ tre.

S. Baron viết⁽⁷⁰⁾: “Các mặt hàng của nội thương là: gạo, cá muối hay các thứ thực phẩm muối khác, và tơ sống hay tơ gia công thành từng mớ nhỏ cho nhu cầu của dân chúng”.

W. Dampier cho biết⁽⁷¹⁾: “Hai mặt hàng mua bán chính là sơn và tơ rất nhiều [...]. Tuy vậy, ở các chợ quê, khó tìm được lợn, lợn sữa, vịt, gà mái, trứng, cá to, cá nhỏ, “*balachauss*”²⁵, “*nuke-mam*”²⁶ tươi hoặc mặn, các loại củ, quả. Nhưng ta có thể tìm được ở Cachao, nơi ngày nào cũng có chợ họp, ngoài những thứ chúng tôi vừa kể ở trên còn có thịt mèo và thịt chó (theo như người ta nói với tôi) và châu chấu [...]. Người ta cũng thường mang thịt ngựa tới chợ Cachao, ta cũng thấy thịt bò nhiều như vậy”.

Chỉ có tiền bằng đồng được dùng trong mua bán nội địa⁽⁷²⁾.

Mọi sự chuyên chở được thực hiện bằng vai người hoặc thuyền⁽⁷³⁾.

Thủ công nghiệp rất sôi động ở Ke-cho: “Tại đây ta thấy thợ các ngành nghề nhiều như thống chế²⁷, như thợ dựng nhà, thợ xẻ, thợ mộc đóng đồ, thợ tiện gỗ, thợ dệt vải, thợ may, thợ gốm, thợ sơn, người đổi tiền, thợ làm giấy, quang dầu, đúc chuông và nhiều nghề thủ công khác nữa [...]. Ở đây, đổi bạc là một nghề khá phát triển. Chính những người phụ nữ làm cho nghề này sinh lợi; họ có địa chỉ và tư cách đặc biệt cho công việc này.”⁽⁷⁴⁾. Cần phải thêm cả thợ thêu⁽⁷⁵⁾, loại thợ cho đến nay vẫn còn giữ được tiếng tăm.

Về những quan hệ thương mại với nước ngoài, Cha A. de Rhodes và S. Baron có những nhận xét khớp nhau. Người Đàng Ngoài chỉ chạy thuyền trong sông, “vì họ hoàn toàn không biết gì về những chuyến đi ra nước ngoài”⁽⁷⁶⁾; và một đoạn khác: “[...] dân tộc này không bao giờ tràn ra nước ngoài để buôn bán hoặc tìm kiếm những quan hệ, đến nay [1685] vẫn vậy”. Các quan hệ với nước ngoài được khơi dậy do việc những

²⁴ Như nguyên văn. Không tra cứu được.

²⁵ Như nguyên văn; không tra cứu được.

²⁶ Như nguyên văn; chắc là nước mắm.

²⁷ Nguyên văn *comme les maréchaux*; chắc là một ý điều cốt.

người nước ngoài từ phương Đông và phương Tây tới. Đối với những người phương Tây, họ chỉ bắt đầu vào Đàng Ngoài từ năm 1626 và các quan hệ của họ chỉ được duy trì từng lúc ở mức độ phục vụ các nhà lãnh đạo. Năm 1685, S. Baron viết: "Hiện nay, người Đàng Ngoài giữ một khoảng cách với người nước ngoài và không chú ý mấy tới họ".

Các quan hệ thương mại của Đàng Ngoài với nước ngoài được nghiên cứu kĩ. Chỉ có Phố Hiến và Kẻ Chợ là những trung tâm trong các nghiên cứu đó. Quảng Yên cũng là một trung tâm nhưng tại đó chỉ có người Trung Quốc ở trong một khu phố lớn.

Thực tế, ngay ở Kẻ Chợ, các thương nhân nước ngoài năng động nhất là những người **Trung Quốc**. Thời nào cũng có người Trung Quốc ở Đàng Ngoài⁽⁷⁷⁾; nhưng sau thế kỉ thứ 5, chỉ còn những người Trung Quốc buôn bán. Đây là xứ giáp với Trung Quốc, từng bị Trung Quốc chiếm và cai trị, kinh đô cũng do họ đặt bên cạnh sông Hồng để dễ quan hệ với đồng bào ở nước họ, cho nên họ tiếp tục cư trú, đã dễ chịu càng dễ chịu hơn vì đã quen với môi trường, không lạ lẫm môi trường nhân văn như những người nước ngoài khác. Đã thế, dân số của họ lại tăng: những biến động ở Trung Quốc tạo ra, như một hậu quả gián tiếp, những đợt di dân liên tiếp vào Đông Dương; sự sụp đổ của nhà Minh, vào giữa thế kỉ 17, thời điểm chúng tôi nghiên cứu, đã dồn tới Kẻ Chợ một làn sóng dân Trung Quốc đến kinh sớ. Vì thế, nhà vua phải công bố một đạo dụ ra lệnh cho họ phải ở xa kinh đô, nhưng không cưỡng bức phải rời khỏi xứ vì họ có thể có ích⁽⁷⁸⁾. Vì Kẻ Chợ là một trung tâm thương mại đặc biệt quan trọng⁽⁷⁹⁾ nên một khi không được phép ở đó, phần lớn người Trung Quốc muốn rời Đàng Ngoài. Chắc chắn một số người đã ở lại Quảng Yên; một số tới Phố Hiến (Hưng Yên), nơi một số đồng bào của họ đã ở từ trước, ở bên bờ sông để từ đó sẽ tìm cách duy trì những quan hệ với kinh đô một cách lén lút.

Dù ở đâu, người Trung Quốc cũng tạo thành những nhóm đồng nhất, tập hợp nhau lại trong một "phố". Tại Hà Nội, khu người Trung Quốc nằm tại chỗ giáp với đền *Bạch Mã* mà thần của đền được họ thờ⁽⁸⁰⁾; chỗ này sau này ta không còn thấy nhiều người Trung Quốc nữa.

Các hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu, nằm trong tay Hoa thương Hà Nội, vươn ra khắp các biển, tới Trung Quốc, Nhật Bản và Batavia²⁸. Họ thực hiện các thương vụ qua trung gian của những người đồng hương giỏi đi biển; những người trung gian này tạo cho các công ti phương Tây một sự cạnh tranh hiệu quả hơn mà lẽ ra người Đàng Ngoài phải làm được. Người Hà Lan ở Kẻ Chợ cũng tìm thấy ở những người trung gian Trung Quốc này những người mua thu gom các sản phẩm địa phương đáng nể hơn người Anh, nhất là thu mua tơ thô mà người Trung Quốc từ Nagasaki cũng tới thu mua cho người Nhật⁽⁸¹⁾. Ngoài tơ thô, người Trung Quốc còn dễ dàng mua sơn⁽⁸²⁾ là thứ lúc đó họ biết cách chế biến tốt hơn người Đàng Ngoài; rồi các loại xạ hương, các loại rễ, quế, lô hội. Chính họ mang đến lưu huyền, thuốc bắc, các loại sành xốp thông thường hoặc đồ sứ tinh xảo, gạo, vải hoa.

Về phần người **Nhật**⁽⁸³⁾, họ đã có những quan hệ thương mại với Đông Dương và thậm chí với Thái Lan từ thế kỉ 15, khi họ học được kĩ thuật đóng tàu đi biển từ người Trung Quốc; các thương điểm của họ ở Đàng Ngoài (ở Phố Khách, Hưng Yên) ít hơn và kém phát triển hơn ở phía Nam (Vinh, Đà Nẵng và chủ yếu ở Hội An) nhưng hoạt động rất tích cực, nhất là từ đầu thế kỉ 17. Họ thành lập tại chỗ nhiều điểm di dân tách biệt hẳn những điểm của người Trung Quốc. Ngày nay ta có thể biết được tên các chủ tàu chính của Nhật⁽⁸⁴⁾ lúc đó và số lượng các "tàu có đóng dấu đỏ", gọi là *Shuinbune*, được phép đỗ ở Phố Khách (gần Hưng Yên). Thực tế, người Nhật chưa bao giờ thiết lập cơ sở thường trực tại Kẻ Chợ. Chỉ dụ năm 1635 của nhà cầm quyền Nhật chấm dứt việc buôn bán với nước ngoài đồng nghĩa với việc buộc những người Nhật đang ở Đàng Ngoài không được quay về nước nữa. Ngay từ năm 1626, những người Bồ Đào Nha thăm dò đầu tiên, xuất phát từ Macao, đã cẩn thận mang theo một người Nhật theo đạo, Cha Giulio Piani⁽⁸⁵⁾. Năm 1637, người Hà Lan, cũng theo cách đó, dùng một người Nhật "khá có học vấn về tiếng An Nam và tiếng Bồ Đào Nha"⁽⁸⁶⁾. Những

²⁸ Thành phố do người Hà Lan thành lập và đặt tên vào đầu thế kỉ 17; nó nhanh chóng trở thành một trung tâm thương mại quan trọng. Sau khi Indonêxia dành được độc lập vào ngày 17-8-1945, Batavia trở thành thủ đô Jakarta.

người Nhật này tới Đàng Ngoài bán ô, dù, quạt, lò nhỏ để bàn, bình thờ, lư hương, đồ sứ, bông thô, sợi bông, lưu huỳnh, đồng thanh, tiền đồng và tiền sắt, kiếm và các loại vũ khí, và nhất là bạc thỏi. Ban đầu, người Nhật mua lụa, quế, đậu khấu, xạ hương, vốn rất nổi tiếng, rẽ nghề, sơn, kẽm... Từ khi việc buôn bán của người Nhật với nước ngoài bị cấm, người Trung Quốc và người Hà Lan tranh nhau vào đường dây này để thay thế người Nhật, sau đạo dụ 1635 và 1639 (mãi tới thời kì Minh Trị²⁹ mới bị bãi bỏ), họ trở thành những người nước ngoài duy nhất được phép ở Nhật nhưng bị tập trung ở hòn đảo nhỏ Deshima (Nagasaki); riêng người Hà Lan từ năm 1641 mới được phép.

Các thương nhân châu Âu đầu tiên⁽⁸⁷⁾ xuất hiện ở Đàng Ngoài là người Bồ Đào Nha. Về mặt đi biển, họ là những người châu Âu đầu tiên phát hiện ra bờ biển Đông Dương⁽⁸⁸⁾; về mặt buôn bán, họ đã thiết lập được các cơ sở ở phía Nam bán đảo Đông Dương, ở Nhật và thậm chí ở Trung Quốc, tại Macao⁽⁸⁹⁾.

Năm 1626, chính từ Macao, chiếc tàu đầu tiên của người Bồ Đào Nha đã tới thăm dò vịnh Bắc Kỳ, lúc đó vốn nằm cách xa các con đường hàng hải chính. Người Bồ Đào Nha không bao giờ có thương điểm ở Kẻ Chợ; cả ở Phố Hiến cũng vậy. Tuy vậy, tại đây hoạt động thương mại của họ khá nhộn nhịp; “vua” Đàng Ngoài không tin tưởng lắm các thương nhân Bồ Đào Nha vì họ là những người cung ứng hàng hóa cho Đàng Trong.

Người Hà Lan⁽⁹⁰⁾ xuất hiện ở Kẻ Chợ năm 1637; họ tới từ Nhật, nơi họ có một thương điểm từ năm 1609 ở mũi Đông Bắc đảo Hirado⁽⁹¹⁾. Lúc đó họ tìm cách thay thế các thương nhân Nhật bị đạo dụ của Shogun năm 1635 cấm ra nước ngoài buôn bán. Những cuộc cãi cọ của họ với Đàng Trong, việc thương điểm của họ ở Hội An bị phá hủy năm 1643 và những tổn thất liên tiếp của ba chiến thuyền phái tới trả đũa là quá nhiều lí do khiến họ đáp ứng những mời chào của kinh đô Đàng Ngoài⁽⁹²⁾. Họ thiết lập ở Phố Hiến (1648) và Kẻ Chợ các thương điểm riêng⁽⁹³⁾; các thương điểm ở Kẻ Chợ bị bỏ năm 1663, mở lại năm 1665, bị bỏ năm 1700.

Việc buôn bán của người Hà Lan nhằm vào việc mua tơ sống, chủ yếu cho Nhật, quế, đậu khấu, *hokjen*³⁰, *chiourong*³¹, xạ hương, *pelting*³², chè; đổi lại, họ bán bạc, lưu huỳnh, *xanpet*³³, chì, đại bác, đồ dệt châu Âu, hạt tiêu, hồ phách, gỗ đàn hương, đinh hương.

Để mua được lụa, người Hà Lan đã gặp những đối thủ thực sự trong số những người Trung Quốc đứng đắn, thường mua tơ thô hoặc tơ đã dệt với giá cao, những người mà ngay cả nhà vua cũng “có con mắt biệt đãi khác các thương nhân của Công ti”, họ cũng gặp một loạt đối thủ khác là một số các viên quan, các cố vấn của Triều đình và các viên thượng thư, những người “cố gắng giữ độc quyền thương mại bằng cách ép các nhà sản xuất chỉ giao hàng cho mình để bán cho công ti theo giá do họ ấn định”⁽⁹⁴⁾. Ngoài ra, người Hà Lan khi mới tới còn phải đấu tranh chống những tai tiếng về mình do người Bồ Đào Nha loan truyền; họ kêu ca về những người thông dịch Nhật của họ, về các nhân viên thuế và tất cả những người trung gian⁽⁹⁵⁾ mà họ phải trả tiền để làm dịch vụ; họ phải vất vả uốn theo các qui tắc của nghi thức triều đình; về chuyện này, họ phải chịu đựng nhiều điều không vừa ý.

Nhờ đặc quyền, các quan cao hay thấp ở trong Thành giành quyền buôn bán với người nước ngoài. Từ những cuộc mua bán đó, họ thu được rất nhiều lợi, không chỉ nhờ nhận được những tặng phẩm khá đẹp và cho thầu phần quý giá nhất của chuyến hàng mà còn vì những nghĩa vụ đáng kể của các tàu bè ra vào⁽⁹⁶⁾.

Về phía người Anh⁽⁹⁷⁾, sau một cố gắng không thành công vào năm 1618, họ được phép, sau một cuộc thăm dò nữa ở Đàng Ngoài vào năm 1672⁽⁹⁸⁾, thiết lập một quầy hàng ở Phố Hiến vào năm 1763; sau đó, chuyển lên Kẻ Chợ vào năm 1683; tại đây, họ xây dựng một thương điểm mà W. Dampier đã thấy năm 1688. Các thương vụ của họ tại Kẻ Chợ không bao giờ thuận lợi, chủ yếu là mua tơ và bán đại bác. Thương điểm không bán được nhiều hàng do Anh chế tạo; nó chủ yếu bán các hàng hóa có nguồn gốc châu Á⁽⁹⁹⁾.

³⁰ Như nguyên văn; không tra cứu được.

³¹ Như nguyên văn; không tra cứu được.

³² Như nguyên văn; không tra cứu được.

³³ Như nguyên văn; không tra cứu được.

Gyfford, sau khi thành lập cơ sở của Anh ở Đàng Ngoài, nhận thấy do các tục lệ thương mại (vua và các quan dùng quyền lực để tự cấp tự túc các nhu yếu phẩm hàng đầu) và sự nghèo khó của đám lê dân nên lãi của một công ti thương mại chỉ nhờ vào việc xuất khẩu một số sản phẩm của Đàng Ngoài (đặc biệt là tơ), và xứ đó không thể xem là nơi có sức mua các hàng nhập khẩu. Đó cũng là khuyến cáo của George Tach trong bức thư ngày 31-12-1683; trong thư ông chỉ rõ xứ Đàng Ngoài là một khách hàng nhỏ đối với những hàng hóa châu Âu⁽¹⁰⁰⁾.

Năm 1697, người Anh bỏ cơ sở ở Kẻ Chợ nhưng vẫn có những quan hệ đứt quãng cho tới năm 1720⁽¹⁰¹⁾.

Cả người Hà Lan lẫn người Anh đều không làm gì khác ngoài chuyện buôn bán nhưng người Bồ Đào Nha, ngay từ lần thăm dò đầu tiên vào năm 1626, đã mang từ Macao tới Kẻ Chợ một nhà truyền giáo dòng Jesuite⁽¹⁰²⁾.

Về mặt thương mại, người Pháp là những người cuối cùng thiết lập các cơ sở ở Đàng Ngoài, nhưng lại là những người đầu tiên rút đi⁽¹⁰³⁾.

Ngược với những gì diễn ra ở Nhật, nơi các thương nhân luôn đi trước các nhà truyền giáo, ở Đàng Ngoài thì tình hình lại diễn ra ngược lại trong trường hợp người Pháp⁽¹⁰⁴⁾. Thực tế, sau cố gắng đầu tiên vào năm 1669 của bốn người Pháp, đi theo một nhà truyền giáo, xin phép xây dựng một gian hàng để buôn bán nhưng không thành công, chỉ mãi tới năm 1680 công việc kinh doanh của người Pháp mới chính thức được thiết lập ở Đàng Ngoài, không phải ở Kẻ Chợ mà ở Phố Khách³⁴, sau những cố gắng truyền bá Phúc Âm đầu tiên, nhưng cũng chỉ tồn tại một thời gian ngắn. Cơ sở này, do Chappelain điều hành, phải đóng cửa vào năm 1682, sau những thua lỗ ở Bantam³⁵, nơi Công ti Đông Ấn của Pháp thiết lập một gian hàng vào năm 1670 do Francois Caron điều hành.

³⁴ Tức Phố Hiến (Hưng Yên).

³⁵ Thành phố thương mại Bantam (tiếng Indônêxia đọc là Banten), ở cực Tây đảo Java, là một điểm chiến lược quan trọng và trước đây là một thành phố thương mại lớn. Đầu thế kỷ thứ 16, có một dòng người Hồi giáo đó tới đây; người Bồ Đào Nha và người Hà Lan kiểm soát Bantam vào thế kỷ 17. Ngày nay Bantam là một cảng nhỏ, bị thành phố Marak bên cạnh vượt qua. Người Trung Quốc ở đây là một cộng đồng lớn.

Về mặt truyền giáo, việc truyền bá Phúc Âm của Cha A. de Rhodes, tới Hà Nội ngày 2-7-1627, không được dễ dàng lắm ở phía Nam Hà Nội: các Cha bị giám sát, thậm chí bị đuổi dưới thời Trịnh Tạc vào năm 1658, đúng vào năm thành lập Hội Truyền giáo Nước ngoài của Paris³⁶ (chín năm sau khi Cha A. de Rhodes nộp đơn xin cho Giáo hoàng), mà giáo sĩ đầu tiên được phái tới Đàng Ngoài vào năm 1666 là Francois Deydier cải trang thành một thủy thủ tới Phố Hiến ở trong nhà một viên thông dịch người Hà Lan. Giống như ở Nhật, việc truyền giáo ở Đàng Ngoài bị cấm. Vì thế, các Cha phải cải trang thành các thương nhân để có thể cư trú. Năm 1672, Gyfford gặp các Cha³⁷ kiểu này ở Phố Hiến, không thể phân biệt được họ là thương nhân hay nhà truyền bá Phúc Âm; năm 1669, họ xin lập một quầy hàng tại Kẻ Chợ nhưng không được. Đối với các Cha người Pháp, việc buôn bán là cách biện minh cho sự có mặt của họ và làm vỏ bọc cho các hoạt động thu nhận tín đồ mới. Họ trông chờ Công ti Ấn Độ phái tàu tới. Nhờ những dịch vụ phục vụ cho nhà vua mà họ được ở kinh đô và sử dụng những ngày lưu trú vào mục đích truyền giáo.

Vào thế kỷ 18, trong số những người nước ngoài, chỉ có người Trung Quốc duy trì được quan hệ thường xuyên với Đàng Ngoài, khi người châu Âu bỏ đi. Như Gyfford đã nhận xét ngay từ khi người Anh đặt cơ sở ở Phố Hiến: việc người Hà Lan kiên trì những thử nghiệm buôn bán kéo dài chứng tỏ Đàng Ngoài không phải là thị trường xuất khẩu của họ: các quan chiếm đoạt thị trường này để thủ lợi riêng, và dân chúng được các quan chiếu cố tới chẳng qua vì công việc mà người châu Âu đặt các quan làm. Hàng hóa châu Âu không lôi cuốn khách hàng địa phương bằng hàng hóa phương Đông: dân chúng nghèo túng không phải là những người có thói quen mua hàng; còn các quan là những người trây nọ, họ chỉ bỏ tiền mua những món hàng hoặc để giúp họ trong cuộc chiến chống các Chúa ở Đàng Trong (như đại bác, thuốc súng), hoặc đáp ứng các nhu cầu hay thị hiếu của riêng cá nhân họ (như đồ dệt). Ngoài những lí do trên, cần thêm vào đủ loại lí do

³⁶ Société des Missions Étrangères de Paris.

³⁷ Nguyễn văn Padre

khác như phân tích của Ch.B.Maybon⁽¹⁰⁵⁾. Ngoài ra cần chú ý rằng xứ Đàng Ngoài nằm sâu trong vịnh Bắc Kỳ, cách xa các đường giao thương quốc tế lớn lúc đó. Người Trung Quốc mọi thời, người Nhật trong một thời kì xác định, do những nguyên nhân kĩ thuật mà chung qui là chính trị hạn chế, đã có những hoạt động buôn bán phần thịnh với Đàng Ngoài nhưng bó hẹp trong các vùng biển phía Nam. Người châu Âu chỉ có mặt ở Đàng Ngoài sau khi đã có cơ sở ở Trung Quốc, Nhật hay Java: người Bồ Đào Nha tới Đàng Ngoài từ Macao; người Hà Lan từ đảo Hirado³⁸ hoặc Batavia. Người Bồ Đào Nha tới Đàng Ngoài sau khi dừng lại ở Hội An, một điểm trên bờ biển Việt Nam cách xa các đường hàng hải đi Trung Quốc hoặc Nhật lúc đó⁽¹⁰⁶⁾. Các lí do trên ít ra cũng là những lí do chủ yếu cho những khó khăn nảy sinh trong việc chuyển tải hàng hóa vốn đề nặng lên các nhà buôn mà đường duy nhất vào Kẻ Chợ là sông Hồng⁽¹⁰⁷⁾.

Những nỗ lực thương mại ngăn ngui với phương Tây không làm thay đổi chút nào nền kinh tế Đàng Ngoài. Về bất cứ mặt nào, quan hệ thương mại đó không phát triển một cách bền vững các chức năng kinh tế của Hà Nội. Không một dấu vết vật chất nào của quan hệ thương mại đó còn lại thậm chí trong cấu trúc của thành phố. Vì những lẽ đơn lẻ kép như vậy, tất cả như đứng yên tại chỗ cho tới khi người Pháp, nhất là cho tới năm 1888, biến cải toàn bộ các dữ kiện.

Vào thế kỷ 18, nhiều dự án của nước ngoài, nhất là của người Pháp, nói lại quan hệ thương mại, nhất là với Đàng Trong, đã ra đời. Nhưng chỉ có phái bộ St Phallas (xem chú 65) quan tâm tới Đàng Ngoài; tuy nhiên, giống như mọi dự án khác, chúng chỉ là những dòng chữ chết.

Trong thời kì Tây Sơn (1787 – 1802), thực tế ở Hà Nội chỉ có những cuộc hủy diệt vật chất⁽¹⁰⁸⁾.

Như vậy, từ thế kỷ 15 tới thế kỷ 18, mặc dù có sự bành trướng của người Việt Nam xuống phía Nam, các

biến cố không có chút ảnh hưởng nào đối với các yếu tố nghi thức và chức năng của kinh đô nhà Hậu Lê. Trong bối cảnh xứ Đàng Ngoài thực tế đã bị tách khỏi vùng lúc đó được gọi là Đàng Trong⁽¹⁰⁹⁾, Hà Nội không được hưởng, về mọi mặt, sự gia tăng lãnh thổ của các Chúa Nguyễn, tức là đất Việt Thường phong cho họ năm 1558, rồi trở thành độc lập vào năm 1672.

HÀ NỘI DƯỚI TRIỀU NGUYỄN (THẾ KỈ 19)

Đầu thế kỉ 19 đánh dấu sự khởi đầu của một thời kì mới đối với Hà Nội: các đặc trưng của thành phố chính thức³⁹ và thậm chí các chức năng của nó, sẽ thay đổi. Về chức năng, thành phố chịu một sự đi xuống: Huế, kinh đô của triều đại mới sẽ thay thế Hà Nội về mặt chính trị. Hà Nội chỉ còn những nhiệm vụ hành chính, đương nhiên là vẫn còn rộng lớn nhưng chỉ ở phía Bắc của vương quốc mới được thống nhất. Tuy nhiên, Hà Nội vẫn là địa điểm của những kì thi hương không lúc nào thiếu sĩ tử.

Về phần khu phố buôn bán, xa lạ một cách không sao bỏ được đối với thành phố chính thức, vẫn bất biến về mặt tính cách: đóng kín đối với người châu Âu như trong thế kỉ trước, và đóng khung trong các chức năng kinh tế khu vực như bất kì một thành phố nào ở phía Nam Trung Quốc mà các thiết chế bất di bất dịch sẽ dùng làm khuôn mẫu vững chắc cho những luật lệ Hán hóa của bộ luật Gia Long⁽¹¹⁰⁾.

Như vậy, dưới tác động của truyền thống quan lại của Triều đình Huế, Hà Nội sẽ tồn tại lay lắt trong thế kỉ thứ 19.

Ngay từ đầu, truyền thống quan lại đó tự khẳng định bằng sự quan tâm đầu tiên của chính quyền là xây dựng lại Thành, làm trị sở cho quyền lực của mình⁽¹¹¹⁾. Truyền thống đó được thể hiện bằng cách lại chọn vị trí của Thăng Long, mà uy thế lịch sử chỉ còn là sự vinh quang của những đổ nát (vào năm 1802), và y theo những quan tâm phong thủy của các quan, để xây thành mới mà sơ đồ bắt nguồn từ nghệ thuật quân sự

³⁸ Hirado là một cảng trung gian giữa Nhật và lục địa Á châu từ thời Nara. Trước khi người châu Âu tới buôn bán, Hirado có quan hệ buôn bán với Triều Tiên và Trung Quốc. Người Bồ Đào Nha tới Hirado vào năm 1550; người Hà Lan thiết lập thương điểm vào năm 1609. Do sự hoạt động của các nhà truyền giáo châu Âu, một tỉ lệ lớn dân Hirado cải theo Cơ đốc giáo gọi là Kirishitan.

³⁹ Tức Hoàng thành hay Thành

Pháp ở thế kỷ 17. Lần đầu tiên, Thành đáp ứng được những chức năng người ta trao cho nó; cuối cùng nhất, nó được tu chỉnh, bị bạt những chỗ cao⁽¹¹²⁾, nhưng về tổng thể vẫn như khi bị người Pháp chiếm vào năm 1873 và san bằng vào năm 1894 và 1897. Tuy nhiên, do những chức năng được trao phó, Thành mới, giống như những Thành trước nó, trước hết là trị sở chính thức của chính quyền và là khu nhà ở dành riêng cho các quan.

Năm 1822, tôn trọng các truyền thống dân tộc đối với nhà Lê ở phía Bắc, vua Minh Mạng cho xây ở trong Thành một cung điện, có tường riêng vây quanh, để đặt bài vị các vua nhà Lê và dùng làm nơi tưởng nhớ họ.

Thậm chí Thăng Long trở thành, vào năm 1831, trung tâm của một tỉnh mới là tỉnh Hà Nội⁽¹¹³⁾ và trị sở của Bắc Kỳ vào năm 1834. Như vậy, Thành trở thành trị sở của Nha Kinh Lược, nhưng Nha không đóng trong điện thờ các vua Lê lúc đó đã chuyển thành Đền Tuồng niệm.

Người châu Âu khi tới đây chỉ biết tới trị sở này dưới tên gọi nôm na Kẻ Chợ, mà đúng ra chỉ dùng để chỉ khu phố buôn bán. Tập hợp các phố, phường đó không bao giờ tạo thành một điểm dân cư thành thị mà chỉ là một tập hợp dày đặc của làng liên nhau, mỗi làng có hương ước riêng⁽¹¹⁴⁾. Mỗi làng thờ một thành hoàng ở đình làng mà ngày cúng do hương ước ấn định. Việc thờ thành hoàng bắt nguồn từ ngày thành lập làng⁽¹¹⁵⁾. Thờ thành hoàng là sợi dây kết nối những người do thành hoàng quy tụ lại. Thờ thành hoàng xác định nét riêng của phường, phân biệt phường đó với các phường khác ngay bên cạnh. “Phường” trước hết là một “cộng đồng”.

Về cấu trúc cụ thể, một phường không có gì khác với bất kỳ một phường khác. Phường không có khu nhà ở, không có khu giao dịch, buôn bán, không có các công trình công cộng nào khác ngoài đình. Đình, công trình công cộng của các phường, có cùng một sơ đồ giống nhau, y như các nhà ở giống nhau. Cái phân biệt phường này với phường khác là hoạt động thủ công nghiệp của chúng; mỗi phường chuyên về một nghề và tạo thành một phường hội dưới sự che chở của một ông thần riêng.

Chính các làng cổ này đã cho ra đời các phố. Sự chuyển từ làng thành phố đã dẫn tới sự phát triển dân số Hà Nội trong suốt thế kỷ.

Đầu thế kỷ 19, do nội chiến⁴⁰, Hà Nội không có người ở, mọi người chạy về quê mình. Thế mà những mô tả chúng tôi có trong tay, từ 1875, cho thấy một Hà Nội với những phố nhỏ hẹp và tắc nghẽn.

Làm thế nào để theo dõi sự tiến hóa đó của Hà Nội?

Đáng buồn là chính các văn bản Việt Nam không thể giúp chúng tôi trong việc này. Vậy là chúng tôi phải tự mình cố gắng miêu tả cự đô dưới triều vua Gia Long (khoảng 1815) và khi người Pháp bắt đầu có mặt tại Bắc Việt Nam (khoảng 1875).

Chúng tôi xin dẫn ra những văn bản của triều đình qui định những qui tắc xây dựng cho dân chúng. Ở trang 188 trong tác phẩm của mình, La Bissachère⁽¹¹⁶⁾ viết: “[...] Dân chúng không có quyền xây dựng nhà bằng đá, cũng không được làm nhà nhiều tầng [...]”, và ở trang 245: “nhà ở không được có dạng hình vuông; dạng này chỉ dành riêng cho các cung điện của hoàng đế [...]. Các đền và các nhà lớn của quốc gia là những công trình duy nhất được xây bằng gạch nhưng là những ngôi nhà xây rất dở vì gạch không được nung mà chỉ phơi nắng. Gần như ngoại trừ những ngôi nhà kể trên, hầu như tất cả nhà cửa đều được làm bằng gỗ [...]”.

Điều 156 của luật An Nam⁴¹⁽¹¹⁷⁾ quy định: “Bất cứ nhà nào cũng không được xây trên hai nền hoặc có mái kép⁴², cũng không được sơn quét và trang trí. Những nhà chỉ có một tầng không nằm trong số những nhà gọi là có mái kép. Đối với những người có quyền chức và các quan nhất phẩm và nhị phẩm, nhà khách có thể có 7 gian và 9 vì kèo; trên đỉnh hai đầu hồi cho phép trang trí hoa và đầu những con vật bốn chân. Cửa chính có thể có 3 bản giữa 5 vì kèo. Đối với các quan từ tam phẩm tới ngũ phẩm, nhà khách có thể 5 gian giữa 7 vì kèo; đỉnh hai đầu hồi cho phép trang trí đầu những con vật bốn chân. Cửa chính có thể có 3 bản giữa 3 vì kèo. Đối với các quan từ lục phẩm tới cửu phẩm, nhà riêng có thể có 3 gian và 7 vì kèo, nóc nhà không được trang

⁴⁰ Nguyên văn *guerre civile*.

⁴¹ Nguyên văn *Code Annamite*; tác giả muốn chỉ Luật Gia Long.

⁴² Tạm dịch từ nguyên văn *double toit*.

trí đầu những con vật; cửa chính có 1 bản và 3 vì kèo. Nhà của những người bình thường không được vượt quá 3 gian và 5 vì kèo và không được trang trí”.

Vì nhà ở được xem như một cách “thể hiện” nên các qui tắc xây dựng can thiệp một cách tỉ mỉ vào cấu trúc và trang trí nhà để xếp tôn ti của từng ngôi nhà theo phẩm trật chủ nhà.

Thực tế, ngoài khu phố Tàu, các nhà ở Kẻ Chợ là nhà tranh đúng như mô tả của những người Pháp đầu tiên tới đây vào khoảng năm 1875. Chính nhờ những người này mà ta biết được không phải các công trình nghiên cứu mà là những mô tả đơn sơ và ấn tượng về thị dân Hà Nội vào hạ bán thế kỉ.

Kẻ Chợ không tạo thành một thành phố theo nghĩa của từ này; các *phố*⁴³, chạy giữa các đầm hồ, tạo thành các công xã; mỗi công xã có *đình* riêng, ban quản trị riêng, chuyên nghề riêng (giống như các làng ở nông thôn).

Vào năm 1875, các phố, dày đặc ở phía Đông Thành, chạy dài về phía Đông Nam, như những vòi bạch tuộc quấn chặt lấy những mảnh đất rộng.

Khắp nơi, ở phía Tây và phía Nam Thành, ở phía Đông và phía Nam hồ Hoàn Kiếm, các làng và các xóm nằm tản mát trong các cánh đồng.

Bản đồ Hà Nội của Phạm Đình Bách năm 1873 cho chúng ta biết nhiều điều: trong bản vẽ của nó, nhiều phố⁴⁴ hiện nay thay thế một cách chính xác cho các phố⁴⁵ cũ trước đây. Phố Hàng Đậu⁴⁶ hiện nay⁴⁷ (rue des Graines cũ)⁴⁸ đã xuất hiện trên bản đồ. Phố này kéo dài từ phố Hàng Giấy (rue du Papier cũ) tới Ô Nghĩa Dũng, thường được gọi là Ô Hàng Đậu và kết thúc ở bờ sông sau khi vượt qua một cây cầu bắc qua một nhánh sông thông hai cái đầm với nhau. Đình của phố này là *đình* Nghĩa Lập (tọa lạc tại số 26bis phố hiện nay).

⁴³ Như nguyên văn.

⁴⁴ Dịch từ nguyên văn *rue*; khác với *phố* (quốc ngữ) ngay sau đây.

⁴⁵ Như nguyên văn.

⁴⁶ Như nguyên văn.

⁴⁷ Trong bài, các chữ “hiện nay” kèm theo tên phố là của tác giả; chính xác hơn, “hiện nay” tương đương với năm 1954, năm tác giả hoàn thành bài viết.

⁴⁸ Đoạn ngoặc đơn này xin hiểu như sau: Trước 1945, phố được gọi là *Rue des Graines*; năm tác giả viết cuốn sách, phố đó được gọi là *Phố Hàng Đậu*. Cách viết theo kiểu chủ này cũng sẽ đúng cho các phố tiếp theo sau đây.

Cũng trên bản đồ này, ta thấy rất rõ ở phía Nam phố Hàng Giấy (không giữ được đình) chạy liên tiếp các phố tạo thành trục Bắc – Nam của khu phố cổ này: phố Đồng Xuân (rue de Riz cũ) có đình (*đình* Phương Trung) hiện nằm ở số nhà 18; phố Hàng Đường (rue du Sucre cũ) có đình (*đình* Vĩnh Hanh) nằm ở số nhà 19 và chùa (*chùa* Cầu Đông) nằm ở số nhà 38; phố Hàng Ngang (rue des Cantonnnais cũ) có hai đình: *đình* Diên Hưng nằm ở nhà số 5, và *đình* Hương Thượng nằm ở nhà số 61; phố Hàng Đào (rue de la Soie cũ) có các đình: *đình* Bạch Mã ở số nhà 49, *đình* Đông Lạc ở số nhà 58, *đình* Hoa Lộc ở số nhà 90.

Bản đồ 1873 cũng cho biết đây đó trên trục chính của Kẻ Chợ là các đầm liên tiếp mà giữa chúng qui tụ các phố vuông góc với sông Hồng, tức là theo hướng Đông – Tây, như:

- phố Hàng Khoai (rue des Tubercules cũ) có *đình* Đồng Xuân nằm ở số nhà 66, *chùa* Huyền Thiên nằm ở số nhà 54;

- phố Hàng Chiếu (rue Jean Dupuis cũ) kết thúc ở cửa Đông Hà (Ô Quan chưởng); nguyên phố này trước đây là phố Hàng Chiếu⁴⁹ nhưng bị người Pháp đổi thành Jean Dupuis, *giống như tên chiếc cửa*, ban đầu gọi là cửa Quan⁵⁰; cửa dẫn từ ngoài vào một ngôi miếu nhỏ gọi là *miếu* Cổ Lương. Phố Hàng Chiếu không có *đình*;

- các phố Ngõ Gạch, Nguyễn Siêu và Chợ Gạo được vẽ dè lên đoạn cửa sông Tô Lịch đổ ra sông Hồng. Tên của nhà Nho đương thời Nguyễn Siêu, Án sát tỉnh Hà Nội dưới triều Minh Mệnh, tác giả *Phương Đình thi tập*, được gán cho một đoạn của phố Gạch⁵¹ (*đình* Cổ Lương nằm ở số nhà 22bis) và dẫn tới phố Chợ Gạo⁵² (trước là chỗ họp chợ⁵³) mà ở số nhà 18 là *đình* Hương Nghĩa. Phố này, tuy chưa tới mức là chợ nhưng lúc nào cũng chuyên mua bán về gạo. Tuy vậy, *đình* của phố mới chỉ có từ năm 1873;

⁴⁹ Nguyên văn *rue des Nattes*.

⁵⁰ Nguyên văn *porte du Mandarinat*; người Pháp dùng tên này để gọi *Quan Chưởng*.

⁵¹ Từ nguyên văn *rue des Briques*.

⁵² Từ nguyên văn *Marché au Riz*.

⁵³ Tạm dịch từ nguyên văn *ex-place du Commerce*.

- *phố Hàng Buồm* (rue des Voiles cũ) xuất hiện trên bản vẽ sơ đồ hiện nay với hai *đình*: Quan Thánh Đế (nhà số 30) và Bạch Mã (nhà số 78); phố được kéo dài thành *phố Mã Mây* (phố Cờ Đen⁵⁴ cũ) mà chỗ cong là do men quanh một cái hồ, nay đã bị lấp, *đình* Dũng Thọ nằm ở góc phố Hàng Bạc.

- *phố Hàng Bạc* (rue des Changeurs) do *phố Hàng Mắm* (rue de la Saumure) kéo dài. Phố Hàng Bạc có ba *đình*: Thi, Trường-Thi và Giang-Hạnh ở các số nhà 18, 22 và 24; *phố Hàng Mắm* có một *đình* là *đình* Nhiên-Ha ở số nhà 39;

- *phố Cầu Gỗ* (rue Ponts en Bois) có một cây cầu vượt qua con lạch thông một cái đầm ở phía Bắc với Hồ Hoàn Kiếm ở phía Nam; phố này vẫn còn giữ được *đình* ở số nhà 64, gọi là *đình* Nghiêm Thượng;

- *phố Hàng Bè* (rue des Radeaux) chạy từ cái đầm nói trên tới tường vây thành phố; phố vẫn còn *đình* tới ngày nay ở số nhà 29, gọi là *đình* Ngũ Đang;

- *phố Hàng Mã* (rue des Marchands d'Offrandes en papier, sau đổi thành rue du Cuivre⁵⁵) có *đình* Yên Phú;

- *phố Lãn Ông* (rue des Phúc Kiến) là đoạn kéo dài của *phố Hàng Buồm* về phía Thành;

- *phố Hàng Bồ* (rue des Paniers) có một *đền* là *đền* Nhân Nội nằm ở số nhà 84. Phố Hàng Bồ kéo dài về phía Tây thành *phố Bát Đàn* (rue Vieille des Tasses; thực tế tách được làm một cách rất thô sơ bằng gỗ); *đình* của phố Bát Đàn là *đình* Nhân Nội ở số nhà 33, chỗ góc *phố Hàng Điếu*; phố này có một *đền* là *đền* Hỏa Thần ở số nhà 30. Đền nằm ở cạnh hào Thành Gia Long⁵⁶.

Ở phía Tây Bắc hồ Hoàn Kiếm và phía Đông Nam của Thành, ngày nay nối theo nhau là các phố Hàng Gai (rue du Chanvre) và Hàng Bông (rue du Coton). Phố Hàng Gai còn giữ được *đình* ở số nhà 85 là *đình* Cổ-Vũ Đông⁵⁷ (hay ở số nhà 46 là *đình* Đông Hà-Phượng).

Phố Hàng Bông có nhiều *đình* và *đền*: hai *đình* là *đình* Đông Mỹ (ở số nhà 127) và *đình* Kim Hội (ở số nhà 95); hai *đền* là *đền* Cây Đa Cửa Quyền (ở số nhà 120bis) và *đền* Kim Cổ (ở số nhà 2); một chùa là *chùa* Tam Thánh (ở số nhà 66).

Cuối trục huyết mạch này là phố Cấm Chỉ. Tên gọi này gợi lại một giai thoại vui vào thời vua Lê Chiêu Tôn (1516-1622). Hiện nay, phố được vẽ gần cửa Đông Nam của Thành Thăng Long, tại chỗ gọi là Quảng Minh *đình* là nơi xưa kia vẫn treo các chỉ dụ của triều *đình*.

Phố Hàng Bông thợ nhuộm (rue des Teinturiers cũ, sau đổi thành phố Jean Soler), gợi lại những hoạt động đặc biệt của phố, nay vẫn còn; phố có hai *đình*: *đình* Bích Lưu (ở số nhà 63) và *đình* Anh Mỹ (ở số nhà 84); còn có *miếu* Thiên Quan (ở số nhà 64bis).

Men theo bờ Tây và bờ Nam hồ Hoàn Kiếm, trên bản đồ Phạm Đình Bách, là các nhóm dân cư dày đặc cuối cùng. Đó là: trước hết là *phố Hàng Trống* (rue des Brodeurs cũ, sau đổi thành phố Jules Ferry) và đoạn phía Nam của đại lộ Lê Thái Tổ hiện nay. Trên phố này có hai *đình*: *đình* Nam Hương (ở số nhà 69) và *đình* Đông Hương (ở số nhà 70). *Đình* Tô Mộc, thờ thần coi giữ phía Đông của thiên giới, nằm ở chỗ nay là Đồn Cảnh sát Quận 1⁵⁸, chỗ bắt đầu phố Anh Quốc⁵⁹ (rue des Inscrusteurs cũ, sau đổi thành phố Paul Bert), nhưng không còn nữa.

Đại lộ Lê Thái Tổ khi chạy về phía Nam nối với một số nhóm nhà nằm rải rác, tạo thành trục Đại lộ Gia Long hiện nay⁶⁰, mà bên phố vẫn còn *đền* và *chùa* Vũ Thạch (ở số nhà 13) hay còn gọi là *đền* Đức Thiên Ôn; xa nữa là chùa Hội Thuận, thờ Quan Đế, nay đã mất.

Giữa Thành và trục chính Bắc – Nam, có nhiều phố.

Men theo hào Thành, từ Bắc xuống Nam, chúng ta thấy trên bản đồ có:

⁵⁴ Rue des Pavillons Noirs.

⁵⁵ Phố Hàng Đồng.

⁵⁶ Nguyên văn *citadelle de Gia-Long*; chính là thành mà nay ta gọi là Hoàng Thành. Số di tác giả gọi như vậy vì thành do tên vua Gia Long xây.

⁵⁷ Như nguyên văn; chắc là *đền* Vũ Đông hiện nay.

⁵⁸ Nay là trụ sở Công an quận Hoàn Kiếm.

⁵⁹ Nay là phố Tràng Thi.

⁶⁰ Nay là phố Bà Triệu.

- *phố Hàng Cốt* (rue des Nattes (claies) cũ; sau đổi thành phố Takou) có *đình Tam Phủ* (ở số nhà 52);
- *phố Hàng Gà* (rue des Volailles cũ; sau đổi thành phố Tien-t'sin) chạy dọc theo *chùa Thái Cam*, một phần thờ Phật, một phần thờ thần canh giữ phía Đông của thiên giới (ở số nhà 44 *phố Hàng Vải* hiện nay, tức rue des Étoffes cũ);
- *phố Hàng Điều* (rue des Pipes), có *đền Hỏa Thần* thờ thần phòng hỏa (ở số nhà 30); gần đó là chùa dành cho các linh hồn lang thang (am Chúng Sinh);
- *phố Hàng Da* (rue des Caisse, sau đổi thành rue des Cuirs) có *đình Hà Trung* (ở số nhà 33 *phố Hà Trung* hiện nay) và *đình Hàng Da*.

Giữa các phố kể trên và hào Thành, trong khu đất trống gần các hồ, là Nghênh Xuân đàn, có nghĩa là “điện làm lễ đón mùa xuân” và Vọng Tiên quán, có nghĩa là “chùa chờ tiên”, do vua Lê Thánh Tông cho xây dựng; trong khi bên này hào có ba dãy phố sòng nhau là:

- 1- dãy gồm: *phố Hàng Ruồi*⁶¹ (rue des Mouches⁶², trước là rue des Vers blancs, tức là phố buôn bán môi câu), *phố Hàng Đồng* (rue du Cuivre), *phố Hàng Bát Sứ* (rue des Tasses, tức là những bát chất lượng cao);
- 2- dãy gồm: *phố Hàng Thuốc Bắc* (rue des Médicaments du Nord, tức là thuốc Trung Quốc) và *phố Hàng Thiếc* (rue des Ferblantiers) với *miếu Hai Cô* (ở số nhà 68);

- 3- dãy gồm: *phố Hàng Chả Cá* (rue de la Laque⁶³); *phố Hàng Cân* (rue des Balances); *phố Lương Văn Can* (rue Lê Quý Đôn).

Như vậy, đối với các phường trong khu buôn bán, được hình thành theo thời gian, các cấu trúc cũ vẫn đặt dấu ấn lên cấu trúc mới. Trong hạ bán thế kỷ 19, khu buôn bán sẽ hoàn toàn được hiện đại hóa; trong khi ở phía Nam sẽ xuất hiện một thành phố hoàn toàn mới.

Tóm lại, có ba điểm rút ra từ lịch sử nguồn gốc Hà Nội:

- 1- Sự bành trướng của người Việt Nam về phía Nam từ đầu thế kỷ thứ 15 không có một ảnh hưởng nào tới các yếu tố nghi thức và chức năng của Hà Nội trước đó, khi xứ Đàng Ngoài bị ngăn cách với xứ lúc đó được gọi là Đàng Trong;
- 2- Hà Nội, cho tới cuối thế kỷ 18, không chỉ không thay đổi về cấu trúc và kinh tế mà trong thế kỷ 19 nó chỉ còn là trị sở của một khu vực trong khi Huế trở thành kinh đô của một nước, lần đầu tiên, do Gia Long thống nhất;
- 3- Từ năm 1888, cấu trúc của thành phố mới được thay đổi sâu sắc; bắt đầu từ năm 1900, các chức năng hành chính của Hà Nội mở rộng ra toàn cõi Đông Dương⁶⁴ và các chức năng trí thức của nó mở ra toàn phương Đông.

Tháng 8 năm 1954⁶⁵

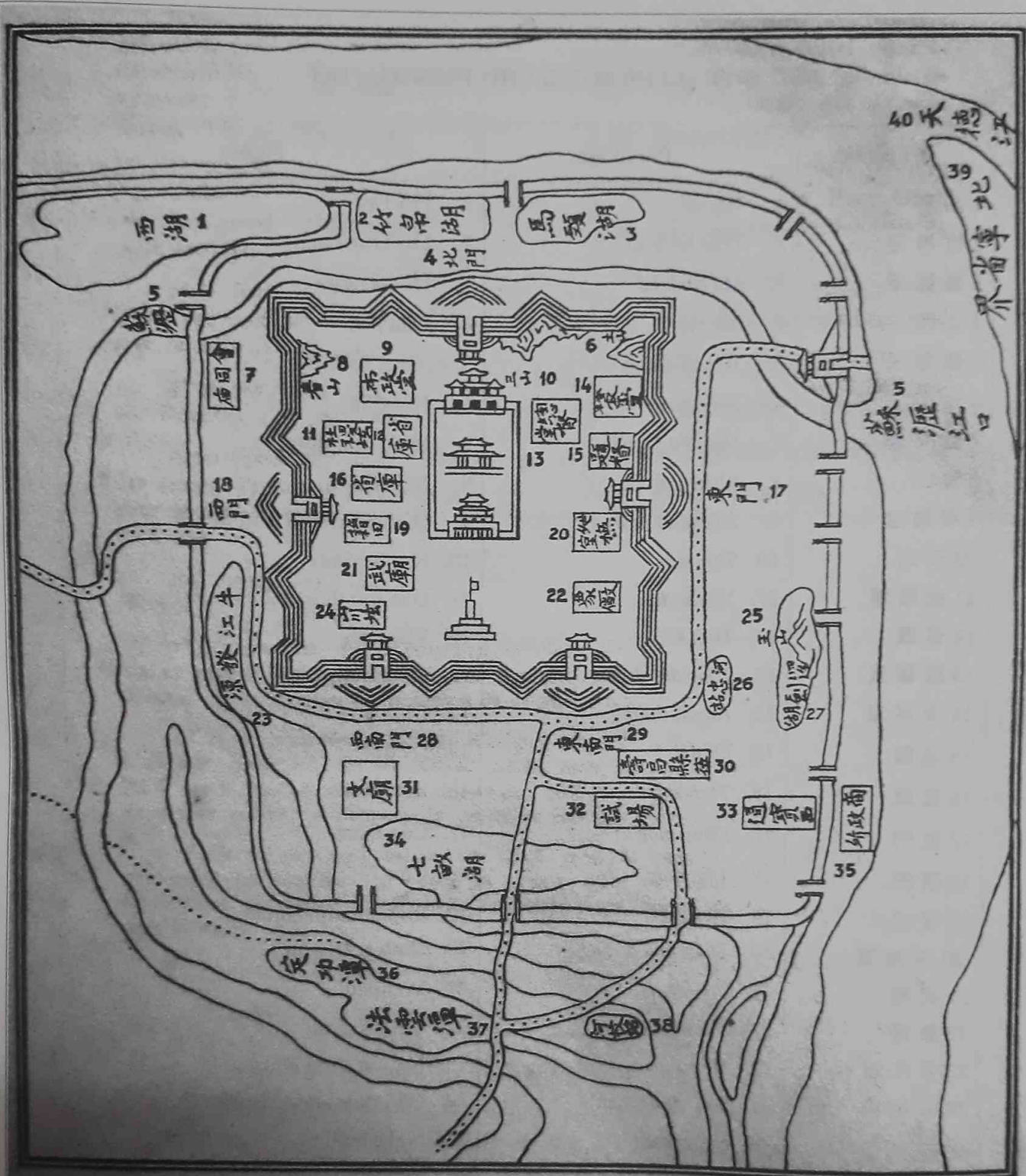
⁶¹ Chúng tôi giữ như nguyên văn mà ngày nay ta gọi là phố Hàng Ruồi.

⁶² Như nguyên văn. Từ này có các nghĩa: con ruồi, nốt ruồi giả, ruồi giả (để câu cá)

⁶³ Laque có nghĩa là sơn. Không hiểu sao từ sơn lại thành chả cá.

⁶⁴ Nguyên văn *toute l'Indochine Orientale*. Cần chú ý rằng chữ *Indochine* ở đây phải dịch là Trung-Án, một thuật ngữ địa lý chỉ một vùng rộng lớn hơn Đông Dương hiện nay.

⁶⁵ Như vậy, bài viết này được hoàn tất chỉ 2 tháng trước khi người Pháp rời khỏi Hà Nội.



PLAN DE HANOI EXTRAIT DE : ĐỒNG-KHÁNH ĐỊA-DƯ CHỈ-LƯỢC (1886)
BIBL. E.F.E.O. A537. DÉPLIANT COLORÉ ENTRE LES PAGES 5 ET 6
PAS D'ÉCHELLE

Bản đồ Hà Nội 1884 theo Đồng Khánh Địa dư chỉ

(Nguồn: Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp)

GIẢI THÍCH GHI CHÚ TRÊN BẢN ĐỒ

Chữ Hán	Phiên âm	Nghĩa
1 西湖	1. Tây hồ	1. Hồ Tây
2 竹帛湖	2. Trúc bạch hồ	2. Hồ Trúc Bạch
3 馬頸湖	3. Mã cảnh hồ	3. Hồ cổ ngựa
4 北門	4. Bắc môn	4. Cửa Bắc
5 蘇瀝江	5. Tô lịch giang	5. Sông Tô Lịch
6 土山	6. Thổ sơn	6. Núi đất
7 會同廟	7. Hội đồng miếu	7. Miếu Hội đồng
8 看山	8. Khán sơn	8. Núi Khán
9 布政堂	9. Bố chánh đường	9. Dinh bố chánh (thu thuế)
10 三山	10. Tam sơn	10. Núi ba đỉnh
11 社稷壇	11. Xã tắc đàn	11. Đàn thờ thần đất và thần nông
12 省庫	12. Tỉnh khố	12. Kho tỉnh
13 總督堂	13. Tổng đốc đường	13. Dinh tổng đốc
14 按察堂	14. Án sát đường	14. Dinh án sát
15 題督	15. Đề đốc	15. Đề đốc
16 省庫	16. Tỉnh khố	16. Kho tỉnh
17 東門	17. Đông môn	17. Cửa Đông
18 西門	18. Tây môn	18. Cửa Tây
19 籍田	19. Tịch điền	19. Ruộng dành cho vua
20 巡撫堂	20. Tuần phủ đường	20. Dinh tuần phủ
21 武廟	21. Võ miếu	21. Võ miếu
22 象廠	22. Tượng xưởng	22. Chuồng voi
23 牛江發源	23. Ngưu giang phát nguyên	23. Nguồn sông Ngưu
24 山川壇	24. Sơn xuyên đàn	24. Đàn thờ núi và nước
25 玉山	25. Ngọc sơn	25. Ngọc Sơn
26 河忠站	26. Hà trung trạm	26. Trạm trung chuyển thư Hà Trung
27 還劍湖	27. Hoàn kiếm hồ	27. Hồ Hoàn Kiếm
28 西南門	28. Tây nam môn	28. Cửa Tây Nam
29 東南門	29. Đông nam môn	29. Cửa Đông Nam

30 壽昌縣	30. Thọ Xương huyện	30. Huyện Thọ Xương
31 文廟	31. Văn miếu	31. Văn miếu
32 試場	32. Thí trường	32. Trường thi
33 通寶局	33. Thông bảo cục	33. Xưởng tiền
34 七畝湖	34. Thất mẫu hồ	34. Hồ Bảy mẫu
35 商政所	35. Thương chính sở	35. Sở hải quan
36 定攻潭	36. Định Công đàm	36. Đầm Định Công
37 法雲潭	37. Pháp Vân đàm	37. Đầm Pháp Vân
38 河枚站	38. Hà Mai trạm	38. Trạm trung chuyển thư Hà Mai
39 北寧省界	39. Bắc Ninh tỉnh giới	39. Địa giới tỉnh Bắc Ninh
40 天德江	40. Thiên Đức giang	40. Sông Thiên Đức

CHÚ GIẢI

⁽¹⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ, q. 2, 3a – Đại La thành* có nghĩa là thành lớn. Chữ “thành” mà chúng tôi chuyển giọng sang tiếng Pháp thành “citadelle” chưa tương ứng với thực tế mà nó biểu thị. “Thành” là chuyển ngữ sang chữ quốc ngữ của chữ 城 (*tch'eng*) trong tiếng Trung Quốc, gồm có chữ 成 (thành), có nghĩa là tạo thành và chữ 土 (thổ), có nghĩa là đất. Một cách xác thực, thành chỉ đơn giản là một con đê bằng đất đắp cao lên, một kiểu như lũy cọc vừa làm tường phân giới vừa làm lũy phòng thủ. Để dễ dàng, chúng tôi sẽ tiếp tục sử dụng từ ngữ citadelle⁶⁶ theo giải thích trên.

Khi vua Lê là Long Đinh chết, con ông ta hãy còn nhỏ tuổi, các trọng thần liền trao ngôi vua cho một viên quan là Lý Công Uẩn, quê ở châu Cổ Pháp, thuộc tỉnh Bắc Ninh. Ông sinh năm 974, cha không rõ là ai, được một nhà sư chùa Cổ Pháp nhận làm con nuôi năm ba tuổi. Nhà sư cũng là người Cổ Pháp nhưng sống ở chùa Lục Tổ (Trường Liêu), và tên là Lý Khánh Vân nên Công Uẩn lấy họ Lý. Sau đó Công Uẩn theo học nhà sư Vạn Hạnh, một nhà sư có tên tuổi theo phái *Dhyāna*, một tông phái lớn của Phật giáo Trung Quốc đang có ưu thế ở trong nước lúc đó; rồi được Vạn Hạnh dẫn tới Hoa Lư. Tại đây Công Uẩn lên tới một chức cao cấp của võ quan. Chính một võ quan (Đào Cam Mộc – người Thanh Hóa) đã đề nghị Công Uẩn kế vị vua vừa chết. Ngoài ra, Công Uẩn còn được giới tăng lữ Phật giáo ủng hộ. Xem:

- G. Dumoutier, chú 7;

- Cha Cadière, *Tableau chronologique des dynasties annamites*⁶⁷ (B.E.F.E.O.⁶⁸, 1905), trang 87;

- Trần Văn Giáp, *Le Bouddhisme en Annam, des origines au XIII^e siècle*⁶⁹ (B.E.F.E.O., số quý 1-1932, các trang 191-268; đặc biệt là các trang 239, 256, 257).

⁽²⁾ Trừ nhà Tiền Lê (980 – 1009) vẫn đóng đô ở Hoa Lư, kinh đô của triều đại trước.

⁽³⁾ Còn gọi là Liên Lâu, ở phía Tây làng Lũng Khê hiện nay, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, cách sông Đuống 3km về phía Nam, cách phía Đông Hà Nội 19km theo đường chim bay. Xem: Cl. Madrolle, *Le Tonkin ancienne*⁷⁰ (B.E.F.E.O., 1937), các trang 279-290.

⁽⁴⁾ Trước thế kỉ thứ 5 được gọi là Long Uyên và bị nhầm với Đại La. Xem:

- H. Maspero, *Le Protectorat général d'Annam sous les T'ang, Essai de géographie historique*⁷¹ (B.E.F.E.O., trang 553, chú 3, trang 570 và 575);

- E. Gaspardonne, *Matériaux pour servir à l'Histoire d'Annam*⁷² (B.E.F.E.O., 1929, trang 84);

⁶⁶ Trong bản dịch này, chúng tôi sẽ chuyển sang tiếng Việt thành “Thành”.

⁶⁷ *Bảng biên niên các triều đại An Nam.*

⁶⁸ Viết tắt của *Bulletin de l'École Française d'Extrême Orient* (Tập san Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp).

⁶⁹ *Phật giáo ở An Nam, từ khởi thủy tới thế kỉ 13.*

⁷⁰ *Xứ Bắc Kỳ xưa.*

⁷¹ *An Nam đó họ phủ dưới triều Đường, khảo luận về địa lí lịch sử.*

⁷² *Tư liệu nghiên cứu lịch sử An Nam.*

- Cl. Madrolle, *sách đã dẫn ở trên*, các trang 296-302.

Long Biên nằm tại nhiều địa điểm khác nhau nhưng liên kế nhau, hiện nay chưa xác định được mặc dù đã có một cuộc thăm dò bằng máy bay được thực hiện vào năm 1939 (C.E.F.E.O., số quí 2-1939, trang 4).

⁽⁵⁾ Tống Bình, La Thành, Đại La, ở phía Nam Hồ Tây hiện nay, lần lượt thay nhau làm trị sở; nhưng cứ mỗi lần thay, trị sở sau lại dịch về phía Đông so với trị sở trước. Các vết tích của Đại La đã được phát lộ trên đất làng Vĩnh Phúc hiện nay, tại trường đua ngựa Hà Nội. Xem:

- A. des Michels, *Les Annales Impériales*⁷³ (Paris, 1889-1894⁷⁴), trang 210;

- H. Maspéro, *sách đã dẫn ở trên*, trang 557;

- Nguyễn Văn Tố, *La céramique de Đại-la*⁷⁵ (C.E.F.E.O., số quí 1-1943, trang 17);

- Parmentier và R. Mercier, *Éléments anciens d'architecture au Nord Viet-Nam*⁷⁶ (B.E.F.E.O., 1952, trang 285).

⁽⁶⁾ Nay là Cổ Loa, thuộc huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên. Xem:

- G. Dumoutier, *Étude historique et archéologique sur Cổ-loa, capital de l'ancien royaume Âu-lạc (réunion de Thục et de Văn-lang)*, 255-207 av. J. C.⁷⁷, NXB Leroux, 1893;

- R. Despierres, *Cổ-loa, capitale du royaume de Âu-lạc*⁷⁸, (nội san của *Société de Géographie de Hà-nội*, số 35-1940).

⁽⁷⁾ Cách thị xã Ninh Bình 10km về phía Tây-Tây Bắc. Xem: G. Dumoutier, *Étude historique et archéologique sur Hoa-lư, première capitale de l'Annam indépendant. Dynasties Đinh et Lê (antérieur), 968 à 1010 de notre ère*⁷⁹ (*Bulletin de Géographie historique et descriptive*, 1893, các trang 38-174, đặc biệt các trang 44 và 52).

Từ năm 1010, Hoa Lư được gọi là Trường An.

⁽⁸⁾ Về tầm quan trọng của việc xác định địa điểm, không biết ta có nên đồng ý với những điều kiện phong thủy được định nghĩa rất hay trong các bài:

- L. Cadière, *La Merveilleuse Capitale*⁸⁰, (B.A.V.H.⁸¹, 1916, các trang 247-272);

- G. Dumoutier, *La Géomancie chez les Annamites*⁸² (R.I.⁸³, số quí 1-1914, các trang 209-232 và 303-314);

- Louis Bezacier, *Conception du plan des anciennes citadelles*⁸⁴ (*Journal Asiatique*, 1952, các trang 185-195).

⁽⁹⁾ Đình Bảng, trong tỉnh Bắc Ninh hiện nay, cách Hà Nội 14km theo đường chim bay về phía Đông Bắc.

"Tháng hai năm Canh Tuất, tức năm Thuận Thiên thứ 11, vua về làng Cổ Pháp làm lễ ở mộ mẹ [...]. Tháng bảy cùng năm, thấy kinh đô Hoa Lư quá chật hẹp, vua Lý quyết định chuyển đô đi nơi khác; nhà vua liền triệu tập triều

⁷³ Chữ Impériale cho phép ta nghĩ đây là bộ Đại Nam thực lục chính biên.

⁷⁴ Từ đây trở đi, xin hiểu cách viết này có nghĩa là tác phẩm được xuất bản nối tiếp nhau trong nhiều năm liền.

⁷⁵ Gốm Đại La.

⁷⁶ Những nét cổ của kiến trúc ở Bắc Việt Nam.

⁷⁷ Nghiên cứu lịch sử và khảo cổ về Cổ Loa, kinh đô của vương quốc cổ Âu Lạc (hợp nhất Thục và Văn Lang), 255-207 trước công nguyên.

⁷⁸ Cổ-loa, kinh đô Vương quốc Âu-lạc.

⁷⁹ Nghiên cứu lịch sử và khảo cổ về Hoa Lư, kinh đô đầu tiên của nước An Nam độc lập. Các triều Đinh và Tiền Lê, 968-1010.

⁸⁰ Kinh đô huyền diệu. Có người dịch là thần kinh mà chúng tôi nghĩ rằng hay hơn mặc dù hơi khó hiểu.

⁸¹ Bulletin des Amis du Vieux Hue (Tập san Những người bạn yêu Huế hay Đô thành hiếu cổ).

⁸² Phong thủy với người An Nam.

⁸³ Viết tắt của Revue indochinoise (Tập san Đông Dương).

⁸⁴ Các quan niệm trong sơ đồ các thành cổ.

thần và nói ý định của mình: “Nhà Thương năm lần dời đô, nhà Chu ba lần dời đô; mỗi lần dời đô đều được dân tán thành. Các vua Đinh và Lê trước ta, muốn định đô ở quê mình; họ đã làm như vậy không có gì khác hơn là theo ý thích riêng, vì thế chỉ trị vì được một thời gian ngắn. Ta nhận thấy, trên bản đồ, kinh đô cũ Đại La mà Cao Biền đã định sẵn là trung tâm của nước ta và có cái thế rồng phục, hổ châu. Từ khắp nơi trong nước, hàng hóa đều đổ về đó để mua bán; vì thế người ở đó giàu có mà súc vật cũng nhiều; đó là thành phố quan trọng nhất nước và kinh đô cổ nhất. Vì thế ý ta muốn chuyển triều đình về nơi có đặc huệ đó, các người nghĩ sao?” (G. Dumoutier, *sách đã dẫn ở trên*, 1893, các trang 94 và 95).

Năm Canh Tuất ứng với năm 1010; năm đó là năm Thuận Thiên thứ nhất chứ không phải Thuận Thiên thứ 11. Xem: Cha Mathias Tchang, *Synchronismes chinois – Chronologie complète et concordance avec l'ère chrétienne de toutes les dates concernant l'Histoire de l'Extrême – Orient (Chine, Japon, Corée, Annam, Mongolie...) 2357 avant J.C. – 1904 après J.C.*⁸⁵, Thượng Hải xuất bản, 1905.

Tra cứu cuốn trên ta thấy năm Canh Tuất, năm bắt đầu của các niên hiệu Thuận Thiên của Lý Thái Tổ, rơi vào ngày 6-2-1010 dương lịch, nhưng ngày lên ngôi của nhà vua diễn ra vào tháng 11 âm lịch năm trước (*Ki Dậu*), tức là vào tháng 12-1009 dương lịch. Mãi tháng 2 âm lịch năm Canh Tuất, tức tháng 3-1010, nhà vua mới tới Cổ Pháp; và tháng 7 âm lịch (tức tháng 8 dương lịch), nhà vua mới quyết định dời đô ra gần Đại La. Khi việc dời đô hoàn thành, làng Cổ Pháp, quê hương của triều đại mới, được vinh danh là Bắc Kinh, còn Hà Nội được gọi là Nam Kinh vào năm 1014 (theo H. Maspéro, *Études d'Histoire d'Annam*⁸⁶, tập II, B.E.F.E.O., 1916, các trang 30-31).

⁽¹⁰⁾ Tức năm Hàm Thông thứ 7, triều Đường. Xem:

- P. Pelliot, *Deux itinéraires de Chine en Inde, à la fin du VII^e siècle*⁸⁷ (B.E.F.E.O., 1904, các trang 134-136). Thành của Cao Biền chỉ có chu vi 20.000 bộ (6km);

- J. Y. Claeys, *La Géographie humaine des pays annamites basée sur les observations aériennes*⁸⁸ (C.E.F.E.O., số quí 1-1940, trang 49);

- H. Maspéro, *Le Protectorat général d'Annam sous les T'ang. Essai de géographie historique*⁸⁹ (B.E.F.E.O., 1910, trang 557).

- Theo *Bắc thành địa dư* chí, chu vi Thành của Gia Long đo được 6.893m.

⁽¹¹⁾ E. Gaspardonne, *Matériaux pour servir à l'Histoire d'Annam* (B.E.F.E.O., tập XXIX, trang 85).

⁽¹²⁾ H. Maspéro, *sách đã dẫn ở trên*, trang 559 – 1011: thực tế vào tháng 7 âm lịch, năm Thuận Thiên thứ nhất, tức là vào tháng 8-1010 dương lịch, Hà Nội (ta tạm mượn tên gọi mới có từ năm 1831 để chỉ tỉnh nằm giữa sông Hồng và sông Đáy) thực tế là ngôi thành đã bị người Trung Quốc bỏ rơi 71 năm. Cũng trong bài trên, ở trang 560, hình như tác giả không nghi ngờ việc kinh đô đã được chuyển tới một địa điểm khác khi viết: “Cung điện nhà Lý nằm tại vị trí của Thành hiện nay”⁹⁰.

⁽¹³⁾ Hình như nhiều huyền thoại đã được tạo ra để gia tăng uy thế và đề cao quyết định của Lý Công Uẩn. Một huyền thoại, theo các nhà viết biên niên, cho biết vị vua mới trong khi đi thuyền ngược sông Hồng lên Đại La thì xuất hiện một con rồng vàng bay lượn ở phía trên chỗ mà nhờ đó sau này được gọi là “*Long Thành*”, có nghĩa là

⁸⁵ Đồng đại đầy đủ biên niên Trung Quốc với Tây lịch tất cả các ngày liên quan tới lịch sử Viễn Đông (Trung Quốc, Nhật, Cao Li, An Nam, Mông Cổ...) từ năm 2357 trước công nguyên tới năm 1904 sau công nguyên.

⁸⁶ Nghiên cứu Lịch sử An Nam.

⁸⁷ Hai hành trình từ Trung Quốc đi Ấn Độ vào cuối thế kỷ thứ 7.

⁸⁸ Địa lí nhân văn An Nam dựa trên những quan sát từ trên không.

⁸⁹ An Nam đô hộ phủ dưới triều Đường. Tiểu khảo địa lý.

⁹⁰ “Thành hiện nay” của G. Dumoutier chính là thành mà ta gọi là “hoàng thành” hiện nay, tức thành 1814.

thành của rồng (vả lại huyền thoại này là một chuyển vị của huyền thoại ngựa trắng (*bạch mã*) hiện ra trước mắt Cao Biền khi xây dựng thành Đại La). Ngay tại nơi Cao Biền thấy ngựa trắng, người ta dựng một ngôi đền để ghi nhớ sự kiện này gọi là đền Bạch Mã, ở bên ngoài phía Đông thành Đại La. Chính nơi này là nơi Thái Tổ xây dựng cung điện của mình. Vì thế đền bị chuyển nữa về phía Đông cách thành Thăng Long mới một khoảng cách bằng với khoảng nó cách thành Đại La cũ chưa bao lâu trước đó (theo Madrolle, *Tonkin du Sud*, Hanoi-Paris, Comité de l'Asie Française, 1907, trang 21). Thế là đền mới nằm ở làng Hạ Khẩu (trước là Giang Khẩu), thuộc huyện Thọ Xương (xưa là Vĩnh Xương) và chính là ngôi đền mà ngày nay ta thấy (76 phố Hàng Buồm).

Tại vị trí đầu tiên của đền Bạch Mã, Thái Tổ cho đắp một cái gò gọi là Nùng Sơn, bên trên là chỗ ở của mình. Như vậy, việc di chuyển đền Bạch Mã đã kéo theo việc di chuyển Thành (G. Dumoutier, *Les pagodes de Hanoi*⁹¹, Schneider, 1888, trang 77).

⁽¹⁴⁾ G. Dumoutier, *Étude sur un portulan annamite du XV^e siècle*⁹², đăng trên *Bulletin de Géographie historique et descriptive*⁹³, 1896, trang 177.

H. Maspéro xác định tuổi của tập sơ đồ đường đi “*Toán tập thiên nam tư tri lộ đồ thư*” (trong đó có bản portulan trên) vào quãng cuối thế kỷ 17 hoặc đầu thế kỷ 18 (cách gì đi nữa cũng không thể trước thế kỷ 16). Sự di chuyển của Thành mới cũng thấy rất rõ qua những chú giải bản vẽ số 1 của tập portulan đó.

⁽¹⁵⁾ Sau này (1685), S. Baron viết: “Người Đàng Ngoài không có lâu đài, đồn lũy, cũng chẳng có pháo đài, thành trì” (R.I., số quí 2-1914, trang 201).

Từ *Journal de la Mission du Tonkin*⁹⁴ cho biết, vào năm 1709: “[...] tất cả Đàng Ngoài là làng, không có chỗ nào được gia cố lấy một mảy may tường” (*Archives des Missions Étrangères*⁹⁵, tập 656, trang 236). Từ “citadelle” dùng để chỉ các công sự kiểu Vauban, được dựng khắp Việt Nam vào thế kỷ 19 dưới triều nhà Nguyễn, hoàn toàn không thích đáng với các thành lũy được xây dựng trước đó (xem chú 1).

⁽¹⁶⁾ Ở trung tâm là Nùng Sơn, trên có “cung” vua. Phía Nam là một ụ đất tượng trưng cho hành Hỏa. Hai ụ này đã bị biến đổi nhưng vẫn còn. Ba ụ khác đã bị san bằng là: ở phía Bắc là Tam Sơn, tượng trưng cho hành Thủy; ở phía Tây là Khán Sơn, tượng trưng cho hành Kim; ở phía Đông là Thái Hòa, tượng trưng cho hành Mộc. Cung điện của Thái Tổ, thường bị những người kế vị thay đổi, được trùng tu vào năm 1822.

⁽¹⁷⁾ R. Deloustal, *La Justice dans l'ancien Annam*⁹⁶ (B.E.F.E.O., 1909, điều 82, trang 487).

⁽¹⁸⁾ R. Deloustal, *sách đã dẫn ở trên*, các trang 472-473.

⁽¹⁹⁾ H. Maspéro, *sách đã dẫn ở trên*, trang 559.

⁽²⁰⁾ Sự phân biệt như vậy cũng được ghi nhận trên bố cục của Hoa Lư. “Ngày nay tại vị trí của cố đô có bốn làng; hai làng nằm bên trong tường hoàng thành là các làng Trường Yên Thượng và Trường Yên Hạ; hai làng còn lại là Quán Vinh và Trung Trữ nằm ở khu dành cho dân chúng” (G. Dumoutier, bài *Hoa-lư* đăng trên *Bulletin de Géographie historique et descriptive*, 1890, trang 449). Sự phân chia thành hai nhóm dân cư khác nhau in dấu ấn rất rõ trong cấu trúc đô thị của các trung tâm lịch sử còn lại của Việt Nam, đặc biệt là Huế và Thanh Hóa.

⁹¹ Các chùa Hà Nội.

⁹² Nghiên cứu về một bản đồ các hải cảng của An Nam. Chú ý rằng portulan là một thuật ngữ sử học chỉ bản đồ các hải cảng. Từ đây về sau chúng tôi sẽ đề từ này trong nguyên văn.

⁹³ Tập san Địa lý lịch sử và Địa lý mô tả.

⁹⁴ Báo Hội Truyền giáo Đàng Ngoài.

⁹⁵ Lưu trữ của các Đoàn Truyền giáo nước ngoài.

⁹⁶ Tư pháp An Nam xưa.

(21) Xem:

- Bản đồ kèm theo cuốn sách của A. de Rhodes, xuất bản ở Lyon năm 1651(Che-ce);
- Theo bản đồ Mercator(1613), kinh đô mang tên của xứ “Cochinchine” và nằm ở bờ trái con sông không ghi tên;
- Bản đồ của anh em Van Langren(1595) và của Jean Jeanson sau này(1638);
- Bản đồ phần Ấn Độ bên kia sông Gange của Sieur Sanson d’Abbeville, nhà địa lí của hoàng gia, rút ra năm 1652 từ cuốn sách của ông về châu Á, xem B.A.V.H., 1941, bản đồ XXVIII(Keccio);
- Bản đồ do Somer khắc(1653);
- Bản đồ đính theo Báo cáo của S. Baron, 1685(Ca-cho, xem chú 61);
- Bản đồ của Cha xứ Val(1686);
- Bản đồ Kehoy⁹⁷ của Gueudeville(1713-1719);
- Bản đồ Kécio bên bờ trái sông(1714) của Cha Placide;
- Bản đồ Cachao của Robert(1717);
- Bản đồ Kécio của Cha xứ Val d’Abbeville trong tập *Géographie Universelle*⁹⁸ của ông, 1782;
- Bản đồ Cacho của bài *de l’Indochine* trong cuốn *Histoire Générale des Voyages*⁹⁹ của thầy dòng Prévost, 1752, tập 133, trang 170;
- F. Romanet du Caillaud, *Notice sur le Tong-king*¹⁰⁰, (*Bulletin de la Société de Géographie*¹⁰¹, Paris, 1880, trang 105) cho biết: “Lúc đó, nó được gọi một cách rất thông thường là Kê-chợ, tức là Chợ. Cho tới khi xảy ra những biến cố năm 1873¹⁰², người châu Âu không biết tới tên nào khác ngoài tên đó”.

Trong một số sách, tên Kê Chợ hình như dùng để chỉ cả đất nước ta thời đó. Vào thế kỷ 16, João de Barros, trong cuốn sách *Da Asia*¹⁰³(tập II) của ông xuất bản ở Lisbonne, đã gọi cả nước là vương quốc Cachor. Còn cuốn *Atlas illustré* của J.C. Barbié du Bocage, xuất bản ở Basset năm 1852, tên “Ketcho” được ghi trên họa đồ số 24 mà không có địa điểm khoanh tròn, dường như để chỉ một xứ chứ không phải một thành phố.

(22) Chẳng hạn như sơ đồ Hà Nội thời Lê, được G. Dumoutier đưa vào bài *Étude sur un portulan annamite du XV^e siècle* của ông (xem chú 14), in trong *Bulletin de Géographie historique et descriptive*, 1896, trang 322.

(23) Xem:

- L. Bezacier, *L’Art Vietnamien*¹⁰⁴, Paris, 1954, trang 14;
- H. Maspéro, *Études d’Histoire d’Annam*, B.E.F.E.O., 1916, II: *La géographie politique de l’Empire d’Annam sous les Lý, les Trần et les Hồ*¹⁰⁵(V^e – XV^e siècles), trang 27;
- Trần Văn Giáp, sách đã dẫn ở trên, trang 1, chú 1;
- *Recherches sur les plus anciennes mentions dans les textes de travaux d’endiguement*¹⁰⁶(B.E.F.E.O., 1905, trang 482).

⁹⁷ Kehoy và Kécio, Cacho dưới đây đều chỉ Kê Chợ

⁹⁸ Địa lí thế giới.

⁹⁹ Lược sử về những chuyến đi xa.

¹⁰⁰ Ghi chép về nước Tong-king.

¹⁰¹ Tập san Hội Địa lí.

¹⁰² Năm Francis Garnier chiếm thành Hà Nội

¹⁰³ Châu Á.

¹⁰⁴ Nghệ thuật Việt Nam.

¹⁰⁵ Địa lí chính trị đế quốc An Nam dưới các triều Lý, Trần, Hồ.

¹⁰⁶ Tìm hiểu những chú giải cổ nhất trong các văn bản về công tác đê điều.

⁽²⁴⁾ Cha Cadière, *La merveilleuse Capitale*(B.A.V.H., 1916, trang 256). Khi nói tới việc xây dựng kinh thành Huế, ông cho thấy quan điểm chung của các qui tắc phong thủy vẫn còn được tuân thủ cho tới thế kỉ 19.

⁽²⁵⁾ Chẳng hạn các đoạn trong bài của H.Maspéro (*sách đã dẫn ở trên*, trang 559): “Thành Thăng Long không đóng kín cả kinh đô mà chỉ đóng kín cung điện của hoàng gia”. Và một đoạn khác (trang 560): “Người sáng lập ra nhà Trần đã mở rộng thành Đại La mà lúc đó dường như chỉ là tên của thành phố hoàng gia”. Tóm lại, không phải là vấn đề của một thành phố, theo nghĩa hiện nay của từ này, mà là một trung tâm cho các quan chức¹⁰⁷, với tên gọi dành riêng cho nó và chủ yếu gồm những cung điện hoàng gia, nếu có khác thì đó là những công thự dân sự và quân sự, cũng như nhà ở của các quan to. Chính tập hợp này tạo thành kinh đô, trung tâm chính trị, trị sở của triều đình, hoàn toàn không phải là khu dân cư buôn bán.

⁽²⁶⁾ Bị tàn phá bởi quân Mông Cổ vào các năm 1257, 1284 và 1287; bởi người Chăm vào các năm 1371 và 1377; bởi người Trung Quốc vào năm 1407; bởi Trần Cảo vào năm 1516, cuối đời vua Lê Tương Dực (1510-1516); bởi quân Trịnh Tùng vào năm 1592, sau khi đánh bại Mạc Mậu Hợp.

⁽²⁷⁾ Lần lượt có các tên gọi:

- *Nam Kinh* vào năm 1014 (xem chú 9);
- *Trung Kinh* từ năm 1279 tới năm 1396;
- *Đông Đô* (phần kinh đô ở phía Đông, trị sở của triều đình) từ năm 1397 tới năm 1407, để đổi lại với *Tây Đô*, kinh đô của nhà Hồ ở Thanh Hóa, được xây dựng vào đầu năm 1397 và bị bỏ vào năm 1407, khi tiếm vương họ Hồ và con bị người Trung Quốc bắt;
- *Đông Quan* trong thời gian bị người Trung Quốc chiếm đóng từ năm 1408 tới năm 1428;
- *Đông Đô* từ năm 1428 tới năm 1430, để phân biệt với *Tây Đô*, tên phong cho làng Lam Sơn, quê của Lê Lợi, trong tỉnh Thanh Hóa;
- *Đông Kinh* từ năm 1430 tới năm 1466;
- *Trung Kinh* từ năm 1466 tới năm 1527;
- *Đông Kinh* từ năm 1527 tới năm 1592, để đổi với *Tây Kinh*, nơi vua Lê bị nạn, ở Thanh Hóa (theo truyền thuyết, tọa lạc tại làng Văn-lai (Văn Lại) hay cách làng này vài kilômét về phía Đông, hoặc làng Yên-Trương (Yên Trường));
- *Thăng Long* từ năm 1592 tới năm 1788;
- *Bắc thành*, dưới triều Tây Sơn (xem chú 108);
- *Lại Thăng Long* dưới triều Nguyễn.

⁽²⁸⁾ R. Deloustal, *La Justice dans l'Ancien Annam*, B.E.F.E.O., 1910, các trang 1-4 (điều 185 và 192) và trang 43.

⁽²⁹⁾ Xem:

- G. Dumoutier, bài *Văn-miếu, le temple royal confucéen de Hanoi*¹⁰⁸, trong cuốn *Les Pagodes de Hanoi* (các trang 84-92), và *Études d'archéologie et d'épigraphie annamites*¹⁰⁹ (Hanoi, 1887);

¹⁰⁷ Tam dịch từ nguyên văn *centre officiel*.

¹⁰⁸ Văn Miếu, đền Nho giáo ở Hà Nội.

¹⁰⁹ Nghiên cứu khảo cổ và văn khắc An Nam.

- L. Arousseau, bài *Le temple de la Littérature de Hanoi*¹¹⁰, trong tập san *R.I.*, số quí 2-1913, các trang 1-12;
- Cha H. Bernard S. J., *Pour la compréhension de l'Indochine et de l'Occident*¹¹¹, Hanoi, 1939, các trang 142-148;
- Trần Văn Giáp, bài *Autour des stèles de Văn-miếu de Hanoi*¹¹², trong *C.E.F.E.O.*, số quí 1-1940, các trang 28-36;
- Trần Hàm Tân, bài *Étude sur le Văn-miếu de Hanoi*¹¹³, trong *B.E.F.E.O.*, 1951, các trang 89-118. Cả khu này chịu nhiều biến động năm 1946. Người ta đã nghĩ tới việc trùng tu các tòa nhà và các vườn cây vào năm 1954. Văn Miếu tọa lạc tại xóm Minh Giám¹¹⁴ (theo *Đại Nam Nhất thống chí*), nay là khu phố 30 của Hà Nội.

⁽³⁰⁾ G.Dumoutier, *Le Grand Bouddha de Hanoi*¹¹⁵ (Hanoi, Schneider, 1888). Dưới tên gọi chung “pagodes” chùa thích đáng lắm, ta có các loại công trình chủ yếu sau:

- *đình*: nhà cộng đồng của mỗi làng, nơi ở của thành hoàng, chỗ làm việc của hội đồng kì hào bàn việc làng. Đình thường dùng làm lớp học. Xem: Nguyễn Văn Khoa, *Essai sur le Đình et le culte du génie tutélaire des villages au Tonkin*¹¹⁶ (*B.E.F.E.O.*, số quí 1-1930, các trang 107 – 139);
- *Đền*: nơi thờ hoặc một thiên thần, hoặc một anh hùng huyền thoại, hoặc một nhân vật lịch sử được tôn thành “thần”;
- *Chùa*: chính là đền dành việc thờ Phật, do các sư cai quản;
- *Văn miếu*: đền dành cho thờ văn chương và sử dụng vào việc thờ Khổng Tử.

Thông thường nhất, nhiều ngôi nhà, mà mỗi ngôi dành vào một việc thờ cúng nói trên, quy tụ nhau trong cùng một quần thể.

⁽³¹⁾ G.Dumoutier, *Les pagodes de Hanoi* (Hanoi, Schneider, 1888), các trang 24-27, và bài *Chronique sur le Tonkin*¹¹⁷ (*B.E.F.E.O.*, 1922, các trang 363-365).

⁽³²⁾ G.Dumoutier, *Les pagodes de Hanoi*, các trang 77-83. Xem thêm: Trần Văn Giáp, *Le Bouddhisme en Annam, des origines au XIII^e siècle*, (*B.E.F.E.O.*, số quí 1-1932, các trang 191-268).

Sử quan Ngô Sĩ Liên chỉ rõ nhà Lý coi trọng Phật giáo hơn Nho giáo và nhà Trần còn sùng đạo Phật hơn nhà Lý. Lúc đó còn chưa có những cuộc thi chữ; những người thông minh và có học chỉ được đánh giá qua tôn giáo. Vua Lý Thánh Tông hỏi các nhà sư về các vấn đề của triều đình.

⁽³³⁾ Chùa được xây dựng trong khoảng những năm Đại Định (1140-1162), được trùng tu dưới triều Lê, vào thế kỷ 15 và dưới triều Nguyễn vào năm 1855.

⁽³⁴⁾ G.Dumoutier, *Chùa Hai Bà. Le Temple des deux Dames, près Hanoi* (Paris, Masson, 1891).

Công trình lịch sử biên niên đầu tiên của Việt Nam do Lê Văn Hưu soạn dưới triều Trần là *Đại Việt sử kí* (nay đã bị mất) và *An Nam chí lược* của Lê Tắc, công trình về lịch sử cổ nhất còn lại cho chúng ta ngày nay. Tương tự, vào cuối thế kỷ 13 ra đời chữ *nôm*, gần gũi với dân chúng, mà đỉnh cao nhất là vào thế kỷ 15 khi vua Lê Thánh Tông thành lập vào năm 1460 một thi hội gồm 28 người gọi là Tao Đàn. Chữ *nôm* được dạy cho dân chúng.

¹¹⁰ Đền Nho giáo ở Hà Nội.

¹¹¹ Tìm hiểu Đông Dương và phương Tây.

¹¹² Đạo quanh các bia trong Văn Miếu.

¹¹³ Nghiên cứu Văn Miếu Hà Nội.

¹¹⁴ Vì thế, ngày nay một số người cao tuổi gọi ngắn gọn khu này và Sinh Từ (phố Nguyễn Khuyến) là Giám.

¹¹⁵ Chùa Quan Thánh.

¹¹⁶ Nghiên cứu về cái Đình và tục thờ thành hoàng làng ở Bắc kỳ.

¹¹⁷ Biên niên Bắc kỳ.

⁽³⁵⁾ Trong trường hợp bị xâm lấn, Thành không bao giờ dùng làm nơi tị nạn cho dân chúng; lúc đó dân chúng thường chạy về quê. Xem: J. M. Buch, *La compagnie des Indes Néerlandaises*¹¹⁸ (B.E.F.E.O., 1936), trang 122.

⁽³⁶⁾ W.Dampier, xem chú 62, và *R.I.*, số quý 2-1909, trang 910.

⁽³⁷⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư, bản kỉ*, q. 2, 7a, H.Maspéro dẫn lại trong sách đã dẫn ở trên, trang 560.

⁽³⁸⁾ H.Maspéro, sách đã dẫn ở trên, trang 562.

⁽³⁹⁾ Năm 1108 là năm đầu tiên được các *Biên niên* nhắc tới trong việc đắp đê; đó là đê Cơ Xá để bảo vệ thành phố chống lại ngập lụt; đê không xa thành phố như bây giờ. Xem: H.Maspéro, sách đã dẫn ở trên; B.E.F.E.O., tập X, các trang 559-560.

⁽⁴⁰⁾ Thậm chí mãi sau này, Cha Marini Romain còn viết trong *Histoire nouvelle et curieuse des Royaumes de Tunquin et de Lao*¹¹⁹ (dịch từ tiếng Ý sang tiếng Pháp), Paris, 1666, trang 43: “Trong vương quốc không có xe chở hàng, cũng chẳng có xe bò hay xe cút kít [...]”

Cũng có thể thấy những diễn biến xảy ra vào cuối thế kỷ 19 qua Cha Brunat, *Eploration commerciale du Tonkin*, Lyon, 1885, trang 11: “Hiện nay, việc vận chuyển hàng hóa trong khắp đồng bằng được thực hiện bằng thuyền buồm hoặc xà-lúp chạy hơi nước”. Trong một đoạn khác, tác giả, người không bao giờ di chuyển bằng các phương tiện gì khác ngoài thuyền, viết: “Xứ Bắc Kỳ có một mạng đường xá rất hoàn chỉnh và trên đường có rất nhiều người qua lại. Sự thông thương được thực hiện hoặc trên lưng trâu bò, hoặc trên lưng người, hoặc nhờ xe cút-kít [...]”. Ông không nói tới sự vắng mặt của các xe chở hàng.

⁽⁴¹⁾ Về vấn đề bảo vệ thành Đại La, J.Y.Claeys dùng thuật ngữ “đê-tường”¹²⁰ (C.E.F.E.O., số quý 1-1940, trang 49) và dựa vào việc H.Maspéro nhấn mạnh các con đê đất to lớn chưa bao giờ có giá trị phòng thủ, ông cho rằng công dụng của chúng chống lại lũ lụt đường như là điều duy nhất không thể bàn cãi.

Tuy vậy, năm 1588, để tăng cường sức mạnh phòng thủ cho kinh đô, vua nhà Mạc đã cho xây dựng một con đê đất mới, cao, dạng nửa hình tròn, dựa vào sông Hồng, đầu Bắc ở làng Nhật Tân hiện nay, đầu Nam ở làng Vĩnh Tuy. L.Aurousseau khi nói về sự kiện này (B.E.F.E.O., 1920, tập IV, trang 103), có nói thêm: “Như vậy, Thăng Long được bảo vệ ở mặt Đông bởi sông Hồng, ở mặt Bắc, mặt Tây và mặt Nam bởi chiếc lũy thứ ba này”. Thực tế, tháng 2-1592, nó đã được quân nhà Mạc sử dụng để phòng thủ nhưng không thành công.

Cương mục (quyển 29, tờ 19), khi nói về Đại La và Thăng Long, không phân biệt rõ, nói rằng các lũy đất do nhà Mạc dựng, ở phía ngoài Đại La, cao hơn các lũy của Thăng Long và tạo thành ba lớp, giữa các lớp đào hào, bờ cạp tre. Còn Aourousseau nhắc lại hai lớp lũy cũ bảo vệ Thành (tức là lớp tường riêng của Thành và lớp công sự được dựng lên dưới triều Lý và Trần gọi là Ngoại La thành) và lớp lũy vòng quanh bằng đất; ông thêm rằng lũy thứ ba được vây quanh bằng ba lớp hào và trên lũy là một hàng tre tươi dày. M.Durand, người mà tôi đưa ra những văn bản để chỉ ra sự khác biệt giữa chúng, chỉ nhận xét dè dặt về giải trình của L.Aurousseau và sự không chính xác của Cương mục. Gì đi nữa, điều chúng ta quan tâm chỉ là ghi nhận rằng những con đê đất đó đã được xây dựng nhằm mục đích phòng vệ. Chính vì mục đích đó nên chúng đã bị Trịnh Tùng san bằng sau khi chiến thắng (tập 29, tờ 26).

Nguồn gốc của các con đê đất có từ thời các thái thú Trung Quốc; chúng có nhiều mục đích, có thể đáp ứng mục đích này hay mục đích khác, tùy trường hợp, trong một xứ bằng phẳng, trơ trụi, trần mình ra dưới những trận ngập lụt theo mùa.

¹¹⁸ Công ti Ấn Độ của Hà Lan.

¹¹⁹ Lịch sử mới và kỉ lạ của các vương quốc Tunquin và Lào.

¹²⁰ Tạm dịch từ nguyên văn “digues-murailles”.

Cuối cùng, có thể nói rằng, về mặt chiến lược, thành phố “được sông Hồng bảo vệ ở mặt Đông” thì cũng có thể nói rằng nó tiếp tục bị chính sông Hồng đe dọa, vì lúc đó chưa có một đê nào có thể bảo vệ thành phố khỏi lũ lụt.

¹²¹ Ngược lại, nếu sách vở lịch sử và địa lí của Việt Nam và Trung Quốc trong thời kì hiện đại rất phong phú về các chi tiết chính trị, quân sự, hành chính thì lại cung cấp những thông tin nghèo nàn về các hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội của đất nước, mà ta muốn biết cấu trúc và hoạt động của chính Hà Nội. Về vấn đề này, xin tham khảo bài phân tích của L.Aurousseau về cuốn sách *Histoire moderne du pays d'Annam*¹²¹ (1592-1820) của Ch.B.Maybon, in trong *B.E.F.E.O.*, 1920, tập IV, các trang 73-120. Bài phân tích, ở trang 115, nhắc lại một đoạn của *Cương mục* (quyển 34, tờ 34, tháng 8-1694): “Người ta lập một danh mục về “những gì cần biết” [...] trong đó kê ra núi, sông, kênh, đê, bến, bãi, chợ, đường... của xứ An Nam”. Tóm lại là có tất cả mọi thứ nhưng chỉ là một danh mục, một gợi ý hướng dẫn. Thực tế, các cuốn sách của cả Trung Quốc lẫn Việt Nam, mà L.Aurousseau chê Maybon không biết hoặc bỏ qua, mặc dù mang tiếng là tài liệu địa lí và có tóm tắt (các trang 75-84), nhưng chỉ bao hàm những danh mục hoặc những thông tin về đường bộ và đường biển, về núi non, sông ngòi, tổ chức hành chính, địa giới các khu...; chẳng hạn (trang 77) cuốn *Tou che yu ki yao*, viết năm 1667, “được sử dụng rất nhiều ở Trung Quốc cũng như ở An Nam”, trong phần phụ lục ở chương IV dưới tiêu đề *An-nam t'ou-chouo*, tác giả Kou tsou-Yu đã cung cấp “những chỉ dẫn có ích về phân chia hành chính của An Nam qua một bản đồ, các chặng của những con đường chính vào An Nam và các nhánh sông trong vùng châu thổ”(Thực tế, các “nhà địa lí” Trung Quốc thường quan tâm tới miền Bắc Việt Nam¹²²).

Hay như *An Nam chí lược* (1333), “văn bản địa lí cổ nhất soạn bởi một người An Nam, mà tên tuổi vẫn còn tới ngày nay, đưa ra một danh mục rất ngắn gọn về phân chia hành chính, các núi và sông có tiếng tăm”(H.Maspéro, đăng trên *B.E.F.E.O.*, 1910, các trang 540-541).

Còn nữa, cuốn *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi (1380-1442) năm 1435, “cuốn sách chuyên về địa lí đầu tiên do một người An Nam viết”(H.Maspéro, *sách đã dẫn ở trên*, trang 541) mà Aurousseau cho rằng (trang 79) sách là “một cái mỏ quí về các thông tin địa lí về xứ An Nam từ khởi đầu tới năm 1435” và là một áng “nghị luận văn chương” thực sự trong 33 trang giấy. “Mỗi tỉnh trong cuốn sách được đặc trưng bằng hai hay ba câu với các núi hoặc sông quan trọng nhất, màu sắc và phẩm chất đất, các sản phẩm chịu thuế [...], bảng kê các *phủ* và *huyện* của mỗi tỉnh, kèm theo số lượng xã, tổng của mỗi phủ, huyện; và rải rác chỗ này chỗ kia lại có các chú giải về tên cổ của một tỉnh hoặc huyện thoại của các vị thần nổi tiếng; tóm tắt địa lí và lịch sử An Nam trong hai trang, đặt ở phần đầu cuốn sách, hầu như chỉ là một loạt bảng kê và không có giá trị”(H.Maspéro, *sách đã dẫn ở trên*, trang 541). Tóm lại, cuốn sách chỉ có ích “đối với địa lí hành chính của Đại Việt¹²³ trong những năm đầu của nhà Lê...”.

Tình hình xảy ra như vậy đối với các tập sách về các hành trình xuất phát từ Hà Nội; chúng thực sự là những sách hướng dẫn đường đi. Một trong những tập đó đã được G.Dumoutier (xem chú 14) dịch và bình.

“Về *An Nam nhất thống chí* do Ngô Thì Sĩ soạn vào cuối thế kỷ 18, đó chỉ là một bảng kê các tên không có mấy giá trị”(H.Maspéro, *sách đã dẫn ở trên*, trang 542).

Các mô tả địa lí của các tác giả Việt Nam trong thế kỉ 19 đều theo một hướng chung, như:

Nhất thống dư địa chí, soạn năm 1806, cũng vẫn là cuốn sách hướng dẫn đường đi;

Bắc thành địa dư được soạn cuối triều vua Gia Long với chương đầu mô tả Hà Nội; có thể xem đây như một vinh dự cho Hà Nội vì lần đầu tiên có một công trình nghiên cứu riêng;

¹²¹ *Lịch sử An Nam hiện đại*.

¹²² Nguyễn văn Tonkin.

¹²³ Nguyễn văn Tonkin.

Năm tập đầu của bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* (1821) của Phan Huy Chú nói về địa lí Việt Nam, “từ thế kỷ 16”. Bộ sách này thường được các tác giả Cương mục dẫn lại và đã được R.Deloustal dịch các quyển từ 33 tới 38 về Pháp chế (*B.E.F.E.O.*, các tập VIII, IX, X, XI, XII, XIII, XIX, XXII), các quyển từ 29 tới 32 về Sản vật (*R.I.*, số quí 2-1924 và số quí 1-1925, và *B.A.V.H.*, 1932); Trần Văn Giáp dịch các quyển từ 42 tới 45 về Thi văn (*B.S.E.I*¹²⁴, 1938);

Hoàng Việt địa dư chí, ra mắt năm 1833, “hầu như chỉ là một bảng kê các *phủ* và *huyện*, kèm theo những truyền thuyết lịch sử hoặc tôn giáo” làm cho cuốn sách như một thứ thời thượng;

Đại Nam nhất thống chí, hoàn thành năm 1882, gồm những chỉ dẫn quan trọng rất ngắn gọn về các tỉnh, các phủ, các huyện, thời tiết, phong tục địa phương, thành trì các tỉnh, trường học, thuế đất, núi, sông, “với những chỉ dẫn lịch sử, địa lí và huyền thoại, lăng mộ, chùa, tiểu sử nhân vật, sản vật” (H.Maspéro, *sách đã dẫn ở trên*, trang 544);

Cuối cùng, *Đồng Khánh địa dư chí lược* (1886) gồm những mô tả các tỉnh Bắc kỳ ở dạng tóm lược.

Tóm lại, địa lí lịch sử Việt Nam, biên soạn thuần túy phục vụ mục đích hành chính, thường bó gọn trong những danh mục đơn giản.

Có điều lạ cần ghi nhận là không thấy một tác phẩm lịch sử hay địa lí viết bằng chữ Nôm (về vấn đề này, xin xem L.Cadière và P.Pelliot, *B.E.F.E.O.*, 1904, chú của trang 621). Loại chữ này thịnh hành ở thế kỷ 15, dưới thời vua Lê Thánh Tông. Xem chú 34, phần in nhỏ.

(43) Sau nhiều lần di chuyển, cuối cùng Huế được cố định vào năm 1804 tại vị trí hiện nay. Xem:

- Bài *La capitale du Thuận Hóa*¹²⁵ (Huế) của Võ Liêm, in trong *B.A.V.H.*, 1916, các trang 277-288;

- Bài *La Merveilleuse Capitale* của L. Cadière, *cũng tập san trên*, các trang 247-272;

- Nguyễn Thiệu Lâu, bài *Les origines de Huế*¹²⁶ (*C.E.F.E.O.*, số quí 1-1943), các trang 17-24.

(44) Bản này tại thư viện *E.F.E.O.* tại Hà Nội có tên là *Géographie de Hồng-đức*¹²⁷, mã số A. 2499; đó là một bản đồ hành chính toàn quốc do vua Lê Thánh Tông ra lệnh vẽ, được in lại trong cuốn *Connaissance du Vietnam*¹²⁸ của P.Huard và P.Durand (Hanoi, 1954) ở trang 120. Bản đồ trong tập *Portulan*, được G.Dumoutier dẫn lại, cũng mang tinh thần của bản đồ này.

(45) Xem các bảng do L.Aurousseau lập (*B.E.F.E.O.*, 1920, tập IV, phụ bản, trang 86). Tên của đơn vị hành chính này bị thay thế bằng tên Hoài Đức, vào năm 1805, với trị sở tại thôn Chiêu Hội, ở phía Tây Nhà Thờ Lớn hiện nay; năm 1831, trị sở huyện Hoài Đức được chuyển tới vị trí hiện nay¹²⁹ (Xem H. Maspéro, *sách đã dẫn ở trên*, chú 2, trang 552).

(46) Từ cơ cấu này có câu “*Hà Nội ba sáu phố phường*” mà công tác quản lý đô thị vẫn duy trì tới nay, 1954. Cũng giống như *tổng* ở các tỉnh gồm hai hay nhiều làng (*xã*), mỗi *phường* của Hà Nội gồm hai *thôn*, do đó, một số tác giả nói Hà Nội 72 phố phường (Xem: Cha Marini Romain, *Nouvelles Lettres édifiantes des Missions de la Chine et des Indes Orientales*¹³⁰, tập VI, các trang từ XI, trang 20.

¹²⁴ *Bulletin de la Société des Etudes indochinoises*.

¹²⁵ *Kinh đô Thuận Hóa*.

¹²⁶ *Nguồn gốc Huế*.

¹²⁷ *Địa dư Hồng Đức*.

¹²⁸ *Những hiểu biết về Việt Nam*.

¹²⁹ *Tức huyện lỵ huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây (cũ)*.

¹³⁰ *Những bức thư của Đoàn Truyền giáo Trung Quốc và Đông Ấn Độ*.

Đứng đầu mỗi phường là *phường quan*; người này có trách nhiệm bảo đảm công tác tuần tra kinh thành vào ban đêm và bảo vệ phường mình (Deloustal, *sách đã dẫn ở trên*, B.E.F.E.O., 1910, trang 372, điều 328). Như vậy, sự sắp xếp hành chính trong thành phố tương ứng với sự sắp xếp của các đơn vị hành chính khác, tức là những đơn vị, có thể nói, chẳng có nghĩa vụ gì với nhau... Cộng đồng [ở đây là phường] tự quản lý lấy nhau, nó gần như độc lập". Xem H.Bernard Mâtre, *Pour la compréhension de l'Indochine et de l'Occident*¹³¹ (Paris, 1950), trang 29, về chủ đề "chiến thắng của chính quyền Trung Quốc ở An Nam ở thế kỷ 15".

⁽⁴⁷⁾ Bức thư này, Cha Baldinotti gửi lên cấp trên, đề ngày 12-11-1626 và được gửi từ Macao mà ông tới trước đó vào ngày 16-9, sau khi đi thăm Đàng Ngoài lần đầu tiên cùng với một số thương nhân Bồ Đào Nha cũng lần đầu tiên tới thăm thú. Ban đầu, bức thư được công bố ở Roma vào năm 1629 dưới tiêu đề *Relation du Royaume de Tunkin, nouvellement découvert*¹³². Nó đã được dịch đăng trên B.E.F.E.O., 1903, các trang 71-78. Bức thư nêu lên nhiều nhận xét ngoài những nhận xét về thành phố, bến sông chưa được bảo vệ bởi đề như bức vẽ của S.Baron. Xem chú 61. Cha Baldinotti đã ở Đàng Ngoài từ 7-3 tới 18-8-1626.

⁽⁴⁸⁾ Một trận hỏa hoạn khủng khiếp khác thiêu rụi Kẻ Chợ vào ngày 28-2-1636. Theo A.de Rhodes, để chống lại ngọn lửa lan ra, đôi khi người ta dùng voi.

⁽⁴⁹⁾ Trừ một khoảng thời gian ngắn bị gián đoạn, Cha A.de Rhodes đã ở Đàng Ngoài từ tháng 3-1627 tới tháng 6-1630. Ông đã dùng tiếng La-tinh soạn cuốn sách *Histoire de Royaume de Tunquin...* mà bản dịch tiếng Pháp do Cha Henry Albi thực hiện, xuất bản ở Lyon năm 1651, được in lại trong tập san R.I., số quí 2-1908, các trang 96-114, 172-183, 257-271, 429-442. Sách hiếm, có thể tìm ở Thư viện Quốc gia (mã số 02 L. 103).

Tựa đầy đủ của cuốn sách là *Histoire de Royaume de Tunquin et des grands progrès que la prédication de l'Évangile y a faits en la conversion des infidèles depuis l'année 1627 jusqu'à l'année 1646*¹³³. Sách được soạn bằng chữ La-tinh bởi Cha A.de Rhodes, thuộc dòng Jesús¹³⁴, được dịch sang tiếng Pháp bởi Cha Henry Albi, thuộc dòng Jesús ở Lyon, in ở nhà Jean Baptiste Devenet, phố Mercière, ở Crois d' Or, năm 1651. Trong *Lời nói đầu gửi độc giả*, tác giả cam kết "không kể những gì mắt chưa nhìn thấy". Trước lời nói đầu là *Bức thư văn vắn gửi nhà vua*; sau lời nói đầu là mục lục các chương của hai tập: Quyển thứ nhất: *De l'Etat temporel de Royaume de Tunquin*¹³⁵ (31 chương, 116 trang), Quyển thứ hai: *De l'Introduction et du progrès de la foi et religion chrétiens dans le royaume de Tunquin*¹³⁶ (51 chương, 210 trang). Ngoài ra, đính ở ngay trước chương một của tập thứ nhất là một bản đồ (0,18" 0,12) nhan đề: "Kecio" trên bờ phải sông "Bode"¹³⁷. Các hướng dẫn tra cứu trang theo cách của tập san *Revue Indochinoise*.

Về thuyền¹³⁸, xem trang 107.

Các thuyền của nhà vua được nói tới trong các cuốn sách hoặc bài:

- *Relation* (trang 58), do Cha Fr.Cardim dịch từ tiếng Bồ Đào Nha, xuất bản ở Paris năm 1646;
- Cuốn sách (xem chú 50) của Cha Marini (các trang 100-103);

¹³¹ *Tìm hiểu Đông Dương và phương Tây.*

¹³² *Sự giao thiệp với Vương quốc Đàng Ngoài mới được phát hiện.*

¹³³ *Lịch sử Vương quốc Tunquin và những tiến bộ to lớn mà những bài giảng Phúc Âm đã thực hiện tại đó để cải đạo cho những người dị giáo từ năm 1627 tới năm 1646.*

¹³⁴ *Từ nguyên văn de la Compagnie de Jésus.*

¹³⁵ *Về Nhà nước thế tục Vương quốc Đàng Ngoài.*

¹³⁶ *Về sự du nhập và tiến bộ của đức tin và tôn giáo Cơ-đốc ở Vương quốc Đàng Ngoài.*

¹³⁷ *Như nguyên văn; chỉ Bồ Đề, một tên khác của sông Hồng.*

¹³⁸ *Dịch lược từ nguyên văn galère.*

- *Relation* của Cha Joseph Tissanier, xuất bản ở Paris năm 1663 (trang 118);
- Các bài của nhà Nho Trung Quốc P'an-ting-Kousi và nhà du hành W.Dampier (xem chú 51).

⁽⁵⁰⁾ Cha Marini Romain, *Histoire Nouvelle et Curieuse des Royaumes de Tunquin et de Lao*¹³⁹ (dịch sang tiếng Pháp từ tiếng Ý, Paris, 1666), trang 100. Ở đây chỉ nói tới những “thuyền” chiến, không dùng gì vào hàng hải thương mại. Cha đã ở Đàng Ngoài từ năm 1647 tới năm 1658.

⁽⁵¹⁾ Xem:

- W.Dampier, *Un voyage au Tonkin en 1688*¹⁴⁰ (theo bản dịch xuất bản ở Rouen năm 1715), đăng trên *R.I.*, 1909, trang 595 cho biết: “Ngoài ra, ở đây (Héan) còn có các thuyền¹⁴¹ của nhà vua, dùng để chạy trên các sông mà tôi sẽ mô tả như sau đây”; *R.I.*, 1910, trang 139: “Khi các thuyền không được dùng tới, người ta kéo chúng lên bờ và đặt chúng trong các ngôi nhà dựng nhanh để che phủ chúng”.
- A.Vissière, *Relation d'un voyage au Tonkin, par le Lettré chinois P'an tung Kouri*¹⁴² đăng trên *Bulletin de Géographie historique et descriptive*, 1889. Ở trang 80, tác giả dẫn lại ghi chép của một du khách Trung Quốc cùng thời gian với W.Dampier: “Quanh thành phố, dọc theo sông, suốt 50, 60 lí về phía thượng lưu và hạ lưu là những chiến thuyền nối nhau [...], sơn những màu sáng sủa và trạm trổ rất nghệ thuật”.

⁽⁵²⁾ A.de Rhodes, *sách đã dẫn ở trên*, trang 108.

⁽⁵³⁾ Marini. *Sách đã dẫn ở trên*, trang 109.

⁽⁵⁴⁾ Theo tác giả, hình như không có sự khác nhau giữa nhà ở thôn quê và nhà ở Kê Chợ. Giống như ở thôn quê (mà ngày nay vẫn còn thấy), các ao đầm ở Kê Chợ được sử dụng vào nhiều mục đích. Những sự đề phòng đặc biệt chống ngập lụt sắp nói sau đây cho thấy thành phố không được bảo vệ.

⁽⁵⁵⁾ Mỗi *phường* trong số 36 *phường* có hai thôn. Xem chú 46.

⁽⁵⁶⁾ Gần giống với những mô tả của Bác sĩ Hocquard trong bài *Trente mois au Tonkin*, đăng trên *Le tour du monde*¹⁴³ (Hachette, quí 1-1889, trang 22).

⁽⁵⁷⁾ Do quyền ưu tiên mà nhà vua tự cho mình và các quan đối với hàng hóa nhập khẩu (*Journal* của M. Deydier, đăng lại trong *Histoire de la Mission du Tonkin*¹⁴⁴ của Adrien Launay, Paris, 1927, trang 23).

Ngay sau khi vào sông, các thuyền nước ngoài có thể bị các thuyền của hoàng gia hộ tống. Xem:

- Baldinotti, trang 71;
- Marini, trang 149;
- *R.I.*, 1909, trang 593;
- R. Deloustal, *B.E.F.E.O.*, 1913, tập V, trang 55.

¹³⁹ *Lịch sử những vương quốc mới và kì lạ Tunquin và Lào.*

¹⁴⁰ *Một chuyến du hành Đàng Ngoài năm 1688.*

¹⁴¹ *Lược dịch từ nguyên văn frégate.*

¹⁴² *Báo cáo về chuyến thăm Bắc Kỳ của một nhà nho Trung Quốc.*

¹⁴³ *Vòng quanh thế giới.*

¹⁴⁴ *Lịch sử Đoàn truyền giáo Đàng Ngoài.*

⁽⁵⁸⁾ *Relation du Voyage du P.J.Tissanier, de la Compagnie de Jésus, depuis la France jusqu'au Royaume de Tonkin. Avec ce qui s'est passé de plus mémorable dans cette Mission, dans les années 1658, 1659, 1660*¹⁴⁵. Ra mắt tại Paris, nhà Edme Martin, phố Saint Jacques, Soleil d'Or, 1663. (Cần chú ý quyển 2: *Séjour au Tonkin dans les premiers mois de 1658*¹⁴⁶).

⁽⁵⁹⁾ *Relation des Missions des Evêques François aux Royaumes de Siam, de la Cochinchine, de Cambodge et du Tonkin*¹⁴⁷... (Paris, 1674), trang 176. M. Deydier có lẽ là giáo sĩ đầu tiên của Đoàn truyền giáo nước ngoài được vào Đàng Ngoài. Trích đoạn trên của ông trong *Journal* được in lại ở trang 24 trong cuốn *Histoire de la Mission du Tonkin* của A. Launay, Paris, 1927.

⁽⁶⁰⁾ Gemelli Careri (1651 – 1725?) là một nhà du lịch người Ý. Ông đã ghi chép lại những quan sát trong chuyến đi vòng quanh thế giới của mình trong một công trình gồm 6 tập, xuất bản ở Naples năm 1700, được dịch ra tiếng Pháp năm 1727, trong đó chương 9 của tập 3 cung cấp nhiều thông tin ông thu được từ người bạn đồng hành là Cha Manuel Fereirra (ở Đàng Ngoài năm 1673). Có một bản dịch tiếng Pháp ở Thư viện Méfanes, ở Aix-en-Provence.

⁽⁶¹⁾ S. Baron, *Description du Royaume de Tonkin*¹⁴⁸, lần đầu tiên được Churchill công bố vào năm 1732 trong tập VI của bộ *A Collection of Voyages and Travels*¹⁴⁹; tập này được dịch sang tiếng Pháp lần đầu tiên vào năm 1751 bởi thầy dòng Prévost đăng trong tập XXXIII của bộ *Histoire Général des Voyages* (các trang 249 – 339). Bản dịch mà chúng tôi trích lại trên đây kèm theo một số nét về tác giả được M. Deseille đăng trên tập san *Revue Indochinoise*, số quí 2-1914, các trang 59-75, 197-208, 331-343, 429-454, số quí 1-1915, các trang 291-301, 443-454. Bản đồ gắn với mô tả này được ghép thành phụ bản cho tập san *R.I.*, 1914, trang 64; còn có cảnh Kẻ Chợ, cũng tập san trên, trang 70.

Thực tế, Hà Nội nằm ở vĩ độ 21° 02' Bắc. Theo tác giả, việc so sánh Hà Nội với “nhiều thành phố châu Á” là có tính chất “xây dựng”. Đoạn “triều đình của nhà vua, các tướng tá...” tả lại Thăng Long với ba lớp tường vây hình như không được bảo trì. Câu cuối khẳng định những liên lạc thường xuyên của các thương nhân Việt Nam ở Hà Nội với quê quán của họ, nơi họ dễ chạy về mỗi khi có biến động (*R.I.*, số quí 2-1914, trang 448).

⁽⁶²⁾ William Dampire, *Un voyage au Tonkin*¹⁵⁰, xuất bản năm 1688, đăng trên *R.I.*, số quí 1-1909, các trang 585-596; số quí 2-1909, các trang 788-802; số quí 1-1910, các trang 132-144, 217-227, 325-334.

Cuốn *Voyages autour du Monde*¹⁵¹ của ông xuất bản lần thứ nhất bằng tiếng Pháp ở Amsterdam từ năm 1711 tới năm 1712 (5 tập). Năm 1715, một bản dịch khác được xuất bản tại Rouen (5 tập); những mô tả xứ Đàng Ngoài nằm ở tập III lần xuất bản 1715 (trong đó có một bản thuộc thư viện *E.F.E.O.*), đăng lại trên tập san *Revue Indochinoise* mà chúng tôi đã trích dẫn như trên. Đối với những mô tả Hà Nội ở bản xuất bản lần thứ nhất, xin xem *R.I.*, số quí 2-1909, các trang 909, 910, 911.

Cũng trong năm 1688, một nhà Nho Trung Quốc là P'an ting Kouei thăm Đàng Ngoài mà nhật kí chuyến đi được S. Vissière dịch đăng trên tập san *Bulletin de Géographie historique et descriptive*, 1889 (Paris, Leroux, 1890), các trang 70-86.

⁽⁶³⁾ Hai thương điểm này của người Anh cũng được vẽ trên sơ đồ của P. Baron (xem chú 61).

¹⁴⁵ Báo cáo về chuyến đi của Cha J. Tissanier, dòng Jésus, từ Pháp tới Vương quốc Đàng Ngoài. Những điều xảy ra đáng ghi nhất của chuyến đi trong các năm 1658, 1659, 1660

¹⁴⁶ Những ngày ở Đàng Ngoài vào đầu năm 1658.

¹⁴⁷ Báo cáo về các chuyến công tác của Đức Cha François ở các Vương quốc Xiêm, Đàng Trong, Cao Mên và Đàng Ngoài.

¹⁴⁸ Mô tả Vương quốc Đàng Ngoài.

¹⁴⁹ Những chuyến đi xa và những chuyến du lịch.

¹⁵⁰ Một chuyến thăm Đàng Ngoài.

¹⁵¹ Những chuyến du hành vòng quanh thế giới.

⁽⁶⁴⁾ Hénan, thành phố dành cho người nước ngoài, thoát đầu được gọi là Phố Khách, sau đó gọi là Phố Yên¹⁵², mà vết tích gần Hưng Yên, trên bờ trái sông Hồng, ở phía thượng lưu sông Châu Giang¹⁵³ và sông Luộc¹⁵⁴. Thời đó, thuyền phải mất hai ngày để ngược từ Hénan tới kinh đô. “Đó là một trong những chợ chính của vương quốc [...]. Tại đó người ta cho thuê những kho hàng rất lớn”(theo thầy dòng Richard, sẽ nói ngay sau đây, tập I, các trang 40-41). Hénan còn được gọi là Hiến Nam¹⁵⁵(nay là Nhơn-dức¹⁵⁶). Về những cơ sở của người Anh ở Kẻ Chợ, xin xem trang 270.

⁽⁶⁵⁾ Thầy dòng Richard, *Histoire Naturelle civile et politique du Tonquin*, 2 tập, in ở Paris, nhà Moutard, Hotel de Cluny, phố Mathurins, 1778. Tác giả là linh mục phụ tá Nhà thờ hoàng gia Vezelai. Trong phần mở đầu, tác giả nói rõ, ở trang X, rằng ông đã soạn cuốn lịch sử Đàng Ngoài này dựa “trên những hồi tưởng của thầy dòng Saint Phallas, linh mục địa phận Autun”, đã ở Đàng Ngoài suốt 12 năm để truyền giáo. Tác giả so sánh những hồi tưởng này với báo cáo của S. Baron và bổ xung thêm những báo cáo trích trong các cuốn *Lettres édifiantes*¹⁵⁷ và *Histoire Générale des Voyages*.

Thầy dòng Saint Phalles được Dupleix trao một nhiệm vụ ở Đàng Ngoài tương tự như nhiệm vụ của Cha Poivre ở Đàng Trong. Năm 1753, Saint Phallas gửi báo cáo nói việc thiết lập các cơ sở thương mại rất thuận lợi. Những hồi tưởng của Saint Phallas đã được thầy dòng Richard công bố sau khi ông chết ít lâu, vào năm 1766, mà chúng tôi đăng lại ở đây một số trích đoạn (tập I, các trang 27-41). Xem thêm: *Nouvelles Lettres édifiantes et curieuses*¹⁵⁸, tập VI, 1821, các trang 115-136, thư của Đức Cha Reydeller, đề ngày 7-5-1756.

⁽⁶⁶⁾ W. Dampier (*sách đã dẫn ở trên*, trang 595) viết: “Ở đây [Hénan] có một phố thuộc các thương nhân Trung Quốc. Có thời gian họ ở Kẻ Chợ rất đông. Nhưng họ đông lên nhanh quá khiến người trong nước bị chèn ép. Nhà vua liền ra lệnh cho họ phải rút khỏi kinh đô nhưng vẫn cho họ ở những nơi khác trong nước ngoài Kẻ Chợ. Nhưng phần lớn họ bỏ đi ngay lúc thấy không nơi nào tốt hơn Kẻ Chợ, vì thành phố này là thành phố thương mại duy nhất của cả nước, mà thương mại là cuộc sống của người Trung Quốc. Tuy vậy, ta thấy có một số người tới Hénan xây dựng cơ sở và ở lại. Nhưng các thương nhân này không chịu ngồi yên, mặc dù có những ngăn cấm mua bán hàng hóa ở Kẻ Chợ. Hiện nay người Trung Quốc bị cấm không được ở Kẻ Chợ”.

Người Hà Lan, rồi người Anh nhận được giấy phép đặc biệt thành lập thương điểm ở Kẻ Chợ nhưng họ chỉ ở một thời gian ngắn (xem trang 273). Ngược lại, chính nhờ sự có mặt của người nước ngoài mà lại phải cư trú cưỡng bức mà Hénan trở thành quan trọng (xem W. Dampier, *sách đã dẫn ở trên*, trang 594 và A. Vissier, *sách đã dẫn ở trên*).

⁽⁶⁷⁾ Bandinotti, *sách đã dẫn ở trên*, trang 77.

⁽⁶⁸⁾ *Sách đã dẫn ở trên*, tập I, chú của các trang 309, 310; các trang 311-350.

⁽⁶⁹⁾ Thứ sơn này một phần nhỏ dùng tại chỗ còn phần lớn bán cho người Trung Quốc mà người Việt¹⁵⁹ đã lấy được các quy trình xử lý nhờ hai chuyến đi sứ, dưới triều vua Lê Nhân Tông (1443-1460), của Trần Tương Công; ông này về sau trở thành ông tổ nghề sơn và được thờ ở quê là làng Bình Vọng¹⁶⁰ cách Hà Nội 18km về phía Nam.

⁽⁷⁰⁾ *Sách đã dẫn ở trên*, đăng trên *R.I.*, số quí 2-1914, trang 197.

⁽⁷¹⁾ *Sách đã dẫn ở trên*, đăng trên *R.I.*, số quí 2-1909, các trang 790-796.

⁽⁷²⁾ Xem:

¹⁵² Như nguyên văn; chắc tác giả viết nhầm từ phố Hiến.

¹⁵³ Nguyên văn *canal de Phu-Lý*.

¹⁵⁴ Nguyên văn *canal des Bambous*.

¹⁵⁵ Nay là phường Hiến Nam, ở phía Bắc thị xã Hưng Yên.

¹⁵⁶ Như nguyên văn; đúng ra phải là Nhân Dục.

¹⁵⁷ Những bức thư cảm hóa.

¹⁵⁸ Những bức thư cảm hóa và những bức thư kì lạ mới.

¹⁵⁹ Từ nguyên văn *Tonkinois*.

¹⁶⁰ Nay vẫn là làng Bình Vọng, thuộc xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Hà Nội

- A.de Rhodes, *Histoire du Royaume du Tonkin*¹⁶¹ (R.I., 1908, trang 183);

- Paul Boudet, *Pierre Poivre* (tập 36 *Cahier de la Société de Géographie de Hanoi*¹⁶², 1941, các trang 22-25).

(73) Thầy dòng Richard, *sách đã dẫn ở trên*, các trang 33, 40, 68. Mãi sau năm 1890, những con đường đầu tiên mới được xây dựng.

(74) W.Dampier, *sách đã dẫn ở trên*, trang 919.

(75) G.Dumoutier, *Les cultes annamites*¹⁶³ (R.I., 1905, trang 695), và *Essai sur les Tonkinois*¹⁶⁴ (R.I., 1907, trang 689).

(76) R.I., số quí 2-1908, các trang 181-182; và số quí 2-1914, các trang 65, 66 và 67.

(77) Xem:

- L.Aurousseau, *La première conquête chinoise des Pays Annamites*¹⁶⁵ (III^e siècle avant notre ère), đăng trên *B.E.F.E.O.*, 1923, các trang 137-264;

- H.Maspéro, *Le Protectorat général d'Annam sous les T'ang. Essai de géographie historique*, đăng trên *B.E.F.E.O.*, 1910, các trang 539-584 và 665-682...

(78) A.Launay, *Histoire de la Mission du Tonkin* (Paris, 1927), tập I, trang 67 cho biết: đạo dụ ngày 13-7-1669 không cho người nước ngoài cư trú ở Kẻ Chợ mà trước đó, 1626, chính sách của các vua cởi mở hơn đối với người nước ngoài (Baldinotti, *sách đã dẫn ở trên*, số 47).

Trong năm 1681, nạn đói hoành hành, vua Lê Hi Tôn quyết định xá tội cho tất cả các tàu nhập gạo. Ngày 5-3-1682, hai trăm thuyền Trung Quốc xuất hiện trên sông để cung cấp gạo cho thành phố. Số lượng thuyền làm nhà vua phát hoảng vì sợ người Trung Quốc chiếm mất nước (Thư ngày 15-12-1681 của trưởng thương điểm gửi Chủ tịch Công ti ở Bantam. Xem chú 98).

(79) Xem chú 66.

(80) G.Dumoutier, *Les Pagodes de Hanoi*, các trang 77-83.

(81) Sau đạo dụ 7-12-1635, người Nhật bị Shogun Iemitsu cấm ra nước ngoài buôn bán. Thế là họ dùng người Trung Quốc làm người trung gian (W. J. M. Buch, *B.E.F.E.O.*, 1936, các trang 126-127, 131, 163).

(82) Sơn, một phần nhỏ dùng tại chỗ, còn phần lớn bán cho người Trung Quốc. Xem chú 69.

(83) Xem:

- F.Valentin, *Histoire des Indes Orientales*¹⁶⁶ (1724), tập III, phần 2, quyển 4, các trang 1-35 và tập V, phần 2, trang 98;

- A.J.C.Geerts, *Voyage du yacht hollandais "Grol", du Japon au Tonkin*, 31-1-1637 – 8-8-1637¹⁶⁷, đăng trên *Excursions et Reconnaissances*¹⁶⁸, 1882, số 13, theo sau bài *Renseignements sur le Tonkin de quelques auteurs japonais*¹⁶⁹ (trang 44). Người Nhật không bao giờ có cơ sở thường trực ở Kẻ Chợ.

¹⁶¹ *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*.

¹⁶² *Tập san của Hội Địa lý Hà Nội*.

¹⁶³ *Các tín ngưỡng của người An Nam*.

¹⁶⁴ *Tiểu luận về người Bắc Kỳ*.

¹⁶⁵ *Cuộc chinh phục An Nam lần đầu tiên của người Trung Quốc*.

¹⁶⁶ *Lịch sử xứ Đông Ấn*. Trước đây, người phương Tây dùng thuật ngữ Đông Ấn để chỉ Indonêxia hiện nay, Tây Ấn để chỉ Ấn Độ hiện nay.

¹⁶⁷ *Chuyến đi của chiếc thuyền Hà Lan "Grol" từ Nhật tới Đàng Ngoài, từ 31-1-1637 tới 8-8-1637*.

¹⁶⁸ *Du khảo và khảo sát*.

¹⁶⁹ *Những thông tin về Đàng Ngoài của một số tác giả Nhật*.

- Cl.E.Maître, báo cáo phê bình tác phẩm *Histoire du Christianisme au Japon*¹⁷⁰ của Pfasser Hans Haas, xuất bản ở Tokyo năm 1902, đăng trên *B.E.F.E.O.*, 1903, các trang 491-512;
 - Ch.de Coutouly, *Missionnaires et Commerçants au Japon au XVII^e siècle*¹⁷¹, đăng trên *R.I.*, 1906, các trang 995, 1097 và 1395;
 - N.Péri, *Essai sur les relations du Japon et de l'Indochine, aux XVI^e et XVII^e siècles*, đăng trên *B.E.F.E.O.*, 1923, các trang 1-136 (nhất là các trang 105-106);
 - Louis Finot, *Relations historiques du Japon et de l'Indochine*¹⁷², đăng trên *Extrême-Asie*, 10-1929, các trang 710-718;
 - L.Pagès, *Histoire de la religion chrétienne au Japon depuis 1598 jusqu'à 1621*¹⁷³ (Paris, 1869-1870, 2 tập), tập I, trang 792, chú 1, trang 812; tập II, trang 395, phụ lục 116;
 - J.H.Peysonneaux, *Anciennes colonies japonaises en Indochine*¹⁷⁴, đăng trên *B.A.V.H.*, 1933, trang 262 (rất tóm tắt).
- (84) Xem:
- N.Péri, sách đã dẫn ở trên, các trang 76-97;
 - Henre Bernard, sách đã dẫn ở trên, các trang 52, 56-58.
- (85) Baldinotti, sách đã dẫn ở trên, trang 75.
- (86) *Voyage du "Gol"*, đăng trên *R.I.*, số quí 1-1907, trang 436. Người Hà Lan đã sớm nhận ra sự gó bó này. Xem W. J. Buch, đăng trên *B.E.F.E.O.*, 1936, trang 154.
- (87) Xem:
- A.Maybon, *Les Marchands étrangers sur le Fleuve Rouge au XVII^e siècle*¹⁷⁵, đăng trên *R.I.*, số quí 1-1911, các trang 286-294;
 - Ch.B.Maybon, *Les Européens en Cochinchine et au Tonkin*¹⁷⁶ (au XVII^e et au XVIII^e siècle), đăng trên *R.I.*, số quí 1-1916, các trang 49-98 và các trang 411-413;
 - Cũng tác giả trên, *Histoire Moderne du Pays d'Annam* (1592-1820), NXB Plon, 1920, các trang 50-100 và các trang 149-182;
 - R.Deloustal, *La Justice dans l'Ancien Annam*, đăng trên *B.E.F.E.O.*, 1913, tập V, các trang 55-59.
- (88) Đó là Ferdinand Perez, ông tới bờ biển Đông Dương vào năm 1516. Nhưng những người Bồ Đào Nha đầu tiên đã tới Quảng Đông từ năm 1514. Xem:
- H.Cordier, *L'arrivée des Portugais en Chine*¹⁷⁷, đăng trên *T'oung Pao*¹⁷⁸, tập XII, 1911, các trang 483-543;

¹⁷⁰ *Lịch sử Cơ Đốc giáo Nhật.*

¹⁷¹ *Các nhà truyền giáo và nhà buôn ở Nhật.*

¹⁷² *Các quan hệ lịch sử giữa Nhật và Đông Dương.*

¹⁷³ *Lịch sử đạo Cơ Đốc ở Nhật từ 1598 tới 1621.*

¹⁷⁴ *Các thuộc địa cũ của Nhật ở Đông Dương.*

¹⁷⁵ *Các thương nhân nước ngoài trên sông Hồng ở thế kỷ 17.*

¹⁷⁶ *Những người châu Âu ở Đàng Trong và Đàng Ngoài.*

¹⁷⁷ *Sự du nhập của người Bồ Đào Nha vào Trung Quốc.*

¹⁷⁸ *Thông báo.*

- Albert Kammerer, *La découverte de la Chine par les Portugais au XVI^e siècle et la cartographie des Portulans*¹⁷⁹, đăng trên *T'oung Pao*, phụ trương của tập XXXIV, các trang 9 và 107 (Leiden, 1944) cho thấy: Chính tại Macao người ta đã xây dựng hệ thống mua bán qua trung gian nhằm tránh tiếp xúc trực tiếp giữa người nước ngoài với nhà sản xuất bản địa, một hệ thống như vậy cụ thể hóa khái niệm “comprador”¹⁸⁰ (tiếng Bồ Đào Nha có nghĩa là người mua); theo đó, người trung gian là một người Trung Quốc chịu hoàn toàn trách nhiệm các thương vụ. Người Bồ Đào Nha phát hiện ra Nhật vào năm 1545 (xem Cl. E. Maitre, đăng trên *B.E.F.E.O.*, 103, trang 500).

⁽⁸⁹⁾ Họ thiết lập các quan hệ thương mại đầu tiên với Đàng Trong¹⁸¹ vào năm 1540 và đặt hẳn cơ sở ở Macao vào giữa thế kỷ 16 (năm 1557). Xem:

- H. Cordier, đăng trên *T'oung Pao*, 1903, trang 120;
- Cl. E. Maitre, báo cáo phê bình tác phẩm *Geschichte des Christentums in Japan* của Pfarrer Hans Haas, Tokyo, 1902, đăng trên *B.E.F.E.O.*, 1903, trang 507;
- Về những người Bồ Đào Nha ở Đại Việt thời kì này, xem Ch. B. Maybon, *sách đã dẫn ở trên*, các trang 61-64. Chuyến khảo sát Đàng Ngoài đầu tiên do Cha Diego Aduarte thực hiện vào cuối thế kỷ 16. Người Bồ Đào Nha bị trục xuất khỏi Nhật vào năm 1639.

⁽⁹⁰⁾ Xem:

A. J. C. Geerts, *Voyage du yacht hollandais “Grol”, du Japon au Tonkin*, (31-1-1637 – 8-8-1637), đăng trên *Excursions et Reconnaissances*, 1882, số 13. Bản dịch của F. A. Rose từ nhật ký hàng hải ghi chép bằng tay của con tàu này trong hành trình từ Nhật, ghé qua Đài Loan, Đà Nẵng, trước khi vào cửa sông Thái Bình rồi theo sông Luộc ngược lên kinh đô;

- G. Dumoutier, *Le comptoir hollandais de Phố-hiến ou Phố-khách, près Hung-yên (Tonkin) au XVII^e siècle*¹⁸², đăng trên *Bulletin de Géographie historique et descriptive*, 1895, các trang 220-228;
- W. J. N. Buch, *La Compagnie des Indes Néerlandaises et l'Indochine*¹⁸³, đăng trên *B.E.F.E.O.*, 1936, các trang 97-196; 1937, các trang 121-195;
- *Doghregister gehauden int Casteel Batavia*¹⁸⁴ (La Haye 1896 và những năm tiếp);
- F. Valentijn, *Ouden Nieuw Oost-Indien* (1726), tập III, phần 2 *Beschryvinge van Tonkin*, các trang 1-35.

Người Hà Lan đã thành lập Batavia năm 1619 và có một chi điểm ở Đài Loan (Castel Zelandia) từ năm 1625 nhưng bị đuổi đi vào năm 1661.

⁽⁹¹⁾ Chi điểm này phải chuyển, ngày 21-5-1641, sang một hòn đảo nhỏ gọi là Deshima.

Nagasaki, được thành lập năm 1641, xuất hiện và phát triển thương mại ban đầu là nhờ người Bồ Đào Nha.

⁽⁹²⁾ Sứ giả của Trịnh Tráng ở Batavia năm 1639.

⁽⁹³⁾ Xem các chú ở trên:

¹⁷⁹ Sự phát hiện ra Trung Quốc của người Bồ Đào Nha ở thế kỷ 16 và phương pháp đồ họa của các bản Portulans

¹⁸⁰ Có thể dịch sang tiếng Việt là mại bản. Chú ý rằng trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta, từ tư sản mại bản chỉ tầng lớp tư sản cộng tác chặt chẽ với tư bản Pháp.

¹⁸¹ Tạm dịch từ nguyên văn *Cochinchine*. Thực ra, trước năm 1540, Nguyễn Hoàng vẫn chưa được cử đi trấn thủ Thuận Hóa.

¹⁸² Các gian hàng của người Hà Lan ở Phố Hiến hay Phố Khách, gần Hưng Yên (Đàng Ngoài) ở thế kỷ 17.

¹⁸³ Công ti Ấn Độ của Hà Lan và Đông Dương.

¹⁸⁴ Những ghi chép ở thành phố Batavia.

- S. Baron, chú 61;

- W. Dampier, trang 276.

Người Hà Lan từ bỏ hẳn mọi giao thương với Đàng Trong sau năm 1654.

⁽⁹⁴⁾ W.J.M. Buch, *sách đã dẫn ở trên*, trang 124 cho biết: một nhà buôn Hà Lan là Van Riebeck tới nhà một người sản xuất vào ban đêm để mua hàng, như vậy hắt cẳng các “ông lớn của vương quốc”; còn các thương nhân bản địa tới chỗ người Hà Lan để bán hàng trực tiếp thì bị người của một viên quan dùng gậy đánh đuổi (trang 129).

Không còn lại gì từ chi điểm của người Hà Lan, cũng giống như chi điểm của người Anh xây dựng ở Kẻ Chợ năm 1687 sau khi tới đây vào năm 1683.

Về tên gọi của các mặt hàng, xem: H. Yule và A.C. Burnell: *Hobson-Jobson, A Glossary of colloquial anglo-indian words and phrases, and of Kindred terms, etymological, historical, geographical and discursive*¹⁸⁵ (London, 1886).

⁽⁹⁵⁾ Lúc đó việc áp dụng chế độ “comprador” được thực hiện ở Macao đầu tiên (xem chú 88).

⁽⁹⁶⁾ Loại thuế này thay đổi tùy theo sự quan trọng và xuất sứ của tàu.

Về những tàu tới Đàng Trong, xem:

- Ch. B. Maybon, *sách đã dẫn ở trên*, trang 53

- *Liệt thánh thập lục tiền biên*, phần dẫn nhập, tập X, trang 26 và 27.

⁽⁹⁷⁾ Xem:

- Villars, *Les Anglais au Tonkin*¹⁸⁶ (1672-1697), đăng trên *Revue de Paris*, 1903, tập VI, các trang 268-286;

- Birdwood, *Report on the miscellaneous old record of the Indian Office*¹⁸⁷ (in lại năm 1890);

- Ch. B. Maybon, *Une factorerie anglaise au Tonkin au XVII^e siècle*¹⁸⁸ (1672-1697), đăng trên *B.E.F.E.O.*, 1910, các trang 159-204. Thương điểm này phụ thuộc chủ tịch ở Bantam, thành lập từ đầu thế kỷ, một chợ buôn bán gia vị lớn trên đảo Java.

⁽⁹⁸⁾ Chính Gyfford là người điều hành thương điểm của người Anh cho tới ngày 28-6-1676; sau đó ông ông được thay thế bởi Benjamin Sanger, tác giả bức thư nói ở chú 78. Về Gyfford, xem: *B.E.F.E.O.*, 1910, trang 163, chú 4.

⁽⁹⁹⁾ Ch. B. Maybon, *sách đã dẫn ở trên*, đăng trên *B.E.F.E.O.*, 1910, trang 180.

⁽¹⁰⁰⁾ Ch. B. Maybon, *Une factorerie anglaise au Tonkin*, *B.E.F.E.O.*, 1910, trang 183.

⁽¹⁰¹⁾ Ch. B. Maybon, *Histoire Moderne du Pays d'Annam*, trang 69.

⁽¹⁰²⁾ Cha G. Baldinotti, xem trang 277.

⁽¹⁰³⁾ Xem;

- Dufresne de Francheville, *Histoire de la Compagnie des Indes*¹⁸⁹;

- M. P. Kaepelin, *La compagnie des Indes Orientales et François Martini*¹⁹⁰ (Paris, 1908);

¹⁸⁵ Từ vựng các khẩu ngữ Anh-Ấn và các thành ngữ, các thuật ngữ liên quan tới từ nguyên, lịch sử, địa lí và lan man đủ loại.

¹⁸⁶ Người Anh ở Đàng Ngoài.

¹⁸⁷ Báo cáo về những ghi chép cũ bị thất lạc của Văn phòng Ấn Độ.

¹⁸⁸ *Une* một thương điểm của Anh tại Đàng Ngoài ở thế kỷ 17 (1672-1697).

¹⁸⁹ *Lịch sử Công ti Ấn Độ*.

¹⁹⁰ *Công ti Đông Ấn và François Martini*

- Ch.B.Maybon, sách đã dẫn ở trên, B.E.F.E.O., 1910, các trang 201-203;

- Jacques Pannier, *Notes sur quelques Français d'Extrême-Orient au XVII^e siècle*¹⁹¹, đăng trên R.I., số quí 1-1904, các trang 601-608.

(104) Xem:

-- R.P.Henri Bernard, sách đã dẫn ở trên, trang 78;

- A. Launay, *Histoire de la Mission du Tonkin* (Paris, 1927); *Voyages et travaux des Missionnaires de la Compagnie de Jésus*¹⁹², tập II: *Mission de la Cochinchine et du Tonkin*¹⁹³ (Paris, 1858).

(105) Ch.B.Maybon, R.I., 1916, trang 412.

(106) Theo cuốn *Routier de Chine*¹⁹⁴, các nhà tàu đi Trung Quốc hoặc Nhật tách ra xa đảo Cù lao Chàm (ở phía Nam Đà Nẵng), sau đó hướng về mũi Bastian trên đảo Hải Nam. Xem thêm Kammerer, sách đã dẫn ở trên, trang 156.

(107) Ch.B.Maybon, bài *Au sujet de la Rivière du Tonkin*¹⁹⁵, in thành phụ lục (các trang 403-409) trong cuốn *Histoire Moderne du Pays d'Annam*.

(108) G.Devéria, *Histoire des Relations de la Chine avec l'Annam-Vietnam, du XIX^e au XIX^e*¹⁹⁶ (NXB Leroux, Paris, 1880): Nguyễn Văn Huệ chiếm Hà Nội ngày 21-7-1786; tự xưng vua vào tháng 12-1788, và định đô trong tỉnh Nghệ An, tại trung tâm vùng lãnh thổ của mình, gọi là Trung đô, còn Hà Nội chỉ được gọi là Bắc Thành.

Nguyễn Ánh chiếm lại Sài Gòn năm 1788, tiến vào Hà Nội ngày 20-7-1802, ngay lập tức cầu phong triều đình Trung Quốc. Cần Long trả lời bằng hai chiếu chỉ: một chiếu chỉ xác định các cống vật phải cống hai năm một lần; một chiếu chỉ ban quốc hiệu Việt Nam cho nhà nước của Nguyễn Ánh. Lễ sắc phong diễn ra vào năm 1804, ngay tại Hà Nội.

(109) Về từ "Cochinchine", xem: Léonard Arousseau, đăng trên B.E.F.E.O., số quí 2-1924, các trang 563-579.

(110) P.L.F.Philastre, *Le Code Annamite*¹⁹⁷ (NXB Leroux, Paris, 1909). Bộ luật này do hoàng đế An Nam ra lệnh soạn thảo vào tháng 2-1811, được hoàn thành vào tháng 9-1811, gồm 22 tập và 398 điều, do vua Gia Long đề tựa ngày 20-7-1812 và được ban hành vào tháng 9-1815. Tên chính thức của bộ luật là *Hoàng triều luật lệ*¹⁹⁸. Trái với luật Hồng Đức của nhà Lê, luật Gia Long kém thích ứng vì chuyển vị từ luật của nhà Thanh, "trong đó rất ít điều bị bỏ đi, và một số điều, khá hiếm, có thay đổi nhưng rất không đáng kể"¹⁹⁹. Điều 176 của luật Gia Long khẳng định rằng "nhà, chỗ ở, xe cộ, quần áo [...] của các quan và dân chúng khác nhau tùy theo phẩm trật của từng người [...]". Như vậy, dân chúng Kẻ Chợ không thể xây dựng nhà có tầng lầu. Xem điều 156 (Philastre, sách đã dẫn ở trên, tập I, trang 658).

(111) Công tác xây dựng sau năm 1803 bị đình lại do sự can thiệp của các nhà phong thủy và chỉ được nối lại vào năm 1805. Việc xây dựng Thành được hoàn thành vào năm 1812, sau khi xây xong Cột Cờ. Tường thành dài 6.983m, cao 5m, bao quanh bởi một hào rộng 17m và trở ra năm cửa. Xem:

- Louis Bezacier, *L'art vietnamien*, Paris, 1955, các trang 90 và 92-94;

¹⁹¹ Những ghi chép về một số người Pháp ở Viễn Đông vào thế kỷ 17.

¹⁹² Các chuyến đi và công việc của các nhà truyền giáo dòng Jesus

¹⁹³ Sự truyền giáo ở Đàng Trong và Đàng Ngoài.

¹⁹⁴ Đường xá Trung Quốc.

¹⁹⁵ Về sông Tonkin. Theo cách viết trên chắc tác giả muốn chỉ sông Hồng.

¹⁹⁶ Lịch sử quan hệ Trung Quốc với An Nam-Việt Nam thế kỷ thứ 19 tới thế kỷ 19. Chắc có sự nhầm lẫn của nhà in về thời gian. Không kiểm tra được.

¹⁹⁷ Luật An Nam.

¹⁹⁸ Chính lại và dịch từ nguyên văn *Lois et Décrets de l'Empire de Hoàng-Việt*.

¹⁹⁹ Chúng tôi cố dịch sát nguyên văn nhưng có thể hiểu đoạn văn này một cách ngắn gọn là luật Gia Long sao chép gần như nguyên si luật của nhà Thanh.

- *Bắc Thành địa dư chí*, q. 1-1b.

Trong Thành, điện Kính Thiên, xây dựng trên một nền tại vị trí Nùng Sơn, được bảo vệ bởi một tường hình chữ nhật; từ tường trở ra các cửa mang tính công trình nghệ thuật (cửa Đoan Môn ở phía Nam, cửa Hậu Lâu ở phía Bắc) hiện vẫn còn. Điện Kính Thiên bị phá hủy vào năm 1886.

⁽¹¹²⁾ Năm 1835, theo lệnh của các nhà phong thủy, Thành bị bạt thấp xuống mất 0,70m.

⁽¹¹³⁾ Năm 1852, *huyện* Thọ Xương bị bỏ và được sáp nhập vào huyện Vĩnh Thuận. Năm 1901, trị sở của tỉnh Hà Nội chuyển về Cầu Đơ²⁰⁰ và tỉnh có tên là tỉnh Hà Đông.

⁽¹¹⁴⁾ Phần lớn các “hương ước” bị mất sau năm 1945-1946. Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp còn giữ được một số hương ước trong kho Lưu trữ ở Hà Nội.

⁽¹¹⁵⁾ Việc tổ chức tế thành hoàng vẫn còn được thực hiện tới năm 1953, như ở phố Hàng Thợ Nhuộm.

⁽¹¹⁶⁾ M. de la Bissachère, *État actuel du Tonkin, de la Cochinchine et des Royaumes de Cambodge, Laos et Lac-Tho*²⁰¹ (Paris, Galignani, 1812, 2 tập).

⁽¹¹⁷⁾ Philastre, *sách đã dẫn ở trên*, tập I, trang 658.

²⁰⁰ Nay là quận Hà Đông, Hà Nội.

²⁰¹ *Tình hình hiện nay của Bắc Kỳ, Nam Kỳ, các Vương quốc Lào, Cao Mên và Lac-Tho.*

TƯ LIỆU ẢNH:

CÁC BẢN ĐỒ HÀ NỘI

Ngoài bản đồ trong nguyên bản, chúng tôi đề nghị bạn đọc tham khảo thêm một số bản đồ dưới đây.

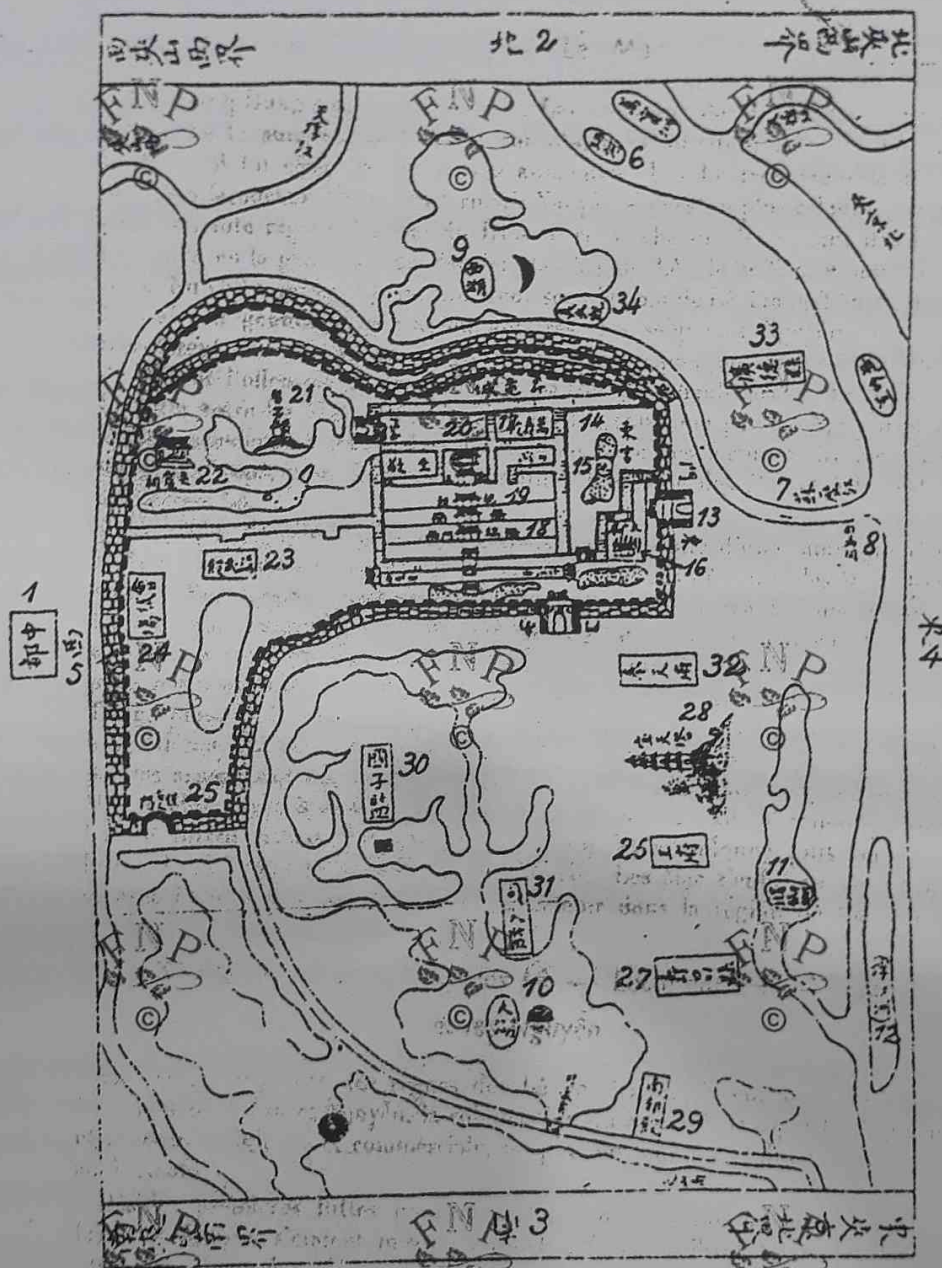


Fig. 26. — Plan de Thăng-long d'après la Géographie de Hồng-đức (1499). Ms. E. F. E.-O.

Bản đồ Thăng Long theo Hồng Đức địa dư.

Nguồn: <http://belleindochine.free.fr>

Thời Hồng Đức, kinh đô được gọi là *Thăng Long*, *Đông đô*, *Trung đô* [1]. Trên bản đồ¹ ghi rõ các hướng Bắc⁽²⁾, Nam⁽³⁾, Đông⁽⁴⁾, Tây⁽⁵⁾ và bản đồ được gọi là bản đồ *Trung đô*⁽¹⁾.

Ta thấy Thành rất rõ trên bản đồ nhờ tường thành mà ở phía Bắc có hai lớp. Thăng Long nằm giữa sông Hồng ở phía Đông gọi là *Nhị Hà*⁽⁶⁾, *sông Tô Lịch* ở phía Tây mà một nhánh làm thành hào phía Bắc của Thành (nay trở thành cống chìm dưới đường Phan Đình Phùng) trước khi đổ ra sông Nhị Hà ở chỗ ngang *đền Bạch Mã* [8]. Có hai cái hồ lớn, một ở phía Bắc Thành, một ở phía Nam Thành. Hồ ở phía Bắc hiện vẫn còn và chính là *Hồ Tây*. Hồ phía Nam, phần lớn cùng với các nhánh của nó đã bị san lấp, trên bản đồ được ghi là *Đại Hồ*⁽¹⁰⁾. Một hồ khác nhỏ hơn, *Hồ Hoàn Kiếm* [11], thông với sông Hồng ở chỗ ngang với *Bãi Phúc Xá*⁽¹²⁾. Tường Thành chạy về ra một khẩu súng chia ra sông Hồng. Từ Đông sang Tây, ta thấy có *cửa Đông môn*⁽¹³⁾, *dinh Đông Cung* [14] của Đông Cung Thái tử gần một hồ⁽¹⁵⁾ lớn. Ở phía Nam Đông Cung là *Thái miếu* [16] thờ tổ tiên hoàng đế. Ở phía Tây dinh Đông Cung là *Cung Vạn thọ*⁽¹⁷⁾ của nhà vua và các ngôi nhà hoặc trạm gác sòng nhau từ Nam lên Bắc là: *cửa Đoan môn*⁽¹⁸⁾, *phòng Thiết triều*⁽¹⁹⁾, *điện Kính thiên*⁽²⁰⁾.

Ở phía Tây, chúng ta thấy hai cái đền: *đền Khán Sơn*⁽²¹⁾ và *đền Linh Lang*⁽²²⁾; hai đền này nằm gần một cái hồ⁵. Ở phía Nam là *Giảng Võ điện*⁽²³⁾, có nghĩa là “cung giảng dạy quân sự” và một đầu là *Hội Thi đường*⁽²⁴⁾, có nghĩa là “trường thi văn chương”. Phía Nam Thành là *cửa Báo Khánh*⁽²⁵⁾.

Bên ngoài Thành và ở phía Nam là *Vương phủ*⁽²⁶⁾ của chúa Trịnh (chắc là được chúa thêm sau thời Hồng Đức) trong *huyện Thọ Xương*⁽²⁷⁾. Phía Bắc vương phủ của chúa Trịnh là *tháp Báo Thiên*⁽²⁸⁾, ở phía Nam là *đàn Nam Giao*⁽²⁹⁾.

Cuối cùng, ở phía Tây Bắc vương phủ chúa Trịnh là *Quốc Tử Giám*⁽³⁰⁾, có nghĩa là “trường của con nhà nước”, nay là Văn Miếu và *Tây Thiên Giám*⁽³¹⁾, có nghĩa là “đài quan sát thiên văn ở phía Tây”. Lãnh thổ kinh đô gồm một phủ là *phủ Phụng Thiên*⁽³²⁾, hai huyện là *Thọ Xương*⁽²⁷⁾ và *Quảng Đức*⁽³³⁾.

Chú ý rằng ngôi chùa ngày nay gọi là *đền Quán Thánh* được ghi trên bản đồ dưới tên gọi *Trấn Võ quán*⁽³⁴⁾.

¹ Các số nhỏ trong ngoặc đơn là các số được đánh dấu trên bản đồ.

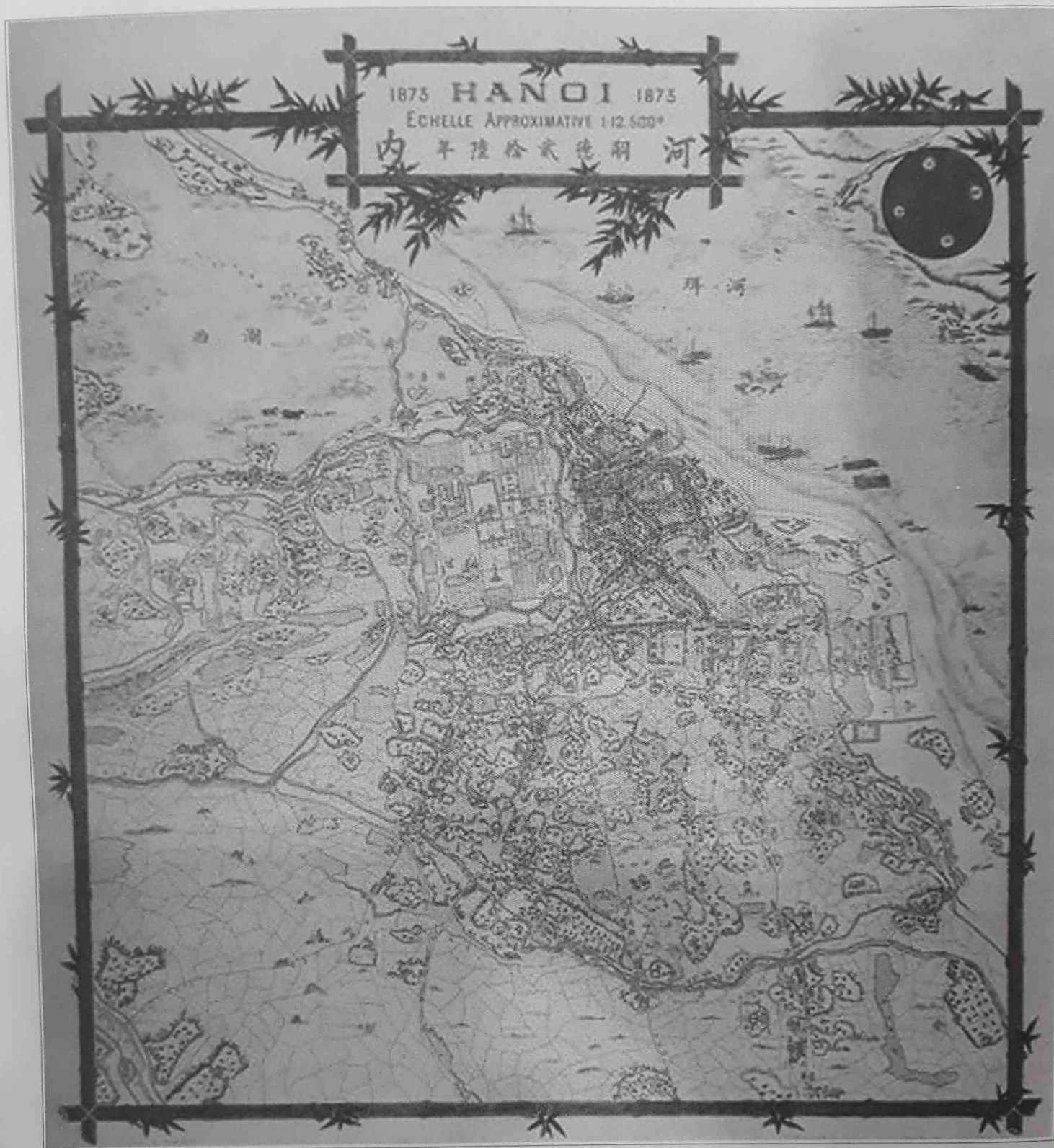
² Nguyên văn tiếng Pháp kèm theo là *Grand Lac*, nay là Hồ Bảy Mẫu. Chú ý rằng từ này chỉ là chuyển ngữ của *Đại Hồ*; còn đúng ra *Grand Lac* là tên tiếng Pháp chính thức của Hồ Tây.

³ *Île de Phú-sa*.

⁴ Sửa và dịch từ nguyên văn *Thần-triều*.

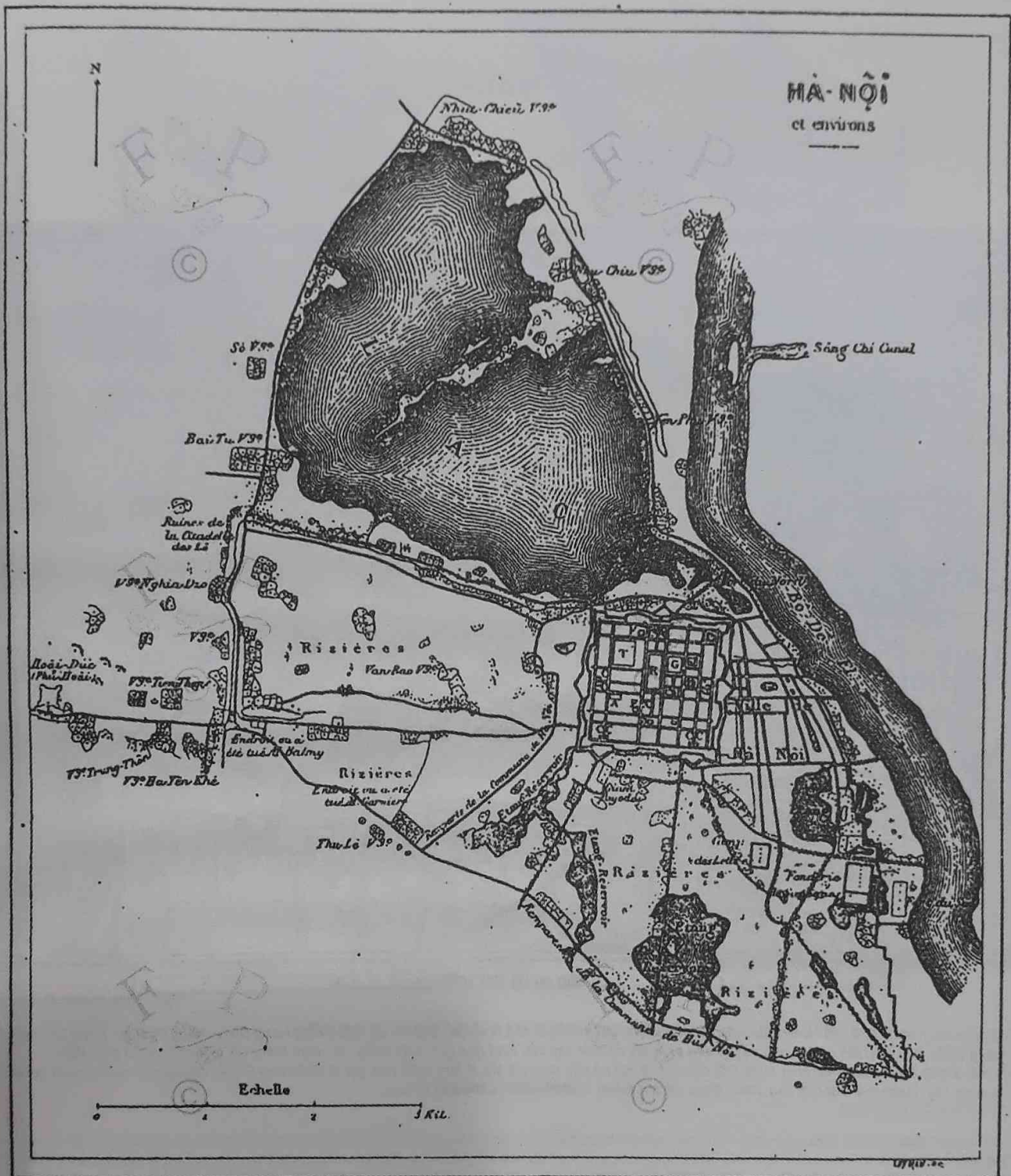
⁵ Hồ Ngọc Khánh và hồ Thủ Lệ.

⁶ Nay là Nhà máy Cơ khí Trần Hưng Đạo, ở cuối đường Bà Triệu.



Bản đồ Hà Nội 1873.

Bản đồ này thường được gọi là bản đồ Phạm Đình Bách để phân biệt với các bản đồ 1873 khác, được tham khảo nhiều nhất.

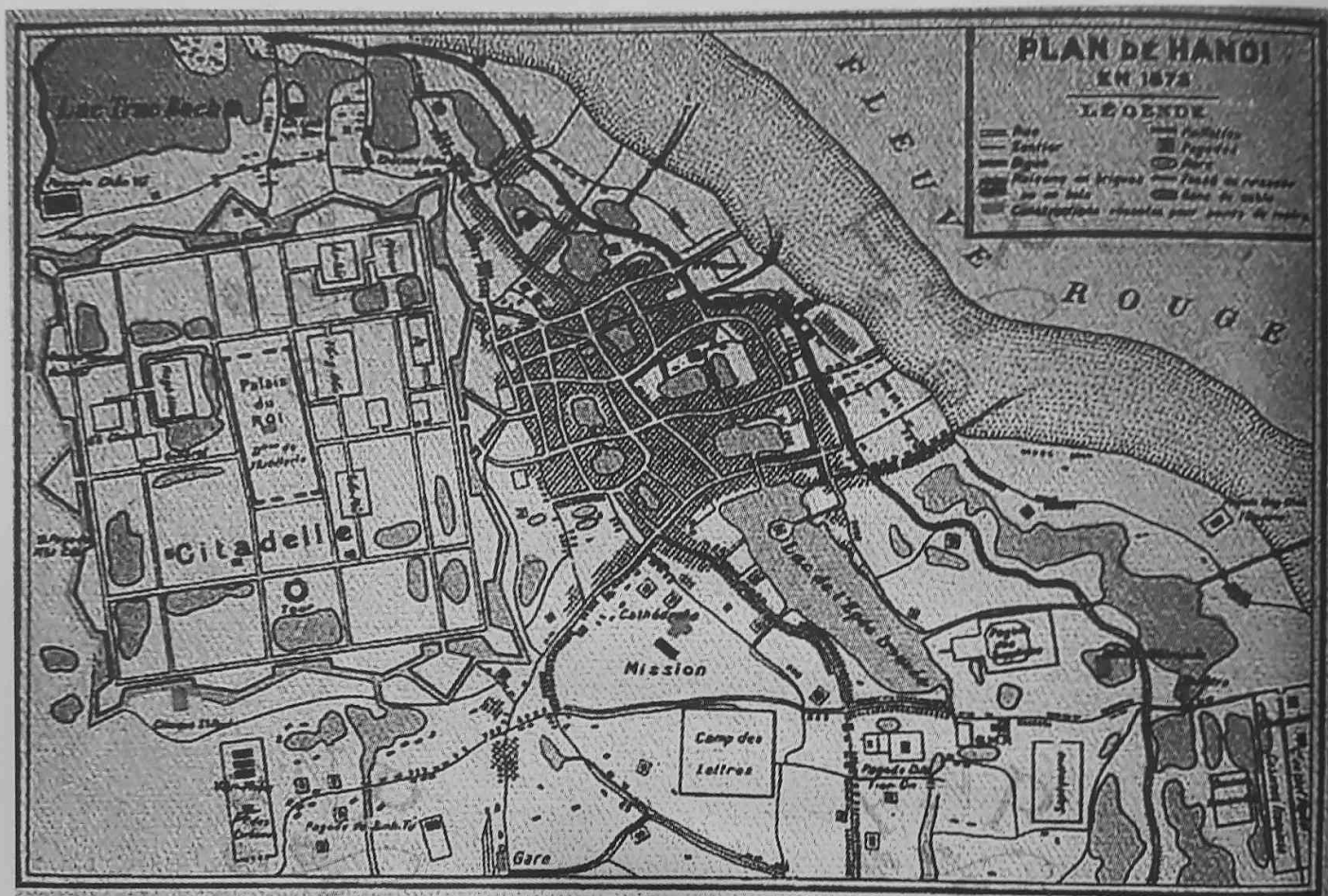


Gravé par Erhard

Bản đồ Hà Nội 1873

Nguồn: <http://belleindochine.free.fr>

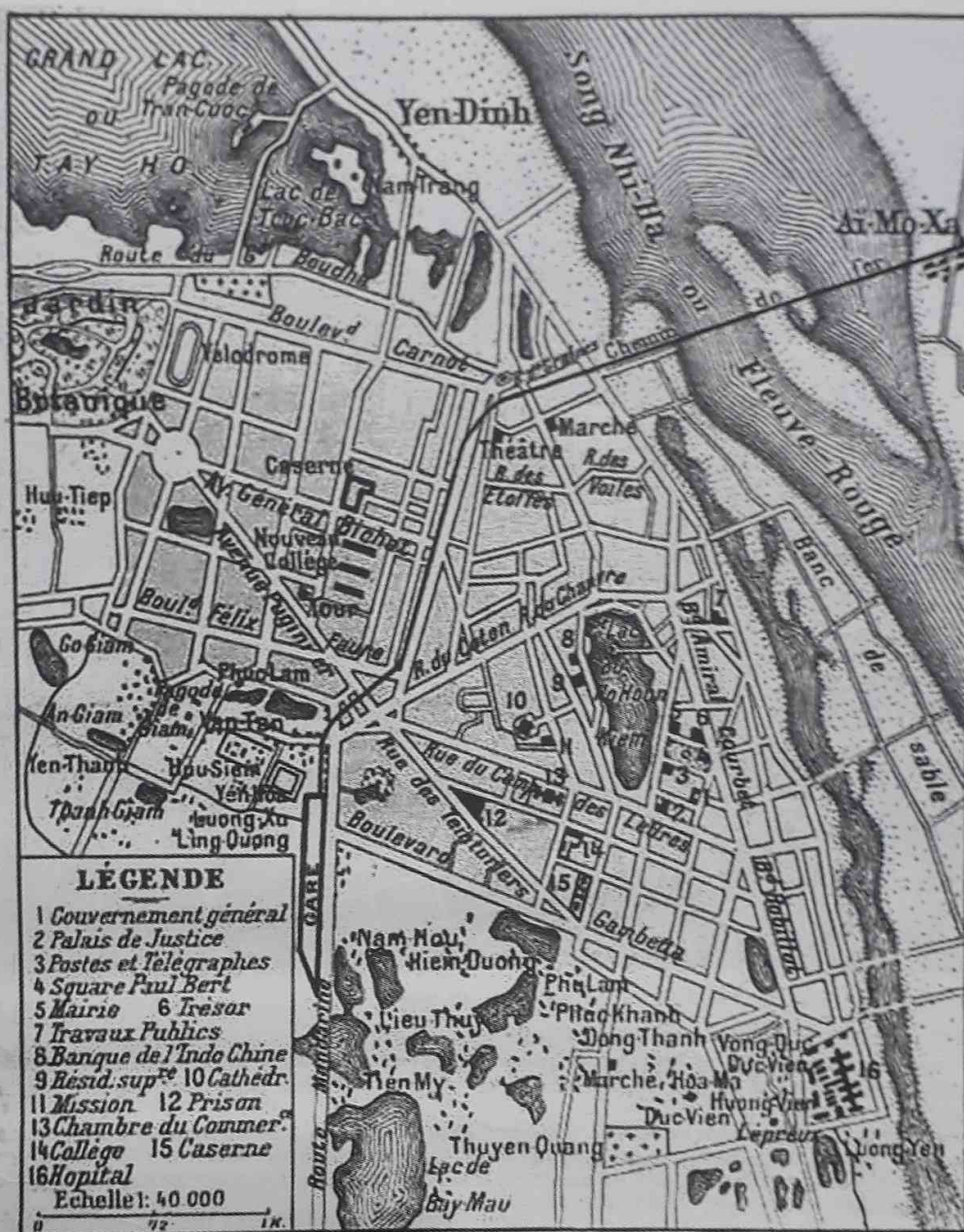
Trị sở tỉnh Hà Nội năm 1831 là thành Hoài Đức (hình vuông nhỏ sát mép trái ảnh) cách Cầu Giấy khoảng 2km trên đường đi Sơn Tây; có thể nay là thị trấn Cầu Diễn; các không ảnh từ vệ tinh không cho thấy một dấu vết nào. Chỗ có ghi chữ Ruines de la Citadelle des Lê (di tích thành nhà Lê) phù hợp với góc Tây Bắc của bản đồ thành Trung Đô thời Hồng Đức, nay là chỗ đường Hoàng Hoa Thám gặp đường Bưởi. Phía Nam trục đường Tràng Tiền – Hàng Khay, Tràng Thi chỉ có ruộng và ao hồ. Đến Voi Phục được một số sách của Pháp gọi là chùa Balmy để ghi nhớ việc tên phó tướng của Francis Garnier bị tử thương ở đây.



Bản đồ Hà Nội 1873

Nguồn: <http://belleindochine.free.fr>

Bản đồ này cho thấy năm 1873, Hồ Hoàn Kiếm vẫn còn thông với hồ Trúc Bạch qua nhiều hồ nhỏ ôm lấy trục đường Hàng Đào – Hàng Ngang – Hàng Đường – Đồng Xuân – Hàng Giấy. Phố Cầu Gỗ có tên như vậy vì trên phố này có một cây cầu vượt qua con lạch thông Hồ Hoàn Kiếm với một hồ nước ở phía Bắc. Trước khi mở đường Điện Biên Phủ, phía trước Cột Cờ có một cái hồ lớn, sau này lấp đi làm vườn hoa gọi là Vườn hoa Robín, nhưng dân chúng quen gọi là Vườn hoa Canh nông hay Vườn hoa Cột Cờ; sau 1945, được đổi tên thành Vườn hoa Chi Lăng cho tới nay.



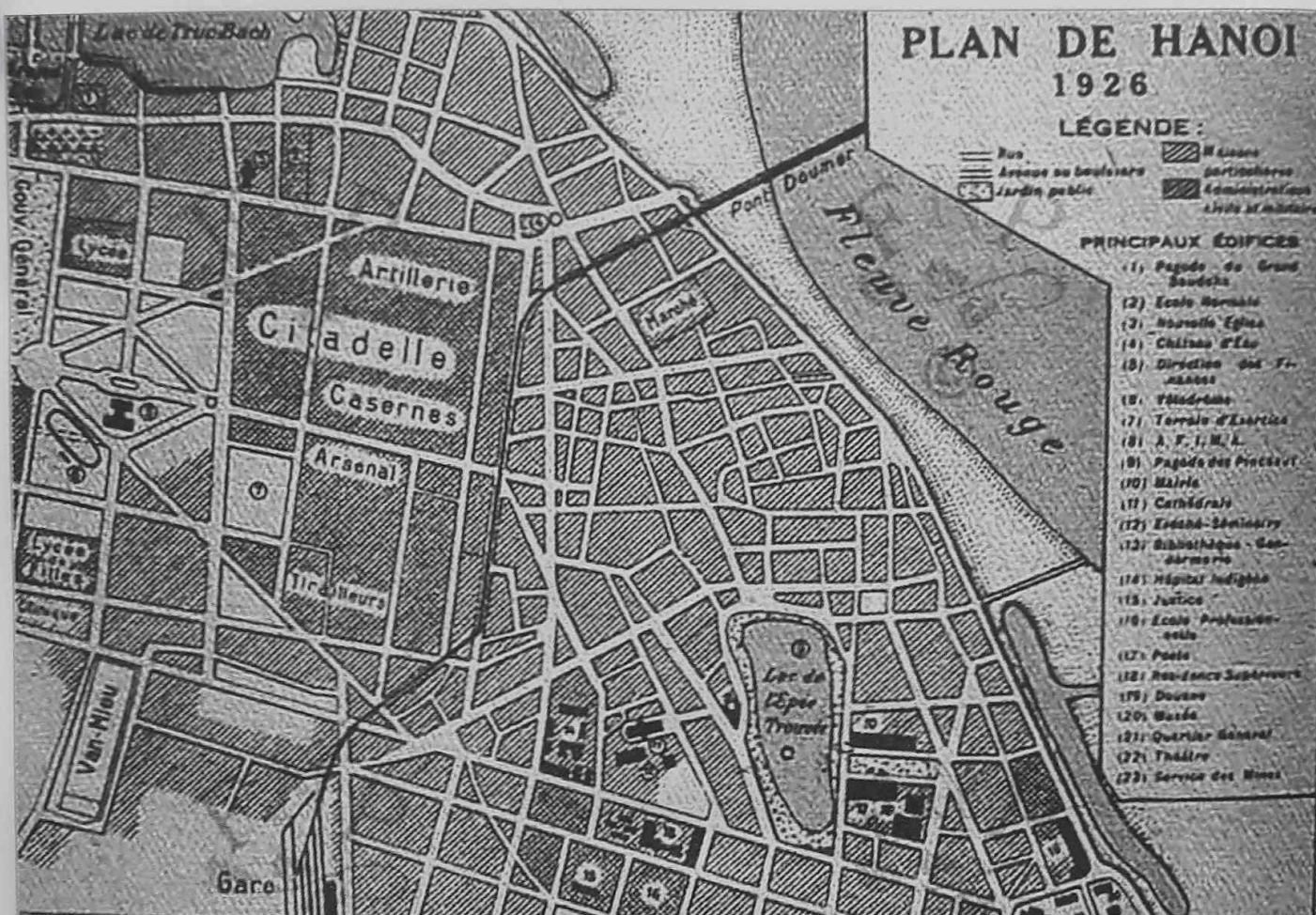
CARTE DES ENVIRONS DE HANOÏ.

Bản đồ Hà Nội 1915¹.

Nguồn: <http://belleindochine.free.fr>

Trường đua xe đạp (Vélodrom) nằm trong khuôn viên Phủ Chủ tịch, trông ra đường Hùng Vương và Hoàng Hoa Thám ngày nay. Dinh Toàn quyền⁽¹⁾ nằm ở góc đường Ngô Quyền – Đinh Lễ (nay là Bộ Lao động & Thương binh Xã hội) mà chưa nằm trên đường Hùng Vương như Phủ Chủ tịch hiện nay. Tòa án⁽²⁾ nằm ở đầu phố Tràng Tiền (nay là Bộ Thương mại) mà chưa về đường Lí Thường Kiệt. Bưu chính và bưu điện⁽³⁾ tại giao điểm Đinh Tiên Hoàng – Lê Thạch, với mặt tiền quay ra phố Lê Thạch. Công viên Paul Bert⁽⁴⁾, Tòa Thị chính⁽⁵⁾ tại giao điểm Đinh Tiên Hoàng – Lê Lai, với mặt tiền quay ra Đinh Tiên Hoàng. Kho bạc⁽⁶⁾, Nha Công chính⁽⁷⁾, tại giao điểm Lò Sũ – Hàng Vôi. Ngân hàng Đông Dương⁽⁸⁾, trên đường Lê Thái Tổ, trông ra hông nhà hàng Thủy tạ, chưa nằm trên đường Lê Thái Tổ như sau này. Tòa Thống sứ⁽⁹⁾, tại cơ sở báo Nhân dân hiện nay. Nhà thờ⁽¹⁰⁾, Khu Nhà Chung⁽¹¹⁾, Nhà tù⁽¹²⁾, Phòng Thương mại⁽¹³⁾, Trường trung học⁽¹⁴⁾, Trại lính⁽¹⁵⁾, Bệnh viện⁽¹⁶⁾. Ngoài ra, ta còn thấy Nhà hát Thành phố nằm ở phố Hàng Cót, (trên cơ sở của một nhà hát của người Trung Quốc mà hiện nay là Trường Tiểu học Thanh Quan), trước khi có nhà hát như hiện nay ở đầu phố Tràng Tiền.

¹ Các số nhỏ trong ngoặc đơn là các số được đánh dấu trên bản đồ.



Bản đồ Hà Nội 1926¹

Nguồn: <http://belleindochine.free.fr>

Trường đua xe đạp đã chuyển ra ngoài khuôn viên Phủ Toàn quyền tới phía Nam Quảng trường Ba Đình hiện nay, bị kẹp giữa phố Điện Biên Phủ và phố Lê Hồng Phong. Hai đầu đường Hùng Vương có hai trường trung học: đầu phía Bắc là trường Trung học Albert Sarraut, nay là trụ sở Trung ương Đảng; đầu phía Nam là trường nữ trung học, nay là trụ sở Bộ Tư pháp.

Đền Quán Thánh⁽¹⁾. Trường⁽²⁾. Nhà thờ mới⁽³⁾, nay là Nhà thờ Cửa Bắc. Tháp nước⁽⁴⁾, ở đầu phố Hàng Đậu. Nhà Tài chính⁽⁵⁾, nay là Bộ Ngoại giao. Trường đua xe đạp⁽⁶⁾. Bãi tập⁽⁷⁾, nay là CLB Quân đội⁽⁷⁾. Hội Khai trí tiến đức⁽⁸⁾. Tháp Bút⁽⁹⁾. Tòa Thị chính⁽¹⁰⁾. Nhà thờ⁽¹¹⁾. Trường Saint Mary⁽¹²⁾. Thư viện - Hiến binh⁽¹³⁾. Bệnh viện bản xứ⁽¹⁴⁾. Tòa án⁽¹⁵⁾. Trường dạy nghề⁽¹⁶⁾. Bưu chính⁽¹⁷⁾. Dinh Thống sứ⁽¹⁸⁾. Hải quan⁽¹⁹⁾, nay là Bảo tàng Cách mạng. Bảo tàng⁽²⁰⁾. Bộ tổng tham mưu⁽²¹⁾. Nhà hát⁽²²⁾. Nhà Mỏ⁽²³⁾, trên đường Phạm Ngũ Lão hiện nay.

¹ Các số nhỏ trong ngoặc đơn là các số được đánh dấu trên bản đồ.

NHẬN XÉT HÀ NỘI VỀ ĐỊA LÝ ĐÔ THỊ (1884-1954)¹

G. Azambre

Tiểu dẫn.

- Bài dưới đây trích dịch từ tiểu luận nhan đề **Hanoi - Notes de Géographie urbaine** cũng của G. Azambre, đăng trên Bulletin de la Société indochinoise. Đây là một bài riêng nhưng có thể xem như nối tiếp bài trước, nó cho ta biết địa lý đô thị Hà Nội ở một giai đoạn gần chúng ta hơn.
- Nguyên bản không có hình vẽ và tranh ảnh; chúng tôi thêm vào một số ảnh để minh họa cho nội dung.
- Các chú thích có dấu sao là của tác giả.
- Các chú ở chân trang sách và không có dấu sao là của người dịch.

Tiếp theo sau những biến cố năm 1883 và theo hiệp ước Thiên Tân ngày 11-5-1884, Trung Quốc thừa nhận nền bảo hộ của nước Pháp tại Bắc Kỳ. Năm 1886, chính quyền dân sự bắt đầu với Toàn quyền Paul Bert. Chính từ năm đó, người ta tạo ra một khu phố mới: khu phố Pháp. Khu phố này có trục chạy từ Khu Nhượng địa² tới Thành, qua phố hàng Khảm³, ở phía Nam Hồ Hoàn Kiếm.

¹ Nhóm thời gian này do người dịch thêm vào vì đã cắt đoạn phía trên trùng lặp với bài trước.

² Dải đất ven sông Hồng, phía Bắc giới hạn bởi phố Tràng Tiền, phía Tây giới hạn bởi phố Lê Thánh Tông, phía Nam giới hạn bởi phố Nguyễn Huy Tự; nhân dân gọi là khu Đồn Thủy vì trước khi triều đình Huế cắt nhượng đất cho Pháp, đó là khu trại thủy binh của triều đình.

³ Rue de Inscruteur. Nay là phố Tràng Tiền và phố Hàng Khay.

Tuy nhiên, phải từ năm 1888, khi toàn bộ Hà Nội trở thành nhượng địa Pháp, sự phát triển của Hà Nội mới được đẩy mạnh, thành phố mới được khoác bộ mặt hiện đại.

Một mặt, thành phố cũ⁴ bị biến đổi; cống nội bộ của các phố bị phá bỏ, các ao, đầm bị san lấp^{5*} để xây dựng nhiều nhà ở; các phố lát vỉa hè và có rãnh thoát nước thay thế cho những lối đi cũ; những ngôi nhà vững chắc thay thế cho những ngôi nhà lá cũ kĩ. Các vòi nước công cộng cung cấp nước cho dân chúng; cống được đặt. Điện xuất hiện từ năm 1895.

Mặt khác, khu phố Pháp⁶ phát triển mạnh mẽ về phía Nam (ao đầm được san lấp, hàng trăm ngôi làng cũ bị sáp nhập vào vùng ven) và phía Tây, và vào Thành mà tường bắt đầu bị phá từ năm 1894.

*
* *

⁴ Nguyên văn *la ville ancienne*; các sử gia Pháp thường dùng từ này hoặc *la ville commerciale* để chỉ khu vực đại khái nay gọi là "khu phố cổ". Nói "đại khái" vì họ không đưa vào "khu phố cổ" các phố ở phía Nam Hồ Hoàn Kiếm như Tràng Tiền và Hàng Khay... và các phố ở phía Tây Hồ Hoàn Kiếm như Nhà Chung, Lý Nam Đế...

^{5*} Các đồ án liên tiếp về Hà Nội, rất nhiều từ năm 1884, cho thấy rất rõ sự phát triển đó. Hồ Hoàn Kiếm, một trong những đầm hồ đó, bờ toàn bùn, xung quanh toàn nhà lá, đã được qui hoạch lại. "Hồ Voi" (nguyên văn: *mare des éléphants*, chỉ là cái hồ trước Cột Cờ cho voi tắm, nay là Vườn hoa Chi Lăng - ND) được lấp và xây dựng thành vườn hoa.

⁶ Nguyên văn là *la ville française*, chỉ khu phố dành cho người Pháp, nhân dân ta gọi là khu phố Tây.

Việc nhìn lại những điều kiện lịch sử cho phép chúng ta hiểu tại sao cấu trúc tổng quát của Hà Nội lại biến đổi và ngày nay chúng ta phải thừa nhận:

- khu phố Việt Nam⁷, cũ kĩ và bị biến đổi;
- khu phố Pháp, hiện đại, hoàn toàn mới, trải rộng về phía Nam khu phố Việt Nam và phát triển trên một phần của Thành;
- một khu phố Việt Nam hoàn toàn mới ở phía Nam khu phố Pháp.

1. Bộ mặt khu phố Việt Nam cũ bị biến đổi sâu sắc nhưng vẫn giữ được nét độc đáo riêng nhờ vào cư dân của nó. Khu phố này phản ánh cấu trúc cũ của Kề Chợ: một nghiên cứu chi tiết – hiện đang tiến hành – sẽ làm lộ ra những nét ẩn tượng đó.

Trước hết, đó là tính bền vững của các con đường, chất liệu dùng để làm nhà; cuối cùng là vấn đề vệ sinh và các tiện nghi đô thị đã làm thay đổi diện mạo của khu phố này. Nhưng ít ra người ta vẫn còn thấy sự dai dẳng của những truyền thống cũ trong nhiều phố nhỏ mà các phường hội nghề nghiệp vẫn còn, qui tụ thành những “phố”⁸ ngày xưa trong những giai đoạn phát triển khác nhau. Như ở các phố Hàng Thiếc, phố Hàng Bát^{9*}, phố Hàng Gạch, phố Hàng Mắm, chìa ngay ra phía trước là những quầy hàng hẹp, sâu, không có mặt cửa hàng, cũng chẳng có kính, mở thông thoáng ngay ra dưới chân khách, khi thì như xưởng thủ công, khi thì như một cửa hàng nho nhỏ, hàng hóa chồng đống lên nhau, sau quầy hàng thường là chỗ ở luôn.

Phố Hàng Bạc, phố Hàng Trống (phố Jules Ferry cũ) ngày nay vẫn còn duy trì được rất rõ nghề của phố, nhưng cửa của hàng đã có tủ kính. Phố Hàng Da cũng tương tự.

Phố Hàng Hòm ngày nay chuyên bán hòm con và rương.

⁷ Chú ý rằng, tác giả đã thôi không dùng từ *An Nam* nữa.

⁸ Như nguyên văn.

^{9*} Tại phố này, người ta buôn bán tách, chén và bát đủ kiểu. Phố Hàng Bát chuyên bán đồ gốm tinh tế. Phố Bát Đàn, hàng hóa thô, phổ dụng, chuyên bán bát bình thường. Cũng giống như ở các làng, các “phố” có những mặt hàng sản xuất riêng; ví thế, cùng một qui trình đan như nhau nhưng có phố Hàng Chiếu (rue Nattes en jonc) và phố Hàng Mành (rue des Nattes en bambou).

Một số phố nhìn thấy nghề của phố mình “bùng nổ”, như hàng của các phố Hàng Mũ và Hàng Quạt hiện nay bán tứ tán khắp nơi; phố Thuốc Bắc thì hàng lại chuyển sang bán ở phố Phúc Kiến.

Những phố khác thì chứng kiến nghề của mình hoàn toàn biến mất như phố Hàng Khảm¹⁰ (phố Paul Bert cũ) và phố Hàng Điều.

Cuối cùng, trong giai đoạn cuối của sự tiến hóa, chúng ta thấy nhiều cửa hàng chẳng có liên quan đặc biệt gì với bông, gai, gạo hoặc đường trong các phố mang tên chúng.

Và trong khu phố cũ của người Việt Nam vẫn luôn luôn tập trung đám di dân Trung Quốc như trước đây, chủ yếu là ở phố Hàng Buồm, Hàng Bồ, Phúc Kiến.

Nhưng nhà quan sát để ý một chút sẽ thấy một thế giới rất khác ở đây. Khung cảnh cũng không như cũ nữa. Chúng ta đang ở chỗ những người bán lẻ nhưng số lượng rất lớn, nhất là mặt hàng thực phẩm.

Lúc này không còn là thủ công nghiệp nữa. Các cửa hàng rộng hơn, cao hơn, sâu hơn. Hàng tích trữ được sắp đặt có hàng lối. Khách hàng dồn sát nhau, không lộn xộn, làm cho cô thu ngân cũng điềm tĩnh bên chiếc bàn tính gậy.

Đó là những cửa hàng tạp hóa và, nói chung, những cửa hàng cung ứng hàng dẹt và các dược liệu Trung Quốc.

Ngoài cửa hàng tạp hóa, cửa hàng thuốc, ta còn thấy người Trung Quốc buôn bán các mặt hàng bách hóa, đồ sành xốp, máy móc. Họ là chủ các quán ăn, thợ giặt là, thợ may, người chuyên chở hàng hóa... Nhiều người trong số họ không có chuyên môn. Thế là họ có thể vừa là chủ quán ăn, vừa là chủ cửa hàng khô, hay thợ đồng hồ và điều khiển một cửa hàng. Nhiều người cùng một lúc vừa buôn cất vừa bán lẻ.

Người Trung Quốc, luôn luôn và ở bất kì ở đâu, tạo ra một thế giới riêng biệt; họ có đền riêng, trường riêng, bệnh viện riêng, báo chí riêng, lễ hội riêng. Họ được tổ chức thành những nhóm hành chính, ngày xưa gọi là

¹⁰ Nay là phố Tràng Tiền và phố Hàng Khay.

bang hội mà bất kì một người Trung Quốc nào cũng buộc phải gia nhập; đó là bang Quảng Đông (10.762 người) và bang Phúc Kiến (1.822 người) trong đó, sau chiến tranh, có 20 người Đài Loan phải gia nhập nhóm thứ hai vì lí do thổ ngữ và nghề nghiệp. Hiện nay hai bang này đang trên đường hợp nhất cả về mặt hành chính lẫn giáo dục, lối sống mà mới đây rất khác nhau hơn. Họ tạo thành một xã hội năng động với các thành viên rất đoàn kết với nhau.

Khu phố lịch sử của người Việt Nam còn có một nhóm sắc tộc thứ ba có nguồn gốc tương đối mới. Đó là những người Ấn Độ, lần đầu tiên tới Hà Nội vào khoảng năm 1908. Số lượng người Ấn kém xa người Trung Quốc. Có khoảng 630 người Ấn Độ trong tổ chức Liên minh Ấn Độ¹¹ và thuộc Lãnh sự quán nước họ; cũng phải thêm vào tổ chức này khoảng sáu mươi người Pakistan đặt dưới sự che chở của tòa lãnh sự Anh (ở Sài Gòn có khoảng 5.000 người Ấn Độ).

Hầu như tất cả người Hồi giáo, người Ấn Độ và người Pakistan hoàn toàn hiểu nhau trong giao tiếp: tại đây, tôn giáo vượt lên trên quốc tịch. Tất cả đều buôn bán vải và hàng bách hóa.

Bức tranh nhiều màu sắc về dân tộc, tôn giáo, ngôn ngữ tạo thành một tập hợp càng lạ lùng hơn khi mỗi thành phần duy trì được bản sắc riêng, sống sát bên nhau mà không hề bị hòa trộn vào nhau..., dĩ nhiên không kể những dị biệt của những người lai, vẫn còn khá nhiều, giữa người Trung Quốc và người Việt Nam. Nhưng thôi, chúng tôi đã đi quá khuôn khổ vấn đề Hà Nội.

2. Về khu phố kiểu châu Âu, khu người Pháp, một sự sáng tạo hoàn toàn mới, tôi sẽ không phân tích nhiều.

Trước hết, đó là một khu được cấu trúc để ở. Các đường phố có cây cho bóng mát dài và rộng cho ta những cảnh hùng vĩ; chẳng hạn đại lộ Gambetta (đường Trần Hưng Đạo ngày nay), dài hơn hai kilômét, rộng 30m, trồng những cây tuyệt đẹp, hai bên là những biệt thự nằm giữa những vườn cây. Các biệt thự này có cửa sổ lắp kính, các phòng có lò sưởi, một biện pháp kếp

cần thiết để đối phó với khí hậu mùa Đông ở miền Bắc, trong khi ở Sài Gòn, nơi điều kiện nhiệt độ khác hẳn, các nhà ở được tùy nghi xử lí. Các đại lộ và các phố ở khu này vuông góc nhau. Tại đây có các tòa nhà lớn của các cơ quan văn hóa do nước Pháp thành lập như: trường Đại học, Bảo tàng, Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, Viện Pasteur, Viện Radium, Nha Địa chất, Nha Khí tượng, Thư viện trung ương. Khu phố này nằm trên một phần của Thành mà tường bị san bằng vào năm 1897 và được thay thế bằng những đại lộ lớn. Trường trung học Albert Sarraut (khánh thành ngày 1-1-1919) được xây dựng bên trong góc Tây Bắc của Thành.

3. Cuối cùng là một khu phố bản xứ mới, ở phía Nam khu phố Pháp, phát triển từ năm 1928. Khu phố hiện đại này chỉ có người Việt Nam ở¹², khác với khu phố lịch sử ở phía Bắc Hồ Hoàn Kiếm. Khu phố này cũng do người Pháp tạo ra.

Trong khoảng thời gian từ 1940 tới 1945, kế hoạch phát triển thành phố khởi đầu với việc phát triển thêm một khu phố thứ ba nữa ở phía Nam. Chính trong thời gian này, người ta đã xây dựng các tòa nhà lớn của Làng Đại học¹³.

Cảng Hà Nội, thịnh vượng trong thời kì nghề chuyên chở đường sông là phương thức vận tải duy nhất, nay phải cạnh tranh với đường bộ và đường sắt hội tụ về Hà Nội. Ngoài ra, các dải cát trên sông Hồng được bồi thêm sau mỗi mùa lũ làm cho nhánh sông càng ngày càng khó qua khi nước cạn. Các kĩ sư Pháp đã thực hiện nhiều nghiên cứu để cố định lòng sông Hồng và duy trì về bên phía Hà Nội một con lạch có thể lưu thông được vào mùa đông. Các kĩ sư Việt Nam theo dõi các nghiên cứu đó một cách rất có phương pháp^{14*}.

¹² Khác với khu phố cũ có người Việt, người Trung Quốc, người Ấn Độ.

¹³ *Cité Universitaire*, nhân dân thường gọi là Đồng Dương học xá rồi Việt Nam học xá; nay là phường Bách Khoa.

^{14*} Do trận lụt kinh hoàng năm 1926, các kĩ sư của Nha Thủy văn đã xây dựng và gia cố một con đê bảo vệ Hà Nội. Từ đó, mực nước lũ cao nhất ghi được là 12,68m của con lũ tháng 8-1945. Một số phố trong thành phố cao chưa tới 6m.

¹¹ *Union Indienne*.

Tóm lại, khi người Pháp tới, Hà Nội gồm có:

- một khu hành chính là Thành.
- một khu phố Tàu – Việt, làm hàng thủ công nghiệp và buôn bán, một trung tâm đông dân nhất về mặt lịch sử, một quần thể các “phố”.
- bên ngoài các phố là các làng mà hoạt động phụ thuộc vào chợ trung tâm, tức Kẻ Chợ.

Dưới sự thúc đẩy của người Pháp, mỗi khu trên phát triển theo những cách khác nhau:

Khu phố cổ Tàu – Việt được lành mạnh hóa bằng cách san lấp các hồ, hiện đại hóa bằng cách xây dựng các đường phố, những nhà kiên cố có hàng lối, lắp đặt điện và nước. Dân số khu này tăng khiến mật độ dày đặc.

Các làng quanh thành phố, từ năm 1897, dần dần bị hòa vào các điểm dân cư mới cả ở phía Bắc lẫn phía Nam.

Như vậy, các yếu tố lịch sử vượt lên trên các yếu tố địa lí trong sự phát triển gần đây của Hà Nội: bất chấp

những điều kiện tự nhiên thường trực, ý chí con người hoàn toàn mới, bất chấp những điều kiện tự nhiên thường trực, đã cho thành phố một bộ dạng mới và truyền cho nó diện mạo thành thị.

Tóm lại, vào thời điểm hiện nay:

- 1- Những chức năng của Hà Nội¹⁵ không được xác định¹⁶.
- 2- Chức năng chính thức¹⁷ không còn đáp ứng được yêu cầu của khối dân chúng gia tăng đáng kể, có thể chỉ là nhất thời.
- 3- Thành phố không phải là hạt nhân của một vùng đô thị và khu ngoại đô luôn luôn mang tính chất nông thôn sâu sắc.
- 4- Cần nhấn mạnh gắn bó vật chất dai dẳng giữa người Việt Nam ở Hà Nội với quê quán của họ.

Tháng 8-1954

¹⁵ Các chức năng của Hà Nội về hành chính, công nghiệp và thương nghiệp đã bị biến đổi sâu sắc sau những biến cố năm 1945 và chỉ còn giới hạn trong một số lĩnh vực. Chẳng hạn như Nhà In Viễn Đông (Imprimerie d'Extrême-Orient) đã không xây dựng lại các xưởng nhưng doanh nghiệp Bia và Nước đá (Brasseries et Glacières) lại phát triển mạnh mẽ. Nhà máy rượu vẫn tan hoang. Xe điện phải phục vụ gấp đôi xe buýt. Việc sản xuất xe đạp tiếp tục hoạt động với sự thịnh vượng. Giao thông thủy hầu như không còn nữa. Đường sắt chỉ còn lại tuyến đi Hải Phòng. Các hoạt động trí thức vẫn sống dai dẳng nhưng ít thuận lợi do hoàn cảnh khó khăn.

¹⁶ Khoảng thời gian này, thực dân Pháp đang phải đối phó các cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

¹⁷ Tạm dịch từ nguyên văn “données formelles”, chỉ chức năng thủ đô.

TƯ LIỆU ẢNH:

VỀ SỰ BIẾN ĐỔI CỦA HÀ NỘI



Nhà cửa trong Thành Hà Nội

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Sau khi phá thành Hà Nội, khu phố kiểu châu Âu có một hướng phát triển về phía Thành. Con đường lớn chính giữa ảnh nay là đường Điện Biên Phủ; con đường nhỏ vuông góc với nó nay là đường Nguyễn Tri Phương; con đường nằm ngang ảnh và chặn đường Nguyễn Tri Phương thành một ngã ba nay là đường Trần Phú. Tòa nhà dài phía xa, sát phía dưới đường chân trời là Nhà Đấu xảo (nay là cung Văn hóa Hữu nghị Việt-Xô).



HANOI - Le Grand Marché

▲ Chợ Đồng Xuân trước khi có mặt tiền
Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ ... và sau khi có mặt tiền

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Chú ý nóc chợ trong hình sau không thay đổi so với nóc trong ảnh trước



3065 - TONKIN - Hanoi - Les Halles

Collect. Dieulefils - Hanoi



78. - TONKIN. - HANOI. - Rue des Chapeaux

P. Couzou, phot., Toulon - France

▲ Phố Hàng Nón (1)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Phố Hàng Nón (2)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Đây là phố Hàng Nón ở hai thời kì khác nhau. Qua chúng, ta thấy ngôi nhà có mảnh che trước lầu ở ảnh trên, không hiểu sau mấy năm, đã được xây cao hơn thành ngôi nhà sát mép phải ảnh dưới, và cả phố vẫn bán nón. Điều lí thú là không hiểu tác giả hai ảnh này có phải là một người mà vị trí chụp gần trùng nhau.

94. - HANOI. - Rue des Chapeaux



75. - HANOI. - Rive droite du Fleuve Rouge - Bâtiments des Travaux Publics



▼ ... và nhìn từ phố Hàng Tre

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Phố Hàng Tre nối với phố Hàng Vôi, nên từ phố này có thể nhìn thấy tòa nhà của Nha Công Chính. Tòa nhà này được xây dựng vào năm 1903-1904 trên phố Quai Guillemoto (phố Trần Quang Khải), mặt bên giáp phố Pouyanne (phố Lò Sũ), mặt sau giáp phố Hàng Vôi. Từ năm 1907 tới năm 1940, người ta xây dựng thêm một số tòa nhà cho Trường Công chính, Phòng thí nghiệm và Nhà Kho. Các công trình được xây dựng theo thiết kế của các kiến trúc sư Henri Cerutti và Henri Vildieu theo phong cách tân cổ điển.

▲ Nha Công chính nhìn từ phố Trần Quang Khải

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Tòa nhà này có một thời gian là Bộ Thủy Lợi. Con đường bên trái được mở rộng thành đường Trần Quang Khải hiện nay. Hình cho thấy đường Trần Quang Khải lúc đó gần sông hơn so với hiện nay.



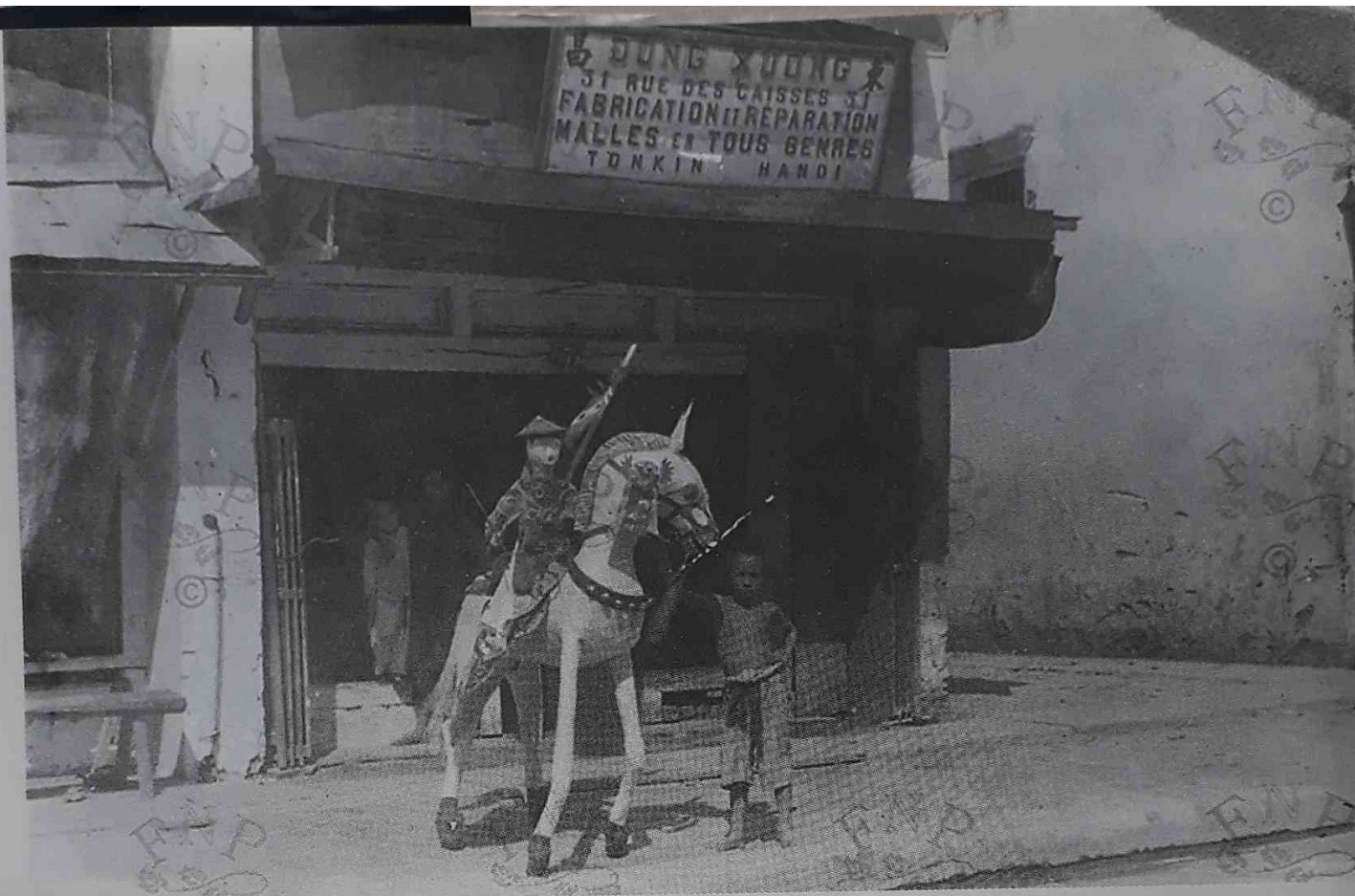
3. - Le Château d'Eau à HANOI (Tonkin)



▲ Tháp nước khu Nhượng địa
Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Tháp nước đầu phố Hàng Đậu
Nguồn: <http://hanoilavie.com>





▲ Phố Hàng Hòm

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Hàng hóa vẫn là những mặt hàng có từ một, hai thế kỉ trước nhưng bảng quảng cáo được viết bằng ba thứ tiếng Quốc ngữ, Pháp, Hoa

▼ Nhà tắm công cộng phố Đào Duy Từ (Nay là Ngân hàng Techcombank)

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT KHI THĂM HÀ NỘI

Madrolle

Tiểu dẫn:

- Bài dưới đây là mục Hà Nội, trích từ cuốn sách hướng dẫn du lịch *Indochine du Nord* của **Madrolle** do NXB Hachette, Paris, xuất bản năm 1923.
- **Madrolle** là người viết nhiều sách về hướng dẫn du lịch cho chính quyền Đông Dương. Ngoài cuốn trên, **Madrolle** còn viết nhiều cuốn nữa, trong đó có cuốn *Indochine du Sud*. Sách của ông là sách tham khảo tốt cho những người nghiên cứu địa lý lịch sử.
- Cấu trúc (cỡ chữ thay đổi, xuống hàng...) của bản dịch theo đúng cấu trúc của nguyên bản vì chúng tôi nghĩ đó cũng là một cách hay về quản lý nội dung.
- Nguyên bản không có tranh và ảnh; chúng tôi sưu tập và đưa vào một số ảnh để minh họa cho nội dung ngay sát đó.
- Tên hiện nay của các phố được đặt trong dấu ngoặc đơn ngay sau tên nguyên văn bằng tiếng Pháp.

Khách sạn: Xem chỉ dẫn du lịch

Đường sắt:

1. Hà Nội – Hải Phòng;
2. Hà Nội – Na-cham¹;

3. Hà Nội đi Lao Kay và Vân Nam;

4. Hà Nội đi Vinh và Đà Nẵng.

Đường thủy:

- Về phía hạ lưu: đi Nam Định;
- Về phía trung lưu: đi Sơn Tây, sau đó sang sông Đà hoặc sông Lô.

Tàu điện:

1. *Bạch Mai – Bưởi* (village du Papier), 9,730km, qua trạm Bờ Hồ (Place Negrier);
2. *Bờ Hồ đi Thái Hà* (áp (4,183km) và *Hà Đông* (ở km 10,7) ở bên kia cầu sông *Mang-giang*;
3. *Văn Miếu-Cầu Giấy* (3,1km).

Các cơ sở khoa học:

1. *Bảo tàng Công nghiệp và Thương mại*², đại lộ Gambetta (Trần Hưng Đạo).
2. *Bảo tàng Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp*³, trong Khu Nhượng địa, trưng bày khảo cổ học và nghệ thuật Đông Dương.

¹ Như nguyên văn; nếu đúng là Na Sầm hiện nay thì đường sắt này tới Đồng Đăng, ngoài nhánh đi Hữu Nghị Quan còn có nhánh rẽ trái về Tây Bắc tới Na Sầm.

² *Musée Industriel et Commercial*, trong khu Nhà Văn hóa Hữu nghị Việt-Xô, áp lưng vào đường Trần Quốc Toản hiện nay.

³ *Musée de l'Ecole d'Extrême-Orient*, có khi còn được gọi là *Musée Archéologique*, nay là Bảo tàng Lịch sử, đầu đường Phạm Ngũ Lão.

3. Bảo tàng địa chất và mỏ⁴, phố Laubarède (Đặng Thái Thân).

4. Thư viện Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp⁵, đại lộ Carrau (Lí Thường Kiệt) với các tác phẩm về Đông Dương và các nước khác ở Viễn Đông, về văn chương An Nam, Trung Quốc, Nhật, Cao Li, Xiêm, Lào, Cao Mên, Ấn Độ...

5. Thư viện trung ương⁶ của Sở Lưu trữ, phố Borgnis Desbordes (Tràng Thi).

6. Bảo tàng và thư viện mỏ⁷, phố Fellonneau (Hàm Tử Quan).

7. Trường Đại học⁸, Hội Địa lí⁹...

Nguồn gốc tên gọi "Hà Nội".- Hà Nội là một từ ngữ địa lí hiện đại; trước khi người Pháp tới, nó là từ ngữ văn học, hành chính của trị sở của một tỉnh Bắc Kỳ thành lập năm 1831. Hà Nội, có nghĩa là "tỉnh giữa các sông", bị kẹp giữa sông Đáy ở phía Tây và sông Hồng ở phía Đông, con sông được người An Nam coi như một thế lực hùng mạnh.

Tỉnh Hà Nội xưa bao gồm tỉnh Hà Đông và tỉnh Phủ Lý. Ngày nay tên gọi Hà Nội dùng để chỉ riêng khu vực gồm: thành phố hiện đại¹⁰, khu nhượng địa và kinh đô của nước Việt xưa¹¹. Ngày nay, dân chúng cũng dùng tên gọi Hà Nội thay thế cho thuật ngữ dân dã Kẻ Chợ, mà trước đây không có nghĩa là "chợ" (thị) mà có nghĩa là "kinh đô" (đô).

LỊCH SỬ

Trị sở của chính quyền An Nam thường thay đổi. Nhiều trị sở của chính quyền trung ương đã được thiết lập tại Hà Nội, và trị sở cổ xưa nhất được các biên niên nhắc tới là trị sở được thiết lập dưới triều Tiên Hán¹².

⁴ Musée géologie et minéralogie.

⁵ Bibliothèque de française l'École d'Extrême-Orient, nay là Thư viện Khoa học Xã hội.

⁶ Bibliothèque centrale

⁷ Musée et bibliothèque des Mines.

⁸ Université, trên đường Lê Thánh Tôn hiện nay.

⁹ Société de géographe.

¹⁰ Chỉ khu phố theo kiểu châu Âu; nhân dân ta gọi là phố Tây.

¹¹ Nguyên văn *capitale du Tonkin*; chỉ khu vực nay là hoàng thành.

¹² Nguyên văn *Han antérieur*, chỉ nhà Hán do Lưu Bang sáng lập. Thực ra, lịch sử Trung Quốc gọi nhà Hán này là Tây Hán (kinh đô ở phía Tây) để phân biệt với nhà Đông Hán (kinh đô ở phía Đông) nối tiếp sau đó.

Trong các thế kỉ tiếp, trị sở quận do người Trung Quốc thiết lập ở An Nam nằm trong vùng Bắc Ninh; chỉ bắt đầu từ thế kỉ thứ 9, Hà Nội mới trở thành kinh đô của An Nam trong một thời gian dài.

Xa xưa hơn, Hùng Vương, người đại diện cuối cùng của triều đại Lạc, hay Hồng Bàng, của người bản xứ, bị người Ba Thục đánh bại, phải chạy về Phong Châu; tại đây còn nhiều đền gọi nhớ lại những sự kiện cuối cùng của dòng vua này (thế kỉ thứ 3 trước công nguyên).

Tiếp theo, Thục An Dương Vương (257-208 trước công nguyên) cai trị đất nước, xây tại Cổ Loa một tòa thành, gọi là Loa Thành.

Nhà Triệu, làm chủ phía Nam Trung Quốc (207-111 trước công nguyên), thu phục Giao Chỉ vào nước Nam Việt của họ mà kinh đô mãi tận Quảng Châu. Sau này, quân Hán tới Vân Nam và đồng bằng sông Hồng, thu phục dân An Nam (năm 111 trước công nguyên) và cho nội thuộc vào Trung Quốc: quận *Giao Chỉ* được thành lập, *Tsang-wou* (nay là Wou-tcheou-fou¹³) là trị sở của thứ sử do nhà Tiên Hán phái tới Quảng Đông vào năm 25 sau công nguyên.

Năm 143, thái thú *Già Xương* chuyển trị sở quận về *Long Biên* và cho đắp tường thành vào năm sau.

Lợi dụng những cuộc tranh giành chính trị ở Trung Quốc, các thứ sử ở Giao Chỉ trở thành gần như độc lập đối với chính quyền trung ương khiến các triều đại ở Trung Quốc phải phái quân đi thu phục lại. Sĩ Nhiếp (187-226) là một trong những ông vua một góc trời như vậy. Sau khi ông chết, nhà Ngô¹⁴ ở Nam Kinh chia đất của ông thành hai quận là *Quảng Châu* với trị sở Quảng Châu, *Giao Châu* với trị sở *Long Biên* và thứ sử *Đái Lương*¹⁵.

Vị trí *Long Biên*, có nghĩa là "nơi gặp rồng" hay *Long Uyên* ở đâu? Những hiểu biết lịch sử và khảo cổ học của chúng tôi không cho phép xác định được những địa điểm đó. Người ta có thể phỏng đoán rằng một số trị sở nằm ở đầu con sông được gọi một cách không thích

¹³ Như nguyên văn; nghi là *Ngô Châu phủ*.

¹⁴ Một trong ba triều đại thời Tam Quốc; hai triều kia là Ngụy và Thục.

¹⁵ Sửa và dịch từ nguyên văn *Lu-tai* vì Ngô chủ sai Lữ Đại làm thứ sử Quảng Châu, sai Đái Lương làm thứ sử Giao Châu.

đáng là *Canal des Bambous*¹⁶, nhưng các phương tiện phòng thủ của trị sở này chắc không có gì vì, trừ những con dê, người ta không tìm thấy thành đất công sự hóa hình tròn.

Sử sách cho biết *Đào Hoàng*, do nhà Ngô phái đi năm 271 để lấy lại Giao Châu bị nhà Tấn chiếm¹⁷, đã xây dựng lại Long Biên cách chỗ cũ 14 lí về phía Tây.

Dưới thời *Lư Tuấn*¹⁸, người bị *Đỗ Tuệ Độ* đánh bại vào năm 411, trị sở của quận lại bị chuyển thêm về phía Tây 10 lí.

Lí Bôn, người sáng lập ra nhà Tiền Lí (544-602), sau khi chiếm Long Biên và đuổi thái thú Trung Quốc đi, đã đặt dinh của mình tại chỗ hợp lưu sông Đuống¹⁹ và sông Thái Bình²⁰ tại nơi gọi là thành Vạn Xuân. Bị tư mã Giao Châu là Trần Bá Tiên đẩy lui, Lí Bôn vượt sông Hồng và dựng, vào năm 545, một lũy thành bằng gỗ và đất gần cửa sông Tô Lịch (gần nhà máy sợi Meffre).

Dưới sự cai trị của nhà Tùy (589-620), Long Biên càng ngày càng đi xuống. Trong các năm *Đại Nghiệp*²¹ (605-618) thứ sử Giao Chỉ đặt trị sở ở Tống Bình, quãng quanh Hà Nội.

Năm 621, đại tổng quản *Khâu Hòa* cho xây dựng tại Tống Bình trị sở chính thức có tường thành vây quanh dài 900 bộ, có tên là *Từ thành*²².

Nhà Đường (620-907) nối tiếp nhà Tùy, tổ chức lại phía Nam đế quốc (621). Quận Giao Chỉ gồm 12 châu, trong đó có châu *Tống*, năm sau đổi thành *Nam Tống*. Châu này chia thành các huyện *Nam Định*²³, *Hoang-giao*²⁴ hay *Hoang-nghia*²⁵ và *Tống Bình*; nhưng chẳng bao lâu sau, Tống Bình bị bỏ (622) để chia thành Hoài

Đức và Giao Chỉ. Chính tại Giao Chỉ, người ta đặt trị sở của chính quyền Giao Chỉ. Năm 627, trị sở lại chuyển về vị trí của trị sở quận cùng tên thời Hán, tên Giao Chỉ được gán cho trị sở của huyện Tư.

Năm 679, vua Đường Cao Tông lập *An Nam đô hộ phủ* mà trị sở bị người dân đánh chiếm hai lần vào năm 687²⁶ và 728²⁷.

Năm 766, dưới triều Đường Đại Tôn, An Nam đô hộ phủ được chuyển tới châu Tống Bình. Kinh lược sứ *Trương Bá Nghi*, sau khi thắng người Champa tới cướp phá vùng đồng bằng Giao Chỉ, ra lệnh (767) xây trị sở mới cách sông Tô Lịch 200 bộ về phía Bắc; đó là An Nam La Thành. Thành vừa mới xây xong (768) thì một người An Nam là Phùng Hưng, biệt danh là Bó Cối đại vương, đuổi các quan cai trị người Trung Quốc đi và tự mình cai trị đất nước cho tới khi chết vào năm 775. Người Trung Quốc lại thiết lập sự cai trị.

Năm 791, viên quan đô hộ *Triệu Xương* cho xây dựng lại thành cũ năm 767; năm 809, quan Đô hộ là *Trương Chu* tăng thêm kích thước thành; thành được bao bởi một tường cao 22 bộ, trở ra 11 cửa, trong đó 3 cửa trông ra hướng Tây, 3 cửa trông ra hướng Đông, 5 cửa trông ra hướng Nam; bên trong thành xây dựng 10 trại binh.

Năm 824-825, *Lí Nguyên Hỉ*²⁸ chuyển nhiệm sở sang bờ trái sông Hồng mấy tháng, rồi lại về Hà Nội²⁹.

Sự nhiễu nhiễu của *thứ sử Lí Trác* đã gây ra những cuộc rối loạn³⁰ vào năm 854 ở vùng thượng du sông Hồng, nên năm 862 các toán sắc dân *min-kia*³¹, Lô Lô và Thái của vương quốc Nam Chiếu đột nhập vào đồng bằng. Những sắc dân Vân Nam này vây hãm thành Đại La, tức La Thành, vào tháng 11 âm lịch và chiếm được thành vào tháng giêng năm sau. Những người vây thành lập trại trong các lũy của thành cũ: các toán sắc

¹⁶ Tức sông Luộc nối sông Hồng (tại thị xã Hưng Yên) với sông Thái Bình (tại Từ Kì, Hải Dương).

¹⁷ Năm này Tấn chưa dứt được Ngô.

¹⁸ Lư Tuấn vốn là thứ sử Quảng Châu

¹⁹ *Canal des Rapides*.

²⁰ Tức gần Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương

²¹ Niên hiệu dưới triều Tùy Dương đế.

²³ Đại Việt sử ký toàn thư dẫn Đường thư, Địa lý chí, *Nam Định* là huyện do nhà Đường đặt năm Vũ Đức thứ 4 (621). Theo Thái Bình Hoàn vũ ký của Nhạc Sử thời Tống thì ở huyện Nam Định có núi Đông Cứu ở châu Gia Lâm. Như vậy huyện Nam Định thời Đường ở về phía nam sông Đuống, vào khoảng huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh ngày nay (theo Đại Việt Sử ký toàn thư).

²⁴ Nguyên gốc, chưa tra cứu được

²⁵ Nguyên gốc, chưa tra cứu được

²⁶ Do Lí Tự Tiên và sau đó là Đinh Kiến lãnh đạo.

²⁷ Do Mai Thúc Loan lãnh đạo.

²⁸ Nguyên văn *Lí Yuan-hi*. Theo Việt sử lược là Lí Nguyên Hỉ (李元禧), nhưng theo Đại Việt Sử ký toàn thư là Lí Nguyên Gia (李元家). Chữ *hỉ* và chữ *gia* dễ nhầm với nhau.

²⁹ Như nguyên văn; dùng chữ *Hà Nội* ở đây là không rõ nghĩa.

³⁰ Toàn thư chép những cuộc rối loạn do Nam Man gây ra, nhưng Tân Đường, Bản Kỷ, khi nói đến sự kiện này, lại chép là Vân Nam Man. Nhưng cũng căn cứ vào Tân Đường thư, Nam Chiếu truyện, thì Vân Nam Man nói ở đây là Nam Chiếu, tên quốc gia của các tộc người vùng Vân Nam, Trung Quốc.

³¹ Như nguyên văn; không tra cứu được.

tộc³² chiếm thành cũ cạnh sông Tô Lịch, còn người Nam Chiếu chiếm Tử thành xây năm 621; kinh lược sứ *Sái Tập* cùng với 70 bộ hạ, bị bỏ lại vì cho là đã chết, cố chạy ra sông nhưng thuyền đã ra xa, “thế bức quá phải tự tử”³³.

Triều đình nhà Đường rung động vì thất bại, phái viên tướng nổi tiếng Cao Biền sang An Nam. Tháng 7 âm lịch năm 865, một đạo quân Trung Quốc 5.000 người đi thuyền từ Hải Môn (ở phía Tây cảng Bắc Hải) tới cửa sông Bạch Đằng và vào sông Thái Bình; tháng 9, Cao Biền thắng ở Nam Định³⁴; đầu năm 866, thắng ở Phong Châu; tháng 5, vây hãm thành Đại La. Cao Biền vây hãm thành được 10 ngày thì bị cắt chức³⁵. Sau khi được phục chức³⁶, Cao Biền tăng cường tấn công và quân Nam Chiếu phải đầu hàng vào tháng 10 âm lịch năm 866; Từ Thiên³⁷, người cầm đầu đội quân họ Đoàn³⁸, cùng 30.000 (?)³⁹ quân bị bắt làm tù binh.

Lúc đó (867), Cao Biền nghĩ tới việc xây dựng một thành mới có sức phòng thủ mạnh hơn nhờ hai lớp tường lũy. Chỗ ở của các quan, kho thóc, doanh trại cho 5.000 binh lính được khép kín trong thành chính thức cao 26 bộ, dài 19.805 bộ (khoảng 3000 bước). Phía ngoài thành chính thức từ 150 tới 200 bộ (khoảng 60m) là tường thành ngoài bằng đất cao 15 bộ, chu vi 21.258 bộ (khoảng từ 6km tới 6,5km).

Cao Biền là một người sùng tín đạo Lão nên dùng thuật phong thủy để xây tường thành và các tòa nhà trong thành mới.

Nếu để tìm chỗ thuận lợi cho việc xây dựng thành mới ở những vùng núi, các nhà phong thủy thường chỉ cần xác định những mạch đất thuận lợi thì, ngược lại, việc tìm những chỗ như vậy sẽ khó hơn ở những vùng

địa hình bằng phẳng hoặc đồng bằng; khi đó, người ta được phép bù đắp những gì thiên nhiên thiếu, cải thiện địa hình để điều chỉnh mạch đất, chính cái nghệ thuật bí hiểm này Cao Biền đã tôn cao sự uy nghi của thành Đại La.

Chính trong một giấc mơ mà viên quan cai trị Trung Quốc này đã tìm ra cách bố trí tổng quát thuận lợi cho việc xây thành. Một vị thần hóa thân thành một con ngựa trắng hiện ra trong cánh đồng, trong khi phi qua các cánh đồng đã vạch ra những đường lượn đẹp của “rồng ngũ” và “hổ ngôi” rất hợp với phương Nam; thế là người ta xây những lũy bao và đắp những *đống*⁴⁰ hợp với phong thủy, theo khuôn phép mong muốn, phù hợp với hành *kim*. Tường của thành trong được xây dựng ở phía ngoài những chỗ đào để lấy đất đắp thành do Trương Bá Nghi đắp năm 766; và thành mới có tên là Kim Thành, đó là nhiệm sở của kinh lược sứ Trung Quốc ở đô hộ phủ An Nam.

Các bờ thành mới không loại bỏ các hào lũy cũ nên năm 880, khi các binh sĩ nổi loạn chống tiết độ sứ Tăng Cồn, họ đã hội họp nhau trong thành cũ Tử Thành.

Sang thế kỷ sau, nhà Ngô (939-965) của Ngô Quyền đuổi được người nước ngoài và đặt kinh đô ở Cổ Loa, kinh đô cũ của An Dương Vương.

Tuy nhiên, người Trung Quốc dưới triều Tống đã có lúc quay lại vây hãm chính quyền An Nam trong thành Đại La (965-968)⁴¹. Các rối loạn không giảm đi, người An Nam nổi dậy trước sự chiếm đóng của Trung Quốc, cả hai thế lực này bị Đinh Tiên Hoàng dẹp yên, mở đầu cho một triều đại thực sự của người bản địa.

Hà Nội dưới các triều đại độc lập

Vua mới không khôi phục thành Đại La đổ nát mà thiết lập kinh đô ở Hoa Lư trong tỉnh Ninh Bình; đây cũng là kinh đô của nhà Tiền Lê (980-1009). Trong thời

³² *les barbares Ho.*

³³ Chúng tôi mượn câu này của Trần Trọng Kim (VNSL) để dịch một phần câu nguyên văn *mais les jonques s'étaient déjà éloignées et le gouverneur se noya.*

³⁴ Xem chú 23

³⁵ Vì giám quân Lí Duy Chu ở Hải Môn dâng sớ tâu với vua Đường rằng Cao Biền không chịu tiến quân. Vua Đường liền biếm Cao Biền và gọi về định phạt nặng.

³⁶ Bị mất chức, Cao Biền cùng 100 bộ hạ lên về kinh, dâng sớ và được phục chức.

³⁷ Đại Việt Sử ký toàn thư chép là *Đoàn Từ Thiên*; tiết độ sứ phủ Giao Châu kiêm tiết độ sứ Thiên Xiển (Côn Minh).

³⁸ Nguyên văn *chef de l'armée Touan*. Đoàn là họ tôn thất Nam Chiếu; tác giả muốn phân biệt với quân của các sắc tộc quy phục Nam Chiếu.

³⁹ Dấu hỏi như nguyên văn.

⁴⁰ *tumuli.*

⁴¹ Như nguyên văn, nhưng không thấy bất cứ một biên niên nào của nước ta nói về sự kiện này; hay là tác giả cho rằng một số sứ quân trong thời loạn 12 sứ quân có nguồn gốc Trung Quốc. Về nguồn gốc Trung Quốc của một số sứ quân, sử sách Việt Nam cũng đã ghi các sứ quân sau là người gốc Trung Quốc: Đỗ Cảnh Thạc (Quảng Lăng), Trần Lâm (Quảng Đông), Nguyễn Khoan (Phúc Kiến), Nguyễn Siêu (Phúc Kiến), Nguyễn Thủ Tiệp (Phúc Kiến).

gian đó, Hà Nội trở thành trị sở của [tỉnh] *Giao Chi đạo* của nhà Đinh và *Giao Chi lộ* của nhà Tiền Lê.

Bước sang thế kỷ 11, nhà Hậu Lí (1009-1225) do Lí Thái Tổ, một viên tướng của triều trước, thành lập. Vị vua mới, quê ở làng Đình Bảng trong tỉnh Bắc Ninh, đã chuyển kinh đô (1010) tới bờ sông Hồng, gần thành Đại La cũ.

Theo các nhà viết biên niên, khi thuyền nhà vua tới gần Hà Nội, người ta thấy một con rồng vàng bay lên không và bay lượn trên thành phố. Thuyền thuyết này, giống như truyền thuyết thành lập thành Long Biên cũ, là nguồn gốc của tên gọi *đô thành Thăng Long*, có nghĩa là “rồng bay lượn”, từ đó có tên Long Thành, có nghĩa là “thành của rồng”.

Lí Thái Tổ đặt trị sở của mình ở phía Đông Kim Thành của Cao Biền, vây quanh bởi một tường dài 4.700m. Ở bên trong, người ta đắp một số gò đồng nhằm cải thiện các yếu tố phong thủy.

Trong số các đồng, đồng đầu tiên là Nùng Sơn được đặt tại chính chỗ thần Bạch Mã hiện ra năm 867 trước Cao Biền; các đồng khác là: Tam Sơn, Khán Sơn, Thái Hòa.

Năm 1174, *Fan Che-hou*, tri phủ phủ Quế Lâm, Trung Quốc, để lại một mô tả ngắn về cung điện nhà Lí dựa theo lời kể của những người trong sứ đoàn Trung Quốc tới triều đình Thăng Long mà Mã Đoàn Lâm cũng nói tới:

“Nhà vua ở trong một tòa nhà có bốn lầu chồng lên nhau. Tầng trệt dành cho nhà vua; ở trên ba tầng lầu là các viên tướng chủ chốt, một thân vương quân sự và một người lính tâm huyết của nhà vua. Gần tòa nhà chính là những tòa nhà trang trí bằng những chữ khắc cầu kì. Một tòa nhà gọi là *Chouèi-tsin-kong*, có nghĩa là “cung pha lê”; một tòa khác gọi là *T'ien-yuen-tien*, có nghĩa là “cung thượng giới”; tòa thứ ba, cao, vẫn còn hàng chữ “*An Nam đô hộ phủ*”. Tất cả các tòa nhà đó đều sơn đỏ; trên các cột, người ta trang trí những con rồng, cò và các nữ thần... Nhà vua mặc một chiếc áo dài màu vàng, phủ ngoài là một chiếc áo dài thứ hai ngắn hơn không có tay, màu tím... Nhà vua bước ra từ một chiếc xe do những người hầu kéo”.

Nùng Sơn, có nghĩa là “núi Nùng”, hay *Long Đỗ Sơn*, có nghĩa là “núi rồng ở”, được đắp ở bên trong thành cũ. Núi⁴² Đồi này trong nhiều thế kỉ được xem như vật thần hộ của thành và đã có nhiều thơ ca, bia văn kỉ niệm hoặc thỉnh nguyện ca ngợi các điều kiện phong thủy tuyệt vời của nó. Vua Thái Tổ, người sáng lập ra nhà Lý vĩ đại, đã xây dựng cung điện của mình trên Nùng Sơn.

Sau này, nhà Hậu Lê làm thay đổi kích thước Nùng Sơn và biến đổi các tòa nhà trên đó để chúng lần lượt có tên là *Kính Thiên điện*⁴³, có nghĩa là “cung điện của trời đáng kính”, *Hành cung*⁴⁴, có nghĩa là “cung điện của vua”. Năm 1822, vua Minh Mạng trùng tu các công trình kiến trúc và đặt tên là *Long Thiên điện*, có nghĩa là “cung điện [trên] trời của rồng”.

Còn có một cung điện tiếp khách có hai khu nhà ở hai bên, cộng thêm một cung riêng có ba tòa nhà và hai cánh. Công trình được xây dựng chủ yếu để làm đền thờ cúng họ Lê, mãi tới năm 1866 tại đó vẫn còn bày bài vị các hậu duệ của Lê Lợi.

Công trình nghệ thuật này bị Francis Garnier chiếm năm 1873, Henri Rivière chiếm năm 1882 để thiết lập cơ sở quân sự.

Năm 1887, trên mảnh đất lịch sử, tại vị trí đền, người ta xây dựng một tòa nhà lạc lõng, sau này trở thành một điểm phòng thủ trong Thành. Một cầu thang tuyệt đẹp có lan can bằng đá nguyên khối chạm khắc những con rồng lớn chắc được làm từ thời Minh Mạng; một chiếc cầu thang khác nhỏ hơn dẫn xuống mặt Bắc của một miếng đất trống.

Núi *Tam Sơn* nằm gần Cửa Bắc chỉ còn là một cái đồng nhỏ. “Năm 1886, nó vẫn còn dạng một nền đất dài, một đầu vồng lên cao hơn như một chiếc cốc; căn cứ vào dạng nước đôi, cái đồng đó có lẽ vừa thuộc hành *thủy*, vừa thuộc hành *hỏa* (*Thủy tinh* và *Thổ tinh*). Thổ tinh có tính chất trung thành; Tổng đốc Hà Nội Hoàng Diệu, người dù cố hết sức nhưng vẫn không ngăn được thành Hà Nội rơi vào tay quân đội Pháp, không phải

⁴² Thực tế chỉ là một gò, đồi nhỏ nhưng chúng tôi vẫn dịch là núi cho phù hợp với quan điểm “nhất thốn vi sơn” (cao một tấc cũng là núi) của người Việt Nam xưa.

⁴³ *Palais du Ciel vénéré*.

⁴⁴ *Palais royal*.

không biết điều đó nên đã treo cổ tự tử trên một cây ở sườn núi Tam Sơn để khỏi sống nhục nhã; như thế ông đã hi sinh thân mình trên một đôi thuộc hành có tính trung thành. Gò Tam Sơn, vồng lên như một cái bát úp, thuộc Thủy Tinh, thuộc phương Bắc. Thủy Tinh cùng với Thổ Tinh tạo thành một giao hội may mắn (đất và nước), nằm ngay cạnh cửa Bắc của thành, không xa đền thờ thần Chấn Vũ, thần sai khiến bảy chòm sao ở phía Bắc bầu trời mà đặc trưng là bảy ngôi sao trong chòm Đại Hùng.

Ở phía Nam, có một gò thuộc *Hỏa Tinh* và hành *Hỏa* để điều khiển bầu trời phía Nam. Trên gò nhỏ này, trong số những gò do Cao Biên và Lí Thái Tổ đắp trong thành Đại La và Long Đỗ, một cái tháp được xây lên ở phía trên mà ngày nay gọi là "*Mirador de la citadelle*"⁴⁵ hay "*Cột Cờ*".

Núi *Khán Sơn*, ở phía Tây hoàng cung, tượng trưng cho *Kim tinh* và hành *kim*, điều khiển bầu trời phía Tây. Cho tới năm 1890, nó vẫn là một cái gò khá cao, đỉnh tròn và có cây cối mà, theo sử sách, vua Lê Thánh Tôn (1460-1497) đã tới xem một cuộc tập trận.

Núi *Thái Hòa* ở phía Đông hoàng thành. Nó tượng trưng cho Thiên Vương tinh và hành *thổ*, cai quản bầu trời phía Đông. Gò này bị biến mất vào năm 1885 khi người ta xây dựng những tòa nhà quân sự đầu tiên trong thành.

Nhà Trần (1225-1400), nối tiếp nhà Lí, thiết triều ở trong thành Thăng Long⁴⁶ (Hà Nội) mà tên gọi vào năm 1279, dưới triều vua Trần Nhân Tông, là *Trung Kinh*.

Dưới triều đại này, đạo quân Mông Cổ - Trung Quốc⁴⁷ của tướng *Ngột Lương Hợp Đài*⁴⁸, được tăng cường thêm 20.000 lính Po và Ts'ouan (người Min-kia và Lolo) của thân vương Vân Nam xâm lược Đại Việt vào năm 1257, tàn sát dân chúng kinh thành. Mượn cơ đánh Chiêm Thành (Champa), quân Mông Cổ - Trung Quốc lại vào Đại Việt vào năm 1284 dưới sự chỉ huy của

thái tử *Thoát Hoan* (Toghoun); quân Thoát Hoan chiếm hoàng thành và ở tới tháng 5. Hoàng đế *Hốt Tất Liệt* gửi binh tăng viện, quân Mông Cổ lại chiếm Hà Nội vào cuối năm 1287, thậm chí dựng một vương thân Trần lên làm vua ở đó, nhưng chỉ mấy tháng sau thì bị đánh đuổi đi.

Tháng 6 năm 1383, Chế Bồng Nga, vua Chiêm Thành, theo sông Đáy, tràn vào Quảng Oai⁴⁹, uy hiếp Hà Nội do Nguyễn Đa Phương đang tổ chức phòng thủ.

Nhà Hồ thiết lập kinh đô ở quê hương mình là Thanh Hóa, gọi là Tây Đô, có nghĩa là "triều đình ở phía Tây", trong khi Hà Nội, để đối lại, được gọi là Đông Đô, có nghĩa là "triều đình phía Đông" trong một khoảng thời gian ngắn (1407-1414) khi nhà Trần phục hưng⁵⁰.

Tại Trung Quốc, nhà Minh thay nhà Nguyên, muốn can dự vào công việc của Đại Việt nên đã chiếm vùng đồng bằng (1407-1428); Hà Nội trở thành trị sở của huyện Đông Quan, đồng thời là trị sở của phủ Giao Châu và là nơi ở của tổng binh Trung Quốc do hoàng đế các năm Vĩnh Lạc⁵¹ bổ nhiệm.

Năm 1427, Hà Nội trở về tay nghĩa quân Lê Lợi. An Nam lại độc lập dưới triều Hậu Lê (1428-1789).

Lê Thái Tổ lấy Hà Nội làm kinh đô của vương quốc thu hồi dưới tên gọi Đại Việt; năm 1430, Lê Thái Tổ đặt tên kinh đô là Đông Kinh (tên gọi này chuyển sang chữ Trung Quốc là Tong-king, được ghi lại ở thế kỷ 16 thành Tunquin, rồi được Pháp hóa thành Tonkin). Năm 1465, dưới triều Lê Thánh Tông, Hà Nội có tên gọi là Trung Kinh, là trị sở của phủ và huyện Phụng Thiên.

Dưới triều Lê có bốn cửa vào hoàng thành là: Đông Hoa, Thiên Hựu, Đại Hưng và Bảo Chân. Trong hoàng thành có Cấm thành mà các cửa là: Đoan Minh, Tả Dục, Hữu Dục, Tương-phu⁵², Đại Định, Trường Lạc, Đại Khánh, Kiên-binh và Huyền Võ. Để tới được chỗ

⁴⁹ Trấn Quảng Oai; thời cuối Trần là phủ Quảng Oai; đời Lê, gồm đất huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình và huyện Tùng Thiện cũ, nay là một phần của huyện Ba Vì, Hà Nội.

⁵⁰ Tức nhà Hậu Trần

⁵¹ Niên hiệu của Minh Thành Tổ.

⁵² Địa danh này cùng với một số địa danh nữa trong đoạn này được để như nguyên văn vì chúng tôi chưa tra cứu được tên chính xác của chúng.

⁴⁵ Tạm dịch *Tháp canh của thành*.

⁴⁶ Các biên khảo của người Pháp đều cho rằng, trước khi người Pháp tới, 3 địa danh *Thăng Long*, *Thành* và *Hà Nội* là đồng nhất.

⁴⁷ *Sino-mongole*; có sách phiên âm là *Nguyên Mông*.

⁴⁸ Nguyên văn *Ouriangkada*; có sách phiên âm là *Ngột Lương Hợp Thai*.

yết kiến nhà vua, trước hết phải qua các cửa Tô-vô, Van-minh, Thông-vân, còn gọi là Sung-hoa; sau đó qua các cửa Gia-hưu và Thái Hòa.

Dưới triều vua Lê Chiêu Tôn (1516-1522), nhà sư Trần Cao gây ra những rối động, thâm nhập vào Hà Nội và đốt phá hoàng thành. Nhà vua phải rời kinh đô và về Tây Đô ở Thanh Hóa.

Nhà Mạc trị vì Đại Việt ở thế kỷ 16, thiết lập triều đình ở Hà Nội từ ngày 15 tháng 6 âm lịch năm 1527 tới ngày 25 tháng 11 âm lịch năm 1592, thành phố lấy lại tên cũ Đông Đô, để đối với triều đình nhà Lê lúc đó đóng đô ở Thanh Hóa.

Năm 1551 và năm 1560, quân của nhà Lê trung hưng ở Thanh Hóa tiến tới tận Hà Nội. Năm 1592, Mạc Mậu Hợp bị quân nhà Lê, do Thái sư Trịnh Tùng chỉ huy, đuổi chạy khỏi Thăng Long. Nhà Lê, sau khi thu phục lại vương quốc, lại thiết lập kinh đô trong thành Thăng Long cũ và ở đó cho tới khi có cuộc nổi dậy của Tây Sơn.

Trong thời gian đó, các nhà truyền giáo xuất hiện ở Đàng Ngoài vào năm 1626 (*Cương mục* dẫn lại *Gia-luc*⁵³ lại nói 1553); theo chân các nhà truyền giáo là các thương nhân Hà Lan tới *Phố Hiến* vào năm 1637; năm sau, chiếc tàu *Ryp* của họ, có độ chiếm nước 13 bộ, ngược lên tới Hà Nội; tại đó, họ lập một thương điểm ở Kê Chợ. Địa danh này trong các sách vở châu Âu ngày xưa viết là *Checo* và *Cachao*.

Người Hà Lan thiết lập cơ sở ở Kê Chợ trước giữa thế kỷ 17; người Anh ở Kê Chợ từ năm 1675 tới 30-11-1697.

Một bài thuật thời đó cho phép ta định vị được các cơ sở của người nước ngoài ở gần cầu Paul Doumer⁵⁴.

Thương điểm của người Anh ở phía Bắc thành phố, trông ra sông. Ngôi nhà thấp nhưng đẹp. Giữa nhà là phòng ăn xinh xắn. Xung quanh phòng ăn là các phòng riêng cho các thương nhân, người phát hàng và gia nhân thuộc công ti. Ở hai đầu ngôi nhà này lại có những ngôi nhà khác, nhỏ hơn dùng vào những việc khác nhau như bếp, kho hàng và các công năng khác.

Các ngôi nhà làm thành hai cánh ở hai bên, tạo thành một cái sân vuông vắn ở giữa trông ra sông... Thương điểm của người Hà Lan ở phía Nam thương điểm của người Anh nhưng mảnh đất nhỏ hơn.

Người Trung Quốc, không có mặt ở An Nam từ sau năm 1428⁵⁵, lại quay trở lại theo lời kêu gọi của triều đình nhà Lê bỏ chạy do sự nổi dậy của Tây Sơn. Dưới sự chỉ huy của Tổng đốc Quảng Đông Tôn Sĩ Nghị, người Trung Quốc vào Hà Nội ngày 17-12-1788, nhưng hai tháng sau đội quân nước ngoài này bị quân Tây Sơn nghiền nát ngay trong những vùng phụ cận kinh đô; người Trung Quốc phải vội vàng tháo chạy khỏi Hà Nội, mang theo Lê Chiêu Thống mất ngôi về Trung Quốc; vua Lê chết ở Bắc Kinh năm 1793.

Tây Sơn chiếm Đàng Ngoài, xây dựng lại các tường thành của Hà Nội và đặt tên là Bắc Thành.

Gia Long, sau khi thống nhất An Nam, thiết lập kinh đô ở Huế, vốn là trị sở của các chúa Nguyễn từ năm 1558.

Tuy vậy, Hà Nội vẫn là một thành phố quan trọng và là trị sở của Bắc thành Tổng trấn, gồm 5 nội trấn và 6 ngoại trấn, do một viên Kinh lược sứ điều hành.

Năm 1803, người ta tiến hành xây dựng lại các công sự của Long Thành cũ dựa theo sơ đồ mà các các sĩ quan Pháp phục vụ vua Gia Long đã vẽ, thành phố có tên gọi là Thăng Long. Các tường thành xây dựng từ 794 năm trước với tường thành thường bị thay đổi và sửa đi sửa lại nhiều lần, giờ đây phải chịu nhiều thay đổi vào lần cuối cùng; nó bị hạ thấp, nhưng tường thành mới có dáng dấp quá châu Âu nên không hợp với quan niệm phong thủy của các nhà Nho. Sơ đồ của người Pháp bị tranh cãi rất nhiều vào năm 1804, có một số thay đổi nên phải ngưng lại và chỉ tiếp tục vào năm sau nhưng dưới sự giám sát của các quan.

Thành được bao bọc bởi một cái hào rộng 4 trượng⁵⁶; tường thành dài 432 trượng, cao 1 trượng 1 xích⁵⁷ 2 thốn⁵⁸, trở ra 5 cửa.

⁵⁵ Năm Lê Lợi lên ngôi vua sau khi đánh đuổi giặc Minh ra khỏi nước ta.

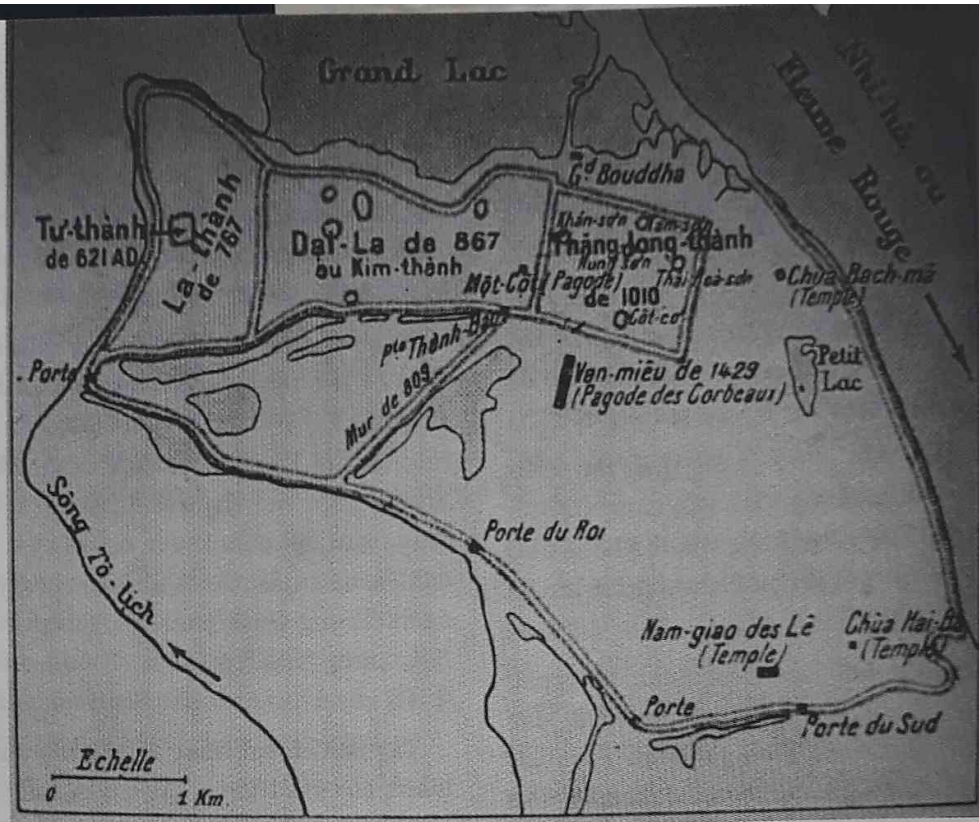
⁵⁶ Mỗi trượng xấp xỉ 4m.

⁵⁷ Mỗi xích xấp xỉ 0,4m.

⁵⁸ Mỗi thốn xấp xỉ 4cm.

⁵³ Để như nguyên văn, chưa tra cứu được

⁵⁴ Cầu Long Biên ngày nay



Sơ đồ các kinh thành

Nguồn: Madrolle. Indochine du Nord

Sơ đồ cho thấy trị sở của chính quyền trung ương càng ngày càng chuyển sang phía Đông.

Thời đó, tính cách An Nam thiên về gạt đi mọi sáng kiến hoặc đổi mới nên khó chấp nhận đường chạy của tường thành hiện đại vì bị cho là không theo khuôn phép; vì thế hơn hai mươi năm sau khi xây dựng tường thành, người ta vẫn tranh cãi về giá trị của nó và những ảnh hưởng từ hình dáng và độ cao của tường thành gây ra. Cuối cùng, phe phong thủy, những người nhiều lần can thiệp trong quá trình xây dựng thành, giành được thắng lợi vào năm 1835, người ta quyết định bạt tường thành đi 1 xích 8 thốn vì chúng cao quá nên đã chặn hết những mạch đất tốt.

Dưới triều vua Gia Long (1802-1820), các tàu Anh có vũ trang đã ngược sông Hồng vào năm 1808 và bỏ neo trước Hà Nội nhưng phần lớn bị đốt cháy trong đêm.

Năm 1805, phủ Thuận Thiên bị đổi thành phủ Hoài Đức với trị sở ở Thăng Long; năm 1822, Hoài Đức thuộc vào Sơn Nam trấn, thay cho Sơn Nam Thượng trấn thành lập năm 1741 với Xích Đằng (Hưng Yên) là trị sở ở hạ lưu sông Hồng.

Năm 1831, Thành trở thành trị sở của tỉnh Hà Nội; năm 1834 trở thành trị sở của Bắc Kỳ. Năm 1852,

huyện Thọ Xương (Hà Nội ven sông) bị bỏ và nhập vào huyện Vĩnh Thuận.

Ở thế kỉ 19, người Pháp chiếm đóng Nam Kỳ rồi tiếp đến là can thiệp vào các công việc ở Bắc Kỳ. Ngày 19-11-1873, viên trung úy hải quân Francis Garnier chiếm thành Hà Nội, rồi trả lại cho nhà cầm quyền An Nam vào ngày 20-1-1874, nước Pháp được Khu Nhượng địa dọc sông Hồng, ở phía Nam khu phố buôn bán, để lập tòa lãnh sự và chỗ trú cho binh lính.

Viên đại úy hải quân Henri Rivière lại tái chiếm Thành vào ngày 26-4-1882, đóng trong cung điện cũ của vua Lê, mà triều Nguyễn dùng làm nơi thờ cúng, cho xây một bức tường có lỗ châu mai.

Nhà cầm quyền An Nam liền gọi lính Trung Quốc là quân Cờ Đen. Để đẩy lui những cuộc tấn công ban đêm của quân Cờ Đen, tướng Bouet phải nối Thành với Khu Nhượng địa bằng một chiến lũy liên tục⁵⁹; nhưng chiến lũy này cũng không ngăn được quân Cờ Đen lợi dụng bóng đêm các ngày 15 và 16 tháng 5-1883 tiến tới sát tường thành phía Nam và đột nhập vào các làng ở phía

⁵⁹ Theo trực Trảng Tiền - Hàng Khay - Trảng Thi - Điện Biên Phủ.

Đông Nam Thành rồi từ đây tấn công khu các nhà truyền giáo, nay là trung tâm thành phố.

Thành phố Hà Nội trở thành nhượng địa Pháp theo đạo dụ ngày 1-10-1888. Nó tiếp tục là trị sở của Bắc Kỳ, trị sở của tỉnh Hà Nội chuyển về làng Cầu Đơ vào năm 1901; tỉnh Hà Nội cũ bị đổi tên thành tỉnh Hà Đông vào năm 1904. Từ năm 1902, Hà Nội trở thành nơi đóng nhiệm sở của các nha chính quyền Đông Dương.

THÀNH PHỐ

Hà Nội nằm trên bờ phải sông Hồng, ở vĩ độ 21°58'Bắc và kinh độ 103°29' Tây so với kinh tuyến gốc Paris. Hà Nội là trú sở của Toàn quyền Đông Dương, Tổng chỉ huy các lực lượng thuộc địa, Thống sứ Bắc Kỳ, Tổng giám mục giáo phận trung tâm Bắc Kỳ. Hà Nội là nơi đặt Tòa Thượng thẩm Đông Dương, Tòa án cấp 1, Phòng Thương mại và Phòng Nông nghiệp.

Dân số nội thị là 80.844 người (2-1905), trong đó có 2.665 người *Pháp dân sự* (1.350 nam, 545 nữ, 245 trẻ em nam, 225 trẻ em nữ, 300 phụ nữ và trẻ em là vợ con các sĩ quan), 2.289 người *Trung Quốc* (1.635 nam, 131 nữ, 523 trẻ em), 380 người *lai* hợp pháp (345 nam thanh niên, 35 nữ thanh niên), 37 người *Hindu* mang quốc tịch Pháp, 74 người *Hindu* mang quốc tịch Anh (trong đó có 5 nữ), 65 người *Nhật* (20 nam, 45 nữ)...

Cùng với 28.000 người An Nam ở ngoại đô gồm cả huyện Hoàn Long, Hà Nội có tổng cộng 110.000 người ở nội và ngoại đô.

Số cử tri (vào tháng 12-1905) là 1.300 người Pháp. Số người An Nam đăng kí bầu nghị viên tham vấn thành phố bản xứ⁶⁰ là 633.

Diện tích thành phố là 945,25 hecta. Thành phố nằm trên đất 106 thôn của dân bản xứ mà phần lớn đã biến mất, chỉ còn lại tổ chức cũ của chúng là những người trưởng phố trong các khu phố An Nam.

Thành phố được cai trị bởi một hội đồng thành phố do dân bầu; hội đồng lại có một quan chức dân chính làm thị trưởng.

⁶⁰ *Conseiller municipal indigène.*

Ngân sách thành phố liên tục tăng từ 252.285 piastre vào năm 1897 lên 576.739 piastre vào năm 1900; 770.663 piastre vào năm 1904.

Với diện tích rộng bằng một phần tám Paris, Hà Nội có 20km đường cống, nhiều đường xe điện, 4km *ke⁶¹* gang cảng.

Hà Nội có ba khu phố riêng biệt:

Khu phố Pháp ở phía Nam khu dân cư An Nam; ban đầu nó được xây dựng quanh khu Nhượng địa, sau đó phát triển ra tới ga;

Khu phố dân bản xứ, ngày xưa là ngoại ô của kinh đô⁶² (Thành), nằm ở phía Bắc Hồ Hoàn Kiếm;

Thành, ở phía Tây thành phố, gồm có các trại lính và một khu phố mới kiểu châu Âu, được xây dựng quanh Dinh Toàn quyền và vườn Bách thảo⁶³.

KHU NHƯỢNG ĐỊA.

Phố Paul Bert (Tràng Tiền) là phố buôn bán của khu phố châu Âu; người Hà Nội⁶⁴ ví nó như phố La Paix ở Paris. Phố chạy từ Khu Nhượng địa tới Hồ Hoàn Kiếm. Phố có nhiều cửa hàng đẹp, nhiều hiệu cà phê, các khách sạn ở phía gần Nhà hát Lớn.



Phố Paul Bert

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

⁶² Tạm dịch từ nguyên văn *la ville officielle*.

⁶³ *Jardin botanique*; nằm bên cạnh đường Hoàng Hoa Thám, phía sau phủ Chủ tịch.

⁶⁴ Nguyên văn Hanoien, xin hiểu là người Hà Nội có quốc tịch Pháp.

Phố dài 540m, rất nhộn nhịp; hồi mới chiếm đóng được gọi là phố Thọ Khảm⁶⁵. Nó là một phần của làng Cự Lâu, nay không còn, thờ Nguyễn Kim là ông tổ nghề khảm.

Nhà hát Lớn. Cầu thang ở phía trước và chạy ngang ra hai bên; hai cổng vào có mái che cho xe có thể vào sát hàng cột cho khách bước vào tiền sảnh; giữa tiền sảnh là một cầu thang kép chạy lên về hai bên dẫn tới các ghế trong ban-công và các lô, trong khi hai cầu thang khác chạy xuống đường ngầm để tới khu khán giả sau khoang nhạc. Phía trên tiền sảnh, phòng diễn viên thông ra hàng hiên trông xuống phố Paul Bert (Tràng Tiền). Khu khán giả có 870 chỗ, kích thước 21m×16m, cao 30m; trước sân diễn là màn rộng 10m, cao 8,5m. Sau phòng phòng diễn là phòng quản trị, 18 lô cho nghệ sĩ, 2 phòng đồng ca, 1 thư viện, 1 phòng diễn viên.

Nhà hát Lớn, bắt đầu hoạt động năm 1901, được xây dựng trên một hồ nước bị lấp. Do đó phải đóng 35.000 cái cọc sâu xuống rồi phủ lên trên một lớp bê-tông dày 90cm. Trên kết cấu đó, người ta xây dựng tòa nhà dài 87m, ngang khoảng 30m; đỉnh tòa nhà cao 34m so với nền đất. Giá thành công trình nghệ thuật này là 800.000 piastre.



Nhà hát Lớn

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

⁶⁵ Rue des Incrusteurs.



Phở Nhượng địa, nay là phố Phạm Ngũ Lão.

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Sau Nhà hát Lớn là đất của Khu Nhượng địa, nhượng cho Pháp vào năm 1874 để xây dựng tòa lãnh sự và nhà cho các đơn vị binh lính bảo vệ; trước 1883, đó là khu nhà ở duy nhất được phép dành cho người châu Âu bên sông Hồng. Những cây phượng vĩ với hoa quá đẹp vào tháng Năm phủ bóng mát cho khu phố bên sông này.

Tòa nhà của Tổng giám đốc quan thuế, phía sau là các công thự của quan thuế Bắc Kỳ⁶⁶.

Đi theo *phố Concession*⁶⁷, ta gặp ở bên trái tòa lãnh sự cũ mà số lượng ngôi nhà đã được tăng lên để lấy chỗ ở cho các công sứ và Toàn quyền. Từ 1910, nó trở thành **Bảo tàng của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp**.

Nghệ thuật Hindu và tiền sử chiếm khu tầng trệt; nghệ thuật Trung Quốc và các nghệ thuật Trung Quốc phải sinh chiếm phòng Doudart de Lagrée, dưới thấp, và những phòng ở tầng một.

Tầng trệt: ở hiên và trong vườn là những tượng và bia lớn, trong đó có bia văn khắc Võ Cạnh⁶⁸ cổ nhất Đông Dương.

*Gian Odend'hall*⁶⁹: Các bộ sưu tập tiền sử, tác phẩm điêu khắc và rập của Cao Mên; rương Miến Điện; ghế bằng đồng thau dạng quái vật sư tử; một loạt đồ đồng của Lào.

⁶⁶ Nằm trên đường Trần Nhật Duật hiện nay.

⁶⁷ rue de la Concession, tạm dịch phố Nhượng địa, nay là phố Phạm Ngũ Lão.

⁶⁸ Diểm khảo cổ học văn hóa Chăm ở xã Vĩnh Thạnh, ngoại thành thành phố Nha Trang hiện nay.

⁶⁹ Ba gian trong phần này lấy tên các nhà khảo cổ học, dân tộc học, thám hiểm... Pháp ở Đông Dương.

Gian Carpeaux: dành cho các cổ vật khai quật của vương quốc Champa (Mĩ Sơn, Đồng Dương, Nha Trang), và Cao Mên. Trong các tủ kính và trên tường có các tượng Xiêm và Lào.

Gian Beylié. Các đồ vật Miến Điện, sứ Trung Quốc-Xiêm, các con dấu Cao Mên.

Gian Doudart de Lagrée. Bộ sưu tập bình sứ Bát Tràng, những mảnh vỡ tìm thấy ở thành Đại La cũ. Những tháp nhỏ bằng đất nung mang về từ hang Thiên Cung (Grotte de Merveille) ở vịnh Hạ Long. Ngai thờ mang về từ tăng viện Đại Sơn⁷⁰. Lư hương có vách ngăn kiểu Bắc Kinh. Tượng Phật đến Lưu-dê (Bắc Giang). Năm khẩu đại bác lớn bằng đồng thau xuất sứ Bắc Kinh làm thành một bộ trang trí lộng lẫy. Hai tủ kính bày đồ sứ lam Trung Quốc và An Nam. Trên tường: bộ sưu tập tranh khắc các trận đánh của Cần Long; bộ các tượng thân Lokapâla bằng đồng thau; hai pho tượng Bồ Tát bằng gỗ thời Cần Long. Các bình phong Trung Quốc. Các trống đồng.

Gian Francis Garnier. Các tượng Xiêm cỡ lớn. Tranh đèn Pô Nagar do Parmentier vẽ.

Tầng một:

Cầu thang chạy dưới một thanh xà chạm khắc đẹp, được lấy từ bộ khung của một ngôi chùa ở làng Thụy Chương (đường Buối⁷¹). Trên tường: một loạt phóng to ảnh và khuôn sẽ thấy trong *gian Mouhot*.

Các gian Paul Bert. Tượng bán thân Tổng trú sứ⁷². Đồ sứ, đồ sơn mài, ngọc thạch, đồ tráng men, đồ đồng thau Trung Quốc (phần lớn có niên đại Minh, một số niên đại Hán), bức vẽ trần kiểu Trung Quốc. Một số tranh Trung Quốc (một số tranh khắc để ở bảo tàng Louvre, Paris). Hai giá sách An Nam khảm chuyển từ Huế ra. Các bức sơn mài cổ của An Nam. Bình phong bằng thủy tinh màu⁷³ của Bắc Kỳ. Hoàn chỉnh đồ thờ của vua Minh Mạng. Đồ sành xốp Xiêm, và các đồng tiền Trung Quốc, An Nam và Cao Li.

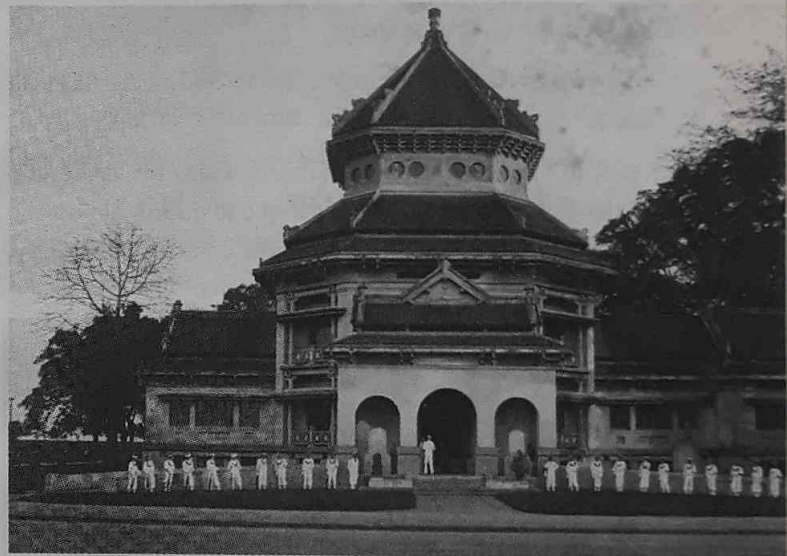
Gian Henri Rivière. Bộ sưu tập tiền cổ. Trên tường là bản phục chế bản đồ Hà Nội năm 1873 do Phạm Đình Bách thực hiện để tham gia triển lãm 1902; các bức tiểu họa Cao Li; tranh rập Nhật.

Gian danh mục. Tại đây có một bản đồ An Nam lớn trên lụa. Tượng bán thân Armand Rousseau. Đồ đồng thau Tây Tạng. Bộ sưu tập Nhật⁷⁴, trong đó có bộ Quan Âm bằng gỗ ở thế kỷ 10.

Dinh Tổng Chỉ huy⁷⁵ tại vị trí ngôi nhà cũ của các sĩ quan thời kì Lãnh sự⁷⁶.

Sở Địa dư⁷⁷ với các xưởng vẽ, phòng ảnh, xưởng in.

Các phòng, ban của của **Bộ Tham mưu**⁷⁸ đạo quân Đồng Dương, nơi ngày xưa là nhà của đội bảo vệ tòa lãnh sự.



Bảo tàng Louis Finot

Nguồn: nguyentl.com

Bảo tàng Louis Finot là bảo tàng của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp (EFEO) tại Hà Nội, nằm ở phố Concession (Phạm Ngũ Lão), hiện nay là Bảo tàng Lịch sử, số 1 phố Phạm Ngũ Lão.

Bảo tàng do kiến trúc sư Ernest Hébrard thiết kế, khởi công năm 1925, hoàn thành năm 1932, mang tên Louis Finot, Giám đốc Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp lúc đó.

Đây là một trong những công trình đầu tiên tiêu biểu cho phong cách kiến trúc Pháp-Nam.

⁷⁴ Bộ sưu tập những tác phẩm nghệ thuật có xuất xứ từ nước Nhật.

⁷⁵ Khu vực Phạm Ngũ Lão-Đặng Thái Thân ngày nay.

⁷⁶ Thời kì trước 1883, trước khi triều đình nhà Nguyễn chấp nhận sự bảo hộ của Pháp.

⁷⁷ Nằm trên đường Tràng Thi, nay là trụ sở bảo hiểm xã hội Việt Nam.

⁷⁸ Trên đường Phạm Ngũ Lão ngày nay.

⁷⁰ Thuộc tỉnh Hà Nam hiện nay.

⁷¹ route de Village du Papier, nay là phố Thụy Khuê.

⁷² Túc Paul Bert, Tổng trú sứ (Résident général) Trung kì và Bắc Kì.

⁷³ Tạm dịch từ nguyên văn *paravent sur verre gouaché*.

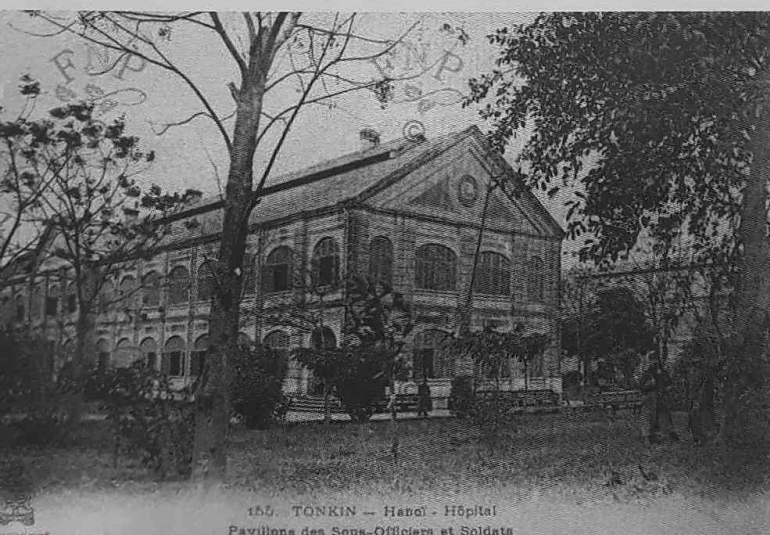
Tháp nước⁷⁹, được dựng trong nghĩa trang cũ⁸⁰ của khu Nhượng địa. Có một công trình nghệ thuật bằng đá hoa cương gọi là *nghĩa địa lớn* này là nơi mai táng Berthe de Vilers và một số binh lính bảo vệ tòa lãnh sự.

Cạnh tháp nước là **Bệnh viện Quân đội**, được xây dựng trong các năm 1892-1893, dưới thời Toàn quyền De Lanessan, có 400 giường bệnh.

Trên đại lộ (avenue) Bobillot (Lê Thánh Tông) là **Trường Đại học** (Université) với các chương trình giảng dạy cao đẳng: *Trường Y*, thành lập năm 1903, và *Trường Dược* thành lập năm 1914, *Trường Thú y*, *Trường Luật* và hành chính, *Trường Sư phạm*... Theo học các lớp là những thanh niên bản xứ người An Nam, Cao Mên, Lào, Trung Quốc.

Trường nữ trung học⁸¹ ở đại lộ Rollandes (Hai Bà Trưng).

Khi đi từ phố Paul Bert (Tràng Tiền) tới, ta sẽ gặp **Hồ Hoàn Kiếm**, với làn nước đẹp bao quanh bởi những vườn hoa xinh tươi, một chuỗi ngọc của thủ đô Bắc Kỳ.



Bệnh viện Quân đội

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Bệnh viện còn được gọi là Bệnh viện De Lanessan, mang tên viên toàn quyền đầu tiên của Đông Dương, nhưng nhân dân ta thường gọi là nhà thương Đồn Thủy. Nay là bệnh viện 108.

⁷⁹ Nằm tại khu vực gần chỗ phố Phạm Ngũ Lão gặp phố Đinh Công Tráng. Xem không ảnh tháp nước ở phần tư liệu ảnh của bài này.

⁸⁰ *Hôpital militaire* hay *Hôpital de Lanessan*, nay là Bệnh viện 108.

⁸¹ *Collège de jeunes filles*; nay là trường THPT Trần Phú. *Collège* là bậc học tương đương bậc trung học cơ sở hiện nay.



Nghĩa địa trong khu nhượng địa

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Nghĩa địa nằm tại khu vực gần chỗ phố Phạm Ngũ Lão gặp phố Đinh Công Tráng, đối diện với Bệnh viện 108 ở bên kia đường. Đây là nghĩa địa Pháp đầu tiên ở Hà Nội; xác Francis Garnier, sau khi được quân Cờ Đen trao trả, được chôn tại đây trước khi được chuyển đi Sài Gòn chôn tại nghĩa trang Sài Gòn (nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi)



Trường Đại học Đông Dương

Năm 1902, chính quyền Pháp quyết định xây dựng cơ sở hạ tầng cho Trường Y mà sau này sẽ là Trường Đại học Đông Dương. Dự án được Toàn quyền Đông Dương chuẩn y vào năm 1907. Ban đầu, trường được dự kiến đặt tại chỗ cắt nhau của hai đại lộ Carreau (phố Lê Thường Kiệt) và Jauréguiberry (phố Quang Trung), nhưng cuối cùng người ta chọn vị trí như hiện nay, trên đại lộ Bobillot (phố Lê Thánh Tông). Thiết kế trường do kiến trúc sư Ernest Hébrard nghĩ ra theo phong cách Đông Dương.

Năm 1913, khởi công tòa nhà ở cánh trái (Trường Y); các hạng mục chính của nó được xây dựng trong khoảng 1913-1922.

Tòa nhà ở cánh phải được xây dựng trong khoảng các năm 1921-1923; nó gồm có các phòng học và một giảng đường. Hai giảng đường khác dành cho khoa luật được xây dựng từ năm 1933 tới năm 1937.

Tòa nhà trung tâm, với một đại giảng đường, chắc định xây dựng trong khoảng 1920-1923 nhưng mãi năm 1924 mới được kiến trúc sư Hébrard hoàn thành. Đây là một công trình kiến trúc hiện đại và được trang trí độc đáo, chẳng hạn như bức bích họa ở đại giảng đường do họa sĩ Victor Tardieu vẽ trong khoảng thời gian 1927-1928.

Từ năm 1928 tới năm 1945, người ta xây dựng một sân quần vợt, tường rào; một số hạng mục được trùng tu để Đại học Đông Dương có thể sát nhập thêm các trường đại học và cao đẳng.

Hiện nay, cơ sở này là Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Dược Hà Nội.

Trước thời kì chiếm đóng, quanh hồ là những nhà tranh của dân bản xứ; đầu hồ phía phố Hàng Khay (rue Paul Bert) là những ngôi nhà thấp của những người thợ khảm có mái hiên bằng tranh trông ra phố và phần sau của mọi nhà quay ra hồ.

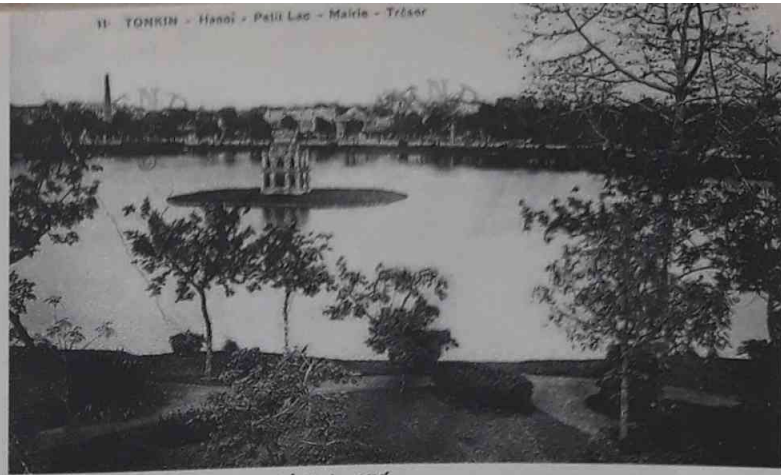
Ngày xưa, hồ này kéo dài nữa về phía Bắc và thông với nhiều ao đầm liên tiếp nhau tới tận hồ Trúc Bạch; lúc đó nước các hồ đều đổ vào sông Tô Lịch.

Dưới thời Lê mạt (1786-1789), người ta lấp các hồ cho tới phố Cầu Gỗ cũ để cho việc đi lại từ Thành ra sông Hồng dễ dàng; thế là nhà mọc lên theo. Dưới triều Lê, thủy binh dùng hồ để luyện tập nên hồ được gọi là hồ Thủy Sư.

Hồ được người An Nam gọi là Hồ Hoàn Kiếm, có nghĩa là “trả lại kiếm”, có một truyền thuyết liên quan tới sự kiện lịch sử người anh hùng Lê Lợi, người lên ngôi vua dưới danh hiệu Lê Thái Tổ và sáng lập ra nhà Tiền Lê (1428-1789).

Người Trung Quốc, dưới danh nghĩa lập lại nhà Trần bị họ Hồ thoán ngôi, đã chiếm An Nam (1407-1428). Vào thời kì đó, Lê Lợi, người gốc Lam Sơn, Thanh Hóa, làm nghề đánh cá. Một hôm, theo một truyền thuyết do G. Dumoutier thể hiện, ông quăng lưới trong hồ này và kéo lên không được con cá nào nhưng được một thanh kiếm lớn, phát ra ánh sáng. Lê Lợi hiểu được ý trời, cất giữ cẩn thận thanh kiếm, âm thầm chuẩn bị cho một cuộc khởi nghĩa. Khi đã tuyển được kha khá dân quân, ông đã công khai kêu gọi chống người Trung Quốc, tiến hành cuộc chiến tranh thần kì giành độc lập kéo dài 10 năm (1418-1428), là một trang đẹp nhất trong những trang biên niên anh hùng của người An Nam.

“Khi người Trung Quốc bị đuổi khỏi đất nước, Lê Lợi lên ngôi vua ở Thăng Long (Hà Nội) và muốn nhân dịp này tự mình làm lễ tạ ơn thần cai quản cái hồ ngày xưa mình đánh cá. Nhà vua đeo thanh kiếm thần tới hồ, có tùy tùng rầm rộ theo trước theo sau. Nhưng khi vua vừa tới bờ hồ, mọi người nghe thấy tiếng như tiếng sấm, ai cũng hoảng hốt khi thấy thanh kiếm tự bay ra khỏi bao và biến thành một con rồng màu ngọc thạch lao xuống nước biến mất. Từ đó mọi người cho rằng thần hồ đã biến thành thanh kiếm để giúp Lê Lợi đánh đuổi quân Trung Quốc”.



Hồ Hoàn Kiếm

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Ảnh chụp từ bờ phía đường Lê Thái Tổ. Phía bên kia hồ là Tòa Đốc lí (thị chính) trên đường Đinh Tiên Hoàng và Kho Bạc⁸² (trên đường Lê Lai). Có thể thấy rõ ống khói của Nhà máy phát điện Bờ Hồ mà nhân dân ta gọi là “nhà máy đèn”. Việc điện khí hóa Hà Nội được thực hiện từ năm 1892 nhưng nhà máy đèn Bờ Hồ được xây dựng năm 1914 chỉ cho một lượng điện đủ chiếu sáng một cách trung bình cho một số phố chính và một số Hoa thương giàu có.

Để tưởng nhớ sự kiện đó, một ngôi đền thờ kiếm⁸³ được xây dựng cạnh hồ, gần dinh Phó toàn quyền⁸⁴

Trên vỉa hè đại lộ Francis Garnier (Đinh Tiên Hoàng) có một cái cổng nhỏ⁸⁵ An Nam đứng trợ trợ, di tích còn lại của ngôi chùa cũ gọi là chùa Khổ hình⁸⁶, bên trong có những cảnh ở Địa ngục của Phật giáo.

Giữa hồ, một ngôi miếu nhỏ tám mặt⁸⁷ với các cửa vòm, thay thế vào năm 1878 cho ngôi đền thờ thần hồ. Ngôi miếu nhỏ được gọi là “tháp đảo Rùa”⁸⁸ để kỉ niệm, theo một truyền thuyết, con rùa nuốt thanh kiếm tuột khỏi tay Lê Lợi.

Xa hơn là đền Ngọc Sơn nhô lên trên mặt nước.

⁸² Nay là Sở Thương mại.

⁸³ Nguyễn văn temple de l'Epée nằm tại đền thờ Lê Thái Tổ hiện nay.

⁸⁴ Nguyễn văn Secrétariat général mà đầy đủ phải là Secrétariat général du Gouvernement général de L'Indochine, tức một quan chức cao cấp làm việc trực tiếp với toàn quyền, nhân dân ta trước đây quen gọi là Phó toàn quyền. Dinh Phó toàn quyền Đông Dương bị bao quanh bởi các phố Beauchamps (Lê Thái Tổ), Pottier (Bảo Khánh) và Jules Ferry (Hàng Trống). Công trình nay là trụ sở báo Nhân Dân.

Công trình này vốn là Ngân hàng Đông Dương, được xây dựng từ năm 1902 và khu nhà ở của Giám đốc Vụ nhân sự (Directeur des Affaires civiles). Năm 1904, hai khu nhà trên được cải tạo, nâng cấp theo phong cách cổ điển để làm dinh Phó toàn quyền Đông Dương.

⁸⁵ Chính là “tháp” Hòa Phong, ở cuối đường Đinh Tiên Hoàng, đối diện với Bộ Công Thương ở bên kia đường.

⁸⁶ Nguyễn văn pagode des Supplices. Tên đúng của chùa là chùa Liên Hoa, còn được gọi là chùa Nguyễn Đăng Giai, lấy tên viên Tổng đốc đã cho xây chùa vào những năm đầu triều vua Thiệu Trị (1841-1847) bằng cách vung phí tiền cúng của dân chúng, một hành động tạo hứng cho nhiều thi sĩ mỉa mai.

⁸⁷ Nguyễn văn pagodon octogonal.

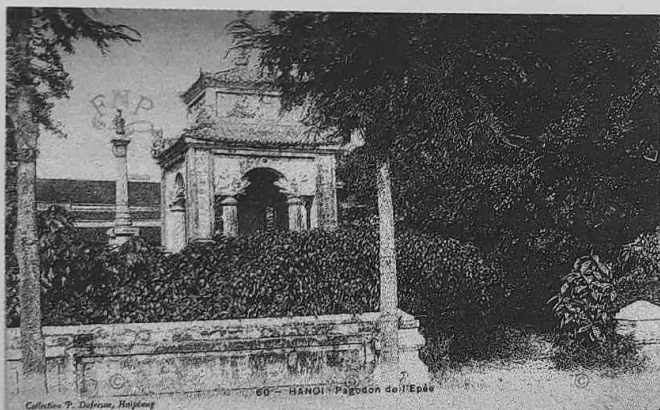
⁸⁸ Nay gọi ngắn gọn là Tháp Rùa.



Cổng vào đền Ngọc Sơn

Nguồn: nguyentl.com

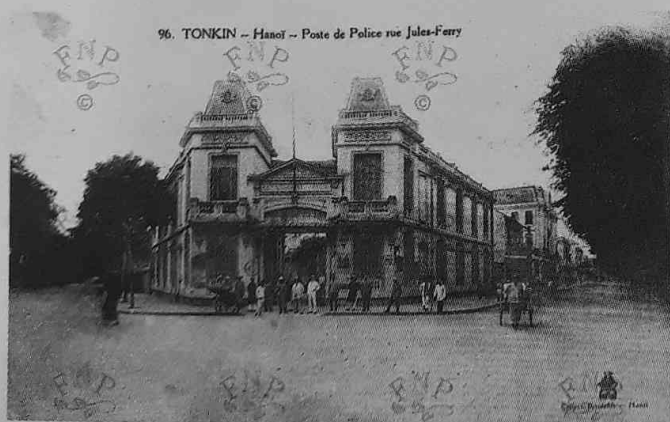
Đây là một bức ảnh do bác sĩ Hocquard chụp từ rất sớm nên ta thấy cầu Thê Húc ở phía sâu chỉ là những tấm ván không có lan can.



Đền thờ Lê Thái Tổ

Nguồn: http://hanoilavie.com

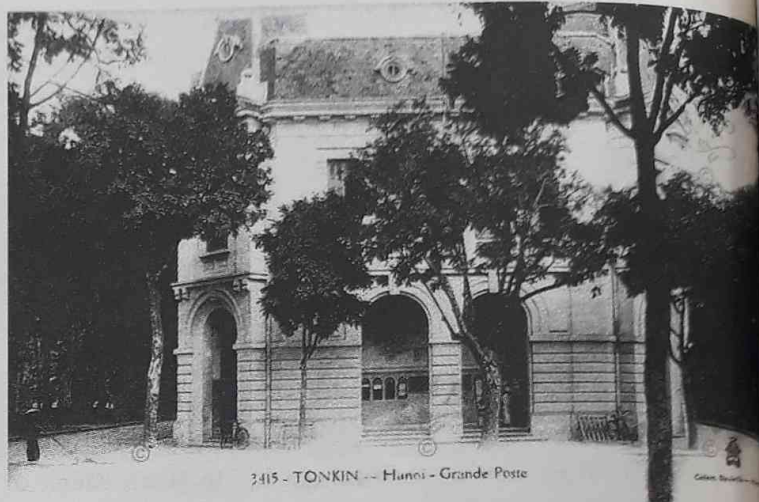
Đền nằm trên đường Lê Thái Tổ, tại chỗ gặp phố Hàng Trống ngày nay.



Đồn cảnh binh phố Hàng Trống

Nguồn: http://hanoilavie.com

Người chụp đã lấy được cả phố Lê Thái Tổ (bên phải) và phố Tràng Thi (bên trái). Trước đây đồn được gọi là "bót Hàng Trống" vì phố Hàng Trống kéo dài tới đây. Hiện đồn vẫn còn gần như nguyên trạng.



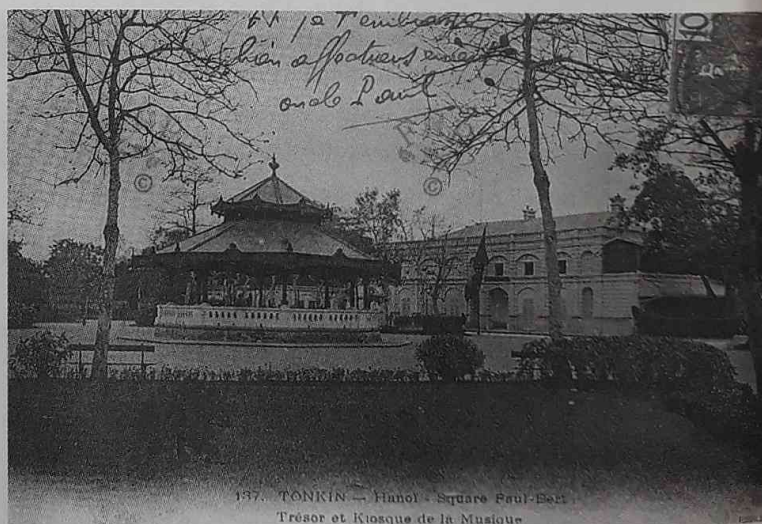
Một gian dịch vụ của Sở Bưu chính và Điện báo

Nguồn: http://hanoilavie.com

Sở Bưu chính và Bưu điện quay mặt ra phố Lê Thạch, chạy dài từ phố Đinh Tiên Hoàng tới sát Nhà khách Chính phủ. Tòa nhà trong hình, nay vẫn còn, là tòa nhà sát đường Đinh Tiên Hoàng.

Tòa nhà đầu tiên được xây dựng trong các năm 1894-1899 theo phong cách tân cổ điển, do kiến trúc sư Adolphe Bussy thiết kế.

Năm 1942, người ta xây thêm một tòa nhà mới trên phố Đinh Tiên Hoàng và Đinh Lễ, theo phong cách hiện đại do kiến trúc sư Felix Godard thiết kế.



Chòi nhạc và Kho bạc Đông Dương.

Nguồn: http://hanoilavie.com

Trước đây, nhân dân thường gọi cái chòi nhạc này, hiện vẫn còn và ở phía sau tượng Lí Thái Tổ, là Nhà Kén, gọi vườn hoa trên là Vườn hoa nhà kén. Kho Bạc nay là trụ sở của HĐND thành phố Hà Nội, trên phố Lê Lai.

Theo tài liệu lưu trữ, Kho bạc Đông Dương được xây dựng từ trước năm 1898 tại góc phố Lê Lai và Lí Thái Tổ. Năm 1913, nó bị phá đi để mở rộng như hiện nay theo thiết kế của kiến trúc sư Charles Lichtenfelder mang phong cách tân cổ điển

Công viên Paul Bert⁸⁹. Trong công viên có tượng nguyên Tổng trú sứ, khánh thành ngày 14-7-1890; phía sau là chòi nhạc⁹⁰ với tiếng nhạc vang lên hàng tuần để Cả-Hà-Nội⁹¹ có dịp gặp gỡ nhau.

Bưu điện⁹², **Kho bạc trung ương**⁹³, **Tòa Thống sứ**⁹⁴, **Câu lạc bộ Liên hiệp**⁹⁵ trông ra công viên. Quá nữa là **Ngân hàng Đông Dương**⁹⁶, **Đài nước Chavassieux**⁹⁷ theo phong cách Hi Lạp-An Nam được xây dựng năm 1901 trong một công viên nhỏ trông vào **Café de l'Hôtel Métropole**⁹⁸.

Trên đại lộ Francis-Garnier (Đình Tiên Hoàng) có **Tòa Thị chính** mà ngày xưa ở phía sau có chùa Tào, có nghĩa là “chùa Lê phải Tối cao”, được xây dựng bởi đám dân di thực Chăm bị bắt về⁹⁹ trong các cuộc chiến tranh 1044, 1069, 1445, 1471 chống nhà nước Champa¹⁰⁰.

Trong khoảng thời gian 1886-1888, khi phá hủy ngôi chùa, người ta thấy có nhiều khối đá chạm khắc của các diềm mũ cột, các khối đá góc vểnh lên như cửa các lá cọ, các bia văn, đáng tiếc là đã bị phá hủy hoặc làm ngưỡng cửa, hai pho tượng phụ nữ thân chim thối sáo.

Dinh chỉ huy hiến binh¹⁰¹. **Nhà máy điện**¹⁰².

Thư viện đại chúng¹⁰³ tại vị trí ngôi chùa cũ do nhà sư *Huyền-chân* xây dựng bên hồ năm 1557, dưới

⁸⁹ Bị bao quanh bởi các phố Lí Thái Tổ, Lê Lai, Đình Tiên Hoàng, Lê Thạch. Nay là vườn hoa Chí Linh

⁹⁰ Nhân dân ta thường gọi là *Nhà kèn*, vườn hoa này gọi là *Vườn hoa Nhà kèn*.

⁹¹ Nguyên văn *Tout-Hà-nội*, chỉ Pháp kiều ở Hà Nội. Tác giả dùng chữ *tout* (tất cả) vì số lượng Pháp kiều lúc đó không đáng kể.

⁹² *La Poste*; nay là Bưu điện Hà Nội, trên đường Đình Tiên Hoàng. Chú ý rằng mặt chính của *la Poste*, thời Pháp, quay ra phố Lê Thạch.

⁹³ Trên phố Lê Lai, bên hông UBNDTP Hà Nội, nay là Sở Thương mại.

⁹⁴ Tức Bắc bộ phủ nay là nhà khách Chính phủ trên đường Ngô Quyền.

⁹⁵ *Cercle de l'Union*, nằm trên phố Lê Lai, cạnh Kho bạc trung ương, sau sát nhập vào Âu Trí Viên để trở thành Nhà Văn hóa Thiếu niên Hà Nội hiện nay.

⁹⁶ *Banque de l'Indo-Chine*, nay là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trên đường Lí Thái Tổ.

⁹⁷ Tại vườn hoa Diên Hồng, bên hông khách sạn Sofitel-Métropole, kẹp giữa đường Ngô Quyền và Lí Thái Tổ.

⁹⁸ Chúng tôi để như nguyên văn để bảo tồn tên gọi này.

⁹⁹ Xin hiểu như sau: những người Chiêm Thành bị bắt về trong nhiều đợt tạo thành một điểm di dân ở Hà Nội và họ đã xây dựng ngôi chùa này.

¹⁰⁰ Có thể đây là sự nhầm lẫn vì cùng ở vị trí này, theo một số nguồn tài liệu thì đây là chùa Tàu và tương truyền vào đời Lê, trụ trí ở đây là người có tài luyện voi, có công giúp vua rèn luyện voi chiến.

¹⁰¹ Nằm trong khu vực Thư viện Quốc gia hiện nay.

¹⁰² Nằm tại góc đường Đình Tiên Hoàng – Trần Nguyên Hãn.

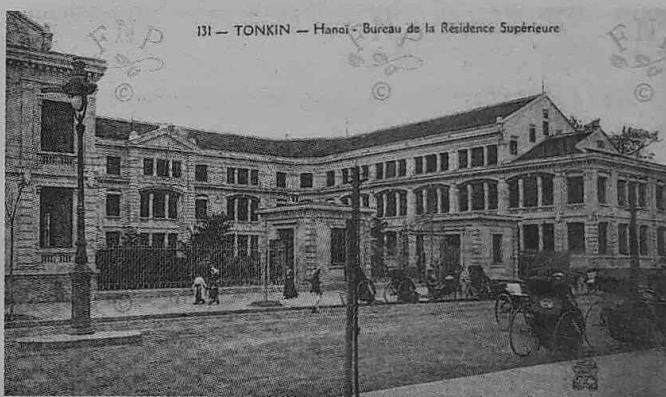
¹⁰³ *Bibliothèque populaire*. Chắc nay là quán nhỏ, ở bên phải cổng chính đền Ngọc Sơn, dùng để bán hoa, viết sớ.



Dinh Thống sứ Bắc Kỳ

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

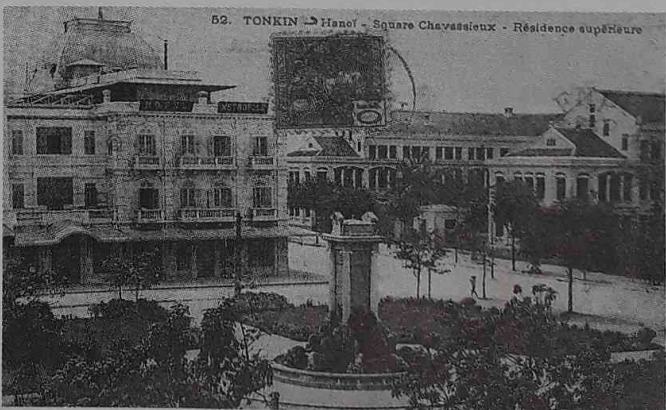
Dinh quay mặt ra đường Ngô Quyền. Ảnh cho thấy đây là một ảnh chụp sớm vì cửa chính chưa có ba mái che, chưa có hàng rào sắt ngăn cách nó với đường Ngô Quyền. Hiện nay nó vẫn mang tên Bắc Bộ Phủ như được gọi trước Cách mạng Tháng Tám và dùng làm Nhà khách Chính phủ. Công trình do kiến trúc sư Adolphe Bussy thiết kế theo phong cách cổ điển Pháp, có ảnh hưởng của phong cách thời kì Napoléon III.



Văn phòng Dinh Thống sứ

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

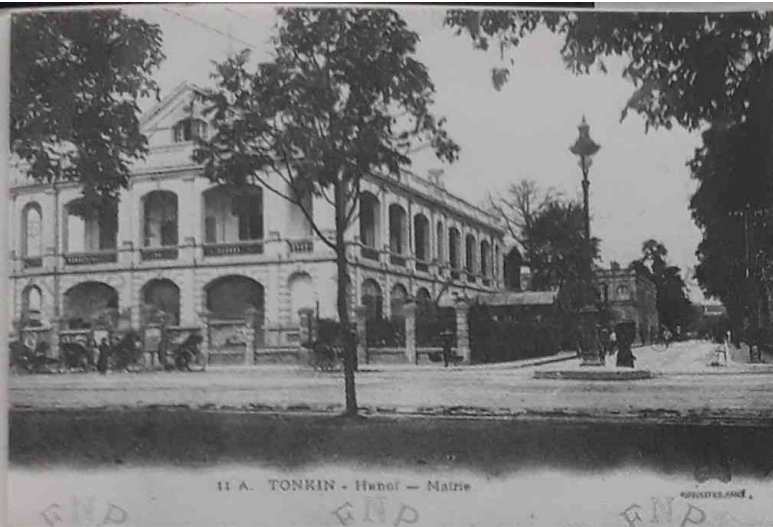
Nằm kế với Dinh Thống sứ trên đường Ngô Quyền, tòa nhà này hiện nay là Bộ Lao động & Thương binh Xã hội.



Đài nước Chavassieux và văn phòng Dinh Thống sứ

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Đài nước hiện vẫn còn nằm trong khuôn viên Vườn hoa Diên Hồng trên đường Ngô Quyền. Công thự bên kia đường Ngô Quyền nguyên là Văn phòng phủ Thống sứ, nay là Bộ Lao động & Thương binh Xã hội.



Tòa Đốc lí

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Mặt tiền Toà Đốc lí (nay là Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội) nằm trên đường Đinh Tiên Hoàng, tại chỗ cắt phố Lê Lai tới phố Trần Nguyên Hãn. Toà nhà trong ảnh giáp với phố Lê Lai. Đi theo phố này ta sẽ gặp Kho Bạc (tòa nhà tối màu nằm sâu trong cùng), nay là trụ sở Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội.

triều vua Lê Anh Tông, để thờ công chúa Huyền Trân, năm 1307, lấy vua Chiêm Thành Jaya Sinhavarman (Chế Mân) (1288-1307).

Bên cạnh thư viện là hàng hiên dẫn vào đền **Ngọc Sơn**, có nghĩa là “đảo Ngọc”, một công trình nghệ thuật nằm trong Hồ Hoàn Kiếm.

Lối vào đền bắt đầu bằng một hàng hiên, phía trên, mặt trước có hàng chữ Nho dịch ý là: “cổng [lên] đảo [của] hồ”; hai bên cổng là đôi câu đối dịch ý là: “đường này dẫn tới nước và núi” và “đây là đường vào miền thần diệu”. Sau đó ta đi trên một hàng hiên nhỏ lát gạch. Bên trái hàng hiên có một cái gò nhỏ bằng đá, được đắp để kỷ niệm một chiến thắng của người An Nam vào giữa thế kỷ 18; chồng lên trên gò là một cái tháp có đỉnh giống như ngọn bút¹⁰⁴ do một nhà nho nhiệt tình với văn chương xây dựng vào thế kỷ 19. Đi quá nữa, ta gặp một vòm hiên ngắn, mà phía trên là *nghiên mục*¹⁰⁵ được chống lên bởi các cột đỡ những câu đối; ra khỏi hiên, ta lên một cây cầu nhỏ; cầu được trùng tu vào năm 1887, thay thế bằng cây cầu gỗ duyên dáng, nghệ thuật hơn, sơn đỏ, uốn vòng cung.

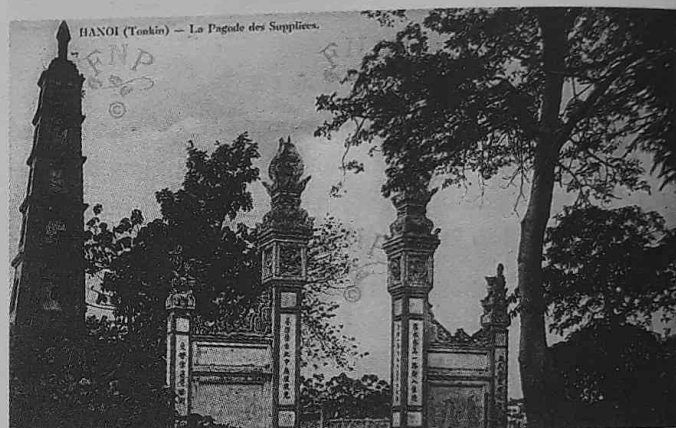
Ta biết rằng người Trung Quốc và người Nhật thích làm những cây cầu cong cong giống như “cầu vồng trên bầu trời”, vì thế có một nhà Nho đã viết và khắc lên một tấm bảng gắn vào một cây cầu ở Vân Nam một tứ văn chương dựa trên hình

¹⁰⁴ Bút lông để viết chữ Nho.

¹⁰⁵ Portique de l'encrier

ảnh duyên dáng thường dùng trong thi ca Trung Quốc là ví những cây cầu với cầu vồng. Phép ẩn dụ như thế được gán cho nhà thơ nổi tiếng Đỗ Phủ đời Đường. Nhà thơ này, trong khi ngắm hàng nghìn chiếc cầu rải rác trong vườn ngự uyển, đã kêu lên: “Trời không mưa mà sao có nhiều cầu vồng thế?”.

Các ngôi nhà hợp thành hai khu đền được nối với nhau bởi ngôi nhà dành cho người bảo vệ và một cái chòi che cho một cái bia.



Tháp Bút

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Đây là Tháp Bút trước đền Ngọc Sơn; do đó chú thích “La pagode des Suppliants” của tác giả không chính xác. La pagode des Suppliants là chùa Báo Ân, hay chùa Liên Trì, hay chùa Quan Thượng, đã biến mất nhường chỗ cho các cơ sở Bưu điện trên đường Đinh Tiên Hoàng



Tháp Bút và Đài Nghiên

Nguồn: blog Ngày xưa ngày xưa.

Đây là bức ảnh, chụp từ Trấn Ba đình* (sân chận sóng) trên đảo Ngọc Sơn, minh họa rõ nhất thế nào là “Tháp Bút, Đài Nghiên”: Tháp Bút là ngọn tháp ở bên phải ảnh đã được nói rõ ở trên; riêng Đài Nghiên (quần thể màu trắng ở giữa ảnh, sát cầu Thê Húc), đó là một cái cổng vòm (cổng tò vò), phía trên đắp một cái nghiêng mục.

* Đình có nghĩa là sân nhưng thực tế có mái che

Ngôi đền ở phía Bắc được xây dựng vào thế kỷ 18, thờ *Quan đế*, một võ thần Trung Quốc; tượng thần đứng giữa: bên phải là bài vị Trần triều Hưng Đạo, anh hùng quốc gia, người chiến thắng quân xâm lược Nguyên Mông vào các năm 1285 và 1288; bên trái là bài vị Thổ thần.

Dưới hiên nhà là ba tấm bia tự sự; tấm thứ nhất cho biết hoàn cảnh xây dựng đền, hai tấm kia ghi tên những người đóng góp xây dựng đền.

Đồ đạc trong đền có một cái khánh bằng đá, một quả chuông cao 80cm và một quả khác nhỏ hơn.

Dưới triều vua Thiệu Trị, khoảng năm 1843, các nhà Nho xây dựng thêm một ban thờ thần thi ca Văn Xương, tượng được dựng cạnh tượng *Thiên Khôi* và *Thiên Việt*. Có hai con hạc bằng đồng dùng làm giá nền.

Sao Văn Xương, có nghĩa là “tỏa sáng văn chương”, nằm trong chòm sao mà người Trung Quốc lấy tên nó để đặt cho cả chòm nằm gần chòm sao Đại Hùng. Trong đền, Văn Xương được hộ vệ bởi hai sao: *Qui Tinh* (thần văn chương trong đạo Lão) cầm một cây bút và một nén bạc và *Văn Giáp*, tượng trưng cho thi cử may mắn.

Trong gian thứ ba, có hai con hạc gỗ cao 1,6m, hai tượng nhỏ bằng đá có khắc chữ bia văn.

Trước chùa là *Thủy tạ*¹⁰⁶, có nghĩa là “chòi bên bờ nước”, có bốn cột vuông bằng đá nguyên khối, trên khắc những câu đối ca ngợi vinh quang của thần linh bản địa và tán dương vẻ đẹp của hồ. Giữa Thủy tạ có một tấm bia đá gọi là “bài vị đền Văn Xương” có niên đại từ 1865, nội dung được G. Dumoutier dịch như sau:

“Người ta dựng bên bờ một cái tạ linh thiêng, cột bằng đá, xung quanh là nước; tạ tắm trong sóng lúc nào cũng lay động vì những áng văn chương. Bên trái là cầu mà đầu cầu là hàng hiên có nghiêng mực; xa hơn là tháp bút tượng trưng cho tính bất diệt của sự thông hiểu.

“Tên Văn Xương mãi mãi nổi tiếng dưới bầu trời, từ tưởng của nó làm hoàn hảo đạo đức đối với sự vật. Trong cuộc sống lương thiện, những ai làm điều hung bạo sẽ có bản năng tự nhiên làm theo những lời dạy của

¹⁰⁶ Sửa lại và dịch từ nguyên văn *Thui-toa*, “*Kiosque du bord de l'eau*”, chú ý không nhầm lẫn với cửa hàng cùng tên *Thủy tạ* bằng bê-tông, xây muộn hơn trên bờ Tây Bắc hồ, đầu đường Lê Thái Tổ ngày nay.

Thầy¹⁰⁷, sẽ chỉ làm những việc mang lại hạnh phúc và niềm vui sẽ đến. Xin hãy học tập và chiêm nghiệm các kinh sách.

Thành Thăng Long ngày xưa là kinh thành của sự thông hiểu nhưng đã bao lần chịu cảnh chiến tranh, đến nỗi bao nhiêu công trình nghệ thuật cũ gần như đổ nát. Lòng xót thương đã khiến những bậc hiền nhân¹⁰⁸ sửa chữa được một phần, vậy nên ngày nay hồ và núi đẹp hơn bao giờ hết”. (Theo Dumoutier)

Bên đại lộ là **đền Bà Kiệu** của tư nhân, ngày xưa gọi là **Thiên Tiên điện**, được xây dựng dưới thời Vĩnh Tộ (1619-1629).

Phòng của **Hội Hiếu Nhạc**¹⁰⁹, nơi diễn ra nhiều lễ hội, hòa nhạc, khiêu vũ, hội nghị.

Bám lấy hồ là **Quảng trường Négrier**¹¹⁰, đây là nơi xuất phát của nhiều đường xe điện.

Trên đại lộ Bauchamps (Lê Thái Tổ) có **Dinh Phó Toàn quyền Đông Dương** và **Nha**¹¹¹ **Tài chính Đông Dương**.

Đền Kiếm thần thờ con Rồng của chiếc hồ thiêng.



Hội Hiếu nhạc

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Tại đây, lúc đó, chỉ có một cái phòng gọi là phòng nhạc. Hiện nay cơ sở này là Nhà hát Múa rối Thăng Long.

¹⁰⁷ Tạm dịch từ nguyên văn *Mâtre*.

¹⁰⁸ Nguyên văn *les philosophes*.

¹⁰⁹ *Société philharmonique*; gần ngã ba Đinh Tiên Hoàng – Hàng Dầu; hiện nay chuyển thành Nhà hát Múa rối Thăng Long.

¹¹⁰ Sau này là Bến xe điện Bờ Hồ, nay là Quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục.

¹¹¹ Chúng tôi mượn thuật ngữ *nha* của báo chí tiếng Việt trước 1945 dùng để chỉ các cơ quan quản lý cấp trung ương ở Đông Dương trong thời Pháp thuộc. Chưa tra cứu được vị trí.

Đó là một công trình nghệ thuật, trùng tu năm 1887, được xây dựng để gọi nhớ lại việc thanh kiếm thần bảo vệ độc lập bị tuột khỏi tay nhà Trần nên Trung Quốc mới có thể khuất phục được An Nam (1407-1428) nhưng nhờ thần hồ, kiếm đã được thu lại và trao cho người tài đức là Lê Lợi để đuổi ngoại bang và thiết lập triều đại quốc gia.

Thanh kiếm thần diệu đó được đưa vào bộ vũ khí của thành phố Hà Nội.

Phố Nhà thờ, bên trái có một ngôi *chùa*¹¹² rất lí thú vì có một điện thờ chư thần rất hoàn chỉnh.

Nhà thờ Saint Joseph, có thể nhận ra từ xa những tháp chuông hình vuông, được Đức Cha Puginier khánh thành ngày 24-12-1886.

Số nhà 42, phố Nhà Chung là **Lí Quốc tự**, tàn tích còn lại của một ngôi quốc tự triều Lí (1009-1225).

Năm 1044, Lí Thái Tôn (Phật Mã), sau khi chiến thắng và giết được vua Chăm là Jaya Sinhavarman (Sạ Dấu), đã đến Đại Miếu (đền thờ tổ tiên nhà vua) báo tin thắng trận. Năm 1069, Lí Thánh Tôn cũng làm như vậy sau khi bắt được Rudravarman (Chế Củ). Trong chiến dịch của Lí Thánh Tôn, người An Nam mang về



Phố Nhà thờ và Nhà thờ Lớn

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Nhà thờ bị nhà văn thuộc địa Alfred de Pouvoirville nhận xét là một "tuyệt tác to lớn và xấu xí".

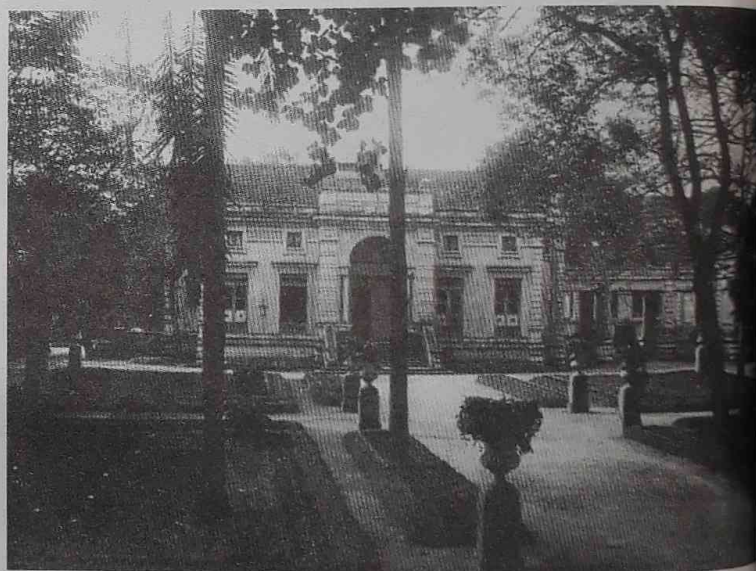
¹¹² Chùa Bà Đá.

được một số chiến lợi phẩm lớn và xây dựng cạnh quốc tự ngôi tháp nổi tiếng Bao-thiên¹¹³, có nghĩa là "Trời che chở", Tháp cao ba tầng, mái lợp đồng. Tháp bị sét đánh dưới triều Lê và được xây dựng lại vào thượng bán thế kỉ 15; chắc tháp đã bị phá hủy vào thời kì Tây Sơn.

Tòa Giám mục.

Khi tới phố *Borgnis Desbordes*¹¹⁴ (phố Trường Thi cũ¹¹⁵), ta gặp khu nhà cũ của **Phái bộ Khoa học thường trực**¹¹⁶ (1904-1909).

Khu nhà này, được Paul Doumer dự kiến xây dựng theo mô hình của tòa nhà Museum¹¹⁷ ở Paris, gồm bốn bộ phận: địa chất học và khoáng vật học, động vật học, thực vật học, nhân loại học. Bảo tàng, thư viện, phòng thí nghiệm. Tạp chí của phái bộ, tờ *Decade*¹¹⁸, công bố một số công trình đặc biệt của phái bộ.



Phòng đọc Đông Dương năm 1931

Nguồn: *Traits d'architecture, Hanoi à heure française.*

¹¹³ Như nguyên văn; theo giải nghĩa của tác giả ngay sau thì tháp phải có tên là *Bảo Thiên* nhưng nhiều nhà nghiên cứu Hà Nội vẫn gọi tòa tháp này là tháp Bảo Thiên.

¹¹⁴ Nay là phố Tràng Thi.

¹¹⁵ Nguyên văn *ancienne Rue du Camp des Letrés*; điều này chứng tỏ phố này đã có tên gọi *Trường (Camp) Thi* trước khi trở thành *Borgnis Desbordes*; không hiểu tại sao từ *trường* lại thành *tràng*.

¹¹⁶ *Mission scientifique permanente*; trụ sở cơ quan này nay là tòa nhà Mặt trận Tổ quốc trung ương trên đường Tràng Thi. Không hiểu mission này có trùng với *Mission archéologique de L'Indochine* (Đoàn khảo cổ học Đông Dương), tiền thân của Viện Viễn Đông Bác Cổ không?

¹¹⁷ Có nghĩa là *Bảo tàng* nhưng chúng tôi không dịch.

¹¹⁸ Tạm dịch *Báo mười ngày* (10 ngày ra một số).



Bệnh viện bản xứ

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Bệnh viện bản xứ được thành lập năm 1904 nhưng bắt đầu xây dựng vào năm 1905. Bệnh viện có hai khu: khu thứ nhất rộng gần 33.000m², nay là bệnh viện Việt – Đức ở phố Julien Blanc, nay là phố Phủ Doãn; khu thứ hai rộng gần 17.000m², nay là Bệnh viện Phụ sản Trung ương.

Công trình ban đầu do kiến trúc sư Henri Vildieu thiết kế.

Phòng Thanh tra Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thương mại, nằm cạnh **Phòng Thương mại và Nông nghiệp** được đặt, năm 1899, trong Tòa Kinh lược¹¹⁹ cũ.

Trại Hiến binh¹²⁰, trên một phần đất của **Trường Thi** cũ, được thành lập năm 1845; chiều dài tường trại là 112 trượng 1 xích (khoảng 345m), số công trình là 32.

Tu viện dòng nữ tu Carmen¹²¹, có tháp chuông (mở cửa cho công chúng vào sáng chủ nhật).

Bệnh viện Bản xứ¹²², được tổ chức lại vào năm 1904, gồm nhiều tòa nhà hiện đại.

Quảng trường Neyret¹²³ với pho tượng của Bartholdi, sao chép và thu nhỏ tượng “Tự do chiếu sáng Thế giới” ở New York và được gửi tới Hà Nội nhân dịp hội chợ lần thứ nhất năm 1887.

Tại giao lộ phố **Hàng Bông Thợ Nhuộm** và đại lộ Carrau (Lí Thường Kiệt) là **Nhà lao Trung ương**.

Tòa án, hoàn thành năm 1906, là một công trình đẹp, rộng 1.600m² với mặt tiền theo kiến trúc bán Hi Lạp. Một cầu thang lớn ở phía ngoài có hai cánh chạy rẽ lên hai bên đưa ta tới **Đại Sảnh**¹²⁴.

¹¹⁹ Như nguyên văn mà tên gọi đầy đủ là Kinh lược sứ; nay là *Thư viện Quốc gia*.

¹²⁰ Trước đây cùng với *Thư Viện* nằm trong khu vực nay là *Thư viện Quốc gia*.

¹²¹ *Couvent des Religieuses de N. D. du Carmel*.

¹²² Nay là Bệnh viện Việt-Đức trên đường Tràng Thi.

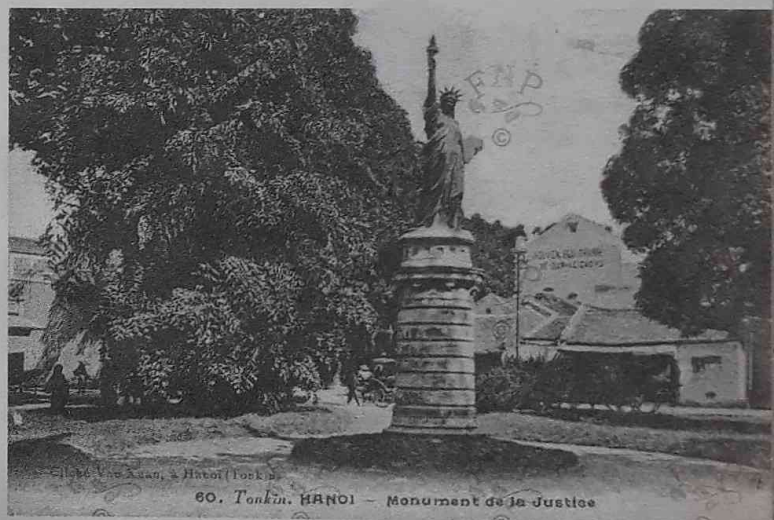
¹²³ Nay là Vườn hoa Bách Việt ở phường Cửa Nam.

¹²⁴ Từ nguyên văn *Salle des Pas-Perdus*. Có thể yên tâm với cách dịch như trên vì gian phòng mờ mờ ở toà nhà giữa của ga Hàng Cỏ cũng được gọi như trên.

Ta vào tầng trệt nằm giữa hai cánh cầu thang lớn ở hai bên. Ngay lối vào là tiền sảnh; bên phải là phòng lục sự¹²⁵ của Tòa án và Tòa Thượng thẩm; bên trái là phòng xử án và phòng xử cấp 1; phía sau là phòng nghị án, phòng chánh án và phòng của các dự thẩm.

Một cầu thang bằng đá cẩm thạch dẫn lên tầng một, tới **Đại sảnh** có trần dạng vòm, thấp, tựa trên những chiếc cột cao 10m xây dọc theo phòng. Trên tường treo các tranh của Vollet. Bên phải, Phòng xử án Tòa Thượng thẩm và Tòa Hình sự rộng 180m²; tường của phòng này phủ một lớp gỗ lim cao 3,5m, trần nhà theo phong cách Phục Hưng. Tiếp theo là các phòng nghị án, các phòng của chánh án và biện lý¹²⁶. Bên trái là phòng thứ tư, tiếp đến là các phòng, ban của Viện kiểm sát. Tầng thứ hai là thư viện. Tầng thứ ba là kho lưu trữ hồ sơ.

Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp¹²⁷ được thành lập năm 1898 bởi Toàn quyền Paul Doumer dưới tên gọi



Tượng Nữ thần Tự do chiếu sáng thế giới

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Tượng được đặt tại công viên nay là Vườn hoa Bách Việt, phường Cửa Nam. Tượng Thần Tự do chiếu sáng Thế giới, một phiên bản thu nhỏ của pho tượng ở New York, được gửi tới Hà Nội nhân Đấu xảo Hà Nội 1887. Thoạt đầu, tượng được đặt trên đỉnh Tháp Rùa khiến ngay nhiều tay thực dân Pháp cũng phải lên tiếng vì tính nhố nhăng của nó: tờ *L'Avenir du Tonkin*, một tờ chống đối giới tăng lữ và bị đối thủ *L'Indépendance tonkinoise* lên án là bán mình cho người Tàu ở Hongkong, viết: “Thần Tự do trên một ngôi chùa, đó là chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối. Được thôi, thế nhưng tại sao không đặt một pho tượng Phật lên tháp chuông nhà thờ?”.

¹²⁵ Nay gọi là thư kí tòa án.

¹²⁶ Còn gọi là *tổng kiểm sát trưởng*.

¹²⁷ *École française d'Extrême-Orient*.

“Đoàn Khảo cổ học thường trực”¹²⁸, năm 1900, đổi tên thành tên gọi hiện nay; nằm tại địa điểm hiện nay¹²⁹ từ năm 1905.

Thư viện Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp¹³⁰ là một trong những thư viện quan trọng ở Viễn Đông.

Viện nằm dưới sự kiểm soát khoa học của Viện Hàn lâm Văn khắc và Văn chương Pháp¹³¹, giám đốc và những người nhận trợ cấp của Viện đều do Viện Hàn lâm Văn khắc và Văn chương giới thiệu.

Ban đầu Viện đặt tại Sài Gòn nhưng năm 1902 thì chuyển ra Hà Nội. Viện nghiên cứu các ngôn ngữ châu Á và các ngôn ngữ khu vực Insulinde¹³², có một *tập san* tam cá nguyệt, được giới bác học đánh giá rất cao.

Tầng trệt, bên trái là phòng họp, bên phải là thư viện sách Trung Quốc, rồi tới các phòng sách An Nam (do các tác giả An



Nhà lao Trung ương

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Trong cửa, người đứng giữa người lính Pháp và viên chức An Nam (áo dài đen) là ông bếp Hai Hiên, tham gia vụ Hà Thành đầu độc.

Nhà lao trung ương thường được gọi là Hỏa Lò. Đây là nơi giam chính trị phạm và thường phạm.

Công trình do kiến trúc sư Henri Vildieu thiết kế sơ bộ vào năm 1895 và được xây dựng trong các năm 1896-1899.

Công trình bị giới hạn bởi các phố Rollandes (Hai Bà Trưng), Richaud (Quán Sứ), Teinuriers (Thợ Nhuộm) và Prison (Hỏa Lò).

Ngày nay, công trình chỉ giữ lại một phần quay ra phố Hỏa Lò để làm khu di tích lịch sử, phần còn lại đã phá bỏ, lấy đất xây dựng cao ốc Hanoi Tower.

¹²⁸ Mission archéologique permanente.

¹²⁹ Nay là Viện Thông tin Khoa học Xã hội, tại giao điểm Lý Thường Kiệt – Ngô Quyền.

¹³⁰ Nay là thư viện Khoa học xã hội trên đường Lý Thường Kiệt.

¹³¹ Académie des Inscriptions et Belles-Lettres.

¹³² Thuật ngữ địa lý chỉ các đảo ở Đông Nam Á.



Tòa án

Nguồn: <http://indochine-souvenir.com>

Tòa án Hà Nội được thiết kế sơ bộ vào năm 1900 nhưng năm 1905 mới được duyệt kinh phí và có thiết kế chi tiết. Công trình được xây dựng từ năm 1906 tới năm 1908 trên khu đất giới hạn bởi các phố Carreau (phố Lý Thường Kiệt), Rollandes (phố Hai Bà Trưng), và Fours (phố Hỏa Lò).

Công trình đối xứng và vững chãi này do kiến trúc sư Henri Vildieu thiết kế theo phong cách tân cổ điển.

Hiện nay, công trình là nơi đặt Tòa án Nhân dân tối cao (ở 48 Lý Thường Kiệt), và Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội (ở 43 Hai Bà Trưng).



Trại lính khổ xanh

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Trại nằm trên đại lộ Đồng Khánh (phố Hàng Bài). Bản vẽ sớm nhất về trại là các bản vẽ năm 1895. Theo các bản vẽ đó, một số tòa nhà đã được xây dựng trước năm 1895. Từ năm 1895 tới năm 1903, một số hạng mục công trình được xây dựng theo thiết kế của kiến trúc sư Henri Vildieu. Từ 1923 tới 1944 lại xây dựng thêm một số tòa nhà.

Hiện nay trại là cơ sở trại của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh, Bộ Công an. Dấu tích còn lại của trại là cổng ở số 40A, Hàng Bài

Nam viết bằng chữ Hán và chữ Nôm hoặc do người Trung Quốc viết nhưng người An Nam in), Nhật, Cao Li, Cao Mên, Xiêm, Hindu.

Tầng một, thư viện sách Pháp và nước ngoài viết về Ấn Độ và Viễn Đông; các phòng làm việc.

Bên kia đường Henri Rivière (Ngô Quyền) là **Tòa Tổng Kiểm sát trưởng**¹³³ Đông Dương.

Đại lộ Đồng Khánh¹³⁴. **Doanh trại Linh khố xanh**¹³⁵.

Đại lộ Gambetta (Trần Hưng Đạo) là một đường phố rộng bóng cây dài 1.840m, bắt đầu từ bệnh viện quân đội tới ga xe lửa. Tại Vòng xoay Richaud¹³⁶ có **Văn phòng Công ti Đường sắt Đông Dương và Văn Nam**¹³⁷.

Đối diện Vòng xoay là Cung Hội chợ¹³⁸ 1902-1903 cũ, xây dựng tại vị trí trường đua cũ của Hà Nội, nay được dùng làm **Bảo tàng Thương mại và Công nghiệp**¹³⁹. Bảo tàng có mặt tiền dài 100m, sâu 25m, gồm có một tầng trệt tôn cao, một tầng lầu được dẫn lên bởi một cầu thang lớn; giữa công trình nghệ thuật là một nóc vòm có trần được trang trí các tranh của Vollet; các phía là những dãy nhà trung bày mà ở phía cuối là những phòng; mặt tiền có một cột lớn.

Mọi sản phẩm thương mại nổi tiếng của Đông Dương, từ nguyên liệu hàng đầu tới các loại hàng công nghiệp, được trình bày ở đây thành những bộ sưu tập đối chứng của các trung tâm mua bán.

Hội quán Hội Tam điểm¹⁴⁰.

Ga Trung tâm nằm ở cuối đường Gambetta (Trần Hưng Đạo). Mặt tiền ga cùng với các tòa nhà phụ chạy dài 1.200m trên phố Đường Cái Quan¹⁴¹.



Hội quán Hội Tam điểm

Nguồn: <http://saigon.vietnam.com.free>

Hội quán nằm trên đường Trần Hưng Đạo hiện nay, ở phía bên trái đoạn từ đầu phố Yết Kiêu tới Ga; nay là một phòng khám bệnh đa khoa. Tên tiếng Pháp của hội là Franc-Maçonnerie, có nghĩa là "Hội thợ xây tự do" nhưng nhân dân ta gọi là Hội Tam Điểm vì thấy các hội viên đeo trên ngực phù hiệu có ba chấm đen. Hội xuất hiện từ thế kỷ thứ 8 ở Anh, dần dần có nhiều chi hội ở các nước. Ở Hà Nội, năm 1887, hội Tam Điểm thuê trụ sở ở 31-33 Mã Mây; năm 1910, hội xây trụ sở mới ở phố Trần Hưng Đạo như ảnh trên. Từ 1925, hội bắt đầu kết nạp hội viên người Việt Nam như Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Bá Luận, Phạm Bá Lục, Hoàng Minh Giám, Nguyễn Văn Luyện, Trần Văn Lai, Hoàng Thụy Ba... Trụ sở ở phố Trần Hưng Đạo là trụ sở chính và gọi là Loge écossaise, thì hội Nguyễn Văn Vĩnh được quản tại đây sau khi được đưa từ Lào về; trụ sở ở phố Đường Thành gọi là Loge confucius dành cho các hội viên Việt Nam sinh hoạt riêng.

Từ ga xuất phát các đường sắt đi Trung Kỳ, Hải Phòng, Lạng Sơn, Lào Cai và Văn Nam. Lưu lượng hàng ngày của Ga từ 2.000 tới 4.000 người, trong đó có từ 100 tới 200 người châu Âu.

Từ ga đi theo phố Đường Cái Quan 2,6km ta sẽ gặp **Cơ sở của Khoa chăn nuôi**¹⁴².

Đối diện cơ sở là một khu đất, cũng thuộc cơ sở, đã diễn ra các Đại hội Nông dân năm 1903 và 1905.

Rẽ về bên trái¹⁴³ ta gặp Đường Huế¹⁴⁴ tại ga cuối của đường xe điện.

Nhà máy diêm¹⁴⁵ được đặt trên nền cũ của Nam Giao, hay còn gọi là *Khiêu-sư*, một cái đền giữa trời mà các vua Lê tự mình tới làm chủ lễ tế Trời vào ngày mồng 10 tháng Giêng.

¹³³ *Hôtel du Procureur général*; nay là trụ sở Văn phòng Quốc hội

¹³⁴ Nay là phố Hàng Bài.

¹³⁵ Nguyên văn *Garde indigène*; trên đường Hàng Bài hiện nay.

¹³⁶ Trước Nhà Văn hóa Hữu nghị Việt-Xô.

¹³⁷ *Compagnie des Chemins fer de l'Indochine et de Yunnan*. Nay là Tổng Công đoàn và Bộ Giao thông vận tải.

¹³⁸ *Palais de l'Exposition*; nhân dân ta gọi là *Đầu xỏ*; nay là Cung Văn hóa Hữu nghị Việt-Xô

¹³⁹ *Musée Commercial et Industriel* nằm trong khu vực Cung Văn hóa Hữu nghị Việt-Xô hiện nay, và tựa lưng vào phố Trần Quốc Toản.

¹⁴⁰ *Loge maçonnique*; trên đường Trần Hưng Đạo, đoạn từ đầu phố Yết Kiêu tới ga Hàng Cỏ.

¹⁴¹ Nguyên văn *rue Mandarine*; nay là đường Lê Duẩn, sau khi có các tên lần lượt là Hàng Lọng, Nam Bộ.

¹⁴² *Établissement zootechnique*, trên đường Trường Chinh, tại Ngã tư Vọng, giáp hông Bệnh viện Bạch Mai. Cho tới những năm 1960 vẫn còn hoạt động.

¹⁴³ Tức đi theo đường Đại La từ Ngã tư Vọng về Chợ Mơ.

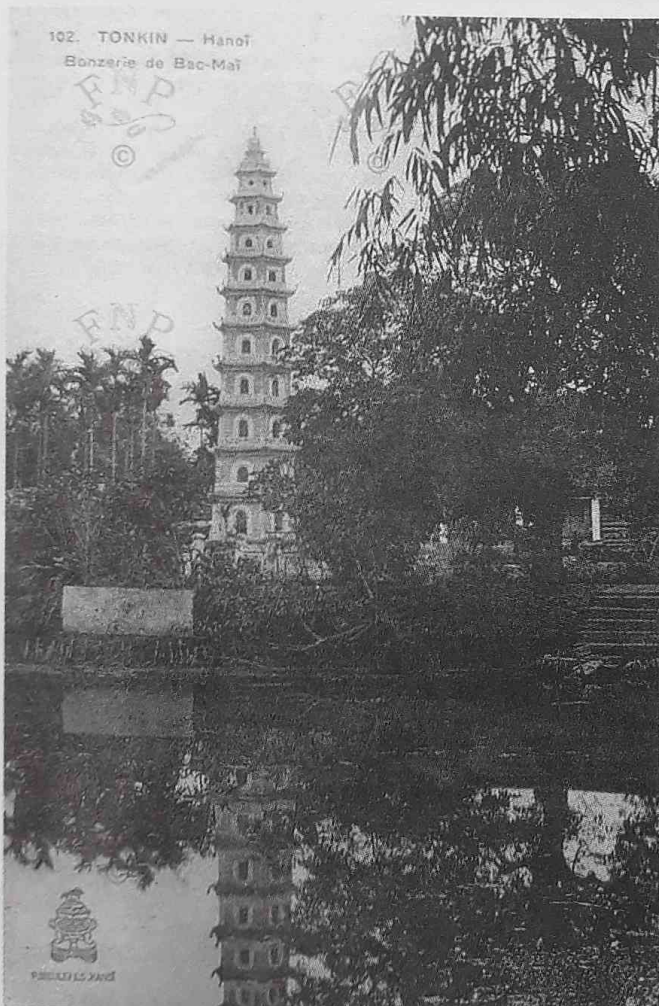
¹⁴⁴ *Route de Huế*; nay là phố Huế + phố Bạch Mai.

¹⁴⁵ Sau 1954 là Nhà máy Trần Hưng Đạo có ba mặt giới hạn bởi các phố Đoàn Trần Nghiệp, Bà Triệu, Thái Phiên; nay là tháp VINCOM TOWER.

Năm 1663, dưới triều vua Lê Huyền Tôn, dân Nam Giao được trùng tu. Mười lăm năm sau, dưới triều vua Lê Hi Tôn, người ta xây ở đây một ngôi chùa nhưng năm 1830 bị cháy. Khi nhà Nguyễn lên ngôi (1802), lễ tế trời diễn ra ở Huế. Có một tấm bia bằng đá đen được khắc từ năm 1680; đó là tất cả những gì còn lại của ngôi đền cổ.

Chùa Liên Phái¹⁴⁶, có nghĩa là “Tu viện Phân phát Sen”, nằm giữa một khu vườn, được thành lập năm 1732.

Chùa có nhiều mộ phần của sư và người thế tục: bên trái và trước cổng có một công trình nghệ thuật sáu mặt mà phía



Chùa Liên Phái

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Chùa nằm trong ngõ Liên Phái, trên phố Bạch Mai, nên người Pháp còn gọi là chùa Bạch Mai.

¹⁴⁶ Chùa nằm trên đất phường Bách Khoa; muốn vào chùa, đi theo phố Bạch Mai, tới ngõ Liên Phái thì rẽ vào.

trên có 6 cái khung khắc xen kẽ nhau những chữ nho: “Diệu quang tháp”, “Pha đồng tháp”, có nghĩa là “Mộ chung”. Vào giữa thế kỉ 19, một cao tăng của tăng viện bị hỏa thiêu vì vi phạm tục lệ của người An Nam, và một phần tro được để ở tháp này; năm mặt kia của ngôi tháp nằm yên nghỉ năm môn đồ (*bhiksu*) của vị cao tăng.

Tháp¹⁴⁷ quan trọng nhất là tháp của một thân vương họ Trịnh, con trai người sáng lập tu viện Trịnh Tiên Quang. Tháp bằng đá dẻo gọt, được xây dựng trên một gò đất cùng với tám ngôi *tháp* khác bằng gạch. Các nhà sư đã khắc pháp danh của họ lên các tháp: “Minh liên tháp”, có nghĩa là “Tháp [sư] Hoa sen Tỏa sáng”, “Thiên định tháp”, có nghĩa là “Tháp [ni cô] Quả quyết”...

Công trình nghệ thuật đặc biệt nhất là một lăng mộ đặt trên một chiếc tháp chín tầng kiểu Trung Hoa – Ấn Độ, mộ phần của vợ viên thông ngôn người Sài Gòn dựng quãng năm 1890.

Đi xa dần mặt phố Huế theo một con đường nhỏ¹⁴⁸ ra phía sau nghĩa địa của người châu Âu¹⁴⁹, ta tới **Chùa Hai Bà**¹⁵⁰ (công trình nghệ thuật lịch sử) do các sư nữ (*bhiksuni*) đảm nhiệm việc thờ cúng.

Ta vào đền theo một con đường nhỏ¹⁵¹ có lát nền mà đi tiếp sẽ đổ ra phố Rousseau (Lò Đức). Đền được xây dựng từ thế kỷ 12, to rộng, được vây quanh bởi những cây đa hàng trăm năm tuổi với những cành khổng lồ.

Bên trong, hai con voi bằng đất sơn đen. Bốn bức tượng đỏ, vây quanh chính điện che kín hai pho tượng của hai vị nữ anh hùng An Nam bằng đất nện kĩ và thiếp sơn.

Bà Trung Trắc và bà Trung Nhị quì gối, tay giơ lên trời; bà Trung Trắc mặc một chiếc áo dài bằng lụa vàng, bà Trung Nhị mặc áo dài bằng lụa đỏ. Trên đầu hai người đầy kín hoa phù dung bằng giấy trang kim.

¹⁴⁷ Nguyên văn *stupa*, một loại hình lăng mộ ở Ấn Độ; chúng tôi dịch là *tháp* vì tháp trong các chùa Việt Nam cũng là nơi chôn các sư.

¹⁴⁸ “Con đường nhỏ” chính là phố Nguyễn Công Trứ ngày nay. Đi theo con đường này sẽ gặp hai khu nghĩa địa ở hai bên đường này: rẽ về phố chùa Vua là khu nghĩa địa của người châu Âu (*Cimetière européen*), nay là khu tập thể Nguyễn Công Trứ; trước khi rẽ về phố Ngô Thị Nhiệm là khu nghĩa địa của người Sài Gòn (*Cimetière saïgonnais*), nay là cơ sở của Công ti Xe khách Hà Nội.

¹⁴⁹ Tức là đi theo phố Đồng Nhân.

¹⁵⁰ Đúng ra thì phải là đền Hai Bà

¹⁵¹ Phố Thọ Lão.

Theo G. Dumoutier: “Là những danh nhân được phong thần, hai pho tượng là những nhân vật được thể hiện bởi truyền thống của đạo Lão và không có chút nào khác biệt với các tượng Phật. Trong các hành lang ngang ở các chùa, ta có thể thấy, xếp dọc theo tường, các tượng với khuôn mặt nhiều màu sắc trong các tư thế rất khác nhau. Đó có thể là các la hán (arhat), hoặc các thần của đạo Lão. Tượng mỗi thần được thể hiện bằng những diện mạo riêng trong những tư thế ước lệ riêng để phân biệt với các thần khác; những diện mạo và tư thế đó hoàn toàn phá bỏ các khuôn phép; đường nét của các tượng biểu thị tính cách riêng tư, những ham mê của con người; tư thế của các thần là tư thế trong cuộc sống thực, và không nơi nào có thể cho thấy tốt hơn thế nào là mỹ học An Nam trong nghệ thuật tạo hình: các nhân vật không có diện mạo, cũng chẳng có tỉ lệ nhân thể học đúng, và khi muốn nhấn mạnh một đặc điểm, họ luôn luôn dẫn tới một pho tượng như tượng châm biếm”.

Hai chị em Bà Trưng, quê ở huyện Mê Linh cũ (nay là huyện Yên Lãng), theo người ta nói, thuộc dòng dõi họ Hồng Bàng, nước Văn Lang. Người Trung Quốc chiếm nước Văn Lang từ năm 207 trước công nguyên và chính quyền bạo ngược của họ khiến người Giao Chỉ không chịu được. Thái thú Mê Linh của nhà Hán là Tô Định giết Thi Sách, chồng của Trưng Trắc, khiến nhân dân Giao Chỉ nổi dậy và nhanh chóng kéo theo những cuộc nổi dậy của nhân dân các quận Nhật Nam, Cửu Chân và Hợp Phố. Từ năm 39 tới năm 42, Giao Chỉ được độc lập do hai chị em bà Trưng cầm đầu chính quyền quốc gia, nhưng quân Trung Quốc do viên tướng Mã Viện cầm đầu lại kéo sang (41-42) để thu phục 56 huyện phía Nam nổi dậy. Trận chiến không xa Lạng Sơn, mặc dù bất phân thắng bại nhưng không ngăn được làn sóng quân xâm lược. Mã Viện thắng người An Nam ở Cẩm Khê, ở hồ Lãng Bạc (Tây Hồ, Hà Nội); cuối cùng, hai chị em bà Trưng bị truy đuổi, nhảy xuống sông Hát (sông Đáy) chết, ở phía Bắc cây cầu trên đường đi Sơn Tây hiện nay¹⁵².

Đối với người An Nam, hai chị em họ Trưng là hiện thân của chủ nghĩa yêu nước và ngay từ đầu, nhiều đền thờ hai bà đã được dựng lên ở Hát Môn (Sơn Tây), Hạ Lỗi (Vĩnh Yên), Hà Nội.

Năm 1142, vua Lí Anh Tôn (1130-1175) cho xây dựng một ngôi đền thứ hai tại làng Đồng Nhân, gần bệnh viện Quân đội, nhưng sông Hồng làm bờ sạt lở, cuốn mất ngôi đền; đền được xây dựng lại cũng dưới triều vua đó ở trong đền, tại vị trí hiện nay.

¹⁵² Cầu Phụng.

KHU PHỐ BẢN XỨ¹⁵³

Từ quảng trường Négrier¹⁵⁴, du khách vào khu phố bản xứ¹⁵⁵ và thấy như được đưa về thời kì trung cổ, giữa những phường hội mà tên gọi đủ để đoán ra diện mạo.



Chợ Đồng Xuân khi chưa có mặt tiền

Nguồn: <http://hanoilavie.com>



... và khi có mặt tiền

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

¹⁵³ Nguyên văn *quartier indigène*, gần trùng với khu vực gọi là *khu phố cổ* hiện nay; người Pháp dùng thuật ngữ này để phân biệt với *quartier français* hay *quartier européen* (khu phố Tây).

¹⁵⁴ Tức ga xe điện Bờ Hồ, nay là quảng trường Đồng Kinh Nghĩa Thục ở đầu đường Đinh Tiên Hoàng.

¹⁵⁵ Từ ga xe điện Bờ Hồ, đi thẳng ta vào Hàng Đào, rẽ phải ta đi theo phố Cầu Gỗ, rẽ trái ta đi theo phố Hàng Gai



Ô Quan Chưởng

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Ô Quan Chưởng suýt bị biến mất vào năm 1905 trước những thềm khát đất đai và những ảo tưởng của tòa thị chính. Nó được sống sót nhờ sự ngang ngạnh của ông Claude Maître, giám đốc Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, lúc đó đang kiểm kê các di tích lịch sử trong thành phố, nhưng các bức tường ở hai bên không cứu được.

Trục huyết mạch của khu phố Tàu-An Nam này có các phố kế tiếp nhau từ Nam lên Bắc là: *Hàng Đào, Hàng Đường, Đồng Xuân*¹⁵⁶, *Hàng Giầy*; chính phố Đồng Xuân có một cái chợ¹⁵⁷ - gồm những gian bằng sắt rất lớn, làm năm 1889, dài tới 52m và cao tới 19m.

Rẽ về bên phải là phố Hàng Buồm với những quán ăn Tàu. Trên phố có đền Bạch Mã (công trình nghệ thuật lịch sử) thờ thần bản mệnh của Thành, đồng thời cũng là thần hộ quốc của vương quốc.

Bạch Mã, có nghĩa là Ngựa Trắng, là vị thần linh chủ trì việc xây dựng, vào năm 866, những hào lũy to lớn của thành Đại La dưới quyền của viên Tiết độ sứ Cao Biền. Địa điểm này thực tế là đền của người thay mặt triều đình Đường ở An Nam, và nếu mới đây người Trung Quốc cho rằng đền này thờ *Mã Viện* là do, không biết truyền thuyết “ngựa trắng”, họ cho rằng chữ “*Mã*” (ngựa) là họ của viên tướng thời Hán, người đã đàn áp mạnh mẽ cuộc nổi dậy của người An Nam trong các năm 41-42. Địa điểm này được người Trung Quốc thờ kính như người An Nam.

¹⁵⁶ Nguyên văn *rue du Riz*.

¹⁵⁷ Túc chợ Đồng Xuân hiện nay.

Đền Bạch Mã thứ nhất được Cao Biền xây dựng ở phía Đông tường thành¹⁵⁸ của mình, tại nơi thần Bạch Mã hiện ra.

Nhưng chính tại địa điểm đền Bạch Mã đó, năm 1010, Lí Thái Tổ cho đắp Nùng Sơn, hay còn gọi là Long Đỗ Sơn, để trở thành trung tâm Hoàng thành của ông ta, do đó đền bị chuyển nữa về phía Đông, gần sông hơn, cách thành mới một khoảng cách bằng khoảng cách từ đền cũ tới thành Đại La vừa mới xây trước đó.

Đền thứ hai được xây dựng ở ngoài thành, tại làng Hà Khẩu¹⁵⁹, trước đó gọi là Giang Khẩu¹⁶⁰, thuộc huyện Thọ Xương (ngày xưa là Vĩnh Xương), để thờ Quảng Lợi Bạch Mã đại vương, phúc thần của thành Thăng Long.

Trong đền, người ta còn giữ được những chiếc rương rất có giá trị đựng 35 tờ bằng và sắc cho thấy các chức hiệu cao quý và ân huệ mà các vua An Nam cùng quan cai trị Tàu đã phong cho thần lẫn ngôi đền linh thiêng.

Đền được trùng tu dưới thời vua Lê Cảnh Hưng (1740-1786) và một lần vào thế kỷ 19; đền gồm bốn gian và các nhà phụ. Gian chính nằm ở đầu khu đền, trong đó có một cái khám vuông dành cho thần Bạch Mã; tượng thần, bằng gỗ thiếp vàng, ở tư thế ngồi; trước mặt thần là bốn pho tượng hầu bằng gỗ.

Bên trái khám là tượng Mã Viện bằng đồng; Mã Viện có hiệu là “*Phục Ba*”, có nghĩa là “thuần phục sống”, chỉ việc ông bình định đất Giao Chỉ.

Bên phải là một cái am nhỏ, bên trong có chiếc ngai Thánh mẫu đặt giữa hai pho tượng hầu bằng đá. Có hai chiếc chuông nhỏ.

Trong gian tiếp theo là những bia văn ở thế kỷ 19. Trong một gian khác có hai con hạc bằng đồng cao 1,35m. Cuối cùng, tại gian ở cạnh phố có một quả chuông cao 1m, đường kính 70cm, đúc năm 1852.

Ngày xưa trống đền Bạch Mã được trao nhiệm vụ báo động mỗi khi xảy ra hỏa hoạn.

Ở đầu phố Jean Dupuis có một chiếc cổng quan, gọi là *cổng Jean Dupuis*, người An Nam gọi là *cổng Thanh*

¹⁵⁸ Túc thành Đại La

¹⁵⁹ Sửa lại và dịch từ nguyên văn *Ha-châu*.

¹⁶⁰ Sửa lại và dịch từ nguyên văn *Dang-châu*.

Hà¹⁶¹. Đó là chỗ trở ra của bức tường, chạy tới tận phố Paul Bert (Tràng Tiền), ngày xưa để bảo vệ khu phố thương mại khỏi những trận ngập lụt; việc tôn cao các bến “ke”¹⁶² mới đây làm cho các lũy bao phía ngoài trở thành vô ích và bị bạt đi; riêng cổng này được giữ lại như một sự kiện lịch sử liên quan tới cuộc chiếm đóng lần thứ nhất của người Pháp (1872).

Đọc theo đường đê Yên Phụ + bến Clémenceau (Trần Nhật Duật) + bến Guillemoto (Trần Quang Khải) ta gặp: nhà máy sợi 10.000 ống, cầu Paul Doumer, bến tàu của hãng *Messageries fluviales*¹⁶³, *Nha Công chính*¹⁶⁴.

KHU THÀNH

Khu trại lính, được bảo vệ bằng một tường vây đơn giản, vẫn giữ tên Thành mặc dù người ta đã san bằng ngôi thành xây dựng năm 1803 tại vị trí của thành Thăng Long cũ, theo sơ đồ kiểu Vauban của các sĩ quan Pháp phục vụ vua Gia Long.

Du khách muốn tham quan Thành có thể xin giấy phép đặc biệt ở cơ quan quản lý Thành¹⁶⁵.

Để vào Thành, ta đi theo phố Bichot¹⁶⁶ (Bắc Sơn). Vào phía trong, bên phải là trại bộ binh; bên trái là bãi pháo. Gần song sắt, ta gặp một quả chuông duyên dáng, tiếng đánh rất hay; chuông được đúc ở phủ Thái Bình dưới triều Lê. Dưới một chiếc lán là những khẩu pháo; một số khẩu, có dấu ghi tên Napoléon III, là tặng phẩm tặng vua Tự Đức; một số khẩu khác, do người An Nam đúc từ đời vua Gia Long.

Xa hơn, là Đoan Môn¹⁶⁷ mà cửa trung tâm nằm trên trục của cung điện cũ. Đoan Môn trông ra Cột Cờ ở phía

¹⁶¹ Tên dân gian của cửa này là *Ô Quan Chưởng* mà xuất xứ có nhiều cách giải thích: một số người cho rằng tên này xuất xứ từ một ông *quan* giữ ấn (*chương* ấn) dưới triều Lê ở khu này.

¹⁶² Nguyên văn *quai*, trước 1954, nhân dân mượn luôn phát âm “ke” của từ này để chỉ các bến tàu xây dọc theo sông hoặc những thêm bê-tông dọc theo đường sắt trong ga để hành khách lên xuống. Trong trường hợp này, các “ke” mới xây chính là đường Trần Nhật Duật và đường Trần Quang Khải hiện nay.

¹⁶³ Tạm dịch *Hãng Vận tải Đường sông*.

¹⁶⁴ Tạm dịch từ nguyên văn *Direction générale et les Services des Travaux Publics*; nằm trên ba mặt phố Hàng Vôi – Lò Sũ – Trần Quang Khải; được xây dựng năm 1895 theo thiết kế của kiến trúc sư Auguste-Henri Vildieu.

¹⁶⁵ Tạm dịch từ nguyên văn *service de la Place*.

¹⁶⁶ Cầu ngang đường Victor Hugo (Hoàng Diệu).

¹⁶⁷ Nguyên văn *Portique d'honneur*.



Phố Quán Thánh

Nguồn: <http://hanoilavie.com>



Chợ Quán Thánh

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Phía xa là ống khói nhà máy gạch, ven hồ Trúc Bạch, cho thấy chợ nằm sau đền Quán Thánh và thông ra đường Quán Thánh.



Đền Quán Thánh

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Ảnh cho thấy ngày xưa Hồ Tây sát tới cổng chùa, đường Cổ Ngư chạy chen giữa tam quan và bốn cây cột ở phía ngoài.

Biên niên cho biết năm 1677, trong đền có một pho tượng bằng đồng đen cao 4m

Nam; bên trên cổng có lan can; dưới thời Lê, một phần của công trình dùng làm chuồng voi của triều đình.

Tại vị trí của đền Bạch Mã cũ do Cao Biền xây dựng là Nùng Sơn với các tòa nhà của hoàng cung; hiện nay tại đây chỉ còn lại cầu thang đẹp có lan can bằng đá nguyên khối, chạm khắc những con rồng lớn, được xếp hạng di tích lịch sử. Các *đồng*¹⁶⁸ từ thời Lí gần như đã biến mất, chỉ còn lại một đồng đá nhỏ gọi là Tam Sơn ở bên cạnh của Chính Bắc, của duy nhất còn lại của tòa thành 1803 sau trận bắn phá năm 1872 của Francis Garnier.

Ở phía Bắc Thành là *khu phố Quán Thánh*¹⁶⁹ mà trên trục đường chính¹⁷⁰ có đường xe điện.

Đền *Grand Bouddha*¹⁷¹, một cách gọi không chính xác và hơi ngớ ngẩn do những người châu Âu đầu tiên dùng để gọi *đền Chấn Vũ* (Trấn Vũ), hay *đền Huyền Vũ*, và còn được biết dưới tên gọi *đền Quán Thánh* (công trình nghệ thuật lịch sử).

Công trình được xây dựng tại một địa điểm đẹp, nơi bắt đầu con đê ngăn cách hồ Trúc Bạch với Hồ Tây.

Cửa chính vào đền là một công trình kiến trúc lí thú. *Pho tượng* đồng là một mẫu nghệ thuật bản xứ.

Huyền Vũ, có nghĩa là “chiến binh lam sẫm”, trong hệ thống chư thần Trung Quốc - Ấn Độ, có nhiệm vụ canh giữ bầu trời phía Bắc; cờ của thần màu đen, linh vật bên cạnh thần là một con rùa và một con rắn. Tục thờ Huyền Vũ do người Trung Quốc du nhập và vị thần phương Bắc này có một ngôi đền riêng vào thời kì Đại La. Sau này người Giao Chỉ có thần riêng và An Nam hóa đền thành đền Huyền Thiên Chấn Vũ.

Năm 1010, khi Lí Thái Tổ rời đô tới thành cũ của người Trung Quốc, ông đặt kinh thành mới dưới sự hộ mệnh của thần Huyền Vũ, thường được biết hơn dưới tên gọi Chấn Vũ, và xây cho vị thần bản mệnh này một ngôi đền gần cửa Bắc kinh thành, coi như đền thần hộ của kinh đô và triều đại.

¹⁶⁸ Nguyên văn *turnuli*

¹⁶⁹ Nguyên văn *quartier du Grand Bouddha*.

¹⁷⁰ Nay là phố Quán Thánh.

¹⁷¹ Tức *Đền Quán Thánh*, nhưng chúng tôi giữ như nguyên văn để sẽ được giải thích ngay sau đó.

¹⁷² Xem Georges Boudarel - *Nguyen Van Ky, Hanoi 1936 - 1996*.

Năm 1768, dưới triều vua Lê Hi Tôn, đền được xây dựng lại, và tượng thần, lúc đó bằng gỗ, được đúc lại bởi thợ đúc An Nam nhưng khuôn do thợ Trung Quốc làm. Hai mươi lăm năm sau, các công trình được sửa chữa, và tới năm 1893 được viên Kinh lược cuối cùng¹⁷³ ở Bắc Kỳ xây dựng lại theo một phong cách, buồn thay, không được như cũ nữa.

Trước đền là một khoảng sân trồng muôm. Bên trái là một tấm bia dựng trên bệ. Một người họ Trịnh đã khắc lên bia một bài văn mang tên mình, sau vua Minh Mạng ra lệnh xóa đi.

Năm 1842, vua Thiệu Trị tới đền làm lễ hiến sinh và dâng hương trước sự chứng kiến của các quan, dâng cho thần một chiếc áo dài màu vàng rất đẹp.

Đền còn có một bức hoành cũng của vua Thiệu Trị, treo phía trên cánh cổng thông sang phần sau của sân, khắc bài văn chữ Nho của nhà vua nói lên công đức của thần tới cứu dân chúng An Nam trong những lúc nguy nan và lần gần đây là cuộc xâm lược của người Trung Quốc dưới thời Minh (thế kỉ 15). Vì thế, tên đầy đủ của thần là Huyền Thiên Chấn Vũ đại đế, có nghĩa là “vị hoàng đế vĩ đại trấn vũ vùng trời đen thẳm”.

Đền nằm ở sâu sau sân; công trình cũ đã bị mất sau chiếm đóng¹⁷⁴ và được thay thế bằng một công trình hiện đại; hai bên đền án ngữ hai tấm bia văn: một tấm kêu gọi khách viếng sùng đạo đóng góp cho đền; một tấm ghi tên những người đóng góp.

Mặt trước đền bằng gỗ chạm khắc, sơn son thiếp vàng.

Trong gian thờ giữa, một chiếc khánh bằng đồng treo trên giá gỗ; tiếp đến là bốn ban thờ ở phía trước chính điện; ban thờ cuối cùng, cao hơn, chỉ có một bài vị trên một chiếc ngai nhỏ thiếp vàng; bức chạm ở lưng bàn thờ thiếp vàng rất cầu kì do người Trung Quốc hiến thay cho bức cũ cổ hơn bằng sơn mài đen khảm.

Chính tại gian này có tượng hai ông hộ pháp mặc chiến bào, cầm vũ khí đứng hầu thần.

Ta vào chính điện theo một lối đi hẹp.

¹⁷³ Tức Hoàng Cao Khải.

¹⁷⁴ Nguyên văn *depuis occupation*; chưa rõ nghĩa; nghi là sau chiếm đóng của người Pháp.

Tượng thần được đặt ở một nơi tối khiến ta phải mang theo đèn.

Chấn-vũ (Trần Vũ), “chiến thần đen huyền”, là một pho tượng lớn bằng đồng đen bóng, cao lớn, được đặt trên một chiếc bệ.

Theo vũ trụ quan của người Trung Quốc, vũ trụ có một trục trung tâm, xung quanh là bốn vùng của bốn phương trời đối nhau từng đôi một.

Đền ở đây là đền phương Bắc, phương tượng trưng cho mùa đông, cho sự rét, cho đêm tối, cho sự chết, thuộc *nguyên âm*, ngược với phương Nam, phương tượng trưng cho mùa hè, cho nóng bức, cho ngày, cho sự sống, tức là cho *nguyên dương*.

Hai nguyên đối ngẫu nhau này, một thụ động, một chủ động, còn được biểu trưng bằng những con vật. Cung Bắc được thể hiện bằng những con vật lạnh, chậm chạp, dễ bảo như rắn, rùa. Người ta cúng bò và lợn cho cung này.

Cung Bắc nhân cách hóa thành vị thần tay phải cầm một thanh kiếm có một con rắn quấn quanh, mũi kiếm đặt lên mai một con rùa.

Khi đắp con dê, người ta tách ra hồ Trúc Bạch ở bên phải, giữa hồ có một cái đảo nhỏ và làng *Vu-xa*¹⁷⁵. Một bia văn trong đền Chấn Vũ nói về làng này: “Hòn đảo nhỏ có dạng đầu một con đại bàng mỏ đang ngậm trăng dưới nước. Rặng núi trên chân trời in bóng trên hồ nước”.

Ta đi ra phía sông Hồng; ngày xưa, người Trung Quốc gọi sông này là sông Phú Lương, sau đó gọi là sông Nhĩ Hà, có nghĩa là “sông vành tai”, vì sông có vành cong kép mà các nhà phong thủy cho rằng có ảnh hưởng tốt cho thành phố.

Nhà máy nước¹⁷⁶, thành lập năm 1895.

Nhà máy thuốc lá¹⁷⁷.

Ở phía Nam Thành có:

Văn Miếu, có nghĩa là “miếu thờ văn chương”, thường được người châu Âu gọi là *Pagode des*

*Corbeaux*¹⁷⁸ vì có nhiều chim họ quạ tới đậu trên các cành muỗm đẹp hàng trăm năm tuổi.

Về mặt nghi lễ, Văn Miếu được đặt dưới sự che chở của nhà hiền triết *Khổng Tử* (Khổng Phu tử), sống vào thế kỉ thứ 6 trước công nguyên.

Ngược với Văn Miếu là *Võ Miếu*, “đền thờ nghệ thuật quân sự”, thờ *Quan phu tử*¹⁷⁹, một võ tướng thời Tam quốc chết năm 215.

Văn Miếu, mà sơ đồ mượn theo đền thờ Khổng Tử ở Khúc Phụ (Trung Quốc), được Lê Thái Tổ (1428-1433), người sáng lập ra triều Lê, cho sửa chữa, xây dựng lại trên nền Văn Miếu của nhà Lý. Văn miếu là đền chính thức của vương quốc dưới triều Lê và của Bắc Kỳ dưới triều Nguyễn.

Cũng giống như ở Khúc Phụ, có một lối vào nhỏ đi qua Cửa Đông¹⁸⁰ để vào sân đền *Thổ Địa Long Thần*. Chính lối đi này là lối du khách sẽ qua để vào đền.

Văn Miếu quay mặt về hướng Nam. Có năm khoảng sân ngăn cách nhau bằng những bức tường có trở cửa ở hai đầu các hàng hiên¹⁸².

Một con đường trung tâm lát gạch dẫn tới một hàng hiên như một công trình nghệ thuật gọi là *Văn Miếu Môn*; tiếp tới là *Đại Trung Môn*; cuối cùng là *Khuê Văn Các*, có nghĩa là “chòi văn chương dưới chòm sao Khuê”, rất được các nhà Nho theo văn hóa Trung Quốc kính trọng. Đó là một lầu gác bằng gỗ, được trở ra nhiều hướng và có các cửa tròn.

Sao Khuê là một trong bốn sao tạo thành một hình vuông trong chòm sao Đại Hùng.

Qua Khuê Văn Các là một cái giếng hình vuông có lan can vây quanh làm thành như một cái bồn gọi là *Thiên Quang Tỉnh*, có nghĩa là “giếng phản chiếu ánh sáng trời”. Sau các lan can phía Đông và phía Tây là 82 tấm bia xếp thành hai hàng, ghi lại các kì thi của triều Lê (1428-1789) diễn ra từ năm 1442 tới năm 1779 ở Hà Nội, lúc đó là kinh đô.

¹⁷⁸ Tạm dịch đến Quạ.

¹⁷⁹ Tức Quan Văn Trường.

¹⁸⁰ Nguyên văn *Porte de l'Est*. Tới nghĩa.

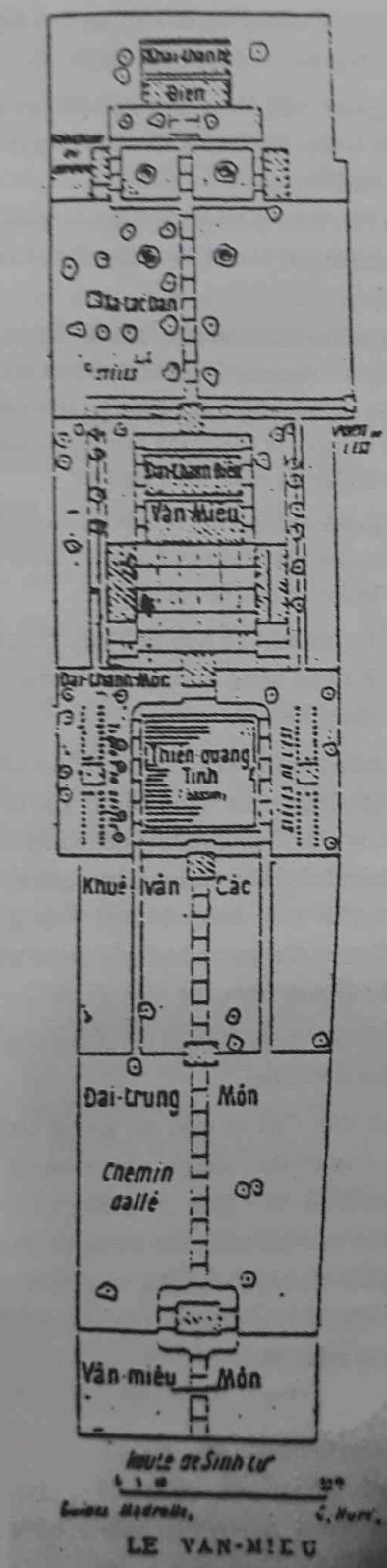
¹⁸¹ Như nguyên văn; nghi là lính

¹⁸² Khách đi từ sân này qua sân kia phải qua một “tường ngăn” dày tới mức như đi qua một hành lang, có hai cửa ở hai đầu.

¹⁷⁵ Có thể đây là làng Ngũ Xã.

¹⁷⁶ Nhà máy nước Yên Phụ, trên đường Yên Phụ, tại chỗ cát phố Cửa Bắc.

¹⁷⁷ Trên đường Phố Đức Chính hiện nay, sau Nhà máy nước Yên Phụ.



Sơ đồ Văn Miếu
Nguồn: Madrolle

Các bia được đặt trên những con rùa đá. Bia cổ nhất nằm ở sau một cái chòi nhỏ ở phía Đông. Bia khắc năm 1484, ghi đại lược các kì thi hương từ năm 1442 và tên những người đỗ.

Tổng số các kì thi được ghi trên bia diễn ra trong 338 năm; lẽ ra 112 kì thi phải diễn ra đúng định kì, nhưng những cuộc nội chiến, các sự kiện chính trị chỉ cho phép triệu tập các nhà Nho 81 lần. Đã phong tiến sĩ cho 1.111 người, tức là trung bình mỗi khoa thi có 14 người đỗ, hay mỗi năm có 3 người đỗ.

Qua Đại Thành Môn, ta vào đền chính, tức Văn Miếu, mà phía trước là một chiếc sân lớn hai bên có những cái chòi.

Văn Miếu là một tòa nhà rộng lớn, mái đặt trên tám vì kèo, được chống đỡ bởi bốn mươi chiếc cột gỗ to lớn sơn son thiếp vàng. Tại trung tâm tòa nhà là bài vị Khổng Tử; một ban thờ sơn mài và thiếp vàng trên đặt một lư hương và những giá nến; hai bên là những con hạc đứng trên mai rùa.

Phía sau điện Đại Thành là bài vị của các nhà hiền triết Trung Hoa, trong đó có 4 người trưởng môn và 12 vị hiền nhân.

Sân thứ năm được bao quanh bởi các công trình, trong đó có đền thờ tổ tiên Khổng Tử, một nhà tạ dành cho các nhà Nho và một cho những người canh giữ.

Trên đường Sinh Từ kéo dài và lệch lên phía Bắc vài mét là **Xã Tắc đàn**¹⁸³, thờ "Thần Đất" và "Thần Mùa màng"

Đàn Xã Tắc là một gò đất có nhiều cây to, nằm hơi quá về phía Bắc đình Nam Đông, tại xóm Trung Thôn của làng Xã Đàn. Nó được xây dựng 1048, dưới triều Lý để dâng lễ hiến sinh cho thần Đất, sau này được vua Trần Nhân Tông ban danh hiệu *Thiên Tổ Địa Chủ* năm 1288.

Gần Văn Miếu là **đền Sinh Từ**, dựng năm 1883, dành cho Nguyễn Hữu Độ, Kinh lược sứ Bắc Kỳ áp chót.

Trên một tấm đá cẩm thạch, khắc bản nghị định của tướng Brière de l'Isle nói công trình là tài sản riêng và mọi người phải tôn trọng.

¹⁸³ Nằm trong Văn Miếu (xem sơ đồ)

Trên đường đi Hà Đông có **đền Đức Khánh**, có nghĩa là “ngày sinh tốt lành”, thường được gọi là chùa Huy Văn, gồm có một tòa nhà thờ vua Lê Thánh Tôn (1460-1497), vị vua đã được sinh ra ở đây vào năm 1442. Trong chùa có tượng Lê Thánh Tôn và tượng mẹ ông ta. Bà là phi của vua Lê Thái Tôn (1433-1442), bị buộc tội làm phù thủy, do đó bị thất sủng và bị nhốt trong ngôi đền này. Tòa nhà thứ hai là một ngôi chùa do các sư trông coi.

Cách Văn Miếu 2,2km (theo đường xe điện) về phía Nam là **khu đất riêng Thái Hà**, thuộc làng Tân Ấp, khu “con hát”¹⁸⁴.

Khu điền sản rộng lớn này được qui hoạch năm 1895 bởi Hoàng Cao Khải, Kinh lược (1888-1899) cuối cùng của Bắc Kỳ. Khu gồm có tư dinh của viên Kinh lược cũ và các biệt thự trong đó một số của người An Nam.

Ta vào lăng của viên quan giữa hai hàng tượng đá tạc các nhà hiền triết, các võ quan và những con ngựa choàng vải thêu ở tư thế châu phục theo phong tục tôn ti của Trung Quốc. Mộ, dạng đa giác, được phủ một tấm đá cẩm thạch đen-trắng.

Cách Văn Miếu 600m về phía Tây và ở phía ngoài cửa Sơn Tây của thành cũ¹⁸⁵ là **mộ Phùng Hưng**, biệt danh *Bố Cái đại vương* (mất khoảng năm 774). Ngôi mộ, nằm dưới bóng những cây đa tuyệt đẹp, có dạng một ban thờ xây to, rất bình thường.

Khu phố mới trong Thành bị cắt bởi đại lộ Puginier (Điện Biên Phủ) rợp bóng mát, một đại lộ huyết mạch đẹp, hàng ngày xe cộ qua lại để tới vườn Bách Thảo hoặc đi hóng mát trên đê¹⁸⁶.

Trên một công trình dạng lăng hình tháp giắt cấp là **Cột Cờ**, nơi ngày xưa phát phới cờ nhà Lê; ngày nay, Cột Cờ được sử dụng vào mục đích quân sự dưới tên gọi *Mirador*¹⁸⁷ như nhốt bồ câu, trạm vô tuyến điện tín.

Cột Cờ nằm trên một ngôi gò cũ đắp năm 1010 dưới triều Lí Thái Tổ, ở phía Nam *điện Kính Thiên*¹⁸⁸, giữa Đoan Môn



Bên trong Văn Miếu

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



DANS UNE COUR DU TEMPLE DE CONFUCIUS, A HANOI, DE NOMBREUSES STÈLES PORTÉES PAR DES TORTUES CROÏENT EN CARACTÈRES CHINOIS LES NOMS DES LAURÉATS AUX GRANDES ÉCOLES LITTÉRAIRES INSTITUÉS PAR LES EMPEREURS D'ANNAM AU XVI^e SIÈCLE, ET PAR LESQUELS ON RECRUTAIT LES FONCTIONNAIRES. LA TORTUE EST UN ANIMAL SACRÉ, SYMBOLE DE LA LONGÉVITÉ.

Bia Văn Miếu

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

¹⁸⁴ Nguyễn văn *quartier des Chanteuses*.

¹⁸⁵ Nguyễn văn *l'ancienne citadelle*; chưa rõ nghĩa lắm. Nghi là chỉ thành Đại La.

¹⁸⁶ Tác giả muốn nói đường Cổ Ngự, nay là đường Thanh Niên.

¹⁸⁷ Tạm dịch *Chòi Canh*.

¹⁸⁸ Nguyễn văn *Pavillon royal*.

1) - HANOI - Tombeau réservé à S. E. Hoàng-Cac-Khai



Ấp Thái Hà

Nguồn: <http://indochine-souvenir.com>

của triều Lê và một cái hồ nước¹⁸⁹. Gò đất nhỏ này, trong phong thủy, tương ứng với sao *Hỏa* và *hành Hỏa*.

Trường đua xe đạp¹⁹⁰ của Liên đoàn Thể thao. Đường đua dài 333,33m. Bên trong đường đua xe đạp là đường chạy bộ trông cỏ.

Ở phía Nam là trường **nữ trung học**¹⁹¹. Ở phía Bắc và trông sang Dinh Toàn quyền là trường **trung học**¹⁹² **Albert Sarraut** dành cho nam sinh.

Dinh Toàn quyền, xây dựng từ năm 1901 tới năm 1906, nằm trước vườn Bách Thảo, ở phía ngoài của thành Gia Long nhưng lại ở trong thành Đại La.

Công viên của dinh bị giới hạn về mặt Đông bởi một hàng lan can, trông ra một con đường¹⁹³ rợp bóng

¹⁸⁹ Chỉ có bản đồ Hà Nội 1873 vẽ hồ này; hồ nằm trong Thành, quân lính đời Nguyễn thường cho voi ra tắm nên gọi là hồ Voi. Sau khi Thành bị phá, hồ bị lấp để làm vườn hoa gọi là vườn hoa Robin, nhưng dân chúng quen gọi là vườn hoa Canh nông hay vườn hoa Cột Cờ; sau 1945, được đổi tên thành vườn hoa Chí Lăng.

¹⁹⁰ *Vélodrome*; chú ý rằng trước đây trên đại lộ (avenue) Brière de l'Isle (Hùng Vương) tồn tại hai trường đua xe đạp ở hai nơi khác nhau trong những thời kì khác nhau: Bản đồ Hà Nội 1926 vẽ *Vélodrome* trong khu vực tam giác giới hạn bởi ba phố Điện Biên Phủ, Hùng Vương và Lê Hồng Phong ngày nay; bản đồ Hà Nội 1915 trong tập Atlas colonial vẽ *Vélodrome* ở bên trong khuôn viên Phủ Chủ tịch (nguyên là Dinh Toàn quyền), tại giao lộ Hùng Vương – Hoàng Hoa Thám ngày nay; có điều lạ là không hiểu sao bản đồ 1915 này không có Dinh Toàn quyền mà có *làng Hữu Tiệp*, mặc dù dinh đã hoàn thành từ năm 1906.

Vélodrome ở đây là Vélodrome trên bản đồ 1926.

¹⁹¹ *Lycée*, tương đương trung học phổ thông hiện nay. Nay là trụ sở Bộ Tư pháp.

¹⁹² *Lycée*. Nay là trụ sở Trung ương Đảng.

¹⁹³ Đường Hùng Vương hiện nay.

cây mà dưới chân là một con hào chạy suốt mặt mặt tiền, và phía Tây (phía vườn Bách Thảo) bị giới hạn bởi một vạt đất dài bao quanh bởi một con hào chắc hẳn do người đào vào thời kì thành lập thành lũy dưới triều Đường.

Cửa chính của dinh nằm ở mặt Đông; phía trước nó là những bậc thềm rộng mà phía dưới có đường cho xe qua; cửa phụ ở phía Bắc mặt tiền.

Vào bên trong, ta gặp một cầu thang lớn; chính giữa là phòng khách; phía Nam phòng khách là phòng ăn; góc Đông Bắc là phòng làm việc. Ở tầng một là các phòng riêng.

Trước dinh là công trình nghệ thuật “Nước Pháp bảo hộ Đông Dương”¹⁹⁴ của Théodore Rivière.

Công trình cao 12m. Dưới chân người phụ nữ tượng trưng cho nước Pháp có bốn người điển hình của Đông Dương là An Nam, Trung Quốc, Cao Mên, Lào đang dâng cho người bảo hộ những sản vật của địa phương mình. Các tượng được làm bằng hỗn hợp đồng và cát kết xám. Công trình nghệ thuật được đặt trên một bệ vuông mỗi cạnh dài 8m, trong đó sông Hồng và sông Mekong được thể hiện bằng khuôn mặt hai người phụ nữ, nguyên nhân chính của sự mất của của toàn xứ Đông Dương.

Sau kho Thuốc súng¹⁹⁵, và ở phía Nam vườn Bách thảo là **Nhất Trụ tự**, có nghĩa là “chùa [chỉ có] một trụ”, hay chùa Một Cột, nằm trên đất làng Thanh Bảo mà nhà cửa bắt đầu từ đường Sơn Tây.

Nguồn gốc của ngôi chùa này được thuật lại theo nhiều cách khác nhau. Theo bia văn dựng trước cổng chính chùa, Cao Biền (thế kỉ thứ 9) là tác giả của chùa; ngược lại, các biên niên An Nam cho rằng chùa mới chỉ được xây dựng vào thế kỷ 11, dưới triều vua Lí Thánh Tôn.

Vị vua này đang buồn phiền vì chưa có con nối dõi thì nằm mơ thấy Bồ tát Quan Âm ngồi trên một tòa sen, trên mặt nước, đưa cho một đứa bé. Để ghi nhớ giấc mộng, nhà vua ra lệnh dựng một ngôi chùa đặt trên bông hoa sen. Nữ thần liền ban phép lành cho nhà vua sinh con trai (1066); người con trai này trị vì từ năm 1072 tới năm 1128 dưới danh vị Lí Nhân Tôn.

¹⁹⁴ Nếu đối chiếu với tám bưu thiếp *Alentours du Palais du Gouverneur* ở trang hanoilavie.com thì công trình nghệ thuật này nằm ngoài Phủ Chủ tịch hiện nay, quảng trên đường Bắc Sơn.

¹⁹⁵ Trong Thành.



Cụm tượng "Nước Pháp bảo hộ Đông Dương"

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Phía sau tượng là Dinh Toàn quyền (nay là Phủ Chủ tịch), bên phải là các toà nhà của Trường Trung học Albert Sarraut (nay là Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam)



Hai điểm kiến trúc của Dinh Toàn quyền

Nguồn: Vietnam à travers l'architecture coloniale, Arnould Le Brusq và Léonard de Selva



Mặt trước Dinh Toàn quyền

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Khu đất Dinh Toàn quyền là một khu đất liền với chân tường thành phía Tây. Người vạch ra sơ đồ khu Dinh là một người Pháp gốc Nga tên là Vladimir de Gontcharoff.

Dinh được xây dựng trên một khu rộng 1.200m², cao ráo, yên tĩnh, có nhiều cây xanh, quay mặt ra đường Thành Thái, sau đổi thành đường Brière de l'Isle, nay là đường Hùng Vương, mặt Bắc giáp đề Parreau (đường Hoàng Hoa Thám). Dinh được xây dựng từ năm 1901 tới năm 1905 theo thiết kế của kiến trúc sư Charles Lichtenfelder theo phong cách cổ điển Pháp.

Phong cách trang trí Dinh cho thấy tài năng của người Pháp: phòng khánh tiết lớn được thiết kế theo phong cách phòng khánh tiết của vua Louis 14, phòng ăn lớn theo phong cách Phục Hưng, phòng riêng của Toàn quyền theo phong cách thời Đế chế. Tuy nhiên, các chi tiết trang trí nhiều lần được tu bổ và sửa chữa theo ý thích của từng viên Toàn quyền



Cổng bên Phủ Toàn quyền

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Cổng này hiện nay vẫn còn. Con đường chạy thẳng vào cửa nay là đường Mai Xuân Thưởng

Sự kiện đáng mong đợi là dịp để thay đổi tên chùa trong thời kì mới: chùa được đổi tên thành *Long Chương Thiên Tự* trong ba năm.

Ở lối vào, một hàng hiên duyên dáng được đặt trên một tầng gác trở ra từ một cửa cuốn và một gác chuông nhỏ.

Một cột là một cái trụ bằng đá, gồm hai khối hình trụ chồng lên nhau từ dưới nước, và phía trên trụ được chạm khắc lơ mờ một bông hoa sen đỡ một cái chùa nhỏ bằng gỗ rất đẹp, nằm chênh vênh ở trên; một cầu thang gạch đưa ta từ dưới sân lên ngôi chùa nhỏ.

Công trình này là một dấu son về kiến trúc và lí thú về mặt khảo cổ học mà chúng tôi hi vọng một ngày nào đó sẽ được trùng tu, đồng thời sẽ được qui hoạch với sự mở rộng vườn Bách thảo về phía Nam.

Các công trình khác gồm một ngôi nhà to và một ngôi nhà nhỏ; cuối cùng, ở một góc là một miếng đất hoàn toàn đổ nát, xưa là gác chuông.

Vườn Bách thảo¹⁹⁶. Khu vườn 25 hecta¹⁹⁷ này là nơi đi dạo lí tưởng, có nhiều con đường ngang dọc cắt nhau, được xây dựng trên ruộng của làng Khán Xuân cũ, nơi đóng nhiệm sở của tri huyện Vĩnh Thuận, huyện vốn được thành lập dưới triều Lê dưới tên gọi Quảng Đức và bị bãi bỏ vào năm 1851.

Trong Vườn Bách thảo có bãi cho hươu cái; hồ cho gấu; bãi rào cho voi; lồng cho các loại thú hoang dã như khỉ, rắn; chuồng chim...

Chòi nhạc dành cho quân nhạc (chủ nhật, mùa hè), múa rối (chủ nhật), cầu bập bênh. Gò đất cách hồ Hoàn Kiếm 3km.

Bên kia hồ là mộ của một viên tướng An Nam ở đầu thế kỷ 19, được trùng tu khoảng năm 1890 trên khu đất các lăng mộ Trung Quốc gọi là "[sát] hình móng ngựa".

¹⁹⁶ *Jardin botanique.*

¹⁹⁷ Theo *Từ điển Đường phố Hà Nội* của NXB Thế giới, diện tích Bách Thảo chỉ là 18 hecta.



Vườn Bách Thảo

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Có thể coi Vườn Bách thảo là một phần của tổng thể gồm cả khu Dinh Toàn quyền và Quảng trường Tròn¹⁹⁸.

Trước khi xây dựng khu Dinh, Vườn Bách thảo nằm trong dự án khu vườn thí nghiệm trồng cây nhiệt đới. Dự án do Broumiche, một dược sĩ hải quân biệt phái về Sở Nông lâm, dự kiến vườn sẽ kéo dài từ làng Ngọc Hà tới bờ Hồ Tây. Nhưng khi thực hiện, vườn chỉ tới phố Đường Thành (Digue Parreau), tức Hoàng Hoa Thám hiện nay.

Khởi công năm 1890, Vườn Bách thảo gồm đất của các làng Ngọc Hà, Hữu Tiệp, và ao đầm làng Khán Xuân.

Trong Vườn Bách thảo có núi Sưa (tên chữ là Sư Sơn) vì trên núi có nhiều cây sưa to. Trước núi có một chiếc hồ rộng; trong hồ có một đảo nhỏ gọi là đảo Con Nhện. Trên núi có một ngôi đền nhỏ thờ Huyền thiên Hắc đế. Thần họ Lí, có công giúp nhà Lí đánh giặc ở phía Nam. Thần còn được thờ làm thành hoàng tại hai đình làng Ngọc Hà và Hữu Tiệp.

Khi làm Vườn Bách thảo, người ta phát hiện được một ngôi mộ ở sát chiếc hồ trước núi Sưa; bia mộ cho biết đó là mộ Lê Chất, cựu Tổng trấn Bắc thành, bị nhà Nguyễn kết tội.

Để xây dựng Vườn Bách thảo, người Pháp sử dụng các phạm nhân làm nhân công. Trong Vườn Bách thảo có tới ba nghìn loại thảo mộc, đa số nhập từ nước ngoài. Vườn Bách thảo còn có tên gọi thông thường là Trại Hàng hoa vì có nhiều giống hoa nước ngoài phát triển ra các làng xung quanh như Ngọc Hà, Hữu Tiệp để trồng bán.

Khoảng 1920, Nha Nông Lâm chuyển từ đường Quang Trung (trong khu Thư viện trung ương) về góc Tây Nam Vườn Bách thảo.

(Theo Nguyễn Văn Uẩn, Hà Nội nửa đầu thế kỉ 20)

Nổi lên, không chế toàn công viên, là một ụ đất nhân tạo gọi là *núi Sưa* - sưa có nghĩa là "gò cũ" có nghĩa là "gò ngày xưa"¹⁹⁹.

Nhân chuyến thăm vườn Bách Thảo, do chính quyền Bảo hộ chăm sóc, ta có thể kết hợp thăm *vườn uôm*²⁰⁰; ở đó người ta trồng hơn 3.000 loài cây cảnh, cây công nghiệp, nông nghiệp, cây cho súc vật ăn, cây lấy gỗ, cây con, hoa tứ thời, để bán cho công chúng.

¹⁹⁸ Nay tọa lạc phía trên là Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

¹⁹⁹ Giải thích này, dựa vào chữ *sưa* (xưa, cũ), hoàn thành sai. Giải thích đúng là giải thích của Nguyễn Văn Uẩn (xem chú thích ảnh "Vườn Bách Thảo")

²⁰⁰ Ở đầu đường Thụy Khuê, bị kẹp giữa đường Thụy Khuê và đường Hoàng Hoa Thám.

NHỮNG CHUYẾN ĐI DẠO

Ta có thể dạo quanh thành phố bằng xe hơi trên những con đường cao lên nhờ san lấp (đê hoặc lũy đất cũ) để thưởng thức những cảnh đẹp trên cánh đồng với các tour:

A. Tour theo đường Parreau²⁰¹ (Hoàng Hoa Thám)

B. Tour quanh Trường đua²⁰²;

C. Tour theo đường Parreau (Hoàng Hoa Thám) và quay về theo đường Sơn Tây mới;

D. Tour theo đường Parreau (Hoàng Hoa Thám), quay về theo đường Francis-Garnier²⁰³ (La Thành) và đường Hà Đông;

E. Tour Đường bao²⁰⁴;

F. Tour theo đê phía Nam và đi Bát Tràng;

G. Tour theo đường Hà Đông;

H. Tour theo đường Sơn Tây tới Thành²⁰⁵ Hoài Đức²⁰⁶;

I. Tour thăm làng Bưởi²⁰⁷;

J. Tour quanh Hồ Tây;

K. Tour thăm đền Tứ Trụ.

Các khoảng cách (tính bằng km) được tính từ hồ Hoàn Kiếm, phía đường Paul Bert²⁰⁸.

A. Tour theo đường Parreau (Hoàng Hoa Thám) (5,8km)²⁰⁹

Chuyến đi dạo ưa thích của người Hà Nội vào buổi chiều từ 5h tới 7h là đi theo con đường nền cao Parreau dài 2,6km rợp bóng cây.

²⁰¹ Nguyên văn *digue Parreau*. Chú ý rằng trước đây các lũy đất của thành Đại La được nhân dân gọi là đê như đê La Thành, đê Đường Thành (Hoàng Hoa Thám)

²⁰² Nay là *Cung TTTH Quần Ngựa* (theo Bản đồ Văn hóa – Du lịch và các tuyến xe buýt Hà Nội của NXB Bản đồ). Bạn đọc tự tra cứu TTTH.

²⁰³ Nguyên văn *digue Francis-Garnier*; người Pháp dùng tên này để chỉ đường La Thành hiện nay vì Francis-Garnier tử trận trên đường này, tại ngã tư La Thành – Nguyễn Chí Thanh.

²⁰⁴ Tạm dịch từ nguyên văn *Tour de la Suburbaine*.

²⁰⁵ Trữ sở phủ Hoài Đức được bao quanh bởi một chiếc thành hình vuông.

²⁰⁶ Nay là thị trấn Trôi.

²⁰⁷ Nguyên văn *village du Papier*.

²⁰⁸ Nay là Tràng Tiền + Hàng Khay.

²⁰⁹ Như nguyên văn

Con đường này nằm trên mặt lũy thành bảo vệ mặt Bắc khu nhà của các quan cai trị Trung Quốc trong thành Đại La, hay La Thành, khu thành nội của các triều Lý và Trần trong thành Thăng Long. Chính lũy đất này đã bị những người châu Âu, do một sự hiểu nhầm rất vô lí, gọi là “đê” Parreau, lấy theo tên viên chỉ huy, đốc lý²¹⁰ đầu tiên của Hà Nội (1885).

Bên trái đường có nhiều mộ cổ, mà ngôi to nhất bị nhà máy bia Hommel²¹¹ chiếm.

Có những gò đất nhân tạo, chắc là được đắp từ thời nhà Đường trong thành Đại La, tu bổ lại, để cải thiện các điều kiện phong thủy cho thành vừa mới bị người Nam Chiếu (Vân Nam) cướp phá và chiếm đóng. Ở một trong những gò đó, người ta đã phát hiện được những viên gạch chạm khắc, những mảnh đồ gốm và những chum đựng đựng tiền Trung Quốc, trong đó nhiều đồng thuộc triều đại Tống.

Ở phía dưới đường là những mảnh vườn rau của người bản xứ.

Xương phát điện để chạy các đầu tàu điện.

Trường đua²¹² ở cuối đường.

B. Tour quanh Trường đua (9,6km)

Trước đây những cuộc đua ngựa diễn ra ở đại lộ Gambetta (Trần Hưng Đạo), trên bãi đất diễn ra Exposition²¹³ 1902. Năm 1899, trường đua này chuyển về trường đua hiện nay.

Trường đua có: khán đài, các chòi nhạc, trò chơi đánh cuộc, quán ăn.

²¹⁰ Nguyên văn *résident-maire*.

²¹¹ Nay là Nhà máy bia Habeco

²¹² *Champ de Courses*. Xin hiểu là đua ngựa; nay là *Cung TTTH Quần Ngựa*, gần ngã ba Hoàng Hoa Thám – Văn Cao.

²¹³ Chúng tôi để như nguyên văn vì từ này trước đây và từ *Expo* hiện nay, có nghĩa là “triển lãm”, đã trở thành từ có tính toàn cầu.



Khán đài Trường đua

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

C. Tour theo đường Parreau (Hoàng Hoa Thám), quay về theo đường Sơn Tây mới (13km)

Dại lộ Puginier (Điện Biên Phủ), đường Parreau (Hoàng Hoa Thám), đê Thủ Lệ²¹⁴.

D. Tour theo đường Parreau (Hoàng Hoa Thám), về theo đường Francis-Garnier (La Thành)²¹⁵ và đường Hà Đông (13,9km)

Tới làng Bưởi, ta rời đường Parreau²¹⁶, rẽ trái lên một con đê cao chạy men theo làng Thủ Lệ²¹⁷.

Con đường bao này được giữ tốt mặc dù mấy năm trước đã bị bạt đi để san cho đường bằng phẳng và rộng ra. Trên đường đi, ta vẫn còn thấy ở bên phải một pháo đài vuông bằng đất nhìn xuống sông Tô Lịch.

Đoạn thành đất quan trọng này, từ Trường đua trở đi bị cắt thành nhiều đoạn, ghi dấu nhiều công thợ xưa kia của các quan cai trị Trung Quốc trong *Tứ thành* và trong thành Đại La²¹⁸.

²¹⁴ Đường Bưởi hiện nay.

²¹⁵ Nguyên văn *digue Francis-Garnier*; người Pháp dùng tên này để gọi đường La Thành vì Francis-Garnier tử trận trên đường này, tại ngã tư La Thành – Nguyễn Chi Thanh.

²¹⁶ Tại dốc Bưởi, bên hông Chợ Bưởi.

²¹⁷ Tức đường Bưởi.

²¹⁸ Nguyên văn *Sông Tô-lích thành*.

Gần giao lộ có đường đi Sơn Tây, một phía là Cầu Giấy, phía kia là con đường hai bên có hai hàng muỗm rất đẹp dẫn tới đền Voi Phục của làng Thủ Lệ.

Khu đền này do vua Lí Thái Tôn (1028-1054) cho xây dựng để tưởng nhớ Linh Lang tới dựng trị sở Đại La cho Cao Biền (thế kỉ thứ 9). Đền rất đẹp và được nhiều người lui tới: trước đền, khá đơn giản, là một chiếc hồ nhỏ duyên dáng, rợp bóng đa mà cảnh và rể phụ rủ xuống mặt hồ; giữa hồ có một tiểu đảo xanh bóng cây.

Trên cung đường này còn có thể thấy một ban thờ giữa trời, trên mặt viết chữ nho *Thọ*, có nghĩa là “sống lâu”; ban thờ được nhiều người già tới viếng.

Xa hơn một chút là một chiếc khăn thờ, có mảnh che, thờ hồn một người đàn bà đáng sợ đến mức người ta không dám gọi tên.

Đền Linh Lang được người châu Âu biết tới dưới tên gọi đền *Balny*. Chính tại đây, viên trung úy hải quân Balny d'Avricourt, khi bị đánh bật khỏi thành Hoài Đức, đã chết cùng lúc chỉ huy của mình là Francis Garnier - bị giết trên con đê bên cạnh.

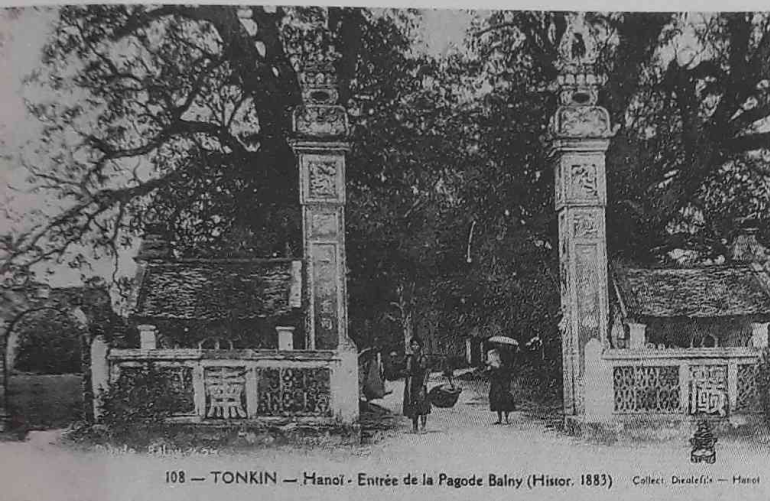


Cầu Giấy

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Trên đê Francis Garnier²¹⁹, một công trình nghệ thuật được dựng lên, trước làng Giảng Võ, ghi dấu việc viên sĩ quan Garnier bị giết vào ngày 21-12-1873.

Đi tiếp tới chỗ gặp đường đi Hà Đông²²⁰, ta lại gặp tàu điện.



Mặt trước đền Voi Phục

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Đền được người Pháp gọi là chùa Balny để ghi dấu việc viên phó tướng của Francis Garnier là Balny bị giết tại đây.



... và bên trong đền Voi Phục

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

²¹⁹ Nay là đường La Thành.

²²⁰ Tức đi theo đường La Thành ra Ô Chợ Dừa.

E. Tour Đường bao²²¹ (21,6km)

Hành trình: theo đường Parreau (Hoàng Hoa Thám), đê Thủ Lệ²²² (đường Bưởi). Tới Cầu Giấy, không rẽ trái vào đường [đi] Sơn Tây mới²²³ mới mở, cũng không đi theo đê Francis Garnier (La Thành), ta đi theo một con đường đắp mà phía dưới là sông Tô Lịch²²⁴.

Bên đường là những ngôi làng trồng rau để cung cấp cho chợ Hà Nội.

Bên trái là làng Yên Lãng²²⁵ có một ngôi chùa, do các sư trông coi, lưu giữ ở hậu điện pho tượng thiếp vàng vị vua thứ ba triều Lý là Lý Thánh Tôn (1054-1072).

Tới làng Giáp Nhất²²⁶, ta gặp đường đi Hà Đông²²⁷; đi tiếp²²⁸ tới cơ sở của Khoa Chăn nuôi, ta gặp đường sắt đi Nam Định và đường Cái Quan; tới Hoàng Mai, ta gặp đường xe điện từ chợ Mơ đi hồ Hoàn Kiếm. Tới trại phong gần làng Vinh Tuy ở bên phải, đường nối vào đê sông Hồng, ta quay về thành phố theo phố Armand Rousseau (Lò Đức).

F. Tour theo đê phía Nam đi Bát Tràng (7,1km tới xóm Lo-ha thuộc thôn Nam Dư; sau đó đi tiếp 1,5km tới bờ sông Hồng; cuối cùng, vượt sông)

Ta rời Hà Nội theo đường Rousseau (Lò Đức). Đường chạy lên đê sông Hồng. Sau khi cắt ngang Đường bao (xem tour E)²²⁹, ta vượt qua làng Thanh Trì. Phía dưới, bên phải là những cánh đồng mênh mông; bên trái là những lớp đất phủ lên nhau do những trận lũ lụt định kì bồi thành, do đó nếu nghiên cứu khối lượng lắng đọng, ta có thể xác định được gần đúng tuổi của đê.

²²¹ Nội dung dưới đây cho thấy đây là tour đi theo con đường trùng với chỉ giới phía Tây của thành phố Hà Nội lúc đó

²²² Nguyễn văn *digue de Thu-lê*.

²²³ Nay là phố Cầu Giấy (đoạn từ cầu tới Nguyễn Chí Thanh-Liễu Giai) và phố Kim Mã. Chữ "mới" ở đây có nghĩa là tu bổ, nâng cấp, vì trên Bản đồ Hà Nội 1873 đã có con đường này rồi.

²²⁴ Tức đường Lãng hiện nay.

²²⁵ Nay thuộc phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, trông ra sông Tô Lịch.

²²⁶ Nay thuộc phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, trông sang Phường Thịnh Quang ở bên kia sông Tô Lịch.

²²⁷ Tại Ngã Tư Sở.

²²⁸ Tức đi theo đường Trường Chinh.

²²⁹ Tức cắt đường Minh Khai tại chân Nam cầu Vinh Tuy

Bên phía sông, ta gặp phần còn lại của một con đê bị đứt đoạn.

Trước làng Nam Dư có chín đồng *tumuli*²³⁰ nhân tạo đắp thành lượn sóng của Long vương, tức *thần Nước*. Trên những gò đất, người ta đã phát hiện được những mảnh gốm.

Khu vực cạnh những *tumuli* hình như đã là trị sở một khu hành chính của chính quyền cai trị Trung Quốc.

*Lo-ha*²³¹. Cách 3km về phía dưới là trại phong Dương Tế thuộc làng Yên Duyên.

Ta vượt sông bằng phà.

Bát Tràng, “sản xuất sành xốp”, hiện ra ở phía xa với những đồng gỗ cao như tháp, nguyên liệu để nung gạch, sành và gốm.

Con sông làm xói lở bờ phía Bát Tràng, và những sụt lở đã phá hủy nhiều cơ sở.

Bát Tràng nằm ở phía Nam huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh. Đó là một thị trấn 4.000 dân, phần lớn làm nghề sản xuất đồ gốm. Bát Tràng được thành lập vào thượng bán thế kỷ 16, dưới triều Mạc, bởi hai người tên là Vương Lương Quý và Lê Phúc Thái, gốc làng *Bô-bát*²³² (Ninh Bình) chuyên làm đồ gốm. Tổ tiên phần lớn dân Bát Tràng cũng là người tỉnh này.

Người ta kể rằng nghệ thuật gốm ở An Nam được du nhập từ Trung Quốc bởi một người thợ gốm tên là Hoàng Quang Hưng từ *Thanh-hou*²³³, dưới thời Triệu (207-111 trước công nguyên). Phương pháp sản xuất đĩa, bát, bình trong các cơ sở khác nhau cũng giống nhau về qui trình và giống như ở các xưởng trong thị trấn nổi tiếng *King-to-tchen*²³⁴ bên Trung Quốc; người An Nam chẳng đổi mới gì cả, nhưng sao chép thì thật hoàn hảo. Họ dùng cao lanh ở Đông Triều và fenspat²³⁵ ở Thanh Hóa; nhân công ở Bát Tràng phần lớn tới từ tỉnh Thái Bình. Gốm là mặt hàng làm thường xuyên; đồ sành chất lượng cao chỉ làm theo đơn đặt.

Trong nghề này, lương lậu không cao và nghề này không dễ dàng cho phép người ta một ngày nào đó mở xưởng; ở đây, gốm và sành là hai thứ khác biệt.

Quãng năm 1872, người Trung Quốc tìm cách đặt cơ sở sản xuất tại đây nhưng đã phải từ bỏ ý định này vì sự thù địch của dân chúng.

Năm 1903, thị trấn chịu thiệt hại nặng nề bởi một cơn lốc; nhiều xưởng sau khi sụp đổ không dựng lại nữa.

Bát Tràng không giống như các thị trấn An Nam khác; nó gồm những ngõ nhỏ chật hẹp, hai bên là những bức tường gạch cao, thỉnh thoảng lấm mối trở ra những chiếc cửa nhỏ.

Các thần hộ mệnh của làng là: *Bản Thổ Thần Linh*²³⁶; *Lữ hậu*²³⁷, vợ của người sáng lập ra nhà Hán; *Vô Song đại vương*²³⁸; hai viên quan nhảy xuống sông chết không chịu phục vụ nhà Nguyễn Tây Sơn; *Hộ Quốc đại vương*, một chiến binh đời Tùy; Bạch Mã thiên thần, hiện ra thời Cao Biền.

Đình Bát Tràng được xây dựng năm 1663; chùa do nhà sư Ti Tô²³⁹ và tế tướng Nguyễn Như Viên xây dựng năm 1666, cả hai đều là người làng Bát Tràng.

Tướng Bouet đã cho đóng ở làng Bát Tràng một đồn binh 32 người trong một lô-cốt xây dựng trên đê. Cuối tháng 9 năm 1883, đồn binh bị một *đạo quân địa phương* lên đến năm trăm người tấn công nhưng họ đã phải bỏ chạy khi tăng viện từ Hà Nội sang.

G. Tour theo đường Hà Đông (10,7km)

Ta qua bên hông Văn Miếu, đi về phía ấp Thái Hà, thuộc huyện ngoại thành Hoàn Long (10 tổng, 56 xã) của Hà Nội.

Trong cánh đồng, ta gặp đây đó những ngôi mộ, làm cho khu vực có tên *Đống Đa*, có nghĩa là “nhiều đồng”.

²³⁰ Đống, mộ.

²³¹ Như nguyên văn, chưa tra cứu được.

²³² Như nguyên văn, không tra cứu được.

²³³ Như nguyên văn; không tra cứu được.

²³⁴ Như nguyên văn; không tra cứu được.

²³⁵ Một loại khoáng vật cấu tạo từ silic và nhôm kết hợp theo những tỉ lệ khác nhau với kali, natri và canxi.

²³⁶ Nguyên văn *Bản Thổ Thần Linh*.

²³⁷ Sửa và dịch từ nguyên văn *La Thai Hậu*.

²³⁸ Nguyên văn *Vô Song Đại Vương*.

²³⁹ Như nguyên văn.

Theo truyền thuyết, những đồng nho nhỏ này có lẽ đã được đắp lên những xương cốt sau những trận chiến đẫm máu mà cánh đồng nhiều lần là chiến trường. Một trong những trận chiến đó diễn ra khiến chiến trường phủ kín xương các nạn nhân tháng 2-1789 khi những người An Nam trung thành với nhà Lê được quân Trung Quốc giúp sức bị quân Tây Sơn đánh bại.

Tại tổng Nam Đông, Kinh lược Hoàng Cao Khải cho xây dựng vào năm 1890 trên một gò đất, gọi là “gò Tàu”, một ngôi đền gọi là *Trung Liệt tự*, có nghĩa là “đền thờ những người tự tận vì trung thành”, thờ bốn viên quan tự tử để tự trừng phạt tội không biết bảo vệ triều đình chống lại những cuộc nổi loạn hoặc thậm chí người Pháp.

Các anh hùng đó là:

Trương Quốc Dụng, bị chết khi giữ thành Quảng Yên (1862) chống lại bọn cướp *Hoàng Tê*²⁴⁰; *Đoàn Thọ*²⁴¹, chết ở Lạng Sơn vì bị quân Trung Quốc vây hãm; *Nguyễn Thái Bảo*, còn gọi là Nguyễn Tri Phương, tuyệt thực chết (1873) vì không thể nhìn cảnh thành Hà Nội bị người Pháp chiếm; *Hoàng Diệu*, treo cổ tự tử trên cây ở một cái đồng gần Cửa Bắc thành Hà Nội (25-4-1882) khi nhìn thấy Hà Nội bị Henri Rivière chiếm.

Ấp Thái Hà.

Giao lộ với Đường bao²⁴² và sông Tô Lịch²⁴³.

Qua cánh đồng Phùng Khoang khá dài mà phía cuối là cầu sông Nhuệ.

Hà Đông, trị sở của tỉnh cùng tên tại một chỗ gọi là *Cầu Đor*. Tòa Công sứ; trại lính khố xanh; trại hiến binh; trạm điện tín; trường học; chợ rất tấp nập.

Tỉnh Hà Đông, trừ Tây phần, cũng là một tỉnh bằng phẳng trồng lúa. Diện tích 1.280km². Dân số người An Nam 574.925 người (bỏ ra 2.000 người thuộc nhóm Indonésien²⁴⁴). Ngân sách tỉnh năm 1905 là 89.102 piastre. Tỉnh Hà Đông có 4 phủ, 9 huyện, 92 tổng, 729 xã.

²⁴⁰ Sửa và dịch từ nguyên văn *Quan-tê*.

²⁴¹ Theo nhà văn Vũ Bằng trong cuốn *Vũ Bằng, các tác phẩm mới tìm thấy*, các quan chức Hà Nội của chính quyền Trần Trọng Kim, năm 1945, đã loại bỏ bài vị Đoàn Thọ khỏi đền Trung Liệt.

²⁴² Tức *Tour E*.

²⁴³ Tại Cầu Mới hiện nay.

²⁴⁴ Chỉ người Mường.

Từ thời Hồng Bàng cho tới thời Tùy, Hà Đông là đất của quận Giao Chỉ hay Giao Châu, và dưới đời Đường là đất của An Nam đô hộ phủ. Dưới triều nhà Đinh, trở thành đạo Giao Chỉ; đổi thành lộ trong những năm Ứng Thiên (994-1007) nhà Tiền Lê; đổi thành *đô thành*, rồi Nam Kinh trong những năm Thuận Thiên (1010-1028) nhà Lý; năm 1279 đổi thành Trung Kinh. Dưới thời thuộc Minh (1407-1428), đổi thành phủ Giao Châu có 5 châu và 13 huyện.

Đường tiếp tục và qua sông Đáy (km7), Mĩ Đức²⁴⁵, mà gần đó là ngôi chùa Hương Tích nổi tiếng, gần Yên Vĩ.

Trong chùa có tượng thần Târa (người An Nam gọi là Thị Kính), thần akti Avalokitèvara mà người Trung Quốc gọi là Quan Âm. Chùa được nhiều người tới lễ trong thời gian 3 tháng âm lịch đầu năm, đặc biệt là vào những dịp mồng 5 và 20 tháng Giêng, ngày 19 tháng 2. Những ngày lễ khác: 19 tháng 6 âm lịch; 19 tháng 11 âm lịch.

H. Tour theo đường Sơn Tây tới Thành Hoài Đức (7km)

Đi theo đường Sơn Tây mới mở (Kim Mã), bên phải và bên trái là những đê đất²⁴⁶ của thành Đại La cũ.

25. - HANOI. - Poste de Milice de Cầu Giấy (avant)



Đón trên đường từ Cầu Giấy đi Sơn Tây

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

²⁴⁵ Nay là Chúc Sơn.

²⁴⁶ Bên phải đường Kim Mã là đường Bưởi, bên trái nó là đường La Thành.

Quá con đường rợp bóng cây ở đền Linh Lang (Voi Phục), hay đền Balny, thuộc làng Thủ Lệ, là Cầu Giấy, gần ngôi chợ cùng tên của làng Yên Hòa. Tại đây, ngày 19-5-1883, Henri Rivière đã chết dưới làn đạn của quân Cờ Đen. Một công trình nghệ thuật, được xây dựng lại năm 1905, ghi lại sự kiện đó cùng một tấm bằng bằng đồng chạm khuôn mặt của người chỉ huy đội quân viễn chinh.

Ngày 19-5, lúc 4h, 500 lính Pháp rời Thành đi về phía Sơn Tây đang bị quân Cờ Đen chiếm giữ. Khi đoàn quân vừa vượt qua Cầu Giấy thì từ các bụi tre phía ngoài các ngôi làng bên cạnh rên vang các loạt đạn xả vào toán quân. 8h, địa hình không cho phép triển khai đội quân, khiến họ phải rút lui. Tổn thất thật nặng nề: bị giết 4 sĩ quan (Rivière, de Villers, de Brisic, Jacquin) và 30 binh lính; bị thương 50 người.

Bên phải đường là *Thành Hoài Đức*, trú sở của của nhà cầm quyền An Nam huyện Từ Liêm và phủ phía Bắc của tỉnh Hà Đông gồm 2 huyện, 20 tổng, 138 xã, 150.061 người An Nam, trong đó có 14.179 đăng kí đi bầu.

Phủ Hoài Đức là đất cũ của huyện Long Biên, dưới thời thuộc Tống²⁴⁷ (420-479) bị chia thành hai huyện Tống Bình và Long Biên. Dưới thời thuộc Nam Tề (479-502), trở thành quận Tống Bình, đổi thành châu dưới thời Tùy (589-602). Đời Đường, năm 621, đổi thành Tống Châu, rồi lập huyện Hoài Đức, thuộc phủ Giao Châu. Dưới triều Lê, là phủ Thuận Thiên; năm 1805 lại đổi thành phủ Hoài Đức.

Đường vượt qua sông Đáy²⁴⁸ và tới Sơn Tây.

I. Tour thăm *Làng Bưởi* (6,2km)

Sau khi đi hết đại lộ Grande Bouddha (Quán Thánh), ta vào đường Bưởi²⁴⁹, đi song song với đường xe điện.

Bên trái là xưởng xe điện.

²⁴⁷ Nguyên văn *Song*. Đúng ra phải là *Tiến Tống*, thuộc Nam triều ở thời kì Nam Bắc triều trong lịch sử Trung Quốc.

²⁴⁸ Tại đập Phùng.

²⁴⁹ Nguyên văn là *route du Village du Papier*, trước đây gọi là đường Bưởi, nay gọi là phố Thụy Khuê.



Ven Hồ Tây

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Làng Thụy Chương với một ngôi đền nhỏ thờ các thần *Châu-riêu* và *La Sát*, có nhiệm vụ phân phát đồ cúng cho các vong hồn lang thang.

Làng *Yên Thái*, được người Pháp gọi là *village du Papier* (làng Giấy) vì ở đây có nghề làm giấy thu hút phần lớn dân làng; chính từ vỏ cây dó được trồng chủ yếu ven sông Đà, người bản xứ đã tạo ra được thứ bột nhão để làm giấy. Người An Nam gọi làng Yên Thái là làng Bưởi.

Chợ to.

J. Tour quanh *Hồ Tây* (17km)

Đường quanh hồ dài 12,4km, ở phía Đông Nam, Hồ Tây bị tách thành hồ Trúc Bạch bởi con đê Trấn Bắc²⁵⁰. Theo các văn bản An Nam, chu vi Hồ Tây dài 21 lí, sâu từ 1 xích tới 1 trượng. Chỗ sâu nhất ở phía Tây, quãng Thượng thôn của làng Xuân Tảo, có thể sâu tới 3-4m. Ngày xưa, hồ được gọi là hồ Lăng Bạc; chính trên bờ hồ, năm 42, đã diễn ra trận đánh giữa Mã Viện và hai chị em Bà Trưng. Cao Biền, người tu bổ lại thành Đại La vào thế kỷ 9, cho rằng hồ là nơi ở của chim phượng.

²⁵⁰ Nay là đường Thanh Niên

Vua Lí Thánh Tôn (1054-1072) cho xây dựng bên hồ một *hành cung*, các vị vua khác như Trần Anh Tôn (1293-1314) cũng tới đây câu cá và vui chơi. Thời Hậu Lê, hồ được đổi tên thành Tây Hồ.

Qua đền Quán Thánh (Grand Bouddha), ta đi theo đường Bưởi (route du Village du Papier) hoặc đường Parreau (Hoàng Hoa Thám) thẳng tới *Bưởi*, thuộc làng Yên Thái; tại Bưởi, ta rẽ phải; nếu không ta sẽ qua các xóm của làng Nghĩa Đô, ôm lấy sông Tô Lịch.

Một ngôi đền nhỏ thờ thần Hồ ẩn trong một bụi cây trên đường đi, có tường bao quanh. Một con hồ bằng đá, mát và rỗng son vàng, được đặt trong sâu một cái hốc của núi non bộ. Quanh thần Hồ là những đồ cúng làm bằng giấy màu như giấy, các nén bạc, các bình vôi miệng cắm hương.

Bên phải là làng *Trích Sài*, còn có tên gọi là làng *Bưởi Lĩnh*, dẹt và buôn lưa; đền thờ Diệu Khánh đại vương, quân hầu của Lý Nhân Tông, người đã cứu vua khỏi một con vật to lớn đang định vồ vua.

Tới đê sông Hồng, ta rẽ về bên phải.

Tại làng *Quảng Bá*, còn gọi là làng *Quảng*²⁵¹, có đền Hoàng Ân, ngày xưa gọi là đền Sùng Ân, từ 1821 tới 1842 được gọi là Long Ân.

Công trình này năm 1628 được trùng tu bởi công chúa Ngọc Thụ, con gái chúa Nguyễn đầu tiên ở Đàng Trong và là chính thất của chúa Trịnh Tráng, để nhắc nhở con cháu nhớ công lao và đức hạnh cha mình là Nguyễn Hoàng và tổ tiên Nguyễn Kim.

K. Tour thăm đền Tú Tru²⁵² (12,6km)

Đi men sông Hồng về phía thượng nguồn theo đê phường Yên Phụ; ở phía Tây là Hồ Tây.

Tại làng Nhật Tân, không rẽ trái vào tour quanh Hồ Tây²⁵³ (tour J), cứ đi thẳng ta sẽ gặp xưởng thuốc súng.



Đường Yên Phụ dẫn tới đền Tú Tru

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Tại làng Đông Ngạc có đền *Độc Cước*, có nghĩa là *một chân*; đền được chuyển, vào thế kỷ 16 dưới triều Lê, từ xóm Ngạc tới xóm *Nho-rượu*²⁵⁴ hiện nay.

Gần làng Đông Ngạc là làng Thụy Phương, thuộc huyện Từ Liêm. Tên dân dã của Thụy Phương là *Kẻ Chèm*, nhưng người châu Âu gọi là *làng Bốn Cột*²⁵⁵.

Thành hoàng làng là Lí Ông Trọng, một người An Nam to lớn lực lưỡng ở thế kỷ thứ 3 trước công nguyên bị An Dương Vương cống cho nhà Tần (249-206 trước công nguyên). Đền thờ ông được gọi là *Lí Hiệu úy từ*, có nghĩa là "đền thờ tướng họ Lí".

Vua nhà Tần dạy con người to lớn này nghệ thuật quân sự và giao cho ông chỉ huy một vị trí quan trọng trong tỉnh *Cam Túc*²⁵⁶, ở biên giới với Mông Cổ. Vua Tần rất vừa lòng với sự phục vụ của ông nên gả con gái và phong đất cho ông. Về sau, ông muốn về thăm quê hương nên xin và được phép về thăm Kẻ Chèm.

Việc ông rời biên cương là tín hiệu khởi đầu cho những cuộc nổi dậy của người Hung Nô. Triều đình không tìm được viên tướng nào đủ tài năng để dẹp những cuộc nổi dậy nên phải mời ông quay về lập lại trật tự; chính lúc ấy tín tới Lí Ông Trọng thì ông chết. Vua Tần than khóc người con rể và

²⁵¹ Từ nguyên văn *Làng-quang*.

²⁵² Nguyên văn *Pagode de quatre colonnes*, có nghĩa là "đền bốn cột", tức đền Chèm hiện nay.

²⁵³ Tức không rẽ vào đường Lạc Long Quân ngày nay.

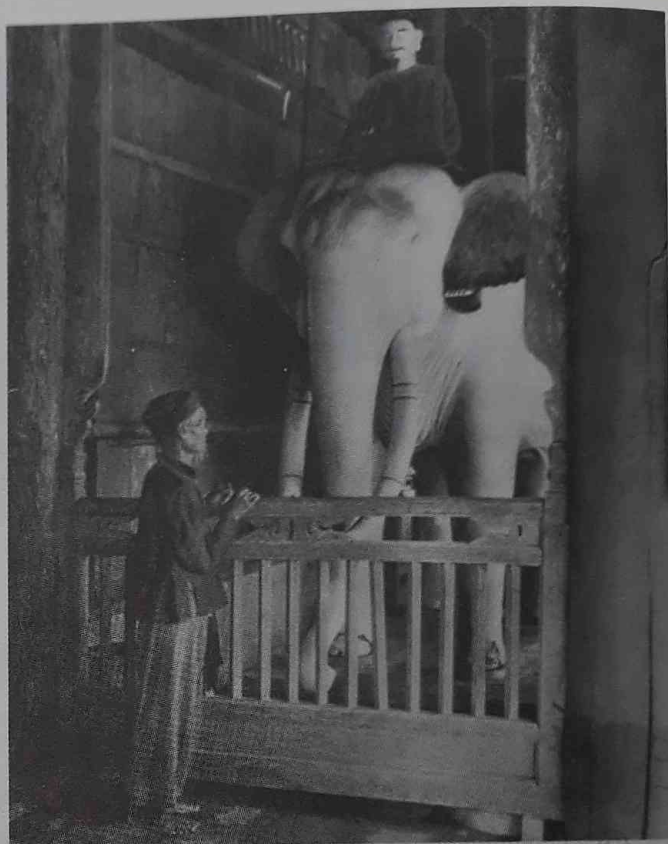
²⁵⁴ Như nguyên văn; không tra cứu được.

²⁵⁵ Nguyên văn *Village de quatre Colonnes*

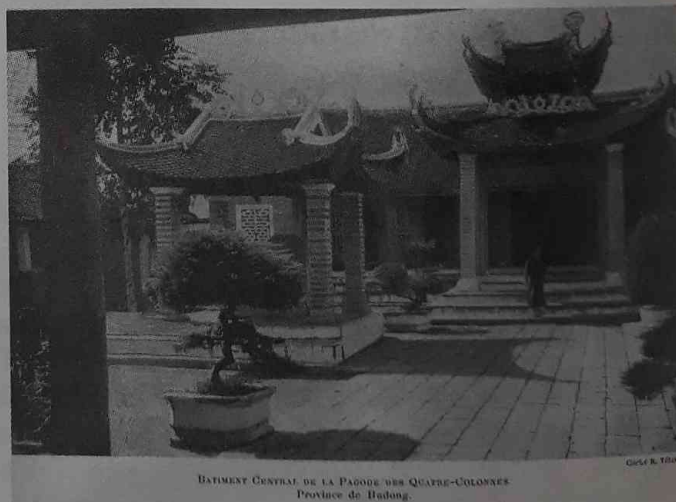
²⁵⁶ Nguyên văn *Kan-tou*

ban cho ông nhiều thụy hiệu to lớn. Người ta còn nói rằng vua Tần cho dựng một bức tượng to lớn của ông, nhưng bên trong chứa một đơn vị quân đội nhỏ, đặt ở biên giới với Mông Cổ để làm quân địch kinh sợ.

Một đền thờ Lí Ông Trọng được xây dựng tại quê hương ông; về sau, Cao Biền ra lệnh, vào thế kỷ thứ 9, đặt tượng ông trong đền. Đền bị Tây Sơn phá hủy nhưng được xây dựng lại; năm 1888, người ta dựng một pho tượng mới của ông to hơn, đặt cạnh ông tượng nàng công chúa Tần, vợ ông.



BEAUCOUP DE GÉNIES ADORÉS AU TONKIN FURENT JAMAIS DES GÉNÉRAUX FAMÉLUX, ET LE SIMULAIRE DE LEUR ÉLÉPHANT DE BATAILLE, TROUVÉ À CÔTÉ DE LEUR STATUE, SON ABRI DANS LEUR TEMPLE. LA PAGODE DES QUATRE COLONNES, VOISINE DE HANOI, FUT ÉLEVÉE EN L'HONNEUR D'UN GÉANT QUI JAMAIS AURAIT AIDÉ LES EMPEREURS CHINOIS À REPOUSSER LES MONGOLS.



BÂTIMENT CENTRAL DE LA PAGODE DES QUATRE-COLONNES
Province de Hanoi.

Trong đền Tứ Trụ (đền Chèm)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Nhiều viên tướng nổi tiếng của An Nam được tôn thờ thành thần, voi chiến của họ cũng có chỗ trong đền, bên cạnh tượng thần. Đền Tứ Trụ (tức đền Chèm), gần Hà Nội, được xây dựng để thờ một người An Nam to lớn ngày xưa đã giúp vua Tầu đẩy lui quân Hung Nô.

TƯ LIỆU ẢNH:

VỀ SỰ BIẾN ĐỔI CỦA HÀ NỘI

GA HÀ NỘI

Tiểu dẫn: Ga Hà Nội được xây dựng năm 1902, nằm bên đường Lê Duẩn. Trước đó, con đường này là con đường trạm huyết mạch Bắc – Nam; đã mang các tên đường Cái Quan (route du Mandari), Hàng Lọng; sau 1945, nó mang tên đường Nam Bộ, hiện nay là đường Lê Duẩn.



Ga nhìn từ đường Trần Hưng Đạo

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Ga Hà Nội được thiết kế vào năm 1898; tuy nhiên kiến trúc của nó đã bị thay đổi nhiều lần khi xây dựng, đặc biệt là phần mái dốc kiểu Á Đông được thay bằng mái Mansard và phần bố trí mặt bằng chung.

Ga Hà Nội là nơi kết thúc phố Gambetta (Trần Hưng Đạo), một kiểu điển hình cho quy hoạch đô thị kiểu Haussmann¹.

Ga Hà Nội là điểm xuất phát của các đường sắt đi: Sài Gòn, Hải Phòng, Lào Cai - Côn Minh.

Dưới đây là một số hình ảnh và dịch vụ của nó trước năm 1954.



Ga Hà Nội nhìn từ phía Nam đường Lê Duẩn

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

¹ Một kiểu qui hoạch Paris do Haussmann đề xuất, theo đó các công thự là nơi kết thúc của các đại lộ, phố quan trọng; thí dụ, tại Hà Nội, phố Paul Bert (Tràng Tiền) kết thúc tại Nhà hát Lớn, đại lộ Gambetta (phố Trần Hưng Đạo) kết thúc tại Ga, phố Richaud (phố Quán Sứ) kết thúc tại Dấu xỏ (Cung Văn hóa Hữu Nghị Việt-Xô), phố Puginier (phố Điện Biên Phủ) kết thúc tại dinh Toàn quyền (phủ Chủ tịch).

COLONIES FRANÇAISES

INDO-CHINE. — Sur la ligne Hanoï-frontière de Chine



▲ Một ga trên tuyến đường sắt Hà Nội – Lạng Sơn

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Ga Thường Tín

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



3033 - TONKIN — GIA-LAM — Vue Générale



Toàn cảnh Nhà máy Xe lửa Gia Lâm
Nguồn: <http://hanoilavie.com>



Cầu giữa hai đường hầm trên đường sắt Hà Nội – Côn Minh
Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



▲ Bên trong Ga Hà Nội
 Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Toàn quyền Đông Dương tới Ga Hà Nội
 Nguồn: <http://hanoilavie.com>



32.- HANOI. - L'Arrivée du Gouverneur Général à la Gare de Hanoi



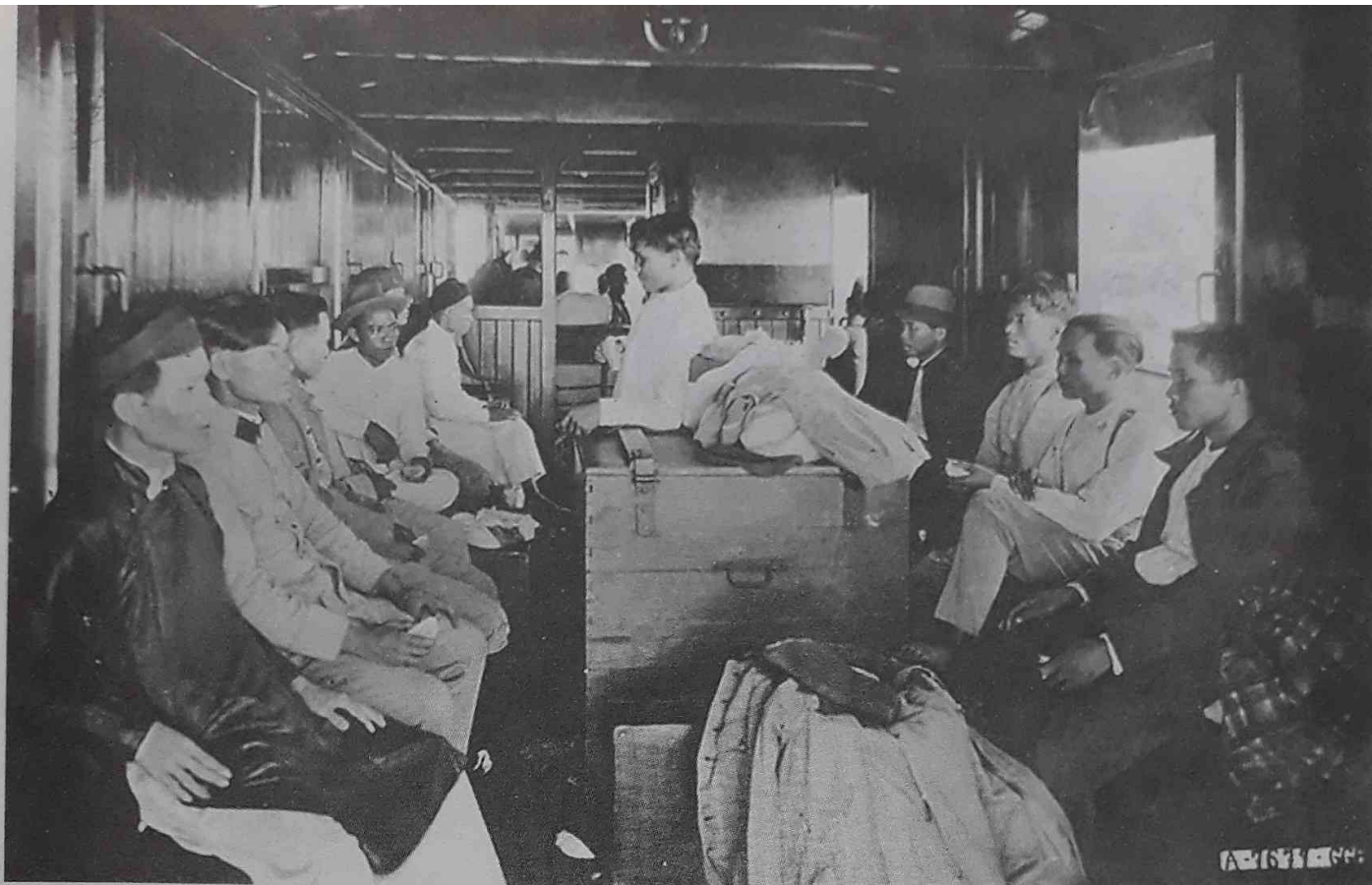
▲ Chờ tàu trên ke

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

▼ Sân chính Ga Hà Nội

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>





▲ Trong toa hạng bốn

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

▼ ... và trong toa giường nằm

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



TƯ LIỆU ẢNH:

NGOẠI THÀNH HÀ NỘI



▲ Một cảnh ven đô Hà Nội (1)

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

▼ Một cảnh ven đô Hà Nội (2)

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>





▲ Một cảnh ven đô Hà Nội (3)

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

▼ Cổng làng Dương Liễu, thuộc tỉnh Hà Đông (cũ)

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>





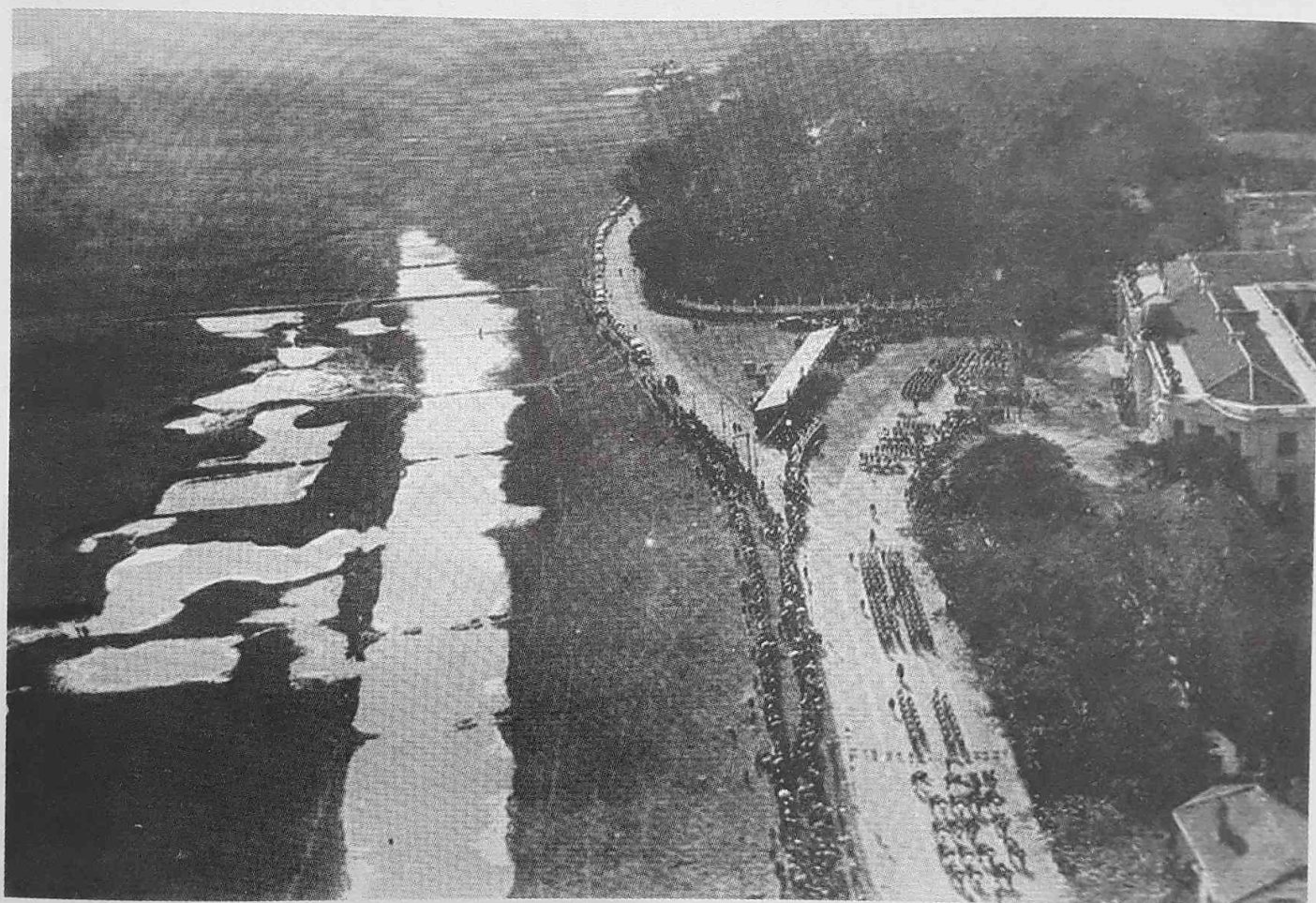
▲ Đường Hoàng Hoa Thám xưa
 Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Quán nước vùng ven Hà Nội
 Nguồn: <http://indochine-souvenir.com>



TƯ LIỆU ẢNH:

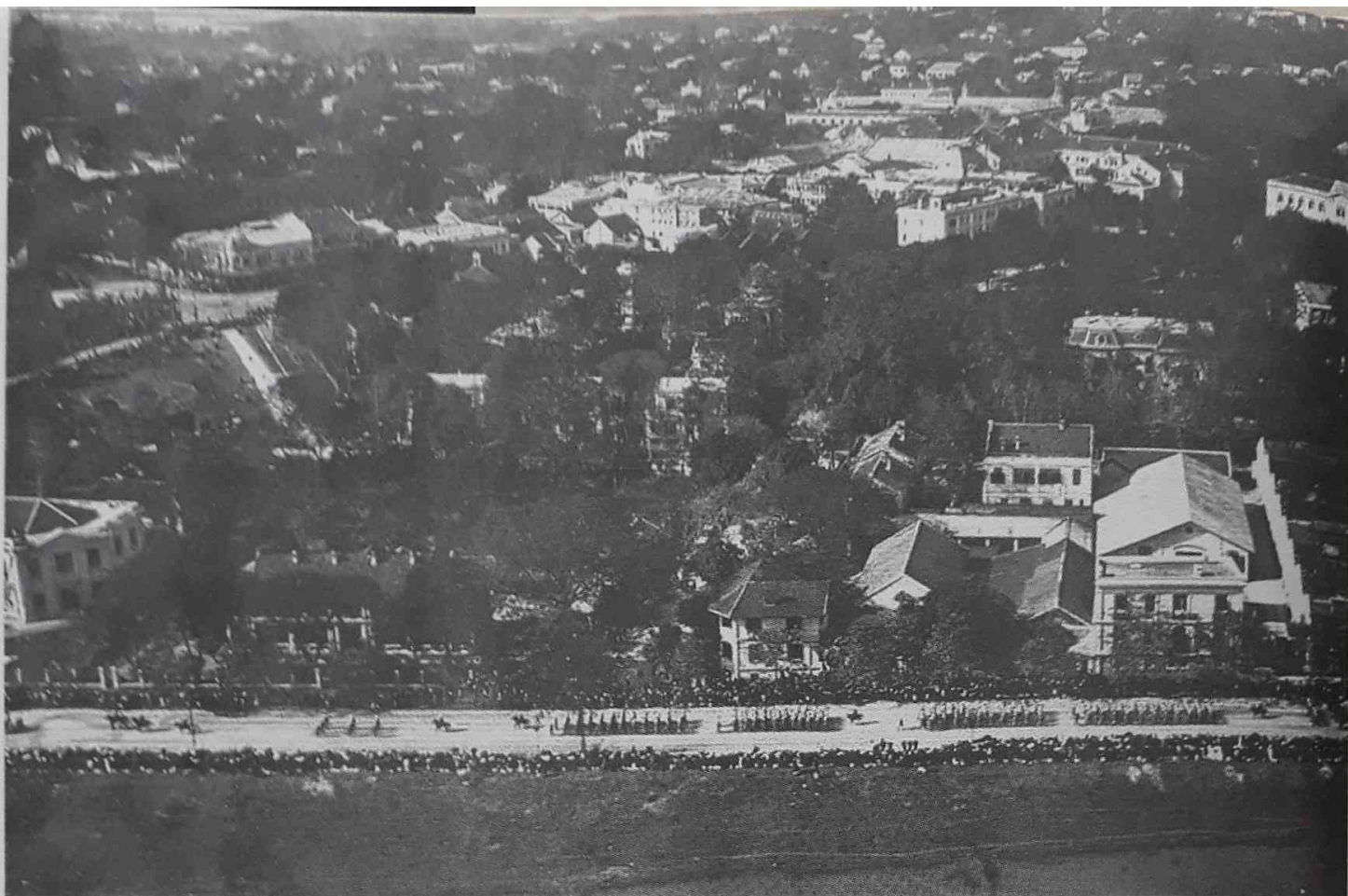
MỘT SỐ KHÔNG ẢNH VỀ HÀ NỘI



Diễu binh trên đường Yên Phụ (1)

Nguồn: <http://panoramio.com>

Nhờ tòa nhà của Nhà in Viễn Đông (I.D.E.O.) bên phải ảnh, ta xác định được khán đài của cuộc diễu binh nằm tại ngã ba do phố Cửa Bắc và đường Yên Phụ hiện nay cắt nhau. Phóng to ảnh và căn cứ vào người chỉ huy đi đầu hàng quân, ta thấy đội quân rẽ về phố Cửa Bắc để trở về Thành; điểm xuất phát của họ là một cầu hời lợt thú dành cho bạn đọc. Xóm tre chặn một đầu khán đài, với nhiều phần trăm chắc chắn, là một xóm lán chiếm mặt đề.



▲ Diễu binh trên đường Yên Phụ (2)

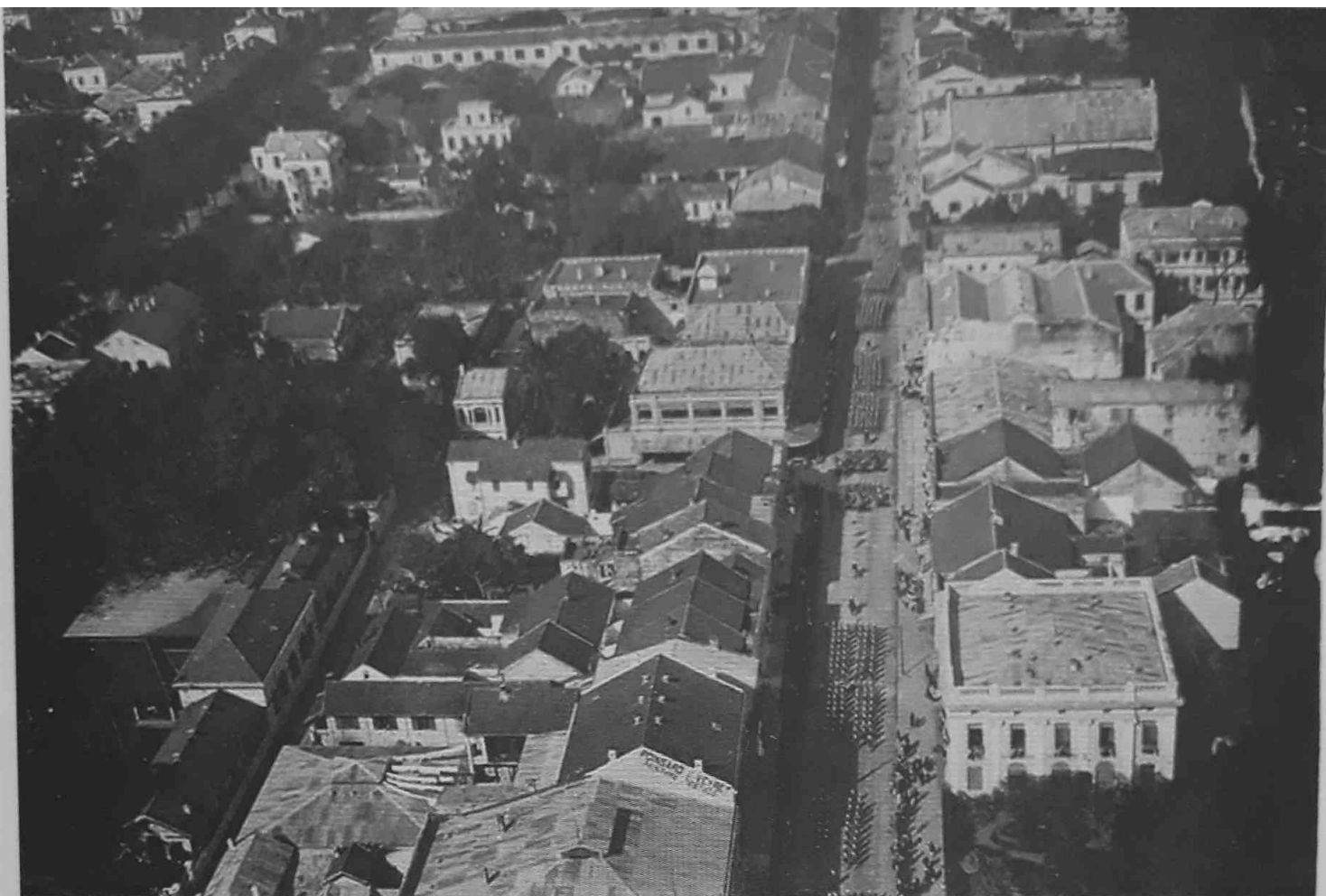
Nguồn: <http://panoramio.com>

Đường diễu binh vẫn là đường Yên Phụ vì tòa nhà bên trái ảnh này với tòa nhà bên phải ảnh trên chỉ là một. Chiều đi của ngựa một lần nữa khẳng định đội quân tiến về chỗ gặp phố Cửa Bắc, ở bên trái ảnh.

▼ Nhà hát Lớn Hà Nội

Nguồn: <http://panoramio.com>

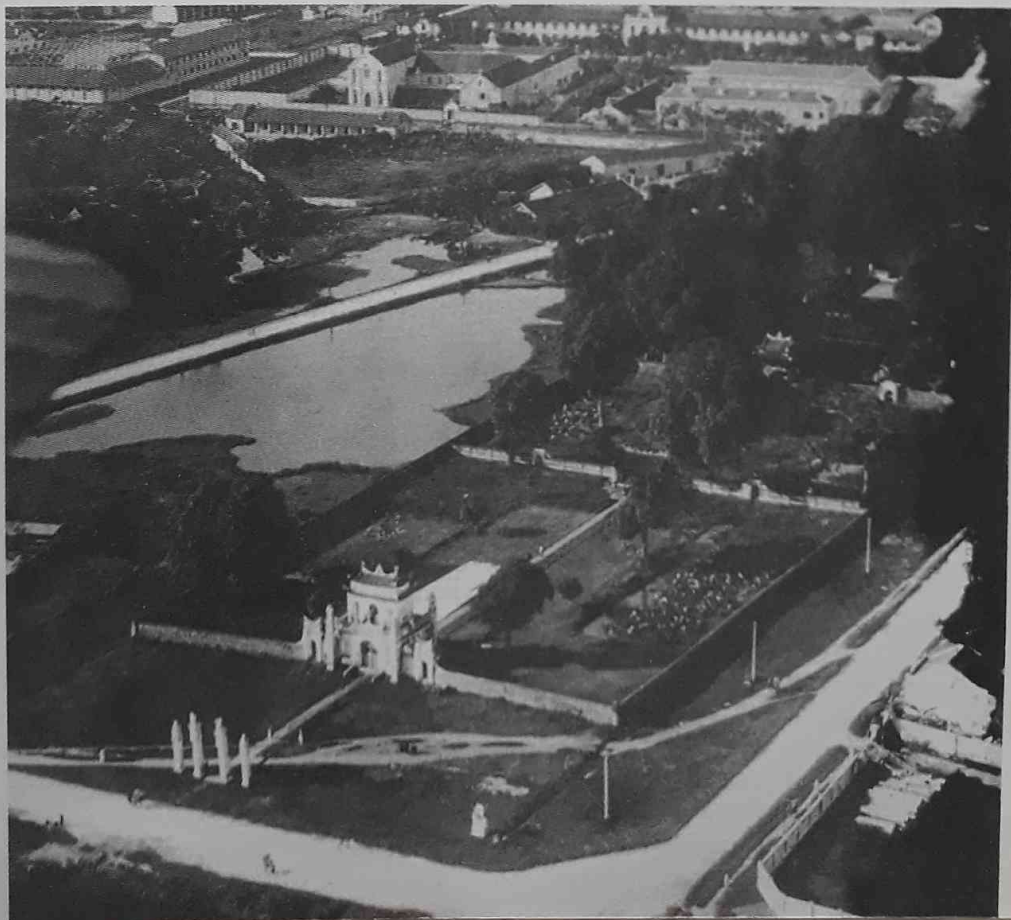




▲ **Điều binh trên phố Paul Bert**

Nguồn: <http://panoramio.com>

Ta có thể xác định đội lính đang điều binh trên phố Tràng Tiền hiện nay nhờ sự giống nhau của tòa nhà ở góc phải bên dưới của ảnh này với tòa nhà mái bằng hình vuông ở hình trên.



► **Văn Miếu**

Nguồn: <http://panoramio.com>

Sâu trong cùng ảnh là Trường nữ trung học (nay là trụ sở Bộ Tư pháp); gần hơn là khu tu viện Saint Paul.



▲ Hỏa Lò

Nguồn: <http://panoramio.com>

▼ Nhà thờ Lớn

Nguồn: <http://panoramio.com>





▼ Toàn cảnh Hà Nội (2)

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Ảnh cho thấy phố Đinh Lễ lúc đó rất dày cây và chưa có tòa nhà của Phòng Thương mại (nay là Bưu điện Quốc tế) ở đầu phố.

▲ Toàn cảnh Hà Nội (1)

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Ảnh cho thấy sự tương phản rất lớn về mật độ nhà giữa phía Bắc và phía Nam Hồ Gươm, tức giữa khu bản xứ và khu phố Tây.





▲ Toàn cảnh Hà Nội (3)

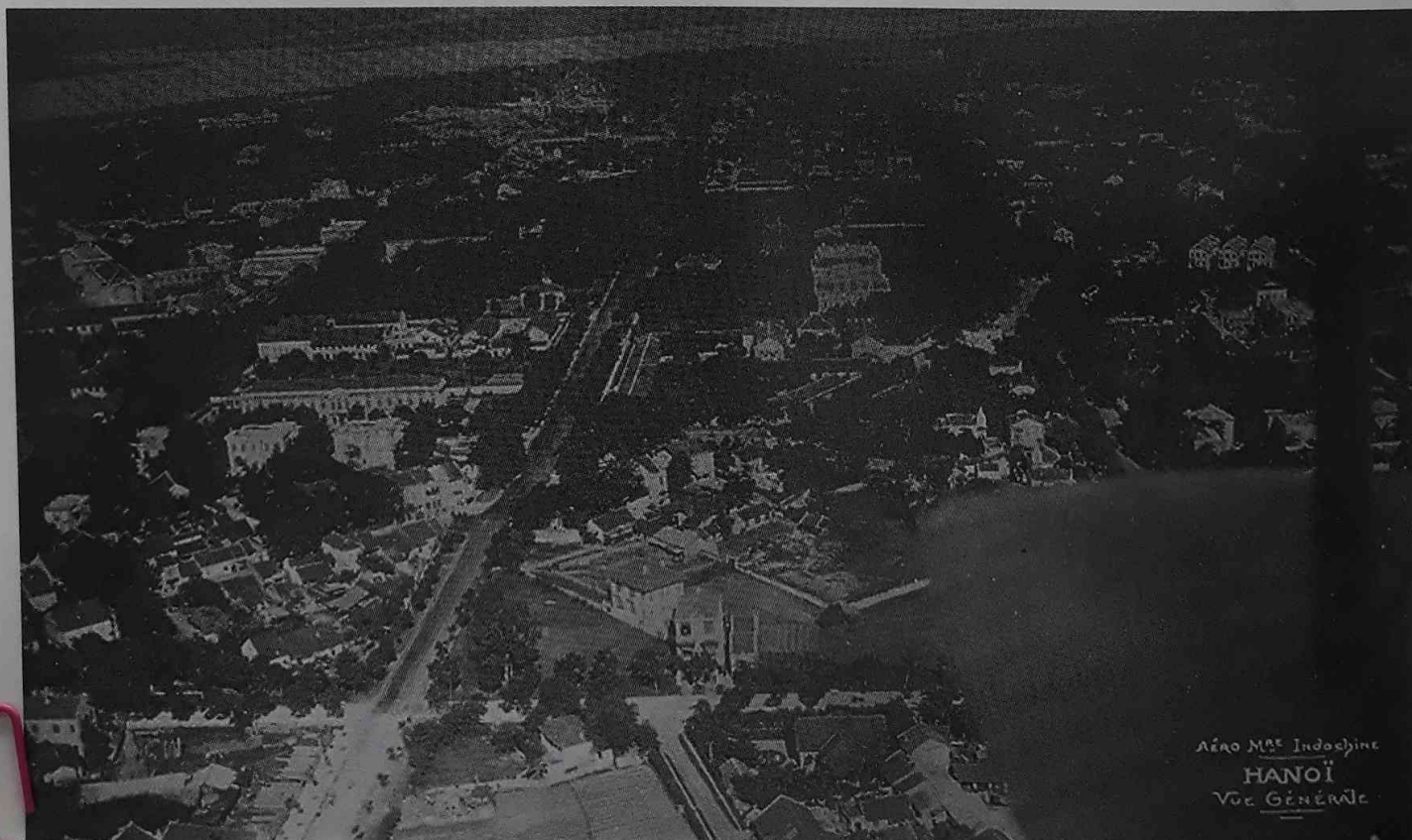
Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Ảnh cho thấy ba đường phố chính theo trục Đông – Tây, từ trái qua phải, là Tràng Thi, Hai Bà Trưng, Lí Thường Kiệt. Trên đường Hai Bà Trưng, ta thấy hai tòa nhà nay là cơ sở của Bệnh viện Việt Nam – Cuba; tòa nhà gần mép dưới ảnh hơn trước đây là trường Saint Marie.

▼ Toàn cảnh Hà Nội (4)

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Có thể xem đây là một toàn cảnh quanh ngã tư Hai Bà Trưng – Thợ Nhuộm: Hai Bà Trưng là đường phố rộng chạy thẳng ra sông Hồng; Thợ Nhuộm là phố hai bên có những nhà với mái hướng xiên lên góc ảnh. Tòa nhà dài nhất ở bên trái và vuông góc với đường Hai Bà Trưng trước kia là Viện Radium, nay là Viện K; tòa nhà trước nó là Đài phát thanh; khu nhà sau nó là Thư viện Trung ương; hai mái nhà lớn kề nhau, nổi rõ bên phải đường Hai Bà Trưng nay là Tòa án Nhân dân Tối cao..



VÀI NÉT VỀ KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ HÀ NỘI 1873-1954

Tiểu dẫn:

- Sau khi người Pháp thiết lập được chế độ bảo hộ, Hà Nội có nhiều thay đổi quan trọng về kiến trúc và quy hoạch.
- Bài này sẽ giới thiệu vấn đề này, chủ yếu được trích dịch từ cuốn *Indochine à travers L'architecture*.

Trong thời gian chiếm đóng ban đầu, lĩnh vực xây dựng ở Việt Nam được dành riêng cho sĩ quan Hải quân và Công binh, những người như Đại tá Coffin, người đã thai nghén ra Sài Gòn.

Ngay từ những năm 1870, các kĩ sư là những người độc quyền các dự án. Qua kinh nghiệm ở các thuộc địa, nhất là ở Algérie, kĩ học xây dựng là điều họ quan tâm ít nhất. Họ nghĩ ra những ngôi nhà tiện dụng, thích ứng với khí hậu khó chịu. Họ đã chọn giải pháp nhà tiền chế, nhập khẩu từng bộ phận rồi lắp ráp tại Việt Nam, sau đó dùng gạch làm vách ngăn, đáp ứng từng phần cho binh lính và thương binh trong điều kiện vệ sinh đạt yêu cầu. Điển hình cho những ngôi nhà kiểu này là trại lính và bệnh viện Grall ở Sài Gòn. Hà Nội,

có lẽ bị chiếm muộn hơn, không thấy còn ngôi nhà nào kiểu này. Tuy vậy, thời kì này, các kĩ sư đã biết thích ứng bằng cách sử dụng kiến trúc bản địa để xây dựng những tòa nhà khiêm tốn như tòa giám mục Hà Nội², tòa nhà hãng Messageries Maritimes ở Sài Gòn.

Khi đã chiếm được Việt Nam, các kiến trúc sư xuất thân từ trường Mĩ thuật Paris bắt tay vào công việc. Bắt đầu là Achille-Antoine Hermitte, tới Sài Gòn năm 1866 để xây dựng dinh Thống đốc. Thế là bùng nổ phong trào nhập cảng vô tội vạ vào thuộc địa các phong cách kiến trúc của chính quốc; phong trào này lại dần khi Thế chiến thứ nhất bắt đầu. Ngày nay ta vẫn còn thấy những công trình cầu kì của một Alfred Foulhoux, trong đó bắt đầu với Tòa án Sài Gòn, âm hưởng của một cung cách khoa trương của nền Đế nhị Đế chế.

Ở Hà Nội, ngay từ đầu, người Pháp đã nhìn xa. Trong khoảng 1888 và 1895, một nhóm người Pháp làm chủ thành phố quyết định xây dựng một thành phố quan trọng ngay trên thành phố cũ chứ không theo gương người Anh xây dựng một Delhi mới bên cạnh Delhi cũ ở Ấn Độ. Họ vạch ra đường bao của một thành phố rộng lớn trong khi các cuộc khởi nghĩa của người

¹ Chúng tôi không viết hoa.

² Nay đã biến mất.

dân bản địa đòi độc lập vẫn nổ ra ở xung quanh và cũng chưa biết lấy dân ở đâu, thu thuế ai. Hà Nội trở thành một đại công trường xây dựng và trùng tu, kể cả những nơi cổ nhất.

Khu phố cổ, trung tâm thương mại từ thế kỷ 17, ba phần tư nhà cũ được xây mới trong khoảng 1900 – 1945.

Bốn tòa công sở đầu tiên của Hà Nội được xây dựng năm 1887 ở phía Đông Hồ Hoàn Kiếm, quanh công viên Paul Bert. Ban đầu chúng được gọi theo con số, sau đó trở thành Kho bạc, Đốc lí, sở Bưu chính, dinh Thống sứ Bắc Kỳ. Tất cả là công trình của Auguste-Henri Vildieu, cựu sinh viên trường Mĩ thuật Paris, phụ trách xây dựng dân sự từ năm 1894 tới năm 1907, một người có ảnh hưởng lớn tới kiến trúc công cộng trong những năm đầu tiên Hà Nội thuộc Pháp. Vildieu cũng vẽ kiểu cho những tòa nhà uy nghi theo phong cách tân cổ điển³ như Sở Hiến binh, Câu lạc bộ Sĩ quan, Dinh Thống sứ (1906), Tòa án và Nhà lao Trung ương. Người đồng khóa với Vildieu là André Bussy vẽ sơ đồ cung Triển



Nhà trong khu phố cổ Hà Nội khi Tây sang

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

³ Trào lưu tân cổ điển được hình thành trên nền khô khan và thiếu độc đáo của kiến trúc Hi Lạp và La Mã mà nhà nghiên cứu lịch sử nghệ thuật Winckelmann ca ngợi là "sự đơn giản cao quý và tĩnh lặng vĩ đại".

lãm 1902. Suốt 40 năm, dưới vòm cung Triển lãm đã diễn ra nhiều hội chợ thương mại và công nghiệp của Hà Nội. Mượn ý tưởng của tòa Petit Palais được xây dựng ở Paris hai năm trước đó, mặt tiền của cung nổi hẳn lên với một hàng cột dài hàng trăm mét.

Phải kể thêm các tòa nhà của sở Trắc địa⁴, sở Thương chính và Độc quyền Đông Dương⁵, nhà hát Philharmonique, trường đua ngựa, bệnh viện Lanessan (nay là bệnh viện 108).

Các công thự thế hệ đầu được xây dựng theo mẫu kiến trúc hiện hành lúc bấy giờ của chính quyền Pháp. Mượn ý từ một sơ đồ điển hình và sổ tay hướng dẫn, chúng ang ang như các nhà ga, nhà bưu chính, tòa đốc lí... ở chính quốc. Ngày nay, khi thăm Hà Nội, đôi khi ta vẫn sững sốt với kiểu kiến trúc công cộng, chuẩn hóa và mang tính chính trị như vậy.

Đặc điểm của các công trình ở giai đoạn đầu là to lớn quá cỡ so với những công trình mà người dân bản địa thường nhìn thấy trước đây. Không hiểu do người Pháp biết nhìn xa hay do chính sách thị uy, phải xây dựng những công trình hiện đại, đặc sắc, mang tính cảm hóa để áp đặt nước Pháp lên nhân dân bị chinh phục, hay do lợi nhuận mang lại cho nhà thầu thân cận với chính quyền thuộc địa. Chẳng hạn Nhà hát Lớn là một trong những điển hình về sự thái quá với những bậc đá cẩm thạch, kể cả dưới tầng hầm; với hơn 870 chỗ, nó còn to và đồ sộ hơn nhà hát của nhiều thành phố lớn ở Pháp. Công trình này được hoàn thành năm 1911, sau hơn 10 năm xây dựng trầy trật lúc làm lúc ngừng với những cuộc đấu thầu quanh co và những bê bối tài chính nổi đình đám làm vấy bẩn một viên chức của tòa đốc lí Hà Nội. Nhà hát đã tiêu tốn thu nhập nhiều năm của thành phố.

Chính quyền thuộc địa muốn dấu ấn của mình hiện diện khắp nơi, không chỉ ở trung tâm thành phố mà cả ở những vùng xung quanh, như dinh Toàn quyền được xây dựng xa hẳn trung tâm thành phố, giữa cánh đồng. Ngôi nhà nặng nề cho cả nền đất lẫn ngân sách.

⁴ Service du Cadastre du Tonkin, số 7 phố Tràng Thi, nay là trụ sở Bảo hiểm Xã hội Việt Nam.

⁵ Direction des Douanes et Régies de l'Indochine, bị nằm kẹp giữa ba phố Trần Quang Khải, Phúc Tân và Tông Đản, nay là Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

Phần lớn các công thự tuân thủ kiểu qui hoạch Haussman⁶, theo đó mỗi công thự là điểm khởi đầu của một đại lộ: Nhà hát Lớn nằm ở đầu đường Paul Bert (Tràng Tiền); Ga nằm ở đầu đường Gambetta (Trần Hưng Đạo); Đấu xảo nằm ở đầu đường Richaud (Quán Sứ); Dinh Toàn quyền ở đầu đường Puginier (Điện Biên Phủ)...

Một điểm đặc biệt của qui hoạch Hà Nội là sự phá bỏ các di tích lịch sử và di tích kiến trúc của Hà Nội để lấy mặt bằng cho các công trình to lớn mang tính thị uy của Pháp: chùa Báo Thiên nhường chỗ cho Nhà thờ Lớn; chùa Báo Ân nhường chỗ cho Sở Bưu chính và Điện tín...; mãi tới năm 1924, đạo luật năm 1913 ở chính quốc về bảo vệ công trình lịch sử mới được thực hiện ở Đông Dương.

Ban đầu, kiến trúc dân dụng tìm cách tạo ra một không gian kiến trúc Pháp ở Hà Nội, áp dụng các qui tắc kiến trúc thích hợp với khí hậu kết hợp với những ý tưởng của người Anh ở Singapor. Bị các kiến trúc sư Pháp và thị hiếu của đám dân di cư phủ nhận, các công trình này bị thay thế bởi những “phố tây”, hai bên có các biệt thự mà chiều cao, tuân thủ qui tắc Haussmann, phải tỉ lệ với chiều rộng của mặt đường lúc này có khi lên tới ba mươi mét. Về mặt này, Hà Nội cho ta nhiều ngạc nhiên: Bên cạnh những nhà theo kiểu phân lô, Hà Nội có nhiều biệt thự lộng lẫy như những biệt thự đang được ưa chuộng ở Paris lúc đó. Xuất hiện những ngôi nhà với đủ phong cách: nghiêm mật của trào lưu Hiện đại⁷, những tòa nhà chức năng

nhạt nhẽo, thậm chí những tòa nhà “điên rồ” như ngôi biệt thự của Schneider bên Hồ Tây, những ngôi nhà theo “phong cách bản quán”⁸, mang dáng dấp của các địa phương bên Pháp: có kiến trúc Corse, có kiến trúc Nice hoặc Marseille, có ngôi Bordeaux, có ngôi đá chẻ Angevine, có tường ốp gỗ kiểu Alsace, có vọng lâu miền Provence, có mái nhọn của miền Bắc Pháp hoặc mái bằng của miền Địa Trung Hải.

Sự lan tràn phong cách Pháp, các công thự cổ điển quá cỡ mang thông điệp chính trị, các công trình hoài niệm quê hương... như vậy kéo dài cho tới những năm 1920.

Nếu xét về mặt **trào lưu**, sau Thế chiến Thứ nhất, kiến trúc thuộc địa chia thành ba trào lưu; chúng phát huy tác dụng theo dòng sự kiện nhưng luân phiên nhau thịnh suy theo các chương trình xây dựng. Từ 1920 tới 1945, các trào lưu “phong cách Đông Dương”⁹, phong cách bản quán và phong cách hiện đại tạo thành ba dòng chảy được các kiến trúc sư khai thác.



Một công thự mang phong cách tân cổ điển

Nguồn: hanoilavie.com

⁶ Georges Eugène (1809 - 1891), hay nam tước Haussmann. Được Louis-Napoléon trao chức quận trưởng quận Var năm 1849, quận trưởng hạt Sein từ tháng 6-1853 và đảm nhiệm chức vụ này 16 năm liên tục. Ông là người có công trong việc qui hoạch lại Paris thoát khỏi sự lộn xộn của một thành thị Trung cổ. Thành công đã khiến ông trở thành một chuyên gia hàng đầu trong số các chuyên gia qui hoạch châu Âu ở thế kỷ 19. Trước khi có qui hoạch của ông, trung tâm Paris gần như ở thời kì Trung cổ, khiến cho kĩ binh và pháo binh lưu thông rất khó khăn. Yêu cầu chính trị của nền Đế nhị Đế chế và sự mập mờ trong việc đầu cơ đất đai là những nguyên nhân phải qui hoạch lại Paris. Sơ đồ qui hoạch Haussmann được xây dựng trên những trục thẳng, vừa hiệu quả vừa mang tính thị hiếu, mà thế kỉ 17 gọi là “Sự bùng nổ đường trục”. Nhiều đại lộ được vạch ra. Người ta xây dựng nhiều tòa nhà mới (chợ có mái che, nhà ga, rạp hát) hoặc qui hoạch các công viên và vườn cây. Haussmann còn cẩn thận cho chụp ảnh các khu phố cổ của Paris sẽ phải phá đi. Các khu rừng Vincennes và Boulogne biến thành những “không gian xanh” ở dạng nguyên thô để dạo chơi. Có thể nói Paris ở thế kỷ 20 chủ yếu là Paris thời Haussmann.

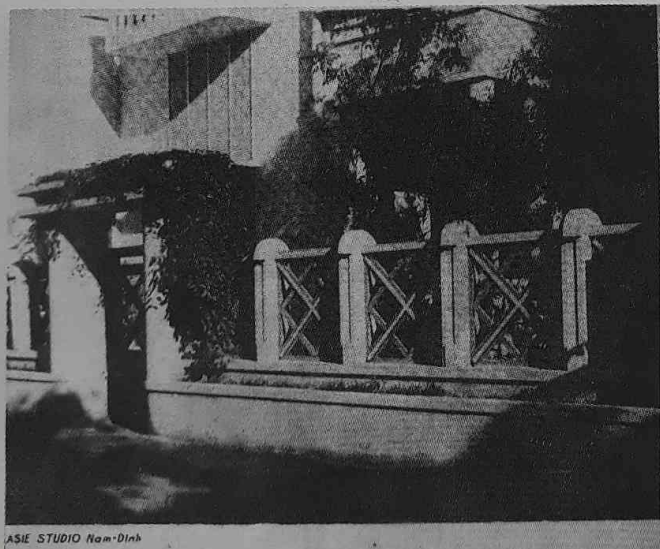
⁷ Kiến trúc hiện đại là một loại hình xây dựng chuyên biệt; nó được đặc trưng bằng việc sử dụng các vật liệu công nghiệp, nhất là thép, thủy tinh và bê tông, trang trí ít, chỉ gồm những hình khối hình học có thể dễ dàng bố trí trong không gian.

⁸ Các sách vở của người Pháp gọi trào lưu này là *régionalisme*, đó là trào lưu làm nhà ở nơi di cư tới giống như nhà ở quê hương. Tùy trường hợp, chúng tôi sẽ chuyển sang tiếng Việt thành *phong cách bản quán* hoặc *phong cách địa phương chủ nghĩa*.

⁹ *Style indochinois*.

Thực ra tên gọi “**phong cách Đông Dương**”, do Ernest Hébrard đưa ra, nhằm xóa đi những dị biệt xã hội trên bán đảo Đông Dương. Nó trao cho kiến trúc cái ảo tưởng thống nhất chính trị do giới thực dân áp đặt. Thực tế, những công trình do Ernest Hébrard thực hiện trong khoảng 1926-1932 ở Hà Nội thấm đẫm truyền thống của miền Bắc Việt Nam nhưng vẫn không bỏ qua những khuôn mẫu Trung Quốc, Nhật hoặc Indonesia khiến ta như đang xem một kho chủ đề và mô-típ châu Á trên một nền kiến trúc nhập ngoại, y như các kiến trúc sư trước đây vay mượn các nguồn Hi Lạp, La Mã, Ai Cập để trang trí các bảo tàng, tòa án, ngân hàng.

Dưới sự thúc đẩy của Ernest Hébrard, khôi nguyên Giải thưởng Roma năm 1904, nhà cầm quyền Pháp đã chấp nhận “**phong cách Đông Dương**”. Phong cách này đặc trưng bằng các mái cong chồng lên nhau, nhiều cửa, những hàng cột thanh mảnh, các ô-văng bằng ngói vẩy cá, mút chìa chạm khắc, sự xen kẽ giữa đá và gỗ. Sự tìm tòi để tổng hợp, giao thoa giữa hai nền kiến trúc đã đưa vào kiến trúc Đông Dương một phong cách kiến trúc mới nói trên. Dưới tác dụng của phong cách Đông Dương, đã ra đời ba tòa nhà: trường Đại học (1927), nay là trường Đại học Y; bảo tàng viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp (1931), nay là bảo tàng Lịch sử; nha Tài chính Đông Dương (1931), nay là trụ sở bộ Ngoại giao.



Mặt tiền một ngôi nhà ở Nam Định theo phong cách hiện đại

Nguồn: Indochine hebdomadaire illustré



Bảo tàng Louis Finot

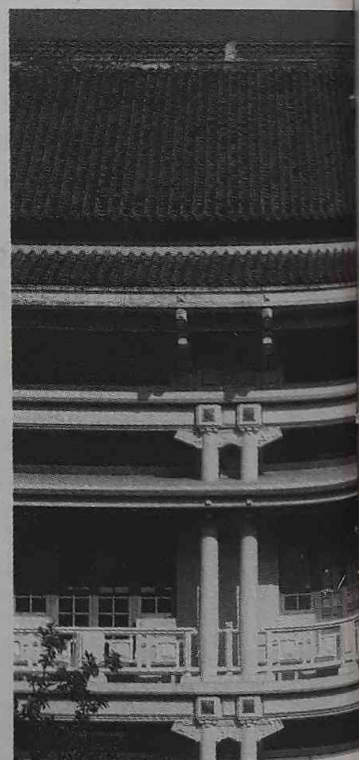
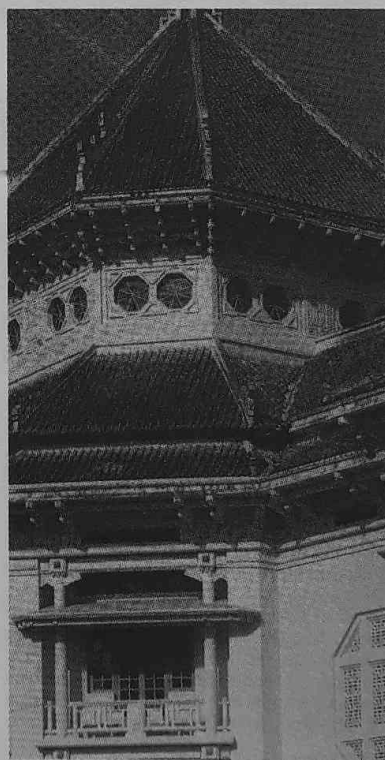
Nguồn: Indochine hebdomadaire illustré

Bảo tàng Louis Finot là bảo tàng của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp (EFEO) tại Hà Nội, nằm ở phố Concession, hiện nay là Bảo tàng Lịch sử, số 1 phố Phạm Ngũ Lão.

Bảo tàng do kiến trúc sư Ernest Hébrard thiết kế, khởi công năm 1925, hoàn thành năm 1932, mang tên Louis Finot, Giám đốc viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp lúc đó.

Đây là một trong những công trình đầu tiên tiêu biểu cho phong cách kiến trúc Đông Dương, còn được gọi là phong cách Pháp-Nam.

Tên gọi đầy đủ có chữ Bác Cổ nhưng dài nên nhân dân ta trước đây thường gọi tắt là Nhà Bác Cổ¹⁰.

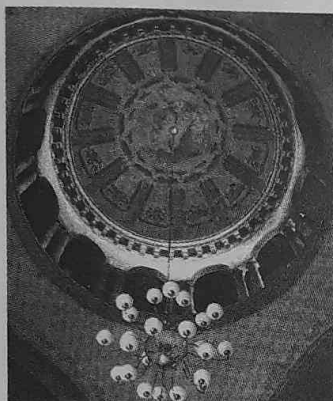


Hai mảng kiến trúc của bảo tàng Louis Finot

Nguồn: Indochine à travers L'architecture



Trường Đại học Đông Dương theo phong cách Đông Dương
 Nguồn: Indochine à travers L'architecture



Đại giảng đường với vòm trần của trường Đại học Đông Dương
 Nguồn: Indochine à travers L'architecture



Nhà Tài chính Đông Dương¹¹

Nguồn: <http://indochine-souvenir.com>

Tòa nhà này nằm giáp các phố Puginier (Điện Biên Phủ) và Oliver (Tôn Thất Đàm). Nó được thiết kế năm 1924 theo phong cách Đông Dương bởi kiến trúc sư Ernest Hesbrard, được hãng thầu Verneuil & Gravereaud thi công năm 1925, nghiệm thu năm 1928. Tại đây, ngoài cơ quan tài chính còn có cơ quan trước bạ. Hiện nay công trình được dùng làm trụ sở Bộ Ngoại giao.

¹¹ Nguyên văn: Directions des Finances de L'Indochine

Ngoài ra, sự gặp gỡ giữa kiến trúc Tây phương và kiến trúc châu Á còn cho thấy một điều là người Việt Nam từ rất sớm đã biết vận dụng vào trong nhà mình những thứ người châu Âu đang tiến hành xây dựng.

Ta cũng không nên bỏ qua ý tưởng đầu tiên nhưng đã “rất kiến trúc” của nhà khảo cổ học Henri Parmentier. Đề tài tốt nghiệp kiến trúc của ông năm 1905 là đề tài về một biệt thự thích hợp với khí hậu Bắc Kỳ, trong đó ông kết hợp các đặc trưng của nhà Việt Nam với cách bố trí chỗ ở của người châu Âu.

Giống như kiến trúc địa phương chủ nghĩa ở châu Âu, kiến trúc theo “phong cách Đông Dương” cũng yêu cầu vật liệu, hình dáng, khí hậu và tập quán phải tương hợp với nhau. Phong cách này cho ta nhiều biến tấu: “tân An Nam” với những tòa nhà ở Hà Nội của Ernest Hébrard; “tân Chàm” với Bảo tàng Đà Nẵng của Henri Parmentier; thậm chí “tân Khmer” với Ngân hàng Đông Dương ở Sài Gòn của Félix Dumail.

Sự tích hợp các yếu tố hoàn toàn Đông Dương đã bổ sung một cách bất ngờ cho các phong cách địa phương chủ nghĩa nở như hoa ở Pháp.



Nhà Hà Nội

Nguồn: indochine à la belle époque

Đây là ảnh ngôi nhà của ông Vũ Huy Quang ở 102, phố Hàng Gai, năm 1909. Nó được làm theo kiểu lai giữa kiểu ta và kiểu Tây.

Người ta thấy ít khi người Việt Nam gửi bưu thiếp, nhưng tấm bưu thiếp này là một ngoại lệ. Chắc nó đã được ông Quang gửi cho cấp trên đang nghỉ ở Pháp.

Phong cách bản quán được giới di dân Pháp ở Hà Nội ưa chuộng; nó tái hiện lại những kiểu nhà ở các vùng khác nhau trên nước Pháp để thỏa mãn nỗi hoài niệm của những chủ nhân xa xứ.

Phong cách Đông Dương và phong cách địa phương chủ nghĩa đạt tới đỉnh cao vào những năm 1940.

Trào lưu E. Hébrard sẽ bị Trường Mĩ thuật Hà Nội quét đi khi trường được thành lập bởi Victor Tardieu vào năm 1927, đặc biệt khi khoa kiến trúc được thành lập hai năm sau đó với hàng trăm kiến trúc sư người Việt trong tương lai. Đối lại các đơn đặt hàng của thị chính thành phố dành cho người Pháp, các kiến trúc sư Việt Nam đã vẽ kiểu nhà cho tầng lớp tư sản Việt Nam. Một số kiểu đã tổng hợp các yếu tố châu Âu và châu Á, sát thực tế hơn những kiểu trước đây, đáp ứng những yêu cầu cấp bách về mĩ học và khí hậu. Đây là thời kì kiến trúc với những tác phẩm đầu tay, những cuộc thi, những ý tưởng tự do so với các chuẩn: ban công chìa ra, cầu thang lượn, mặt tiền đắp, mái bằng, mặt bờ đắp, phù điêu trang trí, đá giả mang hơi hướng địa phương...

Từ 1935, các kiến trúc sư đã hợp nhất được hai loại hình xây dựng khác nhau: loại hình biệt thự Pháp vuông vắn giữa hoa viên và loại hình nhà phố, dài và liền kề nhau. Kết quả là ra đời loại biệt thự lai, dài, giáp lung nhau, hình chữ nhật, có hoa viên hoặc sân nhỏ tại chỗ trước đây vốn đặt cửa hàng. Đó là những ngôi nhà nằm giữa phố Huế và phố Bà Triệu.

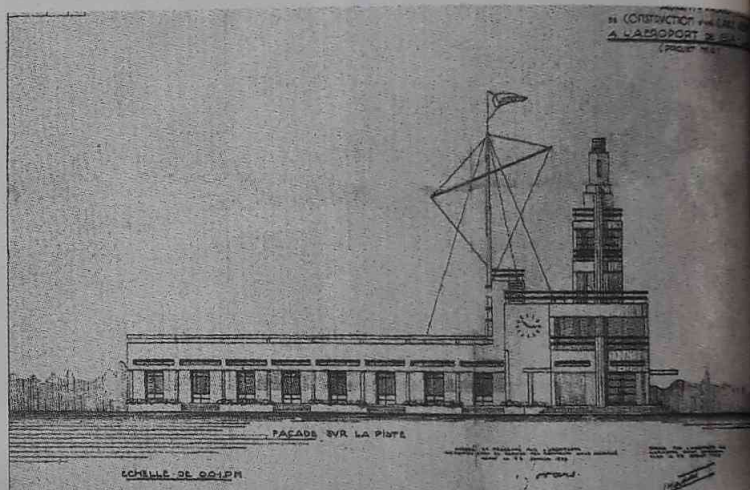
Về **trào lưu hiện đại**, nó được du nhập vào Đông Dương từ năm 1925 và mê hoặc một số khách hàng tư nhân; các sinh viên Trường Mĩ thuật Hà Nội đã góp phần quảng bá trào lưu này trong việc xây dựng các khu nhà ở Hà Nội. Đối với các công trình sử dụng vào mục đích dân sự, các hồ sơ xây dựng theo phong cách hiện đại được áp dụng trong các chương trình có yêu cầu kĩ thuật đa năng như dự án của Charles Christian năm 1928 xây dựng bệnh viện René Robin (bệnh viện Bạch Mai hiện nay), hay sân bay Gia Lâm năm 1936 do Félix Godard xây dựng.

Trào lưu hiện đại cũng đi theo những con đường mà người ta thấy ở phương Tây, từ chủ nghĩa thuần khiết chính thống nhất tới những điều biến của trào lưu Art



Bệnh viện Bạch Mai, phong cách hiện đại

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



Sơ đồ một bên khu chỉ huy Sân bay Gia Lâm

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

déco¹². Trong những năm 1930, nhiều tòa nhà của các công ti lớn chạy theo xu thế hoành tráng hóa như trụ sở của Ngân hàng Địa ốc Đông Dương ở Hà Nội do Georges Trouvé thiết kế, hay Ngân hàng Đông Dương do Félix Dumail thiết kế.

¹²¹ Thoát thai từ trào lưu nghệ thuật Belle Époque (Thời đại Đẹp đẽ), Art déco ra đời trong bối cảnh của *những năm điên rồ*, cổ làm quên đi hàng triệu người chết trong Thế chiến thứ nhất. Là nghệ thuật của những nghịch lí, Art déco thường biểu thị một số nét hiện đại thông qua các dạng hình học và sự trong sáng nhưng duy trì truyền thống và giữ lại phong cách duyên dáng của những tinh hoa nghệ thuật. Art déco nổi lên, coi như khai sinh, trong khoảng thời gian 1908-1912 với việc chống lại trào lưu Nghệ thuật mới (Art nouveau), bùng nổ ở Pháp trong khoảng thời gian 1920-1930. Ban đầu, Art déco chỉ chuyên về trang trí nhưng sau đó nó bị trào lưu lập thể đánh bại và tàn lụi dần vào cuối những năm 1930, bị trào lưu hiện đại thay thế.

TƯ LIỆU ẢNH:

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC THỜI THUỘC ĐỊA



Sơ đồ các công trình kiến trúc tại Hà Nội

Nguồn: <http://belleindochine.com>

Some buildings in the colonial quarters

Name of building (Actual function)	Architect and construction date
Ba Dinh Quarter	
A1 Palace of the Governor General (Presidential Palace)	Auguste-Henri Vildieu, 1901 - 1906
A2 Lycée Albert Sarraut - high school (Office of center communist party)	1919
A3 Cercle sportif Français (Ba Dinh Sports club)	Jacques Lagisquet, 1930
A4 Finance Department (Ministry of Foreign Affairs)	Ernest Hébrard, 1931
A5 Villas (nowadays many embassies)	
A6 Convent's chapel	
A7 Cua Bac church	Ernest Hébrard, 1932
A8 Villas	1900-1930
A9 Marine's sports club (Sports Department)	
A10 Lycée du Protectorat (Chu Van An high school)	1908
Hoan Kiem Quarter	
<i>Around the Returned Sword Lake</i>	
B1 City hall	Auguste-Henri Vildieu, 1897 - 1906
B2 Chamber of commerce and agriculture (International Post Office)	Henri Cerutti-Maori
B3 Head office of "L'Avenir du Tonkin" newspaper (Head office of Ha Noi Moi newspaper)	
B4 Lake pavilion	
B5 Public Works Department	Auguste-Henri Vildieu, 1895
B6 Indochina Bank (Vietcombank)	Georges-André Trouvé, 1925 - 1930
B7 Offices and Résidence supérieure (Government's Guest House)	Auguste-Henri Vildieu, 1897-1906, 1918
B8 Crédit foncier de l'Indochine - credit institution	Georges-André Trouvé
B9 French Information House	
B10 Extrême-Orient printing house (Head office of Nhan Dan newspaper)	1928
B11 French-Chinese Bank (Ministry of Commerce)	
B12 Municipal Theatre	1911
B13 Protestant church	
B14 St-Joseph's Cathedral	1883-1891
B15 Louis Finot Museum (History Museum)	Ernest Hébrard, 1925 - 1932
<i>South of the Returned Sword Lake</i>	
B16 Police station	
B17 University of Hanoi	Ernest Hébrard, 1926
B18 Head office of SHELL company (Ministry of Science)	1925 - 1930
B19 École française d'Extrême-Orient (School)	
B20 Pasteur Institute (Hygiene and Epidemiology Institute)	Gaston Roger, 1925-1930
B21 Lanessan hospital (Hospital 108)	Henri Cerutti-Maori, 1937
B22 Cité universitaire (Bach Khoa University)	Chauchon, Masson, Gilles et Arthur Kruze, 1942
B23 French Embassy	
B24 Hôtel Splendid (Hoa Binh hotel)	
B25 Radium Institute	
B26 Palais de justice (Supreme Court)	Auguste-Henri Vildieu, 1900-1906, 1912
B27 Compagnie des chemins de fer du Yunnan - railroad company (Ministry of transport) and general office of labour unions	
B28 Railway station	1902
B29 René-Robin hospital (Bach Mai hospital)	Christian
B30 Ham Long church	1934
B31 Around 100 villas	French and Vietnamese architects
B32 House at n° 17 Thuyên Quang Street	Nguyễn Cao Luyên, 1933 - 1940
B33 House at n° 84 Nguyễn Du Street	Ngô Huy Quỳnh, 1941

Chú giải tiếng Anh sơ đồ trên

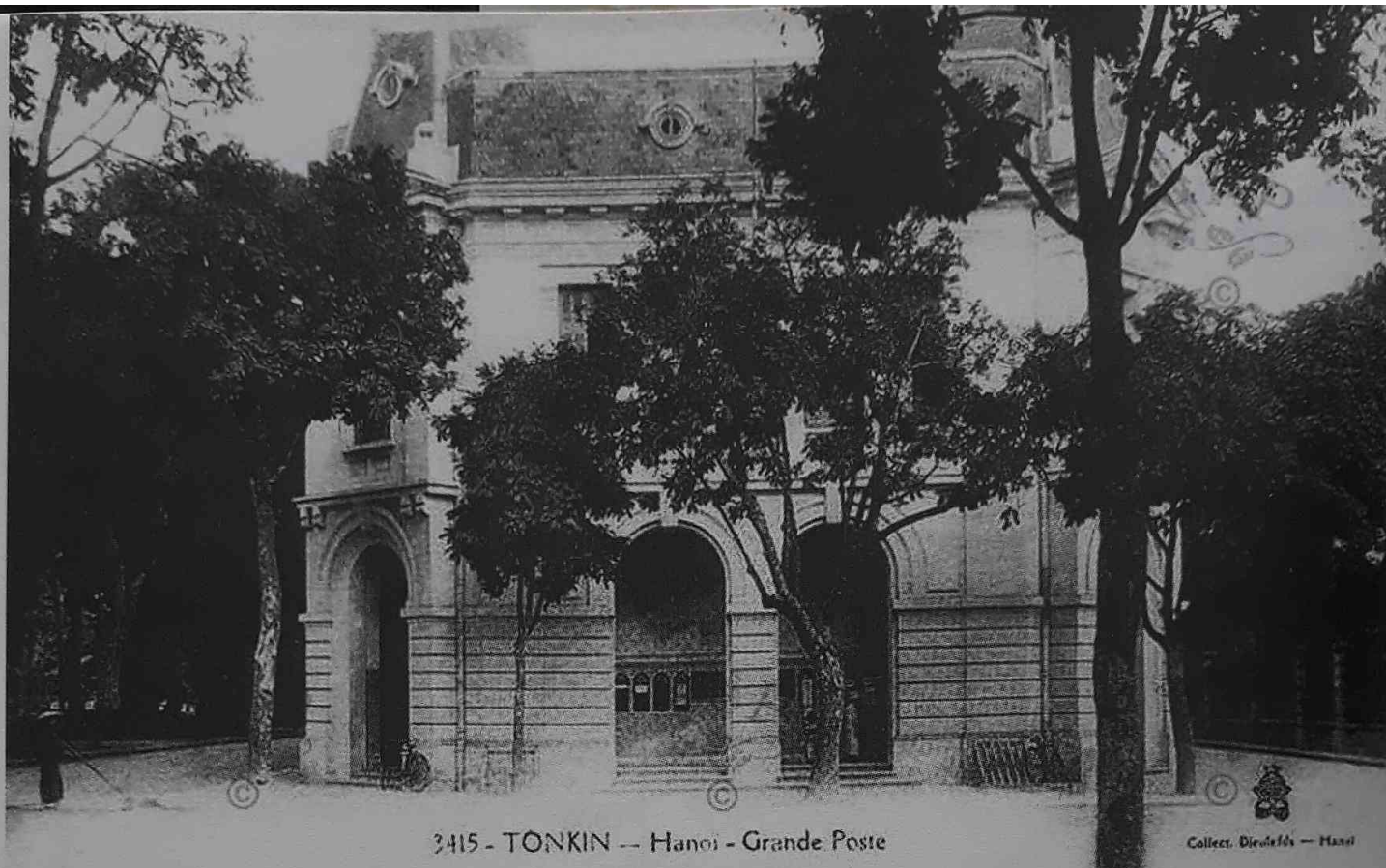
Nguồn: bellleindochine.com

Bản dịch chú giải trên sang tiếng Việt

Công trình (chức năng hiện nay)	Kiến trúc sư, năm xây dựng
Khu Ba Đình	
A1 Dinh Toàn quyền (Phủ Chủ tịch)	Auguste-Henri Vildieu ¹⁵ 1901 – 1906
A2 Trường Trung học Albert Sarraut (Văn phòng Trung ương Đảng CSVN)	1919
A3 CLB thể thao Pháp (CLB Thể thao Ba Đình)	Jacques Lagisquet, 1930
A4 Nha Tài chính (Bộ Ngoại giao)	Ernest Hébrard ¹⁶ , 1931
A5 Các biệt thự (các Đại sứ quán)	
A6 Tháp chuông tu viện	
A7 Nhà thờ Cửa Bắc	Ernest Hébrard, 1932
A8 Các biệt thự	1900 - 1930
A9 CLB Thể thao Hải quân (Tổng cục Thể thao)	
A10 Trường Trung học Bảo hộ (Trường Trung học phổ thông Chu Văn An)	1908
Khu Hoàn Kiếm Quanh Hồ Hoàn Kiếm	
B1 Tòa Thị chính (Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)	Auguste-Henri Vildieu, 1897 – 1906
B2 Phòng Thương mại và Nông nghiệp (Bưu điện Quốc tế)	Henri Cerutti-Maori
B3 Tòa soạn báo L'Avenir du Tonkin (Tòa soạn báo Hà Nội Mới)	
B4 Thủy tạ	Auguste-Henri Vildieu, 1895

B5 Nha Công chính	Georges-André Trouvé, 1925 - 1930
B6 Ngân hàng Đông Dương (Ngân hàng Nhà nước)	Auguste-Henri Vildieu, 1897 – 1906, 1918
B7 Văn phòng và Dinh Thống sứ (Nhà khách Chính phủ)	Georges-André Trouvé
B8 Ngân hàng địa ốc Đông Dương	
B9 Phòng thông tin Pháp (Nhà thông tin Thành phố)	
B10 Nhà in Viễn Đông (nhà in báo Nhân Dân)	1928
B11 Ngân hàng Pháp - Hoa (Bộ Thương mại)	
B12 Nhà hát Thành phố	1911
B13 Nhà thờ Tin lành	
B14 Nhà thờ Lớn	1883 - 1891
B15 Bảo tàng Louis Finot (Bảo tàng Lịch sử)	Ernest Hébrard, 1925 - 1932
<i>Phía Nam Hồ Hoàn Kiếm</i>	
B16 Đồn cảnh sát	
B17 Trường Đại học Hà Nội	Ernest Hébrard, 1926
B18 Văn phòng chính Công ti SHELL (Bộ Khoa học – Công nghệ - Môi trường)	1925 - 1930
B19 Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp	
B20 Viện Pasteur (Viện Vệ sinh dịch tễ)	Gaston Roger, 1925 - 1930
B21 Bệnh viện Lanessan (Bệnh viện 108)	Henri Cerutti-Maori

B22 Làng Đại học (Trường Đại học Bách khoa)	Chauchon, Masson, Gilles và Arthur Kruzer, 1942
B23 Sứ quán Pháp	
B24 Khách sạn Splendid (Khách sạn Hòa Bình)	
B25 Viện Radium	
B26 Tòa án (Tòa án Nhân dân tối cao)	Auguste-Henri Vildieu, 1900 – 1906, 1912
B27 Công ti Đường sắt Vân Nam (Bộ Giao thông, Tổng Liên đoàn Lao động)	
B28 Nhà ga Trung tâm	1902
B29 Bệnh viện René Robin (Bệnh viện Bạch Mai)	Christian
B30 Nhà thờ Hàm Long	1934
B31 Khoảng 100 biệt thự	Các kiến trúc sư Pháp và Việt Nam
B32 Nhà số 17, phố Thuyền Quang	Nguyễn Cao Luyện, 1933 - 1940
B33 Nhà số 84, phố Nguyễn Du	Ngô Huy Quỳnh, 1941



3415 - TONKIN -- Hanoi - Grande Poste

Collect. Dieudonné - Hanoi

▲ Gian dịch vụ của Sở Bưu chính và Điện báo Hà Nội

Nguồn: hanoilavie.com

Ảnh trên là một phần tòa nhà Sở Bưu chính và Điện báo Hà Nội, trông ra phố Đinh Tiên Hoàng. Đây là tòa nhà được xây dựng khá sớm khi Hà Nội được xây dựng và qui hoạch với Hồ Gươm là trung tâm. Tòa nhà được xây dựng trong các năm 1894-1899 theo phong cách tân cổ điển theo thiết kế của kiến trúc sư Adolphe Bussy. Mặt chính tòa nhà trông ra phố Đinh Tiên Hoàng; mặt bên trong ra phố Lê Thạch.

▼ Viện Radium

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Cơ sở này nay là Bệnh viện K, mặt tiền trông ra phố Quán Sứ, hai bên hông trông ra phố Tràng Thi và Hai Bà Trưng.





▲ Viện Pasteur

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Viện Pasteur, với diện tích 3ha, được xây dựng năm 1927 ở phố Yersin, theo thiết kế của kiến trúc sư Gaston Roger. Viện Pasteur cùng với Bảo tàng của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, Nhà Tài chính Đông Dương, Nhà thờ Cửa Bắc, được xây dựng trong thời kì thịnh phong cách Đông Dương, tức là phong cách kết hợp giữa phong cách Pháp và phong cách Á Đông. Công trình có nhiều giải pháp kiến trúc rất phong phú từ chòi bảo vệ cho tới những điểm quan trọng như sảnh và các hồi nhà. Cơ sở này nay là Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, số 1 phố Yersin.

▼ Câu lạc bộ quân nhân

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Ngôi nhà này trông ra đường Hoàng Diệu, phong cách hiện đại. Ảnh chụp năm 1931.





▲ Một ngôi nhà theo phong cách hiện đại (1)

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

▼ Một ngôi nhà theo phong cách hiện đại (2)

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Đối chứng với ảnh chụp muộn hơn của một số ngôi nhà ven hồ Thiền Quang, chẳng hạn trên đường Nguyễn Du, đường Nguyễn Gia Thiều..., ta có thể nghĩ rằng hai ngôi nhà này và ngôi nhà ở ảnh trên cũng nằm trong khu vực đó.





▲ Một ngôi nhà theo phong cách hiện đại (3)

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



◀ Ngân hàng Đông Dương, nay là Ngân hàng nhà nước Việt Nam

Nguồn: Vietnam à travers l'architecture coloniale



▼ Biệt thự số 84 Nguyễn Du

Nguồn: Indochine illustré hebdomadaire

Đây là ngôi biệt thự do kiến trúc sư Ngô Huy Quỳnh, lúc đó đang là sinh viên kiến trúc, thiết kế. Lúc đó đoạn Nguyễn Du này là phố Dufourc.

"Sự tương phản của ngôi biệt thự này với ngôi nhà theo kiểu phương Tây ở liền bên phải thật khá kì lạ, cả đến hai chiếc cửa sổ trông ra phố cũng vậy. Thắng lợi của ông Quỳnh trong tác phẩm đầu tay này chắc chắn hứa hẹn ông sẽ là một nghệ sĩ của phong trào phục hưng kiến trúc" (Indochine illustré hebdomadaire).

▲ Ngân hàng Pháp - Hoa,
nay là Công đoàn Bộ Thương mại

Photo Atelier, Hanoi

Villa rue Dufourc, à Hanoi

Quỳnh, arch.





Phòng Thương mại Hà Nội

Nguồn: saigon.vietnam.free

"Ý tưởng về tòa nhà này thuộc về ông Cerutti; tòa nhà chỉ là một phần của một quần thể thuộc Sở Bưu chính và Phòng Thương mại Hà Nội, bên bờ Hồ Hoàn Kiếm. Giá trị của công trình chỉ có thể thấy được sau khi hoàn thành. Tuy nhiên, dù chưa hoàn thành, công trình này đã thể hiện xu hướng hoành tráng có nhiều triển vọng ở Bắc Kỳ hiện nay" (Indochine illustré hebdomadaire).
Hiện nay, cơ sở này là Bưu điện Quốc tế Hà Nội.

TƯ LIỆU ẢNH:

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HÀ NỘI 1943

Nguồn: Indochine illustré hebdomadaire,
số chuyên đề L'Urbanisme en Indochine



Ghi chú:

I Khu Dinh Toàn quyền.

II Khu hành chính.

III Thành.

IV Trường Đại học và Khu Đại học.

V Sân vận động.

VI Bệnh viện René Robin (nay là bệnh viện Bạch Mai)

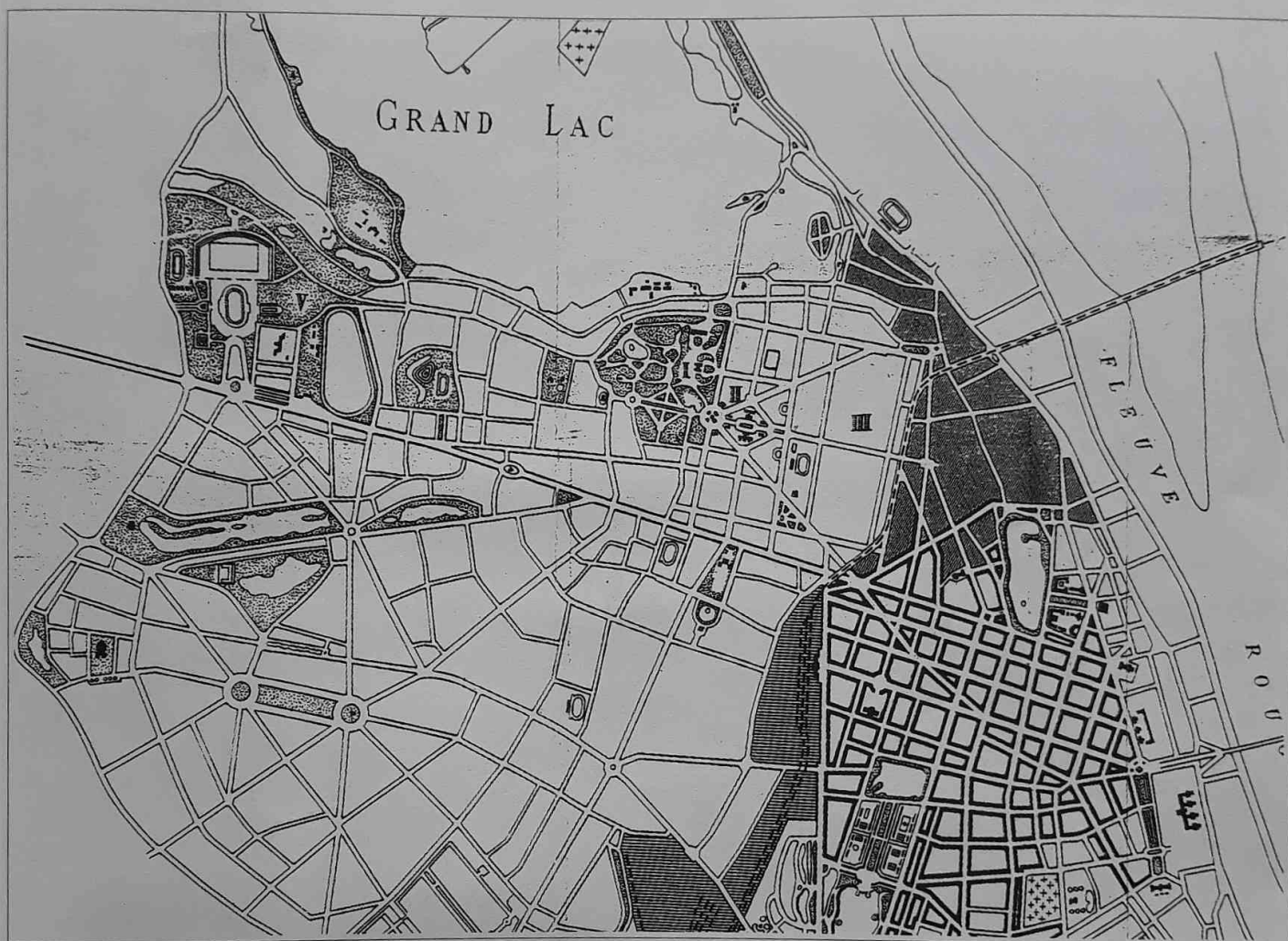
Qua bản đồ trên ta thấy:

1. Bờ Đông Hồ Bảy Mẫu bị san lấp lấy chỗ cho đường Quang Trung chạy thẳng tới trước cổng bệnh viện Bạch Mai.
2. Mở một đường từ vòng xoay Trần Khắc Chân – Bạch Mai hiện nay tới trước cổng bệnh viện Bạch Mai.
3. Ngã sáu Trần Khắc Chân, đầu phố Bạch Mai sẽ là một ngã tám, trong đó có một đường đi sắt hồ Đồng Nhân, cắt phố Lò Đúc và kết thúc ở đầu Vườn hoa Pasteur; một đường chạy về Đông Nam, cắt đường Minh Khai tại phía Tây nghĩa trang Hợp Thiện.

4. Sẽ có một cầu vượt sông Hồng thứ hai khởi đầu từ cuối đường Trần Hưng Đạo.
5. Đường Nguyễn Thái Học khi tới đầu phố Kim Mã sẽ chạy thẳng, vượt qua hồ để nhập với đường Đội Cấn thành một đường thẳng đi sát phía Nam sân Quần ngựa, rồi vượt sông Tô Lịch tại quảng Cống Vĩ mà phía Bắc sẽ là một khu thể thao liên hợp; đây sẽ là cửa ô chính ở phía Tây. Riêng nhánh Kim Mã, tại ngã tư Dae Woo hiện nay sẽ là một ngã bảy.
6. Quảng trường Tròn vẫn giữ tính đăng đối, có một đường xuyên từ cửa chính Tây sang cổng chính Đông của Thành.

Ta thấy qui hoạch này nổi lên một điểm là người Pháp cố gắng tạo thêm những con đường mới là đường chéo của các con đường ô vuông bản cũ có trước đó hoặc sẽ có.

Một điểm chú ý nữa là mật độ sân bóng trong nội đô dày lên, có lẽ đó là một biện pháp của thực dân Pháp nhằm ru ngủ thanh niên ta trong các phong trào vui vẻ trẻ trung.

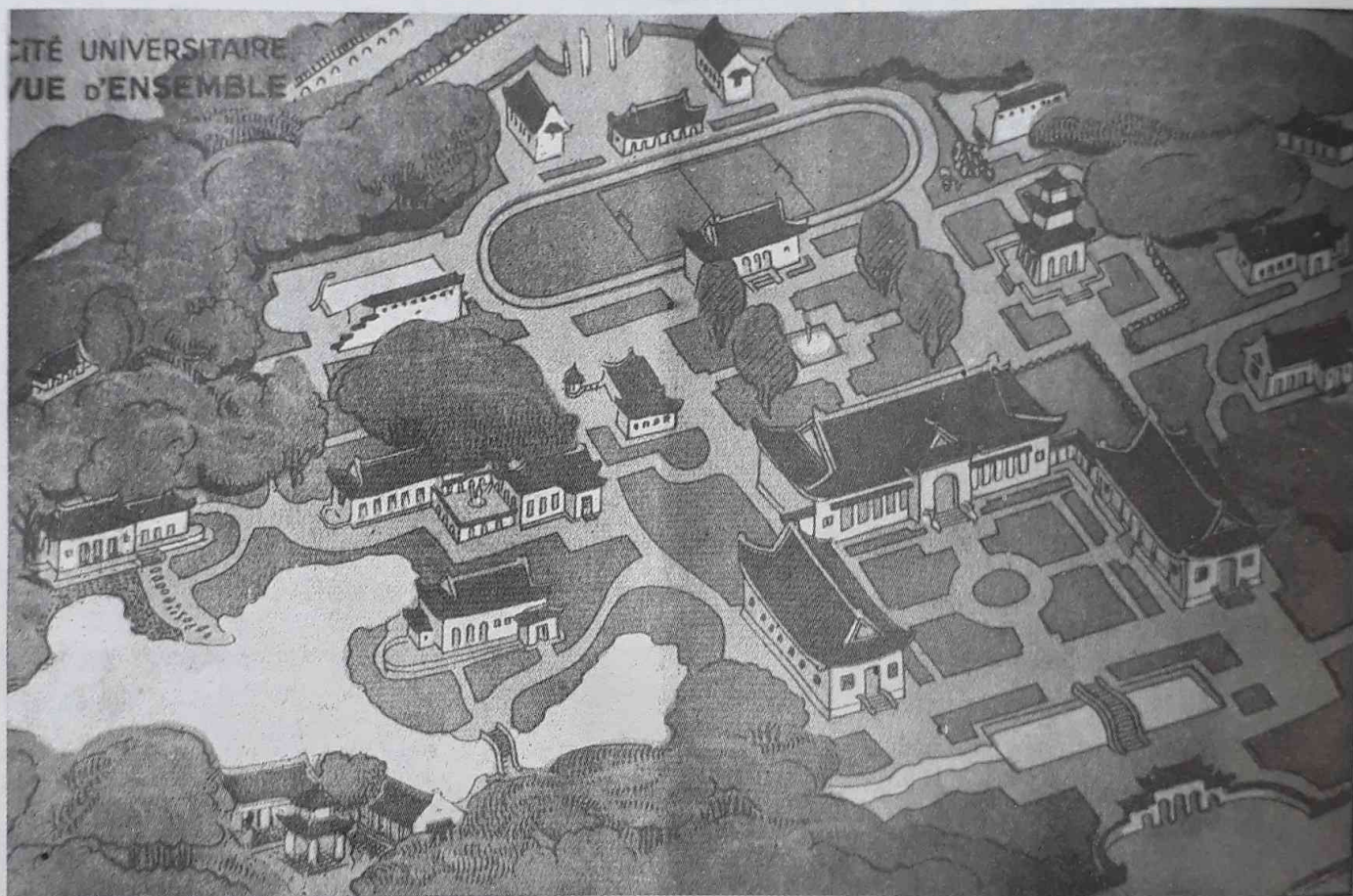




Hiện trạng Khu Đại học

Nguồn: Bản đồ Hành chính Việt Nam

Khu Đại học cũ bị giới hạn bởi tứ giác Đại Cồ Việt – Bạch Mai – Đại La – Giải Phóng hiện nay. Dấu tích công trình của nó là các tòa nhà của Trường Đại học Bách khoa và sân bóng; dấu tích qui hoạch của nó là phố Tô Hoàng và ngô Cột Cờ không nối được với nhau mà nguyên nhân có thể là sự kiện Nhật đảo chính Pháp năm 1945. Hiện nay Khu Đại học cũ ôm trọn ba phường Bách Khoa, Cầu Dền, Đồng Tâm và một phần phường Bạch Mai.



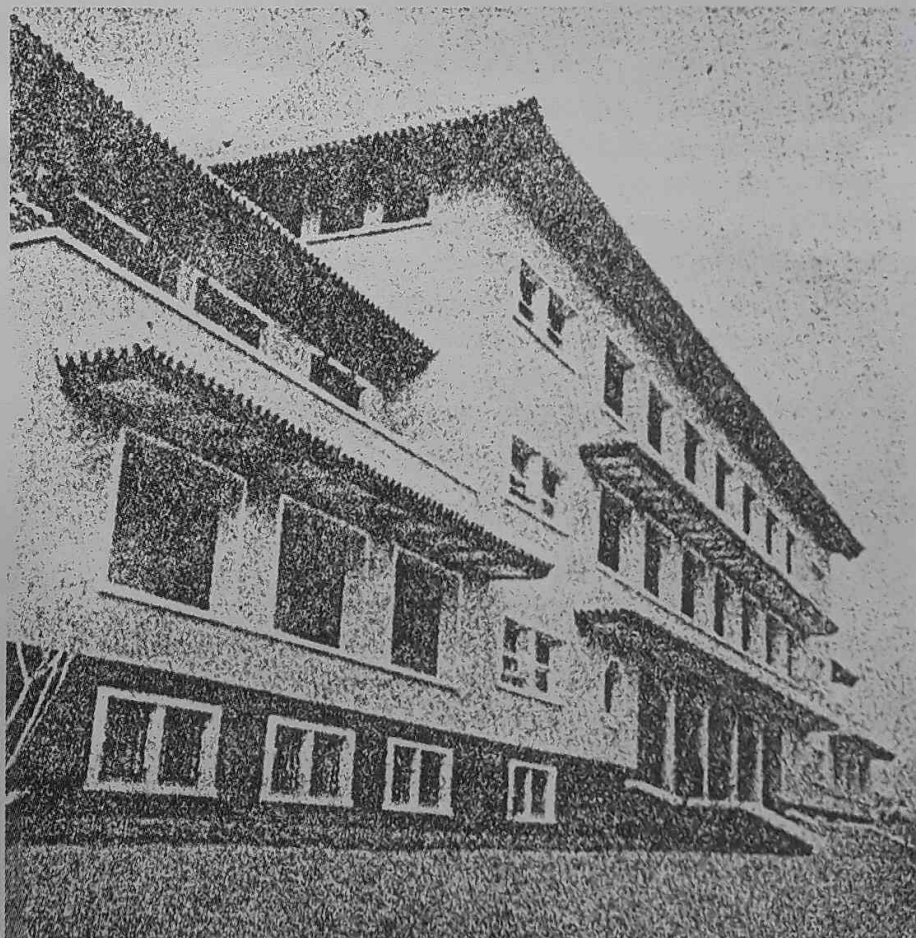
Sơ đồ phối cảnh Khu Đại học

Nguồn: Indochine illustré hebdomadaire



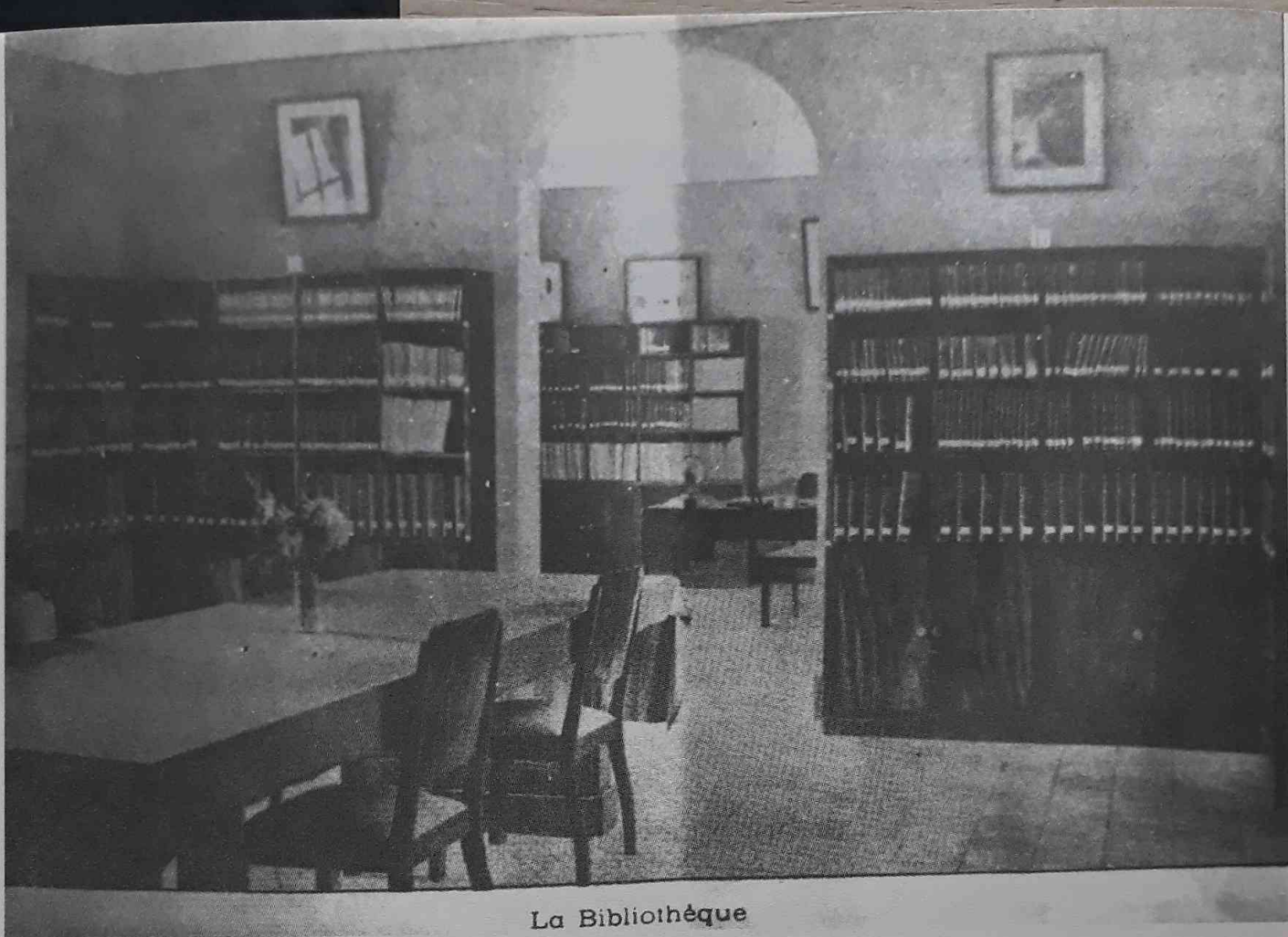
Một tòa nhà đang được xây dựng

Nguồn: Indochine illustré hebdomadaire



Một tòa nhà trong Khu Đại học
Nguồn: Indochine illustré hebdomadaire

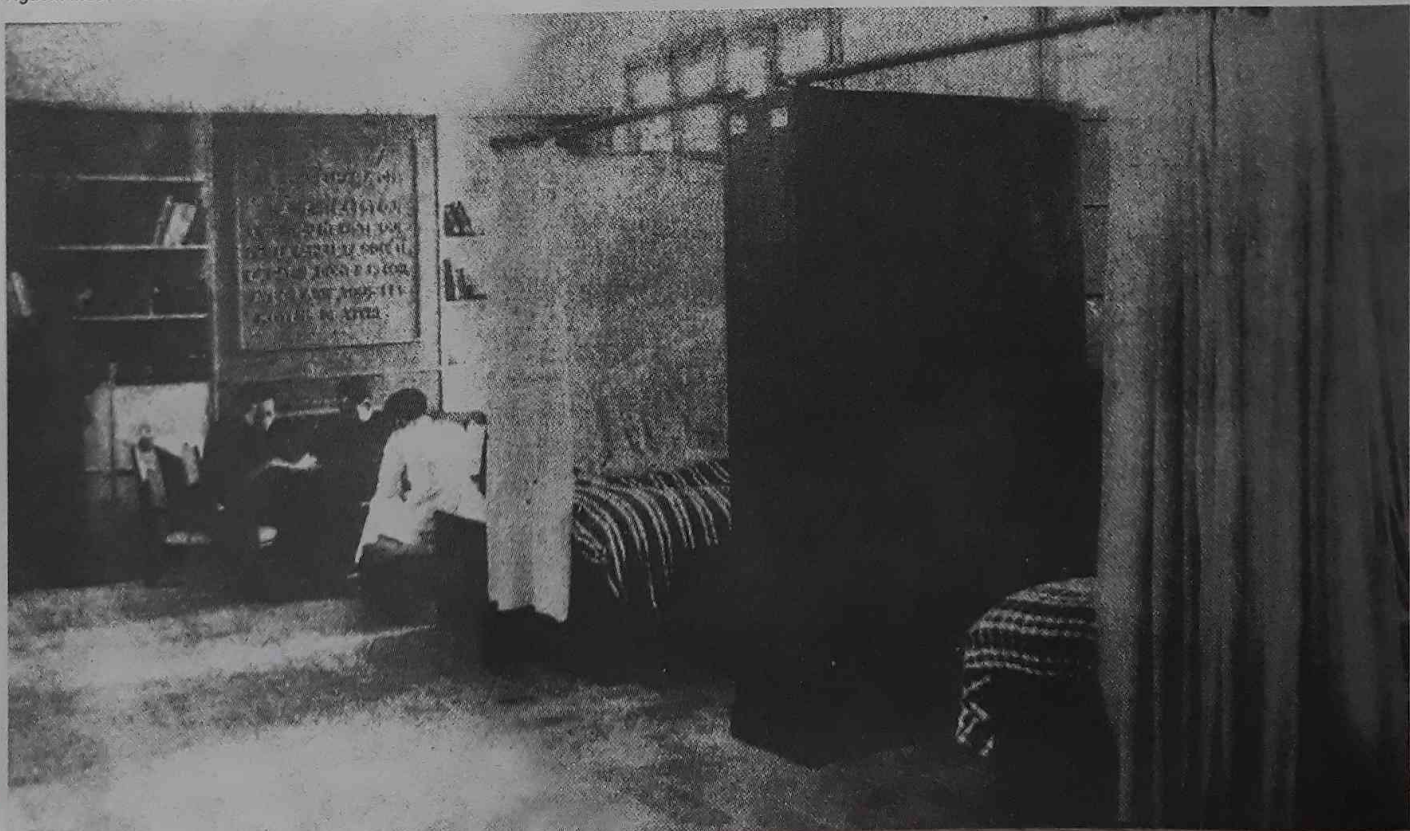
"Tòa nhà này được thiết kế theo ý tưởng của kiến trúc sư Jaques Lagisquet nhưng do kiến trúc sư Moncet thực hiện. Tòa nhà được dùng làm nơi ở của sinh viên. Tòa nhà chính, nơi đặt các phòng, ban và nhà ăn, được thiết kế bởi tập thể những người đoạt giải cuộc thi ý tưởng; đó là các kiến trúc sư Chauchon, Masson và Gilles" (Indochine illustré hebdomadaire). Các tòa nhà hiện nay do Trường Đại học Bách khoa Hà Nội quản lí.



La Bibliothèque

▲ Thư viện Khu Đại học
 Nguồn: Indochine illustré hebdomadaire

▼ Phòng ngủ khu sinh viên Nam Kỳ
 Nguồn: Indochine illustré hebdomadaire



KHU PHỐ BẢN XỨ¹

André Masson

Tiểu dẫn:

- Bài này cùng với ba bài nữa cũng của André Masson trong cuốn tuyển dịch này là bốn chương trong sáu chương của cuốn **HANOI pendant la période héroïque** (1873-1888) của André
- Bỏ qua những cảm xúc thái quá của tác giả, ta sẽ thấy đây là một cuốn sách bổ ích về địa lí lịch sử Hà Nội mà trước đây nhiều tác giả Việt Nam đã tham khảo để viết khảo cứu, tiểu thuyết lịch sử ...
- Tác giả là nhà cổ tự học, chuyên viên lưu trữ của Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương.
- Nhận thấy các chương này không thể thiếu được cho cuốn sách nên chúng tôi chọn đưa vào đây 4 chương.

Nằm ở phía Đông thành Hà Nội, im lìm như ngủ yên sau các tháp canh và pháo đài, khu phố buôn bán, “*khu dân cư lúc nhúc*” theo nhận xét của Rivière, cho ta những nét trái ngược của sự cực kỳ náo nhiệt. Khu phố có dạng tam giác, đáy dựa vào bờ Bắc Hồ Hoàn Kiếm, hai cạnh dựa vào sông Hồng và Thành Hà Nội.

Gắn với khung cảnh hiện đại của khu phố kiểu châu Âu, khu phố khéo tay và đông đúc này phần nào giữ được vẻ đẹp xưa kia của nó với những đường phố quanh co lên xuống và vẻ cổ lỗ của những người thợ thủ công

cúi mình bên công việc trong các cửa hàng. Một số ấn tượng của du khách thế kỷ 20 đã được nghiệm lại gần như trong cùng câu chữ của du khách thế kỷ 17: “Trong thành phố này, mỗi thứ hàng có phố quy định riêng để bán, y hệt kiểu các công ty hay hợp tác xã ở các thành phố châu Âu”².

Tuy nhiên quang cảnh hiện nay của các phố cổ Hà Nội khác rất xa quang cảnh cách đây nửa thế kỷ. Chúng ta không nên tiếc quang cảnh đó vì bức tranh do các nhà văn đầu tiên của Hà Nội, kể cả những nhà văn yêu các gam màu mang tính địa phương, phác họa chẳng có gì lỗi cuốn. Họ nhấn mạnh trước hết sự chật hẹp của các đường phố, sự bẩn thỉu, sự chen chúc và những khó khăn trong lưu thông, sự thiếu an ninh và không trong sạch của thành phố.

Từ những mô tả cũ chúng tôi nghiên cứu, chúng tôi chỉ ghi ra đây những nét chính hiện nay không còn nữa.

Điểm làm cho Hà Nội năm 1873 khác trước hết với Hà Nội hiện nay là ở những công trình bảo vệ của nó. Đó là những tường vây hoặc các cổng chia cắt các phường. Ở trên chúng tôi đã mô tả các tường lũy của thành Hà Nội. Khu phố buôn bán được bảo vệ bằng nhiều cổng, trong đó hiện nay chỉ còn cổng phố Hàng Chiếu (Jean Dupuis). Cổng này có nguy cơ bị phá vào năm 1906 nhưng may

¹ Khu này được người Pháp gọi theo nhiều cách là *ville marchande*, *ville indigène*, *ville annamite*; đại khái tương ứng với khu ngày nay gọi là *khu phố cổ*.

² S. Baron, *Description de royaume du Tonkin*, 1658, bản dịch của Deseille, *Revue Indochinoise*, trang 70, số quí 2, 1914.

mấn được Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp cứu thoát. Theo ghi chép, cửa 73 được xây dựng năm 1749 để phòng thủ kinh thành ở mặt sông Hồng trước sự nổi dậy của Nguyễn Hữu Cầu³. Cửa có một cổng chính, trên có tháp canh, hai cổng phụ ở hai bên, phía trên để trống nhưng có lan can trang trí. Trên tường cổng chính gắn một tấm bia đề năm Tự Đức thứ 34 (1882) cấm lính gác đòi tiền người qua lại (hình 1).

Các cửa quay ra sông của khu phố này⁴ nằm ở các phố: phố Hàng Đậu tại chỗ cắt phố Duranton (Nguyễn Thiếp); phố Hàng Chính; phố Hàng Mắm, tại chỗ cắt phố du maréchal Pétain (Nguyễn Hữu Huân); phố Fellonneau (Hàm Tử Quan) tại chỗ cắt đại lộ Aamiral Courbet (Lý Thái Tổ).

Các cổng trong khu phố buôn bán đã được mô tả nhiều lần, bác sĩ Hocquard cho những chi tiết đặc biệt quý về những cửa này: “Các phố Hà Nội hoàn toàn ngăn cách nhau bởi những chiếc cổng lớn choán hết chiều ngang phố và được đóng lại vào ban đêm. Hai bên các cổng dán các thông báo của lính tuần và lệnh của Tổng đốc.

Những cổng ngăn các phố với nhau có cách đóng mở rất độc đáo: một bức tường đá chạy ngang từ bên này sang bên kia phố. Trên bức tường đó trở ra một cửa hình chữ nhật bao quanh bởi bốn thanh gỗ vững chắc chéo vuông. Thanh trên và thanh dưới của khung đó khoét những lỗ cách đều nhau dùng để tra những thanh gỗ tròn thẳng đứng song song nhau. Các lỗ ở trên khá sâu để có thể kéo các đóng từ dưới lên vừa đủ để đầu dưới thoát ra lấy lối cho mọi người qua. Cách đóng mở như thế cho phép mở to hay mở nhỏ tùy theo số đóng bị tháo ra.

Hai bên các cổng vào phố Tàu được khoét lỗ châu mai giống như ở các tường thành. Những cổng này cực kỳ vững chắc và người ta bố trí ở phía trên một hành lang nhỏ cho những người canh gác. Một khi những cổng này đóng lại thì không thể nào vào được các phố Tàu”.

³ H. Maspéro, bài *Le protectorat de l'Annam sous les Tang*, đăng trong *Bull. de l'École française d'Extrême*, 1910, trang 562.

⁴ Tổng số cửa của tường vây khu phố buôn bán là 15. Vị trí của chúng được ghi chính xác trên bản đồ *Phạm-dinh-Bach* mà chúng tôi đã kiểm tra lại theo các bản đồ cổ khác nhau.

Người ta còn giữ được những hình ảnh cũ về cổng phố Hàng Gai (rue du Chanvre) và cổng phố Hàng Ngang (rue des Cantonnais). Cổng phố Hàng Gai chỉ là một cửa hình chữ nhật trở ra từ một bức tường có nhiều lỗ châu mai. Với một lan can trang trí và đỡ bởi hai chiếc cột, cổng phố Hàng Ngang (hình 2) mang một số tính cách nhất định của công trình kiến trúc.

Ngoài một số cổng chính được xây dựng bằng vật liệu vững chắc, người ta cũng gặp những hàng rào đơn giản dựng trên các hành lang ngoài để phục vụ việc tuần canh. Phố Jean Dupuis (Hàng Chiếu) có một cổng khá lý thú loại này (hình 3) ở chỗ đối diện với chiếc cổng hiện nay ta vẫn thấy.

Cùng với việc dỡ bỏ những rào cản đó trong nội đô, một việc đóng góp nhiều cho công việc biến đổi cảnh quan khu phố buôn bán, là những tiến bộ thu được trong lĩnh vực đường xá. Sự chật hẹp và bảo trì kém của các đường phố làm cho lưu thông rất khó khăn. Tuy nhiên cần phân biệt giữa phố có người Tàu ở với phố có người An Nam ở: “Phần lớn các phố Tàu được lát ở giữa bằng các tấm đá thô. Vì thế trong những ngày mưa có thể tới những phố này được. Nhưng sự thỏa mái của khách bộ hành lại phụ thuộc vào nhà của những người nghèo. Những nền nhà này chỉ cao ngang mặt đường nên nước chảy ở hai đường bên thường làm ngập các gian thấp hai bên phố.

Các phố An Nam không được lát. Chỉ hơi mưa một chút là đã ngập hàng tấc bùn trong đó lẫn đủ loại rác rưởi dân chúng vứt ra. Các căn nhà không bằng nhau được xây dựng theo những hàng lối khác nhau làm cho phố lồi ra thụt vào. Mi của những mái rạ rủ xuống quá thấp; gian trông ra phố, nói chung, chỉ là những bộ liếp bị buộc ở phía trên và được nâng lên nghiêng nghiêng vào ban ngày nhờ hai que chống. Dưới chiếc lều ụp biến với cả mưa lẫn nắng đó, hàng được bày ra bán”⁵.

Hồi ký của R. Bonnal, trú sứ đầu tiên ở Hà Nội, khẳng định tính chính xác những mô tả trên: “Các phố, nói chung khá hẹp, được lát theo kiểu Tàu, tức chỉ lát phần giữa đường, trên một chiều rộng khoảng 1m,

⁵ Ch. Labarthe, bài *Hanoi, capital du Tong-King*, đăng trên *Revue de Géographie*, tập 13, 1883, trang 93 và 96.

những viên gạch lát vuông bằng đất nung phần lớn bị vỡ hoặc bong ra. Hai bên đường là những rãnh nước bắn tù đọng. Đã thế, những mái hiên rạ che hàng hóa còn làm hẹp lối đi, khiến khách đi lại khó khăn, canggung hoặc người đi ngựa phải bì bõm trong bùn có chỗ sâu hơn 30cm”⁶.

Paul Bourde, thông tin viên báo *le Temps* ở Bắc Kỳ năm 1883, thêm một chi tiết lạ về phố Hà Nội⁷: “Theo nghi lễ An Nam, các phố cổ Hà Nội duy trì một diện mạo rất đặc biệt. Luật đặt vua cao hơn tất cả mọi người, luật đó làm cho một người thiêng liêng đến mức chỉ cần nhìn vào người đó đã phạm tội. Luật còn đi tới chỗ cấm trở của sổ quay ra những phố phòng một ngày nào đó con người thiêng liêng đó sẽ đi qua. Người ta không chỉ để cho mặt trước nhà không có cửa sổ mà còn che chắn nó bằng những cái chái bán mái làm giảm độ rộng của mặt đường, chỉ còn lại một con đường nhỏ hẹp thất nghên làm người ùn lại, đôi khi ngựa khó đi qua”.

Trong những con đường nhỏ hẹp gập ghềnh như vậy, sự náo nhiệt vốn đã rất lớn vào ngày thường lại càng lớn hơn vào những ngày phiên chợ. Trước khi thiết lập nền bảo hộ của Pháp, Hà Nội không có chợ mái che, cũng không có nơi quy định để họp chợ. Cả thành phố biến thành một cái chợ mênh mông ở ngoài trời: “Cứ sáu ngày lại có một phiên chợ Hà Nội. Lái buôn và thợ thủ công đủ các loại từ làng mạc xung quanh kéo tới. Những người bán tơ lụa tới phố Hàng Đào, những người thợ làm cuộc xẻng tới phố Hàng Đồng, những người làm mũ tới phố Hàng Mũ, tóm lại, thợ gì thì tới phố dành cho thợ ấy. Thành phố biến thành một cái chợ mênh mông trong đó người ta đi lại, dạo chơi, chuyện trò, ong ong tiếng của số người gấp đôi số người ngày thường vốn đã đông như kiến. Việc họp chợ chẳng tốn kém gì, chỉ cần thời tiết tốt.

Những người nông dân bày hàng hóa của mình trong chiếc khăn vải hoặc trong chiếc rổ, hoặc ngay trên mặt đất nếu hàng không sợ hư. Ngày xưa, mặt phố tràn ngập người”⁸.

Điều lý thú là dòng người trong phiên chợ Hà Nội được tái hiện như ngày xưa ngày xưa và đã đập vào mắt du khách người Anh Baron ngay từ thế kỷ 17: “Thành phố Ca-Cho⁹ là thủ phủ của Đàng Ngoài... Nó hơn nhiều thành phố khác về mặt dân số, đặc biệt vào ngày 1 và 15 âm lịch là những phiên chợ chính, dân các làng lân cận cùng với hàng hóa đổ tới đông không tưởng tượng được”.

Cái chợ mênh mông giữa trời này chạy dài trong các phố chính tới hai cây số¹⁰. Trong ngày phiên chợ, không thể nào đi lại được ở tất cả các đường phố từ bảy giờ sáng tới hai giờ chiều. Để rẽ được đám đông dày đặc đó, ít ra phải có một ông quan đi qua. Labarthe, người đã có một mô tả dài về chợ Hà Nội trong thời kỳ lãnh sự, kết thúc như sau: “Đột nhiên ở đầu phố, theo bước chân chạy đều đều của hai người lính mặc quần áo đỏ và trong tiếng trống, người ta thấy dân ra một lối đi. Ngay lập tức mọi tiếng động ngừng hẳn. Những người bán hoa quả, thịt lợn, hàng khô, thuốc tể, đồ gốm, hàng cá ... cùng với hàng hóa biến mất như có phép lạ. Mọi người chen nhau vào những nhà xung quanh. Những người không tìm được chỗ thì quì rạp xuống, hai tay chắp lại, đầu cúi gằm. Tất cả thể hiện sự khiếp sợ cùng cực. Một viên quan uể oải nằm dài trên võng theo bước chân chạy đều của phu khiêng. Người ta có thể thấy trên nét mặt viên quan sự ủ ê buồn phiền, một vẻ mặt vờ vịt và che dấu dường như tính cách riêng của những người cầm quyền. Viên quan đi qua rồi, chợ trở lại bình thường. Chiều tối, khi đám đông đã giải tán, ta có thể nói là đã có một đạo quân đi qua phố: nền đất bị các bàn chân nhào trộn với hoa quả nát, cua cá hư, mảnh chum vại vỡ. Giữa những thứ đó là những người nghèo khổ đang tìm kiếm những đồng tiền người mua bán có thể đánh rơi”¹¹ (hình 4).

Để dựng lại đầy đủ bức tranh của khu phố buôn bán nửa thế kỷ trước, cần điểm thêm những nét, may thay,

⁹ Ca-Cho hay Ke-Cho chỉ “chợ”. Đó là tên thường gọi của Hà Nội. Tên này vẫn còn được dùng khi người Pháp can thiệp vào An Nam. Đô đốc Dupré khi viết thư báo cáo cho Bộ Hải quân ngày 28-7-1873 nói “occuper la Citadelle de Ke-Cho ou Hanoi” (“chiếm Thành Ke-Cho hay Hanoi”). Tháng 11-1873, viên chỉ huy tàu Scorpion ở Hongkong khi nhận được bức điện của đô đốc Dupré có nội dung: “Tới ngay Hà Nội và theo lệnh của ông Garnier” đã phải tới Lãnh sự Pháp ở Hongkong để biết có phải Hà Nội là Ke-Cho không.

¹⁰ Dr. Hocquard, sách đã dẫn, trang 173.

¹¹ Labarthe, sách đã dẫn, trang 97.

⁶ R. Bonnal, *Au Tonkin*, Hà Nội, 1925, trang 176.

⁷ P. Bourde, sách đã dẫn. Xem thêm Dr. Hocquard, *Une campagne au Tonkin*, Paris 1892, trang 116.

⁸ P. Bourde, sách đã dẫn, trang 286 – 287.

ngày nay đã biến mất: “Những vùng nước hôi thối ở giữa những nhóm nhà cộng với sự không lành mạnh của thành phố, các băng cướp, hình thành trong thời kỳ đói kém và bất chấp sự canh gác, thỉnh thoảng lại đốt cả một khu phố vào ban đêm để dễ cướp phá”¹² ... Nhưng thôi, chúng ta hãy quay lại những kỷ niệm lịch sử gắn với khu phố buôn bán vào thời kỳ chúng ta nghiên cứu.

Cũng giống như khi nói về Thành Hà Nội, Trường Thi hay Khu Nhượng địa mà không thể không nói tới Francis Garnier và Henri Rivière, ta sẽ không thể nghiên cứu khu phố buôn bán mà không nhắc tới Jean Dupuis, người đã biến khu phố này từ tháng 12-1872 tới tháng 1-1874 thành trung tâm tiếp tế cho đoàn thám hiểm của ông ta.

Rời Hongkong ngày 26-10-1872 với hai pháo hạm, một chiếc tàu hơi nước và một chiếc thuyền buồm lớn cùng với 25 người châu Âu, 150 người châu Á và một lượng vũ khí đáng kể, Jean Dupuis bỏ neo ở Hà Nội ngày 22-12-1872. Sáng hôm sau, ông ta được các thương gia lớn người Tàu của thành phố tiếp trong hội quán “Kouei-kuang”¹³ ở phố Hàng Buồm (chùa Quảng Đông).

Để hai pháo hạm ở lại Hà Nội, ngày 18-1-1873 Dupuis thực hiện chuyến đi Vân Nam đầu tiên. Ngày 30-4, ông ta quay về Hà Nội, được 150 người Tàu trong đội cận vệ *Titai* đi theo hộ tống. Đó là những tay hoạt bát, khỏe mạnh, trang bị súng trường chassepot¹⁴ và mặc đồng phục màu da cam nẹp nhung đen. Cách trang phục này gây ấn tượng mạnh cho người An Nam. Ngày 2-5-1873, Dupuis bố trí cho số cận vệ này ở phố *Thanh-Hà*¹⁵ (Jean Dupuis)¹⁷. Nhật ký hành trình của Dupuis không nói rõ vị trí các ngôi nhà họ đã ở nhưng một số chi tiết¹⁸ cho phép xác định các ngôi nhà này nằm gần chỗ phố Jean Dupuis cắt phố Lataste¹⁹. Các ngôi nhà

này nằm ở đầu một “ngõ nhỏ thông với một phố song song với phố của chúng tôi và bị chúng tôi đóng lại vào ban đêm để tránh mọi bất ngờ”. Ngôi nhà chính nằm chen giữa phố Hàng Chiếu và phố *Án-Sát-Siêu*²⁰; nó chứa tạm 200.000 viên đạn, thuốc súng và hỏa pháo của đoàn thám hiểm vì trong phố *Án-Sát-Siêu* có một con rạch mà Jean Dupuis kể lại khi nói về âm mưu đốt kho thuốc súng của ông ta vào tháng 11-1873. Để tránh những bất ngờ tương tự, Dupuis dựng một vọng lâu khổng lồ chế tất cả các nhà cửa xung quanh. Ban đêm có hai người gác trên vọng lâu.

Ở đầu phố bị Dupuis chiếm, phía ngoài (cửa ô) cổng được bảo tồn hiện nay, tại chỗ bến tàu thủy hiện nay là bến tàu thủy. Đây chính là nơi Francis Garnier đổ bộ lên Hà Nội ngày 5-11-1873 trước hàng lính Vân Nam trong sắc phục đại lễ và cờ xí *Titai*.

Chính những người lính Vân Nam của Dupuis đã phối hợp với Garnier trong việc chiếm thành Hà Nội và sau đó được trao nhiệm vụ tuần cảnh trong khu phố buôn bán.

Sau khi Pháp bỏ các thành ở đồng bằng theo hòa ước Philastre, Dupuis đi Sài Gòn ngày 20-1-1874 nhưng để lại phần lớn nhân viên và vật dụng. Các ngôi nhà của ông ta để cho Rheinart ở. Rheinart nguyên là thanh tra Vụ Các vấn đề bản xứ, nay được bổ nhiệm làm Trú sứ Bắc Kỳ.

Về mặt vật chất, thoát đầu cơ sở để lại khá tốt. Ngày 21-3-1874. Rheinart viết: “Chúng tôi ở bốn căn nhà rười. Số người được chia ra ở trong sáu ngăn trên cùng hơi tối, lối vào chỉ là những cửa sập hoặc thang tre. Tôi cho làm cầu thang. Các sàn khá tồi nhưng chúng tôi không sửa được. Một số người phải ở tầng trệt. Tôi mua một số giường cá nhân nhưng độ ẩm rất cao, nếu không phải chịu độ ẩm đó thì thật là sướng. Khi nước cao chắc chắn những ngôi nhà này sẽ bị ngập: dường như năm nào nước cũng ngập khoảng ba tấc. Các sĩ quan cũng chịu cảnh tồi tệ, cứ hai sĩ quan một được một căn gác xép rộng mỗi chiều 4m, được chiếu sáng bằng hai cửa sổ con”²¹.

¹² Labarthe, sách đã dẫn, trang 94.

¹³ Như nguyên văn; nghi là Quốc quang

¹⁴ Nguyên văn *pagode des Cantonais*.

¹⁵ Tên một loại súng do Chassepot sáng chế được quân đội Pháp dùng từ 1866 tới 1874.

¹⁶ Nay là phố Hàng Chiếu.

¹⁷ Chú của tác giả.

¹⁸ Bài *Journal de Voyage et l'Expédition de J. Dupuis* đăng trên *Mémoires de la Société Académique indo-chinoise de Paris*, tập 2, Paris, 1879, các trang 58, 60, 120 và 173.

¹⁹ Nay là Hàng Giày+Nguyễn Thiện Thuật.

²⁰ Như nguyên văn; nay là *Nguyễn Siêu + Ngõ Gạch*. Các mô tả trên cho phép ta suy ra các ngôi nhà của Jean Dupuis nằm ở đầu con ngõ đi từ phố Hàng Chiếu, qua *chùa Cổ Lương* hiện nay, sang phố Nguyễn Siêu.

²¹ Hồ sơ số 13505, phòng Thống đốc, Cục Lưu trữ trung ương Đông Dương.

Khi đại diện mới của Pháp, lãnh sự Kergaradec, tới Hà Nội năm 1875, họ suýt phạm phải sai lầm lần thứ hai bằng cách sắp xếp cho ông ta ở trong khu phố buôn bán, tại “một dãy nhà san sát nhau” phải thuê trong khi chờ xây dựng nhà trong Khu Nhượng địa. Rất may, các Đại úy Brionval và Dupommier được phép tạm thời nhận khu Trường Thi. Trong suốt thời kỳ lãnh sự, điểm duy nhất trong khu phố buôn bán có người Pháp ở là Văn phòng Thương chính Pháp – Nam, gần Ô Quan Chưởng, tại vị trí nay là lớp Cao đẳng của các trường Pháp – Nam khu vực Bắc Hà Nội²². Tại đó, nhân viên người Pháp có nhà ở riêng²³.

Những sự kiện năm 1883 dẫn tới những đảo lộn sâu sắc trong khu phố buôn bán, trong đó có việc quân Cờ Đen đốt khu phố vào tháng năm. Thư của tướng Bouet gửi cho thống đốc Nam Kỳ cho biết tâm cơ của cuộc bạo loạn: “Tới Hà Nội vào chiều ngày 15-6, tôi thấy thành phố trong tình trạng tan hoang. Trừ một phần nhỏ của khu người Tàu, tất cả bị cháy rụi. Chiều nào bọn cướp cũng tới cướp những thứ còn dùng được. Dân chúng hầu như đã bỏ đi hết và không lộ mặt ra nữa”²⁴.

Sau khi quân Pháp đẩy lùi quân Cờ Đen ở Sơn Tây, dân chúng quay trở về, những công trình sửa sang tu bổ lớn lập tức được tiến hành dưới sự lãnh đạo của trú sứ Hà Nội, Raymond Bonnal. Trong hồi ký của mình, ông đã kể lại các giai đoạn chính²⁵.

Điều đặc biệt gay go cho nhiệm vụ của Bonnal là ông ta gần như không có một khoản tín dụng nào. Ông bổ khuyết sự thiếu hụt đó bằng cách sử dụng các tù nhân có án nhẹ và nhân công do các trưởng phố cung cấp, và buộc các chủ nhà phải làm rãnh và lát hè bằng gạch trước cửa nhà họ. Còn vật liệu để lát lòng đường phố, ông cho phá các ngôi nhà bị quân Cờ Đen đốt ở khu Nhà Chung và ven bờ Hồ Hoàn Kiếm để lấy. Số gạch lấy từ các ngôi nhà này cho phép lát vững chắc một trăm năm mươi phố và ngõ của khu phố. Để mở rộng lòng phố, ông cho phá các chái lán ra đường công cộng, buộc thu ngắn mái che và chỗ bày hàng hóa trước nhà.

Nhờ các hoạt động của ông, chỉ sau một năm, thành phố đã đứng dậy từ những đổ nát. Từ tháng 1-1885, một trong những số đầu tiên của tờ *Avenir du Tonkin* đã ghi nhận: “Vì dân chúng kéo tới luôn luôn gia tăng, thành phố cũ hoàn toàn được xây dựng lại đã trở nên quá nhỏ. Cả người châu Âu lẫn người bản xứ không tìm được chỗ ở nữa, hàng ngày có khoảng một hay hai nhà của người An Nam được xây dựng. Việc sửa chữa và mở rộng các phố đã bắt đầu. Công tác làm sạch thành phố đang tiếp tục”.

Trong những năm tiếp theo, nhiều sự cải thiện mới được thực hiện trong đó đáng chú ý là việc xây dựng, theo nghị định 6-4-1888, các chợ có mái che ở phố Hàng Tre, phố Đồng Xuân²⁶ (rue du Riz), phố Đường Thành²⁷ (rue de la Citadelle) và Hàng Bài²⁸.

Từ năm 1884 tới năm 1888, trong khi một khu phố mới, manh nha cho khu phố Pháp hiện nay, hình thành giữa Khu Nhượng địa và Hồ Hoàn Kiếm, thì người ta sử dụng trên quy mô lớn những ngôi nhà còn dùng được trong khu phố buôn bán. Chính trong bối cảnh đó mà tòa Trú sứ đầu tiên của Pháp ở Hà Nội được đặt ở phố Hàng Gai (rue du Chanvre) tại chỗ bây giờ là *Imprimerie Tonkinoise*²⁹ của ông Lê Văn Phúc. Phía trước nó chỉ là một cái nhà trệt khiêm tốn, lợp bán mái, hồi nhà bó bằng những bờ gấp răng cưa đặc trưng cho các nhà cổ ở Hà Nội. Trước nhà trồng hai cột cờ (hình 3) và người ta đọc ở tám biển hình ô van treo trên tường hàng chữ “Dinh Trú sứ Pháp”³⁰.

Ngày nay, ngôi nhà trông ra phố đã hoàn toàn biến đổi. Bù lại, ngôi nhà chính nằm sâu trong một khu vườn nhỏ kiểu Tàu vẫn còn giữ được những cột gỗ lim với những đường trạm trở trắng lẹ (hình 5).

Chính tại đây Bonnal đã bố trí phòng khách, một tụ điểm rất được các sĩ quan của đạo quân viễn chinh năm 1884 ưa thích. Căn phòng lịch sử này (hình 6) đã được giữ gần như nguyên trạng những gì có cách đây bốn

²² Nay là trường Trần Nhật Duật.

²³ Hồ sơ số 10119, phòng Thống đốc, Cục Lưu trữ trung ương Đông Dương.

²⁴ *Archives Historiques de l'Etat Major. Registre de correspondance* từ 9-6 tới 10-9-1883.

²⁵ R. Bonnal, *Au Tonkin*, Hanoi, 1925, trang 177

²⁶ Chợ Hàng Bài còn gọi là Chợ Mới; chợ nằm tại vị trí nay là Tràng Tiền Plaza.

²⁷ Tạm dịch *Nhà in Bắc Kỳ*.

²⁸ Nguyên văn “*Résidence de France. Chancellerie*”.

mười lăm năm³¹, y như cho thấy trong một bức vẽ vào thời đó của Paul Bonnetain, thông tín viên của tờ *Temps* ở Hà Nội³².

Cũng chính trong khu phố buôn bán đã thành lập nhà in đầu tiên (ở phố Hàng Bông), trường học đầu tiên (ở phố Mã Mây), hội quán Hội Tam điểm đầu tiên (cũng ở phố Mã Mây), đồn Hiến binh đầu tiên (ở phố Hàng Bè, sau đó ở phố Hàng Bồ). Nói chung các nhà buôn lớn đều ở khu này, trong phố Hàng Chiếu. Tại đây họ có lợi thế là gần bến tàu hàng.

Cuối cùng, trong nhiều năm, khu phố buôn bán là nơi duy nhất của thành phố có một địa điểm đủ lớn cho những cuộc tụ hội hoặc tiệc tùng. Địa điểm đó là đền Quảng Đông, ở nhà số 22 phố Hàng Buồm. Chính tại

đây đã diễn ra bốn phiên họp đầu tiên của Ủy ban Nghiên cứu công thương nghiệp Bắc Kỳ do Paul Bert thành lập năm 1886. Theo quy định, ngày 14-7 hàng năm có một bữa tiệc lớn tại đây. Các bữa tiệc kèm theo khiêu vũ đã được tổ chức tại đây nhiều lần, nhất là bữa tiệc mừng tướng Munier vào tháng 8-1887. Nhân dịp này, tờ *Avenir du Tonkin* mô tả quang cảnh huyền ảo của ngôi đền cổ được chiếu sáng “bằng một nghìn hai trăm ngọn đèn dầu, ngoài đuốc, đèn lồng và đèn chùm”.

Gần đây, đền Quảng Đông được xây dựng lại. Không còn gì trên các bức tường cổ, những bức tường làm khung cho nhiều cảnh từ buổi tiếp khách đầu tiên của Jean Dupuis ngày 23-12-1872, và được xem là những chứng vật lý thú nhất của thời kỳ chinh phục.

³¹ Tức là cho tới năm 1884.

³² Phiên bản trong bài *P. Bonnetain*, đăng trên *l'Etrême Orient*, Paris, trang 275.

ẢNH MINH HỌA CỦA TÁC GIẢ

Các hình dưới đây do Masson chọn để minh họa cho bài viết của mình; chúng tôi đặt chúng ở cuối bài đúng như nguyên bản, mỗi ảnh đều có chú của ông.

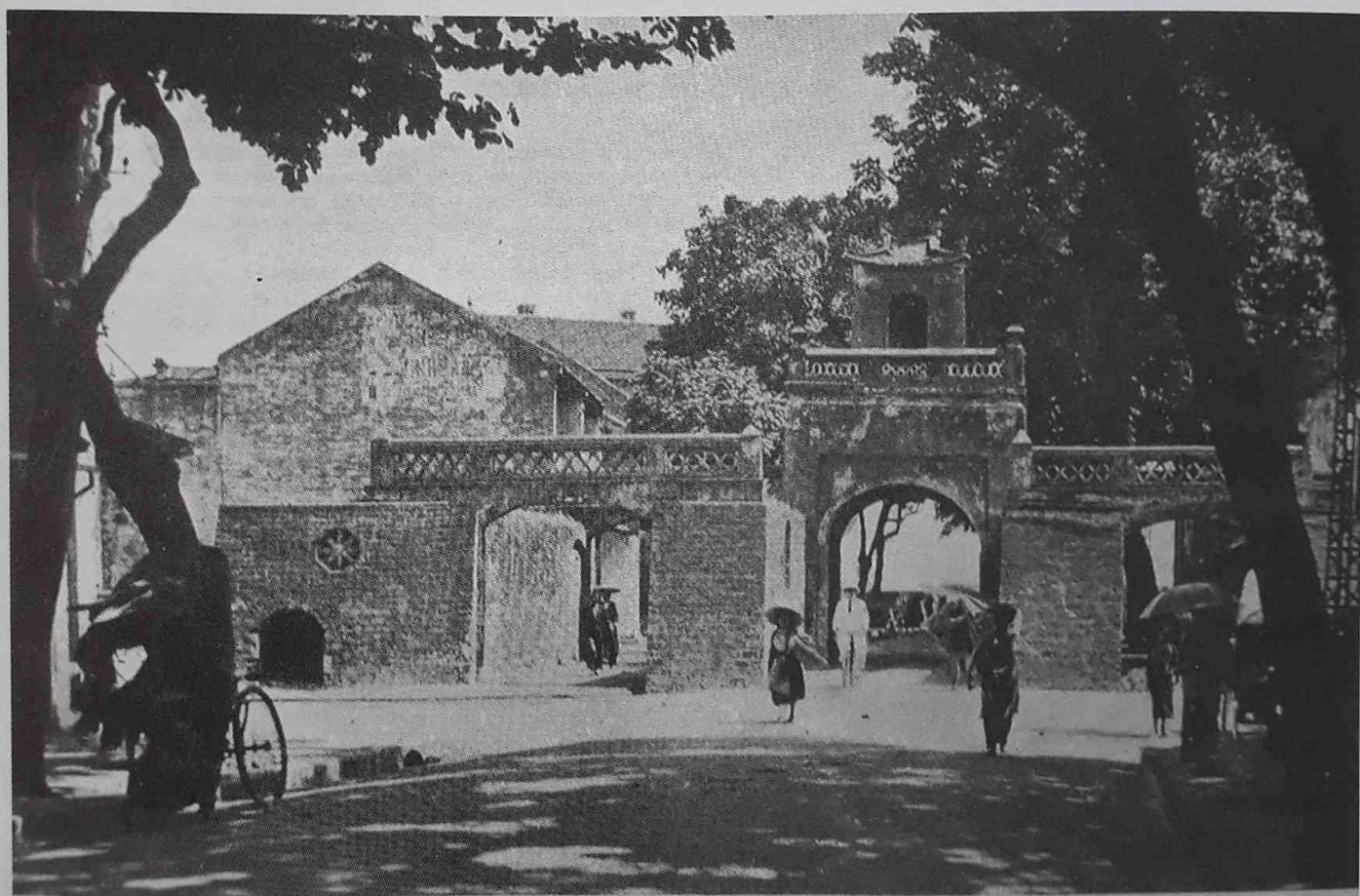
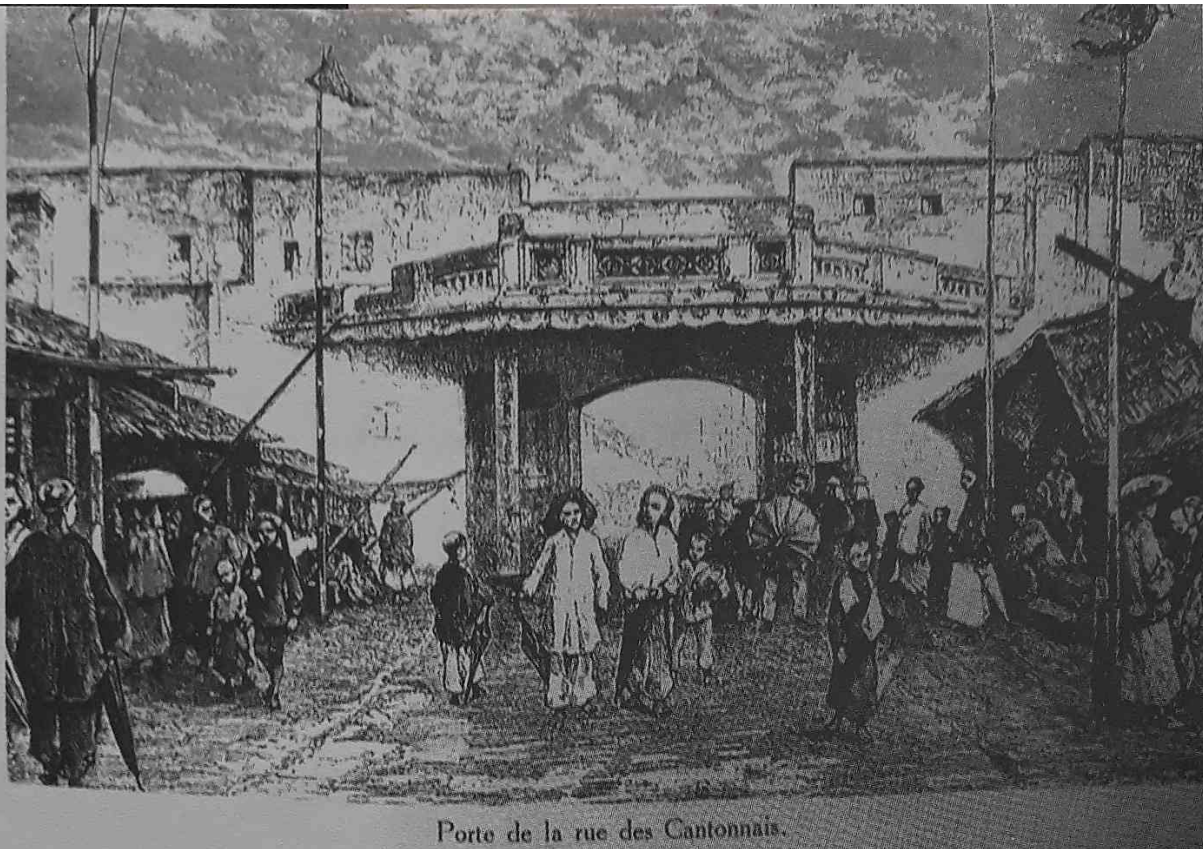


Photo Gouvernement général.

Hình 1.- Cửa Ô Quan Chưởng³³.

Bản kẽm của Phủ Toàn quyền.

³³ Nguyễn văn Porte de la rue Jean-Dupuis.



Porte de la rue des Cantonnaires.

▲ **Hình 2.- Cổng phố Hàng Ngang**³⁴.

Tái tạo lại từ một tranh khắc minh họa cho tác phẩm *Une campagne au Tonkin* của bác sĩ Hocquard, NXB Hachette, Paris, 1882, trang 41, với ghi chú: "Porte de la rue de Canton". Kích thước: 18,5cm x 16cm.

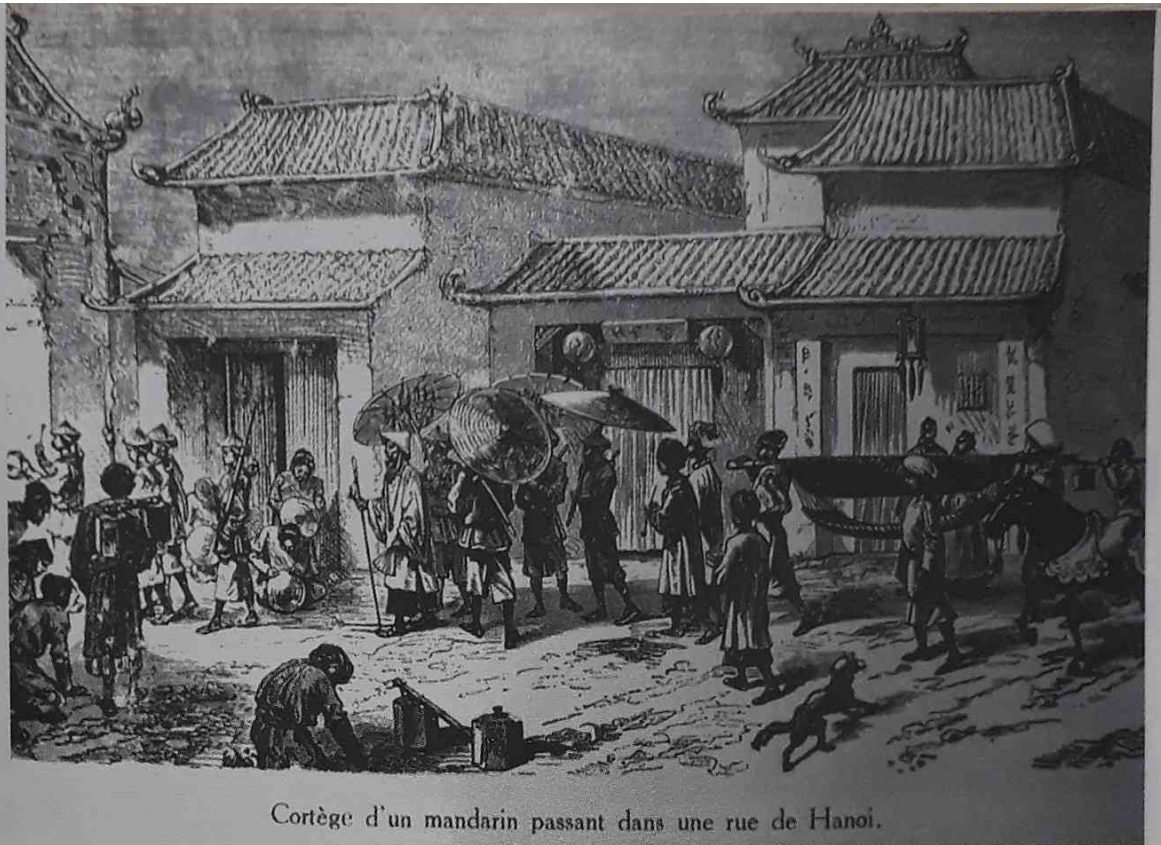
▼ **Hình 3.- Cảnh cũ trên phố Hàng Chiếu.**

Bản kẽm của Viện Viễn Đông Bắc Cổ Pháp in lại bức tranh khắc gỗ của A. Deroy trong tập san *Illustration*, mà tập san này cũng in lại từ bài *L'expédition Dupuis du Fleuve Rouge* của E. Millot (*Les Annales d'Extrême-Orient*, 1880-1881, trang 216). Kích thước: 218mm x 146mm.

Phía trước là một cổng nhỏ bằng gỗ; đó chỉ đơn giản là một hàng giậu, phía trên có chòi canh. Phía xa là chiếc cổng gạch lớn ngày nay vẫn còn.

³⁴ Nguyên văn *Porte de la rue des Cantonnaires*.





Cortège d'un mandarin passant dans une rue de Hanoi.

▼ **Hình 5.- Tòa Trú sứ đầu tiên của Pháp ở Hà Nội, tại phố Hàng Gai, năm 1884.**

Hình in lại theo một bản thuộc Thư viện Trung ương của Đông Dương do bác sĩ Hocquard chụp năm 1884 và do Cremnitz công bố. Kích thước: 240mm x 175mm.

Văn phòng của tòa Trú sứ là ngôi nhà đầu tiên ở bên phải, phía trước có hai cây cột. Trên tường mặt tiền treo phù hiệu hình ô-van ghi dòng chữ: "Trú sứ Pháp, Hà Nội". Có thể thấy cuối phố bị chặn lại bởi một cái cổng. Có một ngôi chùa nhỏ, mà ta có thể nhận lá cây ở phía trước cổng vào, hiện nay vẫn còn³⁶.

Theo những thông tin mà ông Piglowski đã nhả nhận cung cấp cho chúng tôi, những người Pháp trong ảnh từ phải sang trái là: bác sĩ Hocquard (quần áo da đen, cầm ô, đứng sát cây cột); trú sứ Bonnal (quần vải trắng, áo dạ đen); viên chương ấn Aumoitte (quần áo vải trắng), ông Perez de Castera (cầm cần), ông Piglowski (quần áo trắng).

³⁶ Chùa Vũ Đông. Từ vị trí của chùa, ta suy ra khoảng phía sau hoặc ngay sau chiếc xe kéo một chút là chỗ rẽ vào phố Lương Văn Can hiện nay.

▲ **Hình 4.- Nghi vệ của ông quan qua một phố Hà Nội.**

Hình in lại một tranh khắc gỗ minh họa bài La conquête du Delta du Tong-King của Romanet du Caillaud đăng trên tập san Le Tour du Monde, 1877, tập II, trang 297, với ghi chú: "Phố Hà Nội và nghi vệ của một viên quan to. - Tranh vẽ của A. Ferdinandus dựa theo phác thảo của ông P****³⁵".

Kích thước: 238mm x 160mm.

Điều lí thú là sự gần đúng của bức tranh này với những mô tả của Labarthe mà chúng tôi đã dẫn lại trong chương này.

³⁵ Như nguyên văn. Chắc vì lí do nào đó bác sĩ Hocquard tránh nhắc đến tên thật của tác giả.



Photo Cremnitz.

La première Résidence de France à Hanoi, rue du Chanvre, en 1884.

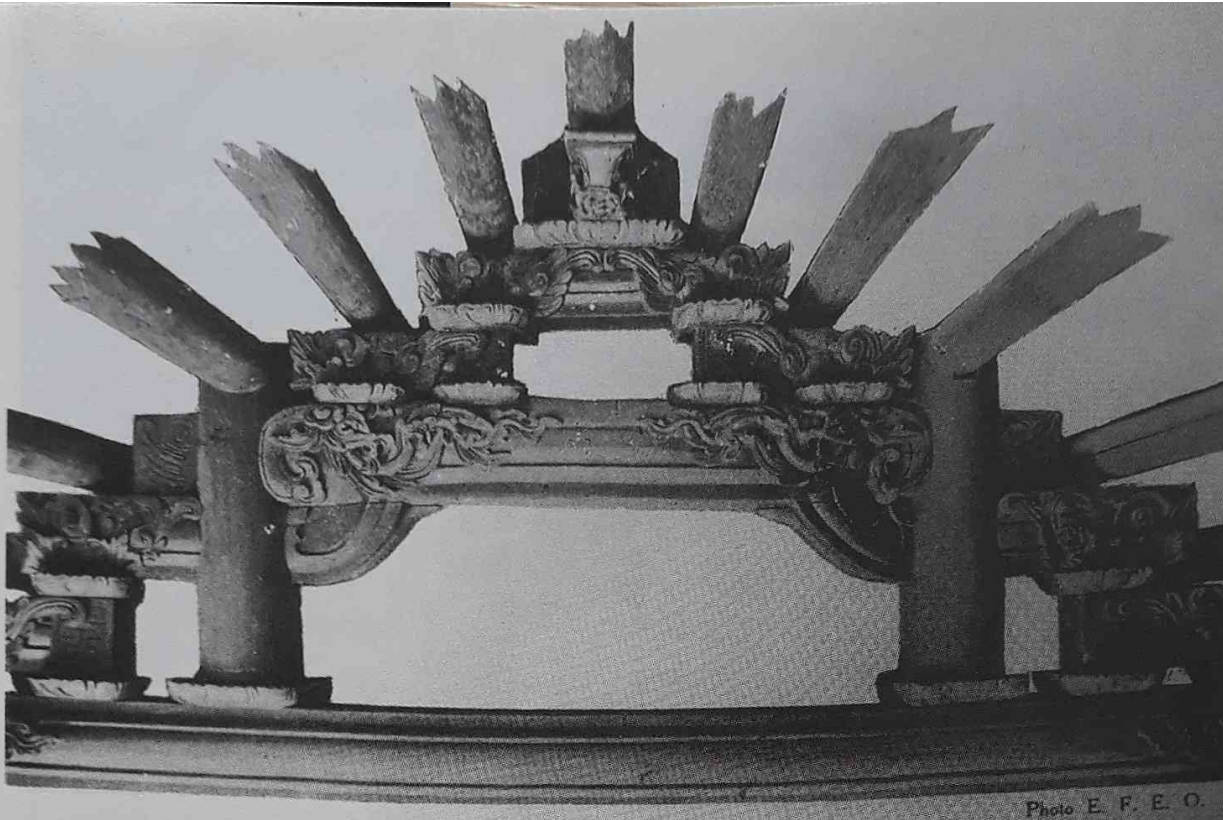


Photo E. F. E. O.

▼ **Hình 7.**- Tòa Trú sứ đầu tiên của Pháp ở Hà Nội: Phòng khách cổ của ông Bonnal
Bản kẽm của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp (thực hiện tháng 1-1929 dưới sự chỉ đạo của ông Chavanieux).
Vị trí chính xác của Tòa Trú sứ cũ ở phố Hàng Gai trên sơ đồ của ông Montelambert.

▲ **Hình 6.**- Tòa Trú sứ đầu tiên của Pháp ở Hà Nội: chỉ tiết sườn nhà.

Bản kẽm của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp (thực hiện tháng 1-1929 dưới sự chỉ đạo của ông Chavanieux).
Dưới bộ sườn nhà đẹp này là phòng khách cổ của Trú sứ mà ảnh trước không thể cho cho thấy được do thiếu chỗ lùi cho người chụp.

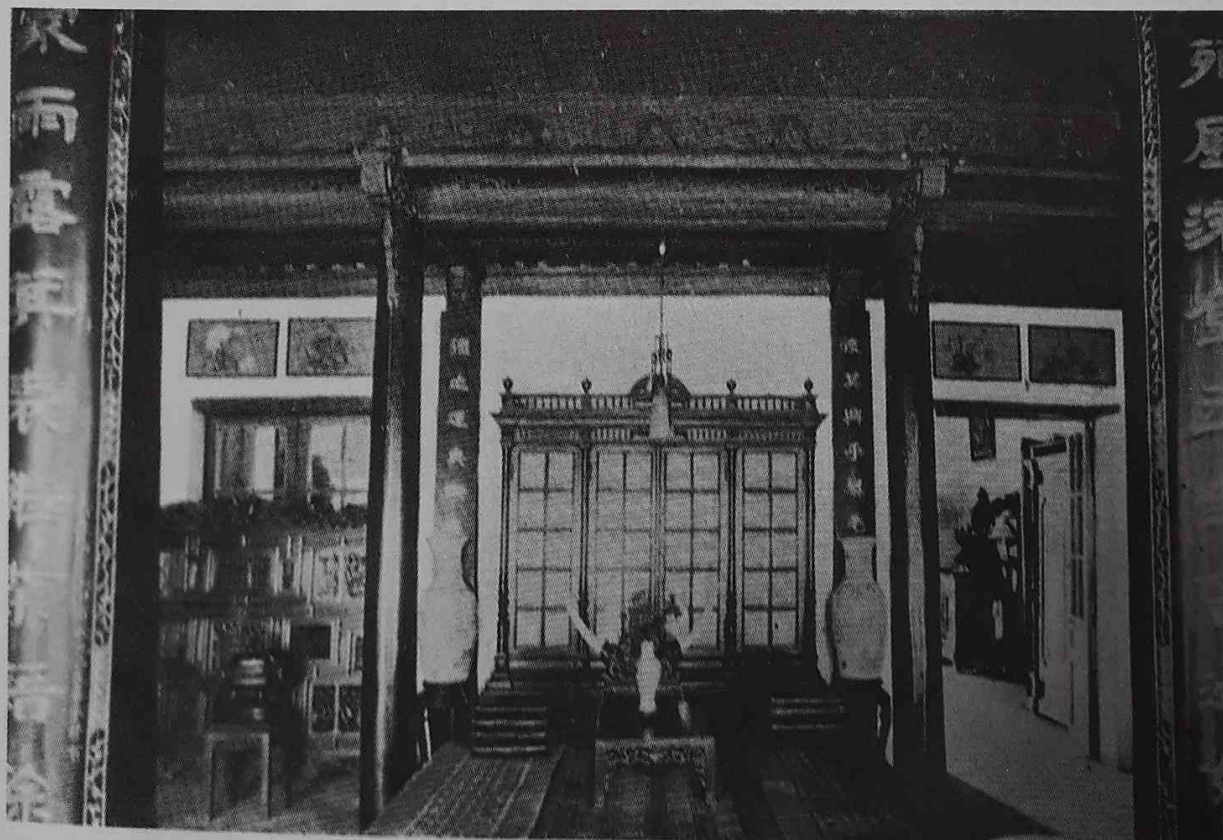


Photo E. F. E. O.

La première Résidence de France à Hanoi : L'ancien salon de M. BONNAL.

TƯ LIỆU ẢNH:

NHÀ CŨ, PHỐ CŨ

Tiểu dẫn: Nhà và phố của khu bán xú hay khu thương mại, nay gọi là khu phố cổ, là một đề tài rộng lớn, không biết nói thế nào cho đủ. Nhưng dưới đây là một đoạn, tạm đủ cho đề tài này, trích từ cuốn *Une campagne au Tonkin* của bác sĩ Hocquard:

“Nhà ở của người An Nam hẹp và sâu; khi quan sát mặt phố, ít người ngờ rằng mặt phố che dấu nhiều ngôi nhà to lớn ở phía trong, ngăn cách nhau bởi các sân. Mái nhà lợp ngói men được đặt trên hệ thống rầm, kèo. Nếu là nhà của quan to, đầu rầm được chạm, khắc. Nếu nhà chỉ của những người buôn bán giàu có, chúng được trang trí những chữ nho viết bằng mực đen hoặc mực đỏ những chữ như An Lạc Thịnh Vượng¹ hoặc Vạn thọ² và nhiều câu nữa chúc chủ nhà.

Nói chung, mái rất nghiêng và đua ra khá xa trên phố. Mái được đặt trên hai tường hồi³; hai bức tường này lại cao vượt lên trên mái⁴ khoảng hai mét làm thành những tấm vuông vức như bậc thang. Không ai có thể giải thích cho tôi cái kiểu hồi nhà kì lạ đó. Tôi nghĩ rằng những vật nhô lên như vậy là để bảo vệ mái khỏi những cơn gió bão mỗi khi gió mùa thay đổi⁵.

Để che kín những gian riêng, chủ nhà thường cho một người buôn bán nhỏ thuê gian quay ra mặt phố để đặt cửa hàng. Sau cửa hàng là sân, rồi tới một gian kho làm nơi chứa hàng hoặc, thường hiếm hơn, dùng làm chỗ ở của người thuê và gia đình.

Sau khi qua gian kho, ta gặp một chiếc sân thứ hai rộng lớn hơn, thường được biến thành hoa viên với các loài cây hiếm trồng trong các chậu men.

Rủ trên một chiếc bể có những con cá đỏ bơi lội thường là những cảnh đào, cảnh dây lông chim.

Sau cái hoa viên trong nhà như thế này là căn hộ của người chủ An Nam giàu có. Trước hết căn hộ có một gian kiểu như phòng khách để chủ nhà tiếp người nước ngoài, các bạn hàng, những người tới thăm không phải loại thân mật. Gian này trông ra hoa viên qua một cửa rộng có khung được trang trí những họa tiết chạm khắc rất đẹp trên gỗ quý, hoặc những tranh vẽ hoa, quả, chim bằng những màu tươi.

Phòng khách là phòng lớn nhất và được trang trí đẹp nhất trong nhà. Tại đây, chủ nhà tiếp khách, mời bạn bè uống trà, ăn cỗ, xem hát. Trên tường treo những bức trướng bằng gỗ cấm lai trên cần những câu chữ nho, rút ra từ sách cổ, bằng xà cừ to cỡ từ 10 tới 12 xentimét, hoặc hoa lá, chim chóc, rất đẹp mắt. Nếu chủ nhà là một ông quan thì trong phòng khách có lọng, thẻ bài cho biết phẩm trật của quan, những thanh gươm lớn cấm trong bao gươm khảm xà cừ, tay gươm bằng đồng khảm men huyền; những thứ này được đặt trước chủ chúng mỗi khi làm lễ trước dân chúng. Tại gian này còn có bàn thờ tổ tiên mà phía trước bao giờ cũng thắp một ngọn nến hồng hoặc những nén hương cấm trong chiếc bình hương bằng đồng.

Sau phòng khách là phòng của phụ nữ và những người khác, nhà bếp. Cuối cùng là sân sau có cửa trở ra một phố vắng tanh. Như vậy, nhà An Nam nào cũng có cửa thứ hai, nằm đối với cửa chính của nhà người khác.

¹ Tạm dịch từ nguyên văn *Joie et prospérité*.

² Tạm dịch từ nguyên văn *Mille ans et mille vies*.

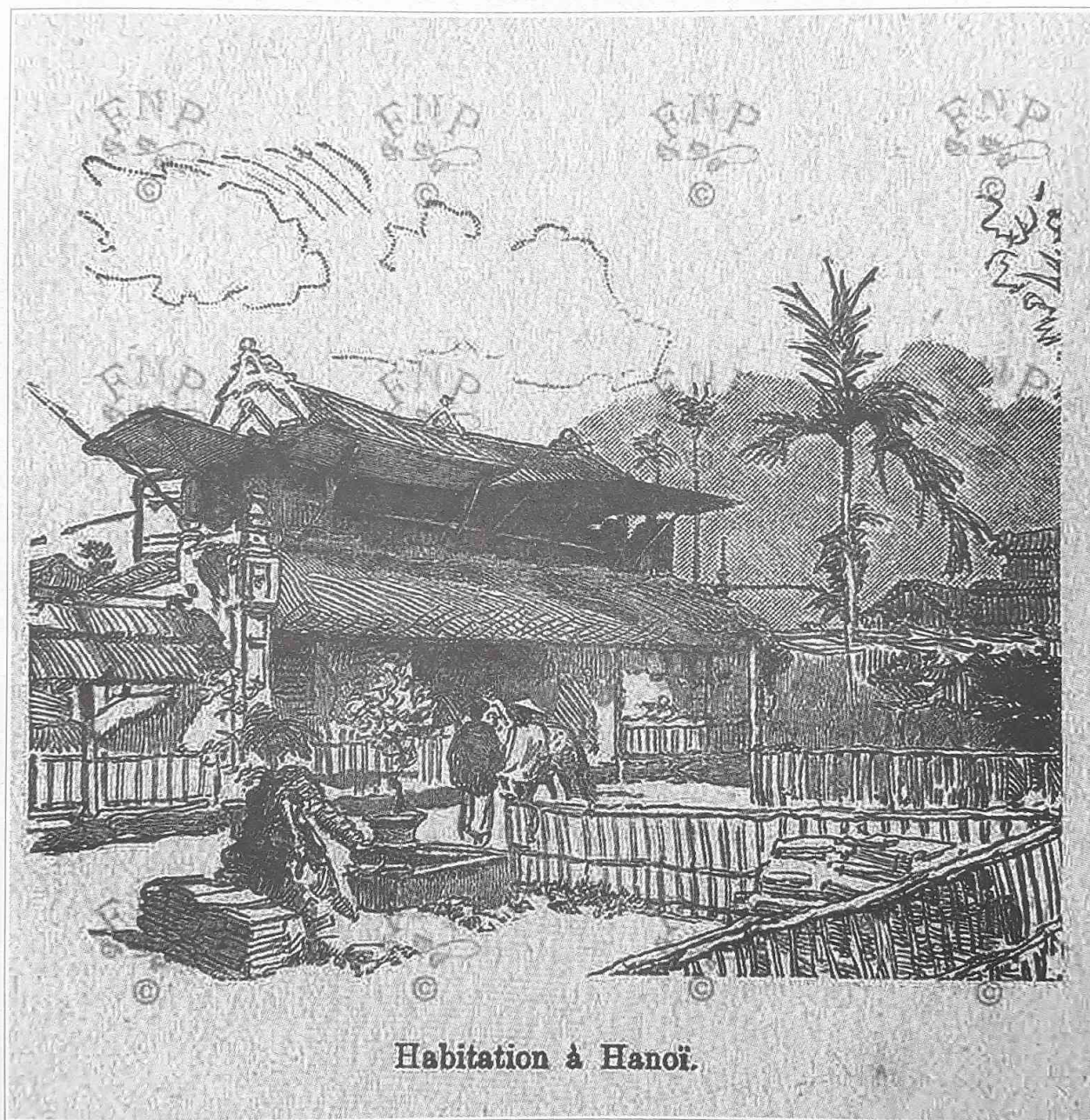
³ Như vậy các nhà có tường riêng.

⁴ Ở hai hồi nhà, ngày xưa cũng ngày nay, bao giờ người ta cũng xây một hàng gạch ở phía trên mái để dè lên các đầu xà; hàng gạch này lại hơi đua vào trong một chút để phủ lên một phần các viên ngói ở hai đầu để khỏi dột. Ngày nay, hàng gạch này nghiêng theo đúng như chiều nghiêng của mái, nhưng ngày xưa hàng gạch này lại cao hẳn lên như mô tả của tác giả ở phía dưới. Ngày nay, kiểu hồi nhà như thế này chỉ còn gặp ở các chùa.

⁵ Theo Philippe Papin, những mảng hồi này dùng để ngăn chặn, mỗi khi có hỏa hoạn, lửa từ hàng xóm lan sang.

Nhà nào cũng chỉ có một tầng trệt. Chỉ một số nhà người ta làm thêm một tầng sát mái⁶ leo lên bằng một chiếc thang dốc đứng. Đây là chỗ chủ nhà leo lên để ngủ trưa hoặc hút thuốc phiện.

Luật cấm dân thường, thậm chí cả quan, xây nhà có tầng lầu”.



Nhà Hà Nội (1)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

"Mặt trước của các nhà tầng, mà mái chồng lên nhau như bậc thang, hoàn toàn không có cửa sổ nhưng lại có những tấm liếp bằng tre thay cho một phần cửa và vươn ra phố" (Bác sĩ Hocquard, Une campagne au Tonkin).

⁶ Ngày nay gọi là "gác lửng".



▲ Nhà Hà Nội (2)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Nhà Hà Nội (3)

Nguồn: indochine à la belle époque

Đây là ảnh ngôi nhà của ông Vũ Huy Quang ở 102, phố Hàng Gai, năm 1909. Nó được làm theo kiểu lai giữa kiểu ta và kiểu Tây.

Người ta thấy ít khi người Việt Nam gửi bưu thiếp, nhưng tấm bưu thiếp này là một ngoại lệ. Chắc nó đã được ông Quang gửi cho cấp trên đang nghỉ ở Pháp.



L'habitation de M. Vu Huy Quang au 102 rue du Chanvre à Hanoï en 1909. Il est très rare que les Annamites envoient des cartes postales. Celle-ci fait exception. Elle est probablement adressée à son supérieur français en congé en France, par M. Vu Huy Quang qui habite une maison au style métissé.

TONKIN

Collection R. Moreau, Hanoi

190. - HANOI - Une rue indigène (route de Hué)

▲ Đường Huế

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Đường phố

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



Gánh nước phong-ten

Nguồn: <http://nguyentl.com>

Từ khi Tây sang, mới có máy nước công cộng gọi là phong-ten¹, sau này gọi là máy nước, đặt ở hè đường phố cho mọi người dùng chung.

Số lượng máy nước công cộng rất ít, như cả phố Hàng Bạc mới có một cái máy nước đặt ở trước số nhà 76. Máy nước lúc nào cũng đông người đến lấy nước tới 10 giờ tối. Nhà nào không có đầy tớ gánh nước thì phải thuê gánh. Có nhiều người (chỉ đàn bà) chuyên làm nghề gánh nước thuê và bán nước.

Mỗi gánh nước, quãng năm 1927-1928, giá 1 xu. Thùng nhỏ, làm bằng tre, đáy thùng bằng gỗ. Mỗi thùng đổ ra được đầy hai thau nước. Thùng của nhà sấm to gấp đôi thùng của người bán nước và làm bằng sắt hoặc thiếc, hoặc thùng dầu tây cũ rửa thật sạch, rất nhẹ, các cô sen (đầy tớ gái) cũng gánh được.

Nhà nào ở gần máy nước công cộng thì rất khó chịu. Cả ngày nghe thùng chạm nhau loảng xoảng, tiếng cãi nhau, hò hét chửi nhau, có khi đánh nhau vì tranh nhau lấy nước. Những cửa hàng có tủ kính bày sát hè gần máy nước công cộng rất sợ mấy anh xe du côn dùng đòn gánh đánh nhau, liệng luôn đòn gánh trúng kính tủ hàng. Nếu đầy tớ ra lấy nước thì anh nào cũng bênh chủ, thành ra gây khó cho chủ vì các chủ cùng phố đều là người cùng làng.



¹ Từ tiếng Pháp *fontain*, có nghĩa là "đài nước"

Phố Mã Mây

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Đường phố xinh đẹp này, in mãi những kỷ niệm về bằng cướp Cờ Đen trứ danh và kinh hoàng, tàn phá miền Bắc Đông Dương. Số nhà 51 phố Mã Mây là nơi Hội Tam Điểm đặt hội quán đầu tiên ở Hà Nội cho tới năm 1905, nơi lui tới của những người Công giáo. Phố

Mã Mây nối với phố Hàng Buồm, nơi có hội quán Quảng Đông, điểm duy nhất của thành phố có một hội quán đủ lớn cho những cuộc tụ hội hoặc tiệc tùng của người Pháp. Có thể thấy những người lính Pháp đội mũ trắng ở phía xa.

Đây là mô tả của bác sĩ Hocquard trong cuốn *Une campagne au Tonkin* về phố này: "Trong những phường giàu có như ở phố Cờ Đen, nơi tập trung các hãng buôn quan trọng của người Trung Quốc, các phố được giữ gìn tốt và hai bên phố có những ngôi nhà đẹp bằng gạch. Mặt đường, làm dốc về hai bên, được lát bằng những tấm đá to; hai bên đường có những rãnh hẹp và sâu dùng để thoát nước mưa và nước thải".





▲ Phố Hàng Mắm

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

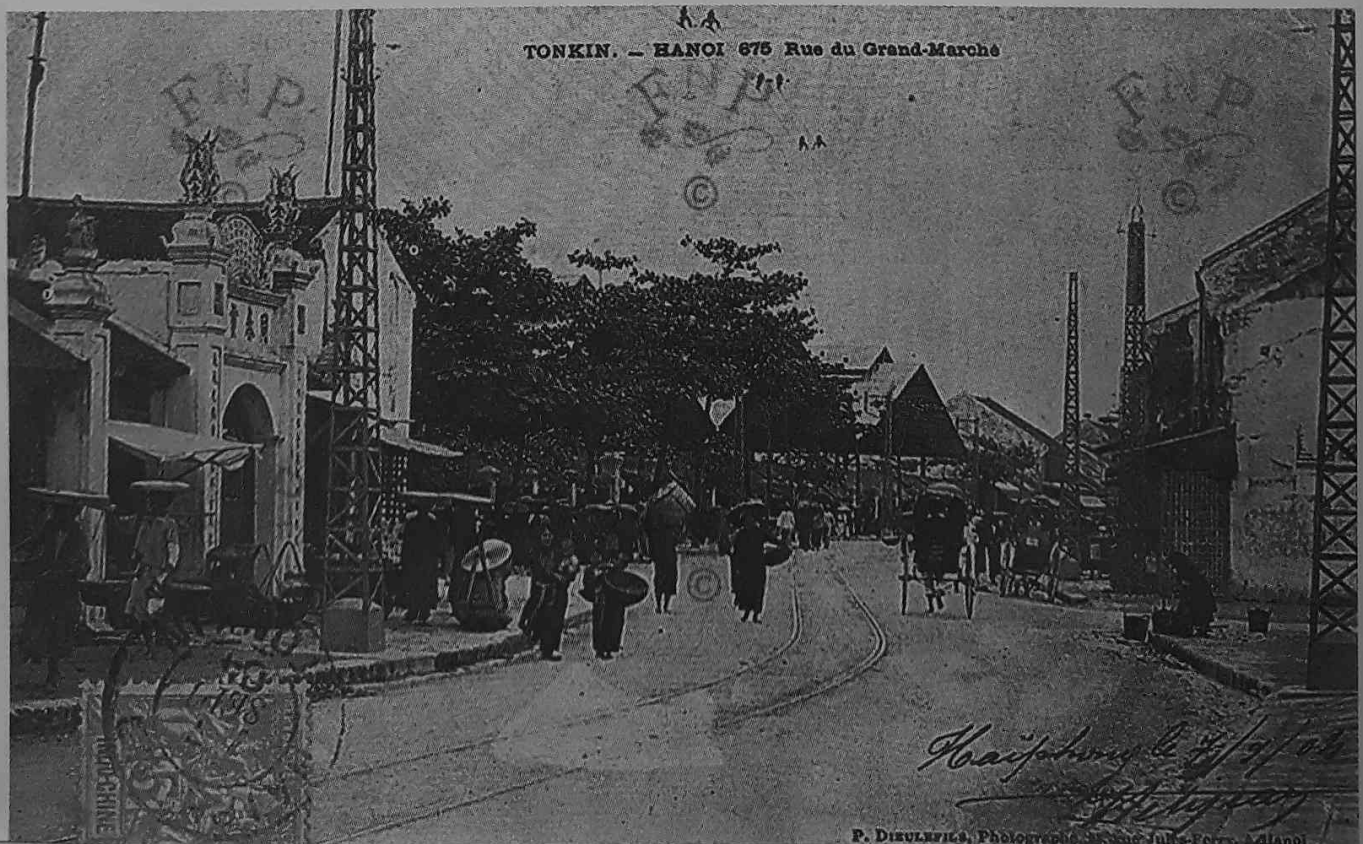
"Chúng tôi vòng qua phía sau Sở Đoàn về đi về phía Hàng Mắm. Chúng tôi vào phố qua một chiếc cổng ngày xưa là một cổng trở ra từ lũy bảo vệ² xây bằng gạch dày tới hai mét. Mặt trước của các nhà tầng, mà mái chồng lên nhau như bậc thang, hoàn toàn không có cửa sổ nhưng lại có những tấm liếp bằng tre thay cho một phần cửa và vươn ra phố. Tại phố Hàng Mắm, người ta bán nước mắm và hàng khô. Trong các cửa hàng, người ta treo thành dãy hàng trăm con vịt đã rút xương, dân kĩ và hun khói; hàng chống cá biển, được xử lí như cá trích hun khói, được treo vào xà nhà; các chum nước mắm tỏa ra khắp phố một thứ mùi buồn nôn" (Bác sĩ Hocquard, Une campagne au Tonkin).

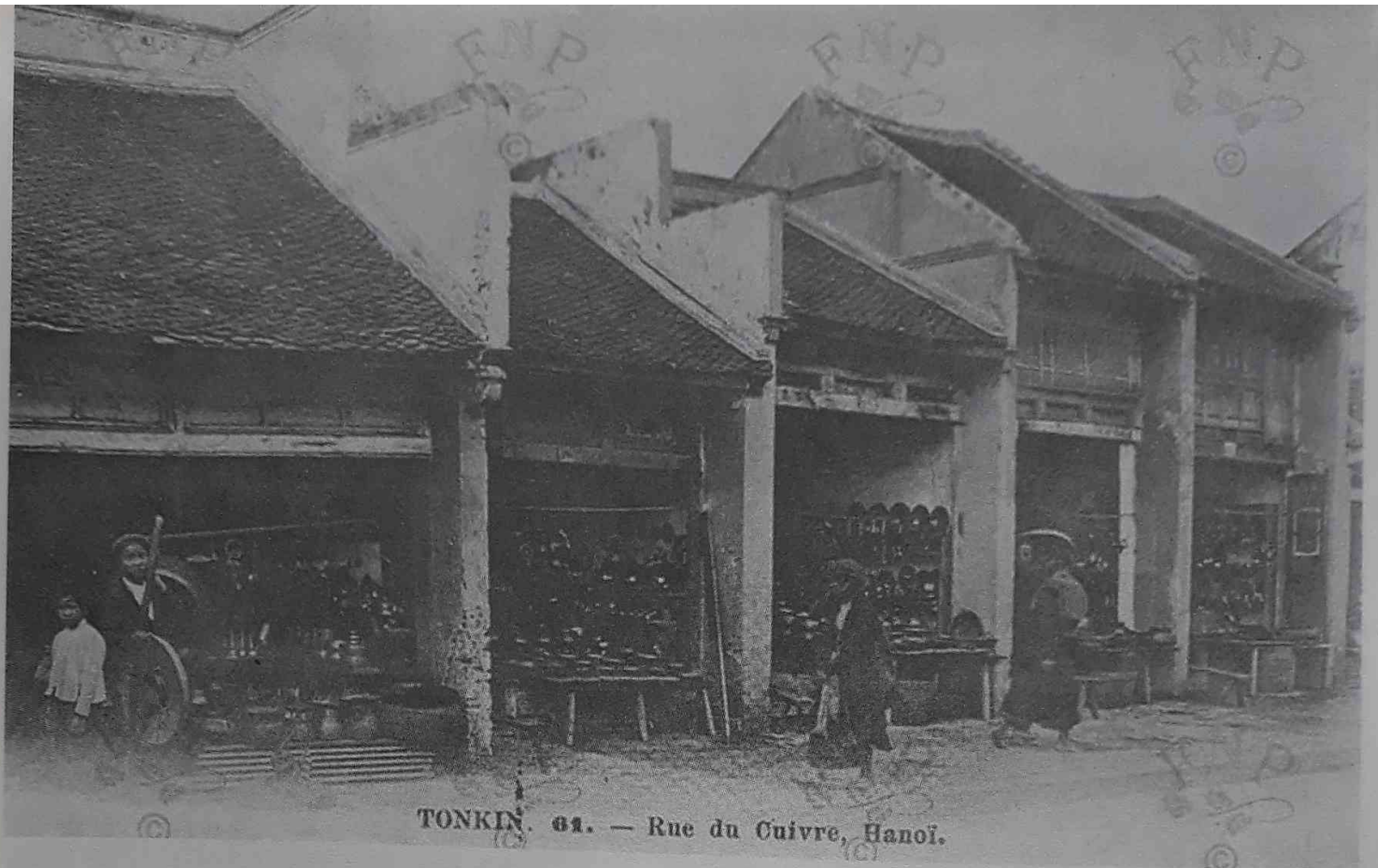
▼ Phố Đồng Xuân

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Ảnh cho thấy Chợ Đồng Xuân chưa có mặt tiền. Ngôi chùa bên trái, cho tới những năm 60 của thế kỉ trước, vẫn còn.

² Theo Philippe Papin, phố Hàng Mắm hiện nay gồm phố Hàng Trung và phố Hàng Mắm ngày xưa, và "chiếc cổng ngày xưa là một cổng trở ra từ lũy bảo vệ" mà Hocquard thấy không nằm ở đầu phố Hàng Mắm mà nằm quá về phía Bắc khoảng vài trăm mét, chỗ phố Hàng Chiếu đâm ra.





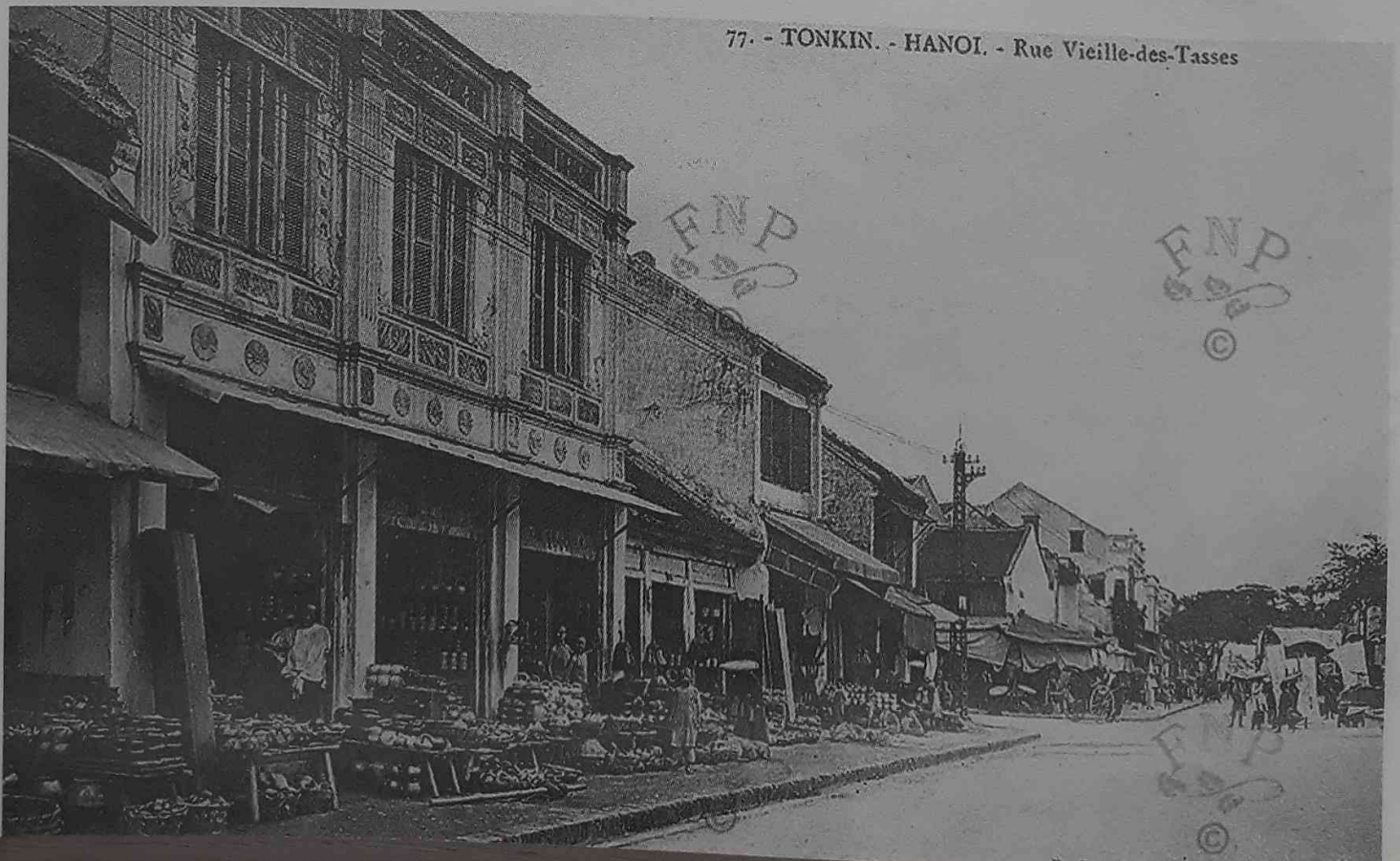
TONKIN. 61. — Rue du Cuivre, Hanoi.

▲ Phố Hàng Đồng

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Phố Bát Đàn

Nguồn: <http://hanoilavie.com>



77. - TONKIN. - HANOI. - Rue Vieille-des-Tasses



▲ Bến xe điện Bờ Hồ nhìn từ phía vòng xoay gần Thủy Tạ
 Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Phố Hàng Đào
 Nguồn: <http://hanoilavie.com>





▲ Phố (1)

Nguồn: <http://nguyentl.com>

Đây là một phố nằm trên trục Bắc – Nam và chạy qua trước chợ Đồng Xuân. Điểm đặc sắc của bức ảnh là sự xuất hiện các "nhân hiệu trình tào" như các con vịt, trâu, cá... mà Thạch Lam đã mô tả trong tác phẩm **Hà Nội ba mươi sáu phố phường** của mình: nhiều khi khách bộ hành bực mình vì vướng phải những con cạp, con voi... cứ càng ngày càng to ra vì sự tức nhau của các ông chủ hiệu.

▼ Phố (2)

Nguồn: <http://nguyentl.com>





▲ Hà Nội 1946

Nguồn: Indochine française 1856 – 1956,
Eric Deroo – Pierre Vallaud

▼ Phố Hàng Buồm những năm 50 thế kỉ trước

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Thời kì này được gọi là thời kì tạm chiếm với đặc điểm phồn hoa giả tạo,
sống tạm bợ và chờ đợi.

Phố tập trung nhiều hàng ăn của người Tầu, nổi tiếng nhất là Mỹ Kinh, Sán Nhiên Đài.



TƯ LIỆU ẢNH:

CHỢ VÀ NGHỀ



Chợ Đồng Xuân

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



14. - Le Marché du Grand Bouddha
à HANOI (Tonkin)



▲ Chợ Quán Thánh

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Chợ nằm sau Đền Quán Thánh, và thông ra phố Quán Thánh. Ống khói
sau chợ là ống khói của nhà máy gạch ven hồ Trúc Bạch.

▼ Chợ Sinh Từ (nay là Nguyễn Khuyến)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>



4. - Le Marché
de la Route de Sinh Từ
à HANOI (Tonkin)





▲ Chợ Cửa Nam

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Những gánh hàng xén

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Đây là ảnh do bác sĩ Hocquard chụp minh họa cho bài bút kí của ông, theo đó rất có thể hai tòa nhà cao ở phía xa nằm trên phố Bát Sứ. Ông viết trong cuốn *Une campagne au Tonkin*:

"Cạnh phố Bát Sứ, rất gần Thành, có một khoảnh đất nhỏ những người bán hàng xén hay ngồi bán hàng. Xem kĩ hàng của họ ta thấy những thứ rất lạ; họ bán cho khách hàng chạy ra mua những thứ để tắm gội, những thứ gia dụng; năm phút ngắm các gánh hàng cho ta biết về lối sống của người An Nam nhiều hơn là những gì các quyển sách nặng chình chịch cho biết.

Tôi thấy những bông tai bằng thủy tinh của phụ nữ, những chiếc hộp đựng đồ ăn trầu, những chiếc túi đính hạt cườm để đựng tiền, những chiếc hộp nhỏ xíu bằng đồng được xoi lộng hoặc bằng bạc rập nổi để đựng thuốc hút, những chiếc đèn, những chiếc lọ nhỏ đựng thuốc phiện, những chiếc lược gỗ khảm xà cừ mà cả đàn ông lẫn đàn bà dùng để giữ búi tóc, cho tới những chiếc kính lão thô của Trung Quốc, tròn và dày, gọng đôi mối, thỉnh thoảng vẫn thấy trên sống mũi những ông quan già. Hàng hóa châu Âu bắt đầu thấy xuất hiện với các mặt hàng: dao díp¹ của Anh, diêm, những chiếc gương soi nhỏ nhỏ của Đức, và nhất là những loại nước hoa rẻ tiền. Phụ nữ An Nam yêu say mê nước hoa, họ sức như đổ nước hoa lên quần áo và tóc; nước hoa càng ngát càng làm cho họ ưa thích.

Phụ nữ An Nam thông thạo vải của Anh; người Anh là thầy của chúng ta; khắp Viễn Đông tràn ngập hàng hóa của họ".

¹ Nguyên văn *canif*, một loại dao nhỏ lưỡi gấp lại giấu trong cán khi không dùng, nhân dân trước đây gọi là *dao díp*.





▲ Một cảnh chợ (1)

Nguồn: Bác sĩ Hocquard

Các quán lá bên phải cho biết nơi đây có họp chợ.

▼ Một cảnh chợ (2)

Nguồn: Bác sĩ Hocquard





▲ Một cảnh chợ (3)

Nguồn: croiseur-lamotte-picket

▼ Một cảnh chợ (4)

Tranh khắc gỗ, nguyệt san Pages indochinoise



Bois original de A. de FAUTEREAU-VASSEL



▼ Chợ lợn (1)

Nguồn: <http://hanoiavie.com>

Cấu trúc của câu chủ tiếng Pháp trên bưu thiếp rất rõ ràng và dễ hiểu nhưng câu Village des Cochons, với v và c viết hoa, rõ ràng chỉ một địa điểm. Một người cao tuổi rành về Hà Nội cho người dịch biết có thể đó là khu vực Lò Lợn, từ Lò Đức đi xuống. Lò Lợn là một địa danh dân gian và rất nôm, chưa được người Pháp đưa vào địa danh hành chính; có lẽ vì thế tác giả ảnh chuyển ngữ thành Village des Cochons. Hiện nay, tại đây có lò mổ Lương Yên.

▲ Một góc chợ

Nguồn: Bác sĩ Hocquard





▲ Chợ lợn (2)

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

▼ Thợ cắt tóc

Nguồn: <http://hanoilavie.com>





▲ Thợ nhuộm rong

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



◀ Người bán thịt lợn rong

Nguồn: Bác sĩ Hocquard

Ngoài người bán thịt, bức ảnh này cho ta thấy một cửa ô nữa, gần giống với cửa Cựu Lâu, nay đã biến mất.



▲ Hàng phở

Nguồn: <http://Philippe.millour.free>
 Ảnh chụp năm 1924.

▼ Đan mây

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



► Thợ móc chỉ

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Người thợ dùng một chiếc kim mũi hơi nhọn nhưng phía sau có ngành ngược lại để đâm vào tấm đang đan lồi sợi chỉ ra, rồi tết lại cho tấm đồ rộng dần ra tùy theo hình dạng như tấm lót cốc chén, túi giữ tóc phụ nữ Âu hóa không bị xổ ra..., thậm chí cả nịt vú. Nghề này là nghề Tây đưa sang.



▼ Làm thùng tre

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



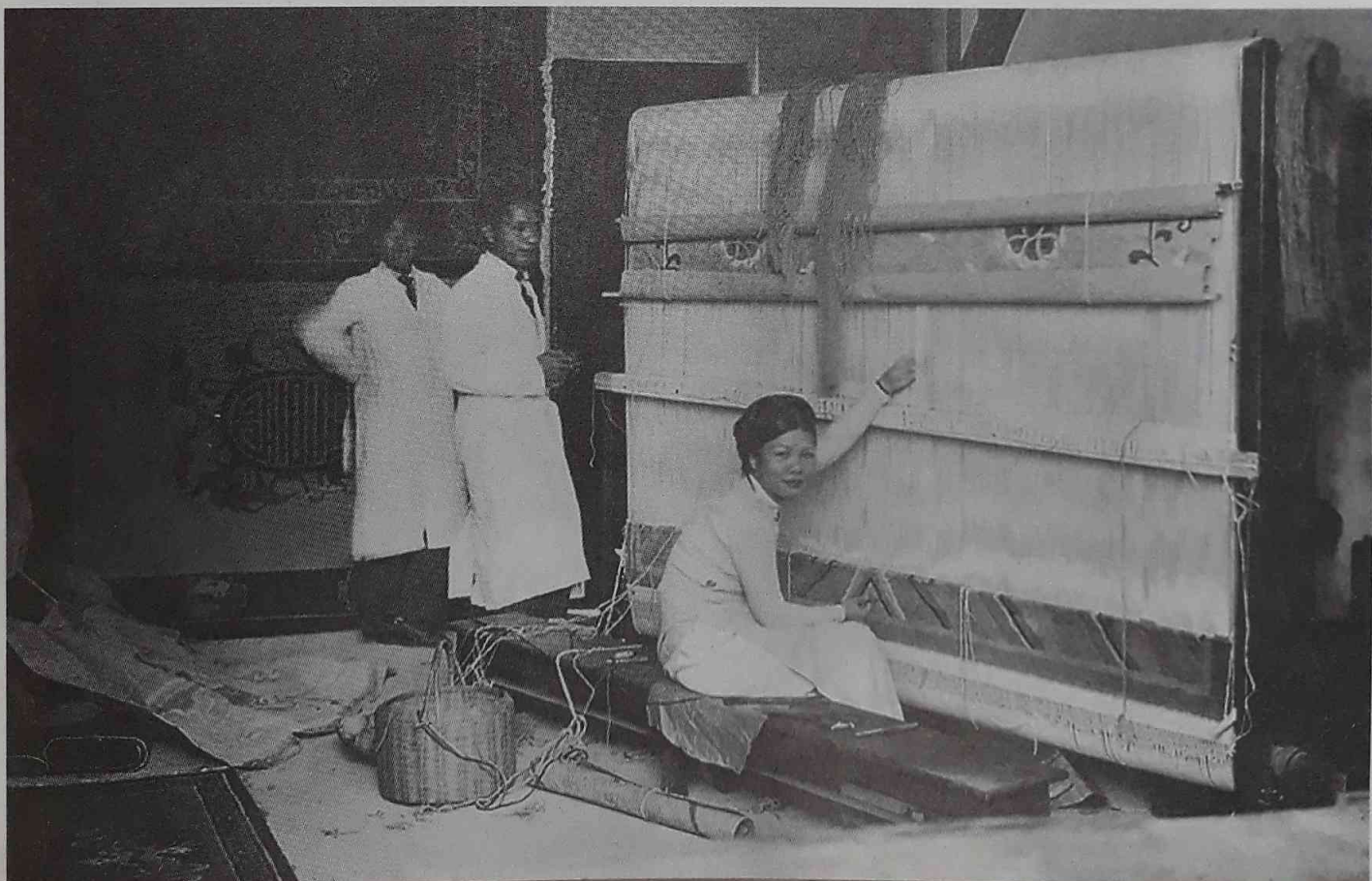


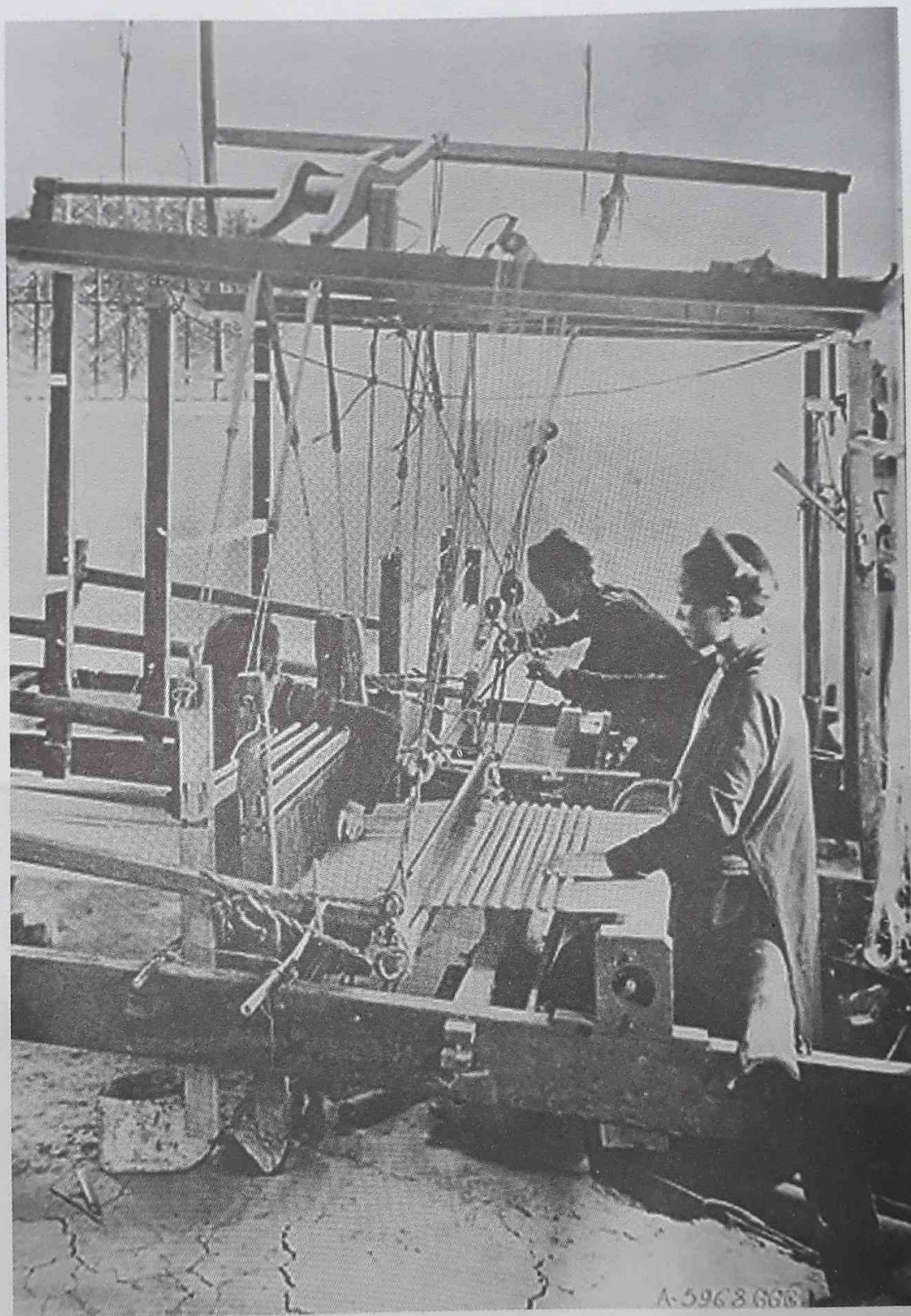
▲ Làm vại

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

▼ Dệt thảm

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>





Dệt mây

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



▲ Sa tơ tằm

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>
 Ảnh cho thấy đã có sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa.

▼ Quang dầu gổi dũa

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>





▲ Xưởng làm mũ

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

▼ Vẽ đèn lồng

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



TƯ LIỆU ẢNH:

CON NGƯỜI VÀ SINH HOẠT



Mưu sinh

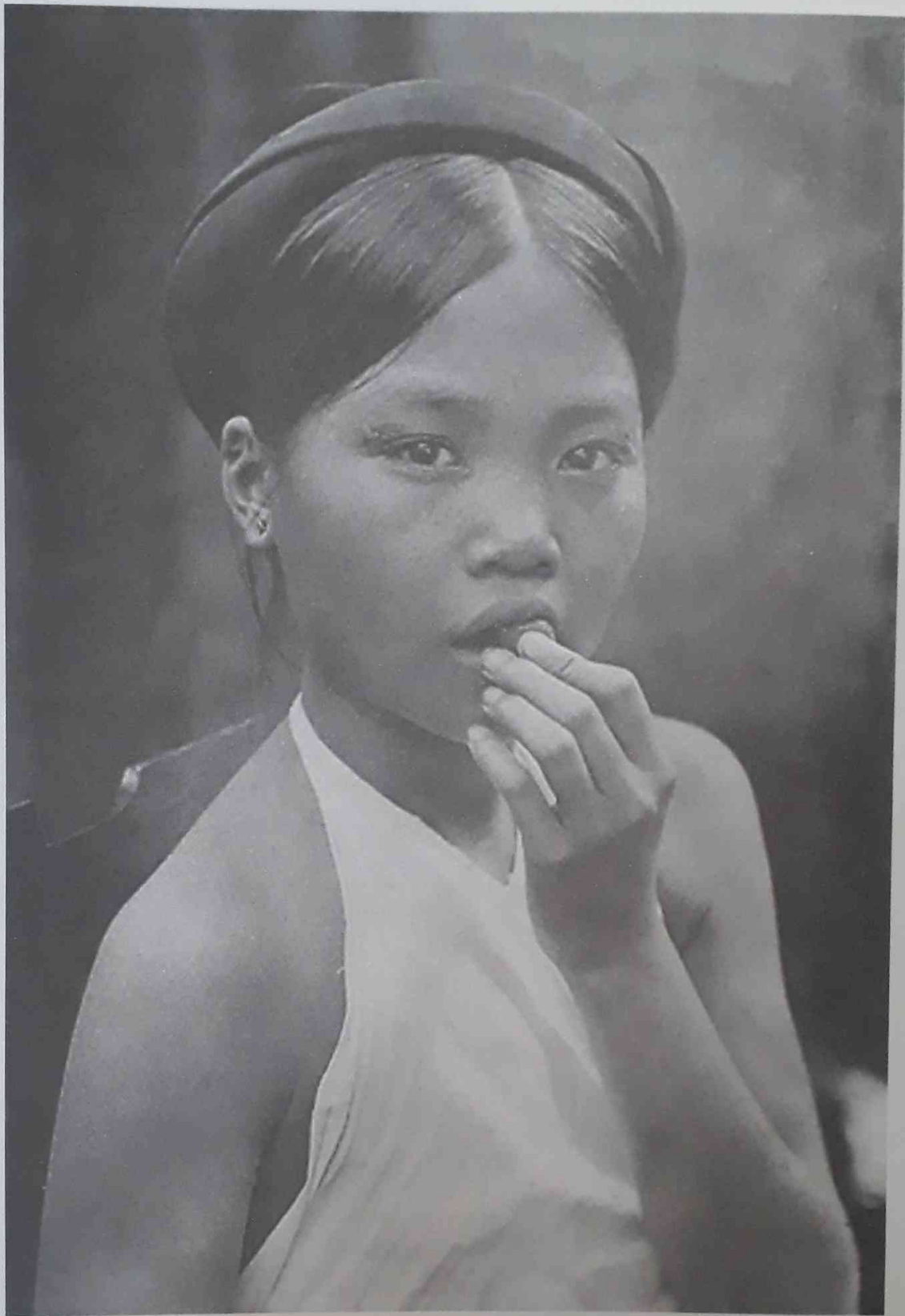
Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Có thể xem đây là hình ảnh điển hình của người phụ nữ Việt Nam kiếm sống trong thế kỉ trước



Trang điểm

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



Thiếu nữ

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Femme aux chaussures recourbées : « ...Les femmes portent des sandales qui sont plus élégantes que celles des hommes. Elles ont des semelles de bois recouvertes de laque noire et fortement recourbées en avant. Il est très difficile de marcher avec ces semelles qui abandonnent le talon et claquent à chaque pas ; aussi les femmes ont-elles une sorte de déhanchement qui ne manque pas de grâce... » (1884 Docteur HOCQUARD)



Phụ nữ đi guốc cong

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

"Phụ nữ đi guốc cong, nhìn thanh lịch hơn guốc của nam giới. Guốc bằng gỗ phủ sơn mài và phía trước rất cong. Đi lại bằng guốc đó rất khó khăn vì gót trật ra ngoài, và mỗi bước đi guốc lại gây ra tiếng động ầm ỹ. Vì thế họ đi lại cứ phải rón rén, trông rất yêu kiều" (Bác sĩ Hocquard - 1884).



◀ Một phụ nữ tân tiến

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Trang phục của người trong ảnh phổ biến trong khoảng thời gian 1930-1945 nhưng vẫn còn gặp trong những năm 50.

33 B. TONKIN
Femme aux
longs cheveux



► Một phụ nữ tóc dài
Nguồn: <http://indochine-souvenir>



Một cặp thanh lịch

Nguồn: <http://LeParisAsie>,
Pascal Blanchard & Éric Deroo



Thiếu nữ Hà Nội

Nguồn: Éric Deroo – Pierre Vallaud,
Indochine française 1856 – 1956.

Đây là một trong nhiều tấm ảnh được gọi là "ảnh nghệ thuật" nà ná nhau gài vào "bóp" (ví đựng tiền) bán cho khách khiến khách mua cũng có một cảm giác về Hà Nội.

Ảnh chụp khoảng những năm 50 của thế kỉ trước mà ta có thể nhận ra nhờ chiếc cổ áo cao.



▲ Một phụ nữ khá giả

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Chú ý rằng chiếc khăn vấn sáng màu cho thấy đã có yếu tố "mới". Tay xe có gong, chần bunn bóng loáng như quang dầu và phu xe ăn mặc tươm tất chứng tỏ đây rất có thể là xe riêng.

▼ Thanh niên tân tiến

Nguồn: tạp chí LIFE

Chú của LIFE cho biết ảnh được chụp chỉ ít ngày trước khi quân Pháp rút khỏi Hà Nội.

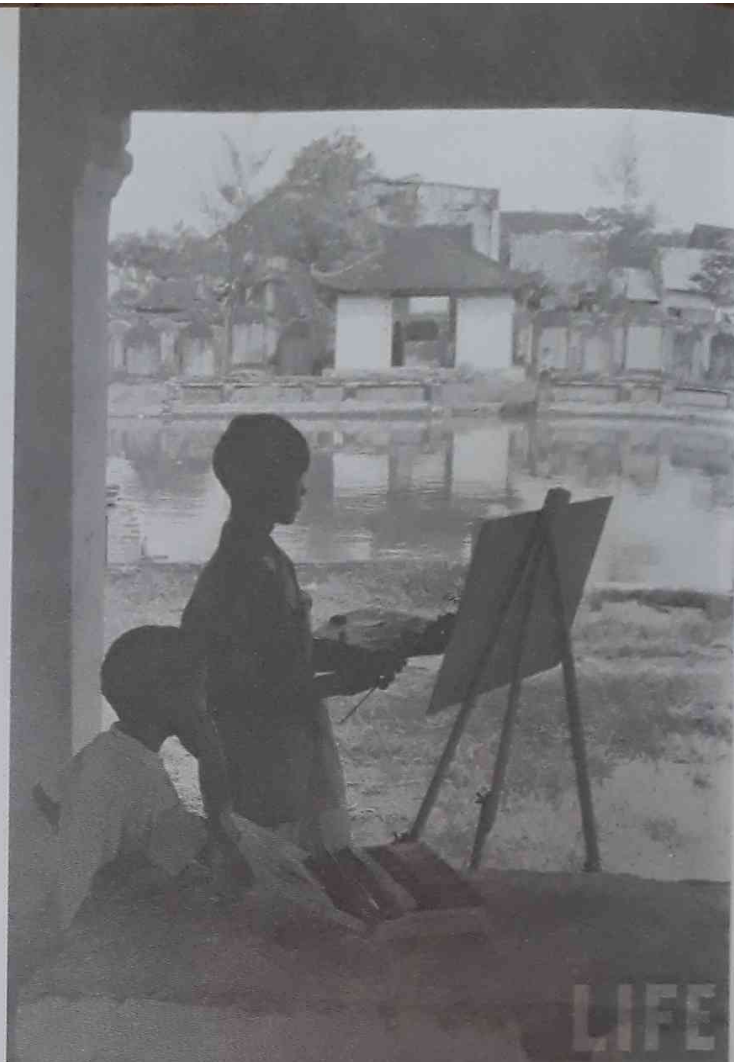


LIFE

► Học sinh học vẽ trong Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Nguồn: tạp chí LIFE

Học sinh Hà Nội, ngoài giờ học, thường có các hoạt động không có tổ chức như đi vẽ ngoài trời, đi bơi, câu cá, đạp xe đạp tới những điểm quanh Hà Nội như Nghi Tam, Quảng Bá, Chùa Thầy...



▼ Bố con người thợ may.

Nguồn: tạp chí LIFE

Chú của LIFE cho biết ảnh được chụp chỉ ít ngày trước khi quân Pháp rút khỏi Hà Nội.





▲ Mẹ con

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

▼ Một gia đình khá giả (1)

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>





▲ Một gia đình khá giả (2)

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

▼ Thấy bói

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>





545. TONKIN — Hanoi - Mendiants

▲ Những người ăn mày

Nguồn: <http://manhhai-s Photostream>

▼ Người đàn bà bán mía

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>





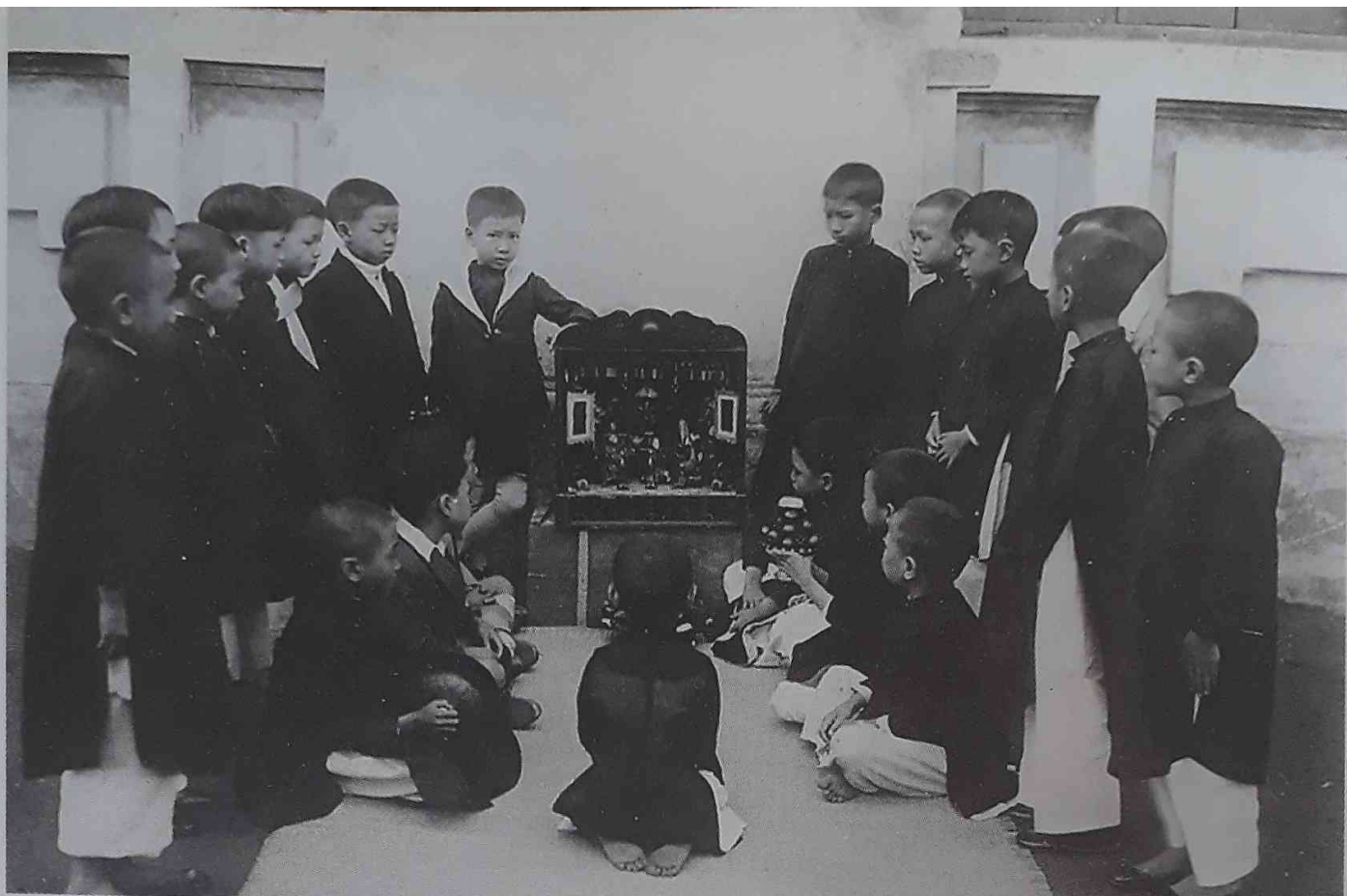
▲ Chơi bài

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

▼ Hai tướng (hàng đầu) chuẩn bị cho cờ người trong một lễ hội

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



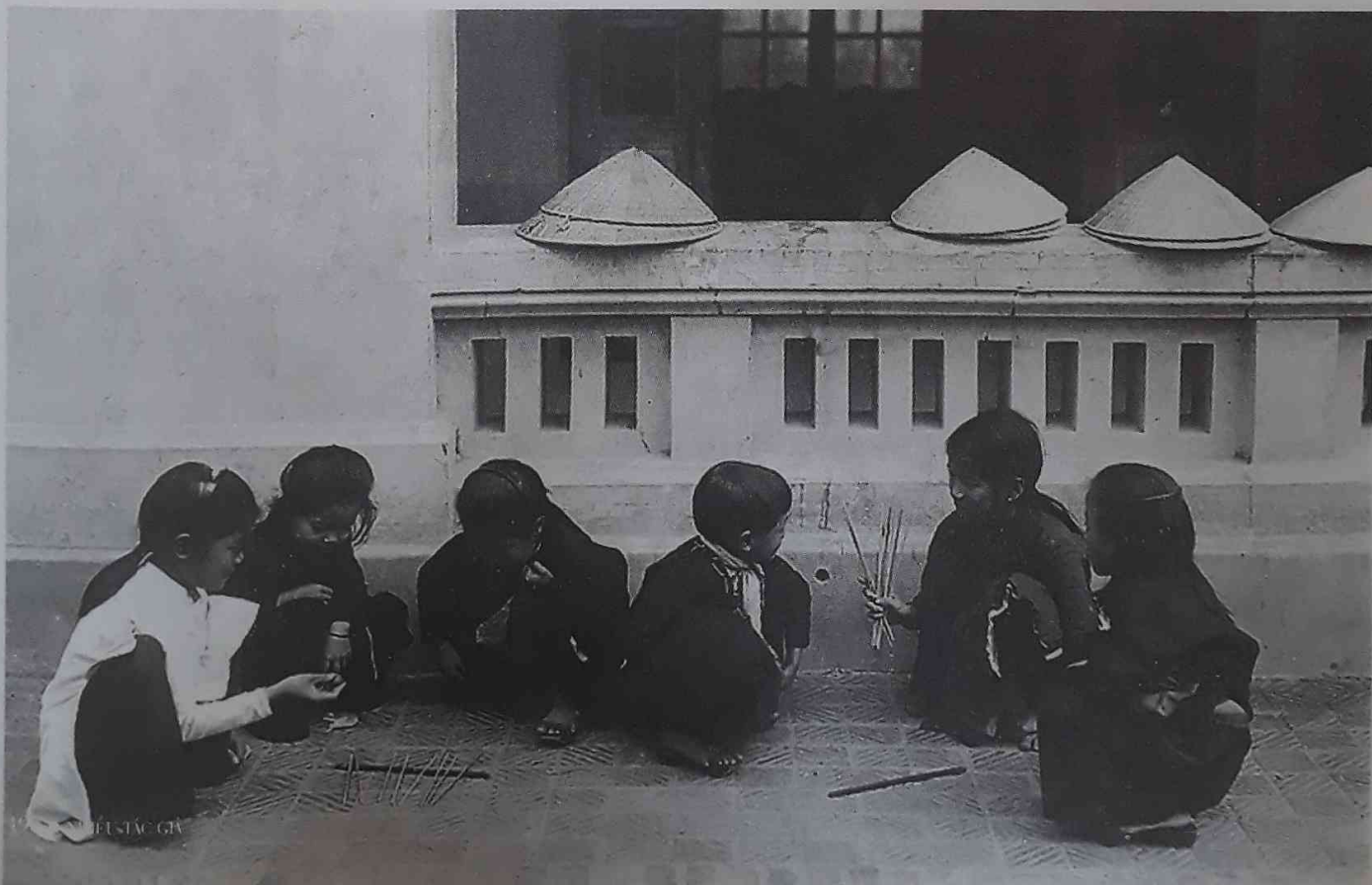


▲ Chơi trò cúng tế

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

▼ Đánh chuyền

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>





▲ Đánh đáo

Nguồn: Indochine à la belle époque

▼ Chúc tết

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>





◀ Đốt pháo ngày Tết

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

1920 - 1939



► Một phụ nữ phát biểu trong cuộc mít tinh của Mặt trận Bình dân
 Nguồn: Indochine française 1856 - 1956,
 Eric Deroo - Pierre Vallaud

3043 A. — TONKIN — Procession de petites filles indigènes, porte-ban



Collect. Dieulefils — Hanoi

Một đám rước
Nguồn: <http://hanoilavie.com>



▲ Hạp mặt

Nguồn: <http://saigon.vietnam.free>

Nguyễn văn chủ của bức ảnh này là; "kermesse 18avri26"
có nghĩa là "hội chợ ngày 18-4-1926".

▼ Trong kỉ túc xá công giáo

Nguồn: <http://hanoilavie.com>





Một điểm Hội Tin Lành thuê, nay là 248 phố Huế

Nguồn: ảnh gia đình ông Vũ Hoàng Lâm (Hải Phòng)

KHU PHỐ TÂY¹

André Masson

Theo tinh thần Hiệp ước 1874, các công thự của lãnh sự Pháp trong Khu Nhượng địa (Concession) sẽ là cái nôi của một khu phố kiểu châu Âu, vì hiệp ước tiên liệu rõ “các cửa hiệu và chỗ ở của thương nhân sẽ kề gần tối đa với khu lãnh sự”. Mặt khác, thỏa ước 11-1-1875 còn quy định các cơ sở của Pháp sau này sẽ phát triển “dọc theo sông Hồng ở phía hạ lưu Đồn Thủy²”.

Nếu theo đúng thỏa ước, lẽ ra khu phố Pháp đã phải phát triển về phía Nam từ năm 1876, tức là trên khu đất ngày nay là bệnh viện Lanessan³ và lò mổ⁴. Tuy nhiên, trong suốt thời kì đặt lãnh sự, sự thiếu thiện chí của các quan An Nam đã cản trở việc mở con đường thông thương trên sông Hồng và các thương nhân châu Âu không tới Hà Nội nữa vì chẳng có hoạt động gì lôi cuốn họ. Việc mở rộng thành phố cũng như thương cảng buôn bán với nước ngoài vẫn chỉ là lý thuyết. Thực tế, cho tới năm 1883, khu phố Pháp vẫn chỉ giới hạn ở mấy tòa nhà trong Khu Nhượng địa. Sau năm 1883, khu phố Pháp mới phát triển được nhờ đạo quân

viễn chinh tới Bắc Kỳ. Lần này sự phát triển không về phía Nam mà về phía Tây dọc theo phố Hàng Khảm (rue des Incrusteurs). Phố này, từ ngày 20-11-1886 mang tên Paul Bert, trở thành trục chính để các phố khác song song hoặc vuông góc với nó thành một thành phố kiểu châu Âu.

Sau khi trình bày nét cổ kính của khu vực có phố Hàng Khảm chạy qua, chúng tôi sẽ trình bày những hoàn cảnh lịch sử, từ năm 1883, khiến người Pháp chọn phần đất này để xây dựng và sau đó là sự biến đổi nhanh chóng của nó từ năm 1884 tới năm 1888.

..

Công nghệ, khiến phố Hàng Khảm được mang tên, được du nhập vào Bắc Kỳ khoảng năm 1820 và chỉ ít lâu sau thì vào Hà Nội và có những tiến bộ rất nhanh. Các thợ thủ công Hà Nội, đặc biệt khéo tay, cạnh tranh với thợ Nam Định về sự tinh tế trong nghệ thuật khảm xà cừ. Cho tới năm 1873, sản lượng mặt hàng này cực kì nhỏ bé nhưng chất lượng rất tinh tế⁵.

¹ *Quartier français*, nhân dân trước đây thường gọi là *phố Tây*.

² Nguyên văn *Fort du Sud*; đây nguyên là khu vực của thủy quân Nam triều để phòng ngự phía Nam Hà Nội về mặt đường thủy.

³ Nay là bệnh viện 108.

⁴ Vẫn còn và nằm trên phố Lương Yên hiện nay.

⁵ Xem Kergaradec, *Notes sur les incrustations du Tonkin, 20-11-1881, Excursions et Reconnaissances*, tập 4, các trang 204-210.

Phố Hàng Khảm chạy từ Đồn Thủy tới lũy bán nguyệt Đông Nam của Thành Hà Nội⁶ và có chiều dài bằng phố Paul Bert (Tràng Tiễn + Hàng Khay) và phố Borgnis Desbordes (Tràng Thi) cộng lại. Hai bên phố toàn nhà lá mà lại chỉ nằm trên phố Paul Bert. Đầu phía Đông của phố có một cái cổng trở ra từ bức tường vây phía ngoài phố gọi là cổng Cự Lâu hay cổng Trường Tiễn. Cổng này sau gọi là cổng Pháp quốc. Được trở ra từ một tường dày, phía trên có lan can, cổng nằm giữa hai trụ phía trên có hai con sư tử, kiến trúc cổng đơn giản nhưng oai nghiêm (hình 1).

Chen giữa Hàng Khảm và Khu phố buôn bán⁷ là Hồ Hoàn Kiếm, “ngày xưa làm người ta buồn nôn vì đây là nơi nhận đủ thứ rác rưởi”. Ngày nay, hồ là một vòng trang sức của Hà Nội, là cái gạch nối vui tươi giữa khu phố người bản xứ với khu phố Pháp. Góp phần trang điểm hồ là chùa trên các tiểu đảo và góp phần xanh mát là các thảm cỏ rợp bóng cây quanh hồ.

Năm mươi năm trước, “các túp lều của dân bản xứ trên bờ hồ san sát nhau đến nỗi, để xuống được hồ, sau khi rời những con đường mặc dù khá bẩn nhưng vẫn đi được, người ta phải len lỏi qua những ngõ ngách chật hẹp, men theo hàng ngàn khúc quẹo quanh những ngôi nhà lá lụp xụp bên trong chen chúc đám cư dân khốn khổ, phải nhảy qua những vũng nước hôi thối và những đồng rác. Nhiều khi, sau những lần mò trên những con đường lượn đi lượn lại như mê cung, nhà thám hiểm dừng cảm nhất lại về đúng chỗ xuất phát, không sao tới được mép nước. Cùng lắm, nếu bằng cách nào đó khách tới được chỗ cách mép hồ vài bước thì cũng chán không muốn gặp một cái phá độc hại ngay giữa Hà Nội cổ”⁸.

“Mặt phố Paul Bert, đoạn áp hồ, toàn nhà của thợ khảm. Các nhà này hẹp và thấp, làm bằng gạch, lợp ngói. Mặt trước nhà nào cũng có mái che lợp lá, gian dưới trông ra hồ. Giữa gian trông ra phố và gian trông ra hồ là sân. Đầu kia của hồ, chỗ hiện nay là phòng lễ

hội của Hội Philharmonique¹⁰ là khu phố chật cứng, rối mù và nồng nặc mùi da thuộc khó chịu, nhiều chỗ nhà dân bản xứ vươn ra hồ trên những chiếc cọc”¹¹.

Tên Hoàn-Kiểm-Hồ, hồ trả kiếm, để nhớ lại một sự kiện kì diệu liên quan tới nguồn gốc nhà Hậu Lê: đầu thế kỷ 15, khi Đại Việt nằm dưới ách của người Tàu, một người đánh cá tên là Lê Lợi đã bắt được một thanh kiếm khi quăng lưới đánh cá trong hồ. Ông hiểu rằng đó là dấu hiệu báo giờ độc lập đã điểm. Sau mười năm lãnh đạo phong trào quốc gia đấu tranh giành độc lập, ông thu được thắng lợi và lên ngôi vua. Trong buổi lễ tế thần hồ nhân dịp lên ngôi, nhà vua đeo thanh gươm thần kì, thanh gươm liền tuột khỏi vỏ và hóa thành một con rồng ngọc biến mất trong hồ.

Để kỷ niệm truyền thuyết này, người ta dựng một ngôi chùa nhỏ thờ Lê Lợi bên hồ tại chỗ ngày nay là trụ sở AFIM¹². Tại đây chỉ còn lại một tấm bia trong một ngôi nhà gạch hiện đại quay mặt ra đại lộ (avenue) Beauchamp (Lê Thái Tổ). Lui về sau tấm bia một chút, người ta dựng một chiếc cột đá trên có tượng Lê Lợi¹⁴ bằng đá cẩm thạch gươm kì diệu nhìn ra hồ. Giữa khu tượng Lê Lợi và phố Jules Ferry (Hàng Trống), người ta dựng một ngôi chùa nhỏ gọi là chùa Nam Hương (Parfum du Sud). Chùa vẫn còn cử hành những buổi lễ dành cho người sáng lập ra triều Lê.

Ở phía Đông Nam hồ, chỗ nay là Sở Bưu Điện, sừng sững ngôi chùa đặc biệt nhất trong các chùa ở Hà Nội. Tòa nhà chính của chùa được bao bởi một hồ tròn đầy sen, chính hồ sen này đã cho chùa cái tên Liên Hoa¹⁴. Chùa còn được gọi là chùa Nguyễn Đăng Giai để kỷ niệm viên Tổng đốc, người đã cho xây chùa vào những năm đầu triều vua Thiệu Trị (1841-1847) bằng cách vung phí tiền cúng của dân chúng, một hành động tạo hứng cho nhiều thi sĩ ứng tác¹⁵. Người Pháp đổi tên chùa thành chùa Khổ Hình¹⁶ vì “người ta thấy khắc

¹⁰ Tạm dịch *Hội Hiến nhạc*, nay là rạp múa rối Thăng Long.

¹¹ Dumoutier, sách đã dẫn trang, 1189.

¹² Viết tắt của *Association pour la Formation Intellectuelle et Moral des Annamites*, chuyển sang chữ Hán là Hội Khai Trí Tiến Đức. Cơ sở này có thời kì là CLB Thống Nhất.

¹³ Dựng năm 1896.

¹⁴ Nguyễn văn *Fleurs de Lotus*. Chùa còn có tên là chùa Báo Ân.

¹⁵ Xem *Pétrus Ký, Voyage au Tonkin en 1876*.

¹⁶ Nguyễn văn *Pagode des Supplices*.

⁶ Quảng Cửa Nam hiện nay.

⁷ Nguyễn văn *ville marchande*. Khu này, tùy từng thời kì được người Pháp gọi lúc thì *ville marchande*, lúc thì *ville indigène*, chính là Kê Chợ xưa kia, đại khái tương ứng với khu vực nay được gọi là khu phố cổ.

⁸ Dumoutier, *Revue indochinoise*, 1900, trang 1189.

⁹ J. Boissière, *L'Indochine avec les Français*, NXB Michaud, Paris, trang 205

trên đá và gỗ ở chùa hàng loạt khổ hình dành cho những kẻ có tội sẽ phải chịu ở thế giới bên kia. Thật là một tác phẩm lố lăng và khó tả nhưng tinh tế vượt xa những bức bích họa khiếp đảm nhất của các họa sĩ chúng ta ở thời Trung Cổ¹⁷.

Trong vô số “tháp, tháp chuông, hàng hiên lồi cuốn du khách từ rất xa”¹⁸ và các hình ảnh cũ (hình 4 và hình 5) chỉ còn lại Hòa Phong tháp, có nghĩa là “tháp gió thuận”. Công trình này nhỏ bé đơn giản nhưng rất duyên dáng. Tháp gồm phần dưới bằng gạch, mỗi mặt trở một cửa, phần trên là tháp xây trên sàn bốn góc trang trí bốn con nghê (hình 2). Nằm bên bờ hồ, tháp là điểm khởi đầu đường vào chùa Khổ Hình như thấy trong bức tranh thô của Trường Viễn Đông Bác Cổ (hình 5).

Rất nhiều chùa nhỏ quanh hồ cũng bị phá hủy. May thay các công trình trên đảo Ngọc Sơn và Quy Sơn không chịu số phận như vậy. Các mô tả có lẽ đã đưa chúng ta đi quá xa¹⁹. Chúng tôi chỉ muốn nhắc lại rằng ngôi chùa nhỏ, Vọng đình, trên đảo Quy Sơn mới chỉ có từ năm 1875, còn lối đi bao bằng tường dẫn lên cầu vào Ngọc Sơn mãi tới năm 1898 mới được tu sửa lại. Hàng hiên trông ra đại lộ Francis Garnier (Đình Tiên Hoàng) cũng được xây vào năm đó. Cổng lên đảo cũng được làm lại theo một phong cách đẹp hơn so với cổng năm 1884 mà ảnh chụp cho thấy cầu bằng ván chắp mỏng manh không có tay vịn (hình 3). Cây cầu này đã được thay thế bằng một cây cầu khác to khỏe hơn.

Phía Đông hồ, chạy về phía sông Hồng là vô số đầm lầy dọc hai bên đại lộ Henri Rivière (Ngô Quyền), từ phố Fellonneau (Hàm Tử Quan) tới phố Paul Bert (Tràng Tiễn). Tại những nơi này, ngày nay đã mọc lên đình Thống sứ²⁰, tòa Thị chính²¹, Kho bạc²², Bưu điện, Ngân hàng Đông Dương, khách sạn Métropol và nhiều biệt thự có vườn bao quanh. Để hiểu được những khó

khăn của các công trình do nước Pháp thực hiện trong nửa thế kỷ ở Hà Nội không gì bổ ích bằng so sánh bản đồ Hà Nội năm 1884 do nhà trắc địa Montalembert vẽ rất kì công với bản đồ hiện đại mà chúng tôi sao lại²³.

Bên cạnh phố Hàng Khảm lọt vào hai khu đất quan trọng: Tràng Thi²⁴ đã nói ở trên và Tràng Tiễn. Tràng Tiễn là một khu đất hình chữ nhật giới hạn bởi các phố Henri Rivière (Ngô Quyền), Carreau (Lí Thường Kiệt), Rilian (Phan Chu Trinh) và Paul Bert (Tràng Tiễn). Bị bao quanh bởi các hồ đầy nước, Trường Tiễn thông với phố Hàng Khảm bằng một cây cầu²⁵. Đó là xưởng đúc tiền kẽm của Nhà Nước do một viên Lang trung điều hành dưới quyền của Bố chánh Hà Nội. Trong thời kì chúng tôi nghiên cứu, việc đúc tiền kẽm đã bị xóa bỏ do giá kim loại quá cao²⁶.

Những sự kiện của năm 1883, buộc khu phố vừa mô tả trên phải trở thành trung tâm của khu phố Pháp.

Đầu năm 1883, chỉ có hai địa điểm ở Hà Nội bị đạo quân viễn chinh của Rivière chiếm: Khu Nhượng địa ở phía Đông Nam Khu phố buôn bán và điện Kính Thiên được biến thành một pháo đài thu nhỏ trong Thành Hà Nội. Mọi liên lạc thường xuyên giữa hai địa điểm này bị cắt đứt từ ngày 19-5-1883, ngày Rivière tử trận, tới ngày 3-6-1883, ngày một lực lượng tăng viện quan trọng được phái tới Thành Hà Nội nâng số binh sĩ phòng thủ lên con số 500 người. Ngày 4-6, chỉ huy trưởng Morel Beaulieu viết thư cho Thống đốc Nam Kỳ cho biết: “Khu Nhượng địa ngổn ngang đủ thứ, hiện nay rất khó xây dựng... Toàn bộ phần phía Tây ngập bùn sau mỗi trận mưa và tạo thành một cái đầm lầy thực sự giữa các công trình và ta-luy cọc... Thành Hà Nội sẽ là tâm điểm của chúng ta, trong đó Khu Nhượng địa chỉ là lối ra sông Hồng để nhận tiếp tế”²⁷.

¹⁷ Nhờ thiện ý của hai ông Giám đốc Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp và Cục Đồ bản, chúng tôi đã được phép sao lại. Không may chỉ có tờ 1 trong số 6 tờ hợp thành bản đồ Hà Nội 1884.

¹⁸ Nguyên văn *Camp des Lettrés*. Không hiểu sao chữ *camp* lại được chuyển ngữ thành *tràng*, trong khi các địa điểm như vậy ở Nam Định và Vinh lại được gọi là *Trường Thi*.

¹⁹ Labarthe, *Revue de Géographie* 1883, tập 2, trang 101.

²⁰ Hồ sơ 9680, Phòng Phủ Toàn quyền, Sở Lưu trữ trung ương Đông Dương.

²¹ Thư tín của chỉ huy trưởng Morel Beaulieu, Hồ sơ lịch sử của Bộ Tổng tham mưu.

¹⁷ Labarthe, *Revue de Géographie* 1883, tập 2, trang 102.

¹⁸ Hocquard, *Une campagne au Tonkin*, trang 176.

¹⁹ Chúng tôi đề nghị độc giả tìm đọc bài nghiên cứu rất hay của Dumoutier đăng trên *Revue Indochinoise* số quí 2-1900, các trang từ 1185 tới 1189.

²⁰ Nay là Nhà khách Chính Phủ.

²¹ Nay là Ủy ban nhân dân thành phố TP Hà Nội.

²² Nay là trụ sở Thành ủy Hà Nội.

Trong những điều kiện đó, người ta nhận ra tầm quan trọng chiến lược của con đường nối Khu Nhượng địa với Thành Hà Nội, đó là phố Hàng Khảm. Vì thế nó là con đường đầu tiên trong danh sách “Mạng đường chiến lược ở Hà Nội” do tướng Bouet thảo ra vào tháng 6-1883 nhằm loại bỏ tuyến phòng thủ gồm các ụ đất nổi với nhau bằng các chương ngại vật tự nhiên như tường rào, đầm lầy, rào tre... Tuyến công sự này chạy từ lũy bán nguyệt Đông Nam của Thành Hà Nội, vạch ra một đường cong song song với phố Thọ Nhuộm. Trên tuyến công sự nổi lên hai vọng gác: “vọng gác các quan”²⁸ và “vọng gác Huế”. Vọng gác các quan nằm chen giữa các phố chạy theo hướng Đông – Tây là Carrau (Lí Thường Kiệt) và Gambetta (Trần Hưng Đạo), và các phố theo hướng Bắc-Nam là Colomb (Phan Bội Châu) và Richaud (Quán Sứ). Vọng gác Huế tại chỗ giao nhau của đại lộ Gia Long (Bà Triệu) và phố Riquier (Nguyễn Du). Mỗi vọng gác có một công sự bằng gạch do một tiểu đội bộ binh của hải quân và sáu pháo thủ trấn giữ. Giữa vọng gác Huế và Khu Nhượng địa, tuyến công sự ẩn sau các đầm lầy và tường của Tràng Tiễn. Việc phòng thủ thành phố được hỗ trợ bằng các lô cốt ở hai bên bờ sông Hồng: ở thượng lưu là lô cốt Bắc (Blockhaus Nord) được xây dựng từ tháng 6 tới tháng 8-1883 tại đầu phố sau này mang luôn tên là phố Blockhaus Nord²⁹ (hình 6); ở hạ lưu và bên kia sông là lô cốt Tả ngạn (Blockhaus de la Rive gauche) (hình 7) được xây dựng từ tháng 9 tới tháng 10-1883³⁰.

*
* *

Người ta có thể theo dõi sự phát triển của phố Paul Bert³¹ gần như từng tháng trong các tập du ký và nhất là trong các thông cáo trên tờ *Avenir du Tonkin*³², những tư liệu quá quý để dựng lại lịch sử thương mại của địa phương.

²⁸ Tam dịch từ nguyên văn *lunette des mandarins*. Không hiểu sao người Pháp lại gọi như vậy: có thể là vọng gác này nằm gần đường Cái Quan (đường Lê Duẩn hiện nay), có thể là vọng gác do quân triều đình đóng giữ.

²⁹ Nay là phố Phó Đức Chính.

³⁰ G. Humbert, *Historique succinct de l'Artillerie au Tonkin pendant les années 1883 et 1884*, Paris, 1884, từ trang 15 và tiếp.

³¹ Chúng tôi để như nguyên văn vì phố này gồm phố Tràng Tiễn và phố Hàng Khay.

³² *Tương lai Bắc Kỳ*.

Từ một “con đường rộng chưa tới ba mét đầy những hố nước hôi thối vào năm 1883”, phố Hàng Khảm năm sau đã trở thành “một con đường mới rất rộng, chỉ thiếu những ngôi nhà kiểu châu Âu. Hai bên phố là những ngôi nhà lá. Hai, ba cửa hiệu của người Tầu, rất sạch và lịch sự, nằm đầu dãy các cửa hàng. Cứ khoảng mười mét lại có một quầy ghê tởm bán thứ hàng đếm từng giọt³³ của các con buôn đáng xấu hổ trong nền thương nghiệp chúng ta lúc đó”³⁴.

Đầu năm 1885, phố Hàng Khảm trở thành “một phố được trải đá dăm khá tốt, rộng từ 16m tới 18m, các cửa hàng hầu như của người châu Âu... Người ta thấy ở phố Hàng Khảm một xưởng sản xuất nước có ga, một hiệu bánh mì, một số cửa hàng đồ khô, một cửa hàng văn phòng phẩm, một số cửa hàng kim khí, một hai cái chợ, một khách sạn, hai ba hiệu cà phê. Tất cả đều của người Pháp”³⁵.

Ngoài mặt hàng chính, các cửa hàng đều nghĩ cách để bán các loại hàng rất khác nhau. Vì thế, các cửa hàng văn phòng phẩm không chỉ quảng cáo “các tiểu thuyết mới sang theo các chuyến thư” mà còn quảng cáo cho các “ngăn tờ lụa, đồ hộp, bát đĩa, đồ thủy tinh, đồ dùng của phụ nữ”. Mặc dù có những cố gắng đó, Hà Nội vào năm 1885 vẫn còn thiếu nhiều thứ và người ta có thể thấy trên tờ *Tương lai Bắc Kỳ* số ngày 5-8-1885 một thông báo khá bình thường nhưng đặc sắc về vấn đề này:

DÂN CHÚNG PHÁP TẠI HÀ NỘI YÊU CẦU:
MỘT HIỆU THỊT BÒ
MỘT HIỆU GIẶT THEO KIỂU PHÁP
MỘT HIỆU CẮT MAY
MỘT HIỆU SỬA CHỮA GIÀY
BÀN BI-A TRONG CÁC HIỆU CÀ PHÊ

Thực ra từ tháng 7-1885, Hà Nội đã có một phòng sửa tóc và trang điểm theo kiểu Paris nhưng hiệu thuốc thì mãi tháng 6-1886 mới khai trương “Hiệu thuốc Reynaud Blanc cho người Pháp và người bản xứ ở Đông Dương, phố Hàng Khảm”.

³³ Chỉ thuốc phiện.

³⁴ P. Bonnetain, *Au Tonkin*, Paris, 1887, trang 221.

³⁵ A. Bléton, *Le Commerce au Tonkin – Annales de l'Etrême Orient*, tập 8, 1885-1886, các trang 149-179.

Nghiep đoàn thương nhân đầu tiên ở Hà Nội, theo lẽ tự nhiên, có nhiều người tham dự là nghiệp đoàn các chủ hiệu cà phê. Từ năm 1884 tới năm 1885, số hiệu cà phê tăng lên rất nhiều, chỉ riêng phố Hàng Khảm có các hiệu “Café du Commerce, phố Hàng Khảm, đối diện Trường Tiền, nơi tụ hội của các quý ông thương gia”, “Café de Paris, phố Hàng Khảm, gần Khu Nhượng địa”, Café Albin, Café de la Place, Café Block (hiệu này từ năm 1886 do Alexandre Aibicher làm chủ). Nhưng sớm nhất và nổi tiếng nhất là “Café de Beira, nơi tụ hội của quý ngài sĩ quan”, hồi đó hiệu này ở vào chỗ ngày nay là cửa hàng La Perle.

Paul Bourde, thông tin viên của tờ Temps, nhận xét “hiệu cà phê của bà Beira là một thiết chế của Hà Nội”. Trong các mô tả về những buổi trà lá tại hiệu cà phê này, đây là một phác tả của Paul Bonnetain: “Bà Beira, một người có tuổi tốt bụng, choàng khăn, bán căng-tin quân đội về hưu nhưng mắt vẫn còn tinh và nói năng trôi chảy, cho tăng gấp đôi số bàn ghế trên sân thượng và dưới hiên vì có nhiều người tới uống rượu ngải: Hà Nội đang sống vội vã.

Từ Thành Hà Nội, từ Khu Nhượng địa, từ Tràng Thi, từng nhóm sĩ quan đổ ra và kéo nhau vào những quán cà phê xoàng xĩnh không tìm ra đâu hơn nữa. Họ ngồi vào bàn giữa những tiếng chào nhau âm ỹ. Các bàn tay không ngừng xiết nhau. Một lúc sau, quán trở lại yên lặng.

Đứng bất động trên ngưỡng cửa là hình ảnh kì lạ của người đàn bà xứ Lorraine. Bà Beira hiện ra ở đây một cách khó giải thích. Bà chỉ rày la Paul, cậu bé người An Nam, con nuôi duy nhất của bà. Đối với đám khách lính tráng, bà luôn luôn mỉm cười như một người mẹ. Bà quan tâm tới mọi người: mạnh khỏe không? Chiếc quần hàm thứ ba sẽ sang trong chuyến thư tín tới chứ? Bà già, người bán hàng trong đội quân mở đường và bạn thân của Jean Depuis, đã nổ súng giết năm tên Tàu nhưng chỉ quan tâm tới Hautefeuille, anh chàng đẹp trai chiếm nhiều tỉnh thành chỉ với sáu người lính”³⁶.

Trong những ngày đầu chiếm đóng, nếu các hiệu cà phê mở dễ dàng thì việc mở khách sạn vất vả hơn. Khách đầu tiên của khách sạn duy nhất tại Hà Nội năm 1884 để lại một bức tranh không mấy quyến rũ: “Những ngôi nhà, tạo thành hình chữ U, vây quanh một khoảng sân trông ra đầm; vách ngăn bằng tre trát toóc-xi³⁷ qua loa, mái rạ. Giữa mái và vách có một khoảng trống 50cm, người ta nói, để thông gió; nhưng các du khách tới Hà Nội vào tháng hai, với nhiệt độ tám độ vào ban đêm, thấy ngay rằng người ta đã nghĩ tới mùa hè quá sớm. Các cửa được làm bởi thợ mộc bản xứ, những người còn chưa biết kỹ thuật ghép bằng đường soi và không có khả năng ghép khít các tấm; các cửa sổ nhỏ, không có vít và được đóng vào mở ra nguyên cả tấm. Nếu bạn muốn phòng ấm áp, phải đóng các cửa sổ con còn nếu muốn sáng phải mở hết chúng, thành ra không thể đồng thời làm cho căn phòng vừa sáng vừa ấm áp”³⁸.

Khách sạn đầu tiên bằng gạch cho người châu Âu khai trương vào tháng 11-1885 ở phố Hàng Thêu (rue des Brodeurs, sau đổi thành phố Jules Ferry)³⁹, cạnh tòa báo Tương lai Bắc Kỳ⁴⁰. Khách sạn này có tên là Đại Khách sạn (Grand Hôtel), nó có “một phòng ăn năm mươi người, phòng bi-a được nhập đầu tiên vào Hà Nội, tất cả được lắp kính và ban đêm sáng choang”, cuối cùng, cực kì tinh tế, “một phòng liệu pháp nước, ở đó vào ban ngày khách hàng có thể tắm bằng vòi hương sen bất cứ lúc nào”. Chen giữa phố Hàng Thêu và hồ, chỗ ngày nay thành phố biến thành vườn hoa, Đại Khách sạn bố trí “một cái chòi kiểu quê rất đẹp”. Trên hồ, “hai chiếc ca nô duyên dáng cho phép khách quen dạo chơi hoặc luyện tập sức khỏe”.

Từ năm 1884, đã có một số nhà nhỏ bằng gạch nhưng phần lớn người Pháp phải bằng lòng với với những ngôi nhà lá đơn giản, nhà của người Tàu ở khu vực buôn bán, hoặc các ngôi chùa cổ nhì nhàng. Vì thế, thông tin viên các tờ Le Temps và hãng thông tấn Havas năm 1884 phải ở trong một ngôi chùa ven bờ hồ, còn Paul

³⁶ P. Bonnetain, *Au Tonkin*, trang 119, 120.

³⁷ Cốt tre, bên ngoài trát vôi trộn với rom.

³⁸ P. Bourde, *De Paris au Tonkin*, Paris, 1885, trang 120

³⁹ Nay là Hàng Trống.

⁴⁰ Nay là trụ sở báo Hà Nội mới.

Bonnetain, thông tín viên của tờ Figaro ở bờ bên kia. Để thăm nhau, các nhà báo phải qua hồ bằng thuyền.

Trong khu phố mới, con đường đầu tiên được quy hoạch là đường phố Hàng Khảm. Sau đó tới lượt phố Hàng Thêu và Hàng Bài (rue des Cartes), tức đại lộ Đồng Khánh hiện nay, đồng thời với các phố ở Khu phố buôn bán. Chẳng bao lâu, đường Hàng Khay có thể đi bộ và đi ngựa riêng biệt. Khi các đường có thể cho xe đi lại được, trú sứ Bonnal đầu năm 1884 cho nhập từ Nhật hai chiếc xe djinn rickshaw, trong đó một chiếc dành cho Tổng đốc để sao chép lại. Những chiếc xe đầu tiên kiểu này làm dân chúng kinh ngạc. Paul Boude thuật lại⁴¹: “đám đông không biết phải làm gì khi thấy chiếc xe đi tới. Mọi người bỏ chạy trong khi chỉ cần tránh một bước”.

Sự ngạc nhiên còn lớn hơn khi xuất hiện xe khách công cộng (tramway) vào năm 1885. Với lối văn trữ tình, tờ Tương lai Bắc Kỳ số ngày 22-8-1885 thông báo sự kiện trọng đại này như sau: “Sự đa dạng và tiện lợi của các con đường và các phương tiện giao thông luôn luôn cho thấy sự tiến bộ của tiến trình đi lên của một xứ sở hoặc của một dân tộc... Nhờ sáng kiến của chỉ huy trưởng, thành phố Hà Nội vừa mới được trang bị dịch vụ xe khách thường xuyên giữa khu Nhượng địa và Thành Hà Nội”.

Đó chỉ là một chiếc xe nhỏ do ngựa kéo chạy qua các phố Hàng Khay và phố Nhà Chung. Phố Nhà Chung hẹp đến nỗi quyết định của cảnh sát ngày 28-7-1885 yêu cầu những người đi ngựa và xe cộ tránh đi cùng giờ với giờ xe khách chạy, một lệnh có trước quy định đường một chiều 40 năm. Lường trước mọi chuyện, lệnh trên cũng cấm người lái xe khách cho ngựa phi nước đại và buộc phải bóp còi nhiều lần ở các giao lộ đông người qua lại.

Về xe, cho tới năm 1886 ở Hà Nội chỉ có hai chiếc xe bốn bánh: “một chiếc bằng gỗ kiểu Malabar de Colombo⁴² của Hội Truyền giáo để giám mục Hà Nội

Puginier dùng đi lại; chiếc thứ hai kiểu Victoria⁴³ của chỉ huy Henri Rivière. Ông ta đã ra trận Cầu Giấy kinh khủng trên chiếc xe này...Sau này chiếc Victoria được bán đấu giá cho ông Coutel, nhà thầu khoán đầu tiên ở Hà Nội⁴⁴.”

Hai giai đoạn quan trọng nhất trong quá trình phát triển khu phố Pháp là sự khai quang khu vực Hồ Gươm và việc xây dựng trên bờ Đông của nó các tòa nhà hành chính đầu tiên chuyển từ Khu Nhượng địa ra.

Jules Boissière nhận xét: “Giống như cô gái An Nam bỏ dân những bộ quần áo xấu xí nhuộm củ nâu⁴⁵ đắm mê hồi lao động, dân di thực chúng ta đã chứng kiến, năm này qua năm khác và gần như tháng này qua tháng khác, Hồ Gươm thoát khỏi vảnh đai cainha (cái nhà) bẩn thỉu và hiện ra trước mắt chúng ta trong sự tô điểm mới, trẻ trung trong khung cảnh hoa và lá”. Năm 1884, hình thành dự án đường quanh hồ và tờ Tương lai Bắc Kỳ số ngày 15-4-1885 thông báo bắt đầu san nền để thực hiện dự án. Việc thực hiện dự án đòi hỏi nhiều năm vì phải tiến hành nhiều vụ san lấp lớn và giải tỏa dân cư. Sơ đồ từng phần của đường bao chốt lại ngày 5-5-1888⁴⁶.

Quyết định chuyển các cơ quan hành chính, cho tới lúc này vẫn còn nằm sau các lũy công sự trong Khu Nhượng địa, ra trung tâm khu phố Pháp được ký đúng vào ngày Paul Bert tới Bắc Kỳ. Cuộc đấu thầu đầu tiên được tiến hành vào ngày 27-4-1886. Cuộc đấu thầu chỉ được đáp ứng những tiền dự án không đáng kể. Thế là một mẫu nhà liền được ngành công chính nghiên cứu và ngay lập tức được Paul Bert chấp nhận và đưa đấu thầu vào ngày 26-5-1886. Nhà thầu Vezin và Huardel trúng thầu bốn tòa nhà.

Dự án ban đầu dự kiến các tòa nhà không có lầu và tầng trệt cao 2,5 m so với nền đất. Theo đề nghị của kỹ sư Getten, giám đốc công chính, Paul Bert quyết định thay đổi 2,5m thành 4,5m và vẫn là nhà trệt có hiên, lò sưởi và cửa kính. Thiết kế này làm tăng diện tích sử

⁴¹ P. Bonnetain, De Paris au Tonkin, Paris, 1885, trang 342. Những chiếc xe kéo đầu tiên ở Bắc Kỳ rất được ưa thích và tiếp tục được nhập từ Nhật. Trên tờ Avenir du Tonkin (Tương lai Bắc Kỳ), người ta có thể đọc được dòng quảng cáo: “bán một xe djinn rick Shaw của Nhật chính hiệu giá 50 đồng”.

⁴² Một địa điểm ở Ấn Độ.

⁴³ Kiểu xe thời nữ hoàng Victoria ở Anh.

⁴⁴ Piglowski, báo Indépendance tonkinoise, số ngày 9-2-1929

⁴⁵ Nguyên văn cunau.

⁴⁶ Sơ đồ này và các hồ sơ liên quan tới việc xây dựng đại lộ được lưu trữ tại Sở Lưu trữ Trung ương Đồng Dương, Phòng Trú sứ Bắc Kỳ, hồ sơ số 4431.

dựng lên gấp đôi và làm tốn thêm 22.000 franc cho mỗi tòa nhà. Toàn thể khu nhà tốn 420.000 franc chưa kể phí san lấp một khối lượng ước khoảng 20.000m³ đất tự nhiên ven hồ "bị lấn ra và ngập nước"⁴⁷.

Các tòa nhà được hoàn thành vào cuối năm 1887, năm sau khu đầm lầy ngăn cách các ngôi nhà được san lấp để xây dựng công viên Paul Bert. Trong bốn ngôi nhà, hai ngôi hiện nay vẫn còn tuy có thay đổi chút ít là tòa Thị chính và Kho bạc. Hai tòa nhà kia, nhà Buu điện và tòa thống sứ Bắc Kỳ được xây dựng lại trên một diện tích rộng hơn.

Đồng thời với việc trở thành trung tâm hành chính và thương mại, khu phố mới còn phát triển về phía Bắc bằng cách san lấp một số đầm kẹp giữa hồ Hoàn Kiếm và sông Hồng để xây dựng nhà cho công chức thuê⁴⁸, về phía Nam bằng cách xây dựng đại lộ Gambetta (Trần Hưng Đạo). Ngày nay vào lúc sáng sớm, ta thấy con đường này to rộng nhưng năm 1888 nó bị người ta chế nhạo "đại lộ trứ danh này chẳng phục vụ ai, chẳng đi tới đâu, ít người qua lại đến nỗi biến thành rú và những cainha⁴⁹ dọc hai bên phố từng chỗ bị dân chúng bỏ hoang và rơi vào đổ nát"⁵⁰.

Một biện pháp tuyệt vời khác được đề ra bằng nghị định của công sứ Hà Nội ngày 26-12-1886: trong thời hạn một năm, các nhà lá nằm trên phố Paul Bert, phố Exposition⁵¹, phố Hàng Trống phải bị phá hủy và thay bằng nhà gạch lợp ngói. Vài ngày sau, ngày 15-1-1887, một khoản tín dụng 600 franc được chấp thuận cho phó công sứ Hà Nội để lát vỉa hè phố Paul Bert với mép bằng gạch. Ngày 9-7 cùng năm, người ta cho treo ở phố Paul Bert hai tấm biển báo khảm xà cừ do một tỉnh quan tặng để kỷ niệm cố thống sứ. Ngày 14-1-1888, tờ *Tương lai Bắc Kỳ* thông báo: "Trong vài ngày nữa, tất cả những nhà lá ở phố Paul Bert và phố Hàng Thêu sẽ hoàn toàn biến mất; ngoài ra chúng ta sẽ được chứng kiến sự biến đổi của khu phố này: khắp nơi là nhà gạch

sang trọng, các cửa hàng đẹp sẽ mọc lên trên những khu đất ngày xưa là những điểm dân cư luộm thuộm, hang ổ của hỏa hoạn và dịch bệnh"

* *

Muốn biết cuộc sống ở Hà Nội lúc đó như thế nào phải đọc những hồi ký mới xuất bản gần đây⁵² của một người sống vào thời kì đó, ông Piglowski: "Cuộc sống không đắt đỏ lắm...Tinh thần ái nự trị trong các quan hệ giữa những người của cộng đồng Pháp trong thành phố. Không có điệu bộ, không có kiêu căng... Đó là một thời đẹp đẽ".

Mọi sự cầu kì về quần áo bị loại bỏ thẳng tay. Ngay phụ nữ, tuy vậy vẫn hiếm, cũng tự nhiên tới hiệu cà phê trong bộ áo choàng đi ngủ còn nam giới trong bộ loa xòà như người Hồi giáo. Ông Piglowski kể lại chuyện không may của một tùy viên trẻ tuổi làm việc trong văn phòng của Paul Doumer. Anh này tới hiệu cà phê Beira với sơ mi hồ bột và cà vạt lụa nên được đón tiếp bằng những tiếng la ó đến mức phải quay về thay quần áo và trở lại trong bộ đồ ngủ.

Những trò tiêu khiển không nhiều nhưng hoàn toàn không thiếu. Chúng tôi đã mô tả những buổi dạ hội chính thức trong Khu Nhượng địa và những cuộc đua ngựa trong Thành Hà Nội. Thử nghiệm đầu tiên về sân khấu được thực hiện vào năm 1885 trong một một lán gỗ bên hồ⁵³ và gần xưởng phát điện. Biên tập viên tờ *Tương lai Bắc Kỳ* viết: "buổi trình diễn đầu tiên diễn ra vào ngày thứ hai 16-3-1885, tôi phải nhấn mạnh ngày này vì từ nay trở đi nó thuộc về lịch sử sân khấu Hà Nội... Người ta đã tập trung sự xa hoa gần như Á châu toàn phần vào căn phòng khoảng một trăm mét vuông, tường bằng liếp, mái rạ, sàn bằng đất nện. Các diễn viên của chúng ta càng xứng đáng vì họ hoàn toàn thiếu những dụng cụ cần thiết nhưng nhiều khi không tránh khỏi quên lời thoại vì nội dung hoàn toàn ngược với trang trí".

⁴⁷ Hồ sơ số 4435, Phòng Phủ Thống sứ Bắc Kỳ, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

⁴⁸ Báo *Avenir du Tonkin*, số ngày 26-6-1886

⁴⁹ Như nguyên văn, xin hiểu là cái nhà.

⁵⁰ Báo *Avenir du Tonkin*, số ngày 1-9-1888

⁵¹ Không tra cứu được; nghĩ là phố Tràng Tiền vì Triển lãm Bắc Kỳ lần thứ nhất diễn ra tại Trường Thi trong hai tháng 3 & 4 năm 1887.

⁵² Báo *Indépendance tonkinoise*, từ ngày 3 tới ngày 14-1-1929.

⁵³ Nay là Nhà hát Múa rối trên đường Đinh Tiên Hoàng.

Nhóm kịch có hai diễn viên chuyên nghiệp là vợ chồng ông Deschamps, họ được một số diễn viên nghiệp dư có nhiệt tình giúp sức. Nhóm đã mang lại sự thành công thực sự và mọi người chúc mừng vợ chồng ông Deschamps về “sự cách tân sân khấu khi xây dựng một nhà hát kiểu Pháp ở Bắc Kỳ”... nhưng điều này không ngăn cản được sự tuyên bố thất bại của nhà hát Deschamps vào ngày 21-3-1886, gần đúng một năm sau buổi diễn đầu tiên.

Những cuộc đi dạo cực kì hạn chế vì các toán cướp đi lại trong những khu liên ngay với thành phố, nhưng đã có bơi thuyền, một việc có thể thực hiện tốt ở hồ Hoàn Kiếm cũng như hồ Tây. Năm 1883, Cao ủy Harmand đã khai trương việc đua thuyền trên hồ Gươm bằng một chiếc thuyền độc mộc mười người chèo có chỗ ngồi thoải mái che bằng mái nhẹ⁵⁴. Các nhà báo Paris trọ bên bờ Hồ Hoàn Kiếm, mỗi người có một chiếc thuyền, như chúng ta thấy ở trên, hai chiếc canô dành cho các khách của Đại Khách sạn ở phố Hàng Trống. Mỗi năm vào ngày 14-7, người ta tổ chức thi thuyền độc mộc và thuyền thúng cho dân bản xứ, mỗi đội có màu áo riêng. Điểm xuất phát là đảo Ngọc Sơn. Mỗi thuyền, ngoài các tay chèo và người bẻ lái còn có một người đánh trống⁵⁵.

Là thủ đô trí tuệ của Đông Dương trong tương lai, Hà Nội mở ra ngay từ sớm sự tôn thờ các giá trị tinh thần: nếu Viện Hàn lâm Bắc Kỳ⁵⁶ chưa đáp ứng được những gì Paul Bert mong đợi thì Ủy ban Nghiên cứu

Nông Công Thương⁵⁷ đã có những phiên họp khá lý thú vào các năm 1886 và 1887. Tờ Tương lai Bắc Kỳ do nhà báo Jules Cousin phụ trách, đã cho đăng tải những bài nghiên cứu đặc sắc của Dumoutier và Trung úy Lassalle (dưới bút danh Yann). Một trong những cơ sở dịch vụ có tổ chức là nhà in của chính phủ và trong những cửa hàng tại phố Hàng Khảm có một hiệu sách. Đó là những dấu hiệu văn hóa.

Từ năm 1886, ông L. Gillet mở một phòng đọc sách với giá hai đồng một tháng hoặc hai mươi xu mỗi cuốn. Năm 1888, nhà Schneider dùng một phần sách trong hiệu sách của mình để cho thuê với cùng biểu giá.

*
* *

Ở các phần trên, chúng tôi cố gắng ghi lại những chi tiết đặc trưng nhất trong sự phát triển của Hà Nội trong những năm đầu tiên của sự can thiệp của người Pháp. Để thành phố có thể phát triển thoáng hơn, cần phải cho nó quy chế tự trị về hành chính và lãnh thổ: hai yêu cầu này được thực hiện vào năm 1888 bởi nghị định ngày 19-7 của Toàn quyền thành lập hội đồng thị chính, và đạo dụ ngày 3-10 mở rộng Khu Nhượng địa ra toàn thành phố Hà Nội.

Thành phố cổ An Nam, từ nay trở đi là một thành phố hoàn toàn Pháp, nhanh chóng cuốn vào nhịp điệu của cuộc sống hiện đại.

⁵⁴ Xem bức ảnh của P. Bonnetain, *Etrême Orient*, Paris, trang 611.

⁵⁵ Xem báo *Avenir du Tonkin*, số ngày 15-7-1885.

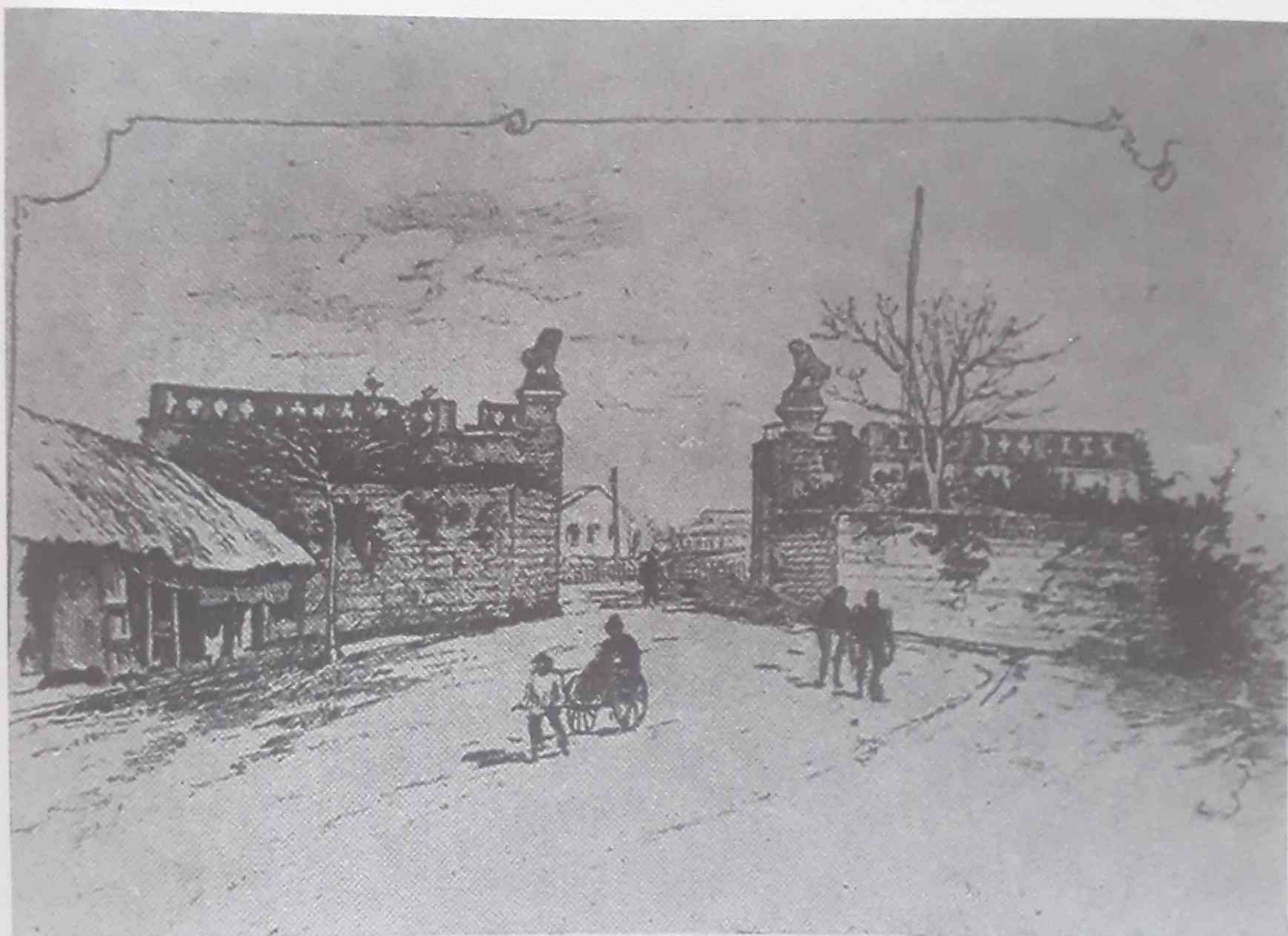
⁵⁶ Académie tonkinoise

⁵⁷ Comité des Études agricoles, industrielles et commerciales.

TƯ LIỆU ẢNH:

MỘT SỐ HÌNH ẢNH MINH HỌA CỦA TÁC GIẢ

Các hình dưới đây do Masson chọn để minh họa cho bài viết của mình; chúng tôi đặt chúng ở cuối bài đúng như nguyên bản, mỗi ảnh đều có chú của ông.



Coll. E. F. E. O.

Hình 1.- Cửa Cự Lâu⁵⁸.

Phía cổng trước là phố Hàng Khâm, phía sau cổng là Khu Nhượng địa.

Bản kèm của Viện Viễn Đông Bắc Cổ Pháp tái tạo lại một tranh khắc gỗ minh họa cho cuốn sách *Les Colonies françaises, notices illustrées* (Các Thuộc địa của Pháp, các chỉ dẫn có minh họa), NXB Quantin, Paris, 1889, trang 99, với ghi chú: "Hanoi - La porte de France". Kích thước: 8cm x 5cm.

⁵⁸ Nguyên văn *Porte de France*, tên do người Pháp đặt sau khi lập được chính quyền bảo hộ.



▲ Hình 2.- Tháp Hòa Phong, vết tích cuối cùng của Chùa Báo Ân.

Hình in lại một tranh khắc gỗ minh họa cho tác phẩm *Une campagne au Tonkin* của bác sĩ Hocquard, NXB Hachette, Paris, 1882, trang 181, với ghi chú: "Buổi sáng bên Hồ Hoàn Kiếm".

Kích thước: 19cm x 13cm. Trước mặt là tháp Hòa Phong, y như hiện nay, trừ bức tường ở đầu tháp (mà ta có thể thấy ở hình 4⁶⁰). Giữa hình là ngôi chùa nhỏ trên Đảo Rùa.

Xa xa là bờ Tây của Hồ Hoàn Kiếm. Con đường men theo bờ Đông của hồ, nay trở thành đại lộ Đinh Tiên Hoàng, lúc đó chỉ là một con đường nhỏ giữa một bên là hồ, một bên là những ao đầm.

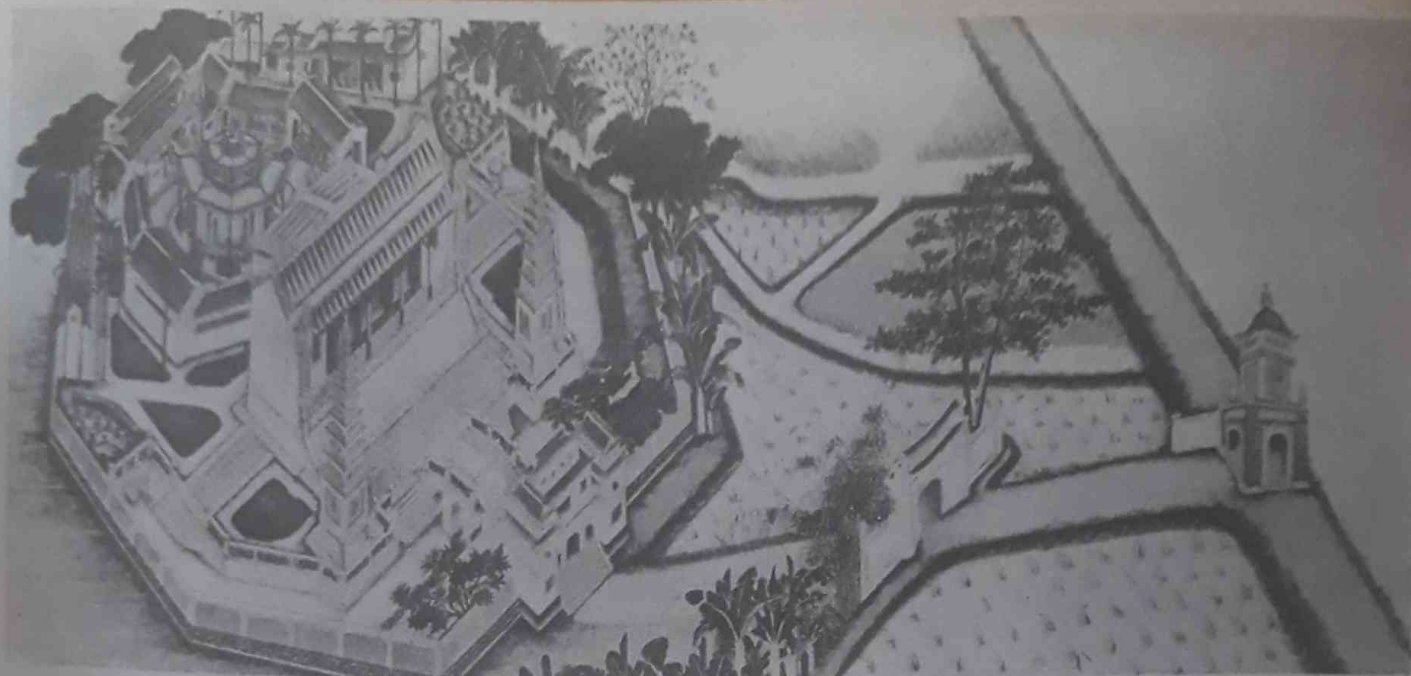
▼ Hình 3.- Cầu lên Đảo Ngọc Sơn.

Bản kẽm của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp in lại một bức hình do bác sĩ Hocquard chụp năm 1884 và được Cremnitz xuất bản. Kích thước: 215mm x 165mm. Cây cầu mỏng mảnh và cổng vào đã được thay thế bằng một cây cầu vững chắc hơn và một cổng khác trang trí phong phú hơn. Mái chùa trên đảo vẫn như cũ, những cành cây ngả xuống mặt hồ vẫn luôn luôn tồn tại nhưng cảnh chính đã bị cắt bỏ⁶⁰.

⁶⁰ Nhận xét trên đều so với thời điểm A. Masson viết cuốn sách (1929).

⁵⁹ Nếu suy nghĩ kĩ sẽ thấy người họa sĩ An Nam vẽ quần thể Chùa Khổ Hình đã đặt sai bức tường này.





Coll. E. F. E. O.

▲ Hình 4.- Hình tái hiện quần thể Chùa Khô Hinh⁶¹ năm 1884.

Bản kẽm của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp in lại một bức tranh thuộc nước của Bảo tàng của Viện do một người An Nam vẽ theo trí nhớ và được lưu trữ tại Bảo tàng của Viện (mã số D. 19. 1.).

Tài liệu quý này cho phép biết vị trí Chùa Khô Hinh so với chiếc tháp Hòa Phong⁶² hiện vẫn còn đứng bên cạnh đại lộ Đinh Tiên Hoàng (boulevard Francis Garnier). Chùa được bao quanh bởi một tường mười cạnh và khách vào chùa theo một con đường nhỏ xuất phát từ Hồ Hoàn Kiếm, qua một cổng kiến trúc rất nghệ thuật như cho thấy ở hình 2.

▼ Hình 5.- Cổng vào Chùa Khô Hinh năm 1884.

Bản kẽm của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp in lại một bức ảnh do bác sĩ Hocquard chụp năm 1884 và được Cremnitz xuất bản. Kích thước: 160mm x 105mm.

Phía trước là cây cầu cong bắc qua một con hào đầy nước.

⁶¹ Nguyên văn *Pagode des Supplices* (Chùa Khô hình). Nhiều sách báo gọi chùa này là Chùa Bảo Ân.

⁶² Tức Tháp Hòa Phong hiện nay, bên Hồ Hoàn Kiếm, trông sang Bưu điện Quốc tế.





▼ Hình 7.- Lô-cốt Tả ngạn năm 1884.

Bản kêm của Viện Viễn Đông Bắc Cổ Pháp in lại một bức hình do bác sĩ Hocquard chụp năm 1884 và được Cremnitz xuất bản. Kích thước: 230mm x 160mm.

Việc xây dựng lô-cốt này (tháng 9 và 10-1883) đặc biệt khó khăn. Việc xây dựng được những người bản xứ thực hiện vào ban ngày dưới sự giám sát của một số pháo thủ hải quân, mà cứ chiều tối lại vượt sông quay về Hà Nội. Trong đêm 13 rạng ngày 14, quân Cờ Đen đã lợi dụng sự vắng mặt của lính Pháp đã làm tứ tán vật tư và phá hủy những gì đã xây dựng. Người ta phải bố trí một đại đội canh giữ suốt ngày đêm tại chỗ thường xuyên bị quân địch đe dọa.

▲ Hình 6.- Lô-cốt Bắc năm 1884.

Bản kêm của Viện Viễn Đông Bắc Cổ Pháp in lại một bức hình do bác sĩ Hocquard chụp năm 1884 và được Cremnitz xuất bản.

Kích thước: 200mm x 160mm.

Lô-cốt Bắc được xây dựng từ tháng 6 tới tháng 8 năm 1883 ở đầu phố nay mang tên nó⁶³, tại chỗ đê Yên Phụ gặp đê Hồ Tây⁶⁴, ở vị trí cửa ô Yên Phụ cũ.

⁶³ Tức phố Blockhaus Nord, nay là phố Phò Đức Chính.

⁶⁴ Tức đường Thanh Niên hiện nay.



Photo Cremnitz

Coll. E. F. E. O.

Le Blockhaus de la Rive gauche en 1884.

TƯ LIỆU ẢNH:

PHỐ TRÀNG TIỀN QUA CÁC THỜI KÌ

Theo hiệp ước 15-3-1874, “Chính phủ An Nam cam kết về nguyên tắc cấp một miếng đất thích hợp gần sông để xây dựng trên đó khu nhà cho trú sứ Pháp và tùy tùng. Mảnh đất này phải sát vị trí mà chính phủ An Nam sẽ bố trí cho các thương nhân Pháp sử dụng sau hiệp định. Việc lựa chọn nơi và tất cả những gì liên quan tới cơ sở này sẽ diễn ra sau, giữa Thống đốc Nam Kỳ và sứ thần An Nam”.

Mặc dù vị trí miếng đất không được xác định rõ trong hiệp ước nhưng Đô đốc Krantz, theo lời khuyên của Rheinart, đã nhắm vào “khu đất một chiều bị kẹp giữa sông và các lũy, một chiều bị kẹp giữa các phố nay là Trần Nhật Duật và Lý Thái Tổ, một chiều bị kẹp giữa phố nay là Hàm Tử Quan và Cổ Tân.

Tuy nhiên phía triều đình đưa ra nhiều lý lẽ chống lại việc lựa chọn vị trí của Đô đốc: sẽ phải đền bù nhiều cho các sở hữu chủ vì khu này khá đông dân cư và có nhiều xưởng gỗ và công trường xây dựng. Hơn nữa, khu đất sinh lây và bị ngập mỗi năm mất hai tháng khó thích hợp cho người Pháp.

Họ đề nghị tại chỗ với Đại úy Dujardin, đại diện cho phía Pháp, một khu đất nằm về phía hạ lưu được gọi là Đồn Thủy¹. Gọi là đồn nhưng từ lâu nó đã mất vai trò quân sự, trong đồn lúc đó chỉ còn lại những ụ chằng ra hình thù gì. Ngày xưa, đồn bảo vệ Hà Nội chống những tên xâm lược lên theo đường sông giống như Thành Hà Nội bảo vệ thành phố ở phía thượng lưu.

Khi đề nghị Đồn Thủy, có lẽ chính quyền An Nam muốn tìm cho người châu Âu một miếng đất tốt hơn để đưa họ ra xa trung tâm thành phố. Tuy nhiên Đại úy Dujardin hiểu ngay những lý lẽ bác bỏ của Tổng đốc có căn cứ và khu vực Đồn Thủy có nhiều lợi điểm thực tế.

Sau khi được Khu Nhượng địa ở Đồn Thủy, người Pháp thấy cần phải mở một con đường thẳng băng từ đầu Bắc Khu Nhượng địa (Bảo tàng Lịch sử hiện nay) tới Thành. Đó là lai lịch sự ra đời của phố Paul Bert (Tràng Tiền + Hàng Khay + Tràng Thi hiện nay) và sự chạy chéo của đường Puginer (Điện Biên Phủ). Vì thế có thể nói phố Tràng Tiền là hạt nhân của khu phố Tây trước năm 1945 và của thành phố hiện nay.

¹ Nguyên văn *Fort du Sud*, nhưng nhân dân quen gọi là *Đồn Thủy* vì đây là một cơ sở của thủy quân.



6. - HANOI. - Rue Paul-Bert

▲ Phố Paul Bert (Tràng Tiên)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Ban đầu, phố Hàng Khay cùng với phố Tràng Tiên được gọi chung là phố Paul Bert; sau này chỉ có phố Tràng Tiên được gọi là Paul Bert. Đoạn này không biết là Hàng Khay hay Tràng Tiên và không biết những cây này là cây gì, nhưng ta hãy tham khảo đoạn dưới đây do Claude Bourrin trích từ báo *Indépendance tonkinoise* số tháng 7-1891 cho cuốn *Vieux Tonkin* của mình: "Trước mặt tôi trải dài phố Paul Bert, thẳng băng và chan hòa ánh sáng mặt trời, với xe cộ và người đi lại đông như kiến, náo động một cách kì lạ. Nhưng cái quyến rũ, tạo thành cảnh vui tươi và rạng rỡ của phố, chính là hai hàng cây phượng vĩ, hoa nở đỏ rực nhiều đến nỗi không biết hoa hay lá nhiều hơn. Những sắc màu đó, hạnh phúc thay, pha trộn rất hài hòa với màu trắng của các mặt tiền nhà, khiến ta ta ngạc nhiên, tự nhủ không biết sẽ mô tả hoặc biểu thị nó như thế nào".

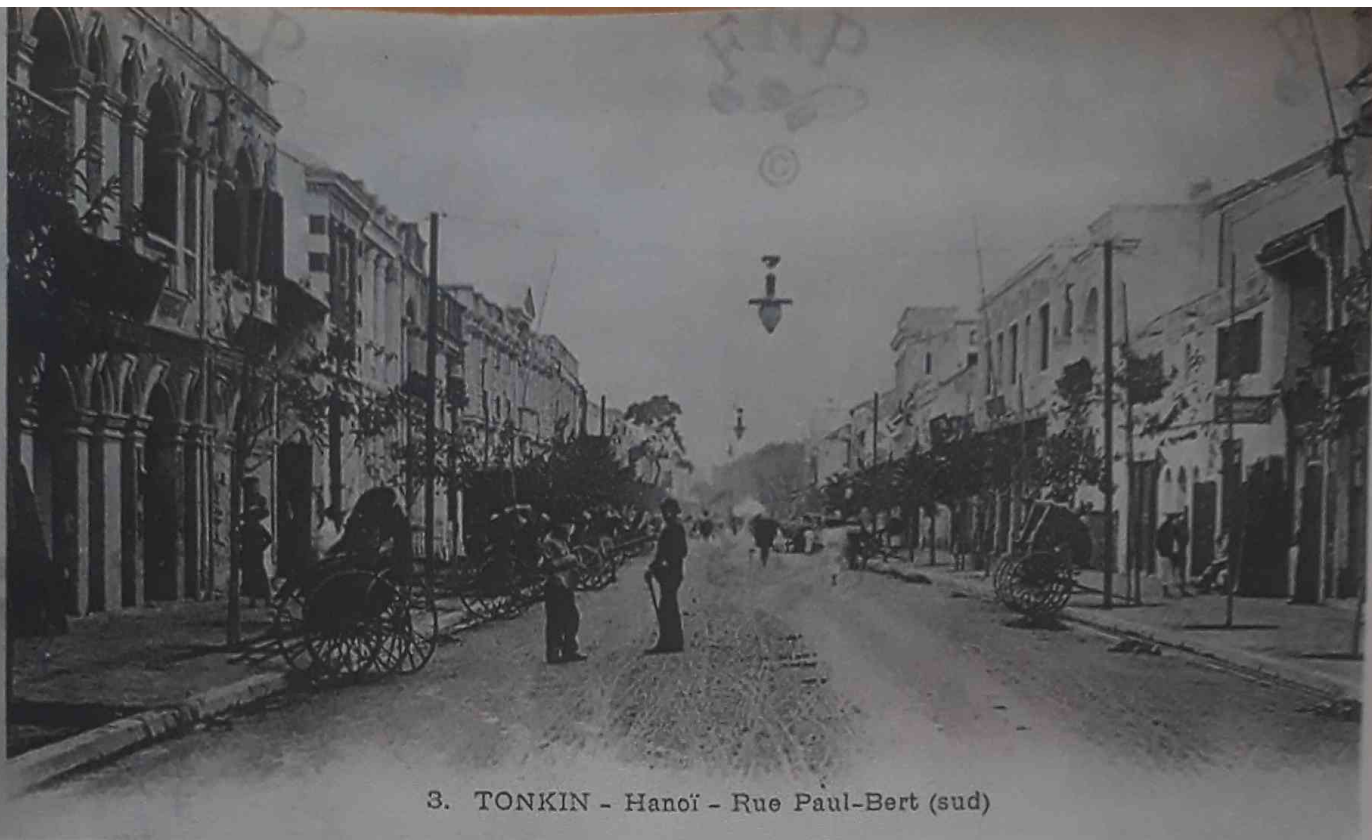
▼ Đầu phố Tràng Tiên xưa

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Cột điện là giao điểm của bốn phố: Tràng Tiên (đi thẳng), Hàng Bài (rẽ phải), Hàng Khay (lùi lại), Đinh Tiên Hoàng (rẽ trái). Tòa nhà bên phải đã biến mất, nhường chỗ cho Tràng Tiên Plaza hiện nay. Tòa nhà bên trái là tiệm rượu *Taverne royal*, Tây thường ngồi uống rượu trên vỉa hè, dưới hàng hiên có cột chống.

² Sau này, các hàng cây phượng vĩ bị đốn hạ vì các chủ cửa hàng than phiền bóng cây làm tối cửa hàng của họ và làm cho phố lúc nào cũng ẩm ướt, rất hại. Được sĩ Julien Blanc, người có cửa hàng thuốc tây ở phố Paul Bert, phản đối quyết định đốn hạ cây của thành phố, một quyết định khiến cho phố chính của thành phố trở thành một trong những phố khó chịu nhất khi phải đi qua vào buổi chiều (chủ của Claude Bourrin)





3. TONKIN - Hanoi - Rue Paul-Bert (sud)

▲ Phố Tràng Tiền xưa (1)
Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Phố Tràng Tiền xưa (2)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Tòa nhà có mái che nắng phía trước là cửa hàng của công ti Charrière et C^o. tòa nhà có phần chóp mái giống một tòa tháp cho tới những năm 1950 là cửa hàng Peugeot bán xe đạp. Bên kia đường, gần đối diện với Charrière et C^o là cửa hàng Denis frères.





▲ Phố Tràng Tiền xưa (3)
 Nguồn: <http://philippe-millour.free.fr>

▼ Một góc ngã tư Paul Berl (Tràng Tiền) – Henri Rivière (Ngô Quyền)

Nguồn: <http://hanolavie.com>

Ngôi gác gỗ ở góc phố cho tới những năm 60 của thế kỉ trước vẫn còn, người dịch đã một lần leo lên thăm một người quen. Hiệu thuốc J. Blanc là hiệu thuốc Tây đầu tiên ở Hà Nội.





▲ Rạp chiếu bóng Palace

Nguồn: indochine à la belle époque

Trải qua thời gian, rạp đổi tên thành Cinéma Eden, Rạp chiếu bóng Công Nhân, và hiện nay đang được khôi phục lại như nguyên dạng.

▼ Ngã tư Paul Berl (Tràng Tiền) – Henri Rivière (Ngô Quyền) (1)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Tòa nhà cao bên phải là khách sạn Mestropole, hiện vẫn còn nhưng phần mái đã biến mất.



1. - HANOI. - Rue Henri-Rivière - Hôtel du Coq et Hôtel Métropole

Grands Magasins Réunis, Hanoi



▲ Ngã tư Paul Berli (Tràng Tiên) – Henri Rivière (Ngô Quyền) (2)

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Tòa nhà lớn bên phải là Ngân hàng Pháp-Hoa, một thời gian là trụ sở Bộ Ngoại thương.

Tòa nhà lớn bên trái, trước 1954 là cửa hàng Chaffanjon (có thể thấy băng hiệu) chuyên bán đồ chơi trẻ em; trong những năm 60, 70 của thế kỷ trước, là cửa hàng sách quốc văn, trong đó có một gian rất lí thú là gian mua – bán – kí gửi sách cũ, nơi tụ hội các sinh viên mê sách và cũng là nơi giúp đỡ các sinh viên túng quẫn bằng cách mua lại sách của họ.

▼ Ngân hàng Pháp – Hoa (nay là Bộ Thương mại),
ngã tư Tràng Tiên-Ngô Quyền

Nguồn: <http://hanoilavie.com>



► Nhà in I. D. E. O.
 Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>
 Tòa nhà lớn bên phải là nhà in Viễn Đông
 (Imprimerie d' Extrême-Orient) gọi tắt là I. D. E. O.
 Đây là một cơ sở in ấn lớn, ngoài sách báo, còn in
 các ấn phẩm cho chính quyền Đông Dương. Sau
 hòa bình lập lại, cơ sở này là nhà in báo Nhân Dân;
 hiện nay là Trung tâm văn hóa Pháp ngữ Espace.



▼ Nhà hát Lớn

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



TƯ LIỆU ẢNH:

CHỢ HOA

Tiểu dẫn: *Tại Hà Nội trước khi người Pháp sang, không có chợ hoa riêng: hoa được bán tại các chợ, chung với các mặt hàng khác, phục vụ yêu cầu nghi lễ. Từ khi Pháp sang, họ có yêu cầu dùng hoa trang trí nên cho xây những ki-ốt chuyên bán hoa.*

Điều lạ lùng là họ chỉ xây dựng các ki-ốt bán hoa ở Hà Nội, Hải Phòng (phố Cầu Đất), Nam Định (ngã tư Lê Hồng Phong – Trần Hưng Đạo); còn ở Sài Gòn lại không có¹.

Ki-ốt hoa Hà Nội tọa lạc bên bờ Hồ Gươm, trông ra hai phố Hàng Khay và Đinh Tiên Hoàng. Đó là những gian hàng nhỏ xây bằng gạch, nhưng dần dần hoa tràn ra vỉa hè thành chợ, khiến cho những gian đó trở thành phụ.

Đối với người Pháp, có lẽ chợ hoa là một đặc trưng cũng như Tháp Rùa đối với người Việt, nên họ đã để lại nhiều bức ảnh về chợ hoa, thậm chí cả áp-phích quảng cáo du lịch. Mà có lẽ cũng đúng thôi: biết bao hoa với nhiều màu sắc bên một bờ hồ thơ mộng, ngay lối vào một đại lộ đô hội.

¹ Theo Claude Bourrin, trong cuốn *Gens et chases en Indochine*, giới thực dân ở Sài Gòn cho rằng cần thứ gì thì cứ sai "bồi" đi mua, cho nên không cần xây ki-ốt.

▼ Chợ hoa (1)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Chợ ngay bên vỉa hè. Sự thiếu vắng đường tàu điện sát đường bộ cho biết đây là phố Hàng Khay. Có thể thấy sau những gánh hoa và những rế đa là đài nước, đã biến mất; sau đài nước là Hồ Hoàn Kiếm. Lúc nào đài nước cũng có tia nước phun ra từ miệng của bốn mặt người, đắp ở bốn mặt cột, xuống một cái bể tròn. Các cô hàng hoa dùng nước trong bể để tưới những bó hoa bày trên thúng và met ngay dưới bờ gạch cạnh hè, rợp mát bởi bóng của một cây si cổ thụ, rủ những rế xuống gần tới đầu người đứng, rất nên thơ.





▲ Chợ hoa (2)

Nguồn: <http://saigon.vietnam.com.free>
Cũng vẫn là mặt phố Hàng Khay.

▼ Chợ hoa (3)

Nguồn: Tạp chí LIFE

Vẫn phố Hàng Khay. Dáng của người phụ nữ đẩy xe trong ảnh này và ảnh trên cho biết hình như hai người là một và là khách quen của chợ.





28. - TONKIN. - Hanoi. - Le Marché aux Fleurs

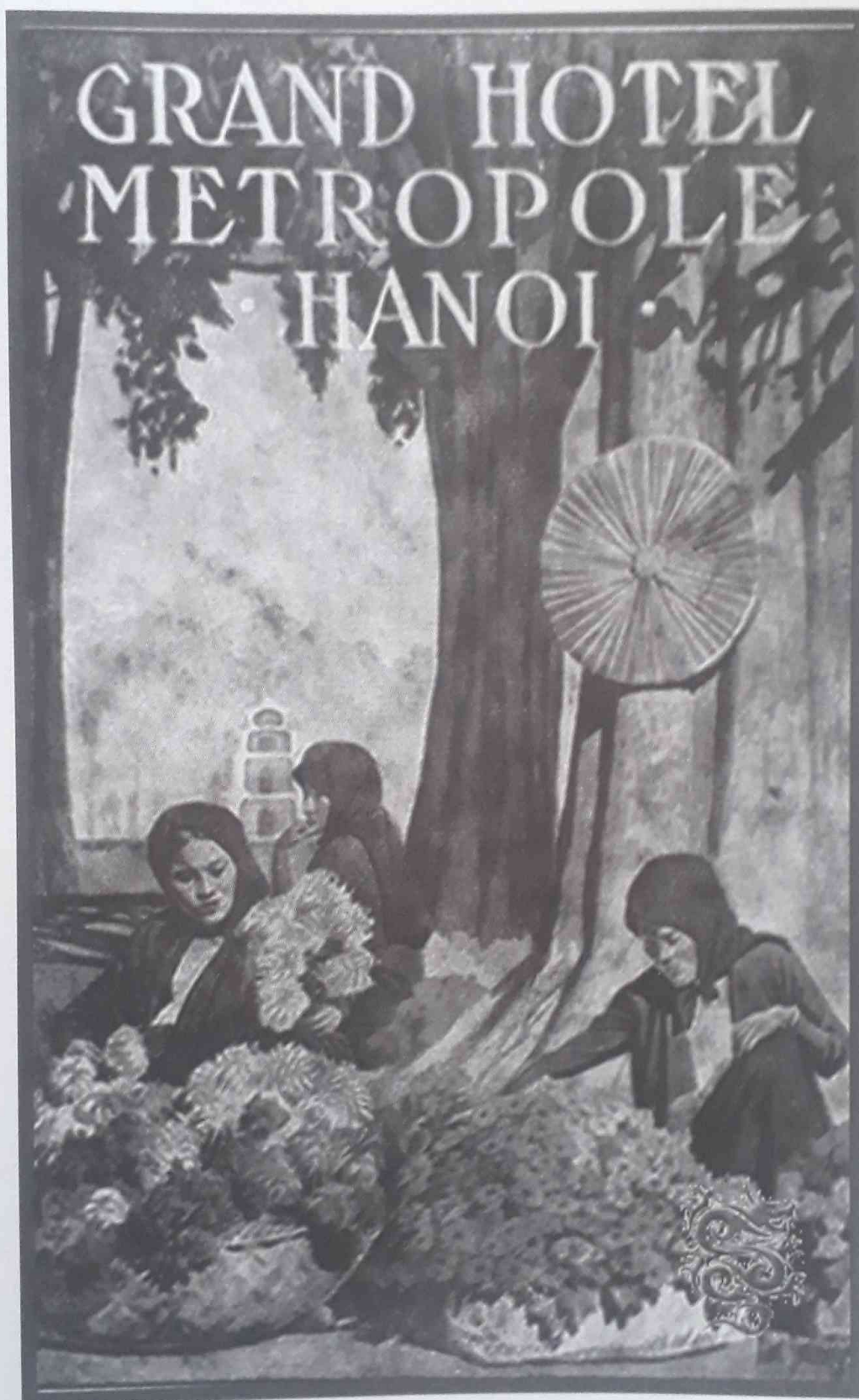
▲ Chợ hoa (4)

Nguồn: indochine-souvenir.com

▼ Đài nước sau chợ hoa

Nguồn: <http://nguyentl.com>





Chợ hoa trong áp-phích quảng cáo của khách sạn Métropole

Nguồn: <http://saigon.vietnam.com.free>

TƯ LIỆU ẢNH:

VĂN MINH PHÁP, LỐI SỐNG PHÁP

Sau khi người Pháp thiết lập được chế độ bảo hộ, Hà Nội có nhiều thay đổi về mọi mặt, đặc biệt là xuất hiện nhiều thứ của Tây như nhà tây¹, phố tây, quần tây, giấy tây, thuốc tây, bánh tây, chữ tây, me tây...đổi ngược với nhà ta, phố ta, quần ta, thuốc ta... Thực tế đã hiện hữu một nền văn minh và lối sống khác với văn minh và lối sống của người Việt trước khi Pháp sang.

Dưới đây là một số hình ảnh, trong và ngoài Hà Nội, minh họa điều đó.



Cửa hàng bánh kẹo

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>
Cửa hàng này nằm tại số 206, phố Jules Ferry (Lê Thái Tổ + Hàng Trống), rất có thể là cửa hàng Kem Bốn Mùa sau năm 1954.

¹ Chúng tôi không viết hoa.



▲ Ăn kiểu tây

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Cách ăn của người phương Tây có đặc điểm là ăn riêng và dùng dao, nĩa. Ảnh chụp trong một toa ăn trên đường sắt Xuyên Đông Dương.

▼ Quán cà phê đường Puginier (Điện Biên Phủ)

Nguồn: Eric Deroo - Pierre Vallaud,
Indochine française 1856 - 1956,





▲ Quán áo tây

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

▼ Xe đạp, xe kéo tay và xe điện

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>





▲ Ô tô

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

▼ Làm đường ô tô

Nguồn: Indochine à la belle époque

Heut parviens à 15 Max 1905

*Finances limitées parvenues
à 15 Max 1905
et 15 Max 1905
et 15 Max 1905*





Máy bay (1)
 Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



Máy bay (2)
 Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



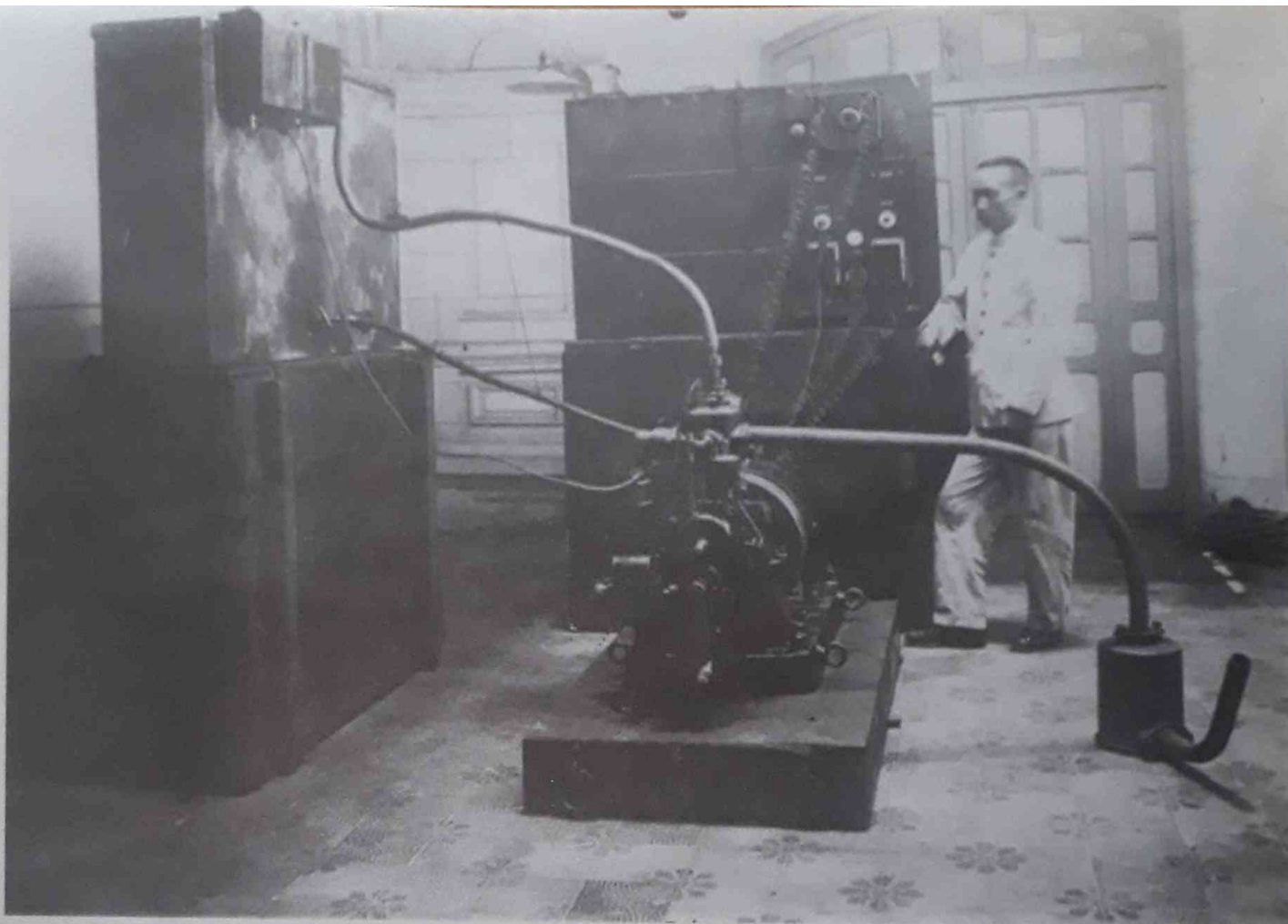
▲ Chiếu bóng ngoài trời

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

▼ Xe chiếu bóng lưu động

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>





▲ Máy chiếu phim

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



◀ Bích chương quảng cáo phim trên một phố Hà Nội "thời đại nguyên tử"

Nguồn: Eric Deroo - Pierre Vallaud, Indochine française 1856 - 1956.

Rạp chiếu bóng Long Biên không nằm ở phố này, nó nằm ở quảng giữa phố Hàng Chiếu; đây chỉ là một điểm treo bằng quảng cáo.

"Thời đại nguyên tử" là từ ngữ chỉ những năm 1950, khi lối sống Mĩ và hàng hóa Mĩ tràn vào Hà Nội như kính *com*², kaki Mĩ, bút máy Parker, kem nguyên tử (?), bút nguyên tử (bút bi)...

² "com" là âm tiết cuối của chữ *american*, có nghĩa là của Mĩ.

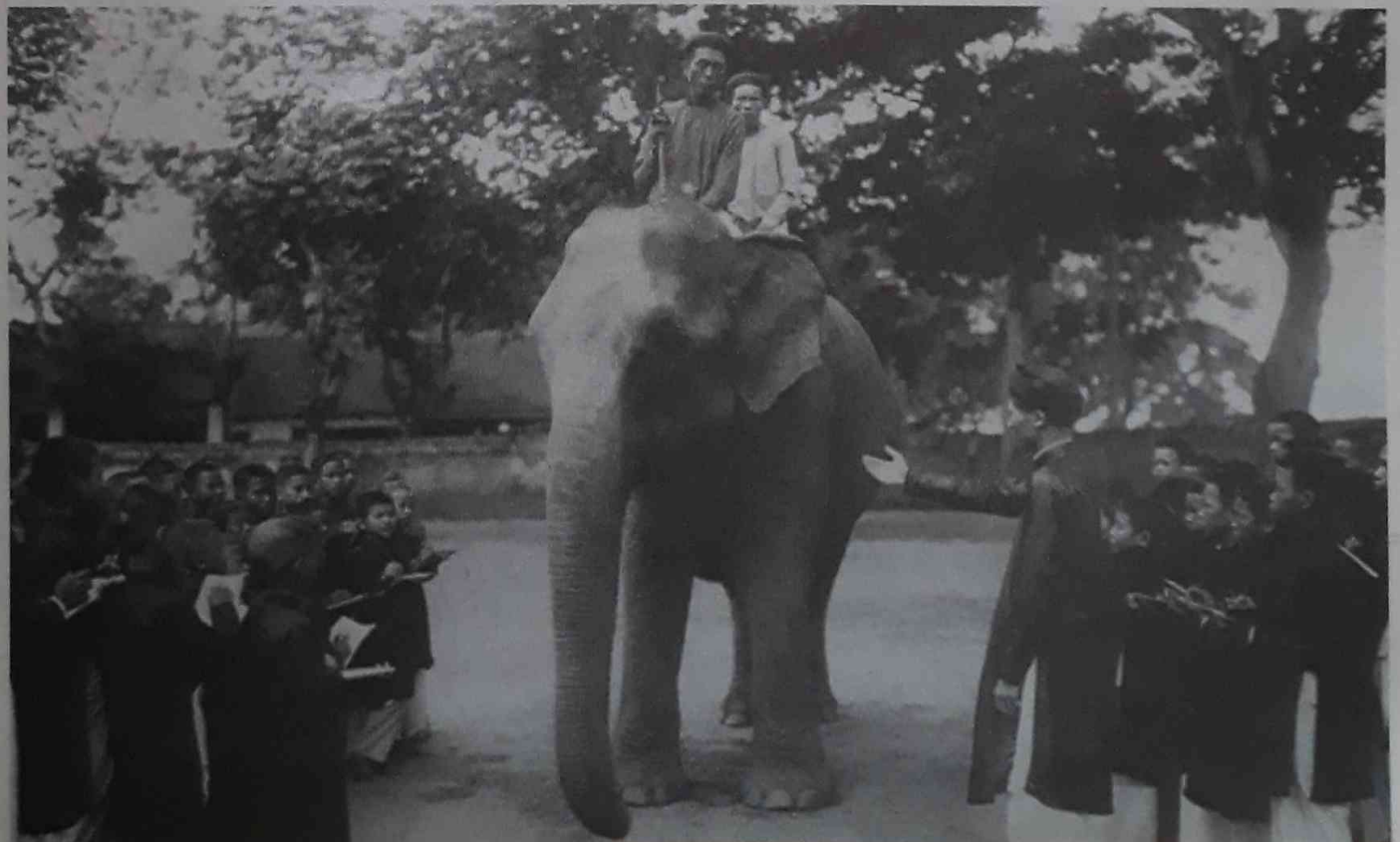


▲ Học chữ tây

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

▼ Học ở ngoài trời

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>





▲ Lớp học đờ đê

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

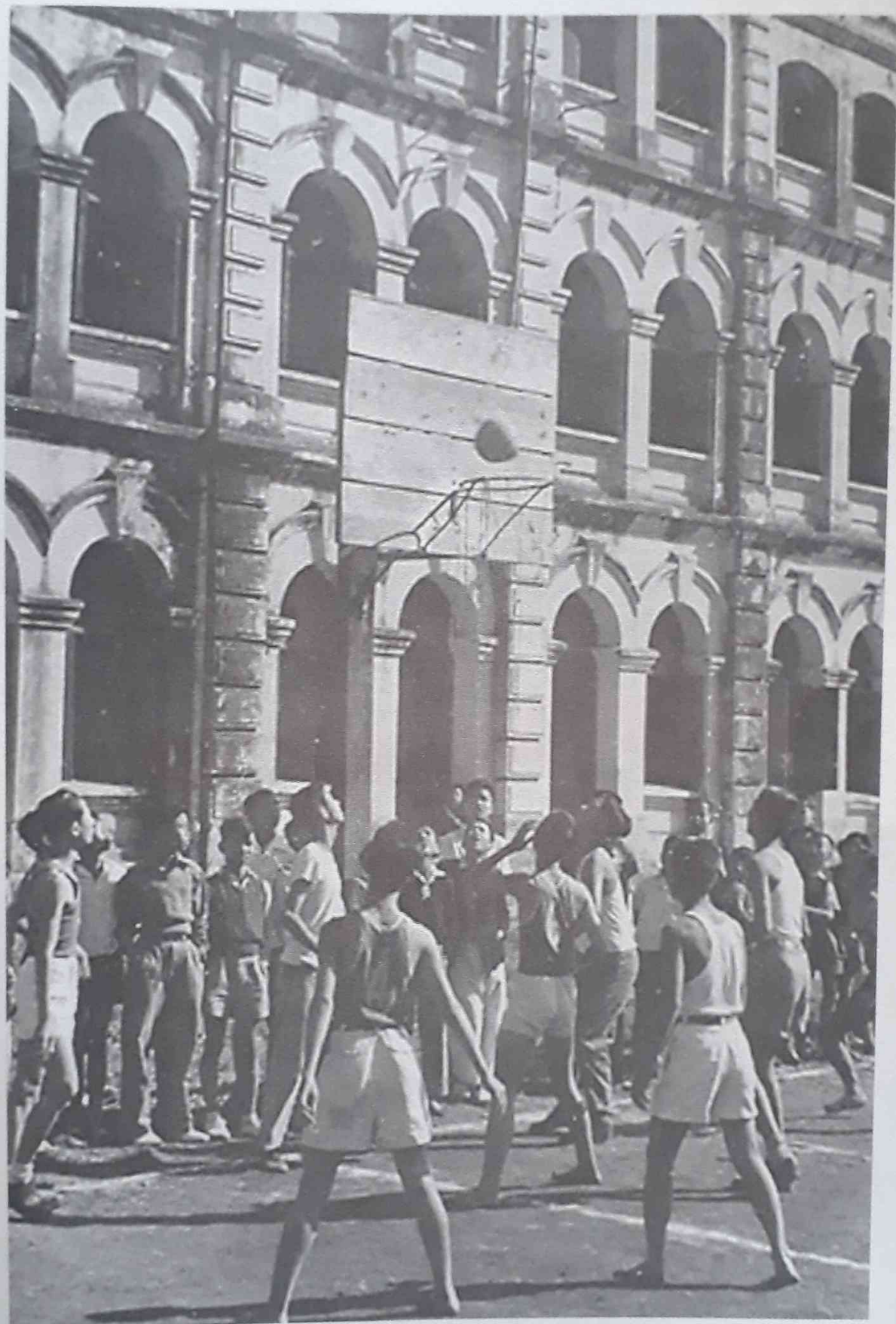
▼ Sân Quần Ngựa

Nguồn: hanoilavie.com



78. Tonkin - HANOI — Champ de Courses - La Pelouse





Bóng rổ

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



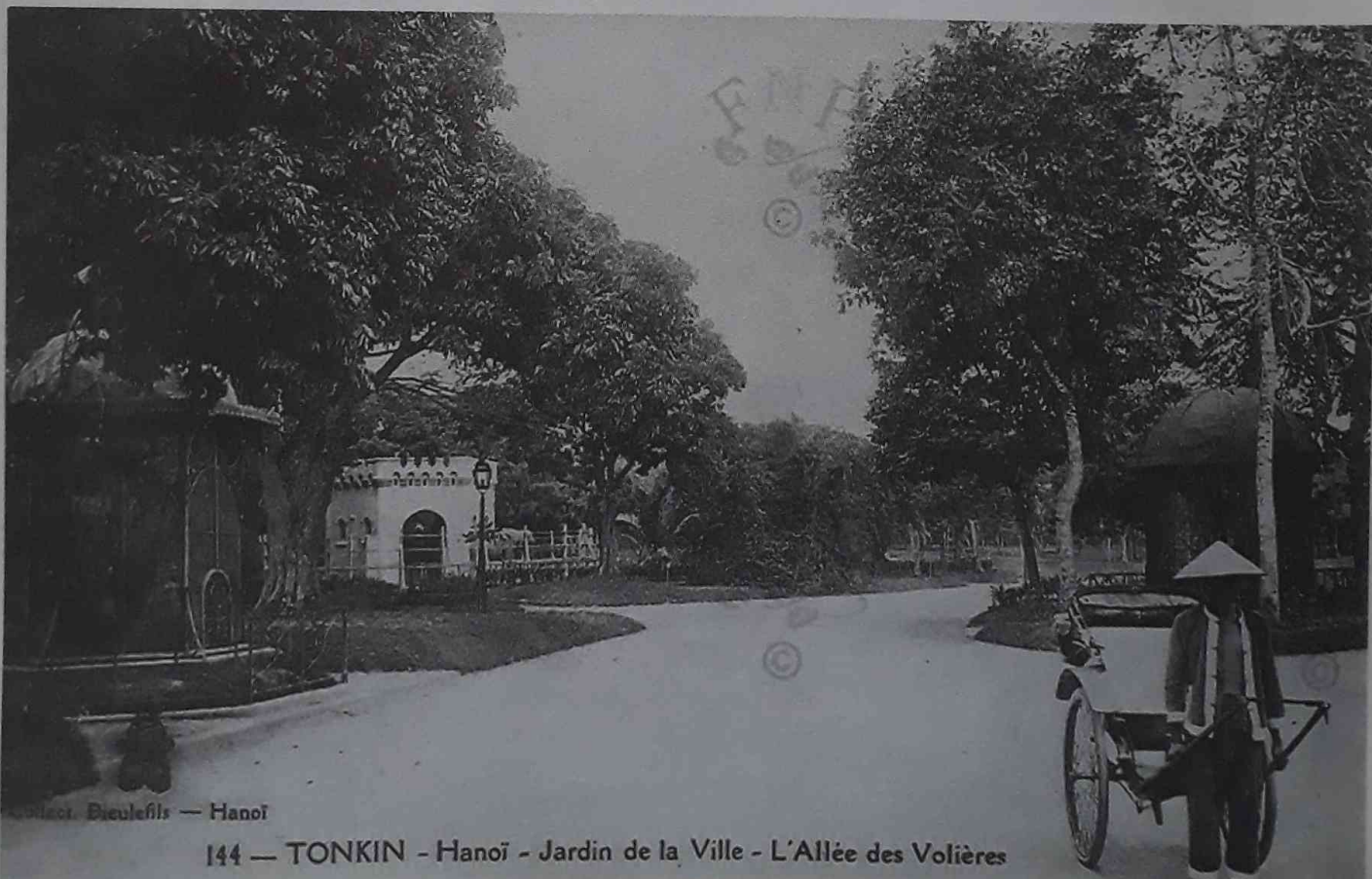
▲ Bóng đá

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>
 Đây là trận đấu giữa đội As Services của Pháp và một đội Việt Nam diễn ra ngày 11-9-1949 trên sân Mangin (nay là sân CLB Quân đội), nhân dân ta quen gọi là sân Cột Cờ. Có thể thấy ở phía xa là Hậu Lâu.

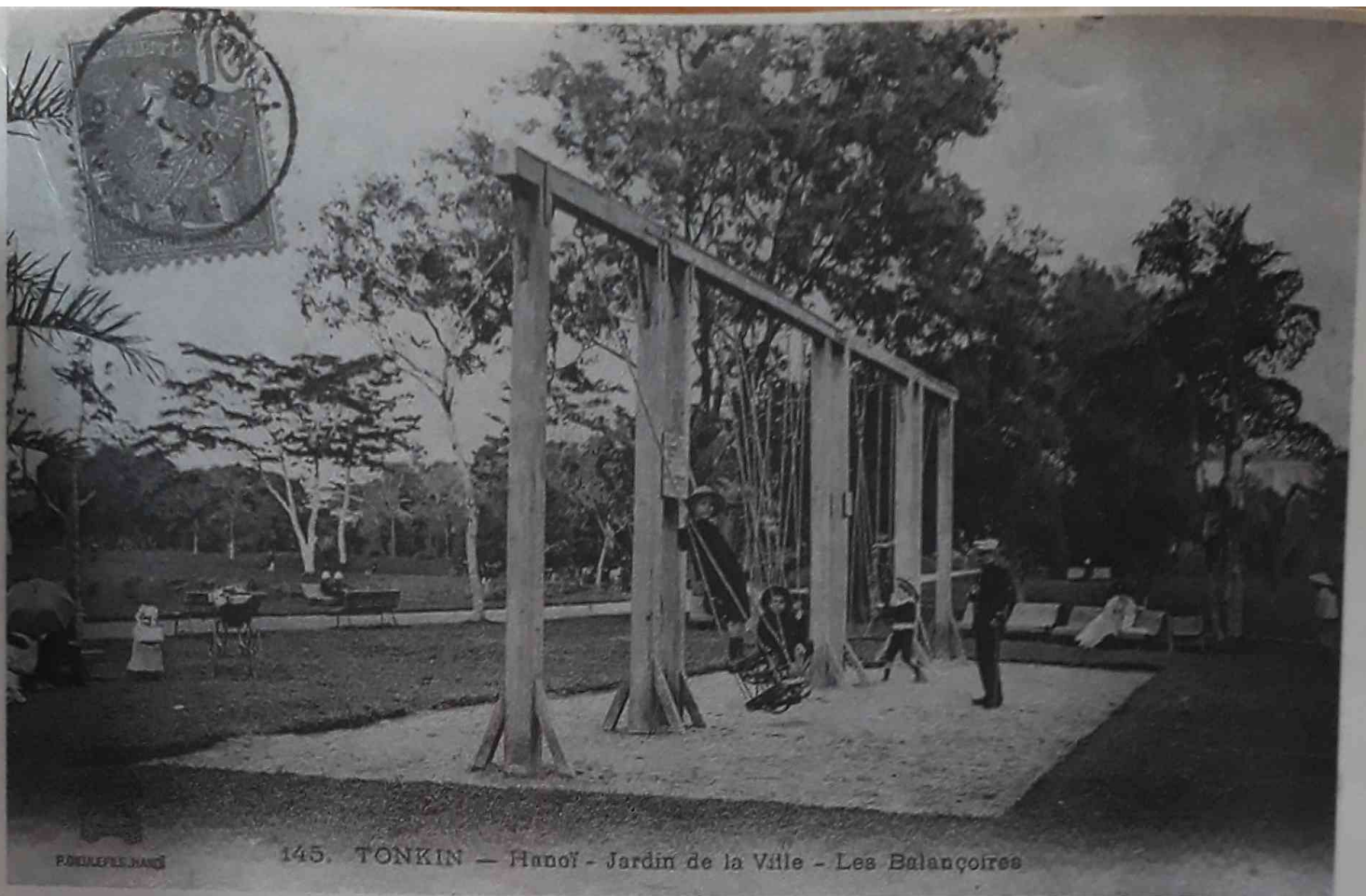
▼ Công viên

Nguồn: hanoilavie.com

Đây chính là Vườn Bách thảo. Trước khi Pháp sang, các hoa viên thường của tư gia và nhỏ.

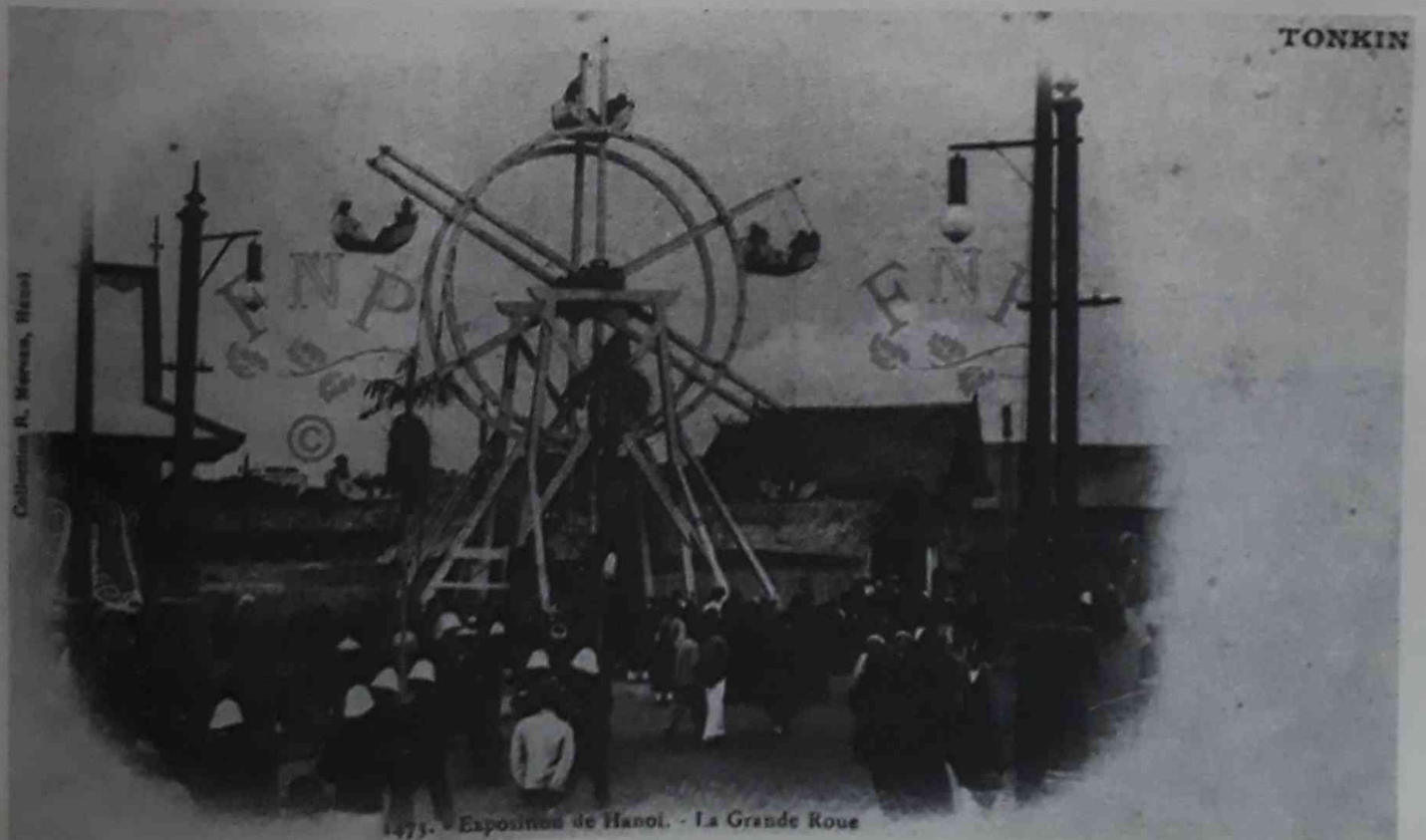


Collect. Dieulefils — Hanoi



▲ Xích đu trong công viên
 Nguồn: hanoilavie.com

▼ Đu quay
 Nguồn: hanoilavie.com





◀ Nghề bán hoa

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

"Hoa của các cô được bày rất độc đáo: các cô đắp một cái tháp bằng đất sét trên một khoanh tròn cắt ra từ thân cây chuối; trên tháp, các cô cắm hoa, cành cây nhỏ, những quả chín mọng màu đỏ và tím, phủ kín hết chiếc tháp đất và màu sắc được đan cài nhau rất khéo, tạo ra sự vui mắt.

Người An Nam cũng tỏ ra có tài đặc biệt trong việc dùng hoa và quả để tạo ra những con vật huyền hoặc. Họ làm ra những lồng hoa để trang trí bàn ăn trong những dịp vui hoặc trang trí bàn thờ tổ tiên" (Theo bác sĩ Hocquard, Une campagne au Tonkin)

▼ Khách sạn

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Khách sạn này là khách sạn Splendid, nay là khách sạn Hòa Bình, nằm tại góc đường Lý Thường Kiệt – Ngô Quyền. Tên tiếng Anh Splendid Hotel của khách sạn trong một xứ do nước Pháp bảo hộ là một vấn đề lý thú đáng để đọc giả quan tâm, tìm hiểu.



THÀNH HÀ NỘI

André Masson

Cái tứ giác mệnh mông ngày xưa định hình tường lũy của *Thành Hà Nội* (Citadelle) – hầu như bị san bằng từ năm 1894 tới năm 1897 – ngày nay vẫn còn thấy rõ trên bản đồ thành phố nhờ bốn đường giao thông chính: đường Brière de l'Isle (Hùng Vương), đại lộ Carnot (Phan Đình Phùng), đại lộ Henri d'Orléans (Phùng Hưng) và đại lộ Félix Faure (Trần Phú).

Được xây dựng dưới triều Gia Long vào năm 1805¹, các thành lũy này là một trong những khuôn mẫu đặc biệt nhất của kiểu pháo đài Vauban mà xứ Đông Dương có được nhờ các sĩ quan Pháp, bạn của Giám mục Bá Đa Lộc. Là chứng tích cho sự hợp tác Pháp - Nam đầu tiên trong những năm đầu thế kỷ 18, các lũy đó xứng đáng được tôn trọng.

Thực vậy, thực xúc động khi, như ông Pasquier nói, “tìm thấy trong các nước vùng Viễn Đông này dấu ấn chúng ta để lại... Không thể chiêm ngưỡng các công trình này mà không có cảm giác tự hào to lớn và tự tin về thiên tài của dân tộc chúng ta”.

Tuy nhiên, không thể từ hơi hướng Pháp trong đường nét của Thành mà cho rằng nó do Olivier de

Puymanel xây dựng như người ta vẫn nhắc đi nhắc lại, vì Olivier đã chết ba năm trước khi Nguyễn Ánh chiếm Hà Nội vào ngày 20-7-1802. Năm 1799, quân triều đình² vẫn còn ở Qui Nhơn và không thể có việc vẽ sơ đồ một cái thành nào đó ở ngoài Bắc Kỳ trong khi chính việc chinh phục xứ đó vẫn còn hoàn toàn nan giải. Tuy vậy vào thời điểm chiến thắng của Nguyễn Ánh vẫn còn bốn người Pháp bên cạnh ông ta: Vannier, Chaigneau, de Forsans và Despiau. Theo các nguồn tư liệu của An Nam, sơ đồ thành do các sĩ quan Pháp vẽ bị các quan An Nam thay đổi vào năm 1805 vì các đường vạch tường thành phạm vào thuật phong thủy. Cuốn sách này không bàn về vấn đề đó, một vấn đề liên quan tới một thời kỳ quá xa xưa so với thời kỳ chúng ta nghiên cứu.

Những mô tả chính xác đầu tiên về Thành do viên chỉ huy Chapotot viết ngày 16-11-1875³: “Dạng khái quát của Thành là một hình vuông rất rộng. Mỗi cạnh hình vuông đó có ba chỗ nhô ra được pháo đài hóa, tức là ba liên tháp, hai pháo đài nhô, và hai pháo đài bán nhô. Chính giữa của các cạnh Bắc, Đông, Tây và hai

¹ Thư viện Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, Ms A81, fol.1.

² Chỉ quân của Nguyễn Ánh.

³ Hồ sơ số 13526, Phòng các Thống đốc, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

dầu của cạnh Nam được bảo vệ bởi những lũy bán nguyệt cùng kích thước như lũy chính (hình 1).

Quanh thành có một thêm đất⁴ rộng hơn sáu, bảy mét. Chiều cao của bờ lũy so với thêm đất khoảng 5m. Lũy trong bằng gạch.

Hào thành rộng từ 15m tới 18m và sâu khoảng 5m. Giống như mặt trong của lũy, mặt trong của hào cũng được phủ gạch nhưng mặt bờ ngoài không phủ. Các hào thành và hào lũy bán nguyệt được giữ ngập nước quanh năm; chiều cao mặt nước không vượt quá 1,2m hay 1,3m. Hào không có bờ dốc⁵.

Các chi tiết kỹ thuật trên sẽ rõ ràng hơn nếu ta tham khảo thêm một số sơ đồ nữa⁶ và hai ảnh của pháo đài nhô nằm giữa cửa chính Tây và công sự góc Tây Nam của Thành, vết tích duy nhất hiện còn lại của thành lũy cũ, nằm gọn trong những tòa nhà của Kho Thuộc súng. Một trong hai ảnh đó, chụp tại góc Tây Bắc của pháo đài nhô (hình 2) cho thấy chi tiết cấu trúc tường phía trong xây bằng loại gạch khổ $40 \times 14 \times 18$ cm, và một gờ đua bằng gạch trên có lan can viền quanh đường đi tuần. Trên ảnh thứ hai, chụp chính diện (hình 3), ta thấy phía trước là hào đã bị lấp đầy nhưng vẫn còn thấp so với dải đất chạy ven tường⁶.

Chúng ta hãy theo dõi tiếp những mô tả của viên chỉ huy Chapotot: "Việc liên lạc với bên ngoài được thực hiện qua năm cửa (hình 4) trở ra ở phía dưới các tháp canh và được bảo vệ bằng các lũy bán nguyệt ở phía trước. Người ra vào thành phải qua các vòm có cửa bằng gỗ rất nặng và có khả năng chống đỡ đáng kể. Ta vượt qua hào bằng những cây cầu gạch cố định vươn ra từ các tháp canh. Như vậy thành không có cầu cát⁷. Những chiếc cầu cố định này kết thúc tại giữa cửa sau của lũy bán nguyệt. Con đường tiếp tục chạy một đoạn ngắn trên một cái nền xây cao, rồi quẹo về bên phải và

thoát khỏi lũy bán nguyệt để ra giữa trời ở mặt phải và gần cửa sau.

Những lối đi như vậy được đóng kín bằng những cửa mà tình trạng hiện nay rất tồi tệ. Tuy không có cầu cát, nhưng địch quân phải vượt hào của lũy bán nguyệt và lính trấn giữ trên những chiếc cầu gạch cố định để vào trong lũy⁸.

Hiện nay chỉ còn Cửa Bắc được bảo tồn nhưng lối thông ra đại lộ Carnot (Phan Đình Phùng) đã bị xây bịt nên phải đứng ở bên trong mới chiêm ngưỡng được vòm gạch dài 23m tuyệt đẹp, ở phía trên lối đi và những cầu thang lộ thiên dẫn lên một cái chòi. Chòi này ngày xưa dùng làm chòi canh, hiện nay biến thành chỗ ở của các quân nhân. Ở mặt ngoài, người ta vẫn giữ nguyên trên mặt tường những lỗ đạn của trận bắn phá ngày 25-4-1882 như một ghi nhận mang tính kỷ niệm. Ta cũng nhận ra ở phía trên vành cung của chiếc cửa, bị xây bịt, ba chữ⁹:

正北門 Chính Bắc Môn

(Cửa chính xác theo hướng Bắc)

Toàn thể pháo đài sẽ có giá trị phòng thủ mạnh nếu được trang bị pháo binh hiện đại. Nhưng pháo của nó chỉ là những khẩu hoen gỉ "bày trong cửa hàng của một người buôn đồ cũ hơn là đặt trên lũy của một pháo đài". Tầm xa của những khẩu đại bác dạng này ngắn đến nỗi, ngày 25-4-1882, khi cố gắng bắn trả các đợt bắn phá của các pháo thuyền Pháp, đạn của chúng, những khẩu đại bác cũ kỹ đó, mới đi được nửa đường đã rơi vào khu dân cư.

Ở trong thành, giữa những hồ, ruộng và vườn rộng lớn có ba nhóm nhà chính: ở trung tâm là *Vọng Cung*⁹ và *Tháp Canh*¹⁰ (Mirador), ở phía Tây là các kho của tỉnh, ở phía Đông là nhà ở và nơi làm việc của các quan đại diện cho nhà vua ở tỉnh.

⁴ Dải đất giữa hào và bờ thành để taluy khỏi sụt lở xuống hào.

⁵ Có nhiều sơ đồ về Thành Hà Nội. Sơ đồ chúng tôi in lại theo một sơ đồ vẽ năm 1888 hình như chính xác nhất. Cũng liên quan tới thời kỳ nghiên cứu của chúng ta, còn có một sơ đồ bổ ích là "Sơ đồ Thành Hà Nội do tập sự viên hạng nhất Perrin vẽ" vào năm 1873 (Hồ sơ số 12.463, Phòng các Thống đốc, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương).

⁶ Con hào bị lấp này nay là đường Hùng Vương.

⁷ Còn gọi là *điều kiều*; ở các thành thời Trung Cổ, điều kiều có thể nhấc đầu phía ngoài lên để cắt đứt liên lạc giữa hai bên bờ hào.

⁸ Hàng chữ nho này do ông *Tran-Ham-Tan*, một nhà nho thuộc Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, viết.

⁹ Nguyên văn *Pagode royale*. Về từ này, Philippe Papin giải thích như sau: "Nhiều người châu Âu gọi 'pagode royale' là một cái chùa, mà thực ra nó không hề dùng vào việc thờ cúng và có tên tiếng Việt là *vọng cung*; tại đa số các tỉnh lỵ và trung tâm của Bắc Việt Nam, nói chung là gần các thành, công trình này được dành riêng cho nhà vua khi ông ta tới thăm tỉnh".

¹⁰ Tức *Cột Cờ* hiện nay.

Vọng Cung được xây dựng tại nơi xưa kia là cung điện của triều Lý. Cung điện này do *Lý Thái Tổ* xây dựng vào đầu thế kỷ 11¹¹ tại nơi hội tụ các điều kiện tốt nhất¹² của thuật phong thủy và có khả năng thần diệu chống lại những ảnh hưởng xấu. Nhìn vào sơ đồ thành (hình 1), người ta thấy Vọng Cung hoàn toàn nằm lệch khỏi trục của thành và bản thân thành lại nằm theo hướng Bắc Tây Bắc – Nam Đông Nam. Hướng của Vọng Cung lệch rất rõ về Tây Bắc so với trục của thành. Sự kiện này được giải thích bằng ý đồ sử dụng một số điểm đặc biệt trong thế đất mà vẫn tôn trọng các quy tắc buộc hướng phải là một trong các hướng Tí-Ngọ, Quý-Dinh, Nhâm-Bính, Càn-Tốn.

Được bảo vệ bởi một tường vây hình chữ nhật, trong đó một số cửa được bảo tồn (hình 5), Vọng Cung gồm ba tòa nhà từ Nam lên Bắc là: *Đoan Môn*, *Kính Thiên* và *Hậu Lâu*.

Đoan Môn, công trình duy nhất còn giữ được, có năm cửa, trong đó ba cửa chính đã bị xây bịt. Phía trên khối tường gạch to lớn là một vọng lâu hai tầng đường nét duyên dáng đã bị một hiên và nhiều cửa sổ sắt hiên làm xấu đi. Một sơ đồ vẽ năm 1888 cho thấy nét cổ kính của mặt Nam *Đoan Môn* (hình 6) so với mặt Bắc mà hình mới được chụp gần đây (hình 7). Phía trên cửa chính mặt Nam của *Đoan Môn*, ta vẫn còn đọc được hàng chữ:

端門 Đoan môn
(Cửa dành riêng¹³)

Tòa nhà trung tâm (hình 8) của Vọng Cung là *Điện Kính Thiên*, có nghĩa là “kính trọng trời”; được xây dựng trên gò đất thiêng *Nùng Sơn* trong nhiều thế kỷ được coi như thần hộ mệnh của kinh thành. Điện là “một trong những tuyệt tác của kiến trúc An Nam. Bốn con rồng đá lưng lõm chồm vây ôm lấy các sống của bộ mái và ngẩng

cao đầu ở bốn góc mái”¹⁴. Bên trong *Điện Kính Thiên* có “nhiều cột rất cao và to hàng ôm bằng gỗ lim”¹⁵.

Điện Kính Thiên bị phá hủy năm 1886 để xây dựng ngôi nhà hiện nay là Sở Chỉ huy Pháo binh. Bù lại, các bậc thang tuyệt đẹp (hình 9 và 10) lên sân điện vẫn còn nguyên và những con rồng đá có từ thời Lý uốn mình dọc theo các bậc thêm theo một truyền thống mà *Maspero* có nhắc tới¹⁶. Điều đáng ngờ là những con rồng bắt nguồn ở một thời kỳ quá xa xưa này lại giống với những con rồng của bậc thêm lăng *Gia Long* ở Huế khiến người ta nghĩ rằng chúng rất có thể được làm ở đầu thế kỷ 19 như mọi thứ khác trong *Thành Hà Nội*.

Về tòa nhà thứ ba, *Hậu Lâu*, thường được gọi một cách không chính xác là *Chùa của các công chúa*¹⁷, nó đã bị đổ nát vào năm 1876 khi *Petrus Ký* thăm Hà Nội. Hiện nay nó đã được xây dựng lại hoàn toàn và dùng làm nhà ở cho quân đội.

Nằm cùng trục với Vọng Cung và lui về phía Nam có một cái tháp cao người Pháp thường gọi là *Tháp Canh* (*Mirador*) còn người An Nam gọi là *Cột Cờ* vì ngày xưa người ta thường treo trên đó lá cờ vàng của nhà vua trong những ngày lễ¹⁸.

Được *Gia Long* xây dựng vào năm 1812¹⁹, *Cột Cờ* là phần được bảo tồn tốt nhất của Thành. Nó được dựng trên ba tầng hình chữ nhật diện tích giảm dần, trong đó tầng dưới cùng mỗi cạnh 42m và tầng trên cùng mỗi cạnh 15m. Trừ một cửa, các cửa của tầng hai vẫn còn các chữ nho viết từ xưa: cửa Đông ghi 迎旭 *ngênh húc* (đón rạng đông), cửa Nam ghi 向明 *hướng minh* (quay về chỗ sáng), cửa Tây ghi 回光 *hồi quang* (ánh sáng quay lại). Trên tầng thứ ba dựng một cái tháp bát giác, trong có hai chiếc thang xoắn ốc độc lập dẫn lên đỉnh, trong đó hiện nay chỉ còn một thang dùng được. Phía trên cửa vào có hàng chữ:

¹¹ *Maspéro, Le protectorat général de l'Annam sous les Tang*, đăng trên *B.E.F.E.O.*, tập 10, 1910, trang 539.

¹² Về những quy tắc của luật phong thủy quyết định việc chọn chỗ đặt tỉnh thành, xem *L. Cadière, La merveilleuse capitale* đăng trên *Bull. Des Amis du Vieux Hué*, 1916, trang 246.

¹³ Nguyễn văn *Porte direct*, chưa sát với thực tế nên chúng tôi dịch theo ý câu *entrée réservée* tác giả dùng để chú hình 6 và 12.

¹⁴ *F. Garcin, Au Tonkin pendant la conquête*, trang 48.

¹⁵ *Petrus Ký, Voyage au Tonkin en 1876*, Thư viện Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, 8^o 3621, trang 7.

¹⁶ *Maspéro, sách đã dẫn ở trên*, trang 558.

¹⁷ Tạm dịch từ nguyên văn *Pagode des Dames*; tên gọi khác là *lầu công chúa*.

¹⁸ Thư viện Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, Ms A81, tờ 3.

¹⁹ Thư viện Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, Ms A81, tờ 2.

旗臺 Kỳ đài

(Tháp cờ)

Các kho của tỉnh, nơi thu thuế bằng hiện vật hoặc bằng tiền, nằm ở phía Nam chỗ bây giờ là trường trung học Albert Sarraut²⁰. Chúng được chia thành kho gạo và kho bạc. Kho gạo chủ yếu dùng để trả lương cho các quan và phân phát cho dân chúng, kho bạc cất giữ các xâu tiền hoặc các thỏi bạc. Chịu trách nhiệm về các kho này là *Quan-bố* có văn phòng gần Cửa Bắc. Các quan to khác như Tổng đốc, Tuần phủ, Quan án và Đề đốc ở khu vực phía Đông của Thành. Năm 1873, chỗ ở của Tuần phủ phải nhường cho Nguyễn Tri Phương, Khâm sai của triều đình.

Trong Thành cổ, còn có trường luyện quân (chỗ ngày nay là Nha Tài chính²¹), các chuồng voi gần Cột Cờ, nhà tù ở góc Đông Bắc, trường bắn, kho vũ khí, nhiều đền chùa, nhất là đền *Khán Sơn* dựng trên một cái gò đắp cùng tên ở phía sau khu kho, Vũ Miếu. Cuối cùng là một ngôi miếu nhỏ gần Cột Cờ thờ *Bà Liễu Hạnh*. Miếu nằm ẩn dưới một cây đa "thân to lớn, cành lá lạ lùng, rễ mọc tự nhiên to như những chiếc thùng, qua nhiều thế kỷ bị vận theo những hướng định trước và được kiên nhẫn chờ đợi, làm thành chỗ này là rỗng cuộn, chỗ kia là rắn quăn. Có những rễ thẳng như cột, chống đỡ cho tán lá chằng chịt, có chỗ dạng cái ngai, có chỗ dạng cái bàn thờ. Tất cả phủ kín một vùng rộng tới năm mươi bước về mọi phía"²².

Tóm lại, Thành Hà Nội không chỉ là pháo đài chính ở Bắc Đông Dương mà còn là trụ sở hành chính của một tỉnh lớn và thủ đô lịch sử của nước Việt xưa²³, nơi đóng nhiều triều đại trong nhiều thế kỷ. Vì thế việc Francis Garnier chiếm thành ngày 20-11-1873 có một tiếng vang tinh thần đáng kể. Việc một cú điểm mạnh như vậy, được Nguyễn Tri Phương, vị tướng giỏi nhất của đế quốc An Nam, cùng hàng nghìn binh lính bảo vệ có thể rơi vào tay một đại úy hải quân và 180 thủy binh và binh sĩ Pháp trong có vài giờ chứng tỏ lực lượng của

người Pháp mạnh như thế nào. Việc này giải thích phần nào sự nhanh chóng trong việc chinh phục các tỉnh lân cận: khi một trong những đại úy của Garnier có mặt trước thành Hưng Yên, viên Quan-án mở cửa thành nói: "Chúng tôi không có ý định giữ ngôi thành nhỏ bé chống lại những người đã lấy được thành Hà Nội!".

Rất nhiều chuyện về ngày 20-11-1873 đã được xuất bản nhưng một tài liệu hàng đầu, báo cáo quân sự của Garnier cho thống đốc Nam Kỳ, vẫn chưa được công bố²⁴, đáng kể nhất:

"Thưa ngài Thống đốc,

Tôi vinh dự báo cáo cho ngài biết những cuộc hành binh dẫn tới việc chiếm tỉnh Hà Nội và các pháo đài chính của tỉnh đó.

Một tối hậu thư đã được gửi đi vào sau buổi trưa ngày 19 cho tổng đốc *Đông-kinh* (Tong-king). Tôi yêu cầu ông ta một văn bản tuyên bố không dùng vũ lực chống lại việc thi hành các điều lệnh thương mại của tôi và ngưng việc chuẩn bị chiến tranh. Khi thấy không có một trả lời nào, tôi quyết định tấn công Thành Hà Nội vào sáng sớm ngày mai.

Vào 5h30, toán thứ nhất gồm 30 thủy binh và một khẩu pháo 4²⁵ do trung úy hải quân Bain de Coquerie chỉ huy rời trại để vào vị trí trước cửa Tây Nam Thành.

Vào 5h45, toán thứ hai gồm 30 bộ binh hải quân do ông Trentinian chỉ huy lên đường tới cửa Đông Nam, cửa gần trại quân ta nhất²⁶. Cuối cùng, vào lúc 5h50, ông Esmez dẫn 30 thủy binh và ba khẩu pháo 4 cũng tiến về cửa Đông Nam. Theo sau ông ta có một đội dự bị gồm 20 thủy binh của tàu *Décres* do một đại úy bộ binh của tàu này chỉ huy. Ông Bouillet, kỹ sư thủy văn, cùng 10 người ở lại bảo vệ trại.

Ngoài sông, từ hôm trước, các pháo hạm *Scorpion* và *Espignole* chuẩn bị cho việc bắn phá. Dạn sẽ hướng vào các cửa Tây, Bắc và Đông, tức là vào những cửa chúng tôi không tấn công. Vào 5h, một khẩu pháo 4 được bố trí

²⁰ Nay là một trụ sở của Trung ương Đảng.

²¹ Nay là Bộ Ngoại giao.

²² Dumoutier, *Revue Indochinoise*, 1901, trang 396.

²³ Tạm dịch từ nguyên văn *Tonkin*.

²⁴ Hồ sơ số 12466, Phòng các Thống đốc, Sở Lưu trữ trung ương Đông Dương.

²⁵ Nguyên văn *une pièce de 4*.

²⁶ Garnier đóng quân trong Trường Thi.

cách bờ sông vài mét, tại cổng một phố²⁷, chạy thẳng vào Cửa Đông của Thành. Như vậy đường bắn của khẩu này thẳng, các đường bắn từ sông vào là đường bắn ước chừng nhưng tất cả các khoảng cách và hướng đã được xác định cẩn thận.

Đúng 6h, tôi, dẫn đầu đơn vị của ông Trentinian, đặt chân lên cầu của lũy bán nguyệt Đông Nam, tiếng súng trường (mousqueton) của ông Bain nổ bên trái tôi và những trái đạn đầu tiên của pháo thuyền nổ trong thành. Quân giữ thành hoàn toàn bất ngờ. Bị bối rối bởi cuộc tấn công chính xác và nhiều đợt, họ không biết điểm nào là điểm thực sự bị tấn công. Chúng tôi có thể giải tỏa cầu khỏi những tấm chông bừa bộn khắp nơi mà không sợ đạn bắn. Khi các pháo thủ trên tường thành vào được vị trí thì chúng tôi đã trú được ở sát tường. Những người phòng thủ không biết làm gì hơn là ném đá xuống. Chúng tôi dùng rìu nhưng không phá được cửa. Tôi cho đặt một khẩu đại bác trên cầu và ba phát đạn liên tiếp đã mở đường cho chúng tôi. Ngay lập tức, ông Trentinian và đội bộ binh của hải quân lao vào bên trong công sự góc, tại đây quân phòng thủ không thể ẩn được, phải chạy lên thêm đất ở chân thành hoặc chết đuối trong hào. Làn hỏa lực mãnh liệt của chúng tôi hướng vào tất cả những ai trên mặt lũy và làm thất bại ý định nhiều lần của các pháo thủ giữ thành định chia pháo về phía chúng tôi (hình 4).

Trong khoảng thời gian trên, ông Esmez cho pháo chiếm vị trí trên cầu và bắn thủng cánh cổng trong tiếng rào rào của đá từ trên lũy ném xuống. Cánh cửa vững chắc này chống đỡ khá lâu. Khi mở được lối vào, tôi lao vào vòm cổng cùng với mấy người lính theo sau và nhận ra trước mặt mình mấy người đang cầm lòng che cho một vị quan đang chỉ huy phòng thủ. Tôi không ngờ viên quan này chính là tướng Nguyễn Tri Phương mà sự rất ngẫu nhiên khiến vị trí chỉ huy của ông ta lại ở chính cửa tôi phải tấn công. Một cuộc đụng độ ngắn bằng súng lục và súng saxopô giải quyết hoàn toàn khu vực cổng, lính An Nam chạy tứ tán. Chúng tôi tháo cánh cửa và ngay lập tức đưa hai khẩu pháo lên mặt thành sẵn sàng nhắm đạn vào phía trong. Cùng lúc đó,

tiếng kèn hiệu cho tôi biết ông Bain đã làm chủ tình hình của bên cạnh. Không có dấu hiệu của sự kháng cự trong công sự góc. Khi tấn công thành, ông ta đã quét nhiều loạt đại bác từ bờ thành nhưng không trúng ai.

Lập tức tôi phái ông Trentinian vào trong thành để giữ tướng Phương và phái ông Hautefeuille, chuẩn úy hạng 1, cùng với mấy người nữa tới chiếm Cửa Đông. Đồng thời, tôi truyền lệnh cho ông Bain cùng với một nửa quân số tiến về Cửa Tây nơi đang có nhiều quân giữ thành tháo chạy qua. Cuối cùng, nhận thấy nhiều quân giữ thành trốn trong chiếc tháp canh (Cột Cờ) nằm giữa hai cửa của mặt Nam và lính phòng thủ đẩy nghẹt hai lầu, tôi cho ông Esmez tiến về phía đó, chỉ giữ lại đơn vị dự bị. Một lúc sau, ông Esmez cho tung bay trên đỉnh Cột Cờ lá cờ ba màu của Pháp, tín hiệu quy ước để các pháo hạm ngừng bắn phá. Lúc đó là 6h55. Ông Esmez tiến ngay tới Cửa Bắc. Ở Cửa Đông, ông Hautefeuille, chỉ có năm người, đang bị đẩy lui. Tôi phái viên đại úy bộ binh của tàu Décrès cùng với đội dự bị tới chỗ ông ta và ra lệnh cho một khẩu pháo nhắm đạn vào mặt này. Vài phút sau cờ Pháp bay trên nóc của thành. Chúng tôi không có người nào bị thương”.

Sáng hôm sau, Garnier bịt và chặn các cửa để dễ dàng kiểm soát từ Cửa Đông thông với khu phố buôn bán. Sau đó ông ta bắt đầu sắp xếp lại bên trong thành để, theo thư viết cho thống đốc, “ngay lập tức chú ý tới đám dân nghèo tự nhiên bị đẩy vào hành động cướp phá. Công việc này, ngay sau đó được giao cho một nhà thầu người Tàu, đã góp phần mạnh mẽ vào việc chấm dứt tình trạng bất ổn như vẫn thường thấy ở các thành phố lớn mỗi khi xảy ra chiến sự. Công việc này cũng cho thấy ý định ở lại đây của chúng ta. Với quan điểm này, công việc tiến triển với hiệu quả tốt nhất.

Tôi cho phân chia và bố trí thấp sáng ngôi nhà lớn trước đây dùng làm chỗ ở của các vị vua. Vị trí ngôi nhà đó rất tốt. Khi ngài tới đây, ngài có thể thấy một ngôi nhà nếu không nói là tiện nghi thì ít ra cũng thích hợp. Chỉ mấy ngày nữa, người ta sẽ dựng doanh trại cho đại đội bộ binh của hải quân ở. Thực vậy, trong thành không có nhà nào ở được ngoài mấy ngôi nhà của các quan tỉnh. Binh lính của tôi hiện đang ở đó và các quan chức mới của tôi vẫn chưa có chỗ ở. Tốt hơn cả là trả cho

²⁷ Phố Hàng Mắm (rue de la Saumure).

họ những nhà kiều An Nam và cho binh lính của chúng ta ở trong các nhà kiều châu Âu²⁸.

Từ tổng hành dinh này, Francis Garnier điều khiển các phó của mình trong các hoạt động chinh phục vùng đồng bằng. Họ lần lượt chiếm Phủ Hoài, Hưng Yên, Phủ Lý, Ứng Hòa, Hoài-Yên²⁹, Gia Lâm. Ngày 3-12, Francis Garnier đã có thể viết: "Công cuộc bảo hộ của chúng ta lúc này đã thu phục được hai triệu người ở Bắc Kỳ". Cùng lúc, ông ta tiến hành tổ chức hành chính, tiếp nhận sự phục tùng của các quan chức địa phương, buộc họ phải thực hiện các quy định thương mại của mình, gửi thư cho các quan trong các vùng và tổ chức dân binh người địa phương, số người lên tới 4.000 vào đầu tháng 12.

Bộ máy hành chính mới không gạt bỏ chính quyền của Tự Đức, nó hoạt động nhân danh chính quyền này nhưng phải nhận thụ phong của Pháp. Francis Garnier cấp cho các quan thần phục và những người mới được bổ nhiệm các triện khắc sáu chữ nho có nghĩa "đại vương quốc do nước Pháp bảo hộ"³⁰. Mọi giấy tờ công phải mang tiêu đề in sẵn "nhân danh Tự Đức dưới sự bảo hộ của nước Pháp". Một viên quan mới, Joseph Fils, trong cơn nhiệt tình không đúng lúc, tung ra tuyên ngôn "nhân danh nước Pháp" lập tức bị cách chức.

Sau khi nghiên cứu kỹ các nguồn vốn của tỉnh Hà Nội, Francis Garnier thấy vững tâm cai trị tỉnh này không tốn một xu của chính phủ Nam Kỳ: "Theo kê khai chính thức, thuế dinh của tỉnh là 56.000 suất và thuế điền là 200.000 hecta ruộng cộng lại lên đến 500.000 franc một năm. Thuế đánh bắt thủy sản và thuế môn bài của các cửa hàng v.v... có thể tạo thêm hàng trăm nghìn franc, một số chủ cửa hàng đã tới tìm tôi để hợp thức hóa công việc của họ. Con số thu nhập tối thiểu cũng được 600.000 franc, quá đủ để chi phí cho hành chính và dân binh".

²⁸ Thư chưa công bố của Francis Garnier gửi đô đốc Dupré ngày 3-12-1873. Hồ sơ số 12466, Phòng các Thống đốc, Sở Lưu trữ trung ương Đống Đa.

²⁹ Như nguyên văn, chưa tra cứu được.

³⁰ Nguyên văn *le grand royaume de France protégé*. Theo Chu Thiện, *Hùng Khi Thăng Long*, NXB Văn hóa Thông tin, 2000, sáu chữ Hán này là "Đại phủ quốc-Bảo hộ dân".

Trong khi chờ đợi thu các loại thuế trên, Francis Garnier có ngay trong tay nguồn tiếp tế ở trong thành lên tới 204.000 franc ở dạng tiền sâu và ít nhất là 1.000.000 franc ở dạng thóc, muối và kim loại. Một phần của tổng số này dành làm nguồn dự trữ còn phần lớn dùng cho công tác cấm cạo đầu, xây dựng các quảng trường, nhà ở của binh sĩ... Việc xây dựng một đèn biển ở *Đồ Sơn*³¹ được đặt ra như một yêu cầu hàng đầu. Nhất thiết phải nối Hà Nội với vùng bờ biển bằng một đường điện tín. Về nguồn thu từ quan thuế, Garnier phải thu các phí cảng. Các bến cảng này do cảnh sát vịnh Bắc Kỳ và cảnh sát thủy chịu trách nhiệm.

Nhằm khai thác xứ này, Francis Garnier còn nghiên cứu một vấn đề rất quan trọng là mỏ: "Ngay sau khi biết được những mỏ người ta chỉ cho, tôi sẽ làm cho công nghiệp mỏ những gì như tôi đã làm cho thương mại mà không cần hỏi ý kiến ai, tức là tuyên bố các mỏ tự do. Tôi muốn các thương nhân Sài Gòn được thông báo về khả năng này và sẽ tạo ra ở Nam Kỳ một thị trường kim loại. Phải suy nghĩ mãi tôi mới quyết định cho chiếc Lao Kay chở đi Hongkong một lượng kẽm để người thương nhân Tàu đi theo tôi từ Sài Gòn bán, coi như tạo thuận lợi đặc biệt cho ông ta. Ông ta lấy có rằng ở Sài Gòn không ai mua kim loại. Các thương nhân của chúng ta bằng mọi giá phải tạo ra những mối quan hệ với thị trường kim loại ở châu Âu để thu hút một nguồn hàng mà nếu không sẽ chảy về phía bắc".

Sự thúc đẩy của Francis Garnier đối với thương mại mạnh mẽ đến nỗi, mười lăm ngày sau khi chiếm thành Hà Nội, tàu Lao Kay chở đầy hàng của tư nhân đi Sài Gòn mang theo một lượng kẽm và 150.000 franc hàng tơ lụa, tinh bột và các loại hàng khác.

Những chi tiết trên, chúng tôi trích từ các thư chưa xuất bản của Francis Garnier³², liên quan trước hết tới lịch sử thành phố Hà Nội.

Chính tại trung tâm Thành Hà Nội, Francis Garnier đã phác thảo ra các kế hoạch chính trị và kinh tế trong khi vẫn thương thuyết với đại diện của triều đình Huế, ra các tuyên cáo cho dân chúng, thảo các mệnh lệnh và

³¹ Nguyên văn *Dao-Son*.

³² Hồ sơ số 12466, Phòng các Thống đốc, Sở Lưu trữ trung ương Đống Đa.

chỉ dẫn cho các sĩ quan. Trong khi cố gắng bảo vệ phần Thành chiếm giữ được, Francis Garnier bị quân Cờ Đen giết chết.

Ngày chủ nhật 21-12, sau buổi lễ của cha Puginier, Garnier tới nhà hai ông Trần Đình Túc và Nguyễn Trọng Hiệp lúc 10h. Hai ông này từ Huế tới Hà Nội từ hai hôm trước để khởi sự những thỏa thuận sơ bộ của hiệp ước hòa bình. Người ta báo cho Francis Garnier biết một đơn vị mạnh của quân Cờ Đen từ Sơn Tây đang tiến về Thành Hà Nội. Ông chạy ra cửa Tây Nam, nơi lính Cờ Đen dùng những khẩu pháo dã chiến nhỏ từ xa 200m bắn vào cửa thành. Francis Garnier dùng một khẩu pháo 4 bắn trả và đạn pháo nhanh chóng làm quân địch rối loạn phải rút lui.

Francis Garnier muốn biến cuộc rút lui của quân địch thành một cuộc tháo chạy, ông nói với các sĩ quan vây quanh: "Nhất thiết phải ra khỏi thành. Chúng ta không thể đứng trông những quân địch như vậy ở cách thành chỉ có một nghìn mét". Những tình huống dẫn tới cái chết của Francis Garnier sau lần xuất quân đó được quá nhiều người biết nên không cần nhắc lại ở đây.

Cái xác mất đầu của Francis Garnier được trung sĩ Champion mang về Thành cùng với xác của hai lính thủy cùng bị giết. Sáng hôm sau, Jean Dupuis tới viếng. Sau này ông ta viết: "Không gì kinh khủng như những chiếc xác không đầu đó. Các xác chết nằm trải dài trên rom y nguyên như lúc mang về chiều hôm trước. Ông Francis Garnier cánh tay phải bị đứt rời, tay trái để xuôi theo thân, chân phải đi giày, chân trái chỉ có tất ngắn. Quần áo tơi tả, khắp người đầy vết gươm và giáo. Ngực bị mổ, tim bị lấy mất, da bụng bị lột. Hai tay co quắp"³³. Sau buổi lễ cầu hồn do Đức Cha Puginier thực hiện vào lúc 8 giờ sáng ngày 23-12 trước sự có mặt các Cha Sohier và Colomer, các thi thể³⁴ được đóng trong các áo quan bằng gỗ rất dày và được chôn gần Vọng Cung ở chân hai gốc đa lớn.

Theo thỏa ước Philastre, binh lính rút khỏi Thành Hà Nội ngày 12-2-1874. Theo điều 8 của thỏa ước này,

nhà cầm quyền An Nam cam kết tôn trọng các ngôi mộ Pháp ở trong Thành Hà Nội và cam kết "cùng với Trú sứ Pháp trong vòng một tháng tìm một địa điểm bên ngoài Thành Hà Nội để làm nghĩa trang". Thực tế, mãi hai mươi tháng sau, nhờ sự lo liệu của lãnh sự Pháp, ông Kergaradec, việc di chuyển hài cốt của Francis Garnier mới thực hiện được. Trước đây, lãnh sự Kergaradec, sau khi ra trường, là chuẩn úy trên cùng chiếc tàu chiến Suffren với Garnier³⁵.

7h30 ngày 3-11-1875, lãnh sự Kergaradec vào Thành Hà Nội cùng với chỉ huy trưởng, thư ký lãnh sự, bác sĩ trưởng Jardon, người có trách nhiệm viết báo cáo pháp y³⁶ khi khai quật tử thi. Công việc nặng nhọc này kéo dài suốt một ngày và mãi 16h đám tang mới tới ngôi nhà thờ nhỏ của Hà Nội. Tại đây các áo quan được canh giữ suốt đêm.

Sáng hôm sau Cha Puginier làm lễ cầu hồn vào lúc 7 giờ, sau đó đám tang hướng về nghĩa địa mới trong Khu Nhượng địa giữa một đám dân chúng đông đảo. Những người khiêng nhà táng, được tuyển trong số người An Nam theo đạo, lên tới hàng trăm người. Việc giữ trật tự do một đại đội lính An Nam bảo đảm. Từ mấy hôm trước người ta đã dùng một số lượng lớn phu để dọn sạch con đường dẫn vào nghĩa địa và mở rộng cổng trại vì quá hẹp đối với đám rước³⁷.

*
* *

Trong tám năm của thời kì lãnh sự ở Hà Nội, các quan An Nam trở lại cuộc sống cũ trong Thành, trong khi duy trì với các đại diện của chúng ta các quan hệ bên ngoài có vẻ hữu hảo nhưng trong thực tế tìm cách gây cho chúng ta những khó khăn tệ hại nhất.

³⁵ Thư của Kergaradec ngày 16-12-1875 gửi Luro trong cuốn *Les français au Tonkin*, NXB Gautier, 1890, trang 323.

³⁶ Dưới đây là trích đoạn của báo cáo đó: "Sọ cho thấy: 1) có một vết gươm rộng 6cm ngang thái dương phải; 2) một nhát chém rất rõ của vật sắc vào phía dưới chòm xương gò má trái; 3) hai vết đen tại xương đỉnh phải và một vết đen ở giữa hộp sọ trên. Đốt sống đôi và đốt sống trực liên theo hộp sọ cho thấy vết chém có thể vào đốt sống cổ vì đốt ba và đốt bốn thiếu. Lồng ngực cho thấy các xương sườn bị gãy". Hồ sơ số 12988, Phòng các Thống đốc, Sở Lưu trữ trung ương Đông Dương.

³⁷ Thư của Kergaradec ngày 9-11-1875 gửi thống đốc, Hồ sơ số 12988, Phòng các Thống đốc, Sở Lưu trữ trung ương Đông Dương.

³³ Dupuis, *Le Tonkin de 1872 à 1886*, 1910, trang 196.

³⁴ Chỉ có thân, các đầu mũi ít lâu sau người An Nam mang trả và ngày 6-1-1884 mới được bỏ vào áo quan.

Cuối năm 1881, tình hình càng ngày càng căng thẳng. Các quan An Nam tiếp các toán quân Cờ Đen trong Thành Hà Nội. Sự có mặt của các toán này tạo ra sự nguy hiểm thực sự cho khu Nhượng địa. Ngày 28-11-1881, Thống đốc Myr, muốn tránh một cuộc can thiệp đổ máu, đã yêu cầu lãnh sự của chúng ta tại Hà Nội báo cáo chi tiết về các biện pháp sẽ sử dụng để, nếu có thể, “không dùng sức mạnh mà chỉ dựa vào bất ngờ chiếm Thành Hà Nội và đuổi quân Cờ Đen khỏi các vị trí của chúng”. Đồng thời Thống đốc cũng thúc dục lãnh sự của chúng ta “phải chú ý không được để nổ ra cuộc chiến mà phải hành động một cách từ từ, hòa bình, theo con đường hành chính³⁸, không nổ một phát súng trừ trường hợp chống lại bọn cướp bóc và bất lương, trong đó có bọn lính đánh thuê Tàu”.

Ông Kergaradec trả lời ngày 5-2-1882: “Việc chiếm thành Hà Nội mà không cần ra tay chắc chắn không có gì khó khăn. Sau đây là một trong những cách ta có thể dùng: trong một cuộc diễu binh đã thành lệ của chúng ta, đầu đoàn quân chỉ cần quay, chẳng hạn, về bên trái, qua Cửa Đông là đã ở bên trong pháo đài bảo vệ của chính. Chạy qua cầu bắc ngang hào là binh sĩ chúng ta sẽ làm chủ được Thành mà không cần bắn một phát súng³⁹”.

Không thấy nói gì thêm về kế hoạch này vì trong khi ông Kergaradec viết những dòng trên thì người ta quyết định gửi đạo quân của Henri Rivière tới Hà Nội. Chỉ huy trưởng Henri Rivière tới Hà Nội ngày chủ nhật 2-4-1883. Ông ta luôn tâm niệm “tránh nổ súng” như Thống đốc Nam Kỳ đã ra lệnh cho mình. Ông viết thư cho một người bạn: “Tôi tới đó như Fabius Cunctator⁴⁰. Nếu buộc phải hành động, tôi sẽ không vượt quá Rubicon⁴¹ như César”

Đứng ngoài rất dễ lý luận nhưng tới nơi, Henri Rivière, cũng như Francis Garnier chín năm về trước, hiểu ngay rằng đứng trông chờ là phơi mình ra để chịu

nghiền nát bởi đối phương đang khẩn trương chuẩn bị⁴². Trước nguy hiểm đang lớn dần, Rivière cho gọi quân tăng viện từ Hải Phòng lên, nâng quân số lên 620 người và sáng sớm 25-4 gửi tối hậu thư cho Tổng đốc. Thấy tới 8h vẫn không có trả lời, Henri Rivière liền cho bắn phá Thành.

Thoạt tiên là các pháo hạm Fanfare, Massue và Carabine, sau đó là các khẩu sơn pháo đặt chính diện Cửa Đông và Cửa Bắc. Trong khi đại đội của Đại úy Retrouvey giả vờ tấn công vào Cửa Đông, mọi cố gắng tập trung vào Cửa Bắc. Vào lúc 10h45, chỉ huy trưởng Rivière chiếm được lũy bán nguyệt bảo vệ cho Cửa Bắc. Đồng thời, các binh sĩ trang bị thang tre leo vào được pháo đài Tây Bắc và mở cửa Thành từ phía trong. Đến 11h, thành bị chiếm. Phía Pháp chỉ có bốn người bị thương⁴³.

Những sự kiện 20-11-1873 và 25-4-1882 tương tự nhau bao nhiêu thì hành xử của hai chỉ huy trưởng sau chiến thắng ngược nhau bấy nhiêu. Chúng ta đã thấy Francis Garnier ngay lập tức đóng lại trong thành và từ đó nắm việc quản lý hành chính thành phố, tổ chức công cuộc bảo hộ trong thực tế. Ngược lại, Henri Rivière vội vã trả lại quyền cho *Quan-án* được thăng Tổng đốc tạm quyền, chỉ để lại trong Vọng Cung một đại đội pháo binh dưới quyền của Đại úy Retrouvey. Thoạt đầu Rivière nghĩ tới chuyện phá hủy thành và cho trở những lỗ trong các tường thành nhất là ở hai bên cửa Đông Nam, nhưng sau đó ông ta phải từ bỏ ngay ý định theo đuổi một công việc quá mạo hiểm như vậy. Về vấn đề quản lý hành chính dân bản xứ, Rivière không hề nhúng tay vào và để cho các quan An Nam giữ nguyên chức⁴⁴.

Đại úy Retrouvey biến Vọng Cung thành pháo đài, “thay chiếc lan can chạm khắc bằng một bức tường trở lỗ châu mai xấu kinh người”⁴⁵ và chuyển vào đó một số khẩu pháo. Sự đề phòng đó không vô ích. Sau mười một tháng tương đối yên tĩnh, lợi dụng sự giảm số quân đồn

³⁸ *Lentement, pacifiquement, administrativement*; các thuật ngữ này cũng được sử dụng trong các chỉ thị cho Henri Rivière.

³⁹ Hồ sơ số 10632, Phòng các Thống đốc, Sở Lưu trữ trung ương Đông Dương.

⁴⁰ Fabius Maximus Verrucosus (khoảng 275-203 trước công nguyên), còn gọi là Fabius Cunctator (Fabius Ôn hòa), chính khách La Mã ôn hòa và thận trọng.

⁴¹ Rubicon, tên con sông phân giới Ý với xứ Gaule thuộc Ngoại Alpe. Đêm 11 rạng ngày 12-49 trước công nguyên, César vượt sông không được sự chuẩn ý của nghị viện, mở đầu cuộc nội chiến ở La Mã.

⁴² *Livre jaune, Affaires du Tonkin*, phần 1, 1874-1882, trang 222.

⁴³ Xem báo cáo của chỉ huy trưởng Rivière trong *Livre jaune*, từ trang 146 tới trang 250 và trong *L'Indochine française contemporaine* của Bouinais và Paulus, tập 2, từ trang 102 tới trang 105.

⁴⁴ Rivière nhận được của Thống đốc những chỉ thị rõ ràng nhất về vấn đề này (trang 3 B.223, *Autorités militaires*, Phòng các Thống đốc, Sở Lưu trữ trung ương Đông Dương).

⁴⁵ Yann, *Croquis Tonkinois*, 1889, trang 80.

trú do Rivière đưa quân viễn chinh xuống Nam Định, quân Cờ Đen tấn công Thành Hà Nội vào đêm 26 rạng ngày 27-3-1883. Dạn pháo của Đại úy Retrouvey kim giữ các đợt tấn công của quân đội phương tới sáng và các viên chỉ huy Berthe và Villers buộc chúng phải trở lại bên kia sông.

Tình hình của lính phòng thủ trong Vọng Cung trở nên nguy kịch sau thảm họa ngày 19-5. Quân Cờ Đen tiến vào tận trung tâm thành phố, mọi liên lạc giữa Khu Nhượng địa và Thành bị cắt đứt. Bị vây chặt “như trong một chiếc tàu khốn quẫn, đại đội pháo hải quân chỉ sống bằng lương khô và đồ hộp theo khẩu phần”. Rất may là một số đơn vị nhỏ ở Hòn Gai và Quy Nhơn cùng với 500 lính từ Nam Kỳ ra tăng viện đã giải tỏa kịp thời cho thành phố.

Số lính Pháp đổ bộ lên Hà Nội cùng ba khẩu pháo vào tháng 8-1883 đóng trại trong Thành đành phải bằng lòng với một số nhà lá dựng vội vàng. Các binh sĩ ở đây phải chịu những khổ sở như các bạn đồng ngũ của họ ở Trường Thi mười năm trước đây. “Màn không đủ phân phối cho các pháo thủ và nhiều người phải chịu muỗi đốt vào chân. Bệnh ngứa theo sau đó, không sao chịu nổi, làm trầy da. Các vết trầy này, tiếp xúc với mặt đường và bùn, biến thành lở loét. Kết quả là trong một thời gian ngắn một số lớn binh sĩ không thể sẵn sàng chiến đấu”⁴⁶.

Năm 1884, một số lán khá hơn một chút được một nhà thầu người Tàu xây dựng dành cho các sĩ quan cấp dưới và binh lính. Các sĩ quan cao cấp ở nhà của các quan cũ. “Một số có gia đình được chỗ ở khá hơn trong các tháp canh”⁴⁷.

Tháng 5-1884, bệnh viện trong Khu Nhượng địa và các bệnh xá trung đoàn đầy nghẹt người sốt và kiết lị, người ta phải nghĩ tới việc xây dựng một bệnh viện trong Thành. Chỉ có các kho cũ của tỉnh đủ rộng nhưng lại tối và ẩm. Người ta sửa qua loa các kho đó và đoàn bệnh binh đầu tiên do tàu *Eclair* chuyển tới Thành ngày 30-6-1884. Đoàn gồm các bệnh binh của đạo quân

Dugenne. Để nhận họ, bệnh viện chỉ có “những nệm vẫn còn đầy máu và mủ”⁴⁸ được gửi vào phứt chót qua đường biển và chỉ có hai mươi cái cáng để khiêng bảy mươi thương binh giữa đêm khuya từ bến tàu vào Thành.

Mặc dù thiếu thốn doanh trại và bệnh viện, nhưng vẫn có một không khí vui đùa trong các câu chuyện về các chiến dịch 1884-1885, trong đó có Thành Hà Nội. Sự vui vẻ của các binh lính mới tới tương phản với khung cảnh còn y nguyên như xưa và buồn ỉu xiu của ngôi thành An Nam già nua. Những con voi cuối cùng trong các chuồng cũ được quản tượng điều khiển dạo chơi giữa đám lính. “Chỉ cần hai xu đặt trước vòi là chúng khụy nhẹ chân xuống trong tiếng cười vui vẻ của đám lính”⁴⁹. Những người lính mới tới không thể bỏ qua việc tham quan phế tích của một ngôi đền dưới một cây đa to⁵⁰ do một bà già An Nam coi giữ. Bà nhận là hậu duệ của nhà Lê và được sinh ra trong một cung điện gần đó. Dumoutier kể⁵¹: “Khi quân đội của chúng ta chiếm thành Hà Nội, bà già sống dưới sự che chở của quân đội và có ích khi cho những người lính trong trại trú thân qua đêm tại hiên đền, một cái hiên đẹp theo kiểu bản xứ mà đúng ra các quy tắc khắt khe không cho vào. Có thể một số người khắt khe cho rằng vai trò của vị nữ tu mang dòng máu hoàng phái trong trường hợp này chẳng có gì quý phái đặc biệt cũng như đáng trọng vọng, và ngôi đền của bà ta nên đổi tên thánh”.

Cột Cờ thoát tiên được dùng làm tháp truyền tin bằng quang học. Trên đỉnh tháp có một ngọn đèn dầu hỏa gắn với gương. Một tấm che cho phép che ánh sáng trong những khoảng thời gian theo quy luật của tín hiệu Morse để gửi tới trạm Bắc Ninh, nơi cũng có một trạm tương tự. Hệ thống này hoạt động rất có hiệu quả cho tới khi thiết lập đường dây điện tín giữa Hải Phòng vào Lạng Sơn vào năm 1885.

Năm 1887, khi lối sống châu Âu đã nảy sinh ở Hà Nội, Cột Cờ nhận một nhiệm vụ mới hoàn toàn hòa bình: khán đài theo dõi các cuộc đua. Khu đất, phân

⁴⁶ B. Challan de Belval, *Au Tonkin, 1883-1885*, Paris, 1904, trang 218.

⁴⁹ F. Garcin, *Au Tonkin pendant la Conquête*, trang 48.

⁵⁰ Nguyễn Văn Temple du Grand Banian.

⁵¹ *Revue Indochinoise*, 1901, trang 396.

⁴⁶ G. Humbert, *Histoire succincte de l'artillerie au Tonkin pendant les années 1883 et 1884*, Paris, 1884, trang 15.

⁴⁷ L. Hugué, *En colonne, souvenirs d'Extrême Orient*, Paris, trang 3.

cách Cột Cờ với Vọng Cung ngày nay dùng làm bãi tập và sân thể thao, được bố trí làm đường đua 1.200m. Khi có cuộc đua ngựa, người ta căng một tấm vải che rất rộng ở phía trên các sân của Cột Cờ, trong đó một khán đài dành cho “quý bà và các nhà cầm quyền” và một khán đài dành cho các sĩ quan.

Từ năm 1885, người ta bắt đầu xây dựng nhiều trại lính lớn và các tòa nhà làm việc của quân đội tại chỗ ở cũ của các quan. Điện Kính Thiên bị phá hủy để lấy chỗ xây dựng Sở Chỉ huy Pháo binh hiện nay. Mặc dù có những sự thay đổi đó nhưng hình dáng chung của Thành Hà Nội vẫn gần y nguyên cho tới năm 1894, năm bắt đầu phá hủy các tường thành theo ý kiến của

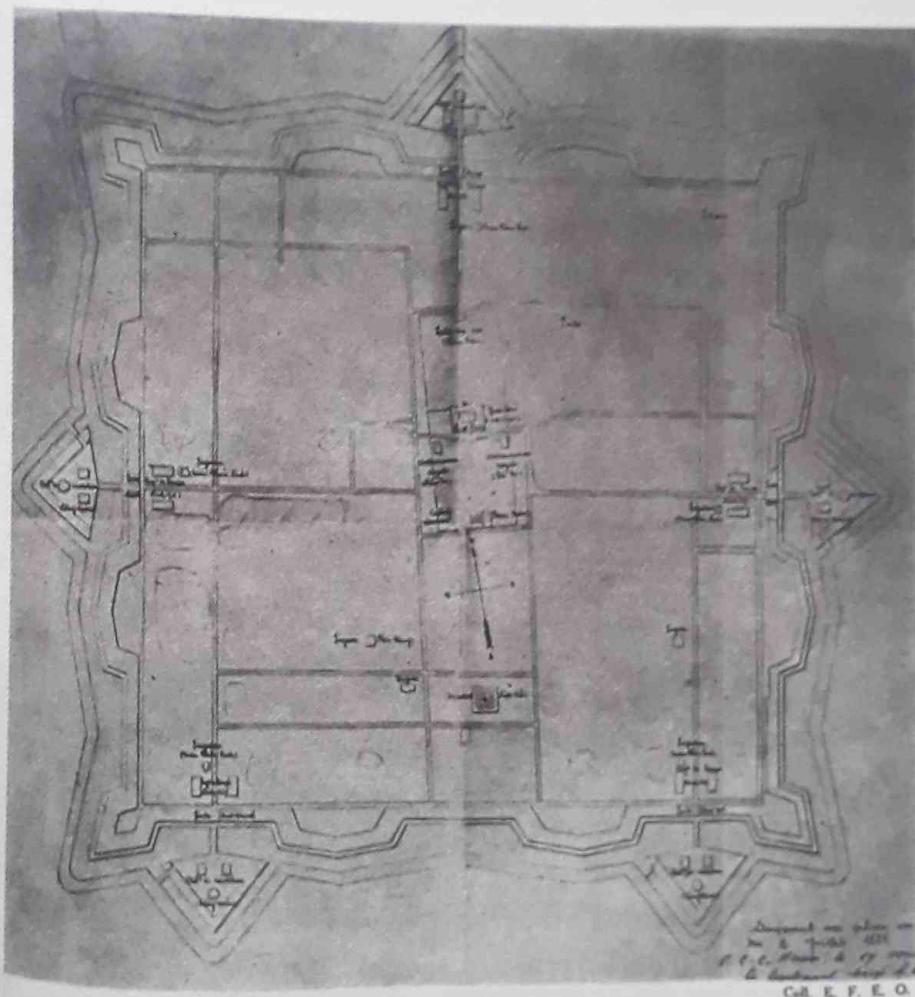
Hội đồng Thị chính ngày 28-7-1893. Những lí do đưa ra trước đó để biện minh cho hành động này thiếu sức thuyết phục và ý kiến ôn hòa nhất về việc này là ý kiến của ông Paul Doumer khi nhiệm chức đúng vào lúc người ta vừa phá xong thành vào năm 1887⁵²: “Tôi sang quá chậm để giữ lại những chỗ cần thiết. Đặc biệt là các cửa thành đáng được giữ lại. Chúng có những phong cách lớn gắn bó mật thiết với lịch sử đáng cho ta phải tôn trọng. Giống như khảo hoàn môn Ngôi Sao ở Paris, các cửa đó sẽ làm đẹp cho các khu phố tương lai của thành phố mà không cản trở giao thông và quy hoạch thành phố”.

⁵² Doumer, *L'Indochine française*, 1905, trang 123.

TƯ LIỆU ẢNH:

ẢNH MINH HỌA CỦA TÁC GIẢ

Các hình dưới đây do Masson chọn để minh họa cho bài viết của mình; chúng tôi đặt chúng ở cuối bài đúng như nguyên bản, mỗi ảnh đều có chú của ông.



Plan de la Citadelle de Hanoi en 1888.

Hình 1.- Sơ đồ Thành Hà Nội năm 1888

Bản kẽm của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, tạo lại một bản đồ để ngày 2-7-1888 mà một bản sao đang được lưu trữ tại Thư viện của Viện (mã số A.1.4.9.). Kích thước: 36cm x 36cm.

Sơ đồ này cho phép nghiên cứu đường chạy của tường thành: các mặt Tây, Bắc và Đông chỉ có một cửa trung tâm được bảo vệ ở phía trước bởi một lũy bán nguyệt và bởi hai pháo đài nhỏ ở hai bên; hai pháo đài nhỏ lại liên lạc với vọng gác ở góc thành qua đường liên tháp.

Riêng mặt Nam, cửa trung tâm được thay thế bằng một đường liên tháp, có hai cửa, mỗi cửa được trở ra ở quãng giữa pháo đài nhỏ và vọng gác ở góc.

Kiểu mặt tường thành được nhô ra thành pháo đài vốn đã được sử dụng ở châu Âu từ thế kỷ 16 và do Vauban thực hiện, được những người Pháp đi theo lính mục Bá Đa Lộc du nhập vào Đông Dương từ cuối thế kỷ 18.



Photo E. F. E. O.

Remparts de la Citadelle.

▲ **Hình 2.- Tường thành**

Bản kê của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp (tháng 7-1928).
Tường thành gồm hai mặt thành và hai sườn thành. Ảnh được chụp tại chỗ
tường thành giáp sườn thành⁵³ của pháo đài nhỏ nằm giữa Cửa Tây
và vọng gác Tây Nam. Trên Bản đồ các Công trình đã biến mất và các Công
trình được bảo tồn, đoạn tường lũy này, vết tích cuối cùng của tường lũy,
được đánh dấu bằng chữ A. Hiện nay, nó nằm gọn trong
các tòa nhà của Kho Thuốc súng.

⁵³ Phần đất phủ cỏ từ chân hai cây cụt chạy xuống hào.

▼ **Hình 3.- Tường lũy Tây Bắc của Thành**

Ở phía trước là hào cũ đã bị lấp.
Bản kê của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp
(tháng 7-1928).

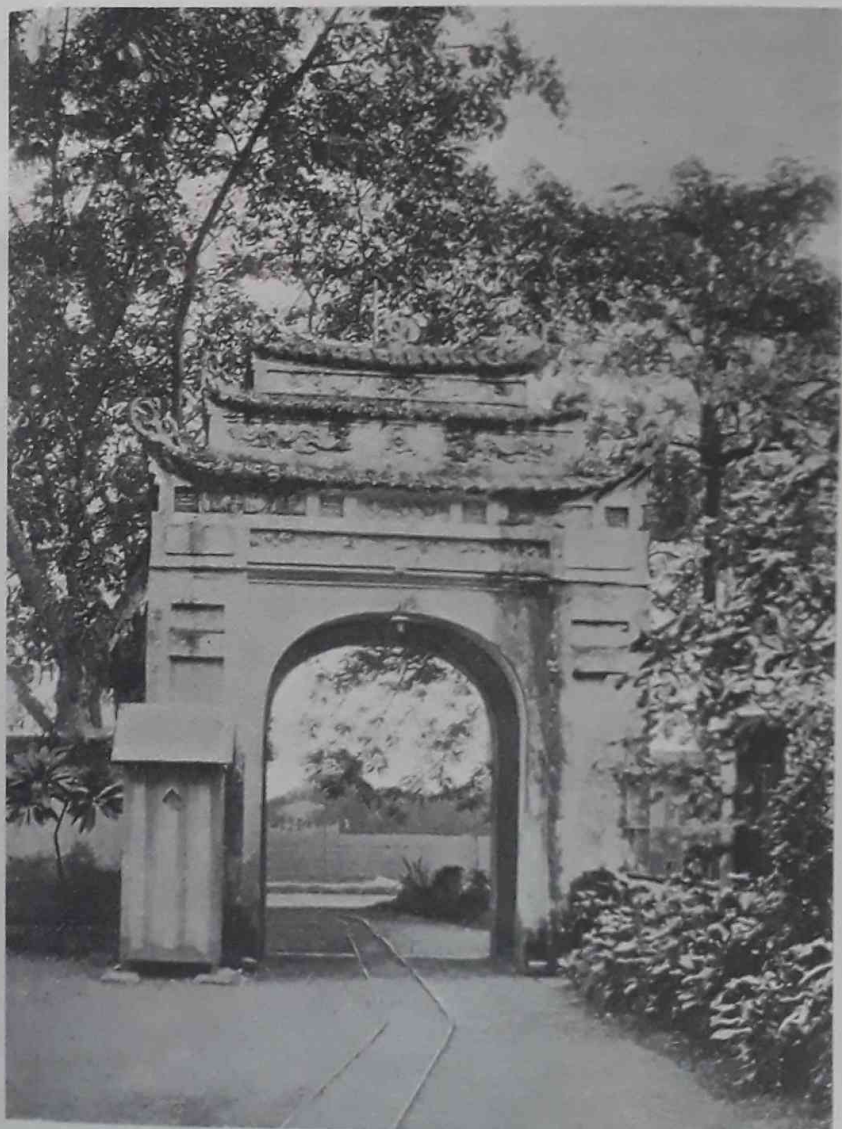


Photo E. F. E. O.

Hình 4.- Cửa Bắc của Thành
chụp năm 1884.
 Bản kẽm của Viện Viễn Đông
 Bắc Cổ Pháp chụp lại ảnh do bác
 sĩ Hocquard chụp năm 1884,
 được Crémnitz xuất bản.
 Kích thước: 23cm x 17cm.
 Đại lộ Phan Đình Phùng
 (boulevard Carnot) nằm trên vị trí
 của con hào cũ đẩy nước⁵⁴ mà
 ta có thể thấy trên ảnh. Chiếc
 cửa vẫn còn nhưng vọng lâu
 phía trên đã bị méo mó qua
 chỉnh trang⁵⁵.



Hình 5.- Cửa Tây của
Vọng Cung⁵⁶
 Bản kẽm của Viện Viễn
 Đông Bắc Cổ Pháp
 (tháng 7-1928).



⁵⁴ Con hào trước cửa Bắc của Thành nguyên là một đoạn sông Tô Lịch, nay trở thành cống ngầm dưới đường Phan Đình Phùng.

⁵⁵ Gần đây đã được khôi phục và dùng làm nơi thờ Hoàng Diệu.

⁵⁶ Hiện nay cửa này vẫn còn, nằm trên đường Hoàng Diệu.

Photo E. F. E. O.

Porte Ouest de l'enceinte de la Pagode Royale.



Coll. E. F. E. O.

L' « Entrée réservée » de la Pagode Royale : état ancien de la face Sud

▲ **Hình 6.- Dạng cũ mặt Nam của Đuan Môn.**

Bản kêm của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, in lại một bức vẽ năm 1888 và được lưu trữ tại Thư viện Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp (mã số A.1.4.9., số 4). Kích thước: 63cm x 18,5cm. Chúng tôi chỉ đưa ra đây hình chiếu thẳng đứng của Đuan Môn, nhưng Thư viện Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp cũng có chi tiết của các đường chỉ, sơ đồ hình chiếu bằng, cũng như sơ đồ Hậu Lâu và các cầu thang.

▼ **Hình 7.- Hiện trạng mặt Bắc của Đuan Môn.**

Bản kêm của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp (tháng 7-1928).

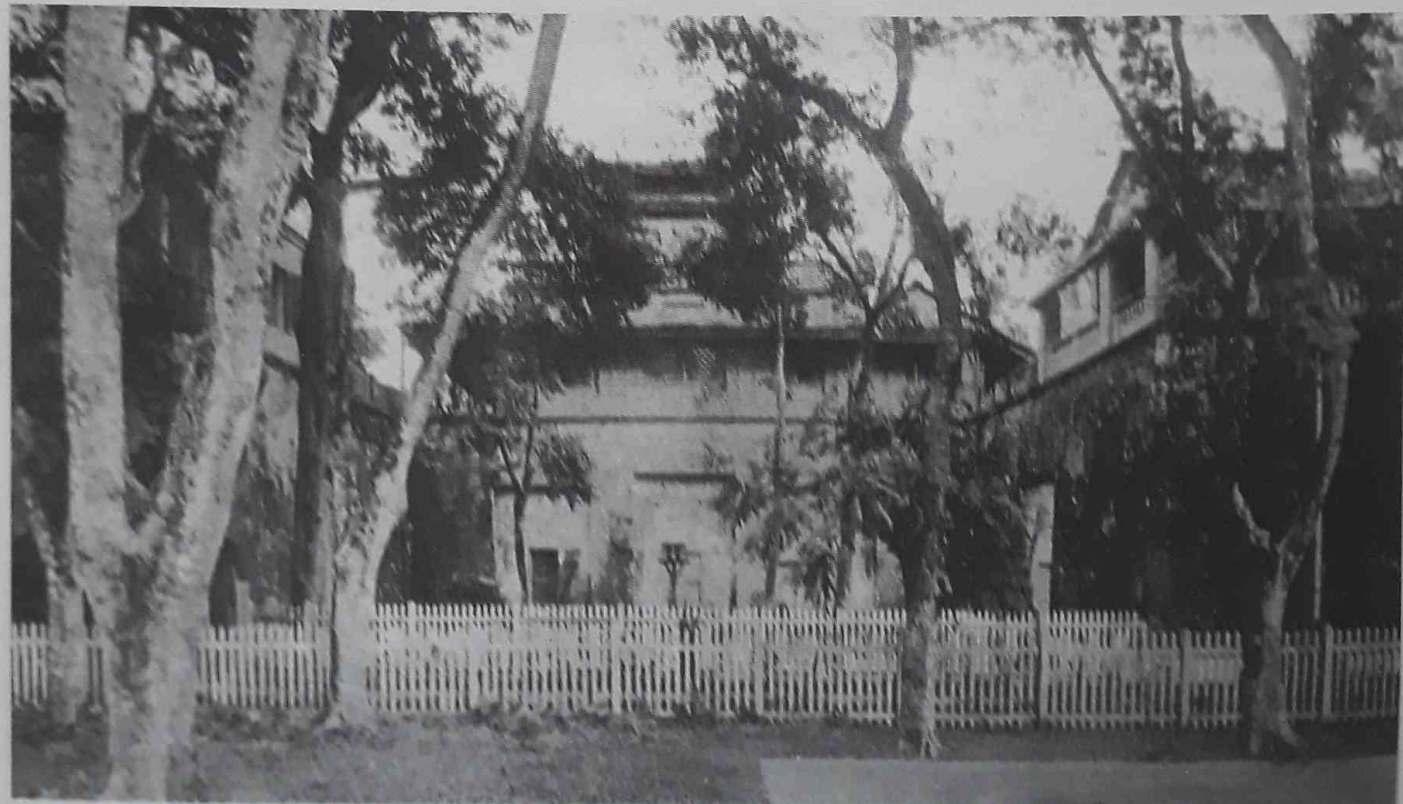
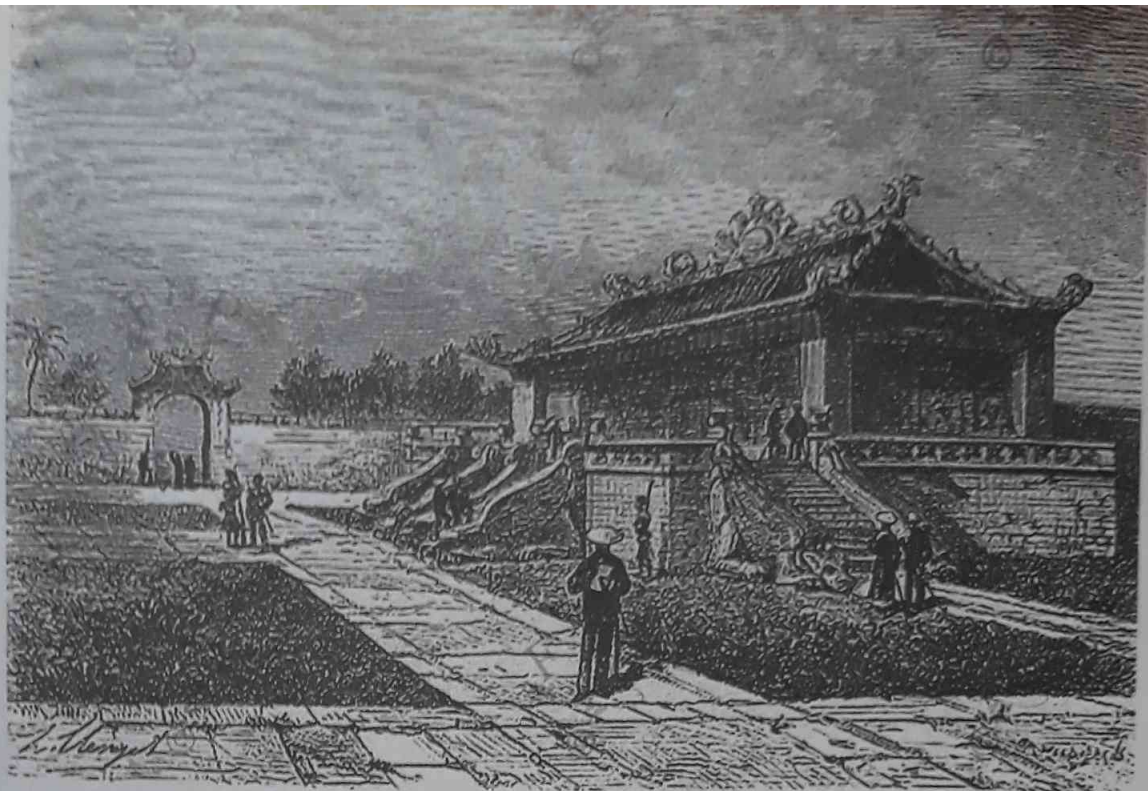


Photo E. F. E. O.

L' « Entrée réservée » de la Pagode Royale : état actuel de la face Nord.



Temple de l'esprit du roi, à Hà-Nôi (où demeurait M. Francis Garnier). — Dessin de H. Clerget, d'après un croquis de M. P***.

▲ Hình 8.- Điện Kính Thiên.

Bản kê của Viện Viễn Đông Bắc Cổ Pháp, sao chép lại từ một tranh khắc minh họa bài La conquête du Delta de Tong-King (Chinh phục đồng bằng Tong-King) đăng trên tập san Le Tour du Monde, số quí 2, 1877, in ở trang 296 với ghi chú: "Đền thờ vua"⁵⁷ ở Hà Nội (ông Francis Garnier đã ở đây). — Hình vẽ của H. Clerget, dựa theo kí họa của M. P. ***. Bức hình này lí thú ở điểm nó được vẽ dựa vào phác thảo của một người trong đội quân viễn chinh của Francis Garnier, chắc là Chuẩn úy Perrin. Nhưng có lẽ ta sẽ có khái niệm chính xác hơn về công trình này khi tham khảo bức ảnh do bác sĩ Hocquard chụp và in ở trang 55 trong cuốn Une campagne au Tonkin, 1892.

⁵⁷ Nguyễn văn Temple de L'esprit du roi. Vậy đây hẳn là nơi Gia Long cho dựng đền thờ cúng các vua Lê.

▼ Hình 9.- Cầu thang dẫn lên nền Điện Kính Thiên⁵⁸

Bản kê của Viện Viễn Đông Bắc Cổ Pháp (tháng 7-1928).

⁵⁸ Chú ý rằng chỉ có hai lan can của hàng thang giữa chạm khắc đôi rồng; hai lan can ngoài cùng chỉ chạm khắc mây. Hiện nay cầu thang cùng với mootip đôi rồng này được nhiều cơ sở tâm linh vay mượn



Photo E. F. E. O.



Détail de l'escalier du Kinh-Thiên.

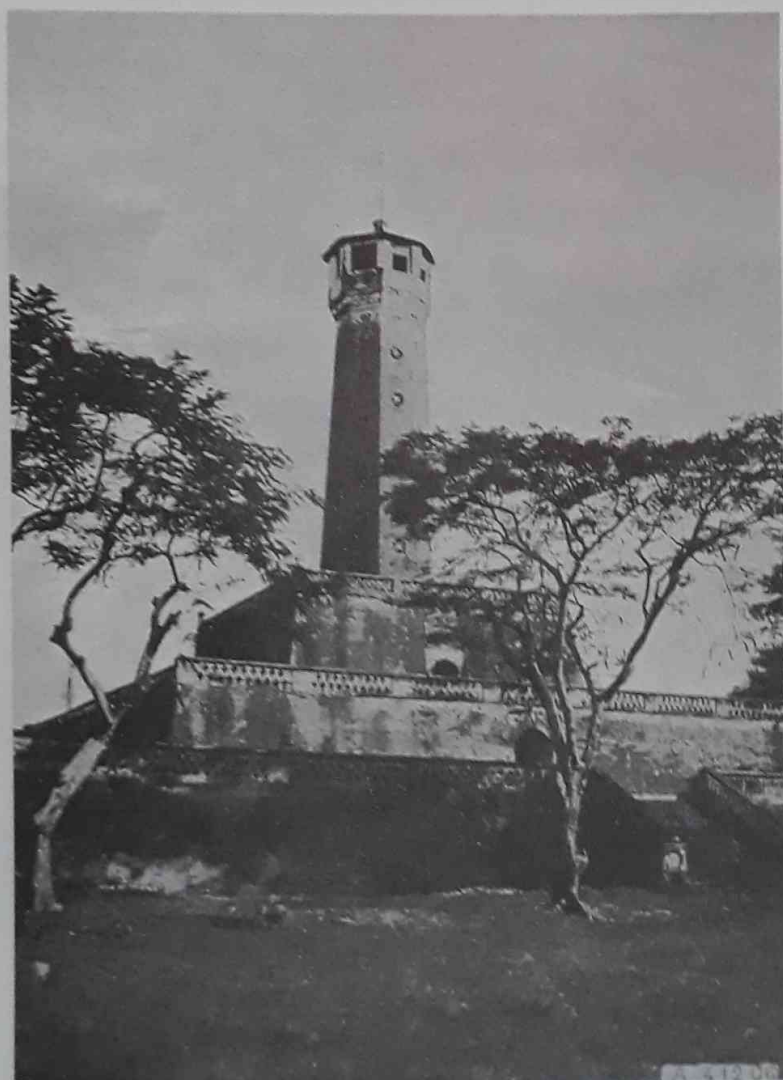
Photo E. F. E. O.

Hình 10. Chi tiết cầu thang Điện Kính Thiên

Bản kèm của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp (tháng 7-1928). Con rồng ở phía trước tương tự với rồng ở các cầu thang của Lăng Gia Long ở Huế. Ở phía sau, hãy chú ý tới mô-típ chạm bán nổi trên vách lan. Họa sĩ Inguimberty⁵⁹ đã phát hiện ra một mô-típ giống hệt ở Lam Sơn, thuộc đại 1^{re} Bái Thượng, tỉnh Thanh Hóa (Bắc Trung Kỳ).

⁵⁹ Giảng viên Trường Mỹ thuật Đông Dương, Hà Nội.

⁶⁰ Nguyên văn *délégation*, một đơn vị hành chính ở miền núi dưới thời Pháp thuộc, thí dụ *délégation Thất Khê*, *délégation Djiring*...



Hình 11.- Cột Cờ

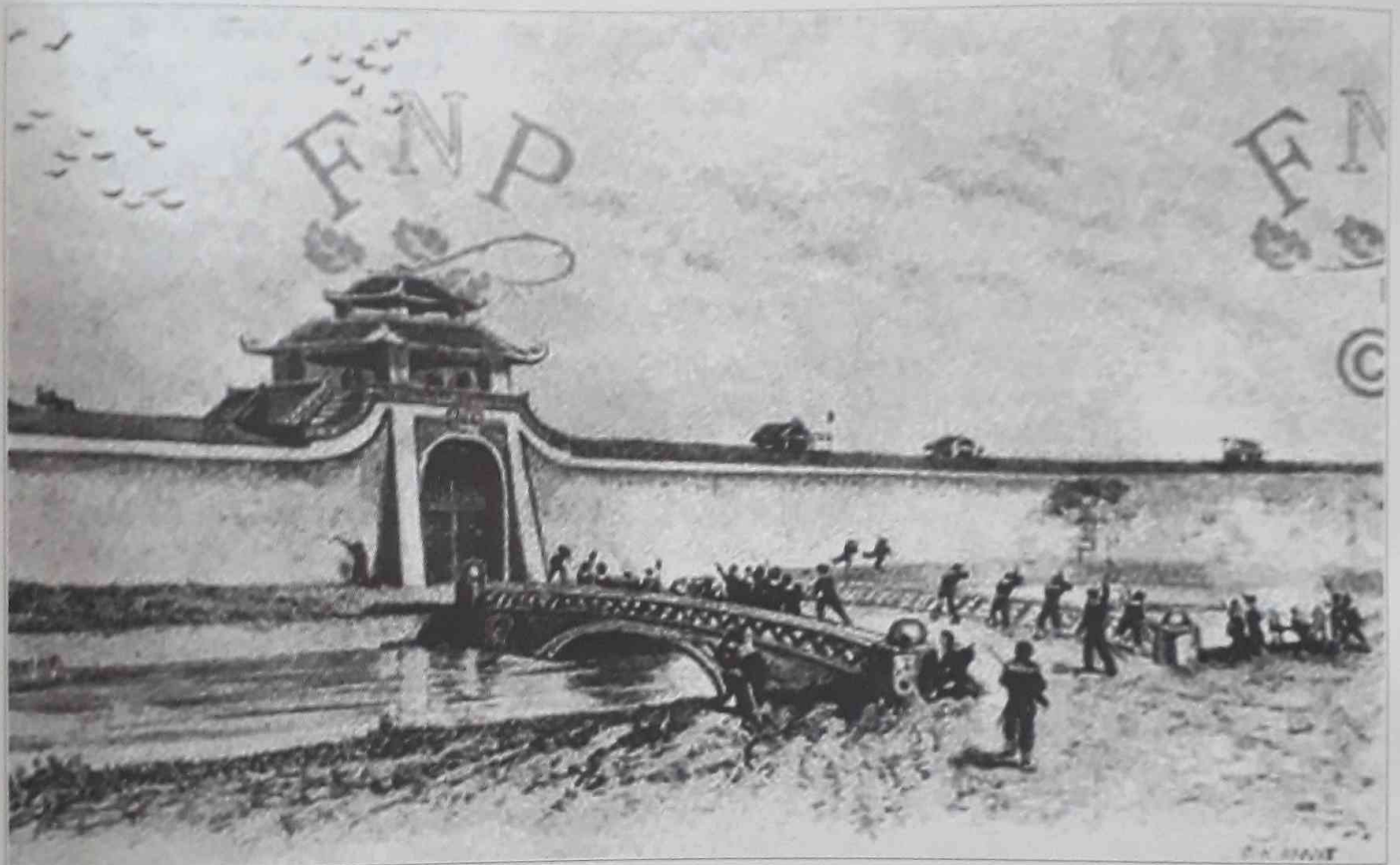
Bản kèm của Phủ Toàn quyền.

Nằm trên trục của Vọng Cung, Cột Cờ là "con mắt" của Thành. Nó gồm có ba nền hình chữ nhật nhỏ dần chồng lên nhau, chồng lên trên cùng là một tháp mười cạnh, bên trong có một cầu thang kép xoắn ốc, gồm hai cầu thang đơn lượn xoắn quanh nhau mà không giao nhau. Vị thế kì lạ đó, làm ta nghĩ tới cầu thang Pierrefonds và cầu thang Chambord, cũng gặp ở các thành khác ở Đông Dương, nhất là ở Thành Sơn Tây.

⁶¹ Tạm dịch từ nguyên văn "cavalier".

Photo Gouvernement général.

Le Mirador.



Hình 12.- Tấn công Cửa Đông Nam ngày 20-11-1873

Bản kẽm của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp tái tạo một tranh khắc minh họa bài La conquête du delta de Tong-king của F. Romanet du Caillaud đăng trên tạp san Le Tour du Monde, quí 2, 1877, với chú thích: "Thành Hà Nội.- Tranh vẽ của A. Ferdinandus, dựa theo kí họa của ông P****". Kích thước: 16cm x 8cm.

Tuy sơ sài nhưng bức tranh này trình bày khá chính xác cuộc tấn công của Đông Nam đúng như báo cáo quân sự của Francis Garnier: trong khi tấn binh bắn vào những người phòng ngự trên tường thành thì trung úy hải quân Esmes ra lệnh chiếm một điểm trên cầu vượt hào cho pháo binh để khoét ra một cửa mở ở cửa thành.

TƯ LIỆU ẢNH:

CÁC DI TÍCH ĐÃ BIẾN MẤT VÀ HIỆN CÒN CỦA THÀNH

Tiểu dẫn: Ta biết rằng Thành Hà Nội bị san bằng từ năm 1894 tới năm 1897; sau đó nó hầu như không còn một dấu tích gì. Tuy nhiên, vài nhà nhiếp ảnh đã kịp ghi lại một số hình ảnh của Thành trước khi bị san bằng. Ngoài ra, cũng còn một số, ít thôi, được bảo tồn.

Dưới đây là hình ảnh những phần đã mất và hiện còn của Thành. Phần này cũng giới thiệu một số công trình xây dựng quanh Thành.

Nhưng trước hết là bài viết về vấn đề này của Paul Boudet¹, Giám đốc Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương cuối cùng tại Việt Nam, một người thuộc giới dân sự sinh sau đẻ muộn của thực dân Pháp.

Một cách chậm chạp nhưng chắc chắn, quá khứ hiện ra từng chi tiết một. Con người và các sự vật biến mất hoặc biến đổi theo năm tháng. Trong các xứ thuộc địa, nếu không để ý, thời gian trôi rất nhanh và chẳng mấy lúc sẽ chẳng còn gì ngoài quá khứ. Tuy nhiên cái quá khứ này lại rất gần chúng ta và đáng được cứu thoát khỏi sự lãng quên hoặc phá hoại. Phần lớn những người mục kích các cơ sở cũ của chúng ta tại Bắc Kỳ đã mất trong khi thế hệ trẻ không biết gì về chúng nữa ngoài những lớp sương mù của huyền thoại.

Về phần các công trình kỷ niệm, chúng đang phải chịu những nhát cước của những kẻ phá hoại và các “nhà đô thị hóa”. Những người này, để biến các đô thị cổ Bắc Kỳ thành các thành phố hiện đại, không ngần ngại san bằng các chùa chiền, các lâu đài lớn, các khu phố cổ mà đúng ra phải được bảo tồn.

Tại sao người ta không đặt các thành phố hiện đại bên cạnh các đô thị bản xứ, giữ lại cho mỗi thành phố một vẻ riêng như Thống chế Lyautey đã làm ở Maroc. Ở đó, người ta đã tránh phá hủy sự duyên dáng của các đường phố cổ ngoắt ngoéo rặng cửa, với vỉa hè không bằng nhau và gồ ghề, với các ngôi nhà hẹp gian nọ nối gian kia, tối om và bí hiểm. Có thể là mất vệ sinh. Thậm chí hơn cả mất vệ sinh.

Các tháp và lăng của Chùa Khổ in bóng xuống làn nước xanh lục của Hồ Gươm, tại sao không bảo tồn nó giữa công viên của một thành phố mới?

Thói phá hoại văn hóa tác động tới mọi chỗ: khi nó nảy ra cái ý tưởng kỳ cục và chuồng mất là dựng tượng nữ thần Cộng hòa bằng kẽm² trên nóc ngôi chùa nhỏ giữa Hồ Hoàn Kiếm thì trí tuệ của nó đã đi tới chỗ sa sút. Đôi khi thói này vị lợi và do đó có thể tha thứ đôi chút như trường hợp các binh sĩ Pháp kéo dài sự chiếm đóng Thành Hà Nội lúc mới tới và đã làm cho Thành thích hợp với yêu cầu phòng thủ của họ. Người ta còn chờ đợi gì mà chưa giải phóng Thành, ít ra là phần trung tâm, nơi xưa kia Francis Garnier trú ẩn và hiện nay là các kho quân đội? Người Pháp và người An Nam hoan nghênh việc thực hiện một dự án trước đây đã lôi cuốn Paul Doumer: Cửa Bắc

¹ Paul Boudet (1889-1948), hội viên Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp năm 1917, hội viên thông tấn năm 1933. Ông là một chuyên viên lưu trữ và nhà cổ tự học, tới Hà Nội tháng 3-1917 với tư cách là người ăn lương trợ cấp của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, nhưng nhanh chóng từ bỏ Viện để nhận chức giám đốc Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương vào tháng 12 cùng năm. Ông tổ chức hệ thống phân loại, theo dõi việc xây dựng tòa nhà dành cho việc lưu trữ, thảo ra chương trình giảng dạy để đào tạo nhân viên có chuyên môn. Ngoài ra ông còn là giám đốc tập san *Extrême-Asie*, thành lập năm 1924, sau đó hợp nhất với tập san *Revue indochinoise* vào năm 1926. Ông khởi xướng và lãnh đạo Hội Địa li.

² Nguyên văn *une République de zinc*.

và các di tích của Vọng Cung sẽ được giải tỏa khỏi các ngôi nhà ký sinh làm méo mó hai công trình này. Chúng sẽ được bao quanh bởi một công viên xanh mát trải dài từ đường Victor Hugo (Hoàng Diệu) tới phố Porte Sud (Cửa Nam) và từ Cửa Bắc tới Cột Cờ. Nhưng đó chỉ là một phần, tất nhiên là phần quan trọng, của một chương trình tổng quát hơn mà thị trường Hà Nội trước đây, nay là toàn quyền Đông Dương, ông Pierre Pasquier, vạch ra từ năm 1916: "Tôi tự hỏi không biết có cách nào để bảo tồn đôi chút cảnh đẹp sắp biến mất này ... Tôi nghĩ rằng chúng ta có thể triển khai sự quan tâm của chúng ta ra một số phố của khu Bản xứ. Chẳng hạn khi cung ứng các điều kiện vệ sinh cần thiết sẽ có thể bảo tồn được tính cách độc đáo của các phố đó. Du khách sẽ rất lý thú được so sánh Hà Nội hôm qua và Hà Nội ngày mai.

Để làm được điều này, chỉ cần hòa nhập các phố này vào các địa điểm đẹp do luật pháp bảo vệ và được xác định bởi một ủy ban gọi là ủy ban về các địa điểm tự nhiên và nghệ thuật. Trừ sự cho phép đặc biệt, sở hữu chủ của các địa điểm này được mời cam kết không phá, không thay đổi hiện trạng hoặc vẻ dáng của các nơi đó. Như vậy, các phố này sẽ được xếp hạng như một địa điểm đẹp. Việc bắt buộc phải theo hàng lối này hay hàng lối khác theo luật hay theo các nghị định sẽ không áp dụng cho các phố này, chúng sẽ giữ được đặc trưng mà mỹ học đòi hỏi phải bảo tồn.

Để cụ thể hóa ý tưởng này bằng thí dụ, tôi sẽ kể cho các ngài trường hợp phố Hàng Gai. Sự rối mù của các nhà trong phố này, sự nghèo nàn phá hủy mọi hàng lối, các ngôi nhà thuộc loại trang trí đẹp nhất trong phần lớn các ngôi nhà bản xứ đã cho phố này một nét địa phương rất đặc trưng và sẽ rất đáng tiếc khi nhìn thấy nó bị phá đi. Ấy là còn chưa nói tới ngôi nhà rất lý thú bên trong bị biến đổi và là nơi đóng tòa lãnh sự Pháp trong thời kỳ chinh phục...".

Người ta đã không chú ý lắm tới những lời lẽ khôn ngoan đó. Mấy năm qua, Hà Nội đã mất một bộ phận lớn những gì làm thành dáng vẻ ngày xưa. Từ những đường phố đẹp đẽ xứng với xe cộ ngược xuôi, vỉa hè không một chỗ gồ ghề, các đại lộ rộng lớn rợp bóng cây, thấp thoáng những ngôi biệt thự không phải chuyển ra ngoại thành như ở Paris. Có thể có những việc tốt hơn để làm với việc bắt đầu xây dựng chính nền hành chính.

Để dập tắt cái xấu và bảo vệ cái ít ỏi còn lại cho chúng ta, Hội Địa lý Hà Nội vừa mới được thành lập, trong đó ban Bắc kỳ cổ đề nghị cứu những gì còn có thể cứu được và giới thiệu những gì đã mất.

Về nhiệm vụ thứ hai, có một loại công trình khác mà thời gian và con người không giữ được: đó là những tờ "giấy cũ" mà mới đây người ta dăng một cách dễ dàng và không hối tiếc cho mỗi một nhiều vô kể và bí hiểm. Nhưng mỗi một, còn tội ác nào nữa nhân danh mà?

Vai trò khiêm tốn của chúng tôi là đấu tranh chống lại những kẻ thù của Sở Lưu trữ và từ mười hai năm nay chúng tôi bị trói chặt vào cái nhiệm vụ công phu này. Chúng tôi thấy tự mãn vì đã ngăn chặn được sự phá hủy, sự lộn xộn và sự quên lãng những thứ mà các bậc tiền nhân trong ngạch hành chính thu thập.

Nhiệm vụ của chúng tôi giới hạn ở đó, còn phần xử nhiệm vụ đó không thuộc thẩm quyền của chúng tôi. Tuy nhiên, chúng tôi thấy bằng lòng vì, bằng cách tổ chức kho lưu trữ của Đông Dương, đã thực hiện được các công trình như công trình của ông Bouchot về Nam Kỳ và nhất là như công trình của ông Masson dưới đây.

[...]

Vì thế những trang dành cho Thành Hà Nội biện minh đây đủ cho đề nghị xếp hạng lịch sử cho những vết tích cuối cùng của tường lũy, là những lập luận vững chắc nhất để ngăn chặn sự lấn chiếm của các công trình hiện đại vào mảnh đất gắn với nhiều kỷ niệm cảm động.



▼ Cửa vào khu vực kho trong Thành, đã biến mất

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Đây là kí họa của H. Clerget, phỏng theo một bức ảnh của ông P***.
Theo bản đồ 1882, khu vực này cùng với kho thuốc súng của triều đình
nằm ở phía Tây Bắc Thành, tức là tại vị trí của trường Albert Sarraut cũ,
nay là trụ sở Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

▲ Một khu phòng thủ trong Thành, đã biến mất

Nguồn: <http://hanoilavie.com>



Magasins de la citadelle de Hô-Nôï. — Dessin de H. Clerget, d'après un croquis de M. P***.



▲ Hai khu vực kín trong Thành, đã biến mất
Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Vọng Cung.

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Trong cuốn Une campagne au Tonkin, bác sĩ Hocquard cho biết về Vọng Cung như sau:
"Tại trung tâm là một tường vây kín thứ hai cũng bằng gạch: đó là tường hoàng thành, bên trong có Vọng Cung."

Vọng Cung là một tòa nhà lớn, chiều rộng dài hơn chiều dài; nó được xây dựng trên một cái sân nổi hình vuông, bốn mặt có có tường bảo vệ. Một thang đá đồ sộ dẫn lên sân; hai bên thang là một lan can bằng đá hoa cương được xoi chạm thành những đám cuộn lại người An Nam bảo là mây. Cầu thang được hai con quái vật đầu sư tử bằng đá hoa cương đen chia thành ba hàng thang, một ở giữa và hai ở hai bên; mỗi con quái vật dài ít nhất hai mét và được đeo gọt từ một khối đá hoa cương duy nhất. Trong bức tường đối diện với cầu thang, kiến trúc sư cho xây ba chiếc cửa lớn cạnh nhau. Đối với những ai hiểu phong tục An Nam, cách bố trí như thế cho biết đây là chỗ ở của vua. Các quan và người của triều đình không bao giờ được đi qua cửa giữa, cửa dành riêng cho nhà vua, mà phải đi qua hai cửa bên ở bên phải và bên trái. Việc đi qua cửa dành cho vua hình như dưới triều Tự Đức bị coi là khinh vua và bị tội tử hình".



Pagode royale à Hanoi. (Voir p. 30). — Donné de Barclay, d'après une photographie.



▲ Cầu thang Điện Kính Thiên, hiện còn (1)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Về những bức tường trong ảnh, bác sĩ Hocquard cho biết trong cuốn *Une campagne au Tonkin*: "Sau khi Francis Garnier chết, các đồng đội của ông ta phải trú ẩn trong Vọng Cung. Quá ít ỏi để bảo vệ tường ngoài dài hàng chục dặm, đầu tiên họ rút về ở trong Hoàng thành³, một khu nhỏ hơn ở trong Thành, nhưng ngay lập tức họ phải bỏ vòng thành thứ hai này vì nó vẫn quá rộng, vội vàng xây quanh sân Vọng Cung một vòng tường bằng gạch, có trở những lỗ châu mai, hiện vẫn còn".

▼ Cầu thang Điện Kính Thiên, hiện còn (2).

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

³ Nguyên văn *réduit central*, có nghĩa là "khu cố thủ trung tâm". Căn cứ vào thực tế, chúng tôi dịch như trên.

⁴ Xin hiểu là "hiện còn" vào thời điểm bài viết ra đời.

74. TONKIN - Hanoi — Escalier de l'ancienne Pagode Royale dans la Citadelle





▲ Cửa Đông của Vọng Cung, hiện còn và trông ra đường Nguyễn Trĩ Phương
 Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Một tòa nhà, hiện còn, trong Thành sau ngày Nhật đảo chính Pháp.
 Nguồn: <http://philippe.millour.free.fr>



65. - TONKIN. - HANOI. - Façade Sud de la Citadelle



P. Couderc, photo. Tonk.

▲ Vọng lâu của một trong hai cửa ở mặt Nam Thành, đã biến mất.
Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Một vọng lâu khác của Thành, đã biến mất.
Nguồn: <http://hanoilavie.com>

60. - TONKIN. - HANOI. - Un Mirador de la Citadelle





Citadelle de Hanoi: porte du sud. — Dessin de Th. Weber, d'après une photographie.

▲ Một trong số hai cửa của mặt Nam Thành

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Tranh bút sắt của Th. Weber, phỏng theo một ảnh chụp.

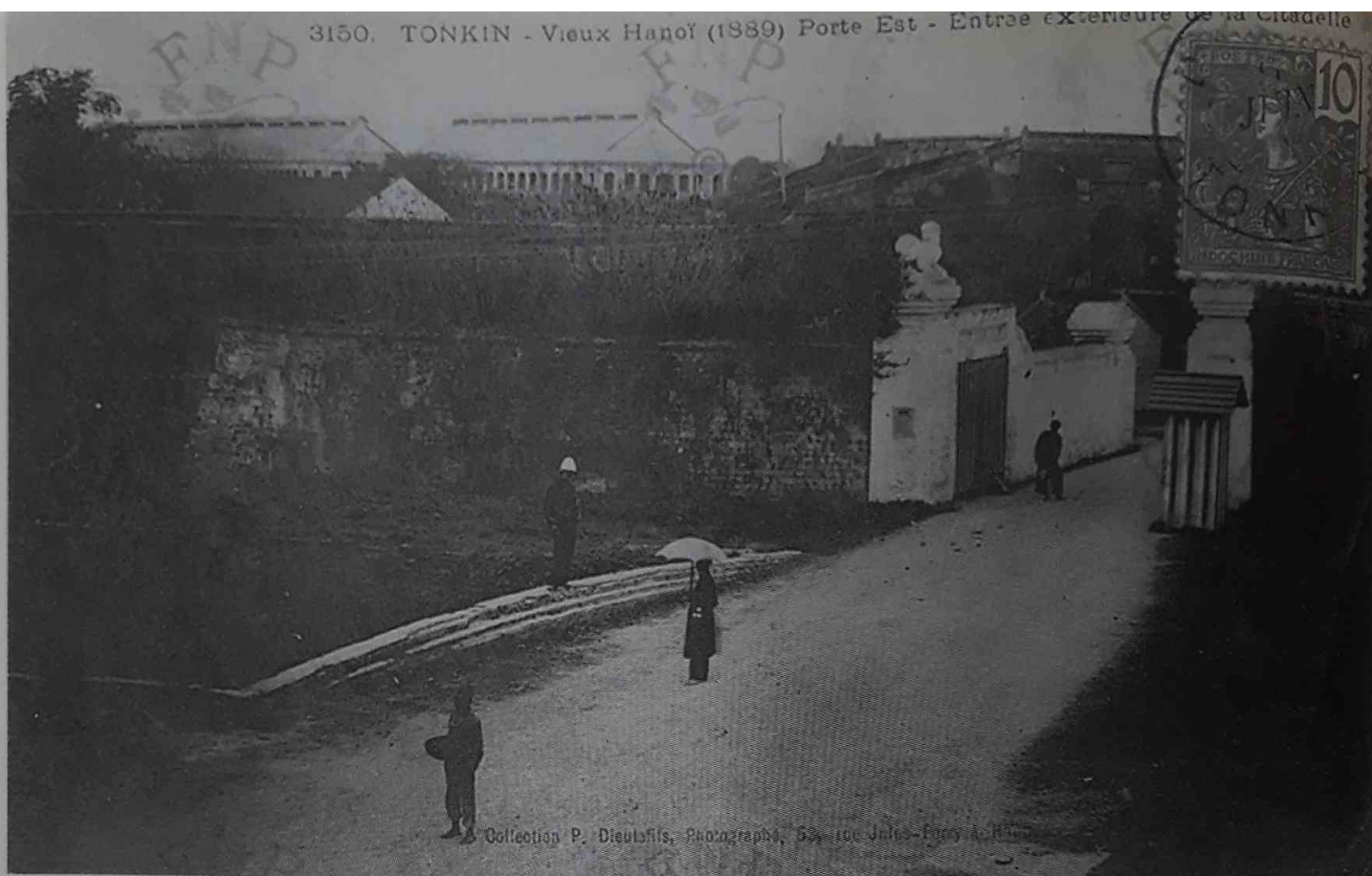
Cả hai cửa đã biến mất.

▼ Mặt trong Cửa Đông, đã biến mất.

Nguồn: <http://hanoilavie.com>



3151. TONKIN — Vieux Hanoi (1889)
Porte Est (intérieur de la Citadelle)



▲ Mặt ngoài Cửa Đông, đã biến mất.

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Từ bức ảnh này có thể suy luận, người đội mũ trắng đứng trên lan can cầu như vậy là đang đứng trên đường Lí Nam Đế hiện nay vì đường Lí Nam Đế được làm đề lên hào phía Tây. Con đường có người cưỡi ngựa đứng nay là phố Cửa Đông. Hai ngôi nhà lớn phía sau không thấy trên ảnh vệ tinh, thay cho chúng là các công thự to và mới.

▼ Một cửa thành, đã biến mất

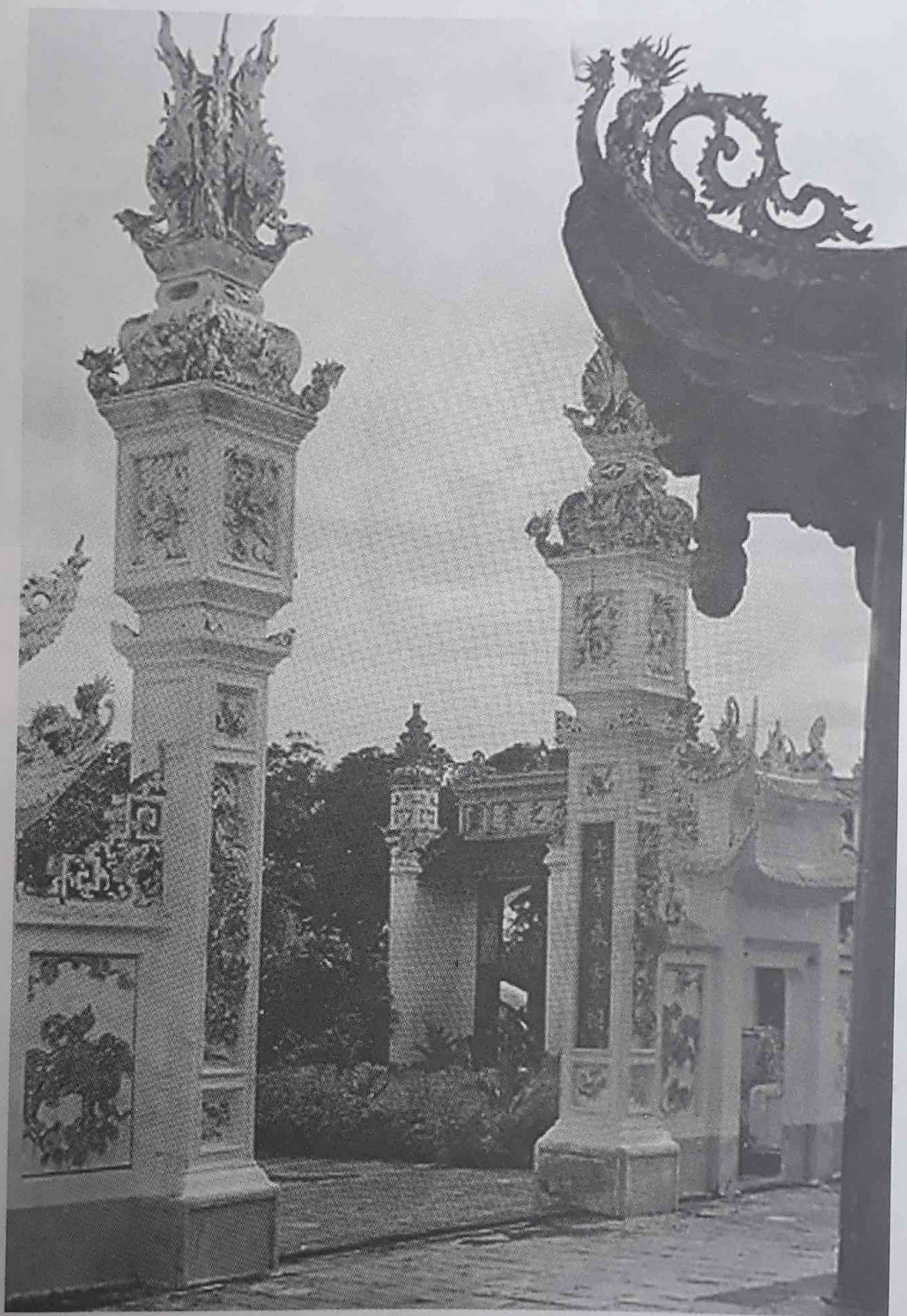
Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Chúng tôi cho rằng đây là cửa Tây vì: (1) nó có hình dạng không giống với ảnh của các cửa khác còn lại cũng như đã biến mất; (2) trước cửa thành có những đầm nước phù hợp với các đầm ghi trên các bản đồ và chiếc đầm trong bức ảnh chụp dinh Toàn quyền



TƯ LIỆU ẢNH:

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH CŨ VÀ MỚI Ở PHÍA TÂY THÀNH



Chùa Hữu Tiệp ở phía sau vườn Bách thảo
Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



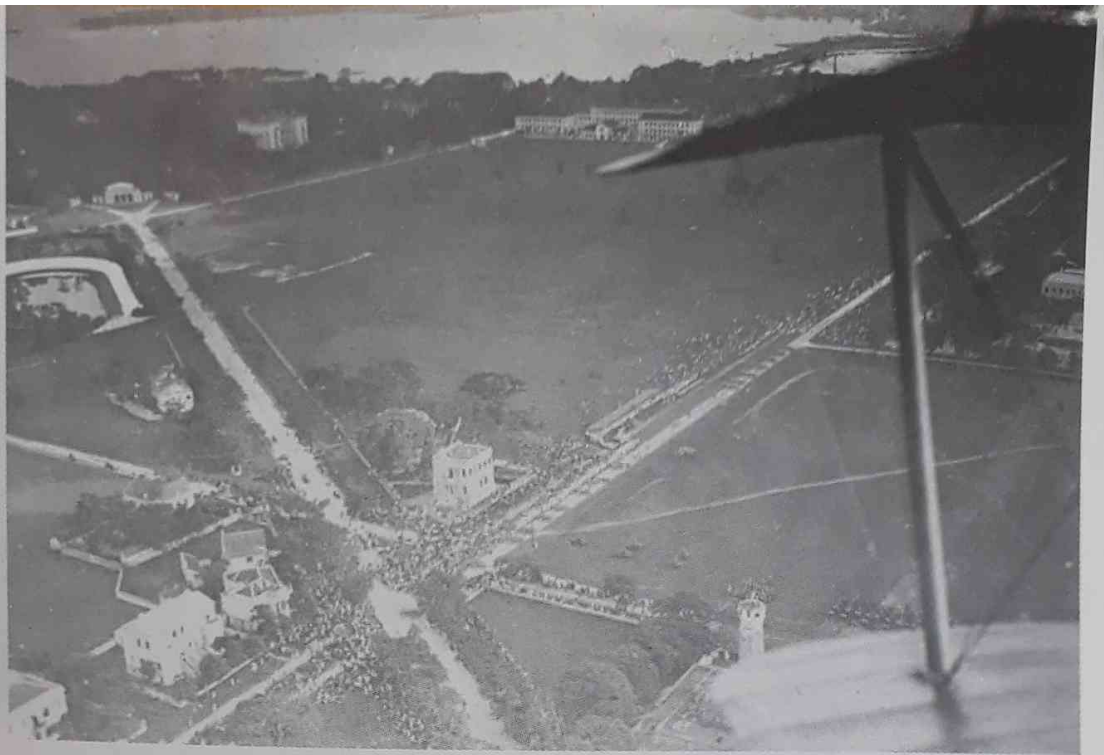
▲ Chùa Một Cột

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

▼ Chùa Ngọc Hà

Nguồn: <http://hanoilavie.com>





▲ Không ảnh phía Tây Thành Hà Nội

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Đây là bức ảnh có ích nhất cho biết những công trình nào đã mọc lên ở phía Tây Thành Hà Nội sau khi Thành bị phá.

Phía xa là Hồ Tây. Con đường nhỏ phía xa nay là đường Hùng Vương, làm đê lên hào phía Tây của Thành, chạy qua Dinh Toàn quyền (nay là Phủ Chủ tịch) to và trắng; cuối đường Hùng Vương là trường trung học Albert Sarraut, nay là một trụ sở của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; con đường chạy chéo tới quần thể Cổng bên của Dinh nay là đường Điện Biên Phủ; con đường chạy qua trước tòa nhà to trắng giữa ảnh nay là đường Hoàng Diệu.

Bên trái đường Điện Biên Phủ vẫn còn một hồ nước lớn, phù hợp với chiếc hồ trong bản đồ dưới đây, nhưng xung quanh được xây dựng thành đường đua xe đạp. Bên phải đường Điện Biên Phủ là một hồ nước nữa, có thể thấy trong hai hình dưới đây.

Con đường chạy từ sau Cột Cờ ra rìa trái ảnh nay là đường Lê Hồng Phong. Ngôi nhà to trắng giữa ảnh có thể hiện nay vẫn còn, trông sang Công an Quận Ba Đình.

▼ Thành và khu vực xung quanh trong bản đồ Hà Nội 1934

Nguồn: <http://belleindochine.com>

Hồ nước ở phía Nam đường Điện Biên Phủ có dạng rất phù hợp với hồ nước trong ảnh trên; hồ nước phía Bắc đường Điện Biên Phủ phù hợp với hồ nước trong ảnh dưới



Hanoï - Entrée du Jardin botanique et Palais du Gouverneur



▲ Dinh Toàn quyền và cổng Bách Thảo.

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Con đường mảnh chạy ngang ảnh nay là đường Hùng Vương, phía trước nó là một đầm nước sau này bị lấp để làm sân đua xe đạp; đường Hùng Vương chạy qua Cổng vào Bách Thảo và dinh Toàn quyền, sau đó chạy sát hàng rào dinh Toàn quyền. Con đường chạy chéo vào nách Cổng nay là đường Điện Biên Phủ. Sau này, đường Điện Biên Phủ (Pugunier), đường Bắc Sơn (Général Bichot) và một đường nữa, nay đã biến mất,

hội tụ trước Cổng, tạo thành Quảng trường Tròn

Công trình nghệ thuật Cổng, được xây dựng thành lễ đài Ba Đình để đón Hồ Chủ tịch, Đảng và Chính phủ trở về thủ đô năm 1955, nay là một phần của Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

▼ Mặt sau Dinh Toàn quyền (2)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Con đường trong ảnh là con đường trong Vườn Bách thảo.



► **Công viên Robin**

Nguồn: <http://croiseur-lamotte-picquet.fr>.

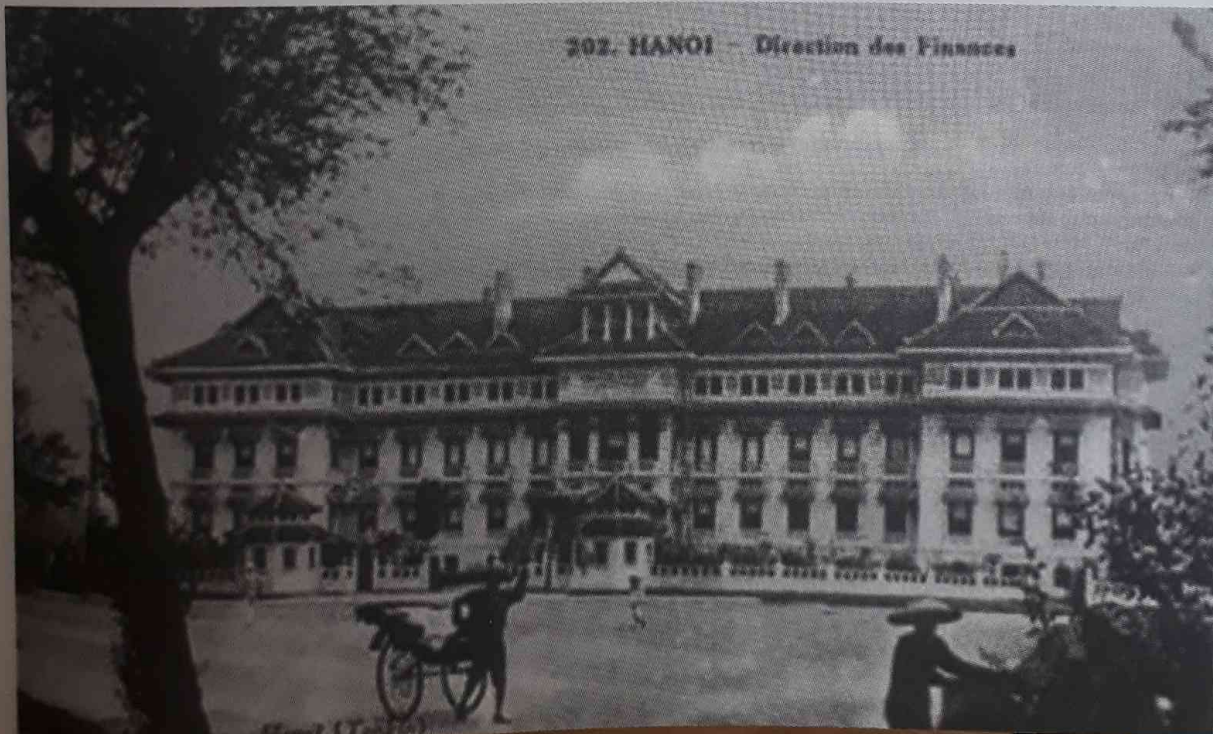
Công viên được xây dựng trên một hồ nước bị lấp đi. Hồ nằm trong Thành, quân lính đời Nguyễn thường cho voi ra tắm nên gọi là Hồ Voi; chỉ có bản đồ Hà Nội 1873 vẽ chiếc hồ này. Sau khi Thành bị phá, hồ bị lấp để làm vườn hoa gọi là Vườn hoa Robin, nhưng dân chúng quen gọi là Vườn hoa Canh nông hay Vườn hoa Cột Cờ; sau 1945, được đổi tên thành Vườn hoa Chí Lãng.

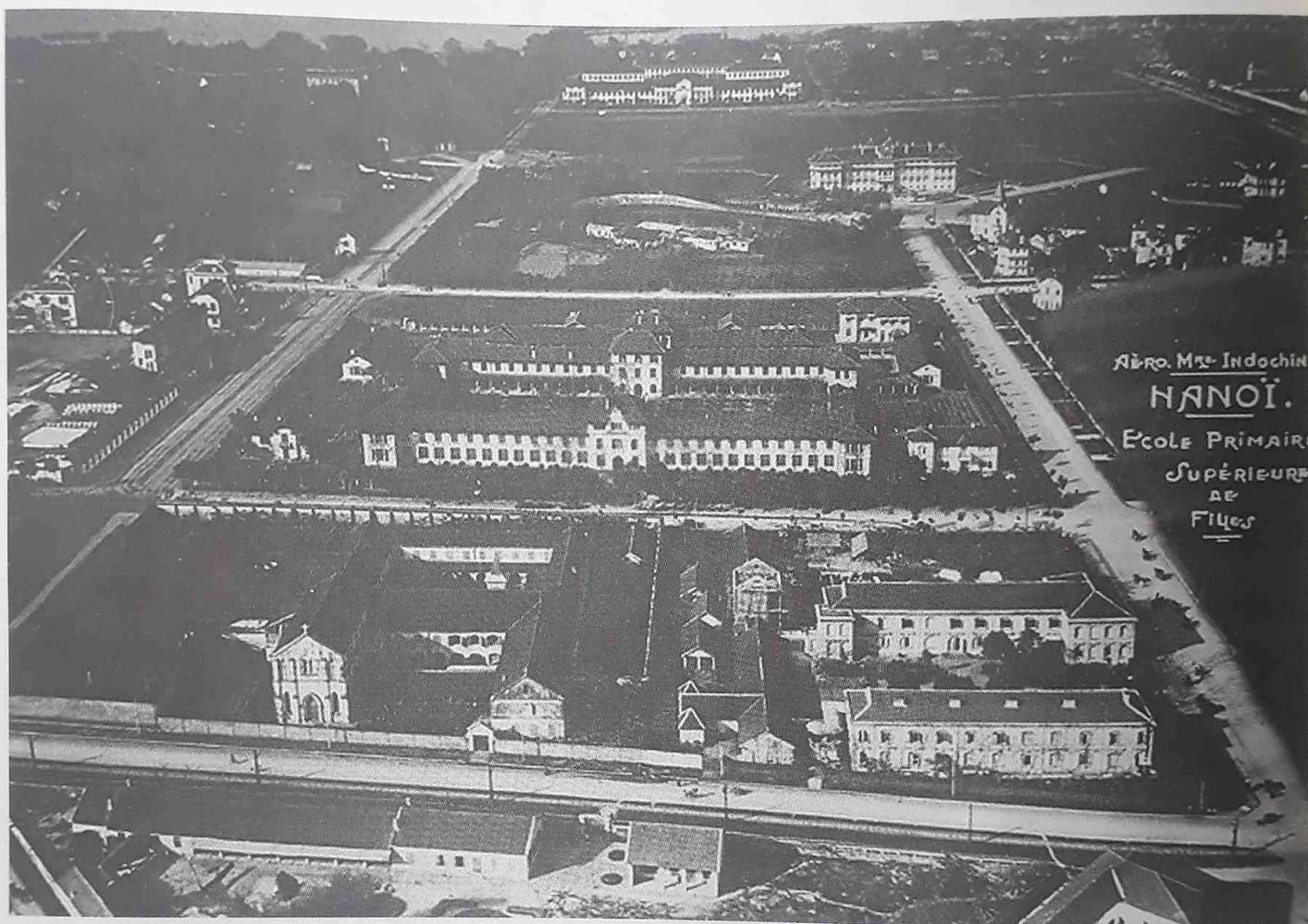


▼ **Nha Tài chính**

Nguồn: <http://indochine-souvenir.com>

Công trình được xây dựng vào cuối năm 1924, theo thiết kế của kiến trúc sư trưởng Ernest Hébrard, theo phong cách gần với văn hóa Á Đông, hoàn thành năm 1928. Công trình nằm tại giao điểm của các phố Puginier (Điện Biên Phủ) và Ollivier (Tôn Thất Đạm), hiện là trụ sở của Bộ Ngoại giao.





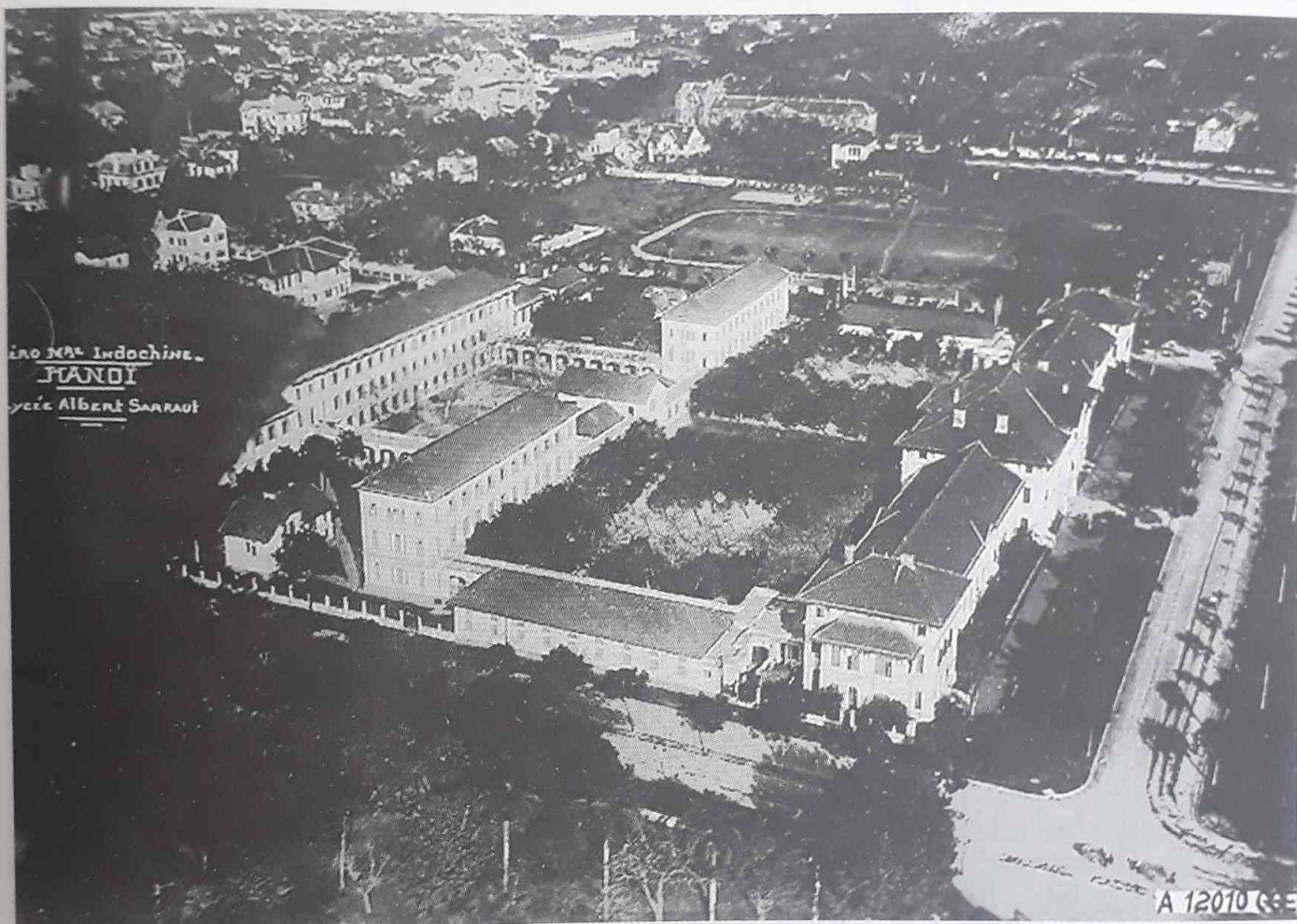
Không ảnh trường Cao đẳng tiểu học con gái Pháp

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Trường Cao đẳng Tiểu học Con gái Pháp được xây dựng năm 1918 trên đại lộ Félix Faure (phố Trần Phú) theo thiết kế của kiến trúc sư Charles Lacollonge, Chánh Sở Nhà cửa dân dụng. Ban đầu, trường được dự kiến làm trường con gái bản xứ, nhưng dự toán lớn quá nên chuyển xây thành trường con gái Pháp. Hiện nay, trường là trụ sở của Bộ Tư pháp.

Nằm ngang phía trước ảnh là đường Nguyễn Thái Học, với tu viện Saint Paul ở bên trái, bệnh viện Saint Paul ở bên phải. Đường bên phải là đường Chu Văn An chạy thẳng tới Bộ Ngoại giao hiện nay (nguyên là Nha Tài chính Đông Dương). Sau và song song với đường Nguyễn Thái Học là đường Trần Phú với hai tòa nhà dài ở phía sau là cơ sở của trường Cao đẳng Tiểu học Con gái Pháp: tòa quay ra đường Trần Phú nay là Bộ Tư Pháp. Đường bên trái là đường Hùng Vương chạy qua tu viện Đa Minh, Dinh Toàn quyền, trường trung học Albert Sarraut ở phía cuối đường.

Đường Điện Biên Phủ đoạn này chưa định hình khiến cho tòa nhà của Nha Tài chính Đông Dương đứng trơ trọi giữa một vùng ruộng, hồ đầm và mấy ngôi nhà.



Trường trung học Albert Sarraut

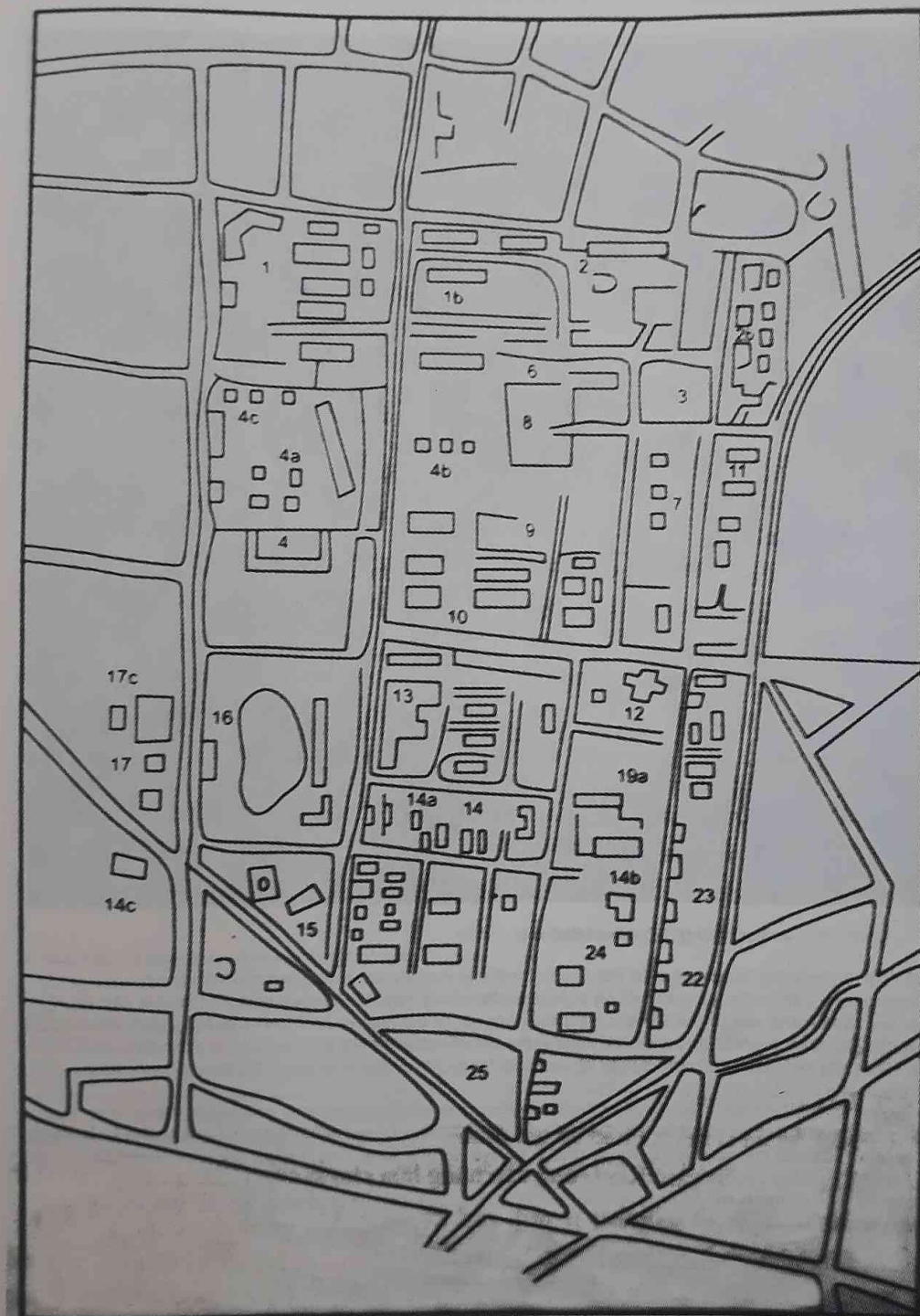
Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Cơ sở này nay là trụ sở Ban Đối ngoại và Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Con đường ở phía trước nay là đường Hùng Vương. Góc Tây của khu trường vuông vắn này nguyên xưa kia là núi Khán Sơn được đắp để cải thiện điều kiện phong thủy. Núi nằm sát tường thành phía Tây; đời Hồng Đức, vua Lê Thánh Tôn thường lên núi xem duyệt binh. Năm 1673, vua Lê Gia Tôn cho dựng chùa trên núi để thờ Phật và Lê Thánh Tôn. Năm 1848, Bồ chính Hà Nội Lê Hữu Thanh cùng Tổng đốc Hà Ninh Hoàng Thu cho xây một chiếc lầu trên núi để hàng tháng các văn nhân Hà Nội tới uống rượu làm thơ. Sau khi Thành bị quân Pháp chiếm đóng, chùa bị bỏ hoang, đổ nát, rồi bị phá hủy; năm 1889, tượng Phật và tượng Lê Thánh Tôn phải đưa về chùa Dục Khánh, cạnh đền Huy Văn, thôn Văn Chương; núi bị san bằng lấy mặt bằng xây trường.

Năm 1912, chính quyền Đông Dương quyết định cải tạo trường Paul Bert ở góc đường Đồng Khánh (phố Hàng Bài) và Rollandes (phố Hai Bà Trưng) thành trường Trung học Đông Dương ở Hà Nội, nhưng địa điểm đó nhỏ quá không đủ cho dự án. Cuối cùng, năm 1918, Trường Trung học Đông Dương ở Hà Nội được xây dựng trên đại lộ République (phố Hoàng Văn Thụ) theo thiết kế của kiến trúc sư Adolphe Bussy, Chánh sở Nhà cửa dân dụng. Công trình là một minh họa về phong cách kiến trúc của miền Bắc Pháp. Năm 1923, Trường Trung học Đông Dương được đổi tên thành Trường Trung học Albert Sarraut. Trường chủ yếu dành cho học sinh người Pháp hoặc lai Tây, bố mẹ là công chức, con cháu quý tộc Luang Prabang, con cháu tổng đốc Vân Nam, con cái quan lại cao cấp Việt Nam như tổng đốc, tuần phủ... hoặc con cái tư sản, địa chủ, nghị viên.

TƯ LIỆU ẢNH:

LƯỢC ĐỒ KHU QUÂN SỰ PHÍA ĐÔNG THÀNH HÀ NỘI THỜI THUỘC PHÁP



- 1a. Sở Binh lương (Intendance militaire).
- 1b. Kho của Sở Binh lương.
2. Nhà ở của các sĩ quan Trung đoàn Bộ binh Thuộc địa số 9 (9^e RIC), Trung đoàn Pháo binh Thuộc địa số 4 (4^e RAC) và Công binh (Génie).
3. Bộ chỉ huy Không quân (Aviation)
4. Khu Pháo binh:
 - 4a: Bộ chỉ huy Pháo binh;
 - 4b: Lán pháo;
 - 4c: Trại lính và thợ sửa chữa pháo và cơ giới.
 - 4d: Trại pháo thủ Trung đoàn Pháo binh Thuộc địa số 4 (4^e RAC).
5. Công binh (Génie).
6. Trại lính Trung đoàn Bộ binh Thuộc địa số 9 (9^e RIC), gồm lính Pháp và lính lê dương.
7. Khu nuôi lừa ngựa kéo pháo (Remonte).
8. Nhà ăn (Cantine).
9. Quân y (Santé).
10. Sở Chỉ huy Thành (Bureaux de la Place).
11. Bộ Tham mưu Sư đoàn (Etat-major de la Division).
12. Dinh Chỉ huy Sư đoàn (Hotel de la Division).
13. Kho súng đạn.
14. Trại Trung đoàn Khố đồ Bắc Kỳ số 1 (1^{er} RTT):
 - 14a: Bộ Chỉ huy;
 - 14b: Dinh đại tá chỉ huy;
 - 14c: Chỗ ở của sĩ quan;
 - 14d: Trại lính khố đồ;
 - 14e: Bệnh xá.
15. Đơn vị Thông tin (Télégraphie); nhà viên chỉ huy, văn phòng.
16. Câu lạc bộ quân đội, sân vận động.
17. Nhà ở sĩ quan cao cấp.
18. Trại giam của Tòa án quân sự.
19. Tòa án quân sự.
20. Nhà sĩ quan Pháp có gia đình.
21. Cửa hàng cung cấp hàng hóa cho sĩ quan Pháp.
22. Bộ Chỉ huy Công binh.
23. Dãy nhà của các sĩ quan Pháp có gia đình.
24. Dãy nhà của các sĩ quan Pháp.
25. Nhà cho thuê dành cho các sĩ quan Pháp có vợ Việt Nam.

TRƯỜNG THI

André Masson

Ngày nay cả tường vây lẫn nhà cửa trong *Trường Thi*¹ đều không còn nữa nhưng ta vẫn có thể tìm thấy nó trên các bản đồ cổ và có thể tái hiện các cơ sở bên trong nhờ một phác thảo chi tiết vẽ vào năm 1875 và những ghi chép của lãnh sự Pháp về các kì thi năm 1876 và 1879.

Nằm ở phía Đông Nam *Thành Hà Nội* và ngoài Khu phố buôn bán một chút, *Trường Thi* có kích thước khoảng 150×200m và chiếm khu vực hiện nay giới hạn bởi các phố Borgis Desbordes (*Tràng Thi*) ở phía Bắc, phố Lambert (*Dã Tượng*) ở phía Tây, đại lộ Jauréguiberry (*Quang Trung*) ở phía Đông và ở phía Nam là đường thẳng² chạy từ *Trường Mỹ thuật Ứng dụng*³ tới *Tòa án*⁴. Nó bao trọn các cơ sở hiện nay của các cơ quan là *Sở Lưu trữ và Thư viện* (Direction des Archives et Bibliothèques), *Tổng Thanh tra Nông nghiệp* (Inspection générale d'Agriculture), *Sở Hiến binh* (Gendarmerie) và *Trường Mỹ thuật Ứng dụng*.

Giống như mọi *Trường Thi* khác ở An Nam, *Trường Thi Hà Nội* được phân thành hai khu chính: một khu hoàn toàn tự do, trừ một ngôi nhà nhỏ ở trung tâm gọi là nhà *Thập Đạo*, dành cho các thí sinh; một khu khác gồm các tòa nhà cho giám khảo. Khu giám khảo lại chia thành ba khu nhỏ, mỗi khu nhỏ dành cho giám khảo của một trong ba kì thi.

Nếu đi từ khu thí sinh sang khu giám khảo, trước hết ta gặp *ngoại trường* là nơi ở của chánh chủ khảo, phó chủ khảo và các giám khảo chấm chung khảo; tiếp đến, một khu hình chữ nhật nhỏ là chỗ ở của các quan *đề tuyên*, những người nhận bài vào cuối ngày thi, sau đó ghi số phách và cắt phách bài thi; cuối cùng, *nội trường* là nơi các giám khảo chấm *sơ khảo* và *phúc khảo*.

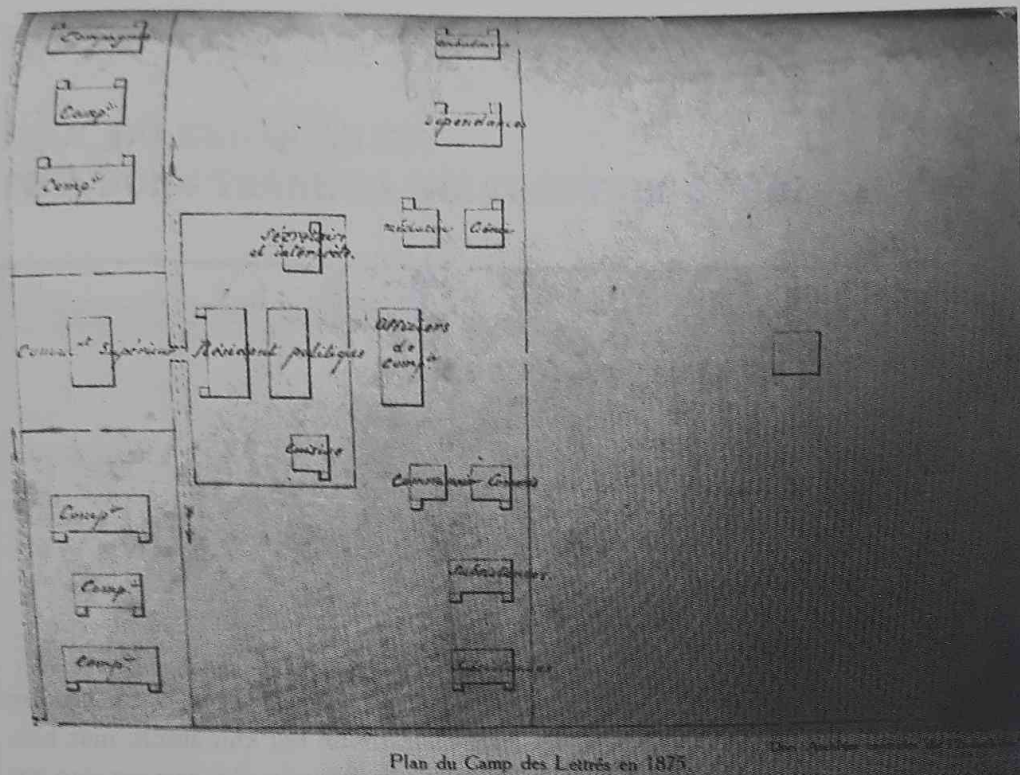
Trong khi khu thí sinh thông với bên ngoài bằng chín cái cửa thì khu giám khảo ba mặt bị đóng kín một cách nghiêm ngặt và chỉ có một cửa thông sang khu thí sinh. Trong suốt 35 ngày diễn ra kì thi, các giám khảo không được ra ngoài khu của mình dưới bất kì lý do nào, thậm chí người trong ban chấm kì này cũng không được gặp người trong ban chấm kì khác vì lúc nào cũng có hai người lính gác trước các cửa thông các khu với nhau. Ngược lại, các thí sinh có thể gặp nhau. Tất cả có ba kì thi và đều là thi viết. Mỗi kì diễn ra đúng một ngày, kì sau cách kì trước 10 ngày.

¹ Nguyên văn *Camp des Lettrés*.

² Nguyên văn *une ligne*; theo mô tả ngay sau, đường này phải là đường song song với phố Hai Bà Trưng - Li Thường Kiệt và nằm giữa hai phố đó.

³ *Ecole des Arts appliqués*, ở số 2F, phố Quang Trung; có thời kì gọi là *Trường Bách nghệ*; sau hòa bình lập lại ở miền Bắc, là trường *Trung cấp Công nghiệp 1*.

⁴ *Palais de Justice*, nay là *Tòa án Nhân dân Tối cao*.



Plan du Camp des Lettres en 1875.

Sơ đồ Trường Thi năm 1875.

Ảnh chụp lại bản sơ đồ gốc lưu trữ tại Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương, Phòng các Đô đốc, mã số 13524. Sơ đồ này được đính theo bức thư đề ngày 13-9-1875 do chỉ huy trưởng Chapotot gửi Đô đốc Duperré, Thống đốc Nam Kỳ. Kích thước: 32cm x 21,5m.

Bên phải là khu tường vây dành cho thí sinh, hoàn toàn trống trơn, trừ một cái chòi ở giữa gọi là nhà Thập Đạo; khu này thông ra bên ngoài qua chín cái cửa và thông với khu giám khảo qua một cái cửa.

Phần bên trái sơ đồ, ta có thể đọc được chức năng của các ngôi nhà phải đảm nhiệm vào năm 1875 trong khu giám khảo, trong đó có chỗ ở cho viên quan chỉ huy và binh lính của ông ta.

Trên sơ đồ vẽ lại dưới đây (xem hình), người ta thấy rất rõ hai khu cũng như các khu nhỏ và các cửa như chúng tôi đã mô tả ở trên.

Ở phần bản đồ ứng với khu thí sinh, ta không thấy có một ghi chú nào. Ở phần kia ta có thể đọc được các ghi chú năm 1875 cho các ngôi nhà của giám khảo: các ngôi nhà ở khu ngoại trường dành cho các quan võ, thầy thuốc, quan khâm mệnh và các thuộc viên; khu *đề tuyên* dành cho chủ khảo; khu nội trường dành cho viên quan võ chỉ huy và binh lính. Cách bố trí của các kì thi năm 1876 và 1879 không có gì thay đổi so với sơ đồ trên.

Trên đây là những nét chung về Trường Thi khi Francis Garnier đổ bộ lên Hà Nội vào ngày 5-11-1873. Vài ngày trước đó, ông ta viết thư cho Tuần phủ Hà Nội: "Tôi cần một chỗ ở chuẩn bị trước đủ an toàn cho đội quân của tôi. Tôi thấy Thành Hà Nội là thích hợp nhất cho việc đóng quân của tôi"⁵.

Các quan An Nam nhất định không thỏa mãn yêu cầu đó. Quên hẳn tính chất chính thức của phái đoàn

Garnier, các quan thậm chí còn đề nghị ông ta thuê nhà trọ. Hãy nghe Francis Garnier kể ông ta thoát khỏi khó khăn đó như thế nào⁶:

"Ngay khi nhìn thấy Hà Nội, tôi cho kéo cờ Pháp lên thuyền mình của tôi. Tàu chạy hơi nước hưởng ứng bằng một phát đại bác. Ngay lập tức hai tàu Lao-Kay và Hong-Kiang chào lá quốc kì bằng loạt súng của tất cả các đại bác trên tàu. Tôi lên bờ cùng với bộ tham mưu và đội hộ tống 30 người để đi tìm hiểu chỗ ở dành cho chúng tôi. Đội cận vệ Titai người Vân Nam do người châu Âu chỉ huy đứng thành hàng rào danh dự trên đường đi của tôi. Chẳng lâu la gì tôi tới công quán, nơi người ta nói đó là chỗ đón tiếp tôi. Chỗ ở của quan Khâm sai triều đình liền bên cạnh chỗ tôi. Mọi việc được tính toán để tôi không có bất cứ cơ nào vào Thành Hà Nội.

⁵ Hồ sơ số 12461, Phòng các Đô đốc, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương. Romanet du Caillaud và H. Gautier có thể cho biết một số chi tiết, trong một thư chưa công bố, về việc Garnier tới Hà Nội không phải theo tài liệu này mà theo một bức thư ngắn hơn Garnier gửi em mình và theo lời kể của viên đội Imbert.

⁶ Hồ sơ số 124844, Phòng các Đô đốc, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

Trả lời bức thư của tôi, thật là một chuyện buồn cười khi người ta đề nghị tôi cho một trăm người cùng với pháo binh ở trong quán trọ ngay giữa phố xá, không có một phương tiện chống cự nào khi bị tấn công, không thể cách ly binh lính với dân chúng, không có khả năng giữ kỷ luật quân đội khi ở lẫn với dân chúng. Trong đầu tôi luôn luôn kiên trì ý nghĩ không chấp nhận những chỗ ở như vậy, kể cả chấp nhận tạm thời. Thế là tôi cùng một nửa quân số tiến về Thành Hà Nội, để một nửa ở lại đuổi những người tò mò khỏi bến bốc dỡ và bảo vệ việc bốc dỡ hàng. Tôi gửi một bức thư đi trước báo cho nhà cầm quyền tôi sẽ chỉ dừng lại ở nhà Tổng đốc. Ông Dupuis cho tôi biết hiện đang có mặt ở Hà Nội viên Tổng trấn Bắc Kỳ, tướng Nguyễn Tri Phương, dịch thủ cũ của chúng ta ở Kỳ Hòa mà ngài đã yêu cầu triều đình triệu hồi. Ông Dupuis tin rằng ông ta không nghĩ tôi sẽ tới và sẽ về nhiệm sở ở Sơn Tây. Qua viên cố đạo An Nam được nhà cầm quyền phái gấp tới chỗ tôi để yêu cầu tôi chờ chuẩn bị việc đón tiếp, tôi biết tướng Nguyễn Tri Phương vẫn còn ở trong Thành Hà Nội. Ngay lập tức tôi tới chỗ ông ta, đồng thời truyền lệnh cho ông Trentinian mang 20 người tới chờ tôi ở cổng thành. Tôi qua cổng không gặp một trở ngại nào. Người ta bắt tôi dừng lại hai lần để chờ tướng Phương nhưng tôi cho rằng phải đứng chờ trong phố chỉ vì ý thích của ngài tổng trấn là không thích hợp, thế là tôi đi vào phòng yết kiến. Viên tướng chấp nhận ra mắt và ngay lập tức xuất hiện trong y phục cầu thả. Ông ta tỏ ra nhanh trí, vừa bắt tay vừa nói với chúng tôi mấy câu tiếng Pháp học được trong khi đánh nhau với chúng ta, cho mang đồ giải khát ra, giới thiệu viên khâm mệnh của triều đình và Tuần phủ Hà Nội tới sau đó một lúc. Tôi cho ông ta thấy sự ngạc nhiên của tôi về chỗ ở chọn cho tôi và tôi tuyên bố phải chỉ cho tôi ngay trong buổi họp này một chỗ khác có đủ các điều kiện an ninh mà tôi có quyền yêu cầu, nếu không tự tôi sẽ chọn một điểm thích hợp trong thành này để ở. Dĩ nhiên không có chỗ trong thành và chẳng có chỗ nào xứng cho tôi. Trước sự kiên quyết của tôi, tướng Phương nói là gần thành Hà Nội có một cái trại có lũy tương tự như Trường Thi Sài Gòn, trong có nhiều nhà rộng đáp ứng được an ninh. Từ chối trước việc xem xét các địa điểm, luôn luôn tỏ ý cắt đứt các cuộc đàm phán, tôi ra lệnh cho viên phó của

tôi, ông Esmez, đi xem địa điểm đó và quay lại báo cáo cho tôi biết. Trong thời gian ông Esmez vắng mặt, câu chuyện đề cập tới những chuyện bình thường. Tôi nghe thấy ở phía sau những tiếng thì thào là các cổng thành vừa mới được đóng lại khi đơn vị của Trentinian lại gần. Tôi vừa cười vừa nói với tướng Phương rằng việc đề phòng như vậy là vô ích vì trước đó tôi đã không ra lệnh cho đơn vị này tiến vào thành và mười lăm người đi theo tôi nếu có dịp đủ khả năng làm các cánh cửa phải mở. Ngài Tổng trấn cũng ngạc nhiên như tôi về hành động thiếu tin cậy nhau đó. Ông nói với tôi rằng các thuộc viên của mình quá nhiệt tình trong công việc.

Khi quay lại, ông Esmez nói với tôi khu nhà đề nghị là khu nhà thích hợp nhất, tường vây được một cái hào bao quanh bảo vệ, số lượng nhà đủ cho cho số người gấp năm lần số người của chúng tôi, nhưng nhà nào cũng chỉ có bốn bức tường. Thế là tôi chỉ còn việc nêu lên vấn đề phải chuyển ngay những vật dụng cần thiết nhất cho việc ăn ở của đội quân. Ngay lập tức, tướng Phương điều khoảng 300 hay 400 người làm việc đó trước khi vội vã cáo từ. Ngay tối hôm đó toàn bộ đạo quân viễn chinh đóng trong chỗ ở mới một cách thỏa mái⁷.

Thời gian chiếm đóng Trường Thi chỉ có 15 ngày, đánh dấu bằng chuyến thăm của Cha Puginier hôm 10-11 và những cuộc thương thuyết với nhà cầm quyền An Nam. Sáng sớm ngày 20-11, Francis Garnier dẫn quân tấn công Thành Hà Nội, chỉ để lại Trường Thi bảy hay tám người canh gác vật dụng. Ngay tối hôm đó, Francis Garnier vào Thành đóng tại Quốc Tự (Pagode Royale) và dùng mấy trăm tù binh An Nam vận chuyển vật dụng và thực phẩm từ Trường Thi vào Thành Hà Nội⁷.

*
* *

Sau khi Francis Garnier chết, việc rút khỏi thành Hà Nội, và sự ra đi của Trú sứ Rheinart, các hoạt động của Pháp tập trung ở Hải Phòng trong khoảng một năm để chờ bổ nhiệm lãnh sự ở Hà Nội theo hiệp ước 1874. Theo hiệp ước này, Pháp được một khu nhượng địa 2,5 hecta bên bờ sông Hồng để làm chỗ ở cho nhân viên và các binh lính bảo vệ lãnh sự.

⁷ Hồ sơ số 12466, Phòng các Đô đốc, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

Lãnh sự phải tới Hà Nội vào tháng 7-1875, và các công trình dự kiến cho khu Nhượng địa tương lai không thể chờ tới lúc đó mới thực hiện. Do đó ngày 30-5-1875, một thỏa ước được ký kết giữa ông Trần Đình Túc, Tuần phủ Hà Nội, và Đại úy Brionval, đại diện cho bộ chỉ huy đạo quân ở Hải Phòng, theo đó “Nơi gọi là Trường Thi sẽ được đặt dưới quyền chính quyền Pháp cho tới ngày 1-1-1877 và lâu hơn nếu có chuyện gì xảy ra, để bố trí nhân viên của mình trong khi chờ đợi hoàn thành các công trình cuối cùng”⁸.

Giải pháp này có nhiều ưu điểm như cho thấy trong thư của viên chỉ huy Dujardin gửi Phủ Đô đốc kèm theo dự thảo thỏa ước: “Thực vậy, tại Trường Thi các mặt đều kín rất tiện cho việc canh gác. Các quân nhân có một diện tích khá rộng để không quá thèm muốn ra phố nữa. Ngoài ra, lúc nào chúng ta cũng có trong tay một biệt đội. Bằng cách chỉ cho từng bộ phận nhỏ ra ngoài đi dạo, lúc nào chúng ta cũng giữ được ở trong trại một lực lượng đủ mạnh để tránh những bất ngờ. Cuối cùng, trại sẽ khô rất nhanh nhờ một số kênh rãnh. Ngoài ra, tôi tin chắc có thể tìm thấy nước ngọt bằng cách đào giếng ngay trong trại hoặc chỉ cách đó chút ít”

Sau khi thi công một số công trình đơn sơ, Trường Thi có thể sẵn sàng đón lãnh sự của Pháp vào cuối tháng 8. Trước đó mấy ngày, viên chỉ huy Capotot đi tàu thủy tới Hà Nội lúc 14h ngày chủ nhật 22-8 cùng với 50 binh sĩ. Ngay lập tức, ông ta tới dinh Tổng đốc và được đón tiếp rất nhiệt tình. Sau đó, ông ta quay trở lại để giám sát binh sĩ lên bờ và bố trí họ vào Trường Thi trước khi đêm xuống. Việc bốc dỡ đồ đạc và lương thực được thực hiện vào sáng hôm sau nhờ sự giúp đỡ của 150 culi do Tổng đốc trao cho chúng ta sử dụng⁹.

Những ngày tiếp theo, tại Trường Thi đã diễn ra thủ tục đại diện Pháp tiếp nhận quyền sở hữu. Có một điều lý thú nếu thêm vào bức thư của Francis Garnier ở trên câu chuyện của ông Kergaradec kể dưới đây¹⁰:

“Tới Hà Nội ngày thứ tư, 25, vào ban đêm; tới 8 giờ rưỡi sáng hôm sau tôi mới lên bờ cùng với các nhân viên lãnh sự để thăm chính thức Tổng đốc. Tiểu đoàn trưởng Chapotot, người tôi yêu cầu làm một hàng rào danh dự 30 người, đi theo tôi. Nhà cầm quyền An Nam tổ chức khoảng một nghìn binh lính trang phục khá đẹp và được chọn lọc kỹ vì mỗi cơ chọn một trăm người trong mười cơ của quân trấn Hà Nội. Chúng tôi nhận được từ Tổng đốc sự đón tiếp thỏa đáng nhất. Ông Trần Đình Túc là một ông già đáng kính gần 70 tuổi, một tuổi mặc dù hơi hiếm ở xứ này nhưng vẫn còn rất khỏe mạnh. Thuộc một gia đình ở Huế nhiều đời có người làm quan to cho triều đình, người ta nói rằng ông rất được nhà vua hiện nay, người biết ông ta từ nhỏ, sủng ái. Quyền của ông trùm hết hai tỉnh Hà Nội và Ninh Bình. Mỗi tỉnh đó lại do một Tuần phủ đứng đầu. Tuần phủ Hà Nội là ông Trần Hy Tang. Theo như ông Phạm Phú Thứ cho tôi biết trước, ông Tang có một đội thương bạc đặc biệt để xử lý các vấn đề liên quan tới ngoại thương. Trong địa hạt của mình, viên quan cao cấp này không tạo thuận lợi cho chúng ta như ông Trần Đình Túc và quả thực tôi thấy thái độ của ông ta kém thiện chí.

Ngày hôm sau, 27, viên Tổng đốc tới thăm chính thức tôi. Một hàng rào danh dự được thiết lập từ cổng ngoài tới tận cửa tòa lãnh sự, tại đây tất cả các sĩ quan đều được giới thiệu. Tôi có cơ sở để tin rằng ngài Tổng đốc hài lòng với cuộc tiếp đón vì ông ta muốn đích thân tới tìm tôi vào ngày hôm sau, ngày 28, để dẫn tôi tới miếng đất của Khu nhượng địa tương lai. Tôi lợi dụng dịp này để chính thức kéo cờ lãnh sự trước ngài Tổng đốc và sự có mặt của ông ta trong buổi lễ đã tạo ra một hiệu quả tuyệt vời”.

Chỉ tám ngày sau, có một sự nguy hiểm rất lớn đe dọa Trường Thi: quân *Cờ Đen* giết Francis Garnier hai năm trước đây được tổ chức lại trong các làng quanh Hà Nội, thậm chí nhiều tên còn đi lại công khai trong thành phố. Thấy trước sự nguy hiểm, viên chỉ huy Chapotot cho thực hiện khẩn cấp các công trình phòng thủ trong Trường Thi và củng cố tường vây. Tại mỗi đầu của mặt Tây, ông ta cho xây một cái ụ vuông bằng gạch mỗi chiều 3m trở ra những lỗ châu mai. Các ụ này dùng làm vọng gác; khi báo động, các mặt của nó có thể

⁸ Hồ sơ số 11693, Phòng các Đô đốc, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

⁹ Báo cáo của tiểu đoàn trưởng Chapotot, chỉ huy trưởng tối cao, ngày 2-9-1875, Hồ sơ số 13523, Phòng các Đô đốc, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

¹⁰ Báo cáo của Lãnh sự ngày 2-9-1875, Hồ sơ số 12982, Phòng các Đô đốc, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

được hỏa lực từ các mạn sườn bảo vệ. Trong báo cáo ngày 13-9 gửi phủ đô đốc về các công trình này¹¹, ông ta đánh theo sơ đồ kèm theo chú giải mà chúng tôi in lại ở hình trên. Theo chúng tôi biết, sơ đồ đó là sơ đồ duy nhất lưu giữ kỷ niệm về những ngôi nhà cũ trong Trường Thi.

Không biết sự lo sợ của chỉ huy trưởng Capotot là thái quá hay sự chuẩn bị đề phòng đã làm lính Cờ Đen nản lòng. Gì đi nữa, đã không có sự tấn công nào, nhưng sự không trong lành của Trường Thi làm binh lính Pháp còn khổ sở hơn những bất ngờ trong chiến đấu. Những trận mưa như thác vào tháng 9 biến Trường Thi thành một bãi lầy mênh mông. Nước quanh các nhà nhiều đến nỗi binh lính “giặt quần áo ngay trước cửa”¹². Bị muỗi đốt và phải làm việc trong nước, chân và đùi nhiều binh lính bị lở loét, ngày 10-10, một phần tư quân số không thể di động được. Trong những điều kiện tồi tệ như vậy, để thực hiện các công trình đào đắp, họ chỉ có “một số cuộc An Nam, mấy cái mai tôi tệ và ít xẻng đồng do thiếu xẻng sắt”¹³ trong khi chờ đợi dụng cụ từ Sài Gòn gửi ra. May thay, những khó khăn đó chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn và tình trạng vệ sinh được cải thiện khi mùa khô tới.

Trong khi chỉ huy trưởng quân đội bận rộn với việc phòng thủ và quy hoạch Trường Thi thì lãnh sự Kergaradec tiến hành những cuộc điều đình liên quan tới miếng đất của khu Nhượng địa. Lợi dụng ý muốn lấy lại Trường Thi của các viên quan, ông lãnh sự tinh ranh này đã chiếm không được một khu đất lớn hơn rất nhiều so với quy định của hiệp ước 1874: 17 hecta thay vì 2,5 hecta để đổi lấy việc rút khỏi Trường Thi sớm hơn hạn kỳ do thỏa ước 30-5-1875 quy định. Thực vậy, theo trên chúng ta thấy rằng Trường Thi nằm dưới quyền chúng ta “cho tới ngày 1-1-1877 và lâu hơn nếu có chuyện gì xảy ra”. Vậy mà tháng 11-1876 đã phải tổ chức kì thi hương, một kì thi rất quan trọng đối với xã hội An Nam. Ông Kergaradec cam kết sẽ trao trả

Trường Thi cho nhà cầm quyền An Nam vào ngày 16-10-1876.

Hạn kì một năm này quá ngắn để xây dựng các công trình chủ yếu cho Khu Nhượng địa. Mặc dù các thợ Bắc Kỳ thiếu kinh nghiệm nhưng đại úy công binh phụ trách công trình đã thành công trong việc dẫn dắt họ và chúng ta rút khỏi Trường Thi vào ngày 15-10-1876, trước hạn định 24 giờ.

Một tháng sau, khoa thi được mở tại Trường Thi, nơi vốn được giao làm nhiệm vụ này. Kì thi đã lôi cuốn một số lượng đông đảo người tới Hà Nội. Khoảng bốn, năm nghìn thí sinh kéo theo ít nhất cũng từng ấy đầy tớ và người nhà. Người ta thích để các môn đồ của Khổng Tử qua giai đoạn trọng đại của các kì thi trong sự trầm mặc khắc khổ. Thực tế có thể khác chút ít nếu để ý tới những biện pháp nhà cầm quyền An Nam đã áp dụng để phòng ngừa những vụ lộn xộn, nhất là việc “cấm bán rượu trong suốt tháng gian diễn ra kì thi”¹⁴.

Ông Kergaradec có thể theo dõi với sự hiếu kì một kì thi như vậy diễn ra dưới mắt ông¹⁵. Có lẽ sẽ không vô ích khi nói qua về kì thi đó vì các kì thi ở Huế và Nam Định đã được nhiều công trình nghiên cứu khác nhau¹⁶ nói tới. Tuy nhiên chúng ta không thể ngờ rằng trong các công trình nghiên cứu đó không có một dòng nào về những kì thi cuối cùng của Trường Thi Hà Nội, nơi rất ít người châu Âu được chứng kiến. Thậm chí rõ ràng hơn, người ta còn khẳng định rằng Trường Thi Hà Nội không còn được dùng làm nơi thi hương từ năm 1875, và chúng ta có thể đọc ở trang 101, tập san *Revue de Géographie*, năm 1883, đoạn văn có sức thuyết phục nhưng hoàn toàn không chính xác sau đây: “Binh lính Pháp đã ở đó năm 1875 cho tới khi Khu Nhượng địa đón tiếp họ chuyển sang. Sau khi binh lính ra đi, Trường Thi bị bỏ hoang và hiện nay rơi vào đổ nát. Hoặc do Trường Thi bị uế tạp vì sự có mặt của chúng ta, không xứng đáng đón nhận thí sinh thi làm quan, hoặc do người ta muốn giảm uy tín của một tỉnh thành từ nay

¹⁴ Thư của Kergaradec ngày 17-11-1876, Hồ sơ số 12997, Phòng các Đồ đạc, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

¹⁵ Báo cáo kèm theo thư trên.

¹⁶ Đặc biệt là *Revue Indochinoise*, các trang 176-197 của số 1894, các trang 139-158 của số 1913, và *Bulletin des Amis du Vieux Hué* (Đồ thành hiếu cổ), các trang 333-336 của số 1916.

¹¹ Hồ sơ số 13524, Phòng các Đồ đạc, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

¹² Thư của chỉ huy trưởng ngày 27-10-1875, Hồ sơ số 13525, Phòng các Đồ đạc, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

¹³ Thư của chỉ huy trưởng ngày 10-10-1875, Hồ sơ số 13525, Phòng các Đồ đạc, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

trở đi có đại diện chính quyền Pháp đóng, các kì thi từ đó trở đi được tiến hành ở Nam Định, binh lính trong Thành Hà Nội chiếm Trường Thi làm nơi tập ném lao và múa kiếm”.

Hà Nội là trung tâm thi cử xưa nhất của Đông Dương, trong *Văn Miếu* người ta có thể thấy các bia kỷ niệm các kì thi từ 1442 tới 1780. Năm 1876, ngoài Trường Thi ở Hà Nội còn có các Trường Thi ở Huế, Bình Định, Nghệ An, Thanh Hóa và Nam Định. Trường Thi Hà Nội dành cho thí sinh các tỉnh Bắc Ninh, Sơn Tây, Cao Bằng, Lạng Sơn và Tuyên Quang.

Cuộc thi bắt đầu vào ngày 1-10 âm lịch. Ngày hôm trước, các cáo thị báo cho các thí sinh biết chỗ thi và cửa vào. Trước đó, các thí sinh phải mang một số giấy đủ viết ba bài luận tới Thành Hà Nội. Số giấy này sẽ trả lại cho thí sinh vào buổi sáng kì thi dưới dạng vở đã được ký trước.

Sáng tinh mơ ngày trọng đại, ngay từ canh ba, tức khoảng một giờ sáng, người ta bắt đầu thục trống cái để mọi người chuẩn bị. Ngay lập tức, các thí sinh, lẫn lộn trong đám người xem, đổ tới Trường Thi, tới trước hàng lính vây quanh tường. Vào giữa canh năm, tức là khoảng bốn hay năm giờ sáng, các quan giám khảo cùng với tùy tùng tới các cửa khác nhau. Sau đó là gọi tên thí sinh kèm theo lục soát người nghiêm ngặt tại lối vào. Mỗi thí sinh mang theo một túp lều nhỏ bằng lụa hoặc bằng cói, bánh, gạo, chè, mực nho, một hoặc hai cái bút và một cái đèn. Sau khi mọi người vào hết, các cửa được đóng lại, và các quan giám khảo họp nhau ở nhà *thập đạo*, nằm giữa khu thi, để yết đề thi. Vào buổi chiều, các thí sinh làm xong bài dần dần kéo nhau ra qua cửa giữa, nhưng những người cuối cùng chỉ rời Trường Thi vào lúc nửa đêm.

Kì thi thứ hai được tiến hành vào ngày 11 cùng tháng với những nghi thức như kì một và kì ba vào ngày 21. Do bị loại liên tiếp nên số thí sinh chỉ còn hơn năm trăm thay vì bốn, năm nghìn ban đầu. Trong ngày công bố kết quả, diễn ra năm ngày sau kì thi cuối cùng, người ta công bố tên của năm mươi *tú tài* mới và hai mươi lăm *cử nhân* mới.

Sau kì thi văn, diễn ra kì thi võ cũng ở Trường Thi. Nhưng lúc này ông Kergaradec đi khảo sát vùng thượng lưu sông Hồng nên ngày 25-1-1877, tiểu đoàn trưởng Billès, người tạm quyền lãnh sự trong thời gian ông vắng mặt, có thể yên tâm báo cho Phủ Đô đốc rằng “Hà Nội đã hoàn toàn trở lại yên tĩnh”¹⁷. Các kì thi võ gồm có thi cử tạ, đánh kiếm, đánh giáo và trả lời một số câu hỏi về chiến thuật quân sự¹⁸.

Các thư từ của tòa lãnh sự Pháp tại Hà Nội còn giữ được cho chúng ta biết kì thi hương còn được tổ chức ở Trường Thi vào năm 1879 một lần nữa và lời cuốn hơn bảy nghìn thí sinh nhưng không cho biết chi tiết về kì thi đó. Kì thi này phải là kì thi cuối cùng của Trường Thi Hà Nội. Thực vậy, các kì thi hương ở Bắc Kỳ bị bãi bỏ trong thời gian diễn ra chiến dịch từ năm 1882 tới 1885 và mãi tới năm 1886, Paul Bert mới cho mở lại kì thi hương, nhưng từ đó về sau chỉ được tổ chức ở Nam Định.

*
* *

Ngoài thời gian phục vụ cho thi cử, Trường Thi còn được dùng vào các việc khác, nhất là phát chẩn gạo, một việc hiện nay vẫn tồn tại nhưng chi tiết hồi đó còn ít được biết tới. Các bức thư của ông Kergaradec cho phép chúng ta lấp kín khoảng trống đó và hình dung ra cảnh xót xa diễn ra ở cửa Trường Thi trong thời gian đói: “Cứ năm ngày một, các ăn mày của thành phố và các vùng lân cận, một đội quân thực sự, chen nhau tới các cửa của Trường Thi. Người ta cho vào từng người một và mỗi người nhận ở lối vào một ít gạo khoảng nửa kilô; sau đó tất cả chín cửa cùng mở ra để mọi người rút đi. Chút gạo bố thí nhỏ nhoi vừa đủ một ngày đó chỉ phát cho phụ nữ, trẻ em, người già và những người tàn tật; những người đàn ông có vẻ còn kiếm sống được đều bị lính xua đuổi. Việc xua đuổi rất kiên quyết nhưng lần phát chẩn cuối cùng vẫn còn 22.000 người tới nhận. Chỉ riêng con số này có thể cho ta một khái niệm về sự khốn cùng Hà Nội tặng cho chúng ta vào thời điểm đó”¹⁹.

¹⁷ Hồ sơ số 12998, Phòng các Đô đốc, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

¹⁸ Xem P. Pasquier, *l'Annam d'autrefois*, 1907, trang 120-122.

¹⁹ Hồ sơ số 13033, Phòng các Đô đốc, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương (thư ngày 30-4-1880).

Với sự dè dặt, vài dòng trên đã nói lên nhiều những đau khổ mà dân chúng Bắc Kỳ phải chịu trước khi có sự can thiệp của Pháp. Những con số do ông Kecgaradec cung cấp, những bằng chứng vô tư, không thể bị nghi ngờ, tập hợp từ thư từ của ông chứng tỏ ông không bao giờ viết cho Đô đốc, Thống đốc mà không kiểm tra cẩn thận độ chính xác của các thông tin nhận được.

Những ai ngẫu nhiên nhìn vào công việc của các quan An Nam sẽ thấy trong khi nhiều người khốn khổ chết đói ở Hà Nội thì gạo lại thừa mứa ở các tỉnh khác vì việc lưu thông gạo bị cấm ngặt. Nghiên cứu những nguyên nhân dẫn tới nạn đói, vị lãnh sự của chúng ta viết ngày 18-6-1880: “Lý tưởng của một viên Tuân phủ là giá cả rẻ trong địa hạt của mình trong khi đắt đỏ trong địa hạt bên cạnh. Đó là dấu hiệu của sự cai trị tốt, của sự cai trị nhân từ. Những chuyện như vậy nằm trong phong tục của xứ này. Các phong tục này dựa trên những châm ngôn cổ và chắc sẽ kéo dài như chính chính quyền của các quan lại”²⁰.

*
* *

Đầu năm 1882, khi có vấn đề gửi quân ra Hà Nội để tăng cường, người ta nghĩ tới việc sử dụng Trường Thi và đại úy công binh phụ trách nhà của trình bày trong báo cáo²¹ ngày 18-1 rằng các ngôi nhà cũ của khu Trường Thi có thể chứa được hai đại đội và dễ dàng nhận thêm hai đại đội nữa bằng cách xây dựng các nhà lá trong phần đất trống. Viên đại úy kết thúc báo cáo: “Tôi phải thêm rằng địa điểm Trường Thi đang ở trong tình trạng vệ sinh tồi tệ: bị các bãi lầy vây quanh, sát với một nghĩa địa và nằm bên trại hủi. Tôi không thể tin rằng người ta lại chọn địa điểm này vào năm 1875”.

Những kết luận trên ít được để ý và viên chỉ huy Rivière thích đóng quân trong Khu Nhượng địa trừ đại đội phòng thủ ở Vọng Cung trong Thành từ ngày 25-4-1883. Nhưng vào quý 2 năm 1883, sự gia tăng quân số buộc ông ta phải theo dự án ban đầu. Giao kèo cung cấp thợ và vật tư cần thiết được trao cho nhà thầu khoán

người Tàu *Yuen-Tay* để xây dựng các lán cho một tiểu đoàn ở Trường Thi và một tiểu đoàn ở trong Thành. Phải dựng 32 lán loại 6×20m, 8 lán loại 6×12m và 2 lán loại 11×69m bằng gỗ và gạch, nền lát gạch Bát Tràng vuông²². Nếu căn cứ theo các hồi ký chiến dịch đã được xuất bản thì tiện nghi của các ngôi nhà này cũng tạm được²³.

*
* *

Chiến dịch kết thúc, Trường Thi ra sao dưới sự bảo hộ của người Pháp? Cần phải cung cấp một nhiệm sở thích hợp cho đại diện triều đình Nguyễn Hữu Độ, Tổng đốc Hà Nội và sau đó là Kinh lược Bắc Kỳ. Như trình bày trong hồi ký²⁴ của trú sứ Pháp tại Hà Nội, ông Bonnal, việc trả lại ông ta chỗ ở cũ trong thành Hà Nội đặt ra những khó khăn cho giới quân đội. Đầu tiên, một ngôi nhà lớn ở phố (rue) de la Mission (Nhà Chung) được trao cho ông ta sử dụng; sau đó vào năm 1886, người ta quyết định xây dựng cho ông ta một dinh trong Trường Thi.

Dinh được dựng trong khu vực thi của thí sinh, tại vị trí bãi cỏ ngày nay ta phải đi qua từ đường Borgnis Desbordes (Tràng Thi ngày nay) để vào tòa nhà của Thư viện trung ương. Thực ra tòa nhà này chỉ là dinh thứ hai của Nha Kinh lược được xây dựng lại vào năm 1896 ở phía sau sau dinh thứ nhất một chút.

Được xây dựng theo sơ đồ và dưới sự điều hành của Nha Kinh lược, “dinh” thứ nhất là một ngôi nhà khá hiện đại, lợp ngói Tàu, sân trong có bể, núi non bộ và các chậu hoa. Mặt ngoài sơn các màu tươi. Tại đại sảnh, nơi tiếp khách chính thức của quan Kinh lược, khách có thể chiêm ngưỡng “những bức tranh bằng lụa thêu câu đối, các bức tranh sơn mài Bắc Kỳ màu đỏ, bàn ghế chạm khắc, sơn son thiếp vàng”.

Ngay sau khi công trình hoàn thành và trước khi tới ở trong tòa nhà mới, quan Kinh lược giao tòa nhà cho những người tổ chức Triển lãm Bắc Kỳ lần thứ nhất

²⁰ Hồ sơ số 13036, Phòng các Đô đốc, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

²¹ Hồ sơ số 10631, Phòng các Đô đốc, Sở Lưu trữ Trung ương Đông Dương.

²² Hồ sơ số 7600, Phòng Thống sứ Bắc Kỳ, Sở Lưu trữ trung ương Đông Dương.

²³ F. Garcin, *Au Tonkin pendant la conquête*, thư của một trung sĩ ngày 21-5-1884, trang 44.

²⁴ R. Bonnal, *Au Tonkin, notes et souvenirs*, 1925, trang 130.

diễn ra tại Trường Thi trong hai tháng ba và tư năm 1887. Khu đất, nơi trú chân của những người lính Pháp đầu tiên tới Bắc Kỳ, dùng làm nơi trung bày đầu tiên về sự sang trọng của khu phố theo kiểu châu Âu ở Hà Nội. Mô tả cuộc triển lãm này²⁵ sẽ vượt qua giới hạn chúng tôi đã vạch ra. Chúng tôi chỉ xin ghi lại quang cảnh chung của khu triển lãm theo lời kể của một khách thăm: “Khi khách tới trước Trường Thi theo một đại lộ rộng lớn được đặt tên là đại lộ Paul Bert, ngay lập tức đập vào khách là vẻ vui tươi của những bức tường trắng được bao quanh bằng những chậu cây và hoa duyên dáng và những thảm cỏ... Khi qua cửa, cảnh trí thật quyến rũ. Một lối đi rộng, hai bên trồng các cây như trà, cam, chanh, đào... và hoa như thược dược, cúc, hồng... Suốt con đường này, các cây nhiệt đới và ôn đới hòa với nhau rất nghệ thuật và phong phú. Con đường dẫn tới một ngôi chùa trông ra cánh đồng”²⁶.

*
* *

Kết thúc giai đoạn nghiên cứu đề ra, chúng tôi sẽ không đi sâu vào những sự chia cắt liên tiếp hoặc những thay đổi của Trường Thi: 1893, xây dựng Sở Hiến binh trong một phần của khu giám khảo; 1897, Dinh Kinh lược được nhường lại cho *Phòng Thương mại* (Chambre de commerce); 1898 và 1900, thành lập và mở rộng *Trường Dạy nghề* (Ecole Professionnelle)²⁷ tại phía phần Nam của Trường Thi.

Thay đổi cuối cùng trong những thay đổi đó đã cho ra đời trong Trường Thi một địa chỉ gợi nhớ sự vinh quang của quá khứ văn học của nó: khu thi, lần lượt là Dinh Kinh lược và Phòng Thương mại, năm 1919 trở thành *Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương* (Direction des Archives et des Bibliothèques de l'Indochine). Thư viện trung ương nằm tại vị trí của nhà Thập Đạo cũ, nơi ngày xưa các thí sinh tới chép đề và nộp bài vào cuối buổi thi. Các sinh viên ngày nay, những người thừa kế các nho sĩ ngày xưa, tới nơi xưa để tham khảo các kiến thức khoa học Tây phương.

²⁵ Có thể tìm thấy các chi tiết của cuộc triển lãm này trong một loạt bài của tờ *l'Avenir du Tonkin* trong các số từ ngày 19-3 tới 23-4-1887. Cái “đỉnh” của triển lãm là đoạn đường sắt Decauville dài mấy trăm mét. Người An Nam nô nức tới xem và sự vui thích của họ “không thể nào tả được”. Trong phóng sự, ta thấy chính đại úy Joffre được trao nhiệm vụ thiết kế khu nhà và trong số các vật trưng bày có pho tượng Tự do, cầm đuốc chiếu sáng thế giới, hiện đang được đặt tại quảng trường Neyret (Cửa Nam-ND). Cảnh cổng của Sở Hiến binh hiện nay cũng là một kỷ niệm của cuộc triển lãm. Cổng được xây theo thiết kế của Đại úy Roques.

²⁶ P.Vial. *Nos premières années au Tonkin*, 1889, trang 137.

²⁷ Tại 2F, Quang Trung.

TƯ LIỆU ẢNH:

TRƯỜNG THI VÀ GIÁO DỤC TRƯỚC NĂM 1954



Tòa Kinh lược

Tòa nhà này, nay không còn, nằm trong khu vực Thư viện Quốc gia.

Nguồn: <http://hanoilavie.com>



71. Tonkin - HANOI - Gendarmerie

▲ Sở Hiến binh

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Ban đầu (1883-1893), Sở Hiến binh¹ ở phố Hàng Bồ và Hàng Bè trong hai ngôi nhà của người Trung Quốc buôn bán, sau chuyển tới phố Cầu Gỗ, rồi về Tràng Thi. Hình trên là Sở Hiến binh ở phố Tràng Thi. Nó nằm trong khu nội trường (khu giám khảo); cổng vào xây theo kiểu Á Đông, trên trụ chính có nghệ sấu, cổng phụ có mái cong, trang trí hình đắp nổi, màu sắc sắc sỡ.

Sau cổng có nhiều nhà xây dùng làm phòng làm việc và nhà ở của sĩ quan và binh lính, nhà bếp, nhà ăn, kho súng đạn, chuồng ngựa.

Hiện nay khu vực cũ của Sở Hiến binh là trụ sở của một số cơ quan, trong đó có một ngôi nhà bốn tầng quay ra phố Hai Bà Trưng

▼ Một lớp học ở nông thôn

Nguồn: <http://nguyentl>



¹ Nhân dân thường gọi là Sở Sen đầm. Có lẽ sen đầm là biến âm của chữ gendarmerie.



▲ Thi hương

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Yết bảng

Nguồn: <http://nguyentl>





▲ Một lớp học
Nguồn: <http://nguyentl>

▼ Học tập dã ngoại
Nguồn: <http://nguyentl>





3149 — TONKIN
Jeunes filles indigènes au cours de chant

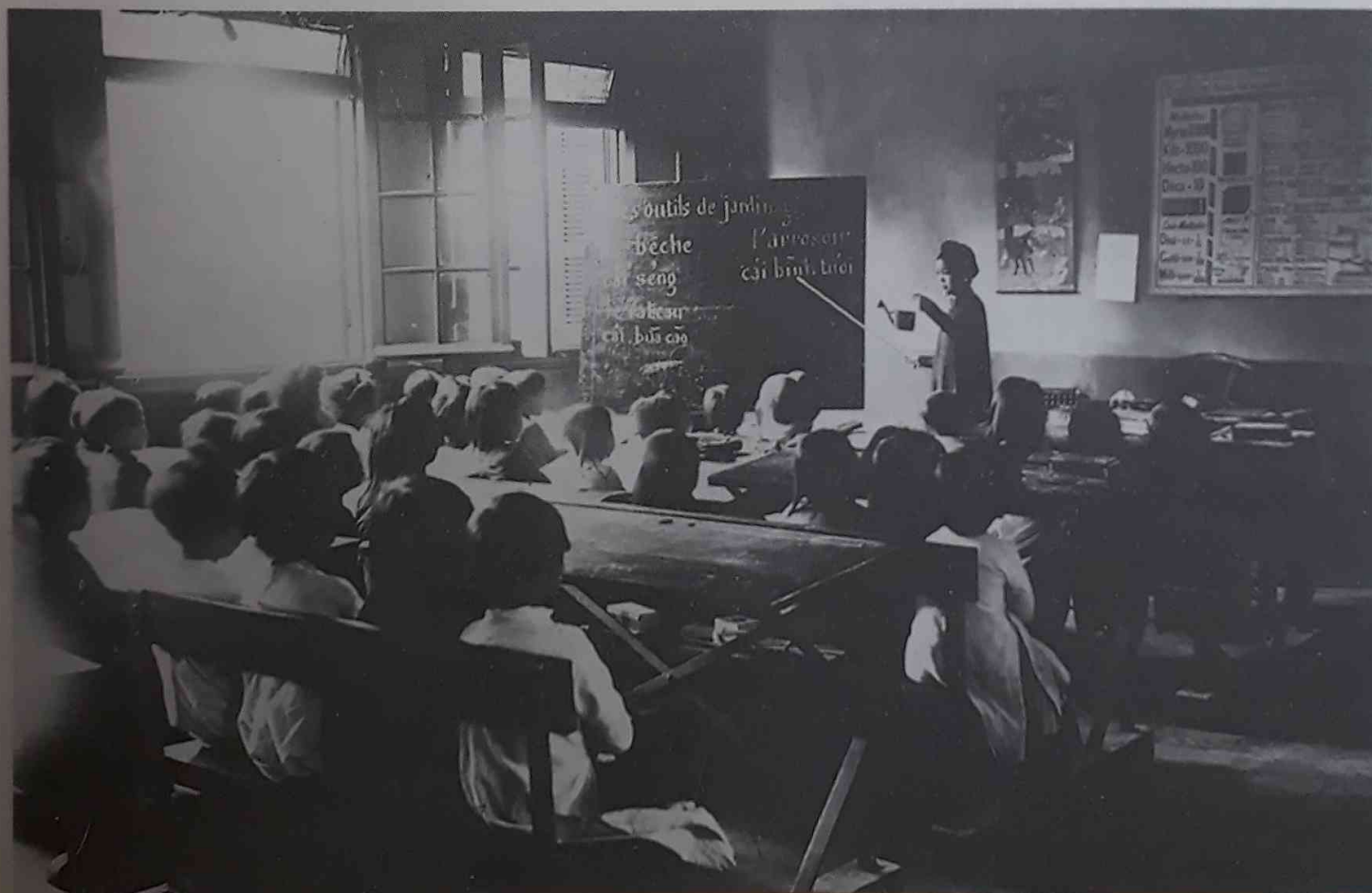
Collecte: Durieux

▲ Các nữ sinh Việt Nam học hát

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

▼ Lớp học bậc tiểu học ở Hà Nội

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>





▲ Lớp học đánh máy chữ

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

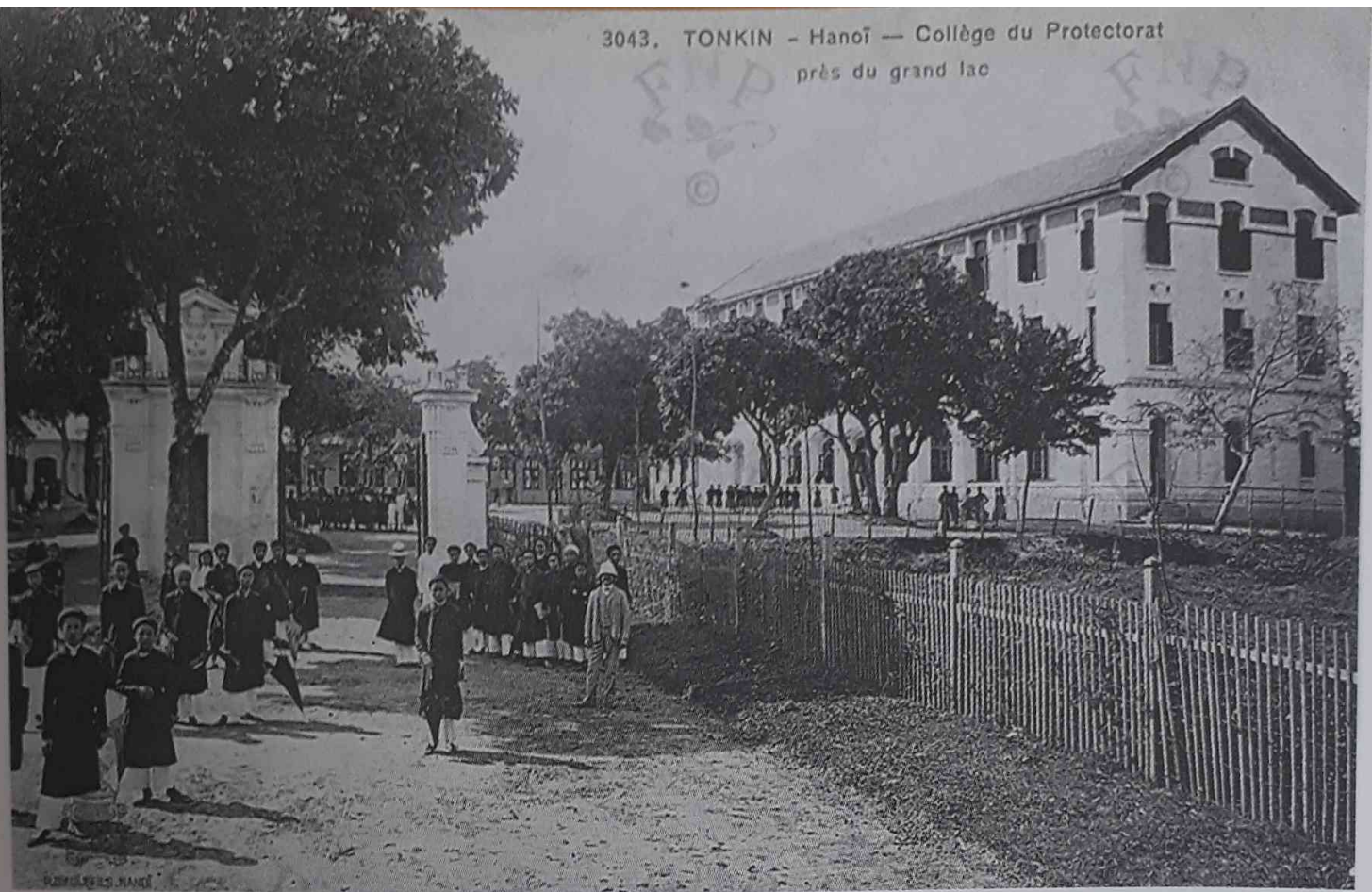
▼ Trường học trên đại lộ Đồng Khánh (Hàng Bài ngày nay).

Nguồn: <http://hanoilavie.com>



73. Tonkin - HANOI - Groupe Scolaire

3043. TONKIN - Hanoï — Collège du Protectorat
près du grand lac



▲ Trường Trung học Bảo hộ (Trường Bưởi)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Trường Trung bảo hộ (Lycée du Protectorat) được thành lập trên cơ sở hợp nhất các trường Thông ngôn, Sư phạm, Trung học Pháp-Việt và trường tiểu học thuộc Trường Sư phạm, với trường sở là các khu nhà của Nhà máy in Schneider gần Hồ Tây. Năm 1908, người ta xây dựng thêm một số công trình theo thiết kế của kiến trúc sư Charles Lichtenfelder; sau đó, nhiều công trình được xây thêm theo thiết kế của kiến trúc sư Adolphe Bussy.

▼ Phòng thí nghiệm trường Trung học Bảo hộ

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>





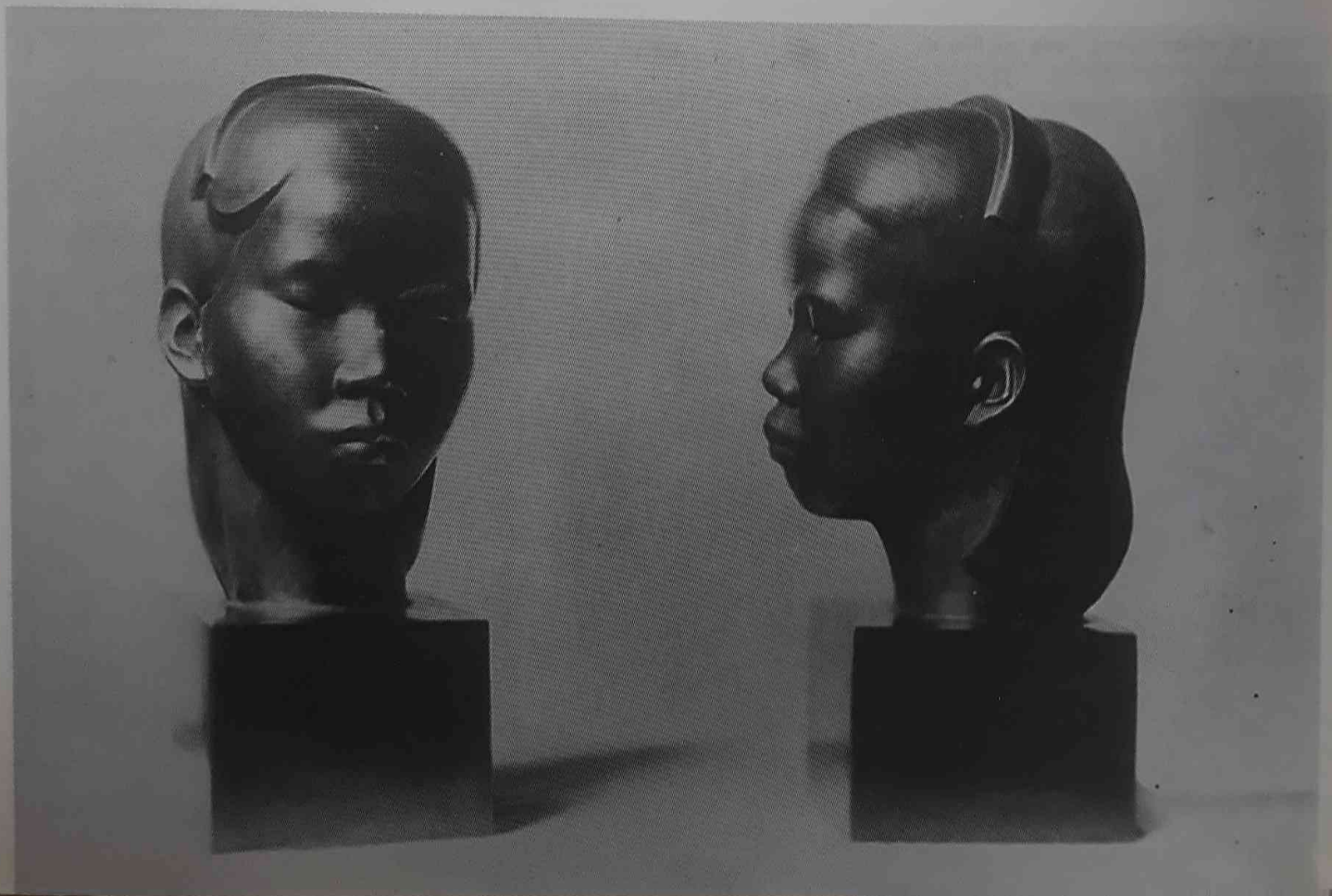
▲ Trường Mỹ thuật

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Năm 1925, Toàn quyền Đông Dương cho phép xây dựng Trường Mỹ thuật Đông Dương trên diện tích 2.640m² giáp các phố Route Mandarine (phố Lê Duẩn) và Reinach (phố Trần Quốc Toản); một số ngôi nhà trong khu đất này bị trưng dụng. Ngày 28-3-1925, đấu thầu cải tạo nhà, xưởng, xây dựng nhà mới cho giáo viên, công ti Aviat trúng thầu. Công trình được thực hiện theo thiết kế của kiến trúc sư Charles Lacollonge. Công trình này nay là Trường Đại học Mỹ thuật, số 42, Yết Kiêu. Tòa nhà trong ảnh của trường trông ra phố Lê Duẩn hiện nay. Những năm 1960, người ta vẫn có thể trông thấy nó, nhưng mới đây không thể thấy được vì đã bị những ngôi nhà trên phố Lê Duẩn che lấp.

▼ Sản phẩm của sinh viên Trường Mỹ thuật Hà Nội

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>





Trường Nông lâm

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Trường nằm trong Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn hiện nay.



Trường Y²

Trường là một bộ phận của Trường Đại học Đông Dương. Trường nằm trên phố Lê Thánh Tôn, trông sang Vườn hoa Tao Đàn.

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

² Trước 1945, người Việt không gọi trường này là trường *dại học*; người ta chỉ gọi đơn giản là Trường Y.

THÀNH CỔ LOA

Madrolle

Tiểu dẫn

- Về tác giả và tác phẩm trích, xin xem tiểu dẫn bài 3.

Cổ Loa là kinh đô của Thục An Dương Vương, người Ba Thục. Ông trị vì từ năm 257 tới năm 208 trước công nguyên. Vào thế kỷ thứ 10, Cổ Loa còn là kinh đô của Ngô Quyền (939-944).

Dưới triều vua cuối cùng của họ Hồng Bàng huyền sử, người An Nam phải chiến đấu chống lại quân Ba Thục của An Dương Vương mà theo truyền thuyết, nguyên nhân là việc từ chối gả công chúa An Nam là Mị Nương cho An Dương Vương.

Quân Ba Thục đánh bại quân An Nam và chiếm kinh đô của họ Hồng Bàng. An Dương Vương trở thành vua nước An Nam mà sử Trung Quốc gọi là Âu Lạc.

An Dương Vương thiết lập kinh đô ở Cổ Loa, trong một vùng bán khuyên do sông Cà Lồ tạo ra, bao bọc kinh đô bằng ba lớp tường phòng thủ. Công trình to lớn đó đòi hỏi rất nhiều nhân công; thế nhưng việc xây dựng thành vẫn gặp nhiều khó khăn, và nhà vua, theo truyền thuyết, phải cầu cứu một con rùa vàng do thần sông Lô sai tới. Cuối cùng, bọn ma quỷ phải bỏ chạy, các tường thành hình xoắn ốc không đổ nữa. Chỗ rộng

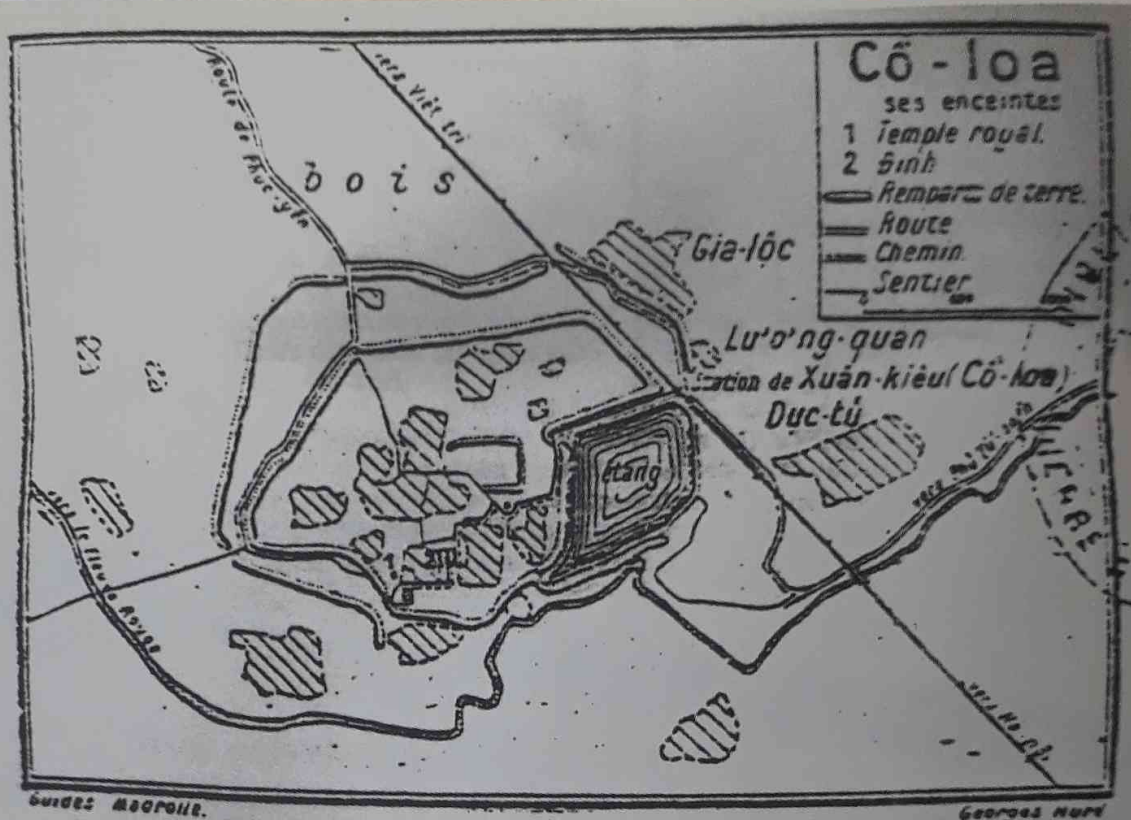
nhất của thành bên ngoài dài 2.580m, bên trong dài 2.200m. Tường thành, được giữ còn khá tốt, bên ngoài dài 7,6km, bên trong dài 6,15km.

Hoàng cung được xây dựng trên một cái gò nhỏ ở phía Nam, nơi có lăng mộ An Dương Vương và được gọi dưới các tên *Vương thành*, *Hạc-long-thanh*, *Côn Lôn thành*.

Năm 214 trước công nguyên, người Trung Quốc vượt qua dãy *Nam-ling*¹ và quân Tần chiếm vùng Quảng Đông, lúc đó gọi là Nam Hải; sau đó tới Bắc Bộ Việt Nam vào năm 210 trước công nguyên, viên tướng Triệu Đà đóng ở *Lan-kha-son*, ở phía Nam Bắc Ninh, đánh bại và buộc người An Nam phải nhận một đoạn sông Cà Lồ làm đường biên giới mới. Năm 208 trước công nguyên, Triệu Đà lại tiến xuống An Nam, chiếm thành Cổ Loa, truy đuổi vị vua già An Dương Vương bỏ chạy; An Dương Vương phải tự tử trên đường chạy trốn.

Dưới đây là truyền thuyết về trận chiến năm 208. Vua An Dương Vương được thần Kim Quy cho một cái móng thần. Nhà vua lắp chiếc móng vào nỏ của mình khiến cho nỏ trở thành một thứ vũ khí ghê gớm mà người Trung Quốc phải kinh sợ trong trận chiến năm

¹ Hiện ở đầu phố Hàng Khay, trông ra các quầy bán hoa.



Vị trí thành Cổ Loa

1. Đền thờ; 2. Đình; étang: hồ; rempart: lũy đất; bois: rừng

210 trước công nguyên. Triệu Đà bèn dùng mưu để chiếm chiếc nỏ thần, ra về hòa mục với An Dương Vương và gửi con trai mình là Trọng Thủy sang cầu hôn với công chúa Mị Châu của An Dương Vương. Chàng rể tìm cách chiếm được lòng tin của triều đình An Nam và đặc biệt là của vợ mình. Mị Châu, không một chút nghi ngờ, một hôm mang cho chồng xem nỏ thần. Trọng Thủy lấy cắp chiếc móng và thay bằng một chiếc móng tương tự rồi lấy cớ muốn thăm cha, xin phép về Quảng Đông.

Ngay sau khi lấy được móng thần, Triệu Đà dẫn quân vào An Nam, đóng quân gần Cổ Loa.

Lúc đó, An Dương Vương liền dùng nỏ thần nhưng không còn thần diệu nữa và khi quân thù chiếm thành, ông mới phát hiện ra sự phản bội của con rể. An Dương Vương tuyệt vọng bỏ kinh thành chạy, mang theo Mị Châu trên lưng ngựa. Nhà vua vượt qua Thanh Hóa, khi tới gần bờ biển, đột nhiên thần Kim Qui hiện ra nói: “Sao nhà vua lại nghĩ rằng có thể trốn thoát kẻ thù trong khi cho nó ngồi trên ngựa của mình?”. An Dương Vương quay lại đâm chết con gái, Mị Châu chết mà không biết mình bị tội gì. Có các đền thờ ở *I-bich*, huyện

Hậu Lộc, ở *Hương-cát*, huyện Đông Thành², được dựng lên để kỷ niệm sự kiện buồn đó.

Trọng Thủy tìm được xác vợ mang về Cổ Loa mai táng, sau đó gieo mình xuống một cái giếng cạnh hoàng cung tự vẫn.

Đền thờ An Dương Vương, có tường vây, được xây dựng trên một gò đất nhỏ, tại vị trí xưa kia là nơi An Dương Vương ở.

Một chiếc cầu thang bằng đá, với hai lan can bằng đá nguyên khối tạc đôi rồng ba vuốt, dẫn lên một chiếc cổng trên có vọng lâu. Trên cổng, có bức hoành ghi hàng chữ mà nghĩa như sau: “Nhìn lên, nhìn xuống, chỉ thấy vẻ cổ kính nghìn năm”.

Một con đường lát gạch vượt qua bảy bậc thang dẫn ta qua dưới một chiếc cổng thứ hai để tới sân đền.

Tòa nhà thờ An Dương Vương là một ngôi nhà to lớn, lợp ngói, cột là những cây gỗ to lớn rần như thép, được sơn thiếp. Có những câu đối ca tụng những truyền thuyết từ thời kì xa xưa, những bàn bày đồ cúng và những biểu tượng trang trí ở gian giữa.

² (Tức đền Cuồng thuộc xã Diên An, huyện Diên Châu tỉnh Nghệ An ngày nay)

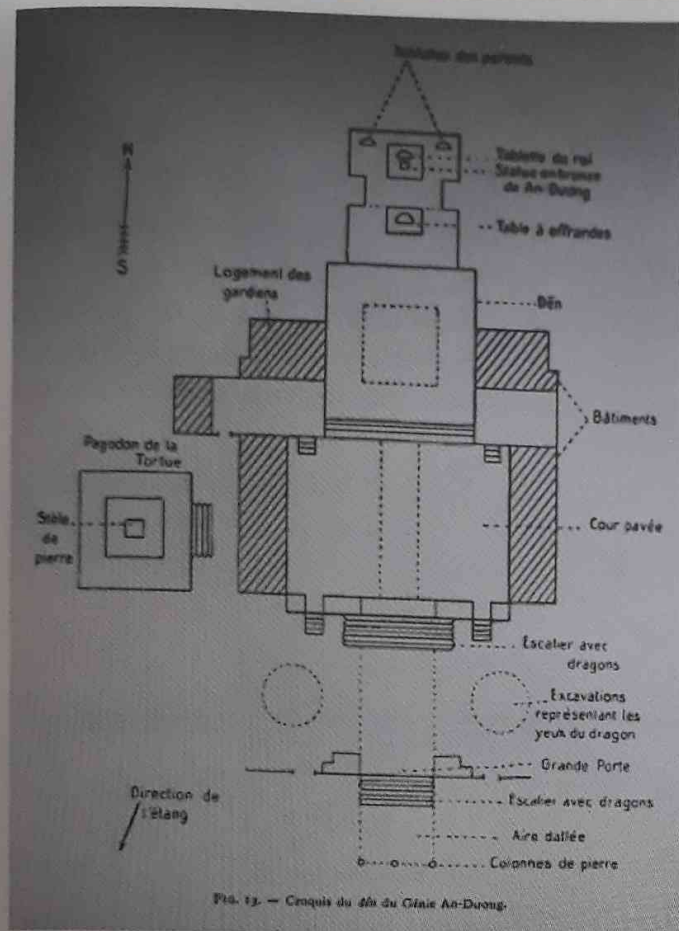


Fig. 13. — Croquis du site du Gâie An-Dương.

Sơ đồ đền thờ An Dương Vương

Từ trên xuống, từ trái sang phải, ta gặp:

Tablettes des parents: bài vị cha mẹ An Dương Vương

Tablette du roi: bài vị An Dương Vương

Statue en bronze de An-Dương: tượng An Dương Vương bằng đồng

Table à offrandes: bàn đặt lễ vật

Logement des gardiens: hộ pháp

Bâtiments: các nhà

Pagodon de la Tortue: miếu thờ Thần Kim Qui

Stèle de pierre: bia đá

Cour pavée: sân lát gạch

Escalier avec dragons: cầu thang có lan can tác rồng

Excavations représentant les yeux du dragon: hai chỗ trũng là mắt rồng

Grande Porte: cửa chính

Escalier avec dragons: cầu thang có lan can tác rồng

Aire dallée: sân lát tấm đan

Colonnes de pierre: các cột đá

Direction de l'étang: hướng ra đầm

Bên phải và bên trái sâu trong cùng tòa nhà là bài vị của cha và mẹ vua Thục.

Ở sâu phía giữa, trong một điện thờ vây kín bằng những tấm gỗ là bài vị An Dương Vương bằng gỗ đàn hương và ngai thờ. Sâu nhất là tượng An Dương Vương bằng đồng, theo các kì lão, nặng 255kg.

Trong đền lưu giữ nhiều bia ghi lại những sắc chỉ, mà bản chính được giữ rất cẩn thận, bảo đảm cho việc miễn trừ mọi nghĩa vụ và tô thuế của làng đối với nhà

nước đối lấy việc làng có nghĩa vụ bảo trì đền và bỏ tiền cho mọi chi phí lễ hội hàng năm.

Trong số 14 sắc chỉ, sắc chỉ cổ nhất có niên đại Hoàng Định thứ năm (1605), dưới triều Lê Kính Tôn, có nội dung:

“Cho các chức sắc, dân chúng và lính ở Cổ Loa, huyện Đông Anh, hay rằng từ nay về sau làng sẽ được hoàn toàn giảm thuế và mọi lao dịch liên quan tới sông hàng xã, và đặc biệt là các đầm hồ, chợ, bãi, cầu, kênh, và mọi loại tô thuế kê trong sổ thuế.

Dân chúng cũng sẽ được miễn nghĩa vụ khiêng cáng cho sứ đi Trung Quốc, lao dịch bảo trì đê, đường xá, kênh, mương; ngược lại, dân chúng phải làm lính suốt đời canh gác đền, và phục dịch việc bảo trì mọi đồ thờ tự. Ngoài ra, dân chúng phải đóng góp mọi chi phí nảy sinh do các lễ nguyện và các lễ tế hàng năm”.

Việc miễn đó được nhắc lại nhiều lần cho các cơ quan thuế, nhất là vào các năm 1620, 1648, 1671, 1683, 1684, 1706, 1710, 1741. Các sắc chỉ này được ông Doumoutier³ công bố trong công trình nghiên cứu *Cổ Loa* của mình.

Ở bên trái đền, trên một gò đất gọi là gò *Tích-diên*, có một công trình nghệ thuật mà bốn mặt có các hàng chữ gọi lại lịch sử triều đại của “thánh tổ An Dương Vương”, và những quà quý của vua Lê Dụ Tôn (1708-1728).

Trước cổng đền có một hồ nước tròn, nước ngấu bùn, nơi xưa kia Trọng Thủy, chồng của công chúa Mị Châu, đã gieo mình tự vẫn.

Nước có tính chất làm tăng độ sáng của ngọc và đá quý; chính vì lí do nổi tiếng này mà triều đại nào, cho tới khi nhà Lý lên, người ta cũng phải đưa một bình nước hồ vào sổ cống vật mang sang triều đình Trung Quốc.

Đình Cổ Loa là một công trình kiến trúc rộng lớn mà công tác trùng tu năm 1895 tiêu tốn hai nghìn đồng⁴. Trong đình cũng có một ban thờ An Dương Vương, coi như thành hoàng của làng.

³ Trường Nha Học chính đầu tiên của Trung-Bắc Kỳ sau khi Pháp thiết lập chế độ bảo hộ, tác giả một số công trình Việt Nam học.

⁴ Nguyễn văn piastre.

Xung quanh đình có tường vây; trước đình có một sân rộng, muốn vào phải qua một cổng chính, hai bên có hai cổng phụ.

Bốn bậc thang đưa ta lên đình, nơi hội họp của các kì lão và chức sắc làng Cổ Loa; phía trên lối vào ta có thể đọc được dòng chữ dành cho vua Thục: "Ân đức vua vẫn phẳng phất nơi đây".

Vào bên trong, trước điện thờ, đáng chú ý là bức chạm sơn son thiếp vàng rất đẹp, hoàn thành năm 1904 mà làng chỉ phải bỏ ra 1.300 đồng chi phí.

Sau đình là một ngôi đền của đạo Lão mà ngai thờ dành cho Ngọc hoàng Thượng đế, hai bên phù tá có Lão

Tử, Khổng Tử, Di Lặc, Vị Lai, Quan Âm. Như vậy, ngôi đền che chở cho tam giáo: Nho, Đạo và Phật.

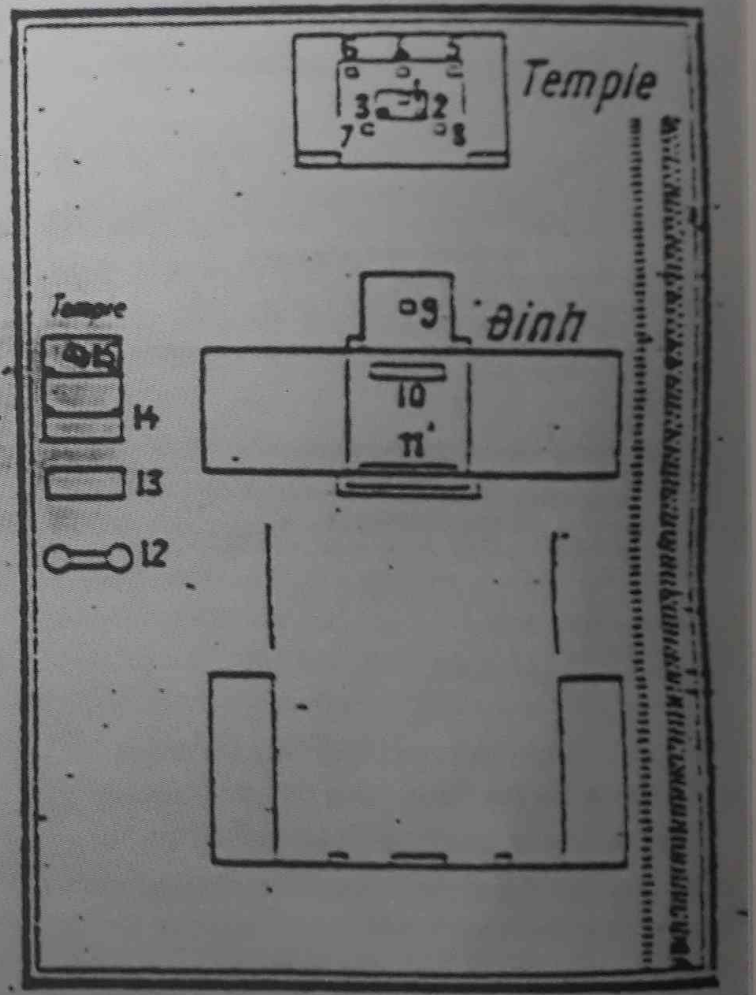
Gần đình về phía bên trái có một ngôi đền nhỏ thờ Mị Châu và Trọng Thủy.

Trước ngôi đền khiêm tốn là một cây đa, chắc hàng nghìn năm; đây thực sự là một hiện tượng thực vật học với những rễ cây xoắn vặn, với nhiều bình vôi treo lủng lẳng, bóp nghẹt cửa đền.

Nhà thờ cúng hai người đơn giản nhất quán thế; nó được nối với một tòa nhà nhỏ che một tấm đá lát mộ to lớn, theo dân bản địa nói, có thể to lên hoặc nhỏ đi.

Maison communale

1. Souverain de Jade, et deux divinités stellaires (Etoile du Nord et Etoile du Sud).
2. Lao-tseu.
3. Confucius.
4. Bouddha doré.
5. Kouan-yin (Quan-âm).
6. Man-bla (patron des médecins).
- 7, 8. Deux divinités taoïques gardiennes du Ciel.
9. Autel.
10. Table à libations.
11. Dinh, ou Maison communale.
12. Banian très curieux.
13. Pavillon commémorant le souvenir de la fille du roi.
14. Autel.
15. Pierre.



Sơ đồ đình làng Cổ Loa

1. Ngọc hoàng Thượng đế và Nam Tào, Bắc Đẩu; 2. Lão Tử; 3. Khổng Tử; 4. Tượng Phật; 5. Quan Âm; 6. Man-bla (thần chữa bệnh); 7, 8. Hộ Pháp (canh giữ Trời); 9. Điện thờ; 10. Bàn rượu; 11. Đình; 12. Cây đa rất kì lạ; 13. Đền thờ Mị Châu; 14. Bàn thờ; 15. Khối đá.



Cliché Revue Indochinoise.

TOMBEAU ROYAL.
Pagode de Coloa.

▼ **Mặt Bắc của lớp thành thứ hai**

*Nguồn: René Despierres,
Cổ-Loa, capitale du royaume Âu-Lạc*

▲ **Lăng mộ An Dương Vương**

*Nguồn: René Despierres,
Cổ-Loa, capitale du royaume Âu-Lạc*



FIG. 3. — CÔ-LOA. — La seconde enceinte de fortifications. Côté Nord
(Hauteur 12 m.).



FIG. 4. — Cồ-Loa. — La porte d'entrée du *đình*.

▼ Đình Cổ Loa

Nguồn: René Despierres,
Cổ-Loa, capitale du royaume Âu-Lạc

▲ Cổng vào đình Cổ Loa

Nguồn: René Despierres,
Cổ-Loa, capitale du royaume Âu-Lạc



FIG. 5. — Cồ-Loa. — Vue extérieure du *đình*.



FIG. 9. — Cồ-Loa. — Vue générale de l'étang et entrée du *dén* du Génie.

▼ Hồ nước, nơi Trọng Thủy trầm mình tự vẫn

Nguồn: René Despierres,

Cồ-Loa, capitale du royaume Âu-Lạc

▲ Hồ và cổng vào đền An Dương Vương

Nguồn: René Despierres,

Cồ-Loa, capitale du royaume Âu-Lạc



FIG. 10. — Cồ-Loa. — L'étang où se suicida Trọng-Thủy
(on distingue le bassin intérieur et, au fond, les fortifications).



FIG. 11. — Cồ-Loa. — Le portique d'entrée du *đền*.

Cổng vào đền An Dương Vương
 Nguồn: René Despierres,
 Cồ-Loa, capitale du royaume Âu-Lạc



FIG. 12. — Cồ-Loa. — Détail de la rampe de l'escalier.

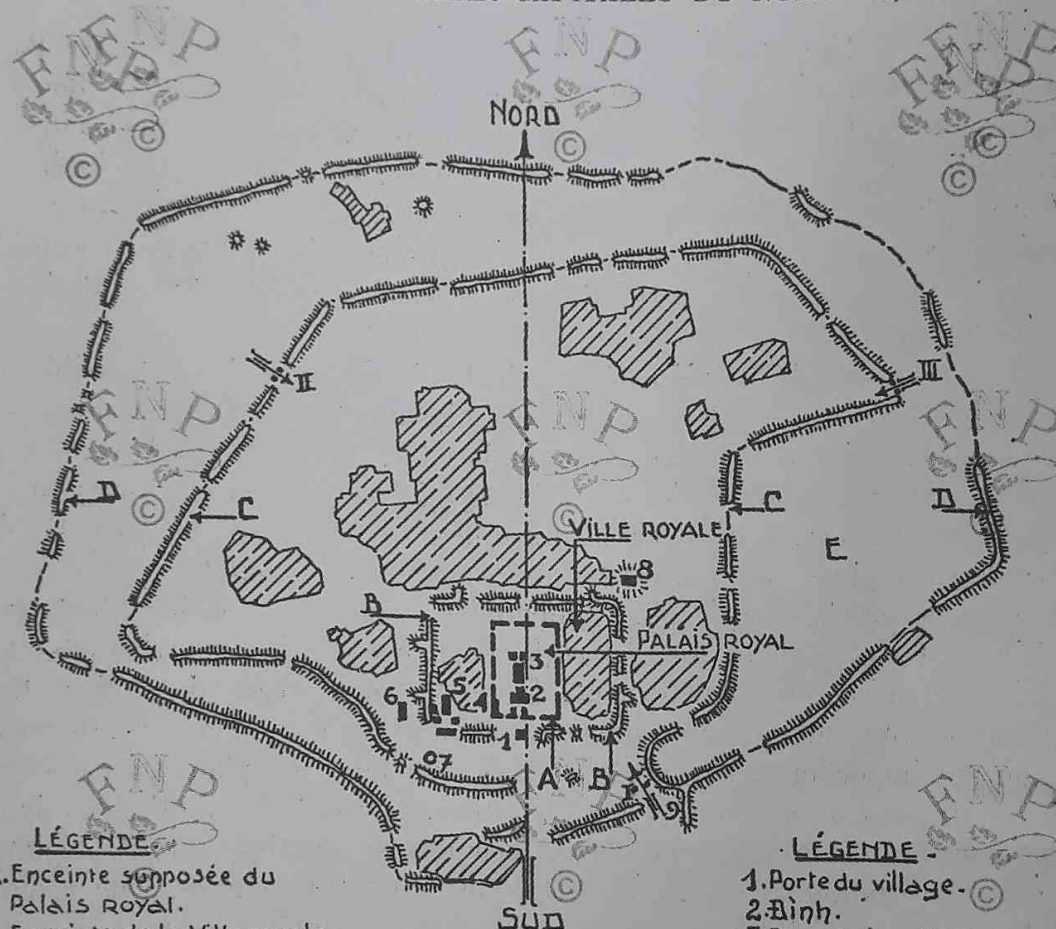
▲ Chi tiết lan can tạc rồng

Nguồn: René Despierres,
Cồ-Loa, capitale du royaume Âu-Lạc

▼ Cây đa kì lạ gần đền thờ Mị Châu
Ảnh: Nguyễn Hùng Cường



ANCIENNES CITADELLES-CAPITALES DU NORD VIET-NAM.



LÉGENDE

- A. Enceinte supposée du Palais Royal.
- B. Enceinte de la Ville royale.
- C. Première enceinte extérieure.
- D. Deuxième enceinte extérieure.
- E. Terrain de manœuvre.
- I. Porte du Sud.
- II. Porte de l'Ouest.
- III. Porte de l'Est.
- ▨. Habitations actuelles.

Echelle approximative:
1/16 000'

LÉGENDE

- 1. Porte du village.
- 2. Đình.
- 3. Pagode bouddhique.
- 4. Tombeau de My-châu.
- 5. Đền dédiés An-dương.
- 6. Văn miếu.
- 7. Etang de Trọng-thủy.
- 8. Tertre d'où le Roi assistait aux exercices militaires.
- 9. Marché actuel.

Chú thích:

- A. Tường hoàng cung
- B. Tường hoàng thành
- C. Lớp tường thành thứ nhất
- D. Lớp tường thành thứ hai
- E. Thảo trường
- I. Cửa Nam
- II. Cửa Tây
- III. Cửa Đông
- 1. Cổng làng
- 2. Đình
- 3. Chùa
- 4. Mộ Mị Châu
- 5. Đền thờ An Dương Vương
- 6. Văn miếu
- 7. Hồ Trọng Thủy
- 8. Gò An Dương Vương xem quân lính thao diễn
- 9. Chợ hiện nay

Fig. 1. Croquis de la citadelle de Co-loa.

Sơ đồ thành Cổ Loa

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

LÀNG BUỔI VÀ NGHỀ LÀM GIẤY

Tiểu dẫn

- *Viết về Hà Nội mà không có một câu về làng Bưởi thì thật là một thiếu sót.*
- *Làng Bưởi, tên chữ là làng Yên Thái. Theo bản đồ cũ, từ sông Tô Lịch đổ ra Hồ Tây ở phía Bắc có ba phường liên tiếp nhau, dọc theo đường Thụy Khuê, là: Thụy Khuê, Hồ Khẩu và Yên Thái. Phần đất Yên Thái, hay Bưởi, có thể coi như nằm trên phần đất Phường Bưởi hiện nay.*
- *Bưởi là một làng nghề làm giấy nên người Pháp gọi là Village du Papier; vì thế viết về Bưởi tức là viết về nghề làm giấy. Về vấn đề này, chúng tôi xin giới thiệu dưới đây hai bài viết: một của Paul Boudet, và một của bác sĩ Hocquard.*
- *Về Paul Boudet (1889- 1948), ông là hội viên Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp năm 1917, hội viên thông tấn năm 1933. Ông là một chuyên viên lưu trữ và nhà cổ tự học, tới Hà Nội tháng 3-1917 với tư cách là người ăn lương trợ cấp của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, nhưng nhanh chóng từ bỏ Viện để nhận*

chức giám đốc Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương vào tháng 12 cùng năm. Ông tổ chức hệ thống phân loại, theo dõi việc xây dựng tòa nhà dành cho việc lưu trữ, thảo ra chương trình giảng dạy để đào tạo nhân viên có chuyên môn. Ngoài ra ông còn là giám đốc tập san Extrême-Asie, thành lập năm 1924, sau đó hợp nhất với tập san Revue indochinoise vào năm 1926. Ông khởi xướng và lãnh đạo Hội Địa lí Hà Nội.

- *Charles-Édouard Hocquard chiếm một vị trí đặc biệt trong bối cảnh chủ nghĩa bành trướng Pháp xâm chiếm Việt Nam bằng bạo lực. Là bác sĩ quân y và say mê nhiếp ảnh, vị bác sĩ tốt bụng này đã đi nhiều nơi trên miền Bắc và miền Trung Việt Nam từ tháng 2-1884 tới tháng 4-1886, để lại nhiều bức ảnh và bút kí về xã hội Việt Nam. Cuốn Une campagne au Tonkin (Một chiến dịch ở Bắc Kỳ) của ông cung cấp những mô tả đáng ngạc nhiên về xã hội Việt Nam đầu thế kỉ 20; bộ ảnh của ông về Việt Nam là một kho tàng vô giá về nước ta đầu thế kỉ 20.*

TUẦN LỄ GIẤY

Paul Boudet

Giám đốc Sở Lưu trữ và Thư viện.
INDOCHINE hebdomadaire illustré
số 181 (17-2-1944)

Trong số những triển lãm mà *Nghệ đoàn Sáng kiến Đà Lạt* tổ chức vào mùa hè năm nay có triển lãm *Giấy, Sách và Tranh rập* do Sở Lưu trữ và Thư viện tổ chức.

Trước hết, triển lãm có mục đích giới thiệu các loại giấy làm bằng phương pháp thủ công để bù đắp, ở mức độ nhất định, sự thiếu hụt nguồn giấy từ Pháp và các nước xung quanh.

Tất nhiên ngành làm giấy thủ công không thể thay thế hoàn toàn tất cả các loại giấy dùng trong in ấn, văn phòng và các ngành thương mại cũng như cung cấp cho các nghệ sỹ, nhưng nó có thể đảm bảo cung cấp giấy chất lượng tốt ở mức độ rộng. Đó là lý do vì sao Chính phủ Đông Dương đã khuyến khích ngành công nghiệp giấy, do đó những sự chênh lệch trong sản xuất giấy đã bị chặn lại cũng như đã có những tiến bộ đáng kể trong phương pháp và kết quả.

Tại Đông Dương, nghề làm giấy chỉ có một số ít địa phương của Bắc Kỳ. Thực ra, người ta cũng làm giấy ở Trung Kỳ và thậm chí ở Lào nhưng số lượng không đáng kể. Loại giấy dùng cho bút lông phần lớn nhập từ Trung Quốc và là thứ giấy được mua bán nhiều nhất. Người ta không rõ các xưởng giấy ở Bắc Kỳ được thiết lập từ khi nào. Chỉ biết rằng, theo các tài liệu tin cậy nhất, chúng đã tồn tại từ thế kỷ 17 và tập trung ở vùng quanh Hà Nội, trong các làng *Yên Thái* và *Nghĩa Đô*, người Âu châu gọi chung chúng là *làng Giấy*.

Thứ công nghệ người Bắc Kỳ rất giỏi này đã cung cấp các loại giấy rất khác nhau: từ giấy gói các loại hàng tinh tế như chè, thuốc lá tới các loại giấy tuyệt đẹp để làm bằng sắc, từ giấy pha son tới giấy trang trí rồng vàng, chưa kể tới giấy viết. Tất cả các loại giấy này chống được ẩm và các loại côn trùng, lại có thể giữ được rất lâu.

Sự biến đổi của sách, việc dùng máy in với các con chữ rời từ khi người Pháp sang và việc truyền bá chữ

quốc ngữ khiến bút lông bị loại bỏ đã làm nghề giấy chịu một đòn quyết định. Trong có mấy năm, các làng giấy chỉ còn sản xuất các loại giấy thông dụng nhất và giấy làm bằng sắc. Hiện nay, số xưởng giấy vẫn còn đáng kể nhưng người ta sợ rằng nghề làm giấy sẽ nhanh chóng biến mất.

Đổi lại, với những phương tiện khiêm tốn, công nghệ giấy của Pháp đang cố làm sống lại nghề làm giấy An Nam nhưng với chất lượng cao hơn. Nó đã thu được những kết quả tuyệt vời về mặt hiệu xuất nhưng không thể kiên trì các cố gắng đó lâu dài. Hiện nay, còn một lượng nhỏ giấy *Imperial Annam* (Hoàng gia An Nam) có thể tranh đua với các loại giấy đẹp nhất của Nhật và Châu Âu.

Chúng tôi nghĩ rằng các cố gắng trên có thể được tiếp tục nhưng quan tâm tới thợ thủ công mà ngành nghề đã lỗi thời không phải là một chuyện dễ dàng. Những người thợ giấy, có lẽ mọi thợ khác cũng thế thôi, là những người có truyền thống, do đó không thích đưa vào phương pháp của mình những sự thay đổi hoặc những sự hoàn thiện hơn. Nhưng một thợ thủ công trẻ đầy sáng kiến sống trong một gia đình nhiều đời làm giấy, sẽ ham mê cải tiến và hoàn thiện các phương pháp một cách rất vô tư. Những thanh niên như thế đã nhận được sự giúp đỡ đáng kể của Đô đốc¹ và Nha Mô và Công nghiệp.

Kết quả của những nỗ lực đó được *Triển lãm Đà Lạt* cho thấy bằng cách trưng bày các giai đoạn khác nhau của quá trình làm giấy: một loạt các hình ảnh cho phép người xem theo dõi các kỹ thuật bí mật và sơ khai trong việc làm giấy của người An Nam. Nguyên liệu làm giấy chủ yếu lấy từ một cây người An Nam gọi là *cây dó*, tên khoa học gọi là *ramnoneuron balansae*. Đó là một loại cây nhỡ mọc tự nhiên hoặc được trồng ở các vùng Yên Bái, Phú Thọ và Sơn Tây.

Phải ba năm sau khi tước, vỏ dó mới dùng được. Nó là một mặt hàng mua bán quan trọng. Để có khái niệm về sự mua bán này chỉ cần biết rằng 100 kilô dó vài năm trước đây giá khoảng 9 đồng, hiện nay đã lên tới 70 hoặc 80 đồng.

¹ Chỉ Đô đốc Decoux, Toàn quyền Đông Dương.

Vỏ dó không phải là nguyên liệu duy nhất để làm giấy. Ở Đông Dương, đặc biệt là ở Bắc Kỳ, còn nhiều loại cây khác nhau có thể cung cấp nguyên liệu tuyệt vời để làm giấy. Chúng tôi đặc biệt kể ra đây cây *giuông*, đó chính là cây dâu tằm (*broussonetia papyrifera*) nổi tiếng của người Tàu và cây *kozo* của người Nhật. Ngoài ra còn có cây *chan krasna* của Cao Mên.

Sau nhiều thao tác, các vỏ cây được tẩy rửa, chọn và làm mục nát bằng cách ngâm với vôi, rồi lại được chọn một lần nữa và xé toi. Khi đó, những sợi trắng nhất và mềm nhất được chọn làm nguyên liệu chế giấy thượng hạng, những sợi khác dùng làm giấy thường hoặc giấy xấu, màu xỉn hơn.

Để thu được bột giấy đồng đều, vỏ cây xé toi như trên được nghiền nát một cách thủ công bằng cối hoặc bằng máy chạy động cơ điện, một sáng kiến mới đây của Nha Mỏ, làm giảm hẳn sự nặng nhọc trong khâu nghiền trộn mà vẫn đảm bảo được độ tinh và đồng đều của sản phẩm. Bột giấy được nghiền nhào như vậy sẽ được thợ hót ra khỏi thùng bằng một cái khuôn. Khuôn là một khung căng lưới mịn đan bằng nan tre. Lưới này sẽ để lại trên giấy vết của nong ngang và nong dọc. Chính màng lưới tinh vi này sẽ để lại trên tờ giấy những hình chìm riêng, trước đây dùng để phân biệt với giấy cỡ khác hoặc giấy của xưởng khác. Tùy theo khuôn, ta có các loại giấy *pot* (31×40cm), giấy *écu* (40×51cm), giấy *raisin* (50×64cm), giấy *jésus* (56×72cm). Những tên này hiện nay vẫn được dùng để chỉ các cỡ giấy sản xuất bằng công nghiệp.

Thao tác khuôn giấy, còn gọi là xeo giấy, là công đoạn tinh tế nhất của quá trình làm giấy. Thợ xeo giấy, những người duy nhất đảm bảo cho tờ giấy đồng đều, chỉ có thể thành thực sau một thời gian dài học nghề.

Thứ sẽ trở thành tờ giấy tương lai được xếp thành xấp sau khi được nhúng vào một chậu nước nhày lấy từ cây *mo* để các tờ không dính vào nhau. Sau đó, các tờ được tách ra cẩn thận và trải lên mặt ngoài nhẵn của lò sấy. Khi giấy khô, phụ nữ và trẻ em khéo léo gỡ chúng khỏi lò, kiểm tra cẩn thận từng tờ, sửa lại những chỗ hỏng và xếp thành từng ram 500 tờ theo truyền thống của cửa hàng giấy.

Trên đây là tóm tắt các giai đoạn làm giấy, trong đó sự khéo léo và đôi bàn tay sạch của người thợ đóng vai trò quan trọng. Sự tiến bộ lớn nhất trong việc làm giấy của các làng ở Bưởi là việc làm cho giấy trắng hơn, không pha các chất tạo màu vào giấy và làm được loại giấy *Japon Imperial* có vân hiện rất hiếm.

Các loại giấy đẹp nhất sản xuất bằng thủ công của An Nam như giấy *Dai-la impérial* và *Thang-long impérial* có thể tranh đua với các loại giấy đẹp nhất dùng để in ấn ở châu Âu. Ngoài ra, người An Nam cũng sản xuất các loại giấy viết, giấy đánh máy và giấy viết thư màu xanh da trời. Các loại giấy này dai hơn giấy sản xuất bằng công nghiệp.

Các loại giấy này ngày xưa được dùng khá rộng rãi trong việc in sách. Nhằm giới thiệu mục đích này, triển lãm đã giới thiệu một số bản sách và tranh rập cổ của An Nam được thực hiện bằng in khắc gỗ, tức là cách in ấn duy nhất ở Đông Dương trước khi chúng ta tới. Cách in này làm cho sách in ấn ở Viễn Đông có nét riêng. Cạnh các sách cổ, người ta trưng bày một trong các ván khắc đã in ra các sách đó, cạnh các tranh rập dân gian người ta trưng bày các bản khắc gỗ thay thế cho đá li-tô hoặc con chữ rời. Ngoài ra còn trưng bày một số ấn phẩm hiện đại, các ấn phẩm này cho thấy các nhà in An Nam và Pháp - Nam, mấy năm qua, đã dùng giấy nội địa và cố gắng làm cho sách có vẻ đáng đọc đáo.

Triển lãm cũng trưng bày những bản sách Pháp đẹp được in trên giấy đại hảo hạng. Thêm vào đó là một số bản in li-tô của họa sĩ bậc thầy *Inguimberty* và một số bản khắc dây huyền bí của *Saint-Maur*, tất cả đều được rập trên giấy An Nam.

Cuối cùng là phần trưng bày tổ chức của một làng giấy: lò, chậu, cối nghiền... ấn hiện giữa các ao chuôm và các lũy tre thực. Phần tổ chức sản xuất cho thấy người thợ giấy không như những thợ khác: mỗi người chỉ chuyên làm một việc với giờ giấc hoàn toàn tự do. Hệ thống làm việc như vậy có những ưu điểm nhưng cũng có những bất tiện.

Việc thành lập hợp tác xã sẽ mang lại cho nghề thủ công những phương tiện mới và những nguồn lực mới. Hợp tác xã sẽ chỉ được thành lập sau khi thảo luận kỹ

nhưng hiện nay nó đã được tiếp đón tốt và chắc chắn sẽ tham gia vào việc duy trì sự thịnh vượng và truyền thống của những người làm giấy bằng cách, một mặt, cung cấp nguyên liệu với giá phải chăng, mặt khác, bảo đảm thị trường tiêu thụ ổn định cho sản phẩm.

Trên đây là những thành tựu của làng Bưởi. Nhưng vai trò của làng Bưởi không giới hạn ở đó: dưới sự hỗ trợ của Thanh tra Nha Mỏ, làng Bưởi đang giúp đỡ thành lập các xưởng giấy mới trong các xứ của Đông Dương.

Tại Lào, các thợ thủ công đang thử sử dụng các nguyên liệu địa phương để làm giấy. Ở Cao Miên, một xưởng thủ công sản xuất theo phương pháp Bắc Kỳ đã được thành lập ở Tak-mau, gần Phnom-penh. Tại Nam Kỳ, một xưởng khiếm tốn đang cố gắng sử dụng sợi *cây lục bình*² để sản xuất bìa dùng một lần.

Như vậy, thủ công nghiệp đang phát triển, đang hoàn thiện các phương pháp và càng ngày càng chiếm một vị trí xứng đáng trong nền kinh tế Đông Dương.

MỘT CHUYẾN THĂM XƯỞNG GIẤY LÀNG BUỔI

*Trích từ Une campagne au Tonkin
của Bác sĩ Hocquard*

Xưởng chúng tôi tới thăm hiện ra trong một khung cảnh vui tươi, ở khúc quanh của con đường: những ngôi nhà nhỏ, chật hẹp, lợp rạ, nằm thành hàng lối trên bờ hồ và soi bóng xuống mặt hồ; phía trên những ngôi nhà là những chùm dừa, bị gió làm rung đưa, lay động như những chiếc quạt lớn.

Các hương thân, được một viên quan tập hợp lại theo trát của tổng đốc gửi cho họ trước đó, đợi chúng tôi bên đường cùng với những quà tặng thường lệ: chúng tôi chúc tụng các viên quan và khen những quả chanh ngọt dịu mang tới cho chúng tôi trên những chiếc mâm gỗ. Các hương thân đã chuẩn bị trước để đón chúng tôi, tức là khoác bộ quần áo đẹp nhất lên trên bộ quần áo mặc quanh năm của họ, không cần biết bộ quần áo ở trong có sạch hơn bộ quần áo ở ngoài hay không.

Nhìn qua, chúng tôi biết ngay là tổng đốc đã giữ lời hứa.

Xưởng giấy ngăn nắp đầu ra đầy, thợ đứng ở chỗ của mình và làm việc thoăn thoắt.

Giấy được làm bằng bột tre theo một qui trình bất chuyển của người Trung Quốc. Trước hết, tre được ngâm trong một cái bể to đầy nước trong nhiều tuần lễ để dễ tước lớp cật xanh ở phía ngoài. Sau đó, tre được ngâm nước vôi trong những bể hình vuông xây bằng gạch dày có lỗ thoát. Sau khi ngâm vôi, tre lại được ngâm nước tro. Tất cả những công đoạn như vậy nhằm mục đích làm mềm sợi tre. Sau đó sợi tre được các chày gỗ nghiền nát trong các cối đá thành bột. Khi bột tre đã được nghiền thật mịn và đồng đều, người ta hòa bột vào nước đựng trong những chiếc máng lớn. Chỉ tới lúc này công việc mới bắt đầu trở nên lí thú.

Các máng được đặt trong các túp lều dựng sơ sài bằng mấy cái cọc chống trên lợp rạ. Trước mỗi máng có một hoặc hai người thợ chỉ mặc độc có quần đứng làm. Mỗi người thợ cầm một cái khung gỗ hình chữ nhật, mặt khung có lưới mắt cáo đan bằng tre rất mịn. Người thợ dùng hai tay lùa khung chéch xuống máng nước nhưng không sâu quá rồi nâng dần lên song song với mặt nước; sau đó nâng thẳng đứng ra khỏi máng nước giấy để cho mặt khung có một lớp bột giấy mỏng đọng lại. Khi nước của lớp bột giấy róc hết, người thợ lộn cái khung lại để cho tờ giấy rơi xuống một tấm ván ghép ở bên cạnh. Một người thợ khéo tay một chút mỗi phút có thể làm được hai tờ. Giấy được xếp tờ này chồng lên tờ kia cho tới khi được một chồng. Chồng giấy được ép cho kiệt nước, sau đó được mang tới dàn sấy. Dàn sấy, cũng giống như của người Trung Quốc, gồm hai bức tường bằng gạch song song và cách nhau khoảng tám mươi cm; tường làm bằng gạch trát xi măng sao cho vách ngoài nhẵn bóng. Người ta đốt lửa ở giữa hai bức tường cho tới khi sờ tay vào tường không chịu nổi thì thôi đốt. Các tờ giấy còn ướt được gỡ ra một cách cẩn thận bằng nhíp, rồi được một chiếc bàn chải miết lên các mặt nhẵn của tường và khô đi rất nhanh.

Giấy làm ở Hà Nội là loại giấy chưa mịn, chưa được nhà sản xuất chú ý chăm sóc, nên ít được các nhà nho dùng để viết. Giấy có nhiều hạt lạ lẫn vào nên mặt giấy thô nhám, nhưng căn cứ vào những khéo léo của những người thợ làm việc trước mắt chúng tôi, rõ ràng là người ta sẽ làm ra giấy chất lượng tốt hơn nếu lựa chọn nguyên liệu ban đầu và nhất là chú ý hơn nữa trong việc rửa bột giấy để tránh những tạp chất.

² Tức cây bèo Tây.

TƯ LIỆU ẢNH:

LÀNG BƯỚI



Một cổng trong làng Bưởi

Nguồn: Hocquard, Une campagne au Tonkin



Collection S. C. G. M.

27. - Entrée du Village du-Papier près d'HANOI (Tonkin)

▲ Cổng làng Bưởi
Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Các xưởng giấy và ao ngâm (1)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>



3035. TONKIN -- Hanoi
Village du Papier - Bassin de Macération



▲ Các xưởng giấy và ao ngâm (2)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Hai ảnh trên cho thấy quan niệm hiện nay cho rằng dừa chỉ được trồng nhiều ở phía Nam là sai lầm; ngoài ra, ta cũng thấy ngày xưa làng Bưởi trồng nhiều dừa hơn bây giờ.

▼ Người làng Bưởi

Nguồn: <http://hanoilavie.com>



71 A. TONKIN -- Hanoi
Pagodon au Village du Papier

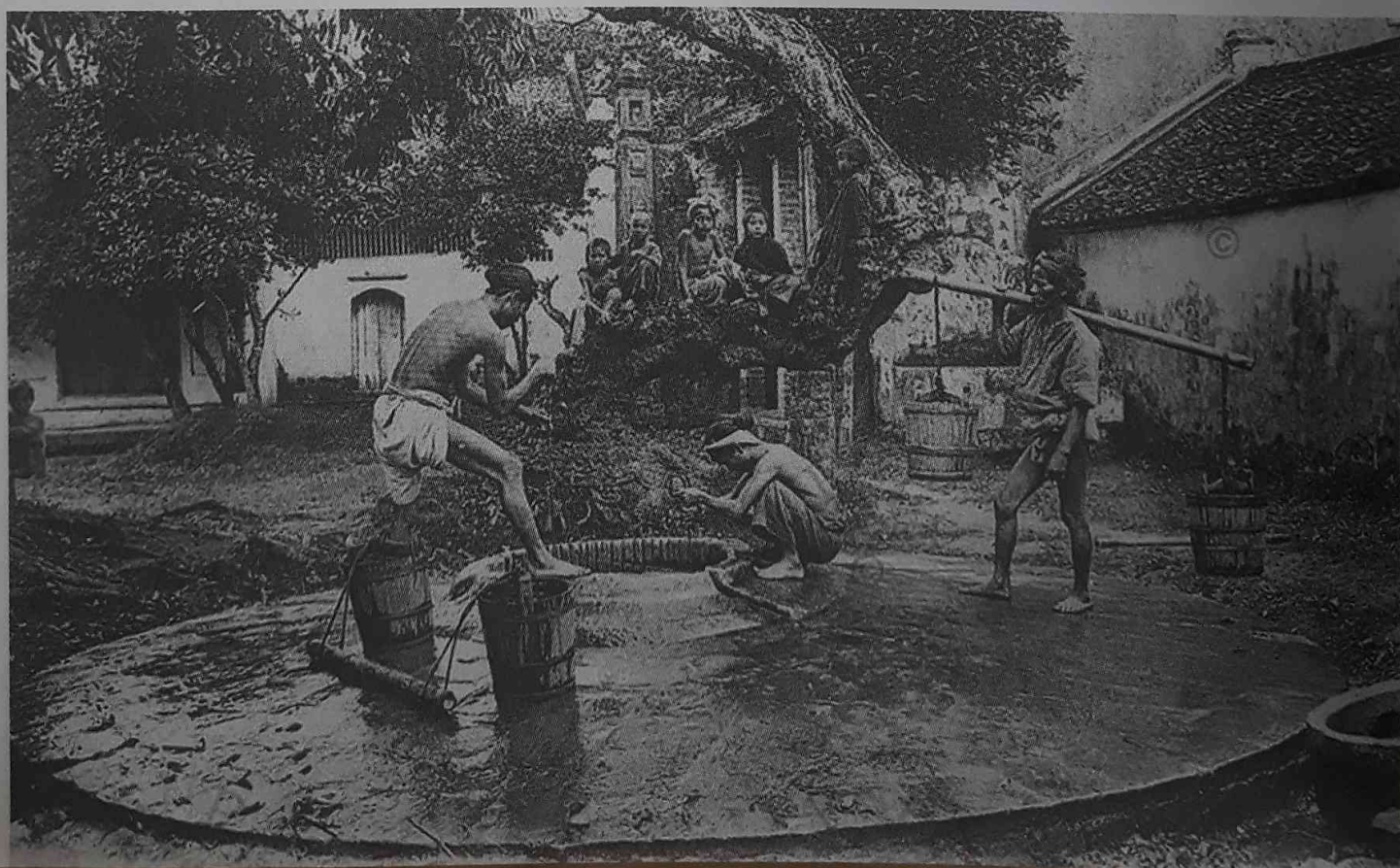


▲ Nhà bia

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Giếng làng (1)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>





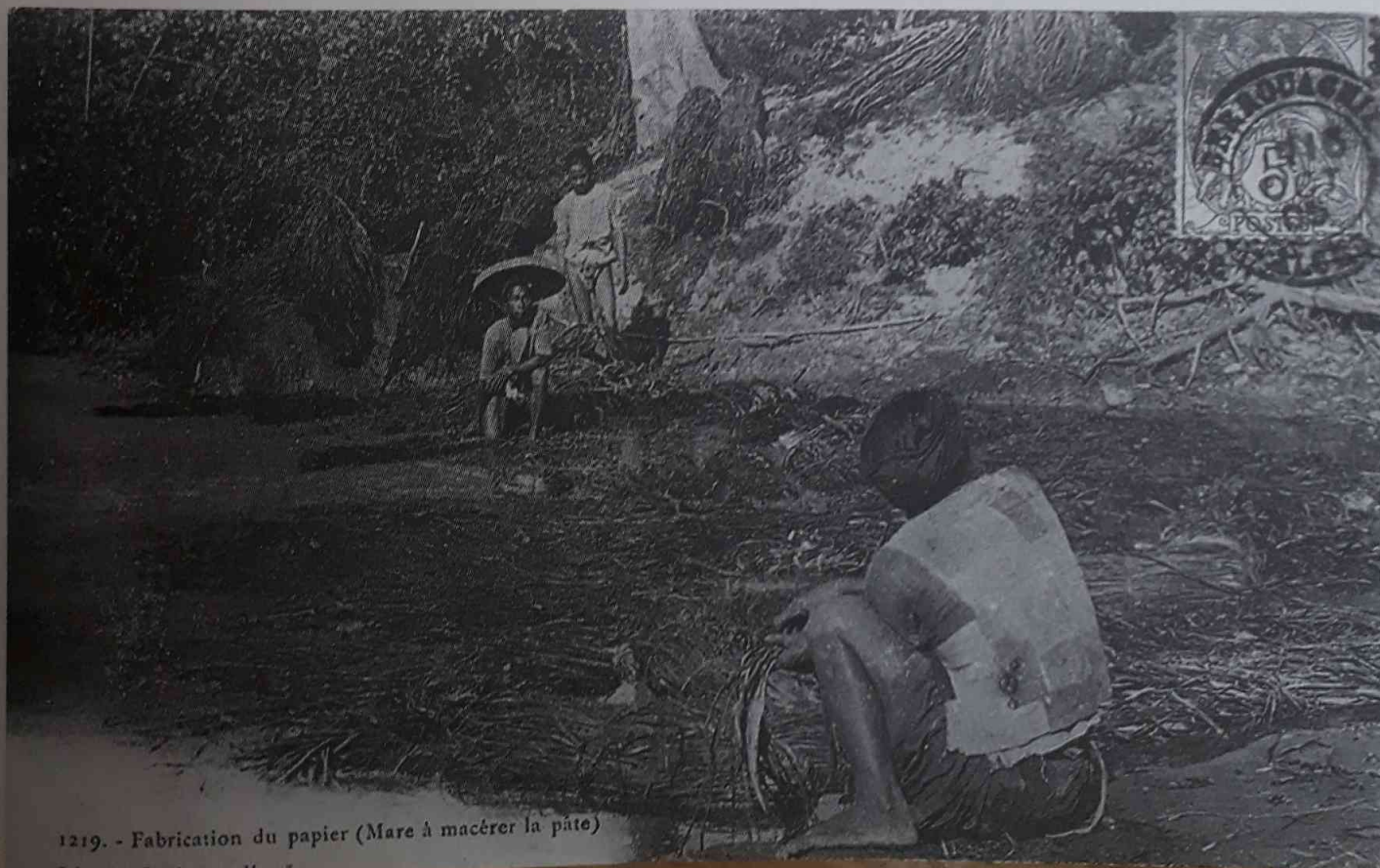
71. TONKIN — Hanoi — Un puits au village du papier

▲ Giếng làng (2)

Nguồn: <http://indochine-souvenir>

▼ Ngâm vỏ dó

Nguồn: <http://hanoilavie.com>



1219. - Fabrication du papier (Mare à macérer la pâte)

Collection D. Mureau - Hanoi



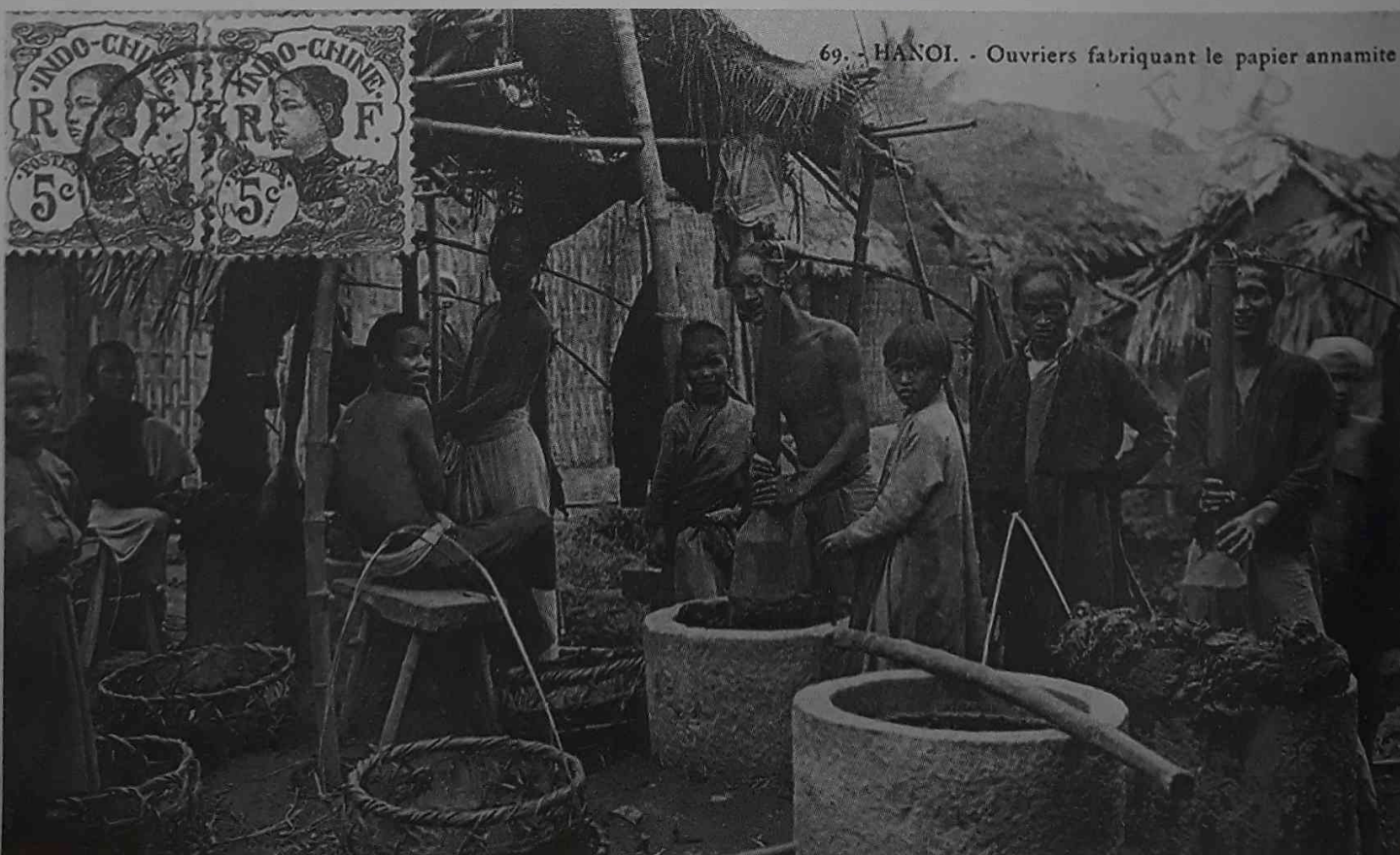
113. - HANOI - Village du Papier
Préparation de la pâte

▲ Rửa bột giấy

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Nghiền bột giấy (1)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

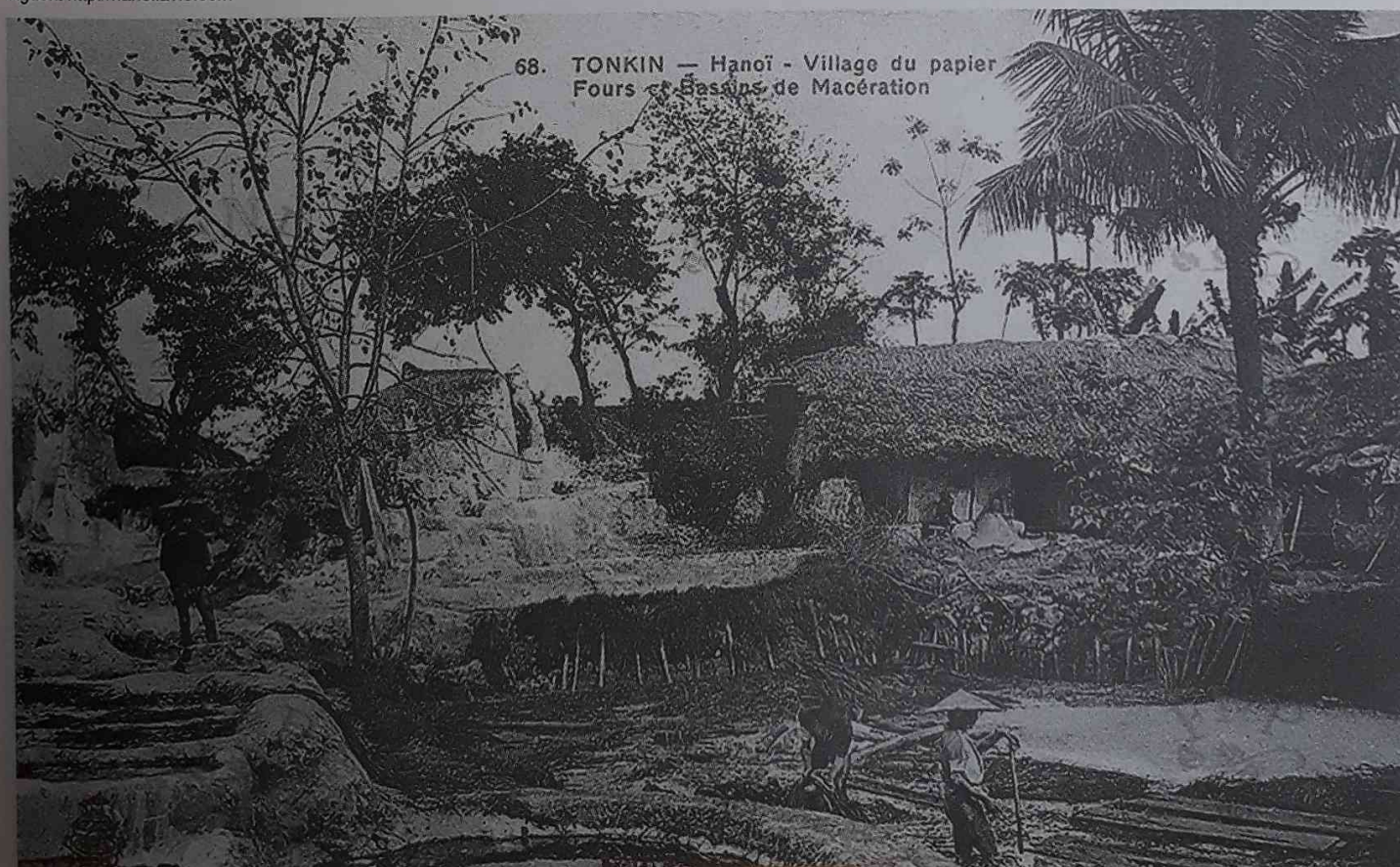


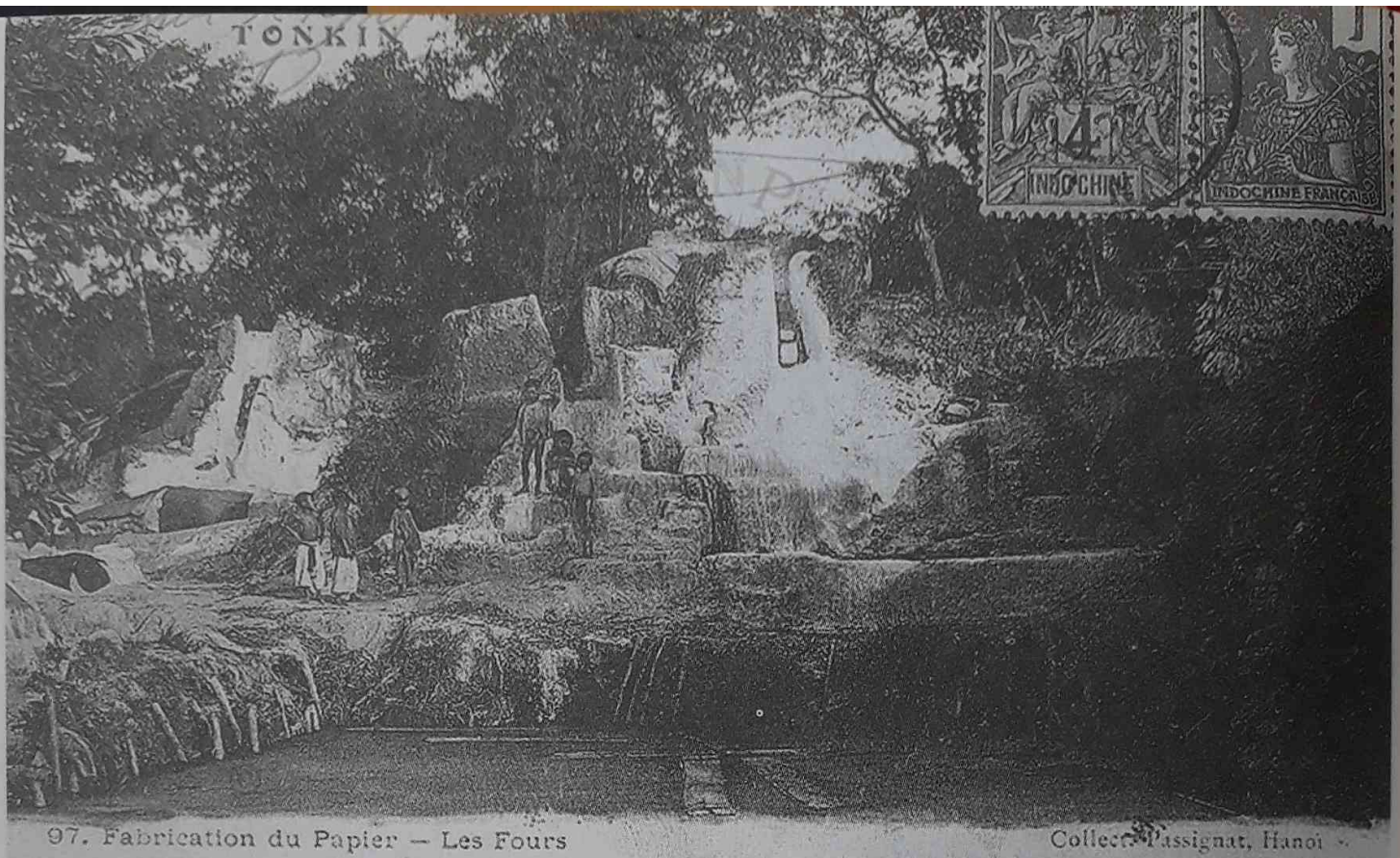
69. - HANOI. - Ouvriers fabriquant le papier annamite



▲ Nghiền bột giấy (2)
 Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Lò giấy và ao ngâm (1)
 Nguồn: <http://hanoilavie.com>





97. Fabrication du Papier — Les Fours

Collect. Passignat, Hanoi

▲ Lò giấy và ao ngâm (2)
 Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Xeo giấy

Nguồn: <http://www.archivesnationales.culture.gouv.fr>



64 A. - TONKIN — Hanoï — Village du Papier — Femme tirant le papier de la Cuve



▲ Xeo và xếp giấy

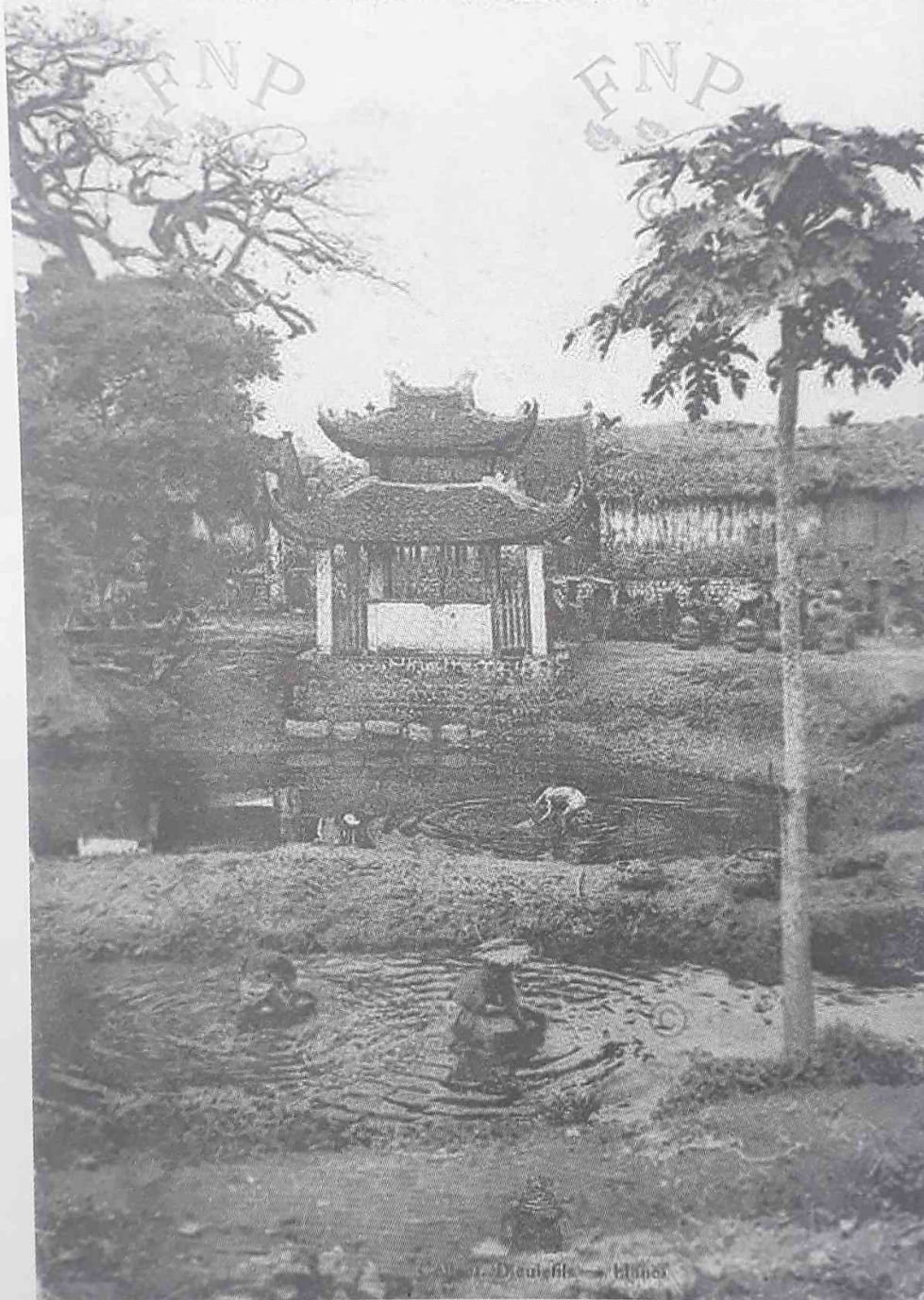
Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Ép giấy

Nguồn: <http://hanoilavie.com>



65 A. — TONKIN - Hanoï — Village du papier - Lavage de la pâte



Rửa bột giấy tại ao làng Bưởi

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

NHỮNG ĐIỂM IN DẤU THẦN TIÊN Ở PHÍA NAM THÀNH THĂNG LONG CŨ

Nguyễn Văn Huyền

INDOCHINE hebdomadaire illustré

số 217 (26-10-1944)

Tiểu dẫn

Bài dưới đây của ông Nguyễn Văn Huyền, Bộ trưởng Bộ Giáo dục đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhưng trên hết ông là một nhà khoa bảng Tây học không thể không được giới thiệu. Vì thế trước khi giới thiệu bài viết của ông, chúng tôi xin để tuần báo INDOCHINE hebdomadaire illustré giới thiệu qua về ông:

“Ông Nguyễn Văn Huyền sinh ngày 16-11-1908 tại Hà Nội. Ông đã du học ở Paris và đỗ hai bằng: thạc sĩ văn chương (ngành sử địa) và cử nhân luật. Từ 1931 tới 1935, song song với học tập, ông được trao nhiệm vụ dạy Việt ngữ tại Trường Sinh ngữ Phương Đông, Paris. Tháng 2-1934, ông báo vệ xuất sắc luận văn dành học vị tiến sĩ văn chương với hai đề tài **Hát đối giữa con trai và con gái An Nam** (*Les chants alternés des Garçons et des filles en An Nam*) và **Nhà sàn ở Đông Nam Á** (*L'habitation sur pilotis dans l'Asie du Sud - Est*).

Trở lại Đông Dương vào cuối năm 1935, ông được phong giáo sư và được trao nhiệm vụ giảng dạy lịch sử và địa lý tại Trường Trung học Bảo hộ ở Hà Nội.

Trong khi thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, ông không ngừng quan tâm tới văn minh Việt Nam và đã ghi được nhiều ghi chép về tổ chức làng xã và gia đình của người Việt đối với các vấn đề về tôn giáo, về cấu trúc xã hội ở Thượng du Bắc Kỳ.

Những nghiên cứu của ông được trình bày trong nhiều hội nghị cho công chúng Hà Nội như: **Tranh dân gian An Nam** (*Imagerie populaire annamite*) và **Lễ cưới của các dân tộc Thượng du Bắc Kỳ** (*Mariage chez les populations du Haut-Tonkin*), **Sự tiến hóa của dân tộc An Nam** (*Evolution du peuple annamite*), **Vấn đề văn hóa ở An Nam** (*Problème de la culture en pays annamites*) v.v... Năm 1938, ông công bố công trình **Lễ hội Phù Đổng** (*Fêtes de Phu-dong*) trong **Tập san Hội địa lý Hà Nội** (*Cahiers de la Société de géographie de Hanoi*).

Nghị định ngày 5-6-1941 bổ ông làm hội viên thường trực của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp.

Từ khi vào Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, ông công bố nhiều công trình nghiên cứu về An Nam như: **Nghiên cứu một thành hoàng An Nam: Li-phuc-Man** (*L'Étude d'un génie tutélaire annamite: Li-phuc-man*), **Nghiên cứu vấn đề tôn ti ở Bắc Kỳ** (*L'Étude de l'institution des castes au Tonkin*), **Nghiên cứu vấn đề nông dân ở Bắc Kỳ** (*L'Étude du Problème paysannerie annamite*), **Những điệu hát và múa Ai-lao trong lễ hội Phù-dong** (*Les chants et les danses d'Ai-lao aux fêtes de Phu-dong*), **Nghiên cứu bài hát đám cưới Thổ từ việc nghiên cứu chữ nôm Thổ** (*Recueil des chants de mariage thô procédé d'une étude du chu nôm thô*), **Tuyển tập các Bài và Tư liệu về Đông Dương** (*Collection des*

Textes et Documents sur l'Indochine) do Viện Viễn Đông
Bắc Cổ Pháp xuất bản.

Những khó khăn trong chiến tranh không cho phép ông
xuất bản cuốn **Tổng quan về văn minh An Nam**
(*Esquisse de la Civilisation annamite*) được viết từ năm
1939 tới năm 1941 do Nha Học chính Đông Dương đặt viết¹.

Dưới đây là một bài viết của ông.

Khi vua Thái Tổ, người sáng lập ra triều Lí (1010-
1225) dời đô ra chỗ hiện nay là Hà Nội, ông nhìn thấy
một con rồng lớn hiện ra trên sông Hồng, sau đó biến
mất trong mây. Ông xuống chiếu đặt tên kinh đô là
Thăng Long thành có nghĩa là kinh thành có rồng bay
lên. Đó là vào năm 1010.

Trong gần một nghìn năm, Thăng Long là kinh đô
chính trị, tri thức và tinh thần của *đế quốc An Nam*.
Các khu phố ở phía Nam kinh thành nổi tiếng nhờ Văn
Miếu, đền thờ Khổng Tử và các nhà nho tên tuổi. Các
khu phố này thường được nhiều nho sĩ lui tới. Họ tới
viếng đền thờ cha mẹ Khổng Tử cũng ở trong Văn
Miếu, nghe bình giảng các đoạn văn cổ hoặc thuê nhà
tại các đường phố chính gần trường thi nằm không xa
đó, giữa phố *Thọ Nhuộm* và *Bệnh viện Bảo hộ*¹.

Chính tại những nơi được các thanh niên ưu tú của
quốc gia tôn cao giá trị này thường xuất hiện thần tiên.
Những lời truyền tụng dân gian và những nét bút lông
tinh tế của một số nhà nho đã thêu dệt quanh các vị
thần tiên đó những truyền thuyết thi vị. Một trong
những vị tiên nổi tiếng nhất là vị tiên ở *gò Kim Quy*, ở
Bích Câu, tại góc Tây Nam hoàng thành.

Truyền thuyết kể ngày xưa, dưới triều Trần hay Lê,
tại Bích Câu có một nho sinh tên là *Trần Uyên*, thường
được gọi là Tú Uyên do được tập ấu chúc tú tài. Vốn mồ
côi cha mẹ từ năm mười lăm tuổi, Tú Uyên phải sống
nhờ vào văn tài của mình.

Tú Uyên thường cùng với bạn bè đi thăm những
cảnh đẹp để làm thơ và không tin có thần tiên.

Một năm, vào ngày lễ lớn ở chùa *Ngọc Hồ*, Tú Uyên
tới chùa cùng với nhiều người khác. Vào lúc chiều tối,
khi mọi người đã về hết, Tú Uyên vẫn còn nấn ná ở

cổng chùa. Đột nhiên, anh thấy một chiếc lá rơi trước
mặt mình, trên có một bài thơ. Sau khi đọc bài thơ, Tú
Uyên thở dài nói: "Mình được mọi người xem là nhà thơ
giỏi, không biết làm thế nào gặp được tác giả bài thơ
này để giải bày ý nghĩ?".

Ngay lập tức Tú Uyên nghĩ thấy hương thơm nhẹ
nhẹ và thấy một thiếu nữ xinh đẹp khoảng mười tám
tuổi từ trong chùa bước ra cùng một số người nữa.

Tú Uyên tìm cách nói được mấy câu với cô gái trước
khi cô gái vội vàng rời chùa đi về phía *Quảng Văn các*.
Tú Uyên chỉ biết đứng từ xa nhìn cô gái biến mất.

Từ đó, Tú Uyên đem lòng yêu cô gái. Một thời gian
sau, theo lời khuyên của một người bạn tên là Hà, Tú
Uyên tới chùa Bạch Mã (ở phố hàng Buồm, gần Hội sở
Trung Hoa) cầu mộng.

Đêm hôm đó, trong giấc mộng, Tú Uyên thấy một
ông lão râu tóc bạc phơ, chống gậy tới, nói: "Ngày mai
tới *Cầu Đông* đợi sẽ gặp người con gái đó".

Hôm sau, Tú Uyên tới Cầu Đông. Chàng đợi suốt
một ngày mà không thấy gì. Khi sắp bỏ đi thì đột nhiên
thấy một ông lão bán một bức tranh vẽ một người con
gái rất giống với người con gái gặp ở đền Ngọc Hồ. Tú
Uyên mua bức tranh về treo ở phòng học. Mỗi bữa ăn,
Tú Uyên chuẩn bị hai đôi đũa và hai chiếc bát rồi mời
người trong tranh cùng ăn với mình.

Một hôm, từ trường về tới nhà, Tú Uyên thấy đã có
sẵn một mâm cơm với đầy đủ thức ăn. Chàng nhận
thấy chiếc kim cài khăn của người trong tranh bị hơi
lệch đi một chút. Đoán biết chắc đã xảy ra điều gì, Tú
Uyên ngồi vào mâm cơm ăn.

Ngày hôm sau, Tú Uyên giả vờ đi học nhưng tới nửa
đường thì quay về rón rén vào nhà thấy người con gái
trong tranh đang dọn dẹp trong bếp. Chàng vội tới gần
nói: "Tại sao nàng để ta phải chờ đợi héo mòn như vậy?
Nàng tên là gì?" Cô gái trả lời: "Em tên là *Giăng Kiều*.
Vâng lệnh Trời và theo lời *thần Bạch Mã*, em tới đây
kết duyên với chàng".

Thế là ngay hôm đó, chàng nho sĩ kết duyên với
nàng tiên. Nhưng một thời gian sau, Tú Uyên uống
rượu quá nhiều và đối xử phũ phàng với vợ.

¹ Nay là bệnh viện Việt - Đức.

Bị coi thường và chán nản vì phải nhiều lần khuyên giải chồng, Giáng Kiều bỏ Tú Uyên và bay về Trời.

Khi ấy, chàng nho sĩ nghĩ lại và thấy thương tiếc người vợ yêu dấu, nên rất buồn phiền. Thấy chuyện không sao cứu vãn được nữa, Tú Uyên chuẩn bị treo cổ tự tử thì Giáng Kiều lại xuất hiện. Tú Uyên ứa nước mắt, xin lỗi vợ và hứa sửa mình.

Từ đó, hai người sống hạnh phúc. Một năm sau, hai người có một người con trai. Tú Uyên tiếp tục nấu sủ sồi kinh không mệt mỏi để chờ ngày tên ghi trên bảng vàng.

Một buổi sáng, Giáng Kiều nói với Tú Uyên: “Mặc dù tên tuổi danh tiếng là thứ đáng trọng và những tập tục của thế gian này không thể coi thường được nhưng ở đây con người chỉ sống bằng những thứ do đất nước, lửa và gió hợp thành. Cuộc sống có sinh có tử đó chỉ như những bọt nước hay giọt sương trên ngọn cỏ chẳng mấy lúc mà biến mất. Thông minh hơn người khác, tài giỏi hơn người khác thì chàng cũng chỉ có thể sống hạnh phúc nhiều lắm là bảy, tám mươi năm, ít lắm là năm, sáu mươi năm. Cuộc sống của đời người như vậy dù có cả trăm năm giàu sang cũng chỉ bằng một buổi sáng đi dạo trên thiên giới. Chỉ cần hỏi chàng những anh hùng xưa giờ ở đâu? Ngoài ra, những thứ vui, buồn, hợp, ly là số phận của loài người, liệu chàng có sống mãi suốt tuổi thanh xuân với những thứ đó không? Chỉ bằng ngay từ hôm nay bỏ hết bảy nổi đam mê, rửa sạch sáu thú ham muốn để sáng sủa rong chơi ở Tam Sơn, chiếu chiếu ở chín tầng Trời, bạn cùng với gió trăng có phải hơn không?”

Tú Uyên suy nghĩ không nói một lời. Giáng Kiều lại nói: “Có phải làm người nghĩa vụ thiêng liêng nhất là nuôi dưỡng cha mẹ già? Nhưng chàng đâu còn cả cha lẫn mẹ! Phân thiếp, thiếp không màng giàu sang phú quý. Sao chàng có thể giam mình trong cái thế giới đau khổ này để tìm thứ giữ cho người chết?”

Tú Uyên hiểu ra, chàng nói: “Nếu nàng không chỉ cho ta thấy con đường xấu của những giấc mộng đời người, suýt nữa ta đã rơi vào lưới trần ai”.

Từ đó, Tú Uyên không ham mê văn chương nữa dành hết thời gian vào nghiên cứu thuật trường sinh.

Một hôm, hai con hạc trắng từ trên trời hạ xuống mang theo một lá thiên thư. Ba người cuối hạc bay lên trời biến mất. Ít lâu sau, hai người làm nhiều phép lạ cho dân chúng ở chỗ cũ. Để nhớ ơn, dân chúng dựng tại chỗ hai người ở cũ một ngôi đền thờ hai người. Ngôi đền hiện nay vẫn còn và được gọi là *Bích Câu đạo quán*².

*
* *

Chùa *Ngọc Hồ*, nằm trên đường Sinh Từ hiện nay³, không chỉ nổi tiếng là nơi Tú Uyên và Giáng Kiều gặp nhau mà còn là nơi nàng tiên *Bội Liên* đã hiện ra. Không ai biết tên thực của nàng tiên này vì nàng qua thành Thăng Long rất nhanh. Sau đây là truyền thuyết về tiên nữ *Bội Liên*:

Lê Thánh Tôn, một trong những vị vua nổi tiếng của chúng ta ở thế kỷ 15, một hôm đi dạo về, gặp một người con gái xinh đẹp ở cổng chùa *Ngọc Hồ*. Sau khi xướng họa thơ với người con gái, Thánh Tôn biết người con gái có học vấn tinh tế. Nhà vua mời người con gái lên kiệu mình. Khi hai người tới cổng *Đại Hưng* của hoàng cung thì người con gái bay lên trời biến mất. Lúc đó nhà vua mới biết người con gái là tiên nữ và đem lòng yêu. Để làm sống mãi kỷ niệm, nhà vua ra lệnh xây ngay trước cửa *Đại Hưng* một tòa gác gọi là *Vọng Tiên lâu*, có nghĩa là lầu chờ tiên.

Ngày nay ở phố Hàng Bông, tại vị trí trước đây nằm trong hoàng thành, còn một ngôi đền gọi là *Vọng Tiên quán*. Đó là dấu tích duy nhất còn lại về nàng tiên *Bội Liên*.

Vị hoàng đế giỏi thơ Lê Thánh Tôn không phải là vị vua An Nam duy nhất gặp tiên. Một trong những hậu duệ của ông, vua Lê Hiến Tôn, trị vì từ 1740 tới 1786, cũng gặp tiên trong trường hợp sau: Vào những năm đầu của niên hiệu Cảnh Hưng đầu, từ 1740 tới 1745 vua Lê Hiến Tôn thường tổ chức lễ hội lớn trên hồ *Kim Âu*, ở phía Nam kinh thành. Tại lễ hội có nhiều trò vui; nam nữ thanh niên từ khắp nơi kéo về đông đặc.

² Nguyễn văn Centre de taoique de Bích Câu.

³ Nay là phố Nguyễn Khuyến.

Một hôm, nhà vua như loá mắt, nói với mọi người xung quanh: “Có tiên trong hội của chúng ta, các khanh có nhìn thấy không?”. Ngạc nhiên, các quan nhìn vào đám đông một lúc lâu rồi nói: “Thưa bệ hạ, chúng thần không thấy gì cả!”.

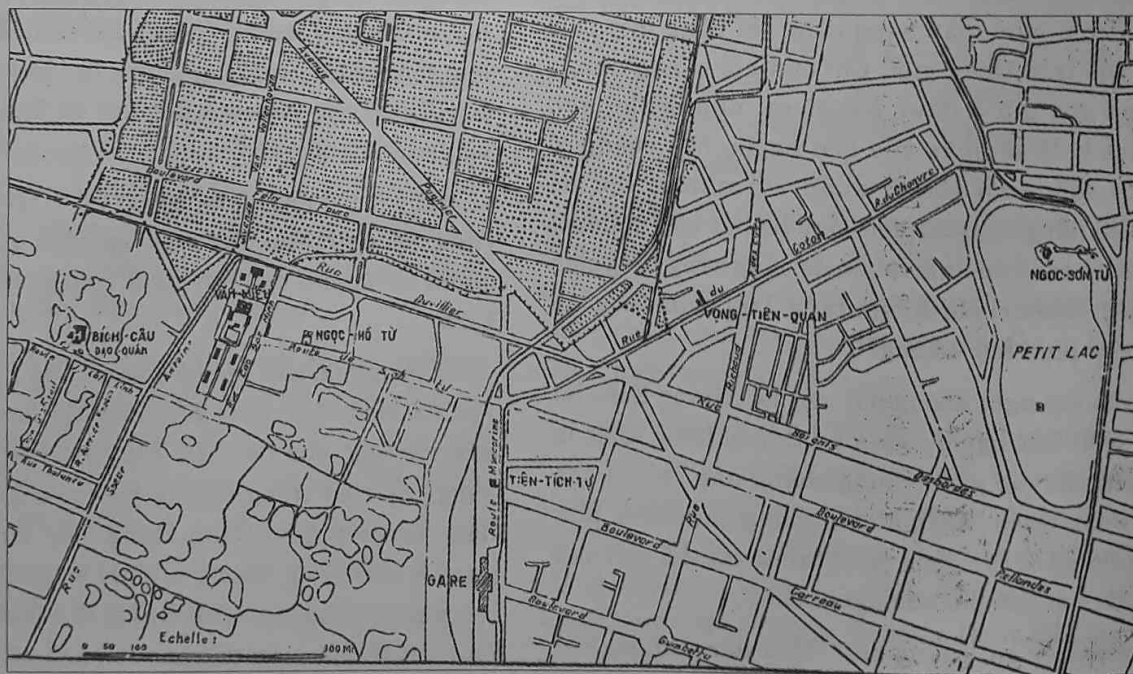
Nhà vua chỉ vào đám đông, cười nói: “Hai người con gái mặc áo hồng đứng dựa vai nhau ở chỗ kia chắc chắn là tiên nữ”.

Nhà vua vừa nói dứt câu thì hai người con gái bay lên trời biến mất. Mọi người lấy làm lạ lùng. Sau lễ hội, nhà vua ra lệnh xây một ngôi chùa tại chỗ đó và đặt tên là *Tiên Tích tự* có nghĩa là chùa ghi dấu tích tiên; nhân dân sùng kính đặt tên cho hai tiên nữ là *Thượng hội song tiên* có nghĩa là hai vị tiên tới dự hội. Ngôi chùa thờ hai tiên nữ đó hiện vẫn còn trên phố *Đường Cái Quan*⁴ nhưng hồ Kim Âu thì đã biến mất; việc mở rộng ga Hà Nội đã làm mất đi vẻ đẹp quyến rũ của chiếc hồ kì bí.

Những địa điểm ở phía Nam Hà Nội cổ được tiên đặt chân tới trong các truyền thuyết, sau đó được dân gian

thờ phụng tại chỗ, ngày nay không còn nhiều. Các tường thành của thành Hà Nội đã bị phá hủy hoàn toàn.

Nếu Văn Miếu, nơi được Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp bảo tồn một cách quá cẩn thận, vẫn giữ được dấu ấn cao nhã và gợi trong ta đôi chút hoài niệm quá khứ thì, ngược lại, chùa Ngọc Hồ nổi tiếng, nơi xưa kia các thi nhân mặc khách tới nghỉ, nơi các tiên nữ xuống trời ghẹo các bậc quân tử, còn lại những gì? Ngôi lầu “chờ tiên”, mà sau này biến thành đền vì sùng kính, giữ lại được những gì? Ngày nay, ta thấy gì ở cổng chùa Tiên Tích, một ngôi chùa muốn làm sống mãi những kỷ niệm về hai tiên nữ xuống trần góp vui cho lễ hội của thiên tử nước Nam? Chỉ cần nhìn vào Bích Câu đạo quán. Từ một công trình xây dựng trên gò Kim Quy bên hồ *Phượng Hoàng* rộng hơn 80.000m², nay chỉ còn lại hai vũng nước tẻo teo mà lại được gán là hai mắt của một con vật linh thiêng! Không một sử gia hay nghệ sĩ, ít nhiều biết về Hà Nội cổ, đi qua những khu phố ở phía Nam mà không thương tiếc sâu xa.



Hanoi des Immortelles. — Situation des principaux temples.

Bản đồ chỉ dẫn các đền thờ thần tiên ở Hà Nội

⁴ rue de la route Mandarine - nay là đường Lê Duẩn.

NGƯỜI NƯỚC NGOÀI Ở HÀ NỘI

Tiểu dẫn:

- *Bài dưới đây do chúng tôi biên soạn từ nhiều nguồn tiếng Pháp. Vì là vấn đề lớn nên bài viết không thể tổng quát và đầy đủ, chúng tôi tạm bằng lòng với những gì có trong tay.*
- *Chúng tôi cũng thêm vào bài biên soạn này một bài hoàn chỉnh về vấn đề con lai của H. Huard và bác sĩ Đỗ Xuân Hợp.*

Không kể người Trung Quốc, người nước ngoài đầu tiên ở Hà Nội được văn bản¹ ghi nhận là Naurad-Din (Nurad-Din), sứ nhà Nguyên, một tín đồ Hồi giáo, tới Hà Nội vào tháng 2-1266. Tiếp đến là người Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp, Nhật, Trung Quốc... qua sách vở của các giáo sĩ và du khách, thương nhân châu Âu. Điều thú vị là trong một bài viết chung của hai ông H. Huard và Đỗ Xuân Hợp về người lai Âu-Á² đăng trên tập san INDOCHINE hebdomadaire illustré, hai ông cho biết “Vua Lê Thánh Tông chẳng đã lấy một người Hà Lan mà chúng tôi hoài công tìm tượng ở Thanh Hóa đó sao?”

Sau khi người Pháp lập được chế độ bảo hộ ở Việt Nam, máy ảnh cùng với các ghi chép và quản lý thông tin của họ...cho chúng ta biết nhiều điều lí thú.

Về người Pháp, năm 1889, có chưa tới 500 người Pháp ở Hà Nội; 1901, khoảng 1.000; 1908, khoảng 4.000, con số này ít xê xích trong suốt thời kì thuộc địa, cho thấy Đông Dương không phải là một điểm di dân của Pháp như An-giê-ri mặc dù tỉ lệ nữ tăng lên. Thế nhưng quãng năm 1940, gần một phần ba người Pháp ở Hà Nội là dân sinh ra ở Hà Nội.

Năm 1897, đa số người Pháp ở quanh Hồ Hoàn Kiếm. Quãng 1930, họ lan ra dọc theo các phố Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, tức là tiến về phía Nam Hồ Hoàn Kiếm. Từ 1930, một nửa người Pháp sống ở khu vực Thành hoặc phía Bắc Thành (phố Quán Thánh).

Năm 1889, ngoài số người Pháp làm công chức, người ta thấy có thương nhân, nhân viên hãng buôn, chủ hàng ăn, hàng giải khát, thầu khoán, chủ nhà in, tu sĩ; kì lạ là có cả thợ rèn, thợ cơ khí, thợ làm bánh mì, thợ đồng hồ, thợ sửa chữa giày, thợ ảnh và người bán vũ khí.

Đoạn dưới đây³ cho ta biết sinh kế của một số phụ nữ Pháp ở Hà Nội cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20:

“Đối lại cái thế toàn nam giới của toàn thể thành viên của Phòng Thương mại Hà Nội là một số phụ nữ Pháp hoạt động thương mại độc lập ở Bắc Kỳ. Các hoạt động của họ thuộc ba lĩnh vực: ăn uống, may mặc và hài kịch.

¹ Xem *Kỉ nhà Trần, Đại Việt Sử kí Toàn thư*.

² *Eurasien*.

³ Xem <http://pionnierstonkin.canalblog.com>

Trong số các phụ nữ kinh doanh ăn uống, có thể đưa ra một danh sách chưa đầy đủ như sau: Rose de Beire, chủ *Café des Officiers*; Jeanne Delaplace, điều hành một cửa hàng cà phê năm 1885; Anne-Marie Poulain, chủ cửa hàng giải khát năm 1887; Eva Allen, chủ cửa hàng cà phê năm 1888; Félicie Maillard, chủ cửa hàng giải khát năm 1890; Berthe Meriel, chủ hiệu *Café du Tour du Lac* năm 1890. Đặc biệt có hai người là Audoyanud và Jeanne de Camilli.

Audoyanud, góa chồng, là biểu tượng cho một số quán rượu bị nghi là chứa gái điếm. Cô này duyên số khá vất vả: chồng chết năm 1887, một thân một mình nuôi con gái nhỏ; sống như vợ chồng với một người đàn ông được một người con trai thì năm 1890 cả hai bố con chết vì dịch tả. Báo cáo của chính quyền năm 1891, cho biết: “Hiện nay, người đàn bà này có một cửa hàng cà phê chỉ có binh lính lui tới. Đạo đức chưa tốt. Sinh con ngày 25-11-1888 và hiện nay đang có chửa. Vì thế, theo thông tin của cảnh sát, phải làm gái điếm. Con gái cô ta, chắc khoảng 12 tuổi, hiện đang sống trong kí túc xá ở Hải Phòng, nhưng thường về thăm mẹ và được thấy những cảnh không đẹp của mẹ”⁴. Năm 1896, cô con gái của Audoyanud lấy chồng và hợp thức hóa được hai đứa con sinh năm 1892 và 1893 không biết bố là ai.

Jeanne de Camilli, chủ quán rượu, vợ góa của Labenski, cưới chồng lần thứ hai với Alfred Levasseur.



Tướng Brière de Lisle và các sĩ quan

Nguồn: <http://nguyentl.com>

⁴ Xem *Avenir du Tonkin*, số 6, ngày 24-7-1886.



Tán binh Anglêri dừng chân nghỉ ở Đoàn Hùng

Nguồn: <http://nguyentl.com>

Cô ta theo đuổi các hoạt động của chồng để trở thành sở hữu chủ tờ báo *Indépendance tonkinoise* vào năm 1900.

Số lượng nữ nghệ sĩ ít hơn và thường qua Hà Nội với các nhóm lưu diễn. Trong số họ, có thể kể: Héroïse Longuetti, nghệ sĩ trũ tình với nghệ danh Jeanne Préval, biểu diễn ở Hà Nội năm 1885.

Cuối cùng là hai cô thợ may quần áo nữ lập nghiệp ở Bắc Kỳ: Cô Joséphine Prestavery ở Hà Nội năm 1889 và cô Mary Memmer ở Hải Phòng năm 1890.

Theo chân đội quân thực dân còn có một số tên phiêu lưu, những tên không việc gì không dám làm, làm đủ thứ nghề mờ ám, hút thuốc phiện, làm chủ những cô gái chuyên kinh doanh các quan hệ vui vẻ..., trong đó có “chủ một hãng xe kéo, vừa mới để tóc để làm bác sĩ, một viên chức giết vợ của anh, một quan tòa thực thụ vừa bị cách chức vì thiết lập một đường dây cho một quan chức cao cấp cung cấp vũ khí cho bọn cướp, các doanh nhân, đôi khi cả luật sư có chuyện bê bối ở Pháp, các kĩ sư phịa, những người môi giới ca kịch nhẹ, những nhà thầu ngẫu nhiên”⁵.

Ngoài ra còn có những thanh niên con nhà tử tế muốn thoát khỏi gia đình, một vài nhà quý tộc suy vi, một số người tìm cách ngoi lên và đám người mà chân trời bị khép lại ở Pháp.

⁵ L. Bonnafont, *Trente ans au Tonkin*.

Bên cạnh người Pháp là một số rất ít người châu Âu như Anh, Đức, Bồ Đào Nha, Ý và Bỉ.

Về phần người Trung Quốc, Hà Nội ít “tầu” hơn so với các thành phố khác ở Đông Nam Á, thậm chí so với



Một cặp vợ chồng Pháp – Việt
Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



Một gia đình Pháp – Việt
Nguồn: <http://LeParisAsie.PascalBlanchard&EricDeroo>

« Famille franco vietnamienne », carte postale sig. Guilleminot, éditions Boespflug et C^{ie}, non dat.

Sài Gòn và Hải Phòng. Phần lớn họ sống tập trung ở các phố Hàng Đào, Hàng Buồm, Hàng Chiếu, tức là trong phường Hà Khẩu cũ, quanh chỗ hợp lưu của sông Hồng với sông Tô Lịch.

Ta có thể hiểu rõ khởi đầu của người Trung Quốc ở Hà Nội qua các trích đoạn đó đây của bác sĩ Hocquard trong cuốn *Une Campagne au Tonkin*: “Người ta gặp ở Hà Nội rất nhiều trẻ em được sinh ra do những cuộc hôn nhân giữa người Trung Quốc và phụ nữ An Nam: chúng thông minh và khỏe mạnh.

Mỗi người Trung Quốc khi tới Bắc Kỳ, khi có điều kiện, đều vội vàng lấy một hoặc nhiều người phụ nữ bản xứ. Tại Viễn Đông, vẫn còn tục lấy nhiều vợ, các ông Con Trời lấy nhiều vợ do tính toán chứ không phải do thị hiếu: mỗi người vợ sẽ giúp họ trong công việc buôn bán: nói trôi chảy tiếng Việt và thông thạo công việc, mỗi người vợ như thế sẽ trong coi một cơ sở trong các cơ sở rải ra khắp Bắc Kỳ.

... Nếu muốn làm ăn thành công ở Bắc Kỳ phải có nhiều vốn để thuê nhân công, với giá rẻ mạt, để tạo ra các xí nghiệp hoặc các hãng buôn lớn. Nhưng người châu Âu tới Viễn Đông làm ăn không thông thạo ngôn ngữ mà cũng chẳng rành phong tục nên họ phải sử dụng những người trung gian hiểu biết rất rõ những thứ đó; những người trung gian này, chính là người Trung Quốc. Đó là những người thông minh, thông thạo buôn bán, nếu không biết tiếng Pháp thì lại nói tiếng Anh lưu loát.

... Thực tế, các hãng buôn lớn đang làm ăn ở Bắc Kỳ đều có người Trung Quốc làm chân rết⁶ hoặc quản lí”.

Người Trung Quốc ở Hà Nội cũng như trên toàn xứ Đông Dương được làm ăn dễ dàng như đoạn mô tả dưới đây của Henri Tirard đăng trên tập san *Revue Indo-Chinoise*, số 11, ngày 15-6-1904:

“Từ lâu, hình như người ta muốn làm mọi người tin rằng người Trung Quốc ở các thuộc địa của chúng ta bị đối xử tệ hơn ở các xứ xung quanh hoặc ở thuộc địa của các nước khác.

⁶ Dịch từ nguyên văn *comprador* mà đúng ra phải dịch là mại bản, nhưng chúng tôi thấy *chân rết* thích hợp hơn.



▲ Quân Cờ Đen bị bắt ở
Tuyên Quang
Nguồn: <http://nguyentl.com>

▼ Quân Cờ Đen đầu hàng Pháp
Nguồn: <http://nguyentl.com>



Phu khuôn vác người Trung Quốc ở Hà Nội
Nguồn: <http://nguyentl.com>



Thương gia người Trung Quốc ở Hà Nội
Nguồn: <http://nguyentl.com>



Một phụ nữ Phúc Châu

Nguồn: <http://nguyentl.com>



Một công tử người Hoa

Nguồn: <http://nguyentl.com>



Một phụ nữ Nhật

Nguồn: <http://hanoilavie.com>



333. A. TONKIN
Quang-Yen
La Japonaise Oki Kou
et ses compagnes



Cô Oki kou và các bạn gái
ở Quảng Yên
Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Tuy nhiên, bằng các sự kiện, chúng tôi muốn chứng minh rằng không hề có chuyện như vậy, ngược lại, những người nước ngoài, khi tới Đông Dương, được hưởng những quyền tự do không nơi nào có. Muốn thấy sự thực chỉ cần nhìn vào hướng đi lên của biểu đồ người Trung Quốc nhập cư vào Nam Kỳ trung bày ở Triển lãm Hà Nội.

Nếu chính sách nhập cư của chúng ta phiền nhiễu như nhiều người nói thì số người Trung Quốc nhập cư vào thuộc địa chúng ta lẽ ra phải giảm thay cho gia tăng như hiện nay chứ. Không những thế, khi người Trung Quốc rời thuộc địa chúng ta về thăm nước họ sao họ không nói họ bị đối xử, cứ cho là tệ đi, như thế nào?

Trong thời kì thuộc địa, những người Trung Quốc có chân trong Phòng Thương mại thành phố, gần như giữ độc quyền việc mua bán lúa gạo, làm chủ phần lớn các xí nghiệp lớn và vừa, chiếm ưu thế trong mạng lưới xuất khẩu; họ ít bị người Pháp quấy rầy. Số khác làm chủ các cửa hàng nhỏ, quây bán thuốc lá lẻ. Sự có mặt khắp nơi của người Trung Quốc, trong các thương vụ lớn cũng như các cửa hàng nhỏ, tạo cho họ sức mạnh. Sức mạnh này thể hiện rõ nhất ở những người đóng góp cho nguồn thu của thành phố: thuế môn bài chiếm một phần tư nguồn thu của thành phố.

Một nghịch lí của người Trung Quốc ở Hà Nội là cứ năm người Trung Quốc trưởng thành ở Đông Dương thì có một người hút thuốc phiện và đó cũng là một nguồn thu⁷ lớn, mặc dù gián tiếp.

Người Nhật ở phía Tây khu phố cổ. Năm 1899, họ có 5 người; 1918, 77 người; 1920-1936, khoảng 50 người; 1940, khoảng 100 người. Trong số họ, rõ nhất là các gái điếm như cô Oki-Kou trứ danh, từ một vùng quê nghèo khổ ở Nagasaki tới. Trong số Nhật kiều, tỉ lệ nữ trội hơn nam rất nhiều⁸. Các chú thích của bưu ảnh thời đó cho thấy phụ nữ Nhật thường sống gần các trại lính lớn của Pháp như Quảng Yên, Đáp Cầu, Hà Nội. Đàn ông Nhật ở Hà Nội, cũng như các nơi khác ở châu Á, hầu như ai cũng làm nghề chụp ảnh, một nghề, theo như nhận định của người Pháp, nhằm che dấu các hoạt động thu thập tin tức và tình báo.

Người Ấn Độ đông hơn người Nhật, ngược với người Nhật, họ có tỉ lệ nam cao hơn nữ. Hai phần ba người Ấn Độ sống ở phố Hàng Đào, chuyên bán vải để ngụy trang nghề cho vay lấy lãi giàu nhanh hơn.

⁷ Hai nguồn thu nữa của chính quyền bảo hộ là muối và rượu.

⁸ Năm 1902, phụ nữ Nhật chiếm 86% cộng đồng; năm 1910, 62%. Thống kê năm 1912 cho biết có 20 gái điếm và 3 chủ chứa giữ trong nhà 66 phụ nữ đã trưởng thành. Trước năm 1907, không có một trẻ em Nhật nào sinh ra ở Hà Nội (xem hồ sơ 3260, phòng Tòa Thị chính Hà Nội, Cục Lưu trữ Quốc gia).

TẦM QUAN TRỌNG HIỆN NAY CỦA NHÓM LAI ÂU - Á Ở ĐÔNG DƯƠNG

H. Huard và Đỗ Xuân Hợp
INDOCHINE hebdomadaire illustré

Những người lai Âu-Á¹ xuất hiện ở Đông Dương từng đợt liên tiếp nhau. Từ thế kỷ 16 tới thế kỷ 18, họ chỉ có vài người mà chỉ các chuyên gia mới biết tên tuổi. Cha của họ hầu như là những người châu Âu như Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh. Nếu không có trường hợp ngược lại, tức bố là người châu Á, họ có thể lấy nhau². Vua Lê Thánh Tôn chẳng đã lấy một người Hà Lan mà chúng tôi hoài công tìm tượng ở Thanh-hoa³ đó sao? Cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19, những người bạn của giám mục Bá Đa Lộc⁴ là cha của lớp⁵ thứ hai mà rõ nhất là các hậu duệ của Chaigneau và Vanier⁶. Một trăm năm vẫn đang trôi qua trước khi xuất hiện lớp thứ ba sinh ra trong thời kỳ chinh phục và xây dựng thuộc

địa. Cuối cùng, lớp thứ tư, lớp đang sống và gia tăng ngay trước mắt chúng ta, rất khác với các lớp trước.

*
*
*

Có người Đông Dương gốc Pháp (Franco - Indochinoise) giống như có người Mĩ da đen (Négro-Américain), người Hindu gốc Anh (Anglo-Hindou), người Hà Lan gốc Indônêxia (Indo- Néerlandais) hay người Bồ Đào Nha gốc Tàu (Sino-Portugais). Hợp huyết là một quy luật phát triển của các thuộc địa già nua khu vực Úc- Á trước đây, trong đó các nhóm lai kết thúc bằng cách phát triển mạnh mẽ. Thực vậy, người ta thấy rằng, về lâu dài, số lượng người lai Âu - Á tiến tới cân bằng với số lượng người Âu châu. Tỷ lệ này vẫn còn cao hơn nữa ở Ấn Độ thuộc Hà Lan⁷; tại đó, 80% số người có quy chế Âu Châu là những người "Indo" tức là 200.000 trên 250.000.



Một nhóm phụ nữ Nhật
Nguồn: <http://P. Dieulefils>

¹ Eurasien.

² Luật hôn nhân ở một số nước châu Âu cho phép anh em con chú con bác và con bà con dì lấy nhau.

³ Như nguyên văn; nghĩa là Thanh Hóa.

⁴ Tức Pigneau de Béhaine, cố vấn thân cận của Nguyễn Ánh

⁵ Nguyên văn *génération* nhưng chúng tôi nghĩ rằng chuyển ngữ thành *lớp* thích hợp hơn *thế hệ* vì người châu Âu tới Việt Nam thành từng đợt

⁶ Hai trong số các chỉ nguyên quân người Pháp giúp Nguyễn Ánh chống nhà Tây Sơn.

⁷ Nguyên văn *Indes néerlandaise*; từ ngữ địa lí lúc đó để chỉ nước Indônêxia hiện nay.

Ở Đông Dương, chúng ta có thể chấp nhận rằng, năm 1937, trong số 42.000 người Châu Âu và người bị đồng hoá⁸ có 6.000 người lai Âu - Á. 6.000 là con số chính thức, thực tế chắc chắn phải cao hơn nhiều. Con số này rất có ý nghĩa khi so sánh nó với số người châu Âu sinh ra trên lãnh thổ Liên bang⁹. Từ thời đó, người lai Âu-Á chiếm khoảng 40% số người nguồn gốc Đông Dương được hưởng quy chế châu Âu.

Sau đó, số lượng người lai Âu-Á chỉ có tăng. Từ những nghiên cứu gần đây nhất, chúng tôi có thể đưa ra đây những kết luận quan sát được ở Hà Nội hiện nay.

1. Một số trẻ em lai Âu - Á¹⁰ sinh ra tuy chưa bằng số trẻ em thuần châu Âu sinh ra nhưng đang gia tăng mạnh mẽ.

Để chính xác, chúng tôi xin chỉ rõ là trong số 100 trẻ em sinh ra được hưởng quy chế châu Âu thì số em lai

Âu - Á chiếm 32 trong khoảng 1922-1932 và chiếm hơn 44 trong khoảng 1933-1943.

2. Về mặt số lượng, các cuộc hôn nhân hỗn hợp đang vượt các cuộc hôn nhân thuần da trắng. Năm 1922, nếu số cuộc hôn nhân hỗn hợp chỉ chiếm 14 % các cuộc hôn nhân theo quy chế châu Âu thì hiện nay (1943) tỉ lệ này là 54%.

Có thể sự cô lập hiện nay của Đông Dương giải thích các sự kiện trên và sự gia tăng các cuộc hôn nhân hỗn hợp sẽ chấm dứt khi tình hình Đông Dương trở lại bình thường. Tuy nhiên không có gì chắc chắn. Nếu tỉ lệ các cuộc hôn nhân hỗn hợp tiếp tục gia tăng thì đây là một hiện tượng dân số học quan trọng từ nay cần phải ghi nhận.

⁸ Tức những người nhập quốc tịch châu Âu, chủ yếu là Pháp.

⁹ Chỉ Liên bang Đông Dương.

¹⁰ Từ đây trở đi trong bài này, xin hiểu là sinh ra tại Đông Dương.

HAI SỰ KIỆN ĐÁNG NHỚ CỦA HÀ NỘI 1911

Claude Bourrin

Trích *Choses & Gens en Indochine II (1908-1916)*

NXB IDEO, Hà Nội, 1941

Tiểu dẫn

- Bài viết dưới đây giới thiệu sự khởi đầu của máy bay và kịch ở Hà Nội; tác giả là Claude Bourrin. Ông tới Đông Dương năm 1898 như một công chức ngành quan thuế nhưng rất ham mê các hoạt động văn học và kịch nghệ. Sống một thời gian dài và đi lại nhiều đã cho ông viết các cuốn *Xứ Bắc Kỳ xưa (Le Vieux Tonkin)*, *Người & việc ở Đông Dương (Choses & Gens en Indochine)*, *Pháp Á (France d'Asie)*, *Môlie và người An nam (Molière et Les Annamites)*.
- Cuốn *Người và việc ở Đông Dương* gồm 3 tập: tập I (1898-1908), tập II (1908-1916), tập III (1917-1927). Trong các cuốn này, C. Bourrin chủ yếu thuật lại những chuyện người thực việc xảy ra trong cộng đồng người Pháp, trong các *cercle*, các chuyến dã ngoại và các hoạt động kịch nghệ của ông.
- Đoạn văn dưới đây được trích dịch từ cuốn *Choses & Gens en Indochine (1908-1916)* do nhà xuất bản IDEO ở Hà Nội in năm 1941.

... Nhân dịp *Van Der Born*, phi công người Hà Lan, vừa thực hiện thành công một số chuyến bay biểu diễn ở Sài Gòn và Băng Cốc, tháng 2-1911, Besse, chủ tịch

Hiệp hội Thuyền buồm mở cuộc lạc quyền để tổ chức tuần lễ hàng không ở Hà Nội. Bắc Kỳ phải mời cho được Van ghé qua biểu diễn trước khi anh ta đi Hồng Kông. Trước đây đã có một số phi công đàm phán với Bắc Kỳ nhưng họ đòi ít nhất từ 30.000 tới 40.000 quan trong khi Van bằng lòng với cái giá từ 15.000 tới 20.000. Ý đồ của Besse không thành nhưng lại được thực hiện dưới hình thức khác. Số là khi đó, một ủy ban của Tổng trú sứ Trung - Bắc Kỳ do Henry de Monpezat làm chủ tịch quyết định mua một chiếc máy bay cho Liên đoàn Hàng không. Ủy ban gồm toàn người Pháp trong đó có một dược sĩ, một trưởng phòng vô tuyến điện báo, một quản trị khách sạn Métropole, một kỹ sư, một ông còn phụ trách hộ tịch từng một thời là phi công, một nhà thầu khoán và một số nhà buôn. Tất nhiên có Besse. Sau khi có máy bay, người ta triệu một phi công Pháp sang và chuyển bay đầu tiên được thực hiện bởi phi công Pháp, chúng tôi nước Pháp đã có một bước tiến đáng kể trên thế giới về mặt hàng không. Cuối cùng, mãi tới cuối năm 1912, chuyến bay đầu tiên mới được thực hiện trên bầu trời sân đua ngựa ở Hải Phòng mà lại do một người Nga tên là *Cuminski* lái. Người Pháp tự an ủi rằng người Nga là bạn và đồng minh của mình; hơn nữa động cơ máy bay là động cơ *Blériot* của Pháp.

Mỗi lần bay kéo dài khoảng 10 phút. Vài ngày sau, buổi biểu diễn bay được thực hiện ở Hà Nội trước một cử tọa đông đảo và nồng nhiệt. Chỉ có người Trung Quốc không có mặt vì nhận được lệnh tẩy chay. Nguyên nhân tẩy chay là quốc tịch của phi công.

Mãi năm sau, chuyến bay trên bầu trời Bắc Kỳ mới do phi công Pháp thực hiện. Phi công này tên là *Marc Pourpe*. Ngày 13-6-1913, Marc Pourpe tụ hội bạn bè ở Hải Phòng. Ngày hôm sau, anh bay đi Hà Nội và hạ cánh thành công. Ngày 16, anh bay đi Lạng Sơn nhưng khi hạ cánh bị chói nắng nên phải quay lại Kép và hạ cánh trên một thửa ruộng ở *Seno*¹, không có hư hại gì. Vài ngày sau đó, anh lại bay đi Lạng Sơn và hạ cánh an toàn vì đã tính toán để quay lưng lại phía mặt trời khi hạ cánh.

Cũng trên bầu trời Đông Dương, bạn của Marc là *Verminck* đã không được may mắn: anh bị tử nạn trong lần bay biểu diễn ở Nam Kỳ. Có lẽ đây là phi công đầu tiên chết trên bầu trời Đông Dương.

Song song với hoạt động hàng không là hoạt sân khấu. Tháng 2-1911, Besse mở lạc quyền thì ngày 1-4, nhóm kịch nghiệp dư của người Pháp, trong đó có Claude Bourrin, tổ chức diễn vở *Ami Fritz* của Erckmann-Chatrian để lấy tiền giúp Liên đoàn Hàng không Hà Nội. Buổi diễn được thực hiện ở rạp Philharmornique² vì lúc đó Nhà hát Lớn Hà Nội đang được hoàn thành.

Từ nhiều năm qua, thành phố Hà Nội đã thực hiện việc xây dựng một nhà hát thành phố xứng đáng với thủ đô hành chính của Đông Dương hơn cái phòng diễn cổ lỗ ở phố Takou³. Mặc dù chưa hoàn thành đầy đủ do thiếu kinh phí, cuối cùng thì tòa nhà cũng dùng được. Tuy việc sơn quét các phòng, hành lang và nhiều thứ khác không bao giờ được thực hiện nhưng như thế là mừng rồi. Tòa nhà có vóc dáng to lớn với những nét thô xấu của lâu đài Garnier⁴ và khách dạo chơi trên đường Paul-Bert⁵ tự hỏi khi nào khai trương nhà hát mới.

Nhóm kịch Philharmornique có tham vọng gắn tên tuổi của họ vào ngày lễ khánh thành. Nhóm quyết định diễn vở hài kịch *Chuyến đi của ông Perrichon* (*Le voyage de M. Perrichon*) trong ngày khánh thành Nhà hát Lớn với mục đích lấy tiền ủng hộ trẻ em lai lang thang. Thành phố trao cho nhóm kịch một sân khấu trống trơn, không màn kéo, không thiết bị trang trí. Một diễn viên là thú y sĩ sửa chữa những khiếm khuyết đó bằng một sự năng động ghê gớm: ông đã làm màn kéo và vẽ lên đó cảnh Hồ Gươm có tháp Rùa. Chiếc màn kéo này được cách tân vào năm 1927 và mãi tới năm 1932 mới bị chiếc màn nhưng kiểu Ý thay thế.

Ngày 9-12-1911, Nhà hát Thành phố Hà Nội được khánh thành với vở hài kịch *Chuyến đi của ông Perrichot*.

¹ Như nguyên văn; không tra cứu được.

² Có nghĩa là hiệu nhạc, nằm trên đường Đình Tiên Hoàng, nay là Nhà hát Múa rối.

³ Phố Hàng Cót hiện nay.

⁴ Có lẽ là nguyên mẫu của Nhà hát lớn Hà Nội.

⁵ Phố Tràng Tiền hiện nay.

TƯ LIỆU ẢNH:

CÁC CƠ SỞ BAN ĐẦU CỦA HÀNG KHÔNG VÀ KỊCH NGHỆ Ở HÀ NỘI



Trong sân bay Bạch Mai

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Sân bay Bạch Mai, thuộc tỉnh Hà Đông cũ, là căn cứ của phi đoàn đầu tiên ở Đông Dương. Sân bay, xây dựng năm 1918, được mở rộng vào năm 1922 lên tới 25 hecta nhưng vẫn không đáp ứng được yêu cầu, nên năm 1927 lại mở rộng một lần nữa. Ngoài sân bay Bạch Mai, còn có một trạm thủy phi cơ ở Hồ Tây.



▲ Phi cơ kiểu Bréguet 14

Nguồn: <http://www.archivesnationales.culture.gouv.fr>
 Loại phi cơ này được dùng ở Đồng Dương trước
 1927, sau đó được thay thế bằng loại Potez 25.



◀ Khoang khách một máy bay

Nguồn: <http://www.archivesnationales.culture.gouv.fr>

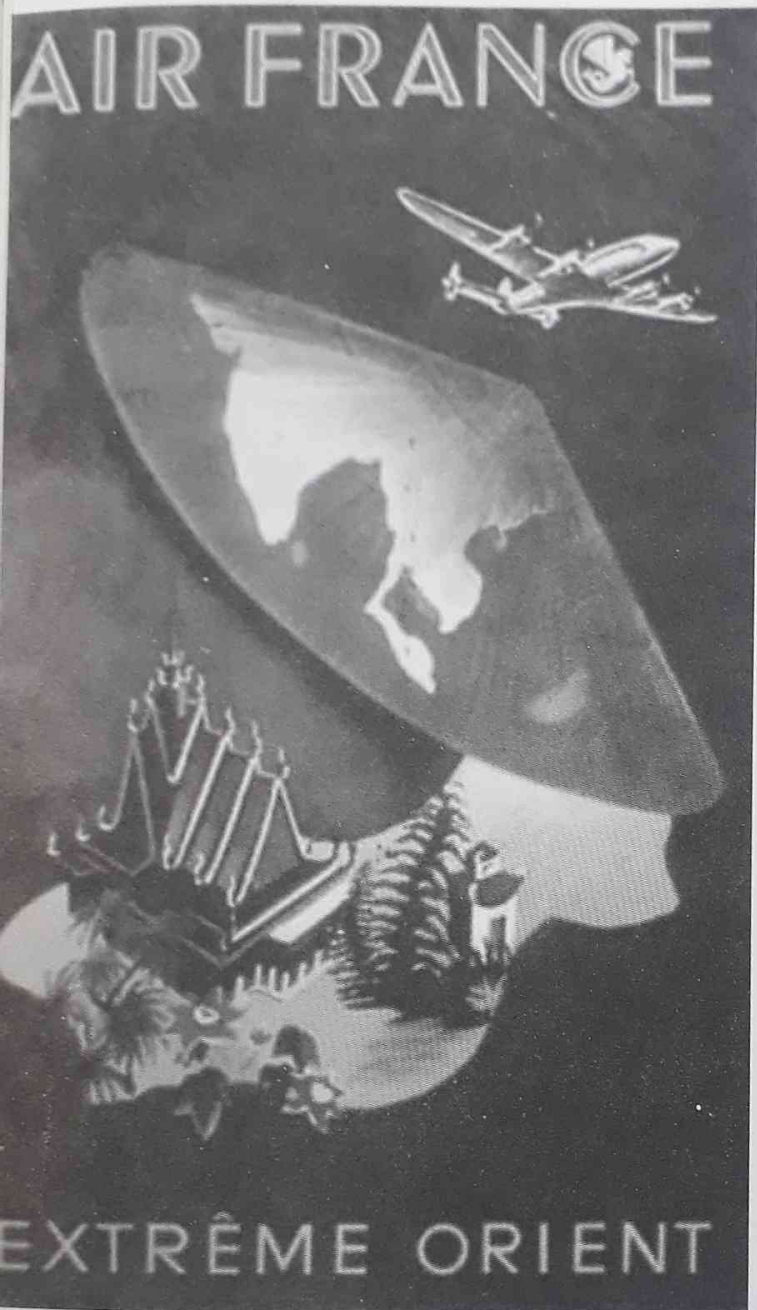


▲ Máy bay Xiêm tới sân bay Bạch Mai
 Nguồn: <http://www.archivesnationales.culture.gouv.fr>

▼ Thủy phi cơ trong Hồ Tây

Nguồn: <http://www.archivesnationales.culture.gouv.fr>
 Đốc lí Hà Nội Virgitti (không rõ là người nào) đang
 kiểm tra công tác chuẩn bị.

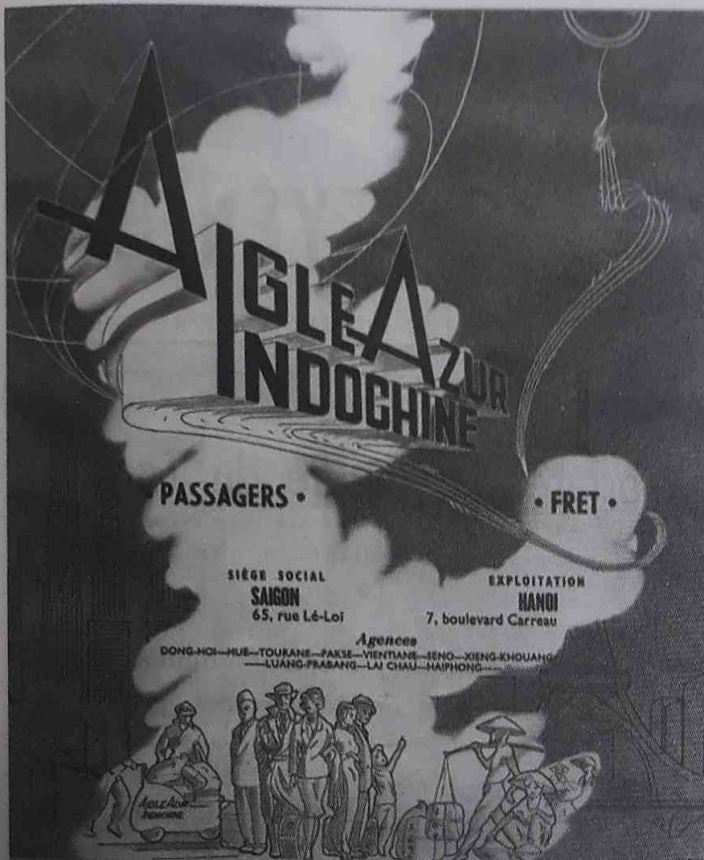




◀ Bích chương quảng cáo của
hãng hàng không Air France
Nguồn: [http: saigon.vietnam.free](http://saigon.vietnam.free)



▶ Bích chương quảng cáo của
hãng hàng không Aigle Azur (1)
Nguồn: [http: dienbienphu.org](http://dienbienphu.org)



◄ Bích chương quảng cáo của hãng hàng không Aigle Azur (2)

Nguồn: <http://dienbienphu.org>

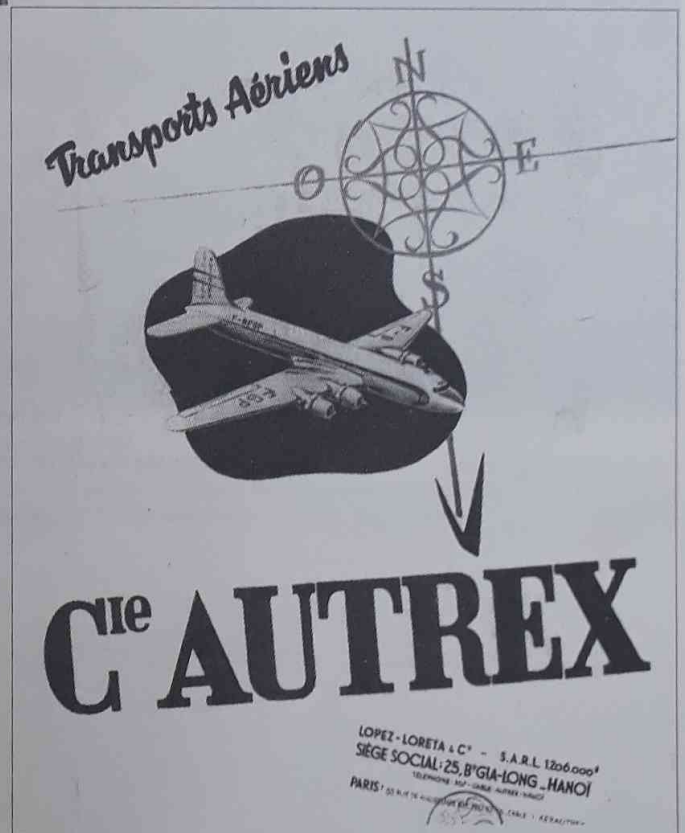
Trong thời gian diễn ra chiến dịch Điện Biên Phủ, Aigle Azur bị quân đội Pháp huy động tham gia cầu hàng không Hà Nội – Điện Biên Phủ.

► Bích chương quảng cáo của hãng hàng không Autrex

Nguồn: <http://dienbienphu.org>

Trong thời gian diễn ra chiến dịch Điện Biên Phủ, Autrex cũng bị quân đội Pháp huy động tham gia cầu hàng không Hà Nội – Điện Biên Phủ.

Ngoài Aigle Azur và Autrex, còn có hai hãng hàng không tư nhân khác là Air Vietnam và Air Outre-mer tham gia cầu hàng không Hà Nội – Điện Biên Phủ.





135 — TONKIN — Hanoi — Société philharmonique

Hội Hiếu nhạc

Cơ sở này nay là Nhà hát Múa rối Thăng Long, trên đường Đinh Tiên Hoàng.

Nguồn: <http://hanolavie.com>



Nhà hát đầu tiên của Hà Nội

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Nhà hát này nằm ở phố Takou (Hàng Cót). Năm 1910, tại đây mọc lên trường Tiểu học con gái Pháp-Việt mang tên trường Brieux, nay là trường THCS Thanh Quan. Việc cải tạo nhà hát thành trường học Brieux do nhà thầu Pées và Chazeau khởi công năm 1912 và hoàn thành năm 1913. Trường được mở rộng năm 1926 và đổi tên thành trường Thanh Quan.



Mặt bên Nhà hát Lớn

Mặt bên Nhà hát Lớn nhìn từ phố Cổ Tân, phía trước nay là vòng xoay đầu phố Tràng Tiền.

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

CẦU DOUMER¹

Paul Boudet²

Giám đốc Sở Lưu trữ Đông Dương và Thư viện
INDOCHINE hebdomadaire illustré

Người sáng lập Liên bang Đông Dương, Paul Doumer, với tầm nhìn về tương lai cho những gì ông đang vạch ra lúc đó, đã nhận thấy sự cần thiết hàng đầu của việc tổ chức mạng giao thông đường bộ, đường sông và đường biển.

Doumer xứng đáng được xếp trong số những người mà nhà văn Kipling³ gọi là những người xây cầu vì ta phải nhớ tới ông với cây cầu dài 1600m vượt sông Hồng, cầu ở Huế nối Hoàng Thành với khu phố kiểu Pháp, cầu Bình Lợi trên đường Sài Gòn đi Biên Hòa, cầu Hải Dương, Việt Trì, Lào Kay..., và cây cầu đẹp nhất, nhẹ nhất chỉ có một nhịp duy nhất 16m: cầu Hàm Rồng.

Tất cả những gì người ta làm sau ông ở Đông Dương đều dựa vào các dự án của ông: ông đã dự kiến thủ đô mùa hè Đà Lạt với sự phát triển đang lộ dạng hôm nay, các đường sắt, đường bộ, các trường học, đường sắt xuyên Đông Dương nối biên giới Trung Quốc với Xiêm,

đường sắt Vân Nam, cảng nước sâu sẽ thay thế Hải Phòng... nhưng người ta phải mất tới hơn 40 năm để thực hiện một phần chương trình của ông sau nhiều lưỡng lự và bần lười.

Tinh thần nhất quán, bền bỉ, kiên trì là phẩm chất cần thiết nhất của một chính khách. Đối lại, coi thường dư luận cũng là một phẩm chất. Và Paul Doumer có cả hai phẩm chất đó.

Khi Doumer quyết định xây cây cầu lớn vượt sông Hồng dài 1.600m, nhiều người không ủng hộ ông. Người An Nam cho rằng không thể thực hiện được. “Đặt một cây cầu ngang sông Hồng à? Thật là điên rồ! Thật y như muốn chồng núi lên núi để lên trời”. Một con sông rộng như biển, sâu hơn 20m, cộng thêm 8m dâng thêm vào mùa lũ, lòng sông luôn luôn thay đổi, bồi chỗ này, lở chỗ kia. Một con sông như vậy không thể thuần hoá, chế ngự bằng một cây cầu đặt trụ trong một lòng sông đầy sóng mạnh và không gì chống đỡ nổi.

Các quan An Nam có tư tưởng phóng khoáng nhất, cởi mở nhất cũng nghi ngờ đây là một quyết định liều lĩnh. Họ nói:

- Có phải các ông định kéo một sợi dây cáp từ bờ này sang bờ kia để dẫn tàu thủy.

¹ Nay là cầu Long Biên.

² Paul Boudet (1889-1948), hội viên Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp năm 1917, hội viên thông tấn năm 1933. Ông là một chuyên viên lưu trữ và nhà cổ tư học, tới Hà Nội tháng 3-1917 với tư cách là người ăn lương trợ cấp của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, nhưng nhanh chóng từ bỏ Viện để nhận chức giám đốc Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương vào tháng 12 cùng năm. Ông tổ chức hệ thống phân loại, theo dõi việc xây dựng tòa nhà dành cho việc lưu trữ, và thảo ra chương trình giảng dạy để đào tạo nhân viên có chuyên môn. Ngoài ra ông còn là giám đốc tạp san *Extrême-Asie*, thành lập năm 1924, sau đó hợp nhất với tạp san *Revue indochinoise* vào năm 1926. Ông khởi xướng và lãnh đạo Hội Địa li.

³ Nhà văn thực dân người Anh.

- Không, chúng tôi xây một cây cầu bằng đá và sắt vắt ngang sông.

- Sông quá rộng, không cầu nào có thể chịu được.

- Chúng tôi đặt cầu trên những trụ bằng đá.

- Những sông quá sâu không thể xây trụ được.

- Chúng tôi có thể xây trụ từ những độ sâu rất lớn.

- Các ông định làm thực à? Thế các ông không sợ sự thất bại sẽ làm cho dân chúng mất tin tưởng à?

- Chúng tôi sẽ làm họ yên tâm. Chúng tôi bảo đảm là sẽ thành công nhờ sức mạnh của các phương tiện.

Các quan kêu lên:

- Không thể nào làm được!

Rồi sau đó thì thầm với nhau rằng thực là điên rồ.

Sau đó vài tháng, chỉ riêng các trụ cầu nhô khỏi mặt nước và bắt đầu lắp ghép các khung sắt đã thuyết phục các quan. Họ nói: “Thật là ghê gớm. Người Pháp muốn cái gì là làm cái ấy”.

Nhưng trong thâm tâm, các quan An Nam nghĩ rằng con sông sẽ chơi cho những tính toán của con người một ván và sẽ làm cho mọi nỗ lực thành công cốc. Lạ hơn nữa là chính người Pháp cũng không nhiệt tình hơn người An Nam. Những người thân cận với Toàn quyền, thậm chí có cả kỹ sư trưởng ngành cầu đường, cũng tỏ ra bi quan.

Tờ *Le Courrier d’Haiphong*⁴, cơ quan ngôn luận của giới thương gia thành phố này, làm ra vẻ hiểu những tình cảm mãnh liệt nhất theo chiều hướng đó. Sau khi châm chọc tính vĩ cuồng của Doumer, tờ báo tỉnh lẻ này thêm:

“Khi xây một cây cầu, người ta phải biết nó có dùng được hay không, liệu có bắc ngang qua được một con sông hay không. Thế nhưng ông ta không nghĩ tới những điều đó, không nghĩ tới sự thay đổi liên tục của sông Hồng. Ông ta không nghĩ tới việc con sông tính khí thất thường này thay đổi lòng sông cực kỳ dễ dàng. Hơn thế nữa, ông ta phải biết chuyện tòa công sứ Hưng Yên đã bị dòng sông nuốt chửng, phải biết trong tỉnh Sơn Tây có một lòng sông cũ cách lòng sông hiện nay 5km;

ông ta có biết rằng một sáng mở mắt ra người ta sẽ thấy một cây cầu, đẹp, nằm trên đất rắn chắc, cách dòng chảy quỷ quái của sông Cái hàng trăm mét”.

Dương nhiên là con sông không ổn định lắm nhưng từ đó mà cho rằng lòng sông chạy đi 1.600m thì...!

Không để ý tới những phê phán, bất chấp dư luận của dân di cư, của giới thương nhân và khuyến cáo các quan chức, Doumer quyết định xây cầu và cây cầu được xây xong chưa tới bốn năm bấy tháng, trong khi theo hạn kỳ là năm năm. Điều đặc biệt và lạ lùng là chi phí không vượt quá tít dụng đã được duyệt.

Kết quả thật tuyệt diệu về mọi mặt đã làm vinh quang cho tính quyết đoán của Paul Doumer, cho những sáng kiến của các kỹ sư và sự cộng tác quả cảm của tất cả những người lao động An Nam, những người phải thích nghi với những công việc tinh vi, nguy hiểm và hoàn toàn mới đối với họ.

Viên đá đầu tiên được đặt vào ngày 12-9-1898 với nghi lễ cực kỳ long trọng. Trong ngày đó, về phía Paul Doumer có: tướng Bichot, chỉ huy tối cao quân đội toàn lãnh thổ; Đô đốc De Beaumont, chỉ huy trưởng hạm đội Viễn Đông; Thống sứ Bắc Kỳ Fourès; Khâm sứ Trung Kỳ Boulloche; Khâm sứ Cao Mên Ducos; các trưởng nha chuyên môn, chủ tịch các Phòng thương mại của Bắc Kỳ, Nam Kỳ và Cao Mên. Về phía các nhân vật của châu Á có: tướng Tô, chỉ huy trưởng quân đội Trung Quốc ở Quảng Tây; cựu nhiếp chính Nam triều Nguyễn Trọng Hiệp; đại diện Nam triều Nguyễn Thân và Tổng đốc Thuận Khánh Trần Bá Lộc.

Một tấm đá hoa cương đen huyền khắc dòng chữ 12-9-1898 được một chiếc bay bằng bạc gắn vào chỗ sẽ là cửa của cây cầu tương lai. Sau lễ đặt viên đá đầu tiên đó, công việc bắt đầu. Tất cả đều phải tự tạo tại chỗ, phải đào tạo một đội ngũ thợ lành nghề cho các công trình rất tinh tế. Thoạt đầu người ta tuyển người Trung Quốc nhưng họ nhanh chóng bị thợ An Nam, khéo léo hơn và chịu đựng hơn, gạt ra. Đội quân thợ đá, thợ mộc, thợ xây, thợ sắt... hơn hai nghìn người, có lúc lên tới ba nghìn, làm việc dưới sự hướng dẫn của khoảng bốn mươi quản đốc, kỹ sư, đốc công người Pháp. Nhờ sự theo dõi mọi nơi, mọi lúc nên không có một tai nạn

⁴ Tạm dịch *Thư tín Hải Phòng*.

nghiêm trọng nào xảy ra mặc dù công việc đặc biệt nặng nhọc trong các hầm áp lực.

Ban đêm, công trình sáng rực dưới ánh đèn của các bóng điện công suất lớn. Số đèn này cũng như các máy công cụ và các máy nén khí hoạt động nhờ một xưởng phát điện 350 ngựa⁵.

Chúng tôi thấy cần phải đưa ra một số chi tiết kỹ thuật của công trình để bài viết tránh rơi vào khô khan.

Nhiều công ti dự thầu đã đưa ra mẫu cầu thẳng. Một mẫu đơn điệu như vậy sẽ gây cho ta cảm giác khó chịu.

Công ti *Daydé et Pillé* chọn hệ thống cầu rầm chìa, được cấu thành từ những nhịp thẳng bằng, mà cây cầu đầu tiên được thực hiện ở Pháp là cầu Tolbiac trên đường sắt Paris – Orléans.

Khi người ta giới thiệu đường nét kiêu hãnh và duyên dáng của cây cầu trong hình vẽ toàn cảnh, nhiều người lo ngại khối sắt hình răng cưa nhẹ tới mấy cũng không bao giờ có thể thực hiện được.

Nhưng nhiều người không hiểu rằng chính 20 trụ cầu, mỗi trụ cao 44m trong đó 30m nằm dưới mực nước, sẽ đỡ cho cây cầu dài 1.682m, cao 17m so với mặt trụ và 61m so với các móng, rằng cũng nhờ các trụ đó mà cây cầu được nối thành khớp.

Cầu có hai nhịp ở hai đầu cùng dài 78,70m⁶ và chín nhịp 75m, xen kẽ với tám nhịp 106,20m.

Nhịp 75m được kéo dài ở hai đầu bởi những đoạn đưa ra 27,50m; nối vào đoạn đưa ra là một nhịp ngắn 52,20m. Hai đoạn đưa 27,50m cùng với nhịp 52,20m tạo thành nhịp 106,20m.

Khoảng cách giữa hai dầm ngang liên tiếp là 4,75m; ngoài dầm ngang, mỗi bên hông cầu là một vỉa hè 1,30m, phía ngoài có lan can lưới bảo vệ cao 1m.

Việc thi công được tiến hành tích cực, và tháng 11-1901, cầu chỉ còn cách bờ trái một khoảng cách ngắn; tháng 1-1902, cầu đặt được khối sắt của nó vào bờ trái, và phần cầu cạn bằng đá, nối cầu với ga, bị phá hủy.

Ngày 3-2-1902, hai bờ được nối với nhau; chỉ còn phải san lấp khoảng vài trăm mét, một công việc chỉ cần vài ngày.

Việc xây dựng cầu đòi hỏi 30.000m³ đá và 5.300 tấn sắt. Chi phí lên tới 6.200.000 franc, xấp xỉ bằng dự toán.

Và một ngày đẹp trời, Paul Doumer đã có thể giới thiệu công trình tuyệt vời của khoa học và công nghiệp Pháp với vua An Nam Thành Thái trước khi về nước vĩnh viễn, sau một nhiệm kỳ (từ 13-1-1897 tới 3-1902).

8h ngày 28-2-1902, đoàn tàu hỏa rời ga mới của Hà Nội, đưa vua Thành Thái, Toàn quyền, và tùy tùng lên tàu. Tại lối vào cầu, các quan khách an tọa trên một khán đài trang hoàng hoa và cờ để nghe các diễn văn của Thống sứ Bắc Kỳ, của Chủ tịch Phòng Thương mại Hà Nội, của Giám đốc Công chính Guillemoto, của Phụ chính Đế quốc An Nam, người đã dự lễ đặt viên đá đầu tiên. Bài diễn văn nào cũng ca ngợi sự vĩ đại của công trình.

Phụ chính Nguyễn Trọng Hiệp nói lên sự khâm phục của dân chúng An Nam đối với cây cầu “to đẹp và tráng lệ như một con rồng xanh bỗng bồng bềnh mặt nước hay như một chiếc cầu vồng bắc ngang trời rộng mênh mông”. Ông ta cũng xác nhận hành động thiện chí của nước Pháp bảo hộ và nhắc lại lời của một nhà nho xưa: “Che chở một dân tộc bằng đức độ chính là giúp người sang sông”. Ông ta không quên làm một bài thơ mười hai câu trang trọng như thơ Delille và Volney cũng như của Victor Hugo để ca ngợi sông Hồng và “cây cầu sắt vĩ đại” vượt sông, nối Hà Nội với Hải Phòng.

... Có những con sóng

Mang an bình và thịnh vượng cho miền châu thổ.

và cây “cầu sắt vĩ đại” vượt sông nối Hà Nội với Hải Phòng.

Kết thúc bài thơ là câu:

*Hỡi con sóng, hãy chảy đi theo dòng của người
với niềm sung sướng và kiêu hãnh.*

Sau khi cầu được xây dựng, nó đã thách thức công binh thủy. Phải mở rộng cầu cho xe hơi có thể qua được: năm 1922, người ta xây dựng hai đường men ở hai bên. Ngày nay, các đường này không đủ cho xe lưu thông.

Không ai còn chê bai sự vô ích của cây cầu nữa.

⁵ Đơn vị công suất cũ.

⁶ Như nguyên văn; chú ý rằng ngày nay học sinh chúng ta đều biết 78,70m khác với 78,7m.

TƯ LIỆU ẢNH:

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ CẦU DOUMER



▲ Cầu Doumer, nay là cầu Long Biên

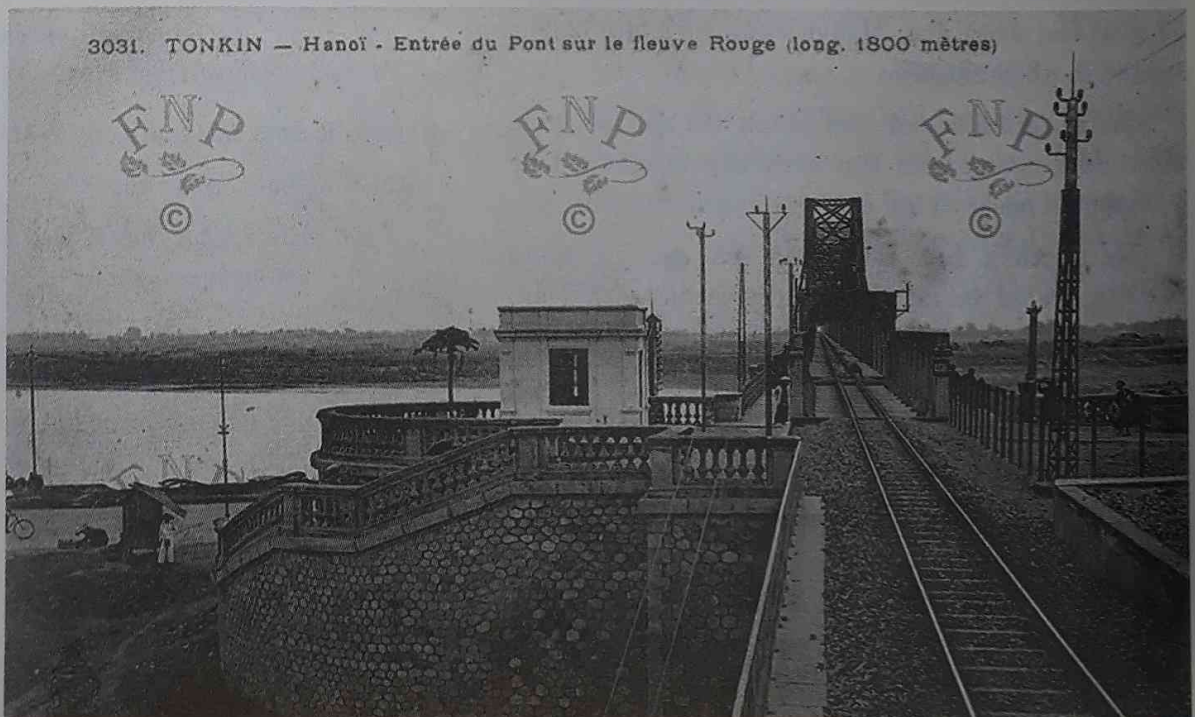
Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Đây là ảnh điển hình về cây cầu vượt sông Hồng đầu tiên. Có nhiều bức ảnh về cầu nhưng đây là bức thuộc loại sớm nên thường được dùng minh họa cho các bài viết về nó.

▼ Đường dẫn lên ga Long Biên hiện nay

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Ảnh chụp trước khi có đường ô tô vì trong ảnh không thấy có đường dẫn.





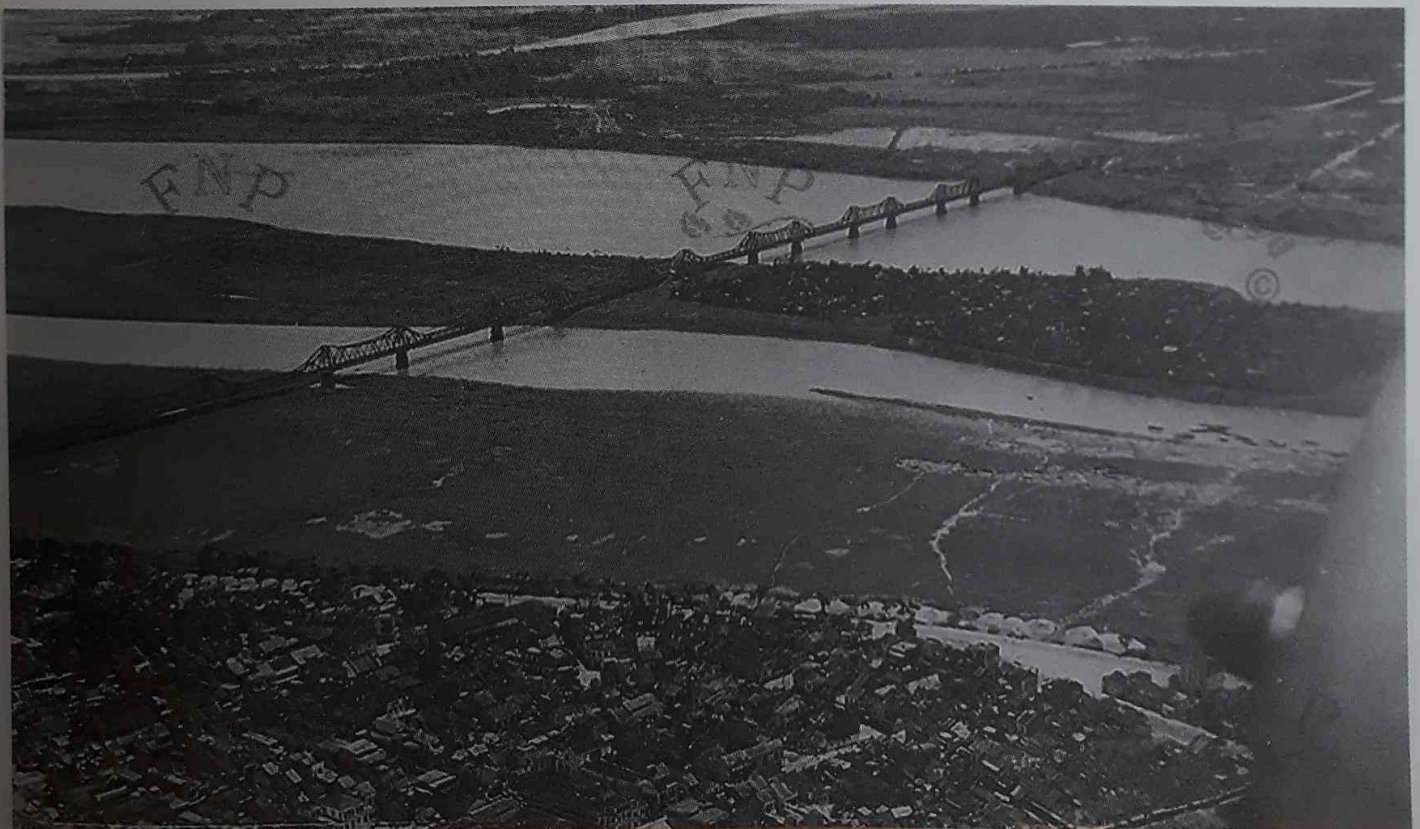
▲ Cầu Doumer sau khi có đường ô tô

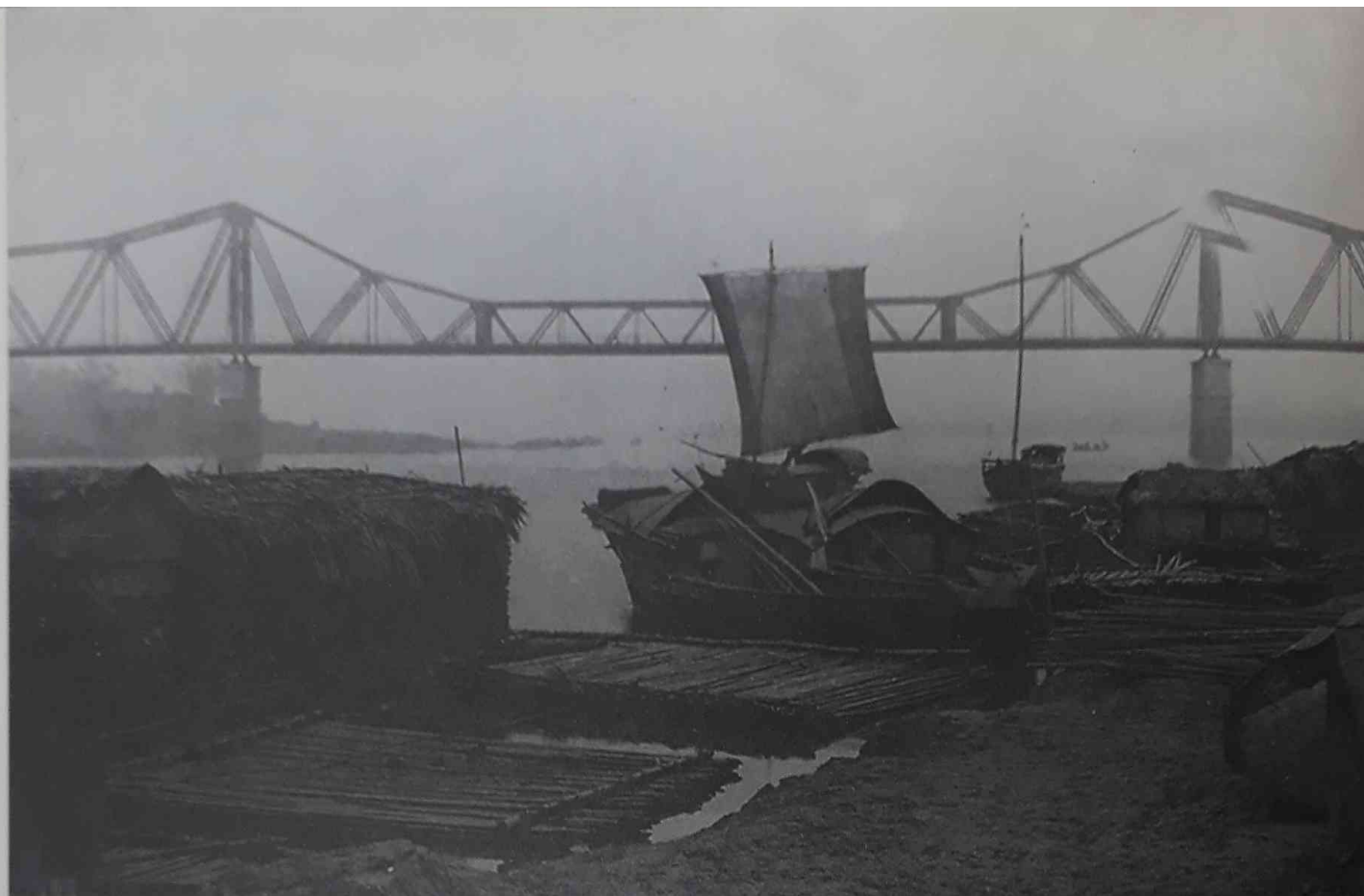
Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Ảnh chụp quãng những năm 1950. Chú ý cầu đã có những thanh treo để treo thêm đường ô tô.

▼ Không ảnh cầu Doumer

Nguồn: <http://hanoilavie.com>





▼ Một kiểu vượt cầu lạ của xe ô tô

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Đây là một bức ảnh hiếm về cầu Long Biên, cho thấy chiếc ô tô tải từ Gia Lâm sang đã chạy trái với chiều chúng ta vẫn thấy trong nhiều năm. Giải thích điều này, có ý kiến cho rằng sau một số năm người Pháp lại đổi chiều lưu hành trên cầu để cầu cân trở lại. Không biết có đúng không, nhưng chắc chắn bức ảnh này lạ đối với nhiều người.

▲ Cầu Doumer nhìn từ bãi sông

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>



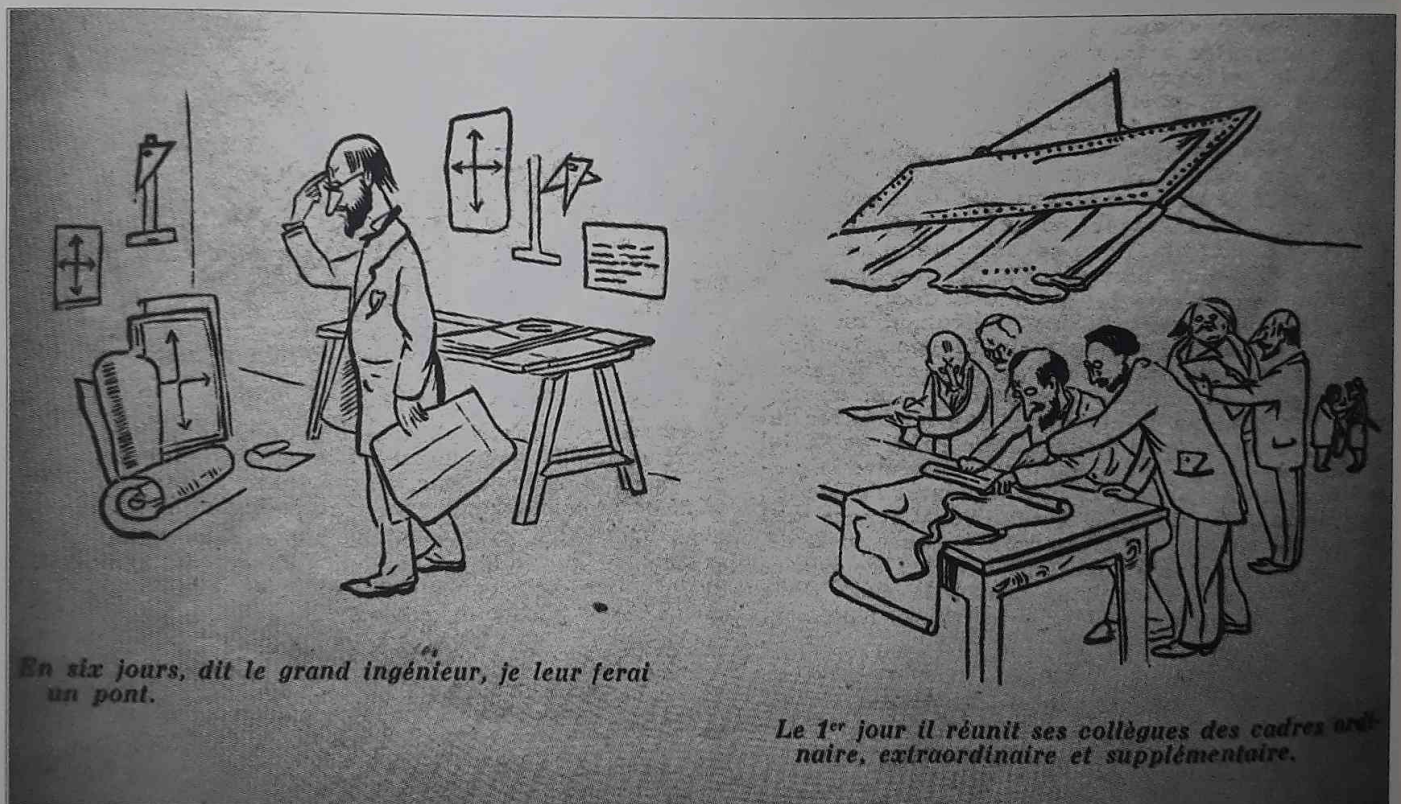


▲ Xe tay trên cầu Doumer
Nguồn: nguyentl.com

TƯ LIỆU ẢNH:

TRANH BIẾM HỌA ĐẢ KÍCH DỰ ÁN CỦA PAUL DOUMER

Như thấy trong bài trên, dự án xây cầu vượt sông Hồng của Paul Doumer bị phản đối từ nhiều giới. Các hình vẽ dưới đây là loạt tranh liên hoàn của họa sĩ Cézard, chủ nhiệm báo **la Vie indochinoise**, châm biếm nhân vật chính của dự án. Chú ý nhân vật trong tranh mang dáng dấp của Paul Doumer. Bài đăng ngày 21-11-1896 trên tờ báo do ông làm chủ nhiệm.



Hình bên trái: Vị kĩ sư vĩ đại⁶ tự nhủ mình sẽ xong cây cầu trong sáu ngày.
Hình bên phải: Ngày thứ nhất, kĩ sư họp các đồng nghiệp, các cán bộ bình thường và bất bình thường, các thuộc viên.

⁶ Chỉ Paul Doumer; chú ý bộ râu của ông ta được gán cho người kĩ sư.



Les 2^e et 3^e jours on fit méticuleusement les plans.



Le 4^e jour on fit chercher des madriers.

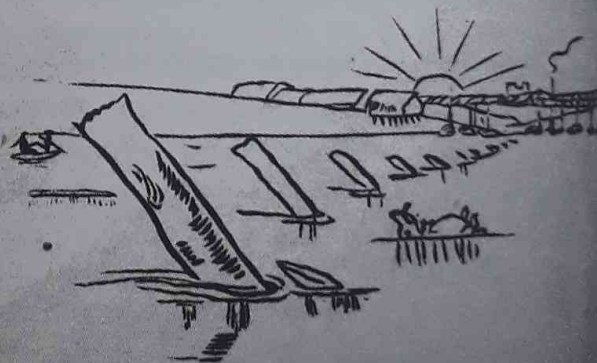
▲ Hình bên trái: Ngày thứ hai và thứ ba, người ta tỉ mỉ vạch ra các sơ đồ.
Hình bên phải: Ngày thứ tư, người ta cho tìm gỗ.

▼ Hình bên trái: Ngày thứ năm, người ta đóng cọc.

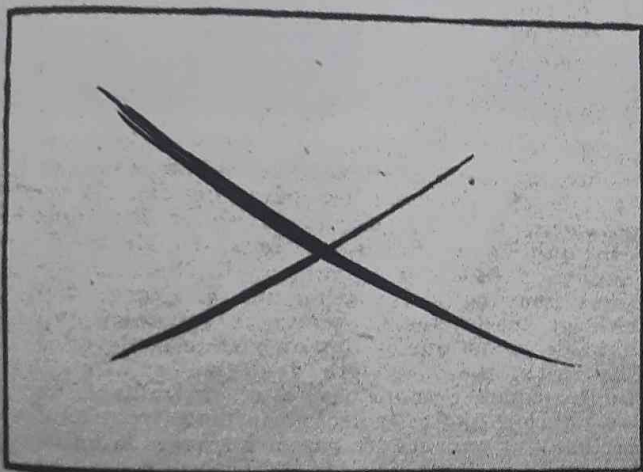
Hình bên phải: Ngày thứ sáu lũ dâng lên, cọc bị nghiêng đi.



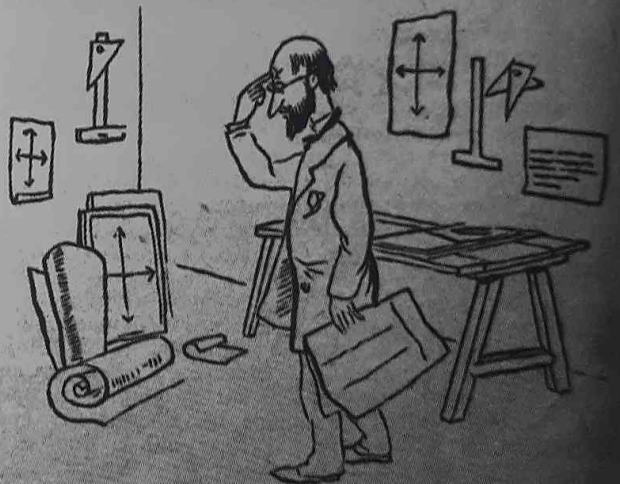
Le 5^e jour on enfonça les pieux.



Le 6^e jour la crue ayant augmenté, les pieux prirent un air penché.



Le 7^e jour fut consacré au repos.



Le 8^e jour, le fleuve ayant emporté les matériaux, le grand ingénieur se dit : en six jours je leur ferai un pont (voir plus haut et suivre, etc.).

Hình bên trái: Ngày thứ bảy dành cho việc nghỉ ngơi.

Hình bên phải: Ngày thứ tám, con sông cuốn hết nguyên liệu, vật tư, và người kĩ sư vĩ đại tự nhủ mình sẽ làm cho họ một cây cầu (xem lại từ đầu).

CÁC THÀNH VIÊN PHÒNG THƯƠNG MẠI HÀ NỘI VÀ HẢI PHÒNG, TỪ LÚC THÀNH LẬP TỚI THỜI KÌ DOUMER CẢM QUYỀN¹

Claire Villemagne-Renard

Tiểu dẫn

- Bài dưới đây của bà Claire Villemagne-Renard, tiến sĩ sử học, đăng trên trang <http://etudescoloniales.canalblog.com> dưới nhan đề như trên. Bài cho thấy khuôn mặt của của một số doanh nhân Pháp ở Hà Nội đầu thế kỉ 20; qua đó, ta sơ lược thấy được công thương Hà Nội thời kì đó như thế nào.
- Riêng bài này, các chú có dấu sao (*) của người dịch.

Đầu những năm 1880, việc mở rộng sở hữu của Pháp ở Viễn Đông đều mang danh nghĩa thương mại và nhằm tìm đầu ra cho nền kinh tế của Pháp. Nhưng sự trì trệ về kinh tế và xây dựng của người Pháp tại chỗ thường bị các chính khách và công luận ở chính quốc tố ra một phần, và một phần bởi toàn quyền và các công sứ.

Tuy nhiên, có những thương nhân và di dân không ngần ngại đầu tư hết vốn liếng, hi vọng và thậm chí đặt cuộc đời mình vào xứ bảo hộ mới, nơi không dành cho họ một vị trí nào trong đời sống chính trị vì họ bị

loại khỏi các cơ quan đại diện thành phố: họ chỉ được cử làm phó không qua bầu và không có đại biểu nào trong cơ quan dân biểu.

Trong bối cảnh đó, việc thành lập hai phòng thương mại, một ở Hà Nội và một ở Hải Phòng, cho phép tiểu xã hội nói trên được mọi người lắng nghe qua những cuộc bầu bán. Việc nghiên cứu, nhận diện các thành viên của hai phòng thương mại đó đặt ra rất nhiều câu hỏi: con đường xây dựng cơ nghiệp của các thành viên đó như thế nào? Họ có đại diện cho tiểu xã hội của họ không? Sự tham gia của họ vào các phòng thương mại có làm thay đổi các hoạt động của họ không?

Hai phòng thương mại Hà Nội và Hải Phòng gồm khoảng một trăm người², thường là những người tới lập nghiệp sớm nhất hoặc những người kinh doanh thương mại và các hoạt động sinh lợi nhất.

Chúng ta sẽ nghiên cứu thành phần ưu tú xã hội và kinh tế này trong giai đoạn từ năm 1886, năm thành lập hai phòng thương mại, tới năm 1902, năm Paul Doumer rời Đông Dương.

¹ Nguyễn Văn Les membres des Chambres de Commerce d'Hanoi et d'Haiphong, de leur création aux années Doumer

² Devillers P., *Français et Annamites, Partenaires ou ennemis?, 1856-1902*, Paris, Denoël, 1998, trang 12.

Đối với trường hợp Hà Nội, 18 khóa cho phép ta lập một danh sách gồm 49 người (năm 1982 người ta bầu hai khóa). Đối với trường hợp Hải Phòng, các lưu trữ cho biết có 16 khóa (không có một con số nào về khóa năm 1888 và 1898) với 50 người.

Hai phòng thương mại Hà Nội và Hải Phòng được thành lập theo quyết định của thứ trưởng Bộ Thuộc địa ngày 1-8-1884, nhưng mãi tới tháng 6-1886 chúng mới được thành lập, tức là 13 năm sau những mưu toan chinh phục của Francis Garnier và gần 3 năm sau khi thiết lập chế độ thuộc địa.

Giai đoạn chúng ta nghiên cứu được đánh dấu bởi sự nhảy vọt kinh tế của Đông Dương trên cơ sở xây dựng các cơ sở hạ tầng như đường sắt Vân Nam.

Mỗi phòng thương mại có 12 thành viên² do toàn quyền bổ nhiệm. Trong giai đoạn đầu, công sứ Hà Nội và công sứ Hải Phòng làm chủ tịch và các phòng chỉ có chức năng tư vấn.

Toàn thể thành viên của Phòng Thương mại Hà Nội đều là nam giới. Đối lại, có một số phụ nữ Pháp hoạt động thương mại độc lập ở Bắc Kỳ. Các hoạt động của họ thuộc ba lĩnh vực: ăn uống, may mặc và hài kịch.

Thành viên của các Phòng Thương mại Hà Nội thuộc lớp cao tuổi của giới kinh doanh Bắc Kỳ, nhất là những người có kinh nghiệm, không có ai là những người lần đầu tiên điều hành công việc.

Một số người trước đó đã kinh doanh ở chính quốc, chẳng hạn Numa Bourgoïn-Meiffre, người gốc miền Vosges, có một cửa hàng ủy thác và xuất nhập khẩu ở đại lộ Temple, Paris.

Những người khác lần đầu tiên làm ăn ở Á châu, ở những nơi như Sài Gòn, Hồng Kông như các ông Jules d'Abbadie, thầu khoán và chủ tàu buôn, giám đốc công ti *Messageries fluviales du Tonkin* (Công ti Vận vận tải Đường sông Bắc Kỳ), kết hợp với ông Auguste Marty, nhân viên cũ của ông Constantin, chủ hãng tàu buôn ở Sài Gòn.

Có một số trường hợp nằm ngoài con đường trên, trong đó có Guillaume Fils; cụ thể là ông này đi lên từ các hoạt động gắn với các hoạt động của gia đình từ lúc còn trẻ.

Một số thành phần của giới doanh nhân và dân di cư không có quyền vào Phòng Thương mại; đó là những người ở lại lập nghiệp sau khi giải ngũ từ thủy quân ở Bắc Kỳ, những người quá trẻ tới thuộc địa tìm vận may...

Ngành nghề của thành viên các Phòng Thương mại rất đa dạng, đủ đại diện cho toàn thể dân di cư: thương nhân, dược sĩ, thầu khoán, nhà sản xuất, người lãnh thầu với chính quyền thuộc địa... Nhưng hoạt động của họ chủ yếu là khối lượng công việc phải giải quyết và vị thế tài chính của họ. Tất cả đều là sở hữu chủ, kết hợp với người khác hoặc quản lý các công ti to lớn nhất lúc bấy giờ: Daniel Bernhard là chủ các lò giết mổ của Hà Nội, kết hợp với anh rể là Eugène Koenig vào năm 1894; ông ta cũng là chủ nhiều cửa hàng rượu, cũng kết hợp với Koenig vào năm 1898; Julien Blanc là dược sĩ ở Hà Nội từ năm 1886, thoát đầu kết hợp với Noël Reynaud, sau đó ra làm riêng từ tháng 6-1887 khi Noël Reynaud chuyển về Hải Phòng sống bằng thực lợi.

Về Bourgoïn-Meiffre, đó là một chủ hãng không thể quật ngã của Hà Nội: ông ta giữ độc quyền mua bán hồi vào năm 1890. Để khai thác mặt hàng này, ông xây dựng một lò chưng cất các cây hương liệu vào năm 1889. Năm 1896, Bourgoïn-Meiffre thành lập xí nghiệp *Briqueterie et tuilerie du Grand Bouddha* (Nhà máy Gạch và ngói Quán Thánh) trên một mảnh đất 20.000m², có một máy hơi nước công suất 300 ngựa nhập từ Pháp.

Với chừng đó, hoạt động chính của Bourgoïn-Meiffre trụ lại ở ngành kéo sợi: *Công ti Bourgoïn-Meiffre*, thành lập năm 1893, liên kết với năm nhà công nghiệp ở Paris, Alsace và Vosges. Công ti này kế thừa công ti đầu tiên của riêng ông ta thành lập năm 1884; vốn lên tới 900.000 francs (tức khoảng 5 triệu euro hiện nay)!

Nếu các thành viên Phòng Thương mại Bắc Kỳ không giàu như Bourgoïn-Meiffre thì cũng không ai gặp khó khăn về tài chính, mặc dù có nhiều người

² L'*Avenir du Tonkin*, số 2, ngày 26-6-1886.

phá sản, trong đó có nhiều người ở Hải Phòng hơn Hà Nội

Không một thương nhân hoặc nhà thầu nhỏ nào, phụ thuộc thường xuyên hoặc đột xuất vào chính quyền về mặt tài chính, có mặt trong Phòng Thương mại; chỉ toàn những người ưu tú về kinh tế và tài chính.

Ngoài ra, danh sách thuê bao điện thoại năm 1899⁴ cũng cho biết một số nét về Phòng Thương mại. Ở Hà Nội, cứ 9 người thuê bao thì có 5 cá nhân và 4 công ti, trong đó 3 là thành viên Phòng Thương mại: Numa Bourgoïn-Meiffre, Ernest Schneider và Raoul Debeaux.

Các bảng biểu nghiên cứu cho ta khẳng định: tiềm năng kinh tế của các thành viên Phòng Thương mại nằm ở khu vực thương mại.

CÁC THÀNH VIÊN BẦU THEO ỦY QUYỀN.

Trừ trường hợp đặc biệt, một số thành viên kém giàu hơn ngồi được ở Phòng Thương mại là nhờ đại diện cho các công ti lớn, như trường hợp François Jame, nhân viên của công ti thương mại *Denis frères*⁵, gốc Bordeaux. Đây là một công ti có mặt ở Sài Gòn từ năm 1862, có chi nhánh đầu tiên ở Hải Phòng năm 1883, rồi có tiếp một chi nhánh thứ hai ở Hà Nội.

Không chịu giữ thái độ thận trọng trong nhiệm vụ được *Denis frères* ủy thác, François Jame liên tục dùng diễn đàn của Phòng Thương mại Hải Phòng để gây dựng uy tín cho cá nhân mình. Kết quả là trong một bữa tiệc có mặt toàn quyền, bài diễn văn kết thúc bữa tiệc của François Jame khiến ai cũng phải giật mình: sự bê bối không chỉ về nội dung mà cả về hình thức biểu đạt bài diễn văn.

CON ĐƯỜNG SỰ NGHIỆP CỦA MỘT VÀI DOANH NHÂN CÁ BIỆT

Ngoài một số thành viên ngồi trong Phòng Thương mại mỗi khóa theo sự ủy quyền, còn có những thành viên có con đường riêng đi tới Phòng Thương mại. Thuộc

thành phần này, có hai loại: những người vào vì tham vọng và những người được đồng thuận. Trong số những người thuộc loại thứ hai, có hai được sĩ là Julien Blanc và Edouard Brousmiche đã nói ở trên. Vị thế thương mại của họ nằm ở tính chuyên biệt vì họ vừa độc lập vừa được hưởng qui chế được bảo vệ. Cả hai đều không có đối thủ cạnh tranh. Với chừng đó, nhất định phải có anh nói ngang: Julien Blanc được ưa ở chỗ này thì lại bị phê phán ở chỗ khác, chẳng hạn sự điều hành yếu kém Hội Hiếu nhạc Hà Nội *Société Philharmonique d'Hanoi* mà ông là chủ tịch.

Con đường của Numa Bourgoïn-Meiffre đã được gọi lại qua các hoạt động chung cất rượu, sản xuất sợi và gạch ngói.

Còn Charles Vézin lại theo con đường thầu các công trình công cộng. Tới Bắc Kỳ năm 1886, cùng lúc với Paul Bert, ông chủ yếu xây dựng các công trình do ngân sách chi trả. Công ti của ông dùng xi măng và vôi Hòn Gai và đưa các ống thông bằng xi măng Portland thành sản phẩm thương mại. Ông cũng là một trong bốn người quản trị tờ báo *Courrier de Haiphong*. Tháng



Hiệu thuốc tây của Julien Blanc.

Nguồn: <http://hanoilavie.com>
Hiệu thuốc này có thể coi là hiệu thuốc tây đầu tiên của Hà Nội, Ngõ gác gỗ nằm ở góc đường Tràng Tiền – Ngô Quyền, cho tới những năm 1960 vẫn còn, cho ta cảm giác không thuộc Julien Blanc, nhưng các sách vở cho biết một thời gian sau khi có cửa hàng 31 Paul Bert, ông chủ Julien Blanc còn phát triển cửa hàng của mình sang cả mặt phố Henri Rivière (Ngô Quyền) trên một chiều dài hơn 10m (phần có mái che bên trái ảnh, phía dưới có chiếc xe tay nắm sắt tường nhà).

⁴ *L'Avenir du Tonkin*, số ngày 11-6-1887.

⁵ Brebion và Antoine Cabaton, *Dictionnaire de bio-bibliographie générale ancienne et moderne de l'Indochine française*, Académie des sciences coloniales, niên giám annales, tome VIII, Paris, Société d'éditions géographiques, maritimes et coloniales 1935.

7-1892, trong khi Charles Vézin đang kiểm tra mái một tòa nhà của chính quyền thuộc địa thì bị băng cướp Lưu Kỳ bắt. Bị bắt giam hơn bốn tuần lễ, cuối cùng ông được thả ra sau khi nộp 25.000 đồng tiền chuộc. Trước vụ này là vụ bắt cóc anh em nhà Roque⁶ với số tiền chuộc 50.000 đồng. Trong bức thư gửi cho người thân ngày 3-7-1892, ông viết: “Ông Luya thân, tôi đã nhận được đồ gửi của ông. Có lẽ tôi sẽ chết đói và chết khát mất vì không sao nuốt được cơm. Làm ơn gửi cho tôi hai chiếc quần và hai chiếc áo choàng, một đôi giày, thêm cả bánh và rượu vang nữa. Tôi vừa nói chuyện qua qua với Lưu Kỳ; hẳn tưởng tôi giàu có lắm và ra giá; tôi cố thuyết phục hẳn là không phải như vậy...”⁷

Vượt lên trên những tranh cãi về sự tiếp tay của các hội đoàn Trung Quốc ở Bắc Kỳ⁸, chính cương vị xã hội của Charles Vézin là nguyên nhân của vụ bắt cóc ông ta; còn nguyên nhân bắt cóc anh em nhà Roque là sự giàu có của hai ông chủ tàu này.

Với Vézin, Lưu Kỳ chơi một vở lớn: một nhà thầu khoán dư dả, gần gũi với chính quyền bảo hộ. Sau một thời gian kinh doanh, Charles Vézin định quay về Pháp vĩnh viễn, nhưng không hiểu sao ông ta đổi ý và lại kinh doanh. Ông lao vào những thị trường quan trọng mà ấn tượng nhất là việc thầu lại một đoạn đường sắt từ Phủ Lạng Thương đi Lạng Sơn mà công ti *Soupe et Raveau*, ở Paris, trúng thầu với chính quyền bảo hộ⁹. Vụ này, sau nhiều tranh chấp, khiếu nại, cuối cùng Vézin bỏ túi 160.000 đồng¹⁰ sạch sẽ và chắc chắn, các thị trường xác nhận *Vézin et Cie* là một công ti quan trọng ở Bắc Kỳ.

Phòng Thương mại Hà Nội khác với Phòng Thương mại Hải Phòng ở chỗ các thành viên đều là người trong một gia đình, cụ thể là gia đình Schneider và gia đình Guillaume. Gia đình Schneider có hai anh em. Người anh, Ernest Hippolyte là chủ hiệu sách và văn phòng phẩm, có cửa hàng ở số nhà 52, phố Paul Bert. Tháng

4-1891, Ernest Hippolyte mở một chi nhánh ở Hải Phòng¹¹, do một nhân viên tên là Georges Faucon điều hành. Người em, François Henri (thường chỉ viết ba chữ đầu FHS), bắt đầu sự nghiệp ở Bắc Kỳ với chức danh trưởng xưởng in của chính phủ năm 1883. Dân dân, François Henri có khách hàng riêng, ban đầu chỉ là in danh thiếp, sau đó thuê lại các địa điểm của xưởng in Crettier, ở phố Hàng Trống, vào tháng 11-1885, được mua lại xưởng in cũ của chính phủ, lần đầu tiên có ở Bắc Kỳ, với các điều kiện có lợi. Năm 1889, François Henri lập một công ti mới¹² chuyên về in tipô, in litô, đóng sách, khắc dấu, ở phố Hàng Bông, Hà Nội.

François Henri gây dựng tiếng tăm nhờ chất lượng công việc. Năm 1890, ông được chúc mừng vì in bản đồ Hà Nội tỉ lệ 1/10.000, như tờ báo *Courrier de Haiphong* nhận xét: “Tấm bản đồ thứ nhất này, chắc ở Pháp cũng không in tốt hơn”¹³. Công ti của ông làm ăn thịnh vượng, nhất là có những quan hệ với chính quyền. Ông chịu trách nhiệm in các ấn phẩm của chính quyền vào năm 1891. Nhưng cuộc cạnh tranh rất khốc liệt và thị trường năm 1891 được đặt dưới sự đấu giá với sự có mặt của thêm hai công ti nữa: công ti Chesnay ở Hà Nội và công ti Crébessac ở Hải Phòng. Một cuộc luận chiến nổ ra xung quanh công ti Crébessac vì công ti này chỉ đóng môn bài bán sách mà không đóng môn bài in ấn, nhưng bỏ thầu với giá hời hơn giá của Schneider. Thế nhưng chính quyền chấm Schneider. Crébessac khiếu nại ở Phòng Thương mại Hải Phòng. Phòng Thương mại này ủng hộ Crébessac bằng cách nhất trí ra một thỉnh nguyện: “nếu chính quyền cho rằng cần đấu thầu để cung ứng thứ gì đó thì những gói chào hời nhất nên được chọn khi họ đã thực hiện chặt chẽ các yêu cầu đặt ra”¹⁴. Ngược lại, Phòng Thương mại Hà Nội từ chối can dự vào cuộc tranh luận: “với lòng mong muốn thỏa mãn các nguyện vọng chính đáng của giới thương nhân mà phòng sẽ cố gắng luôn luôn bảo vệ, phòng tuyên bố rằng

⁶ Chủ hãng tàu đường sông ở Hải Phòng

⁷ Meyer C., *La vie quotidienne des Français en Indochine 1860-1910*, NXB Hachette, Paris, 1985, trang 62.

⁸ *Le Tonkin en 1893*, Hanoi, 1893.

⁹ Gaisman Albert, *L'œuvre de la France au Tonkin, la conquête, la mise en valeur*, NXB F. Alcan, Paris, 1906.

¹⁰ Vial P., *L'Annam et le Tonkin*, Nhà in Gounouilhou, Bordeaux, 1885, trang 16.

¹¹ Ferry J., *Le Tonkin et la Mère-Patrie, témoignages et documents*, NXB Victor Havard, Paris, 1890.

¹² Như trên.

¹³ Joleaud-Barral, *La colonisation française en Annam et au Tonkin*, nhà sách Plon, Paris, 1899, trang 52.

¹⁴ Millot Ernest, *Le Tonkin, son commerce et sa mise valeur*, Challamel et Cie, Paris, 1888.

trường hợp này không thể phán quyết đúng hay không đúng yêu cầu của toàn quyền mà phòng hoàn toàn không thể biết được nhưng sẽ được đưa ra ánh sáng”¹⁵.

Câu chuyện cổ tích về gia đình Guillaume hình như bắt đầu từ năm 1886 với việc khai thác các công trường đá ở Kê Sở¹⁶.

Việc họ xin nhượng vĩnh viễn miếng đất có công trường đá được cho là vào năm 1888. Mười năm sau, họ trở thành sở hữu chủ. Việc khai thác các công trường đá cho phép họ cung cấp đá xây, đá xẻ, đá cục dùng cho công chính Hà Nội hoặc lát đường.

Những người trong gia đình Guillaume còn lập các xưởng làm đá hoa và đá xẻ. Gia đình nhà này có Henri, Jules và Charles ; Henri chết năm 1888¹⁷. “Trong các xưởng có máy cưa chạy bằng động cơ hơi nước, xẻ đá cẩm thạch thành những tấm có độ dày khác nhau, dùng làm mặt bàn, lò sưởi, gạch lát... Nhà Guillaume dùng hai loại đá hoa cương: đá đen và đá trắng pha đỏ. Loại đen có xuất xứ từ các công trường đá của họ ở Ninh Bình. Loại sau lấy từ Thanh Hóa. Chất lượng của chúng rất tốt. Các công trường ở Ninh Bình cũng cung cấp đá xẻ như đá Kê Sở. Để vận chuyển đá từ Ninh Bình và Thanh Hóa, anh em Guillaum tổ chức các đội thuyền mành hoạt động đều đặn trên các sông nổi Kê Sở, Hà Nội, Thanh Hóa, Ninh Bình với nhau. 75 chiếc thuyền mành, từ 40 tấn tới 70 tấn, nổi Kê Sở với Hà Nội; 20 chiếc nổi Ninh Bình, Thanh Hóa với Hà Nội”¹⁸. Tất cả được điều hành bởi một công ti mang tên *Guillaume frères*¹⁹, do Charles et Jules thành lập ngày 28-12-1891, với một số vốn rất hạn hẹp là 25 đồng. Đó là một “doanh nghiệp xây dựng nhà cửa và các thứ khác”.

Jules chịu trách nhiệm thủ quỹ. Hai anh em còn có một công ti thứ hai²⁰ kết hợp với Joseph Borel, một nông gia ở Kê Sở, để khai thác cà phê. Công ti bắt đầu

hoạt động từ ngày 1-1-1892. Anh em Guillaume góp phần đất *Vallée de la Cressonnière* ở Kê Sở mà họ thành sở hữu chủ vào năm 1888. Họ chọn Joseph Borel vì ông này có chuyên môn về nông nghiệp: ông ta chịu trách nhiệm điều hành giám sát lao động và tất cả những gì liên quan tới công việc trồng trọt, trong khi Jules Guillaume chịu trách nhiệm quản lý hành chính như mua, bán, giao dịch.

Năm 1898, đồn điền của họ là một thí dụ về sự thành công của hai gia đình với gần 330.000 gốc cà phê.

Thành công không dừng lại, vì “nỗ lực của họ không có bờ bến. Thêm vào đồn điền, họ còn có một trang trại có 250 con bò và 500 con dê, cho phó mát và bơ không chỉ bán ở Hà Nội mà còn cung cấp cho đồn điền rất nhiều phân chuồng cần thiết. Hai con bò giống Pháp được đưa tới trang trại phối với bò cái địa phương cho một đàn bò nuôi rất có giá trị”.

Việc anh em nhà Guillaume tham gia vào Phòng Thương mại rất khó hiểu. Trái với trường hợp anh em nhà Schneider, các nghiên cứu cho thấy trường hợp anh em nhà Guillaume tế nhị hơn. Các tài liệu của Phòng Thương mại cho biết có “anh em Guillaume”, “Guillaume bố”, “Guillaume con”, “Guillaume anh” hay “Guillaume”. Rất hiếm tài liệu nêu ra tên tục từng người thuộc họ tộc này. Tổng cộng, nhà này ngồi ở Phòng Thương mại 13 năm, trừ các năm 1886, 1888, 1889 và 1901. Giả thuyết đáng tin hơn cả là họ thay nhau vào Phòng Thương mại: Henri năm 1888, rồi Jules ngồi cho tới năm 1900, rồi tới lượt Charles.

Để hoàn chỉnh nghiên cứu, chúng tôi sẽ giới thiệu bốn gương mặt độc đáo của Phòng Thương mại.

CÁC ỨNG VIÊN KHÓ TRƯỢT

Có bốn ứng viên không thể không bầu họ, trong đó Hà Nội có hai: Debeaux 13 khóa và Sébastien Godard 15 khóa; Hải Phòng có Félix Charrière và Raoul Linossier, mỗi người 11 khóa. *Tuổi thọ* của họ trong Phòng Thương mại được nhân đôi bằng sự kiêm nhiệm của họ: Debeaux giữ chức thư ký và phó chủ tịch, Godard là chủ tịch hoặc phó chủ tịch. Linossier là thư ký Phòng Thương mại Hải Phòng bảy năm.

¹⁵ Bức thư này đề ngày 12-1-1884 được lưu giữ trong văn khố của Phòng Thương mại và Công nghiệp Marseille, mã số MQ 54/39, bìa bao Bắc Kì.

¹⁶ *L'Avenir du Tonkin*, số 149, ngày 20-4-1889.

¹⁷ Như trên.

¹⁸ *L'Avenir du Tonkin*, 22-11-1885, số 34.

¹⁹ Tạm dịch *Anh em nhà Guillaume*. Qua đây, bạn đọc thấy xu thế lúc đó các công ty mang tên dòng họ hoặc anh em

²⁰ *L'Avenir du Tonkin*, 5-4-1885, số 12.

Ưu thế của các thành viên này là tuổi tác kinh nghiệm, hiểu biết và thực tiễn thương mại tích lũy từ thương trường Á châu và cuối cùng là sự tham gia của họ vào nhiều hiệp hội lẫn các hội đồng thành phố. Trường hợp của Debeaux là một thí dụ rõ nét vì, giống như nhà Guillaume và nhà Schneider, họ cũng có hai anh em: Honoré và Raoul thay nhau ngồi ở Phòng Thương mại Hà Nội. Họ thành lập cửa hàng *Magasins généraux Debeaux frères* năm 1885²¹.

Anh em Debaux có hai đặc điểm: trẻ hơn các đồng sự (Honoré sinh năm 1861²² và Raoul sinh năm 1858); bắt đầu sự nghiệp bằng việc đáp ứng các nhu cầu của quân đội và đã thành công trong việc chuyển đổi sau khi quân đội rút đi. Cụ thể là họ lao vào xuất khẩu một số sản phẩm của Bắc Kỳ như da trâu, lụa, cánh kiến trắng. Bằng chứng về thành công của anh em Debeaux là công ti Union de France, một công ti bảo hiểm ở chính quốc, giao cho họ điều hành một chi nhánh ở Hà Nội.

“Cửa hàng Debeaux nằm ở phố Paul Bert, Hà Nội; tại đó, khách hàng có thể lựa chọn đủ loại mặt hàng. [...] Tất cả mọi thứ hàng được trưng bày trong cửa hàng. Các vật dụng khác nhau nhất đều có ở đây. Khách hàng lúng túng không biết mua thứ gì. Đồ kim hoàn, đồ sành, đồ pha lê, vải vóc, giày dép, súng săn, súng trận, quần áo thuộc địa, nước hoa, đồng hồ, đồ trang trí nội thất, mọi thương phẩm khác nhau được bán lẻ ở đây, với chất lượng bảo đảm. Không những thế, cửa hàng Debaux còn là cửa hàng có tên tuổi và là nhà cung cấp được ưa thích cho phần lớn của tỉnh ở Bắc Kỳ”²³.

Cửa hàng nằm trên phố Paul Bert. Đây là một phố sang trọng, với các cửa hàng giàu có mặt tiền thường có cột trụ và mảng trần tường ở phía trên. Ngôi nhà to tráng ở bên trái là cửa hàng của anh em nhà Debeaux, một trong những người đầu tiên buôn bán ở Hà Nội, có từ năm 1885. Ban đầu họ chuyên cung cấp hàng cho quân đội; dần dần cửa hàng của họ trở thành một cửa hàng bách hóa, một điểm bắt buộc phải lui tới của người châu Âu.



Tonkin Hanoï, Rue Paul Bert, Maison Debeaux frères. Dans la rue Paul Bert (rue Trang Tien aujourd'hui) circulent les pousse-pousse, c'était la rue chic menant au théâtre, où s'alignent les riches maisons de commerce à pilastres et frontons. Les frères Debeaux, présents dès 1885, sont parmi les pionniers du commerce. D'abord spécialisés dans le ravitaillement des troupes, leur magasin deviendra le bazar colonial par excellence, point de passage obligé des Européens de Hanoï.

Cửa hàng của anh em Debaux

Nguồn: Indochine à la belle époque

Ngoài cửa hàng ở Hà Nội, anh em Debeaux còn sở hữu khách sạn *Hôtel du Commerce* ở Hải Phòng²⁴. Khách sạn xây dựng năm 1887²⁵, khai trương ngày 8-1-1888, đồng sở hữu chủ ban đầu là Gandaubert và Peyre. Ngày 1-5-1898, anh em Debeaux mua lại khách sạn trước khi mở rộng và hiện đại hóa.

“Khách sạn là một cơ sở đẹp có 50 phòng; các phòng có buồng toa-lét thiết kế khá tốt. Khách sạn còn có các phòng tắm tiện nghi, có hương sen. Một phòng ăn rộng rãi, nhiều phòng khách đặc biệt và một sảnh lớn phục vụ cà phê cho du khách. Các dịch vụ do bồi bả xứ phục vụ. Với phong cách châu Âu, các bồi phục vụ theo một chuẩn rất hoàn hảo với sự phục tùng rõ rệt so với sự ngạo nghễ của những người phục vụ trong các quán cà phê lớn của Paris. Chiếu sáng, thông gió, chuông đều vận hành bằng điện. Tóm lại, *Hôtel du Commerce* Hải Phòng, bằng những lợi điểm nhất, cạnh tranh với nhiều khách sạn hạng nhất ở chính quốc”²⁶.

²⁴ *Annuaire de l'Indochine française*, 1890, lưu trữ tại Centre d'Archives d'Outre-Mer ở Aix-en-Provence.

²⁵ Hiện nay (2010), *Hôtel du Commerce* đang được phá dỡ xây dựng lại hiện đại hơn sau 123 năm tồn tại.

²⁶ Chú ý rằng sự mất cân đối giữa số thương nhân và số dân di cư trong một thời gian dài và những lượng giá trước đây cung cấp cho ta số lượng người Pháp mạo hiểm lập nghiệp.

²¹ *L'Avenir du Tonkin*, 25-3-1886, số 48.

²² *L'Avenir du Tonkin*, 1-1-1887.

²³ *L'Avenir du Tonkin*, 15-12-1884, số 1.

Liên với khách sạn là một cửa hàng bách hóa cho phép khách tự trang bị trước khi đi sâu thăm Bắc Kỳ.

Trong hội đồng dân biểu thành phố Hà Nội có chân của một người thuộc gia đình Debeaux vào các năm 1890, 1892 và 1893. Hai anh em luôn luôn làm ăn chung với nhau nhưng Raoul còn có những hoạt động cá nhân là thầu vận tải, chắc chắn phải sinh lợi mạnh, vào các năm 1895, 1896. Đặc biệt là vào năm 1899, Raoul cùng với một người tên là Danzer lãnh trung²⁷ rượu, nhờ đó Raoul lập được công ti *Société du Nord de l'Annam* vào năm 1901, chung cất và bán rượu, thuốc phiện và muối ở ba tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh.

Sébastien Godard là một người đáng kính, không một tí vết. Ông cũng là người cao tuổi nhất trong giới doanh nhân Hà Nội²⁸. Trước đây, ông đã từng kinh doanh ở Lorraine, Jouy, Arches, sau đó ở Hồng Kông năm 1885. Ông là một khuôn mặt nổi bật của giới doanh nhân có kinh nghiệm. Công ti của ông là một công ti thương mại lớn, có các xưởng đặc biệt làm yên cương, đóng giày, làm đồ sắt tây, đồ đạc trong nhà.

Năm 1903, ông thuê các đốc công người Pháp điều hành các xưởng. Godard là người tạo ra sự nhất trí trong cộng đồng người châu Âu. Bằng chứng là bức thư của đốc lí Hà Nội trả lời cuộc điều tra về tính thân thiện và tính đúng đắn thương mại. Đốc lí mô tả Godard là một trong những doanh nhân nghiêm túc nhất và quan trọng nhất của Hà Nội, nổi tiếng đúng đắn và ngay thẳng trong các quan hệ làm ăn. "Thêm vào đó, vị doanh nhân đang làm ăn thịnh vượng này có hai ngôi nhà ở Hà Nội theo đánh giá tối thiểu cũng phải 100.000 franc"²⁹.

Về Félix Charrière, đó là một thương nhân 38 tuổi vào năm 1894, trước đây đã làm ăn ở châu Á. Kết hợp với một người tên là Berthet ở Sài Gòn, công ti của họ chuyên nhận ủy thác, chuyên chở hàng tới các vùng sâu, nhận kí gửi tiền và hàng, đặc biệt là rượu vang và

thuốc lá lẫn lộn với đồng hồ, nước hoa, đồ sắt tây, các mặt hàng của Paris, đồ gia dụng và bếp núc, thực phẩm đóng hộp, mĩ phẩm, pho mát gruyere, súng, đạn, đồ săn bắn, tàu, đồ dệt kim, vải vóc, yên cương³⁰.

Năm 1894, chi nhánh Hải Phòng đã khá lớn nên Charrière thuê một nhân viên thương mại là Alphonse Poinard³¹.

Công ti của Charrière gắn với công ti *Bertrand et Charrière* ở Besançon³². Charrière cũng có chân trong hội đồng thành phố Hải Phòng từ 1892 tới 1894, một khóa nữa từ 1899 và là thành viên của hội *Prévoyants de l'avenir* năm 1891, chủ tịch hội năm 1894.

[...]

Tóm lại, Phòng Thương mại là một thiết chế xã hội đáng thêm muốn trong những điều đáng thêm muốn



Cửa hàng của công ti Charrière & C^o

Nguồn: Indochine à la belle époque
Vị trí của ngôi nhà này rất dễ định vị nhờ mái thấp ở bên trái của cửa công ti xe đạp Peugeot. Ở bên kia đường và đối diện với cửa hàng này là cửa hàng của công ti Denis Frères.

³⁰ Như trên.

³¹ Thư viết tay của Jean Dupuis từ Hải Phòng ngày 6-10-1883 gửi bà Chalendard, lưu trữ tại Thư viện Thành phố Saint-Etienne, mã số MS 432.

³² Thư viết tay của Jean Dupuis từ Quảng Đông ngày 16-10-1883 gửi ông Ferrouillat, lưu trữ tại Thư viện Thành phố Saint-Etienne, mã số MS 432.

²⁷ Nộp cho nhà nước một khoản tiền để thay mặt nhà nước độc quyền bán một mặt hàng nào đó.

²⁸ Thư viết tay của Jean Dupuis từ Hải Phòng ngày 25-9-1883 gửi ông E. Bouchet, lưu trữ tại Thư viện Thành phố Saint-Etienne, mã số MS 432.

²⁹ Như trên.

nhất của các cơ sở chấp chính; thành viên của các Phòng Thương mại Bắc Kỳ có những nét sau: có kinh nghiệm và thực tiễn thương mại ở châu Á, có vị thế tài chính của công ti, đầu tư vào nhiều cơ sở.

Đối với một số người, có thể thêm vào các nét trên các đặc điểm như xuất thân từ một gia đình đã thành

danh, thân cận với chính quyền (nhà thầu của chính quyền, nằm trong hội đồng thành phố), được doanh nhân Hà Nội và Hải Phòng nhất trí ủng hộ hoặc do uy tín, hoặc do cạnh tranh kém. Trong cả hai trường hợp, các nhà thầu hoặc thương nhân thấy là mình cần phải đứng ngoài những cuộc đối đầu quyết liệt.

Giải thích các ghi chú trên bản đồ

à Phuxa: usine d'explosif: Đì về Phú Xá có xưởng thuốc nổ.

Manufacture des tabacs: Nhà máy thuốc lá, trên đường Phố Đức Chính, sau Nhà máy nước sạch Yên Phụ.

Usine des Eaux: Nhà máy nước, trên đường Yên Phụ.

Usine Céramique: Nhà máy gạch men, ven hồ Trúc Bạch, trên khoảng đất giữa phố Trấn Vũ và phố Quán Thánh; hiện còn một ngôi nhà của chủ nhà máy gạch này xây bằng nhiều loại gạch men cải kĩ hà học,* trên đường Thanh Niên, gần Đền Quán Thánh.

Distellerie: Nhà máy rượu, góc đường Quán Thánh – Hàng Bún.

Usine des Tramways: Xưởng xe điện Thụy Khuê.

Filature de Coton: Nhà máy sợi trên đường Trần Nhật Duật, gần cầu Long Biên.

Gouvernement Général: Phủ Toàn quyền.

Ateliers vin Cheong Long: Xưởng rượu vang Cheong Long, quãng góc đường Phùng Hưng – Hàng Vải.

Ateliers d'Équipement Militaire: Xưởng Quân trang, quãng phố Hàng Buồm.

Brasserie Hommel: Nhà máy Bia Hommel, trên đường Đội Cấn.

Sculpteurs indigènes: Chạm khắc, trên đường Điện Biên Phủ.

Speidel et Cie Importations: Công ti xuất khẩu Speidel, trên bãi Phúc Tân.

Usine Saint Frères (Cordage): Xưởng dây thừng Saint Frères, quận Long Biên, bên kia sông.

Usine Electrique: Nhà máy điện Bờ Hồ, ngã ba Đinh Tiên Hoàng – Trần Nguyên Hãn.

Asiatic Petroleum Cie: Công ti xăng dầu Asiatic Petroleum, trên bãi Phúc Tân.

Brodeurs indigènes: thêu phố Hàng Trống.

Usine à Glace: Nhà máy nước đá, góc Trần Quang Khải – Trần Nguyên Hãn.

Mairie: tòa Đốc lí (Thị Chính), trên đường Đinh Tiên Hoàng.

Descours et Cabaud: chỉ dẫn về công ty này không rõ ràng. Thực ra, chi nhánh của Descours et Cabaud tại Hà Nội nằm tại giao điểm Bà Triệu - Hàng Khay, nay là cơ sở của một công ty du lịch.

Ateliers Guillaume frères: Xưởng cơ khí nhà anh en Guillame, chỗ phố Quán Sứ gặp phố Thọ Nhuộm.

Postes et Télégraphes: Sở Bưu chính và Điện báo, góc Lê Thạch – Đinh Tiên Hoàng.

Banque de l'Indochine: Ngân hàng Đông Dương, trên đường Lí Thái Tổ.

Gare de Hanoi: Ga Hà Nội.

Cie Forestière: Công ti Lâm nghiệp, góc Trần Hưng Đạo – Yết Kiêu.

Cie du Yunnan: Công ti Đường sắt Vân Nam, trên đường Trần Hưng Đạo, nay là trụ sở Tổng Công đoàn Việt Nam.

Imprimerie d'Etrême-Orient: Nhà in Viễn Đông (nhân dân thường gọi tắt là nhà in IDEO), trên phố Tràng Tiền, từng là Nhà in báo Nhân Dân.

Union Cie Indochinoise: tòa nhà bách hóa GODA, chạy dọc phố Hàng Bài, từ đầu phố Tràng Tiền tới phố Hai Bà Trưng, nay là Tràng Tiền Plaza.

Denis frères (Hongkong Schanghai Bank): ngân hàng ở đầu phố Tràng Tiền.

Charrière et Cie: cửa hàng kim khí-điện máy, đầu phố Tràng Tiền, với chiếc tháp trông sang Nhà hát Lớn.

Fabrique de poussettes: Xưởng chế tạo xe tay, phố Phan Chu Trinh.

*Société des Distilleries*³¹: Nhà máy rượu, phố Nguyễn Công Trứ.

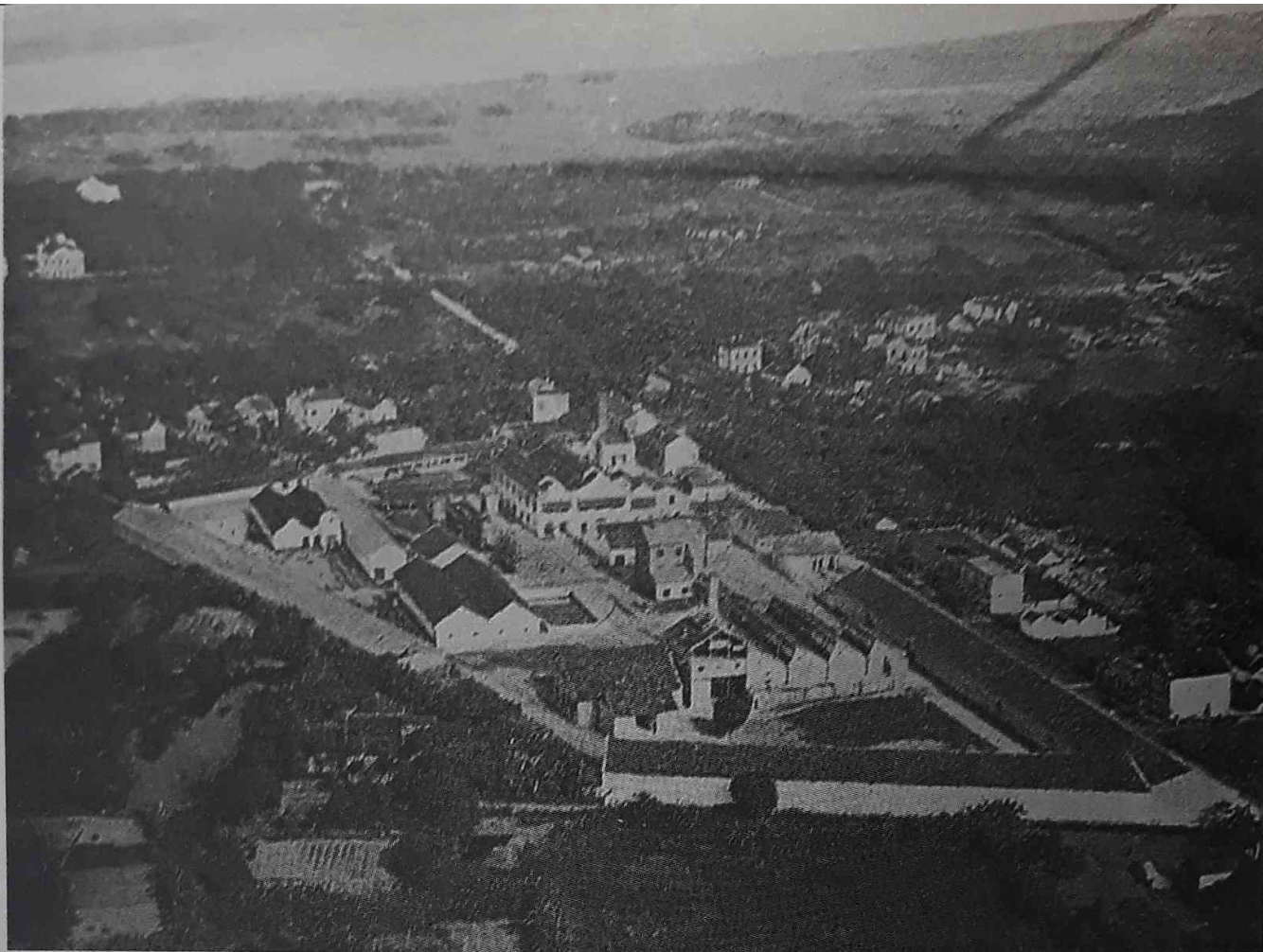
* Môn vẽ trang trí dựa trên các đường, các hình hình học

³¹ Công ti này có 4 nhà máy rượu ở: Hà Nội, Hải Dương, Nam Định, Chợ Lớn (Bình Tây).



© AU TONKIN. — Les magasins d'approvisionnement à Hanoi. — Arrosage des tonneaux. — (Dessin de M. de HARNET, d'après une photographie). ©

Làm mát các thùng rượu trong kho quân tiếp vận
 Nguồn: <http://hanoilavie.com>



▼ Nhà máy nước Yên Phụ

Nguồn: <http://www.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Đây là Nhà máy nước đầu tiên của Hà Nội, thành lập năm 1896.

Nguồn nước của nhà máy là nước ngầm. Cơ sở này nay là Nhà máy nước sạch Yên Phụ.

Do sự phát triển của Hà Nội nên người Pháp tiếp tục xây dựng thêm các nhà máy nước Đồn Thủy (1934), Bạch Mai (1936), Ngọc Hà (1939), Ngõ Sĩ Liên (1944), Gia Lâm (1954).

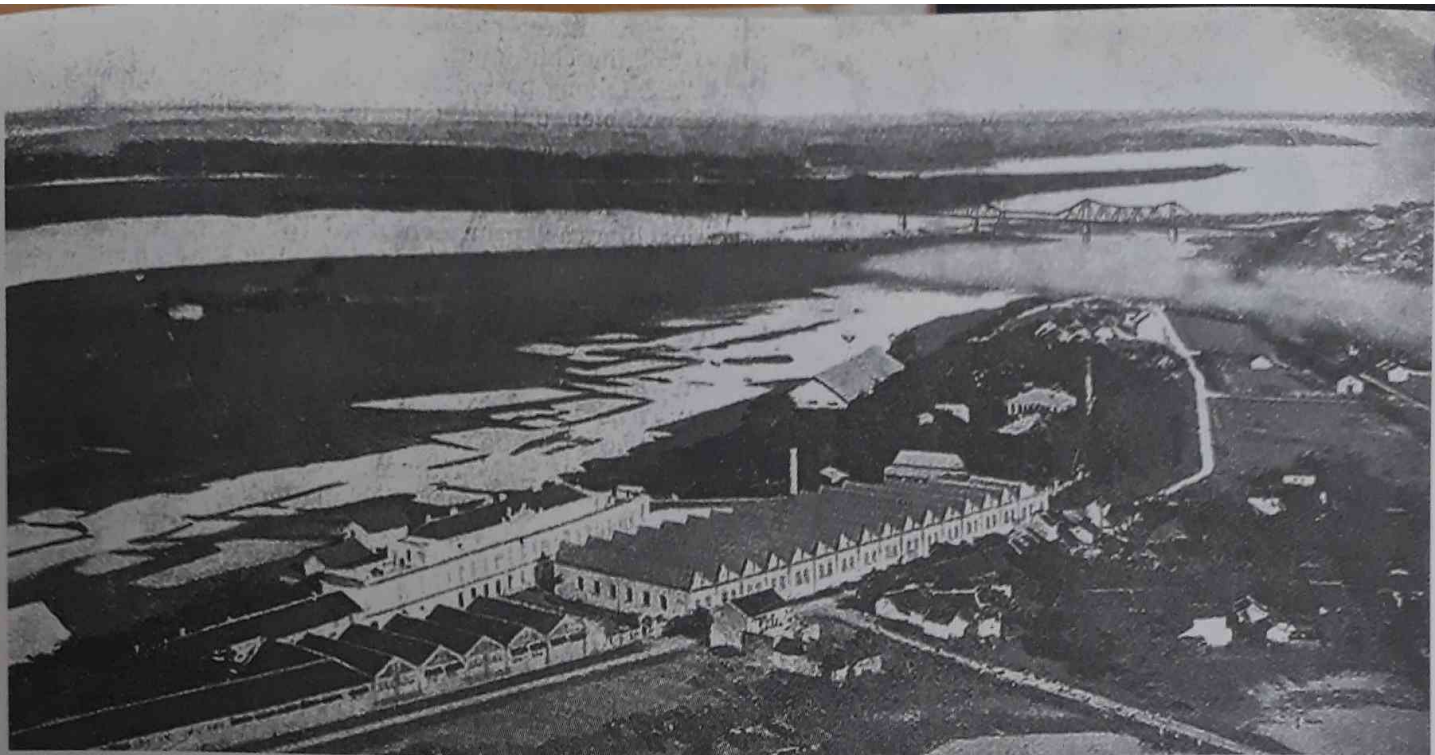
▲ Nhà máy rượu Hà Nội

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Con đường chạy ra sông Hồng là đường Nguyễn Công Trứ hiện nay; vuông góc với nó là phố Lò Đúc với các tòa nhà lớn ở bên phải và bên trái ảnh.

Ảnh cho thấy nhà máy chủ yếu nằm dọc theo phố Nguyễn Công Trứ. Ngày nay người ta nói Vodka Lò Đúc của Nhà máy rượu Hà Nội là do trụ sở Công ti nằm trên phố Lò Đúc.





▲ Nhà máy thuốc lá

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Nhà máy nằm trên đường Phố Đức Chính, phía sau Nhà máy nước sạch Yên Phụ.

Nhà máy thuốc lá Yên Phụ được thành lập cuối những năm 1890. Đó là một công ti tư nhân. Nhà máy có một dãy nhà một tầng xây hầm. Góc đầu đường Cửa Bắc có một ngôi nhà nhỏ dùng làm nơi làm việc của nhân viên thương chính đánh thuế thuốc lá. Công nhân đa số là phụ nữ.

Sản phẩm của nhà máy là xì gà hộp, thuốc điếu nhãn hiệu Métropole, Favorite. Năm 1929, do khủng hoảng kinh tế, nhà máy thuốc lá phải bán lại cho Nhà in Viễn Đông (IDEO).

▼ Công nhân Nhà máy thuốc lá

Nguồn: <http://indochine-souvenirs.com>





▲ Công nhân Nhà máy thuốc lá

Nguồn: <http://nguyentl.com>

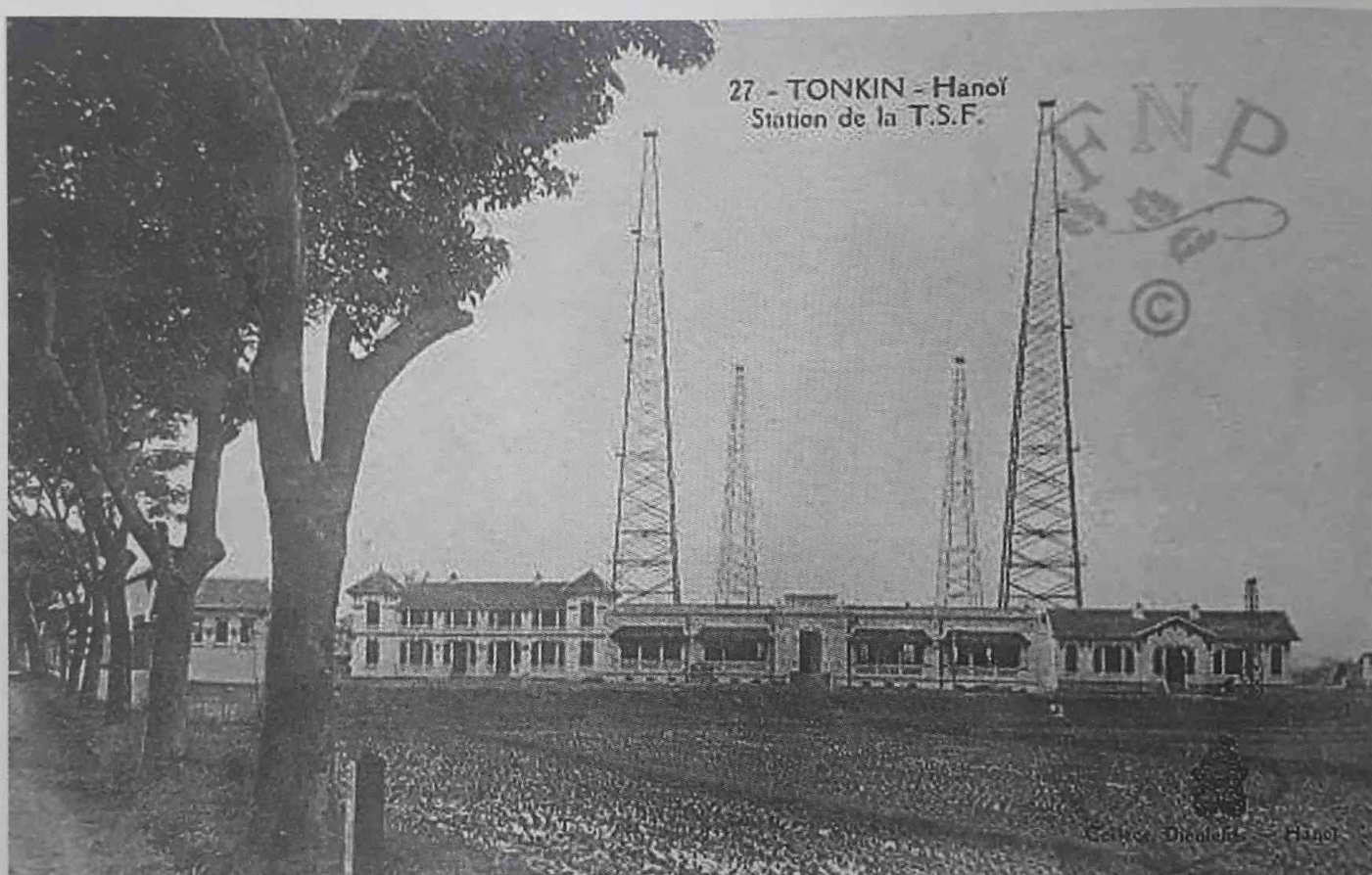
Ghi chú trên ảnh cho biết đây là những nữ công nhân quần xi-gà, nhưng với cung cách trang phục của họ, có thể đoán rằng họ đang thực hiện một lễ hội hoặc tiếp thị liên quan tới thuốc lá.

▼ Ống khói Nhà máy rượu Hà Nội





Ngân hàng Đông Dương, nay là Ngân hàng Nhà nước
Nguồn: <http://www.archivesnationales.culture.gouv.fr>



27 - TONKIN - Hanoi
Station de la T.S.F.

Trạm thu phát sóng vô tuyến điện Bạch Mai
Nguồn: <http://hanoilavie.com>

NHỮNG CUỘC ĐẤU XẢO¹ Ở HÀ NỘI

Tiểu dẫn

• Bài này người dịch biên soạn từ các bài *L'exposition coloniale de Marseille 1906*, *L'exposition Coloniale de 1931*, *L'Indochine lors des autres expositions universelles*, và *L'exposition Hanoi 1902* của trang web <http://belleindochine>. Riêng bài cuối cùng được dịch đầy đủ. Các chú của người dịch.

Hình như sức hút của tay nghề và sản phẩm Hà Nội đối với các đoàn thuyền nước ngoài mấy thế kỉ trước vẫn mạnh mẽ nên mặc dù sau khi bị người Pháp đặt chế độ bảo hộ, Hà Nội và Bắc Kỳ vẫn có những hoạt động thương mại đối ngoại như tham gia các triển lãm quốc tế, tổ chức và mời gọi triển lãm tại Hà Nội.

Triển lãm đầu tiên do Hà Nội tổ chức diễn ra vào tháng 3 và tháng 4 năm 1887 tại dinh Kinh lược mới được xây trong khu vực Trường thi. “Khi khách tới trước Trường thi theo một đại lộ rộng lớn được đặt tên là đại lộ Paul Bert, ngay lập tức hiện ra trước mặt khách là vẻ vui tươi của những bức tường trắng được bao quanh bằng những chậu cây và hoa duyên dáng và

những thảm cỏ... Khi qua cửa, cảnh trí thật quyến rũ. Một lối đi rộng, hai bên trồng các cây như trà, cam, chanh, đào... và hoa như thược dược, cúc, hồng... Suốt con đường, các cây nhiệt đới và ôn đới hòa với nhau rất nghệ thuật và phong phú. Con đường dẫn tới một ngôi chùa trông ra cánh đồng”².

“Có thể tìm thấy các chi tiết của cuộc triển lãm này qua một loạt bài của tờ *l'Avenir du Tonkin* trong các số từ ngày 19-3 tới 23-4-1887. Cái “đỉnh” của triển lãm là đoạn đường sắt Decauville dài mấy trăm mét. Người An Nam nô nức tới xem và sự vui thích của họ “không thể nào tả được”. Trong phóng sự, ta thấy chính Đại úy Joffre được trao nhiệm vụ thiết kế khu nhà và trong số các vật trưng bày có pho tượng Tự do, cầm đuốc chiếu sáng thế giới, hiện đang được đặt tại quảng trường Neyret (Cửa Nam). Cổng vào của Sở Hiến binh hiện nay cũng là một kỷ niệm của cuộc triển lãm. Cổng được xây theo thiết kế của Đại úy Roques”³.

Tiếp theo, tại *Triển lãm hoàn vũ 1889 ở Paris*, người ta thấy có chiếc xe tay của Bắc Kỳ.

¹ Nguyên văn là *Exposition* mà đúng ra phải dịch là *triển lãm* nhưng chúng tôi dùng từ *đấu xảo* như người đương thời dùng.

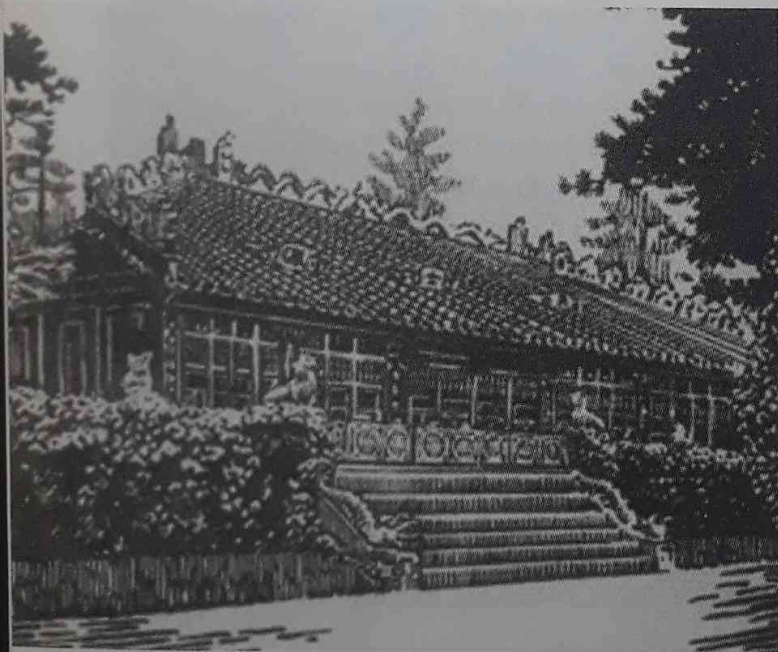
² P. Vial. *Nos premières années au Tonkin*, 1889, trang 137.

³ Masson, *Hanoi pendant la période heroïque*, 1873-1888.



Xe tay của Bắc Kỳ
tại Triển lãm hoàn
vũ 1889 ở Paris

Tại Triển lãm thuộc địa Marseille năm 1906, có một ngôi đình. Đó là một công trình kiến trúc đẹp theo truyền thống Việt Nam, theo mẫu một ngôi đình do tỉnh Thủ Dầu Một tặng trong khu trưng bày của Nam Kỳ; ngôi đình đó còn tham gia Triển lãm thuộc địa Nogent-sur-Marne năm 1907. Sau đó, ngôi đình được chính phủ Pháp mua lại để làm Nhà Tưởng niệm Đông Dương vào năm 1917. Năm 1984, ngôi đình bị bọn tội phạm đốt cháy.



Ngôi đình nằm trong khu triển lãm thuộc địa Marseille

Tại triển lãm, trong khu trưng bày của Bắc Kỳ người ta dựng cả một khu phố Hà Nội.



Khu trưng bày của Bắc Kỳ



Phố Hà Nội trong Khu Bắc Kỳ

Điểm hấp dẫn của triển lãm là những xe tay như một bài thơ: 30 chiếc xe tay giống như xe tay Hà Nội và Sài Gòn do những người phu lực lưỡng kéo sẵn sàng phục vụ khách thăm.



Xe tay Hà Nội

Tại Triển lãm thuộc địa Vincennes⁴ năm 1931, Bắc Kỳ cũng có một khu trưng bày như thông lệ.

Trong số những dấu ấn của Bắc Kỳ và Hà Nội tại triển lãm có một đám rước thành hoàng ở Bắc Kỳ và đoàn quân nhạc của lính khố xanh.

Tại triển lãm có khu bảo tàng, trong đó ta có thể thấy hình ảnh cô gái Bắc Kỳ trên bức phù điêu ở mặt tiền bảo tàng và bức bình phong của sinh viên Vũ Tiến Chức khoa Trang trí mỹ thuật, Trường Mỹ thuật Hà Nội.



Một gian trong khu Bắc Kỳ

Nguồn:nguyentl.com



Đám rước thành hoàng trong khu Bắc Kỳ

⁴ Chú ý rằng Vincennes không phải là thành phố mà là một khu rừng.



Khu trưng bày của Bắc Kỳ



Đoàn quân nhạc lính khố xanh

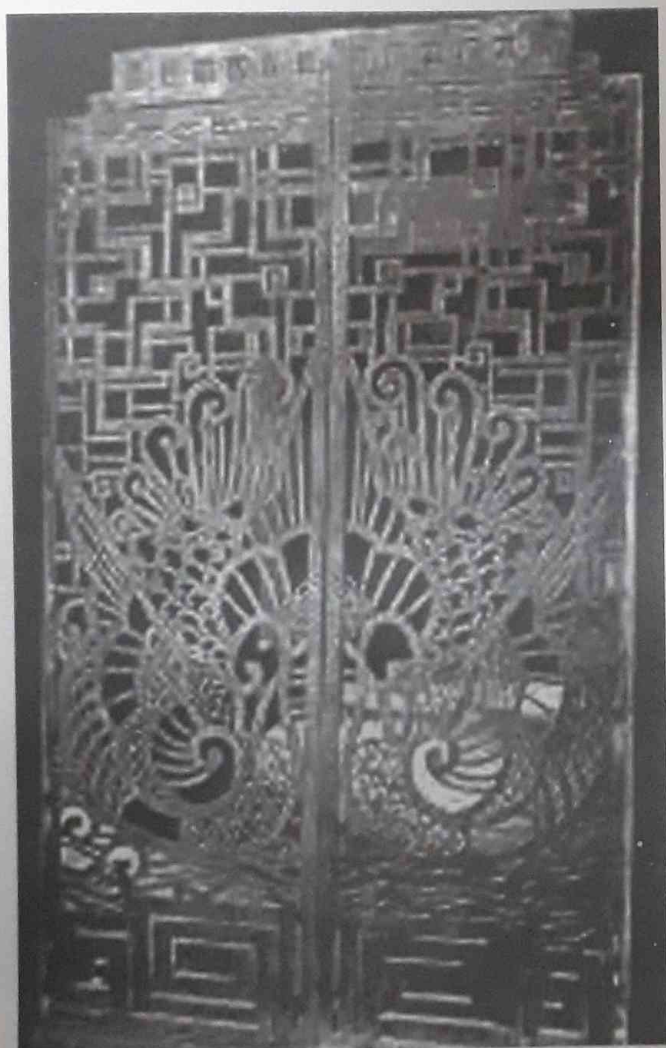


Các diễn viên Việt Nam đi tham quan

Nguồn: nguyentl.com



Cô gái Bắc Kì trên bức phù điêu



Bức bình phong của sinh viên Vũ Tiến Chức

Ngoài ra, còn có một số tranh của Trường Mĩ thuật Hà Nội



Tranh của Trường Mĩ thuật Hà Nội

ĐẤU XẢO HÀ NỘI 1902⁵

Nguồn: <http://belleindochine.free.fr>

Đấu xảo mở cửa từ tháng 11-1902 tới tháng 1-1903. Theo ý của Paul Doumer, Đấu xảo cần phải vinh danh chính sách thực hiện các công trình lớn và hiện đại hóa Đông Dương của ông và được ông theo đuổi trong 4 năm. Với ý nghĩ chủ quan cho rằng Đông Dương đã theo kịp nước Pháp, Đấu xảo của ông đã không thu được sự vinh quang như mong đợi...



Catalogue chính thức của Đấu xảo Hà Nội 1902

Nguồn: <http://belleindochine.free.fr>

“Triển lãm Hà Nội nằm tại vị trí trường đua ngựa cũ, bên cạnh đại lộ Gambetta (Trần Hưng Đạo), gần ga đường sắt. Tại cổng chính, đối diện với phố Richaud (Quán Sứ), người ta bố trí một vòng xoay đường kính 70m.

⁵ Bài này có bổ xung thêm một số ảnh của trang web <http://hanoilavie.com>.

Tại trung tâm là cụm tượng nước Pháp với tác phẩm của nhà điêu khắc Théodore Rivière. Từ cổng chính đi sâu vào 130m là tòa nhà trung tâm, với mặt tiền rộng 100m, được xây dựng giữa một công viên mênh mông.

Hai bên tòa nhà trung tâm, người ta xây dựng hai dãy nhà là các gian trưng bày được xây dựng theo mẫu và theo những phong cách khác nhau.

Các dãy nhà và các gian trưng bày sản phẩm của nước Pháp và các thuộc địa, cũng như sản phẩm của các nước phía Nam vùng Viễn Đông như Philippin, Mã Lai, Malacca, Ấn Độ thuộc Anh, Xiêm, Diên Điện... Phía sau tòa nhà trung tâm là các gian của các nước phía Bắc vùng Viễn Đông như Trung Quốc, Nhật, Cao Ly, Đài Loan...



Toàn cảnh khu Đấu xảo

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Người kí tên vào bản vẽ khu Đấu xảo là André Bussy, cựu sinh viên trường Mỹ thuật Paris. Mượn ý tưởng của tòa Petit Palais được xây dựng ở Paris hai năm trước đó, ông cho mặt tiền của tòa nhà chính nổi hẳn lên với hàng cột dài hàng trăm mét.

Suốt 40 năm, dưới vòm tòa nhà chính đã diễn ra nhiều hội chợ thương mại và công nghiệp của Hà Nội.

Bức không ảnh cho thấy đây là một ảnh chụp muộn hơn 1902, vì trước 1913 chưa có máy bay trên bầu trời Hà Nội. Khu vực này bị bom Mĩ san bằng vào năm 1943 với 3.000 người thiệt mạng. Hiện nay khu vực này Cung Văn hóa Hữu nghị Việt – Xô.

Phía ngoài Đấu xảo là thành phố Hà Nội với khu phố kiểu châu Âu tươi cười, duyên dáng với những đường phố rộng lớn, hai bên trồng cây to, những đại lộ được đèn điện chiếu sáng, và khu phố bản xứ đẹp đến

bí ẩn, với những người thợ An Nam cùng thương nhân Tàu chen chúc nhau; tất cả làm thành một sự lộn cuồn còn thú vị hơn.

Những con đường huyết mạch của thành phố được đan thêm một mạng xe điện hoàn chỉnh nối trung tâm thành phố với các làng ven đô.

Lễ khai mạc Đấu xảo được mở đầu trước đó bằng những lễ hội lớn và vui tươi vào các ngày 26 và 28 tháng 2-1902. Ngày 26-2-1902, trước sự hiện diện của

Hoàng đế An Nam Thành Thái trong đại sảnh của tòa nhà chính, Toàn quyền Paul Doumer đã long trọng trao các huy hiệu cho một số người bản xứ đặc biệt nổi bật trong việc hoàn thiện một số ngành công nghiệp và nghệ thuật.

Hai ngày sau, diễn ra lễ khánh thành cầu Doumer và đường sắt nối Hà Nội với cảng Hải Phòng.

4.000 người tham dự Đấu xảo sẽ bảo đảm sự thành công của Đấu xảo”.



Một bích chương của Đấu xảo
Nguồn: <http://belleindochine.free.fr>

ĐẤU XẢO HÀ NỘI DƯỚI MẮT JEAN AJALBERT

Trích *Les destinées de l'Indochine*, 1911

Công trình của Paul Doumer

Và thế là Đấu xảo 1902.

Giới báo chí, giới nghị sĩ được mời. Những chuyến tàu du chơi được tổ chức. Những chuyến du hành sang Đông Dương dường như chỉ là những chuyến đi dạo nhẹ nhàng... Những con tàu viễn dương neo tại cảng. Các nghị sĩ không bỏ rơi các cử tri của mình; chỉ có giới báo chí bỏ rơi họ, trong một phái đoàn khoảng hai mươi người, chỉ có 3 nhà báo...

Đó là cuộc Đấu xảo của ông Paul Doumer: ông ta đã về Paris⁶. Với thái độ ít nhiều thờ ơ của những nhà cai trị mới đối với việc theo đuổi chính sách vinh danh của người tiền nhiệm, Đấu xảo đã mở cửa theo thủ tục, không hơn không kém [...].

Phải chăng cuộc Đấu xảo chết yểu này ít ra cũng để chúng ta in dấu ấn lên đầu óc người bản xứ? Than ôi, của vào tua tua hàng nghìn thứ cấm đoán đối với một người An Nam mà sự tò mò xô đẩy anh ta tới những gian công nghiệp, thương nghiệp, nghệ thuật Tây phương!

Nếu người đó vào được, ngoài việc bị dẫn đi một cách chặt chẽ theo những con đường định sẵn, sự thần phục

của anh ta thường bị ngắt quãng bởi những sự ngạc nhiên và vị đắng!

Đã có bao nhiêu chủ các gian trưng bày nghĩ tới người An Nam trước khi đóng hòm gửi hàng đi? [...]. Tôi cho rằng gian hàng xa hoa trưng bày những đôi giày păng-túp của bà Bartet và Brandés đã không nghĩ tới việc tạo ra khách hàng ở những con người của đồng ruộng... Hay trước những chai rượu mùi xếp cao thành tháp, làm sao dân bản xứ không nhớ tới thứ quốc tửu sum-sum⁷ ưa thích của họ mà giờ đây họ không thể nấu cũng chẳng được uống nữa, làm sao họ không nghĩ rằng mình đã bị kết án phải uống thứ cồn độc quyền uống đến ghê miệng...

Bê bối ở bộ phận Mỹ thuật Pháp.

Chính tại bộ phận Mỹ thuật đã xảy ra bê bối. Không ngớt có những đám người ngơ ngác hoặc cười ngượng nghịu đứng lại trước một tấm hình khỏa thân hay đồng Duran⁸ [...]. Tất cả những gì trên cơ thể người phụ nữ có thể còn chưa được người An Nam biết [...].

Với sự vô tâm trước vết nhơ đó, người ta đã không dẹp những đám dân bản xứ xô đẩy nhau về phía bức tranh không hợp thời. Vậy không hiểu họ nghĩ gì về những người phụ nữ và những cô gái mặc *cai-ao*⁹ cúc cài tới tận cổ và *cai kouan*¹⁰ giấu chấm mắt cá chân.

[...] Phải chuyển bức tranh đi... Người ta có thể ngại rằng một sự thách thức như vậy đối với phong tục địa phương sẽ làm lan ra những tình cảm không hay đối với sự tôn trọng chúng ta.

Bị ngập và rửa ra

Ôi thế giới thần tiên khốn khổ 1902 mà những cơn mưa phùn đã làm ngập¹¹ chỉ trong có mấy tuần lễ! Phải chăng tòa nhà to lớn như cung điện đã được xây dựng để tồn tại mãi mãi? Nó đổ sập ngay trong cơn bão thứ nhất, làm tiêu tan bộ sưu tập không thể nào quên được của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp.

⁷ Nguyên văn *choum choum*, chỉ rượu do nhân dân ta tự nấu. Thuật ngữ này rất phổ biến trong văn chương thuộc địa, nhưng chính người Pháp cũng thừa nhận họ không rõ xuất xứ; chúng tôi nghĩ có thể xuất phát từ các binh lính Pháp.

⁸ Một loại tiền kim loại.

⁹ Như nguyên văn; xin hiểu là *cái áo*.

¹⁰ Như nguyên văn; xin hiểu là *cái quần*.

¹¹ Chắc khu Đấu xảo lúc đó



Một bích chương của Đấu xảo

Nguồn: <http://belleindochine.free.fr>

⁶ Sau khi khánh thành chiếc cầu mang tên mình, Paul Doumer hết nhiệm kỳ, phải về Pháp; sau đó ít lâu, trở thành tổng thống.

TƯ LIỆU ẢNH:

TRIỂN LÃM HÀ NỘI 1902

東洋大法國

河內闢巧一千九百二年至 千九百

三年局內與安南遊樂

©一千九百三年正月十八號主日

早九點闢腳踏車起行自局內正堂定有四賞項

貳拾五

元 拾五元

拾元

五元限十五忽內

早十點

緣繩

關棍

晚三點半關手即有人坐車上在正堂後

定有三賞項

肆拾元

貳拾五元

拾元

晚四

點

食芭蕉

吞繩在正堂後限二十忽內定有六賞項

貳拾元

拾五元

拾元

捌元

陸元

叁元

夕八點至十點大清人演戲坊內男女共七十人

第二日即西正月十九日

早十點夾近麻尼坊之旁

試美人與醜人乃是南人每項賞二份

伍拾元

貳拾

五元

又曠格賞拾五元

晚三點至四點

習救火

兵在局內畫圖局之後

自四點至五點在正堂後試老婦

秉燭趨走賞項肆拾元

©試向背退走賞項拾貳元

一人着白衣一人着黑衣交相手拳賞項拾元

穿水桶賞

貳拾元

交跌與鞦韆賞貳拾元

至五點十五忽發賑

南人內捌拾元

Chương trình Đấu xảo bằng chữ Hán

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

INDO-CHINE FRANÇAISE Exposition de Hanoï en 1902-1903

PROGRAMME DES FÊTES INDIGÈNES

Qui auront lieu dans l'enceinte de l'Exposition

DIMANCHE 18 JANVIER 1903

Matin, à 9 heures. — Course de bicyclettes. — Départ du Grand Palais. — 4 prix: 25, 15, 10 et 5 piastres. — Durée de la course: 15 minutes.

A 10 heures. — Danseurs de cordes, jongleurs. — 4 prix: 25, 15, 10 et 5 piastres.

Soir, à 8 heures 1/2. — Course de pousse-pousse chargés avec obstacles. — Derrière le Grand Palais. — 4 prix: 40, 25, et 10 piastres. — Encouragement: 10 piastres.

A 4 heures. — Grand Match des Mangours de Hanoï et Fieffe. — Derrière le Grand Palais. — Durée du match: 20 minutes. — 6 prix: 20, 15, 10, 8, 6, 3 piastres.

De 8 heures à 10 heures soir

THÉÂTRE CHINOIS

70 Artistes hommes et femmes

LUNDI 19 JANVIER 1903

Matin, à 10 heures. — Prix des sauteuses et du Cercle philippin. — Grand Concours de Beauté et de Laidet. — Encouragement du concours réservé aux indigènes. — Chacun 2 prix: 50, 25 piastres. — Encouragement: 15 piastres.

De 3 heures à 4 heures soir

MANŒUVRES DE POMPIERS
Derrière la Section des Beaux-Arts

Soir, de 4 heures à 5 heures. — Derrière le Grand Palais.

Course de Balda avec torches. — Prix en argent et nature: 40 et 20 francs.

Course sur le Dos. — — — 20 francs.

Lutte du Blanc et du Noir. — — — 10 francs.

Jeu des pommes de terre et des noix. — — — 20 francs.

A 5 heures. — Concours de lutte et de gymnastique. — Prix: 20 piastres.

A 5 heures 1/4. — Distribution de prix aux indigènes: 40 piastres.

Chương trình Đấu xảo bằng chữ Pháp

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Lược dịch:

Đông Dương thuộc Pháp

Đấu xảo Hà Nội 1902-1903

Chương trình các lễ hội cho dân chúng diễn ra trong khu Đấu xảo

Chủ nhật 18-1-1903

9 giờ sáng¹²: thi xe đạp — xuất phát từ tòa nhà chính — 4 giải: 25, 15, 10 và 5 đồng — thời gian thi: 15 phút.

10 giờ sáng: nhảy dây, tung hứng — 4 giải: 25, 15, 10 và 5 đồng.

3 giờ rưỡi chiều: đua xe tay chở người — phía sau tòa nhà chính — 3 giải: 40, 25 và 20 đồng, giải khuyến khích: 10 đồng.

4 giờ chiều: thi ăn chuối và leo dây — ở phía sau tòa nhà chính — thời gian thi: 20 phút — 6 giải: 25, 15, 10, 8, 6 và 3 đồng.

Từ 8 giờ tới 10 giờ tối: Tuồng — 70 nam nữ nghệ sĩ.

Thứ hai 19-1-1903

10 giờ sáng: gần khu vui chơi và xiếc Philippin — cuộc thi lớn về sắc đẹp và sắc xấu — khu thi dành cho người bản xứ — mỗi cuộc thi có hai giải: 50 và 25 đồng, giải khuyến khích: 15 đồng.

¹² Như bạn đọc sẽ thấy ngay dưới đây lúc đó chưa phổ biến cách viết 9 giờ và 21 giờ như hiện nay.

Từ 3 giờ tới 4 giờ chiều: thao diễn của lính cứu hỏa — phía sau khu Mĩ thuật.

Từ 4 giờ tới 5 giờ chiều: sau tòa nhà chính có:

Thi cầm đuốc chạy — giải thưởng bằng tiền và hiện vật: 40 đồng.

Thi ném ngựa chạy — giải thưởng bằng tiền và hiện vật: 20 đồng.

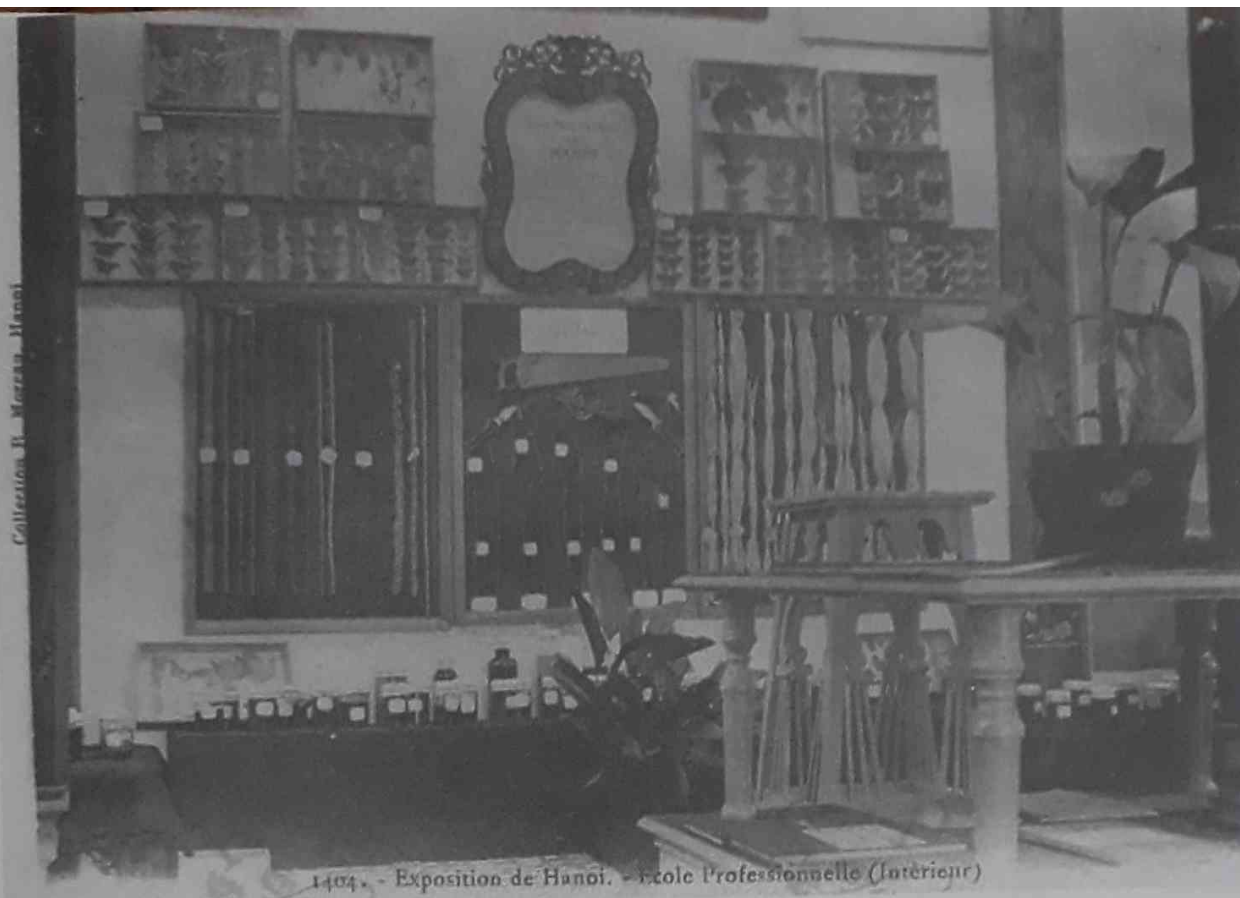
Thi vật¹³ — giải thưởng bằng tiền và hiện vật: 10 đồng.

Thi nhát khoai tây vào rổ — giải thưởng bằng tiền và hiện vật: 20 đồng.

5 giờ chiều: thi vật và thi thể dục — giải thưởng: 20 đồng.

5 giờ 15 chiều: phân phát [nguyên bản không rõ] cho dân chúng: 80 đồng.

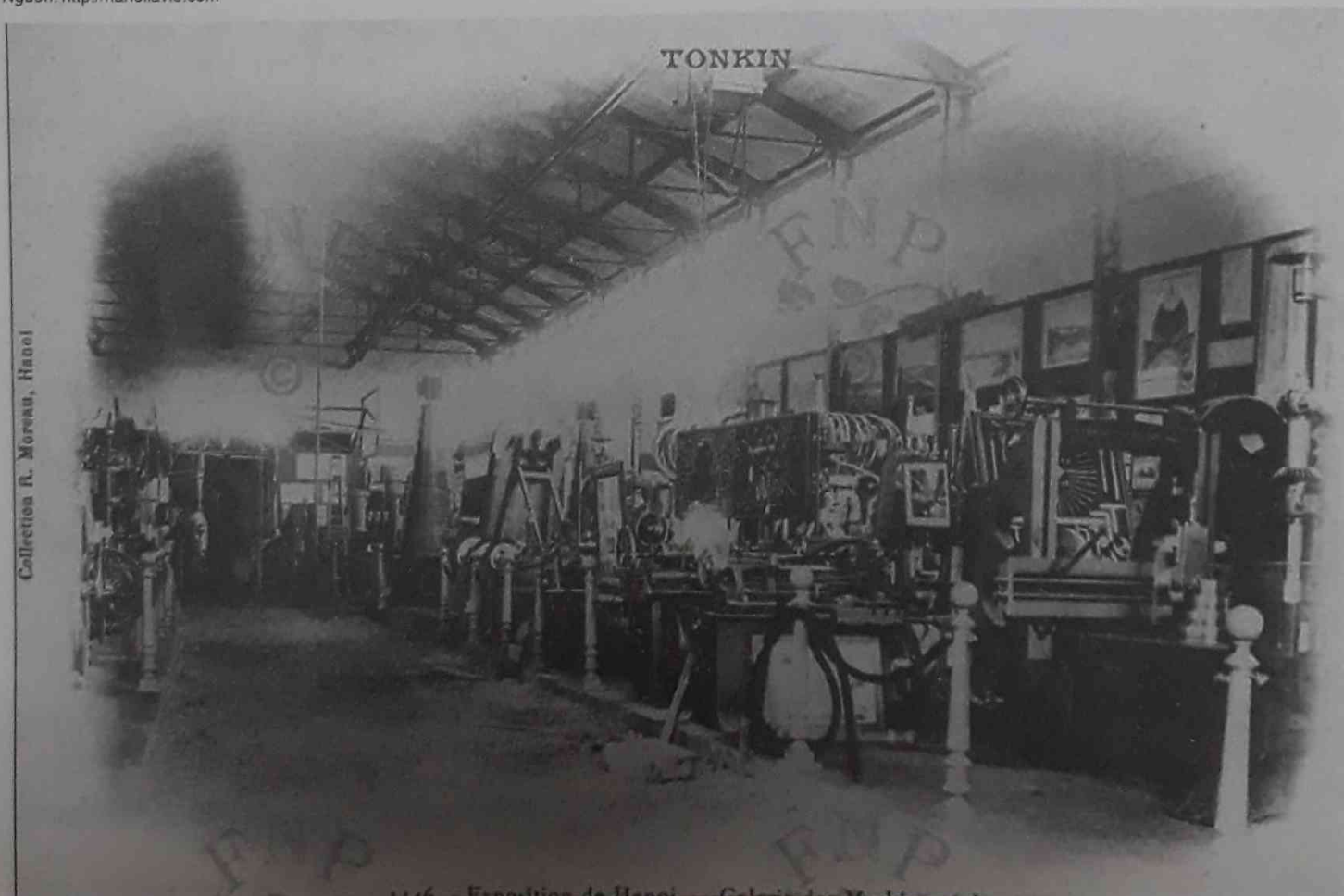
¹³ Tam dịch từ nguyên văn Lutte du Blanc et du Noir.



1404. - Exposition de Hanoi. - Ecole Professionnelle (Intérieur)

▲ Gian của Trường Dạy nghề
Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Gian cơ khí máy móc
Nguồn: <http://hanoilavie.com>



1446. - Exposition de Hanoi. - Colonie du Tonkin

TONKIN

Collection H. Morera, Hanoi



1425. - Exposition de Hanoi. - Annam. - Les Mandarins de la Cour de Hué

▲ Mô hình các quan triều đình trong gian Trung Ki

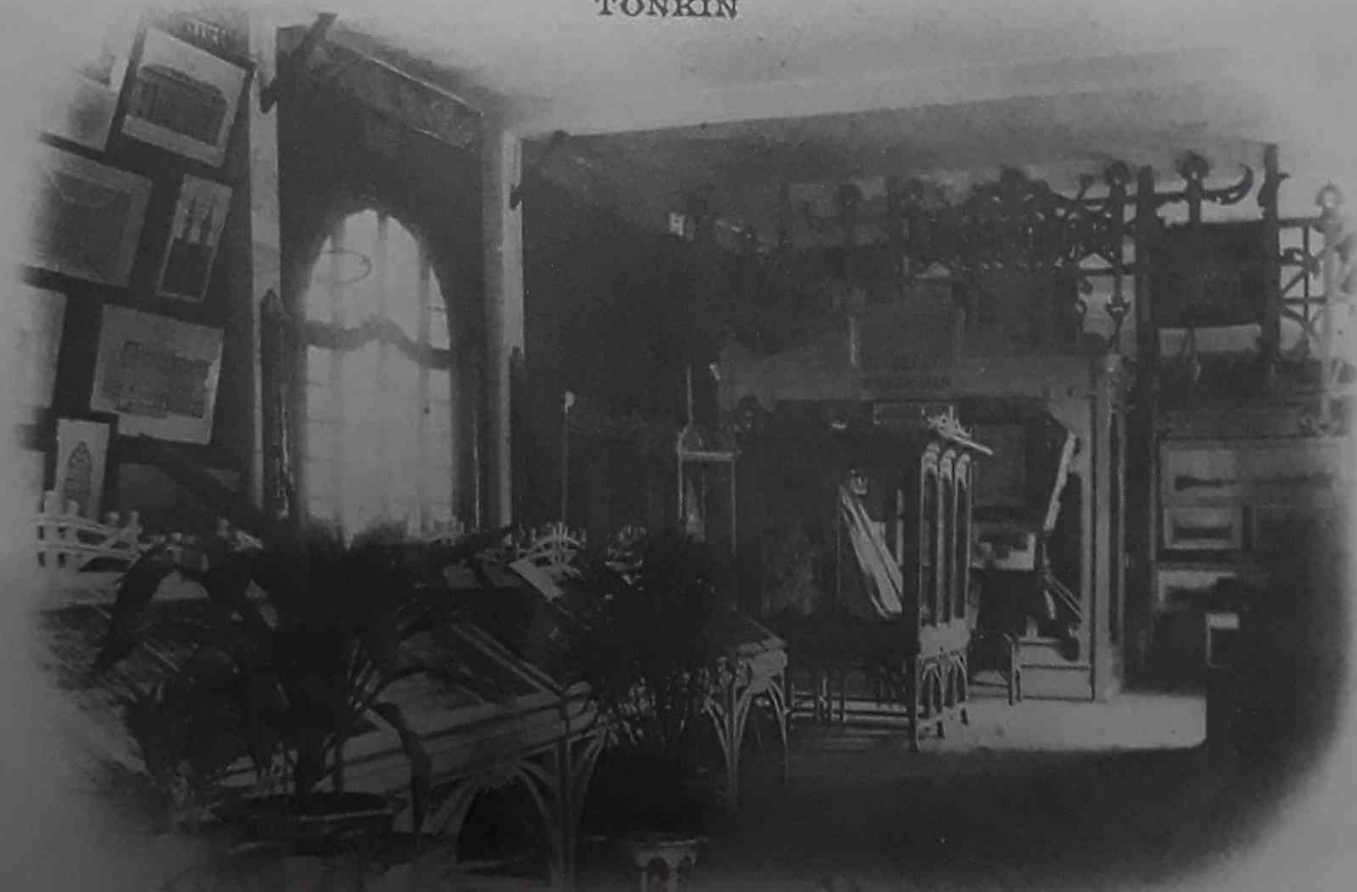
Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Gian Nam Ki

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

TONKIN

Collection H. Morera, Hanoi



1417. - Exposition de Hanoi. - Cochinchine (1)



1439. - Exposition de Hanoi. - Chine (1)

▲ Gian Trung Quốc (1)
Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Gian Trung Quốc (2)
Nguồn: <http://hanoilavie.com>

1444. - Exposition de Hanoi. - Shang-Hai (Zi Ka-Wei) (3)



TONKIN

Collection R. Moreau, Hanoi



1411. - Exposition de Hanoi. - Iles Philippines (5)

▲ Gian Philippin (1)

Ngũn: <http://hanoilavie.com>

▼ Gian Philippin (2)

Ngũn: <http://hanoilavie.com>

TONKIN

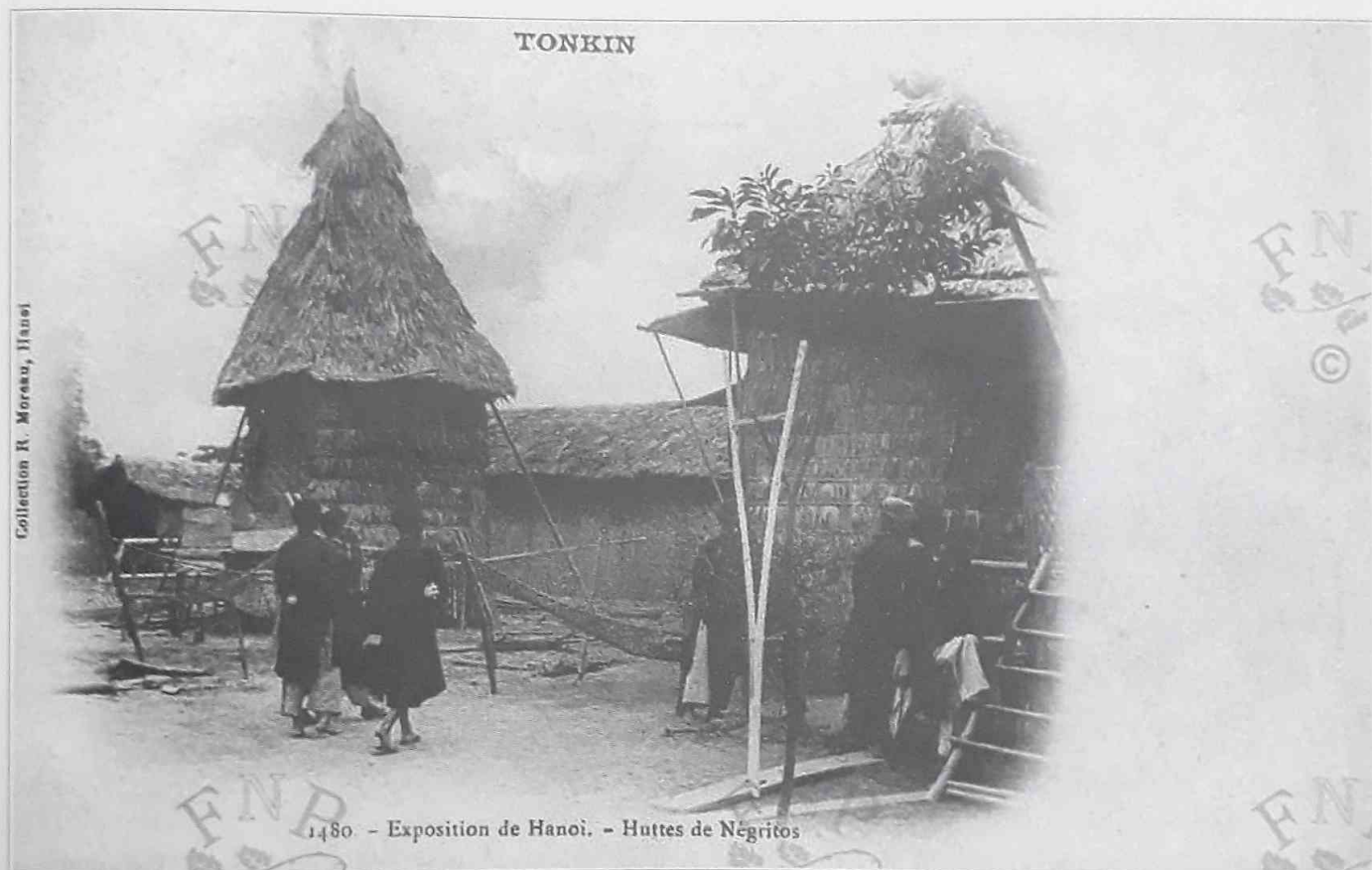
Collection R. Moreau, Hanoi



1411. - Exposition de Hanoi. - Iles Philippines (7)

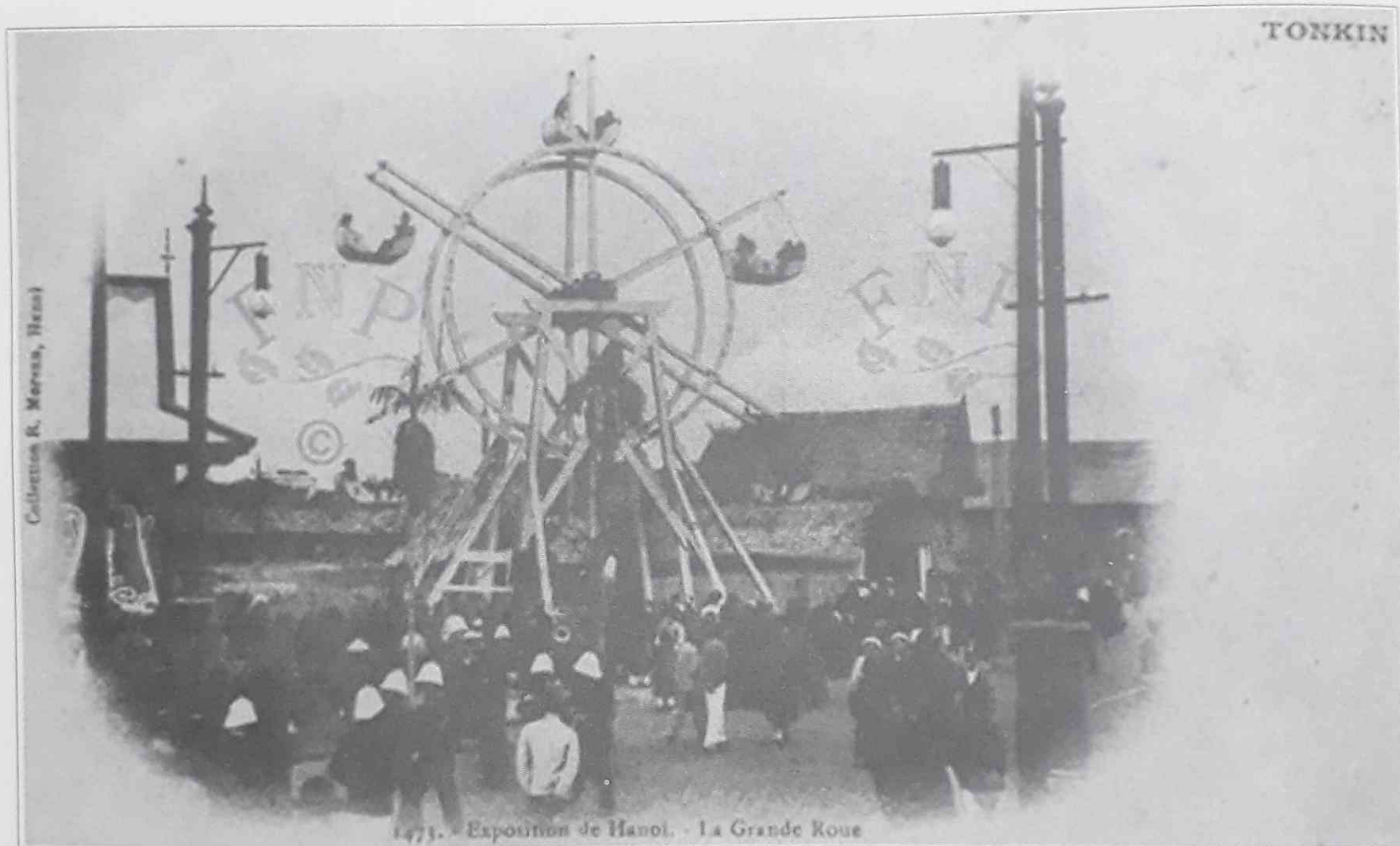


Glan Cao Li
 Nguồn: <http://hanoilavie.com>



Gian Phi châu
 Nguồn: <http://hanoilavie.com>

TONKIN



Đu quay

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Ô TÔ HÀ NỘI

Tạp chí Nature, 1928

Tiểu dẫn

Bài dưới đây có tiêu đề *L'automobile en Indochine* trên trang web <http://belleindochine.free.fr>, bản thân bài này lại là một bài của tạp san *Nature*, xuất bản năm 1928. Tuy là một bài tổng quan về toàn Đông Dương nhưng có nhiều phần liên quan tới Hà Nội nên chúng tôi dịch giới thiệu bài này nhưng có sắp xếp lại và có thêm một số ảnh. Ngoài ô tô, chúng tôi có đưa thêm một số hình ảnh về tàu điện và chú giải.

Ô TÔ TRÊN XỨ ĐÔNG DƯƠNG

Trước khi nói về ô tô Hà Nội, ta nên có vài dòng về ô tô Đông Dương vì đây cũng là một vấn đề lý thú và có nhiều hình ảnh phong phú.

Năm 1926, có 10.299 xe hơi đăng kí trên toàn cõi Đông Dương, trong đó Nam Kỳ có 5.678 chiếc, Bắc Kỳ 2.866 chiếc, Trung Kỳ 966 chiếc, Campuchia 686 chiếc, và Lào 106 chiếc.

Tổng số xe trên phân loại như sau: 7.479 xe du lịch, 1.532 xe tải, 1.288 mô tô. Phần lớn xe tải dùng để vận chuyển công cộng. Càng ngày càng có nhiều người bản xứ đi chuyển bằng xe hơi; kết quả là có một sự gia tăng kì diệu các xí nghiệp vận chuyển hành khách bằng xe buýt. Một vài con số minh chứng điều này: năm 1921 ở

Nam Kỳ có 245 xí nghiệp vận chuyển hành khách với 649 đầu xe thì năm 1925 có 513 xí nghiệp với 1.075 đầu xe.

Năm 1915, giá một chiếc ô tô nhập khẩu chỉ có 1 triệu franc, năm 1920, giá lên tới 33 triệu franc. Giá tụt xuống còn 13 triệu vào năm 1921 do việc xe nước ngoài¹ phải chịu thuế 50%. Giá xe tăng nhanh có lợi cho xe Pháp sản xuất.

Năm 1927, Đông Dương nhập 2.092 xe du lịch với tổng trị giá 55 triệu francs, 452 xe phục vụ thương mại tổng trị giá 14,1 triệu franc.

Ở Đông Dương, cũng như ở mọi nơi trên thế giới, sự phát triển nhanh chóng của ô tô đã làm giảm thu nhập của ngành đường sắt. Nhưng từ năm 1926, ngành đường sắt đã thoát ra khỏi sự bế tắc bằng cách hạ giá vé hạng tư trên các tuyến đường ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Từ đó, người ta nhận thấy có một sự gia tăng số người đi lại bằng đường sắt nhưng không thấy số người đi lại bằng xe hơi giảm đáng kể.

Hậu quả của việc phát triển đi lại bằng ô tô là nhiều xứ trong liên bang buộc phải cải thiện hệ thống tỉnh lộ và đường xá địa phương, thay thế các cầu gỗ bằng cầu bê tông cốt thép để các xe tải trọng lớn lưu thông.

¹ Tức xe không phải do Pháp sản xuất.

Tại Bắc Kỳ và Trung Kỳ, các con đường lớn thực sự trở thành những đường phố, trên đó lưu thông không ngừng dòng người bản xứ, cả đàn ông lẫn đàn bà gánh hoặc gùi những kiện hàng thường rất nặng. Ven các đô thị, hình thức vận chuyển đó được thay bằng những chiếc xe cút kít hoặc xe trâu, xe bò, xe ngựa.

Xe tay là thành phần chính góp phần làm tắc nghẽn giao thông, chưa nói tới voi trên các đường phố Campuchia.

Sự phát triển của giao thông đã không làm các kĩ sư của chúng ta bất ngờ. Chú ý rằng chiều dài của hệ thống đường xá Đông Dương đã tăng lên ba lần trong chưa đầy 15 năm. Điều đó cho ta thấy sự cố gắng của ngành công chính thuộc địa.

Cầu Doumer được mở rộng hai bên cánh đường sắt thành đường cho xe hơi. Năm 1925, người ta thống kê được hàng ngày có 4.756 người đi bộ, 1.184 xe tay, 141 xe ba gác và xe bò, 344 xe đạp, 249 xe ô tô trong đó có 166 xe du lịch, 79 ô tô buýt và 4 xe tải.

Nam Kỳ có hệ thống đường xá tốt nhất.



▼ Xe trong một đồn điền cao su

Nguồn: Album des Planteurs

▲ Xe tải nhỏ trên đường
Krông Pha – Đà Lạt.



Ô tô buýt ở Đà Nẵng.



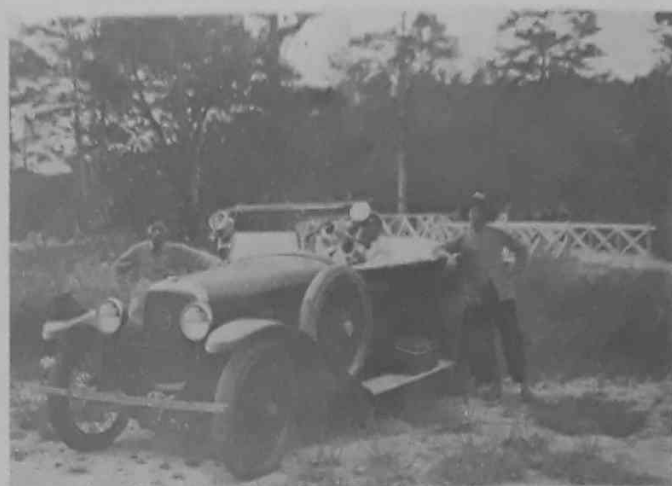
Les bons automobiles
sont les Delanays

Agents
Société Indochinoise de transports S.A.T.
6, Rue Fippin - Saigon

Quảng cáo ô tô năm 1927



Ga-ra ô tô Bannier ở Sài Gòn những năm 1930
(tại vị trí khách sạn Rex hiện nay).



Ô tô trên cao nguyên (2)

Nguồn: <http://nguyentl.com>



Xe ô tô tại ga SCAC ở Finnôm²



Ô tô trên cao nguyên (3)

Nguồn: <http://nguyentl.com>



Ô tô trên cao nguyên (1)

Nguồn: <http://nguyentl.com>



Ô tô trên cao nguyên (4)

Nguồn: <http://nguyentl.com>

² Giao lộ, nơi quốc lộ 20 (Đầu Giấy - Đà Lạt) gặp quốc lộ 27 (Phan Rang - Buôn Ma Thuột).



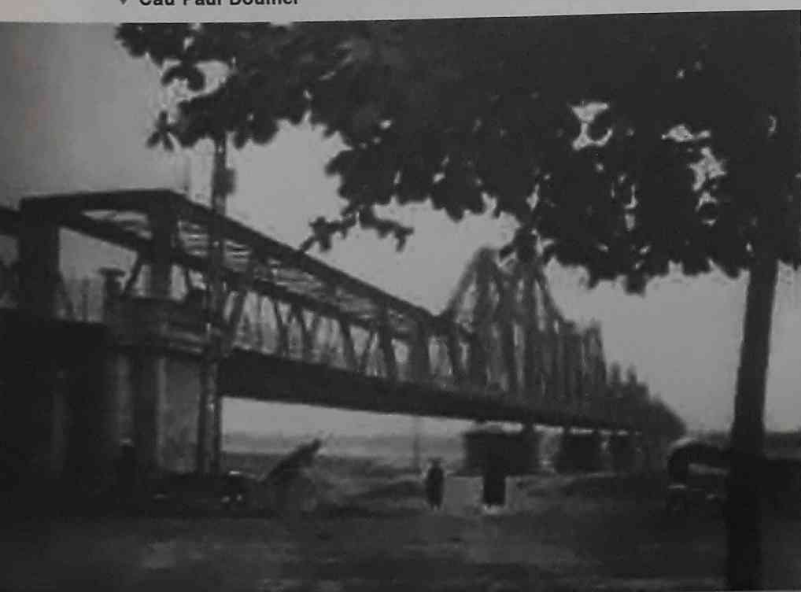
◀ Ô tô thư Sài Gòn - Tây Ninh
Nguồn: <http://nguyentl.com>

► Bìa cuốn sách "Thành phố trong khu rừng ngủ"³
của công tước Montpensier⁴

³ Nguyên văn *La ville au Bois Dormant*.

⁴ Người đầu tiên, xuất phát từ Sài Gòn, tới các khu đền Angkor (Campuchia) bằng xe hơi.

▼ Cầu Paul Doumer



Ô TÔ Ở HÀ NỘI



▲ Xe buýt trên đường Trần Nhật Duật (1)

Nguồn: belleindochine.com

Đối chiếu chiếc cổng chùa sau xe với cổng ngôi chùa ở hình dưới, ta có thể khẳng định chiếc ô tô đỗ trên đường Trần Nhật Duật, quảng ngang Cột Đồng hồ.

▼ Xe buýt trên đường Trần Nhật Duật (2)

Nguồn: belleindochine.com

Đối chiếu chiếc mái ở góc trên bên trái ảnh với chiếc mái ở ảnh dưới có Cột Đồng hồ, ta có thể khẳng định chiếc ô tô đỗ trên đường Trần Nhật Duật, quảng ngang Cột Đồng hồ.





▲ Bến xe buýt quanh Cột Đồng hồ trên đường Trần Nhật Duật (1)

Nguồn: tạp chí Nature, 1928

Nhiều năm trước, Cột Đồng hồ là trung điểm của đoạn đường phía Đông thành phố và gần cầu Long Biên nên tập trung nhiều xe và được các nhà nhiếp ảnh chú ý như thấy trong ba ảnh trên. Các bến xe cũ loanh quanh ven đường tồn tại mãi tới gần đây, tuy hiện nay đã bị đẩy xa tới tận Lương Yên ở phía Nam.

▼ Bến xe buýt quanh Cột Đồng hồ trên đường Trần Nhật Duật (2)

Nguồn: <http://www.36pho.vn>

Lại Cột Đồng hồ! Nhưng tấm ảnh này cũng như trí nhớ của nhiều người cho biết Cột Đồng hồ nằm ở đâu: nó nằm trên tiểu đảo mà bên phải là phố Hàng Tre, bên trái là phố Trần Quang Khải ngày nay. Hiện nay Cột Đồng hồ và tiểu đảo đã nhường chỗ cho vòng xoay cầu Chương Dương.





▼ Một trạm xe buýt gần ga Hà Nội

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Năm 1930, cả Bắc Kỳ có 5.500 xe ô tô, trong đó có 403 xe của 268 doanh nghiệp tư nhân phục vụ giao thông công cộng. Nói chung, khi xe không dùng được nữa, doanh nghiệp thường giải thể do không có tiền đầu tư mới. Sự linh hoạt của của loại hình giao thông này cộng với giá cả mềm khiến nó được dân chúng rất ưa thích

▲ Xưởng bảo dưỡng xe của hãng Indochine-Automobiles ở Hà Nội

Nguồn: <http://www.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Cơ xưởng này gọi là Garage Aviat et Compagnie, nằm tại góc phố Rialan (Phan Chu Trinh) và Gambetta (Trần Hưng Đạo), trông sang Trạm Cứu hỏa hiện nay; tại đây có đại lí ở phía Bắc Việt Nam cho các hãng xe hơi Citroën và Ford, hãng xe máy Solex, động cơ phía trước người ngồi. Sau 1954, cơ sở này trở thành Nhà máy Ô tô 1-5.





▲ Bến xe Bến Nứa

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Bến xe nằm trên đường Yên Phú. Gọi là Bến Nứa vì, trước khi làm bến xe, tre nứa được bày bán dọc theo đê. Chính vì có bến xe ở đây nên phố Hàng Đậu gần đó trở thành phố làm các dịch vụ ô tô như làm lốp, hàn két nước, sạc ác qui... Hiện nay bến xe đã bị giải tỏa để làm chợ đầu mối Long Biên.

▼ Ô tô trên Tam Đảo

Nguồn: <http://hanoilavie.com>



HUMOUR ANNAMITE



Eux aussi ils « tiennent ».

Một tranh biếm họa về ô tô khách năm 1941

Nguồn: Indochine hebdomadaire illustre



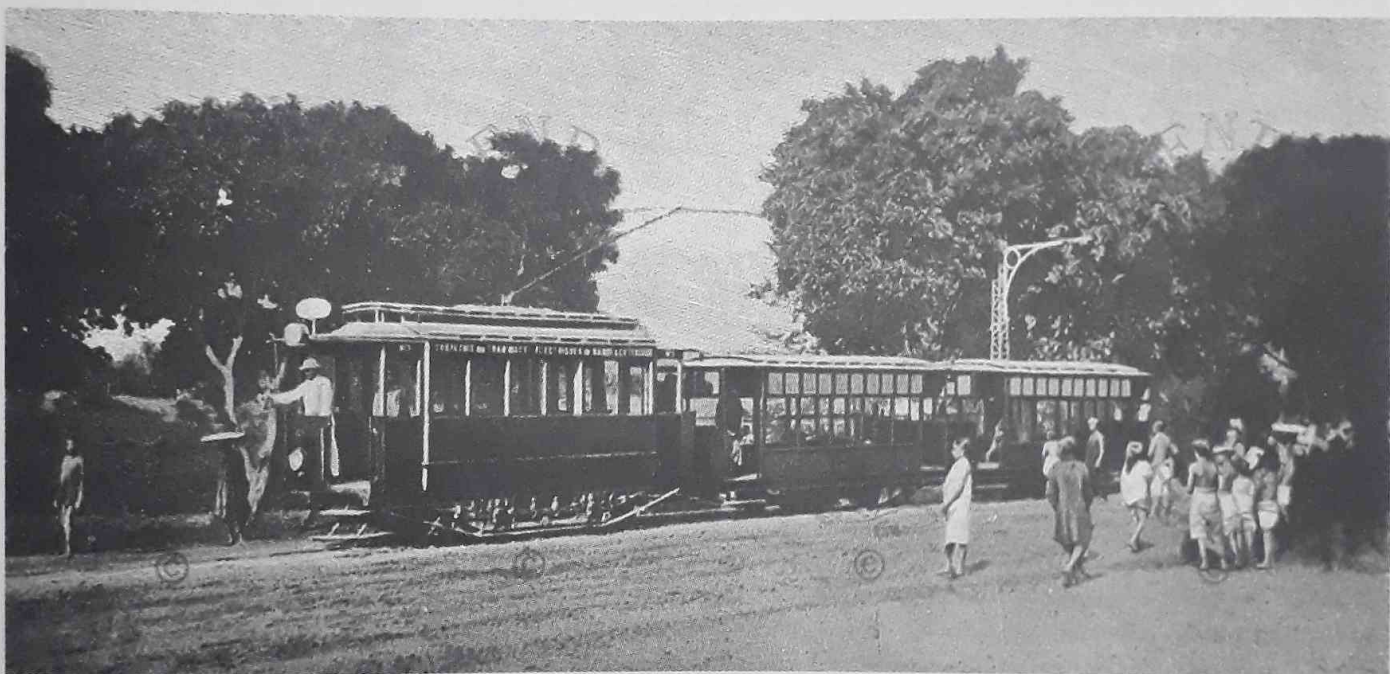
▼ Xưởng xe điện trên đường Thụy Khuê

Nguồn: <http://hanollavie.com>

Từ 5h, từ đây xuất phát các đoàn tàu điện, mỗi đoàn nhiều nhất là hai toa, chạy tới các trục giao thông chính của Hà Nội, với chiều dài tổng cộng khoảng 20km và tâm điểm là bến xe điện Bờ Hồ. Có các tuyến: Bờ Hồ - Chợ Mơ, Bờ Hồ - Cầu Giấy, Bờ Hồ - Hà Đông, Bờ Hồ - Bưởi, Bạch Mai - Yên Phụ.

▲ Một ga ra ô tô





Xe điện trên đường ra Cầu Giấy

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Dải đất cao sau xe điện gọi là Núi Đất, quãng quanh sử quán Thụy Điển hiện nay. Ảnh cho thấy đây có thể là một chuyến dã ngoại của Pháp kiều.



Lu đường

Ô tô và những con đường..., nhưng sẽ là một thiếu sót lớn nếu quên công sức của các tù nhân

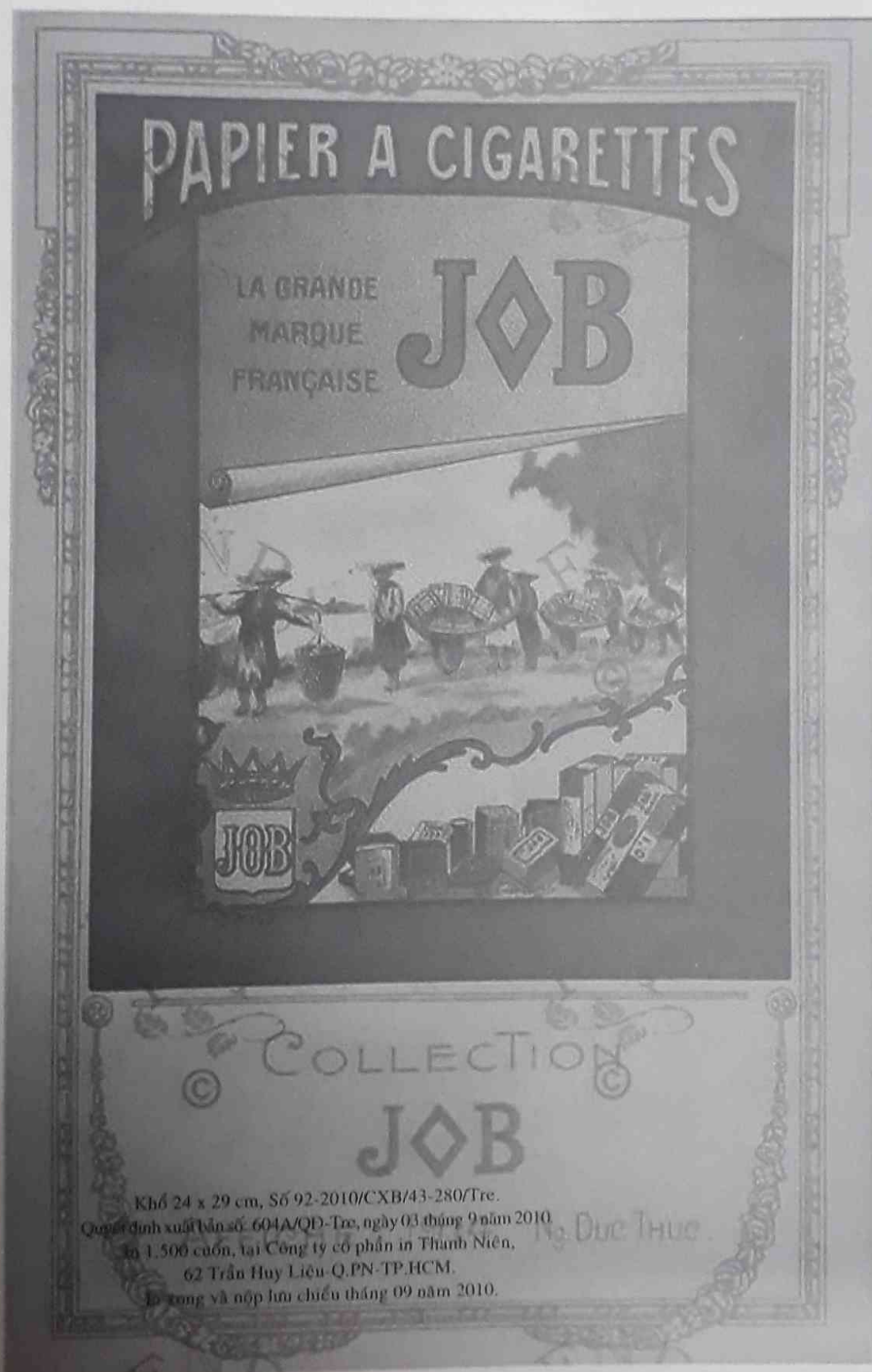
Nguồn: <http://indochine-souvenir>

QUẢNG CÁO Ở HÀ NỘI

Nguồn: các trang quảng cáo

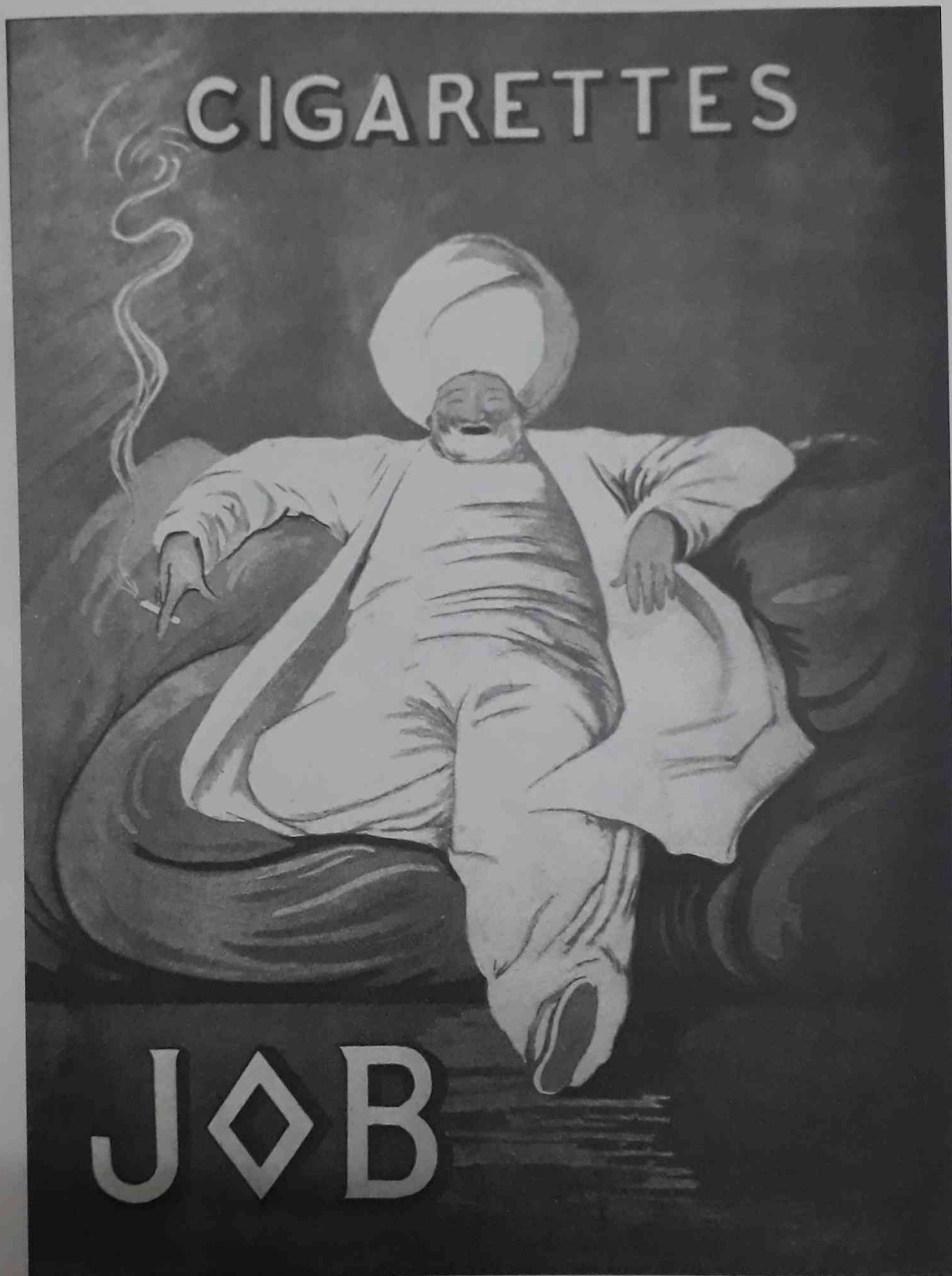
của tập san *Extrême-Asie Revue Indochinoise Illustrée* và <http://belleindochine.com>

Các quảng cáo trên các tờ rơi, bích chương, ấn phẩm... có thể cho ta biết nhiều điều của một đất nước. Dưới đây là quảng cáo một số mặt hàng có mặt tại Hà Nội trước 1954.



Giấy thuốc lá JOB (1)

Áp phích quảng cáo do họa sĩ Ng. Dục Thục vẽ năm 1914



Thuốc lá JOB (2)



SOCIÉTÉ ANONYME DES TUILERIES DE L'INDOCHINE
SAIGON - HANOI

USINES A VAREUX, HANOI & DAP-CAU (TONKIN) - LONG-BUU (COCHINCHINE)
BRIQUES & TUILES MÉCANIQUES DE TOUS MODÈLES - FAITIÈRES - CÉRAMIQUES DE
BATIMENT - ÉMAUX - PRODUITS RÉFRACTAIRES SATIK - BRIQUES - BLOCS - DALLES - CARREAUX
TOUTS MODÈLES SUR DEMANDE

Préciser de mentionner «EXTRÊME-ASIE» en écrivant aux annonceurs.

Công ty sản xuất gạch và ngói Đông Dương

Có hai nhà máy ở Đáp Cầu (Bắc Kỳ) và Long Bửu (Nam Kỳ) sử dụng động cơ hơi nước. Sản phẩm: các kiểu gạch và ngói
sản xuất bằng máy - ngói nóc - sứ trang trí nhà - đồ men - gạch chịu lửa - gạch - khối bê tông - tấm lát - gạch lát nền



Saigon

Grand Magasin Charner

NOUVEAUTÉS
VÊTEMENT
PARURE
ARTICLES DE PARIS
AMEUBLEMENT
ALIMENTATION

Grand Magasin Réunis

Hanoi



SOCIÉTÉ COLONIALE DES GRANDS MAGASINS

Photo de l'illustration « Eclairage-Avis » en dérivant des annonces.

11

Quảng cáo của hai cửa hàng bách hóa lớn nhất Đông Dương

Phần trên giới thiệu cửa hàng Charner ở Sài Gòn, nằm tại chỗ nay là giao điểm Lê Lợi và Nguyễn Huệ. Phần dưới giới thiệu cửa hàng Réunis, nay là Tràng Tiền plaza ở Hà Nội.

Quảng cáo cho biết hai cửa hàng thuộc Société coloniale des Grandes Magasins (Công ty các Cửa hàng lớn ở thuộc địa); bán hàng mới mẻ, quần áo, đồ trang sức, đồ lót, các mặt hàng của Paris, đồ nội thất, thực phẩm; nhưng trên Bản đồ CôngThương nghiệp Hà Nội 1909 cho biết cửa hàng thuộc Union compagnie Indochinoise (Liên minh Công ti Đông Dương).

CREDIT-FONCIER-DE-L'INDOCHINE

SOCIÉTÉ ANONYME AU CAPITAL DE 110.000.000 DE FRS : SIÈGE SOCIAL: 51, RUE D'ANNOU PARIS

PRETS HYPOTHÉCAIRES

PRÊTS SUR IMMEUBLES BATIS ET
SUR TERRAINS NUS - AVANCES
SPÉCIALES POUR CONSTRUCTION
D'IMMEUBLES
PRÊTS SUR RIZIÈRES ET SUR
PLANTATIONS

SAIGON

89,
BOULEV.
DE LA
SOMME

BANGKOK

NEW
ROAD

OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

ACHAT ET VENTE DE TERRAINS
LOCATION DE COMPARTIMENTS
A USAGE D'HABITATION ET
DE MAGASINS - ÉTUDES DE
LOTISSEMENTS ET DE MISE EN
VALEUR DE TERRAINS

HANOI

89,
BOULEV.
FRANCIS
GARNIER

PNOM

PENH

34, BOUL.
DOUDART
DE
LAGRÉE

HAIPHONG

BOULEV.
BONNAL
ET RUE
MARÉCHAL
JOFFRE

BUREAUX D'ARCHITECTES

ÉTABLISSEMENT DE PLANS
ET DEVIS POUR TRAVAUX
SURVEILLANCE DE CHANTIERS
CONTROLE DES PRIX DES TRA-
VAUX ET FOURNITURES RÈ-
GLEMENT DE COMPTES
GÉRANCE ET ENTRETIEN
D'IMMEUBLES - EXPERTISES

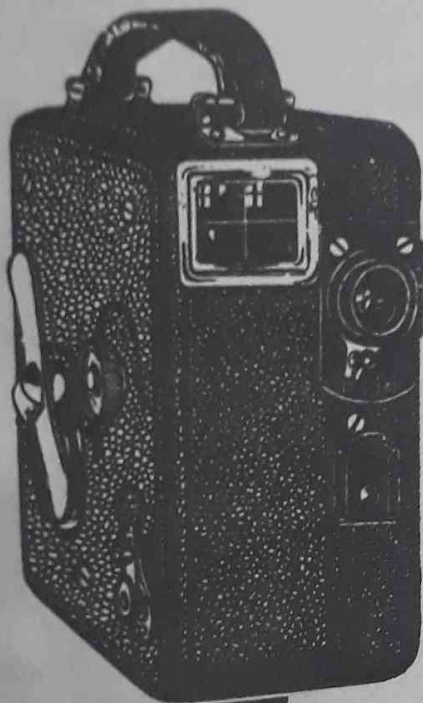
CFI

CFI

Prérez de mentionner « EXTREME-ASIE » en écrivant aux banquiers.

Quảng cáo của Địa ốc Ngân hàng trên đại lộ Francis Garnier (Đinh Tiên Hoàng)

Địa ốc Ngân hàng có các chi nhánh tại Hà Nội, Sài Gòn, Hải Phòng, Bangkok, Phnom Penh; chi nhánh Hà Nội tọa lạc tại 89 Francis Garnier (Đinh Tiên Hoàng), nay là Công ti vàng bạc đá quý. Riêng số 89 dành cho các bạn đọc yêu địa lí lịch sử xem đó có phải là số cuối cùng của phố Đinh Tiên Hoàng hiện nay không. Dịch vụ cầm cố của Ngân hàng nhận cầm cố nhà và nhà gắn với đất, cho vay tiền xây nhà, nhận cầm cố ruộng và đồn điền. Ngân hàng có các dịch vụ bất động sản như mua bán đất, cho thuê nhà ở và cửa hàng, phân lô và xây dựng các mảnh đất. Văn phòng kiến trúc của Ngân hàng có các dịch vụ như thiết kế và dự toán, giám sát công trình, kiểm tra giá công trình và cung ứng vật tư, thanh toán qua tài khoản, quản lí và bảo trì nhà, tư vấn



Avec un appareil photographique, vous conservez quelques tableaux intéressants de vos vacances, de vos voyages. Mais avec un

Motocamera Pathé-Baby

Vous revivez vos Vacances,
Vous refaites vos Voyages,

Chez vous, sans bouger, des années après,
vous verrez se dérouler à vos yeux, des
scènes: Variées — Imprévues —
Soudaine — Vivantes, que le temps avait
depuis longtemps effacées de votre mémoire

Motocamera Pathé-Baby

est un appareil de la plus grande

SIMPLICITÉ

De un mètre à l'infini — Pas de mise au point
Pas d'immobilité à observer — Chargement
es plein jour

Uniquement un bouton à pousser

Prix : 100\$

Mise en vente

et toutes démonstrations aux adresses suivantes:

PATHE-ORIENT

10, Boulevard Charner — SAIGON

DÉPOTS :

GRANDS MAGASINS CHARNER

PHOTO NADAL — SAIGON

ÉTABLISSEMENTS ORPHÉE

9, Boulevard Amiral-Courbet — HAIPHONG

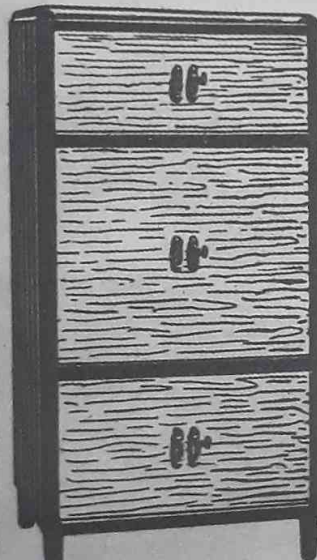
67, Rue Paul-Bert — HANOI

Quảng cáo máy quay phim sách tay Pathé-Baby

Tại Hà Nội, máy bán tại 67, Paul Bert. Pathe-Baby là loại máy đơn giản nhất, quay được các vật từ một mét tới vô cực, không cần hiệu chỉnh, không cần ngắm, nạp phim ngay giữa ban ngày.

Máy giúp bạn, nhiều năm sau, sống lại những kỉ nghỉ hè, những chuyến du ngoạn. Mọi hình ảnh đa dạng, bất ngờ, sống động, bị thời gian xóa nhòa sẽ hiện ra trước mắt bạn.

VOUS AUREZ UNE RÉCEPTION PARFAITE
 en **T.S.F.**
 avec un



TROBODYNE

Courant de 15 à 2600 mètres
 POSTES EN COFFRETS
 MEUBLES, etc.
 FABRICATION IMPECCABLE
 Nombreuses Références

C.A.R.A.C
 40, Rue LA FONTAINE PARIS
 demandez la brochure

Votre réception de T.S.F. Prix 5f
 par CHÉQUE ou en espèces - FRANCO
 C.A.T.A. 1931 - FRANCO

Prêt de matériel "Excellence" en dérivant aux annonceurs

COMPAGNIE FRANÇAISE IMMOBILIÈRE

HANOI - Boulevard Henri-Rivière - HANOI

AU TAM-DAO

**Hôtel de la
Cascade d'Argent**

HOTEL DE SAISON, OUVERT
 DU 15 MAI AU 15 OCTOBRE

APPARTEMENTS A TOUS PRIX:

Depuis \$ 150 par mois.
 Ce prix comprend la pension complète

60 APPARTEMENTS avec l'eau courante
 Cabinet de toilette avec bain

ÉCLAIRAGE ÉLECTRIQUE

Vaste salle-à-manger avec terrasse
 Orchestre symphonique - Cinéma - Téléphone.

**SERVICES PAR CARS DE
LA GARE DE VINH-YÊN**

MÊME DIRECTION

**Grand A HANOI
Hôtel Métropole**

LE PREMIER HOTEL-PALACE DE L'INDOCHINE

**Grand A DOSON
Hôtel de Doson**

**WAGONS-RESTAURANT
NORD-EXPRESS**

Quảng cáo máy thu thanh và quảng cáo của Công ti Bất động sản Pháp

Công ti Bất động sản Pháp giới thiệu Khách sạn Thác Bạc ở Tam Đảo, mỗi mùa hè mở cửa từ ngày 15-5 tới 15-10; có các căn hộ đủ mọi giá, thấp nhất là 150 đồng/tháng - điện nước, toa-lét - phòng ăn rộng rãi, có dàn nhạc giao hưởng, phòng chiếu phim - điện thoại - có xe ca đón từ ga Vinh Yên.
 Công ti còn giới thiệu khách sạn Métropole ở Hà Nội, khách sạn Grand Hôtel ở Đồ Sơn, toa ăn trên tàu hỏa tốc hành lên phía Bắc!..

¹ Nguyên văn Nord-Express; đây là mã số của đoàn tàu nhưng chúng tôi tra cứu được đi Lạng Sơn hay đi Lào Kay.

les radio concerts d'Europe chez vous

T S F

les dernières nouvelles du monde entier...



...sont transmises chaque jour à votre intention par T. S. F., voilà un charme de plus sur lequel on n'a pas assez insisté. Il s'ajoute au plaisir d'écouter chansons nouvelles et sélections d'opéras que nos postes d'émissions diffusent à tout moment, dans les provinces vous vires paisibles, loin des villes si affaiblies mais il vous fait accepter en dépit de la privation du théâtre, des concerts, du cinéma, charmés compensateurs des agglomérations urbaines...

La T. S. F., si bienfaisante et généreuse, vous apportera tous les délassements artistiques, tous les divertissements littéraires, symphoniques et artistiques. Elle vous assure ces plaisirs, ces distractions, ces agréables passe-temps, sans fatigue, sans dépenses supplémentaires. Complétez donc votre home en installant chez vous un poste choisi parmi les meilleurs : nos appareils représentent le dernier mot de la technique moderne. Leurs montages spéciaux vous donneront complète satisfaction car leurs qualités de sensibilité et de pureté sont absolument inégalées.

Tous nos appareils sont garantis contre tout vice initial de construction et leur simplicité de fonctionnement n'a d'égale que celle de leur installation.

Il y a des appareils complets depuis 40 \$ jusqu'à 600 \$.

Notions et catalogues I sont envoyés gratuitement sur demande.

ÉMISSIONS

Tous les jours, sauf le samedi
à 11 heures et à 20 heures

CONCERTS FRANÇAIS, ANNAMITE ET CHINOIS

RADIO-INDOCHINE

SAIGON HAIPHONG HANOI

Prévoir de mentionner « Eclairage-Avis » en écrivant aux annonceurs.

10

Quảng cáo của đài phát thanh RADIO-INDOCHINE

Các buổi hòa nhạc của các đài phát thanh châu Âu, những tin tức thế giới mới nhất sẽ được sóng vô tuyến điện truyền hàng ngày tới bạn. Đó là một sự quyến rũ tự nhiên tới. Thêm vào niềm vui, bạn sẽ được nghe những bài hát mới, những vở nhạc kịch được tuyển kỹ mà đài phát của chúng tôi sẽ truyền vào mọi lúc tới những tỉnh thị bạn đang sống êm đềm nhưng bị tước mất những thú vui của nhà hát, của dân nhạc, của chiếu bóng, những bù đắp quyến rũ cho đám dân thị thành hồi hải. Vô tuyến điện, năng tiên tốt bụng và rộng lượng, sẽ mang cho bạn những phút thư giãn nghệ thuật, những giây phút hưởng thụ văn chương, âm nhạc và nghệ thuật. Vô tuyến điện bảo đảm cho bạn những niềm vui, những giây phút tiêu khiển, giết thời gian một cách dễ chịu mà không mệt mỏi, không phải chịu thêm một chi phí nào. Hãy bổ xung cho gia đình bạn một máy thu vô tuyến điện tốt nhất: máy thu của chúng tôi là máy với công nghệ hiện đại nhất. Kiểu lắp ráp đặc biệt của máy sẽ hoàn toàn thỏa mãn bạn vì độ nhạy của máy và độ trong trẻo của âm thanh tuyệt không máy nào bằng được.

Tất cả các máy của chúng tôi được bảo đảm không có khuyết tật ban đầu, sự vận hành đơn giản của nó chỉ có thể so với việc đặt máy vào nhà bạn.

Chúng tôi có những máy giá từ 40 đồng tới 600 đồng.

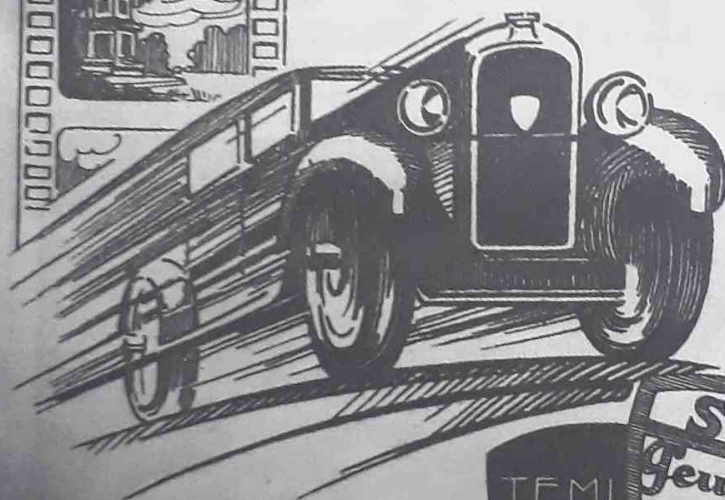
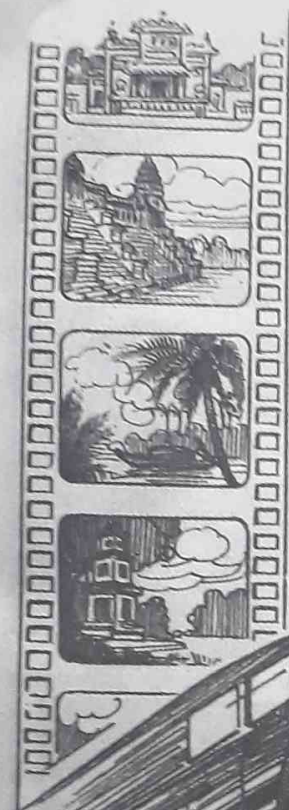
Bản chỉ dẫn và ca-ta-lô sẽ được gửi miễn phí theo yêu cầu.

CÁC BUỔI PHÁT THANH

Tất cả mọi ngày trừ thứ bảy từ 11 giờ tới 20 giờ.

SANS BRUIT..
SANS HEURTS ...
LE FILM MERVEILLEUX
DES BEAUX SITES DE
L'INDOCHINE SE DEROULERA
SOUS VOS YEUX

AVEC LA
12-SIX
Peugeot



TORPEDO OU
CONDUITE INTERIEURE
GRAND LUXE
5 PLACES 4 VITESSES

Prenez de mentionner « EXTRA-ASIE » en écrivant aux annonceurs.

23

Quảng cáo xe du lịch của hãng Peugeot

Với một chiếc Peugeot 12-SIX, những cảnh đẹp của Đông Dương trải ra trước mắt bạn như một cuốn phim.
Xe dạng ngư lôi, bỏ mui được, rất lịch sự, 5 chỗ ngồi, 4 tốc độ.

CITROËN
LA PREMIÈRE VOITURE FRANÇAISE CONSTRUITE EN GRANDE SÉRIE

C4

La
meilleure voiture
pour le
meilleur prix

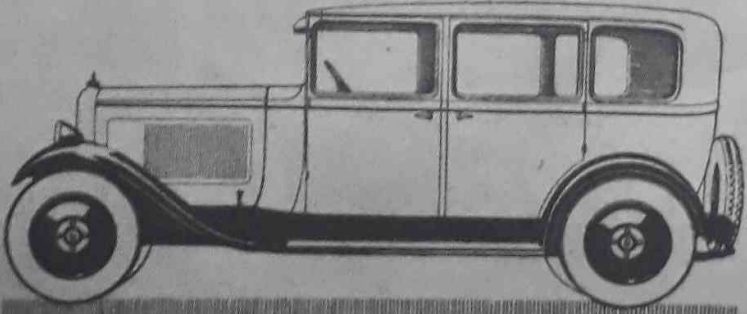


TORPÉDOS
BERLINES
CONDUITES INTÉRIEURES
FAMILIALES
6 PLACES
CABRIOLETS

C6

La
voiture de grand luxe
mise à
la portée de tous

VENTES
AVEC
12
MOIS
DE
CRÉDIT



SANS
AUGMEN-
TATION
DU
PRIX
INITIAL

Agents exclusifs:
Etablissements BAINIER d'Indochine
" AUTO - HALL "

SAIGON

HANOI

PHNOM PENH

Quảng cáo bán trả chậm xe du lịch Citroën

Xe dạng ngư lồi, mui tháo được, cửa kính, tay lái bên trong, dùng cho gia đình - xe Pháp đầu tiên được sản xuất hàng loạt - xe tốt nhất với giá tối ưu - xe rất lịch sự vừa túi tiền nhiều người - bán trả chậm 12 tháng - không tăng giá so với giá ban đầu.



Envoyez 40 cents

à CLARKS, 16, rue Vivienne, Paris
et vous recevrez, franco de tous frais.

LE BRÉVIAIRE DE LA BEAUTÉ

C'est une documentation complète, moderne et précise des soins d'hygiène et de beauté à apporter à la femme.

Ablutions, bains, gymnastique, massages, fards, maquillage, etc..., y sont minutieusement décrits. En outre, ce livre contient 21 hors-texte en héliogravure de Maurice Millière et divers artistes. Concours de beauté de Galveston 1927-1928, 192 pages de texte sous couverture illustrée en couleur, au prix exceptionnel de 40 cents, en timbres-poste de l'Indochine ou des Colonies.

Le demander à M. CLARKS, 16, rue Vivienne, Paris.

LES ÉDITIONS ADYAR — 4, Square Rapp, 4 — PARIS — 7^e —

DANS notre Catalogue, *envoyé franco*, sur simple demande, vous trouverez le plus grand choix des meilleurs ouvrages parus sur

— L'ÉSOTÉRISME — LA LITTÉRATURE ORIENTALE —
LE MYSTICISME — L'OCCULTISME — LES PHILOSOPHIES
LE PSYCHISME — LES RELIGIONS — LA SOCIOLOGIE
LA THÉOSOPHIE. ETC., ETC.

Coloniaux...

LUX HOTEL

qui venez vous installer
à Paris descendez au

8, Avenue Corbera —
135, Rue de Charenton
(Près la gare de Lyon)

vous trouverez à des prix très modiques des chambres avec
grand confort et le moyen d'avoir un appartement meublé ou non

Service de restauration "Excelsior" en écrivant aux annonceurs.

Mĩ phẩm - Ẩn phẩm - Khách sạn

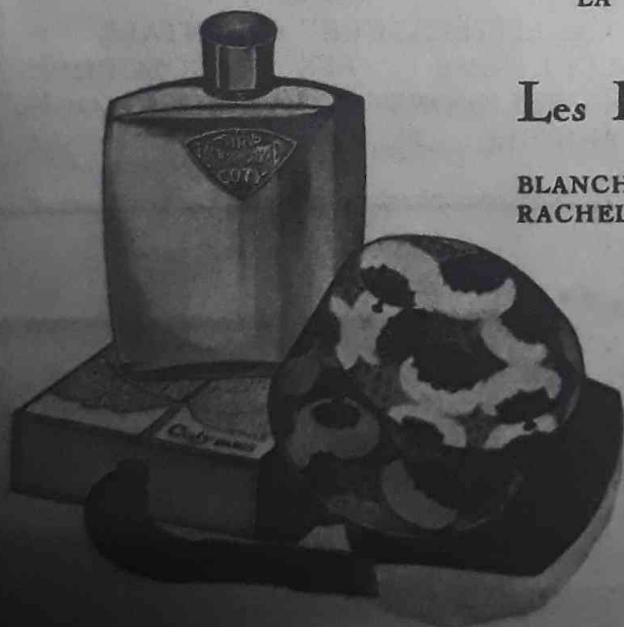


LES PARFUMS COTY

POUR LE MOUCHOIR :

L'ORIGAN - PARIS - L'ÉMERAUDE
LA ROSE JACQUEMINOT
L'OR - CHYPRE
JASMIN DE CORSE
L'AMBRE ANTIQUE - MUGUET
ETC...

DERNIÈRES CRÉATIONS :
LA JACÉE - L'AIMANT



Les Poudres COTY

TEINTES :
BLANCHE - ROSE - NATURELLE
RACHEL - OCRE - OCRE ROSÉE

ROUGES POUR LES LÈVRES

EAUX DE TOILETTE
LOTIONS - SAVONS
EAUX DE COTY
CRÈME - TALC

Ne pas se laisser influencer par les fausses annonces.

Nước hoa và phấn Coty

La
CRÈME NESTLÉ
est exquisite

*avec tous
les fruits*



Kem NESTLÉ's cao nhấ: với hoa quả

SOCIÉTÉ FRANÇAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

SOCIÉTÉ ANONYME AU CAPITAL DE 33 000.000 DE FRANCS

Siège social : PARIS — 10, Rue Le Boétie

DIRECTION POUR LE TONKIN ET LE NORD-ANNAM
55, BOULEVARD GAMBETTA — HANOI

DIRECTION POUR LA COCHINCHINE ET LE CAMBODGE
19, PLACE DU THÉÂTRE — SAIGON

USINES : (TONKIN) HANOI — NAM-DINH — HAIDUONG
(COCHINCHINE) CHOLON (BIEN-TAY)

Adresse Télégraphique : DISTANY



RIZ

ALCOOLS RECTIFIÉS EXTRA-NEUTRES
RHUMS

ALCOOLS DÉNATURÉS POUR L'INDUSTRIE
LE CHAUFFAGE ET L'ÉCLAIRAGE

EAUX-DE-VIE DE RIZ
LIQUEURS INDIGÈNES PARFUMÉES

VINAIGRE

Nhà máy Rượu Hà Nội

Nhà máy rượu Hà Nội (trên phố Nguyễn Công Trứ ngày nay) cùng với các nhà máy rượu Hải Dương, Nam Định, Bình Tây (Chợ Lớn) thuộc Société française des Distilleries de l'Indochine (Công ti Chung cất rượu Đông Dương của Pháp) mà trụ sở chính ở Paris. Sản phẩm: gạo, rượu đường mía, cồn tinh cất cực trung tính, cồn biến tính dùng trong công nghiệp đốt và thấp sáng, rượu trắng dùng nguyên liệu gạo, rượu mùi, dấm

► Cửa hàng kim khí -
điện máy Quảng Hưng
Long ở phố Hàng Bò



QUINCAILLERIE - FERRONNERIE OUTILLAGE

FOURNITURES GÉNÉRALES
pour les Bâtiments, les Mines, les Travaux
Publics, l'Industrie et l'Agriculture

FABRIQUE DE SAVON "MILLE PATTES"
ET DU CRÉSYLINOL

ARTICLES DE MÉNAGE

Lampes à pétrole et à essence "TITUS"
et "COLEMAN"

VINS - SPIRITUEUX
LITS COLONIAUX

S^{te} QUANG - HUNG - LONG

79, Rue des Paniers - HANOI - Tél.: n° 181

DESCOURS & CABAUD PRODUITS MÉTALLURGIQUES

Société Anonyme au Capital de 50.000.000 de Francs.

SIÈGE SOCIAL A LYON

SAIGON - HAIPHONG - HANOI - TOURANE
PNOMPENH - QUINHON - VIENTIANE
MONGTZEU - YUNNANFOU



REPRÉSENTATIONS

Société des Ciments Portland Artificiels de l'Indochine (Ciments du Tonkin). — Société des Chaux Hydrauliques du Lang-Tho (Haï) (Chaux d'Annam). — Société des Établissements Decauville (Matériel de Chemin de Fer). — Société d'Explosifs et de Produits Chimiques (Dynamites et accessoires). — Société de Peinture Française « Le Ripolin » (Peintures Ripolin toutes nuances). — Société Française « Le Métal Déployé » (Grillages pour clôtures). — Société des Établissements « Albaret » (Rouleaux compresseurs). — Société des Peintures sous-marines « Renaudin ». — Compagnie Universelle d'Acétylène et d'Electro-Metallurgie (Carbure de calcium). — Société des Produits Acrotés (Cianamide S. P. A.). — Société des Phosphates du Tonkin (Engrais chimiques). — Société des Poudres de Bayard (Tuyaux « Turquet »). — Société de Minerais et Métaux (Plombs et Miniums). — Coffres-forts « Le Grulois » inébranlables. — Société des Pompes Worthington. — Société « Calor » (Appareils électriques).

Entrepôts généraux des produits MICHELIN



Aciers. Poutrelles. Cornières. Larges-Plats. Tôles. Fils galvanisés. Pointes. Feuillards. Aciers des Ponts. Métaux divers. Tubes chaudières. Tubes cuivre rouge. Tubes laiton. Câbles galvanisés. Chaînes. Rivets. Fontes de Bâtiment. d'Ornements. de Chauffage. de Canalisation. Fibro-Ciment.

Quincaillerie. Robinetterie. Serrurerie. Tailleurie. Boulonnerie. Peintures. Engrais. Cordages. Cuir. Charbon. Coke. Produits chimiques. Vernis. Engrais. — Machines Agricoles. Outillage pour Plantations. Pompes « Lemaire ». « Noël ». « Rousseau ». « Japy ». Matériel d'Entrepreneurs. Articles de Ménage. Machines-Outils. Electricité. Articles d'éclairage. de chauffage. Porcelaine. Verrerie.

◀ Công ti DESCOURS & CABAUD

Công ti có chi nhánh ở nhiều nơi tại
Đông Dương và Mông Tự, Côn Minh; chi
nhánh tại Hà Nội, nằm tại giao điểm
Hàng Khay và Bà Triệu, nay là cơ sở
của một công ty du lịch.

SHELL!

GAGNANTE
TOUJOURS
ET
PARTOUT



GRAND PRIX DES NATIONS
CIRCUIT DE MONTECARLO 1906

1^{re} - Buick gagnant sur Peugeot, son moteur Shell
2^e - Buick gagnant sur Peugeot, son moteur Shell
3^e - Buick gagnant sur Peugeot, son moteur Shell
4^e - Buick gagnant sur Peugeot, son moteur Shell
5^e - Buick gagnant sur Peugeot, son moteur Shell
6^e - Buick gagnant sur Peugeot, son moteur Shell
7^e - Buick gagnant sur Peugeot, son moteur Shell
8^e - Buick gagnant sur Peugeot, son moteur Shell
9^e - Buick gagnant sur Peugeot, son moteur Shell
10^e - Buick gagnant sur Peugeot, son moteur Shell

Toutes les grandes épreuves
sur terre, sur mer, dans l'air
sont gagnées
avec
L'ESSENCE & L'HUILE
SHELL

Quảng cáo xăng dầu của công ti SHELL

Shell! Thắng ở mọi nơi, mọi lúc - Mọi cuộc thi lớn trên bộ, trên biển, trên không thắng được là nhờ xăng và nhớt của Shell.

L'INDOCHINE PITTORESQUE



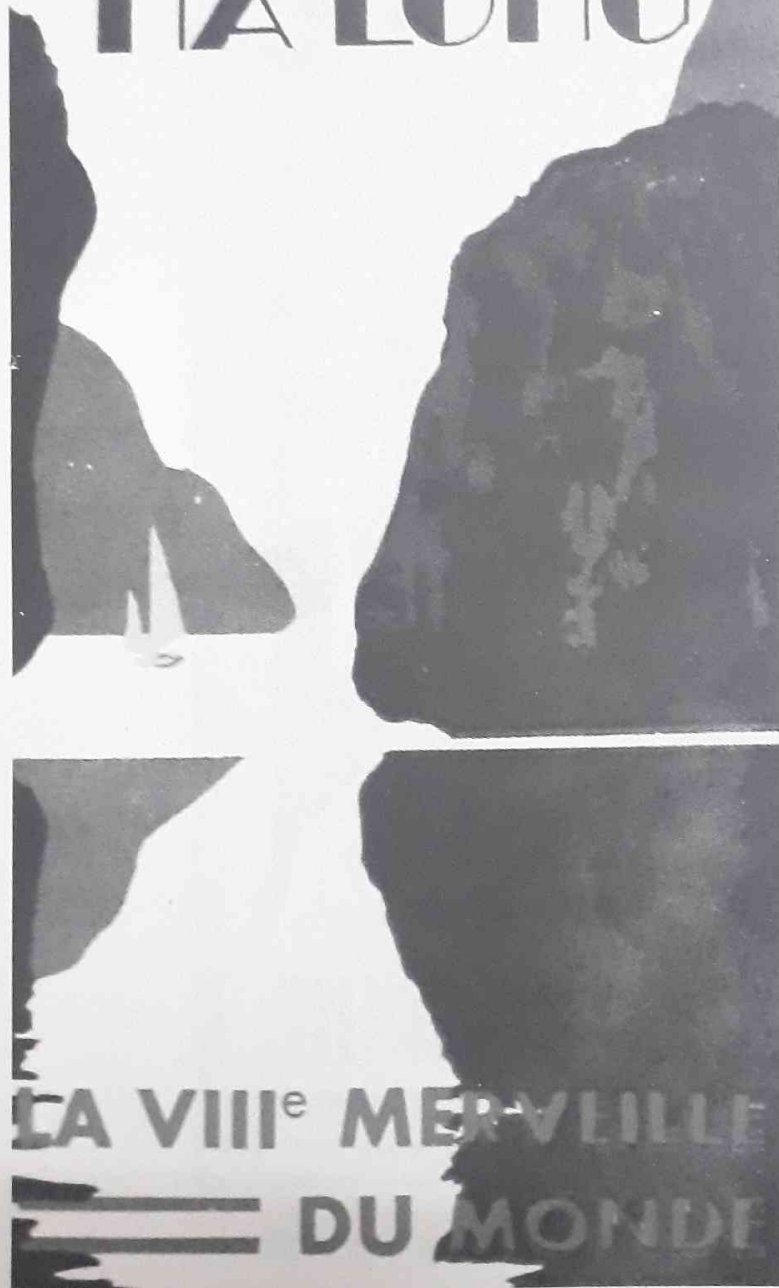
LA ROUTE MANDARINE

ÉDITÉ PAR L'OFFICE CENTRAL DU TOURISME INDOCHINOIS
22, Rue Lagrandière, Saigon.

Quảng cáo du lịch (1)

龍下海

BAIE DE HA-LONG

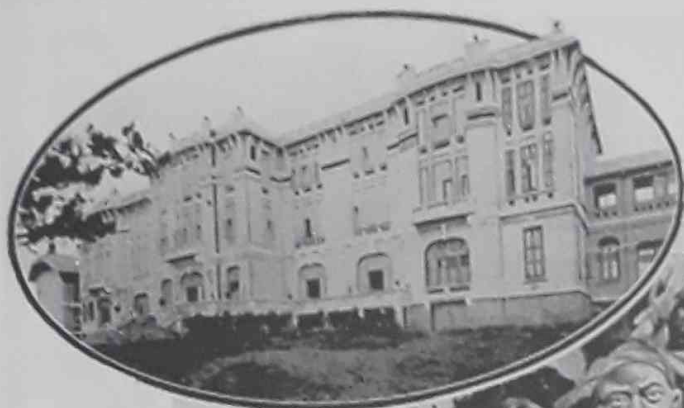


Quảng cáo du lịch (2)



Quảng cáo Du lịch (3)

Điểm chủ ý của tờ quảng cáo là điểm du lịch Tuyên Quang với tháp truyền tin quang học.



SOCIÉTÉ DES GRANDS HOTELS INDOCHINOIS

Quảng cáo Du lịch (4)



**GRAND
GARAGE
AVIAT**

Angle des Boulevards
Rialan et Gambetta
HANOI

L'établissement le plus
vaste et le mieux outillé de
l'Indochine

Agent de :

FORD, DELAUNAY-BELLEVILLE
FIAT, ROLLAND - PILLAIN
BERLIET, CORRE - LA LICORNE
MOTOBLOC, TALBOT, UNIC
SAHLSON, AMILCAR, VOISIN

Son usine de réparations
se charge de toutes
réparations et usinages
de pièces

Location de voitures
automobiles

Prix très modérés

Quảng cáo của hãng AVIAT
AVIAT là hãng sửa chữa và cho thuê ô tô ở góc đường
Phan Chu Trinh - Trần Hưng Đạo.



ANTIQUITÉS
CHINOISES ET
ANNAMITES

LA PERLE

M. PASSIGNAT
11-13-15, Rue Borgnis-Desbordes
HANOI (TONKIN)

Jeux de Mah-Jong, Panneaux,
Broderies, Gongs, Lanternes,
Sculptures et Bois dorés de pagode

Meubles et Paravents chinois
Laques de Coromandel

Brûle - Parfums, Bronzes,
Cuivres, Bouddhas anciens

Estampes, Gravures, Peintures,
Porcelaines et poteries chinoises
et annamites

Tentures, Peintures sur soie,
Laques, Pierres

Jade, Agathe, Ivoire, Cristal
de roche

Aquarelles, Kakemonos.

ENTRÉE LIBRE
Ouvert
le Dimanche matin

R. Truong

Quảng cáo của cửa hàng mua bán đồ cổ
Cửa hàng nằm ở các số nhà 11, 13, 15 phố Hàng Khay, bán các loại hàng Trung Quốc và Việt Nam: mặt chược, hoành phi, đồ thêu, công, đèn, đồ gỗ và bình phong Trung Quốc, đồ sơn mài, lư hương, đồ thau, đồ đồng, tượng Phật cổ, đèn, tranh khắc gỗ, tranh vẽ, đồ sành sứ Trung Quốc và An Nam, trường, tranh lụa, tranh sơn mài, đá quý, ngọc thạch, ngà voi, pha lê, tranh thuốc nước, tranh liễn.

SI VOUS DÉSIREZ SERVIR
EN
INDOCHINE - A.O.F. - A.E.F. - MADAGASCAR



ENGAGEZ-VOUS
RENGAGEZ-VOUS
AU 4^e RÉGIMENT DU GÉNIE
au titre du
GÉNIE D'OUTRE-MER

ATELIER D'IMPRESSIONS EN L'ARMÉE

Bích chương tuyển công binh Đông Dương và một số thuộc địa



Bích chương kêu gọi người Pháp cứu Đông Dương khỏi họa Nhật Bản

Pour que
l'Indochine soit
Délivrée
et prospère
dans la
Paix



Adhérez à

**L'ASSOCIATION NATIONALE
pour L'INDOCHINE
FRANÇAISE**

COTISATION

10^F

Bích chương kêu gọi người Pháp nhập hội để cứu và phát triển Đông Dương

NHỮNG TIẾNG RAO TRÊN ĐƯỜNG PHỐ HÀ NỘI

Nguồn: <http://belleindochine.free.fr>

Tiểu dẫn

- Bài dưới đây dịch từ bài *Les cris de la rue à Hanoi* của trang web <http://belleindochine.free.fr>, mà chính bản này lại có xuất xứ từ một tập tranh của Thư viện Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp ở Paris, năm 1929.
- Khi dịch bài này, ngoài dẫn nhập của trang *belleindochine*, chúng tôi chọn dịch trực tiếp lời bình trên các trang ảnh mà chỉ có một số được chọn.
- Bạn đọc có thể tìm thấy ở đây một số họa sĩ tên tuổi như Tô Ngọc Vân, chữ kí rõ nhất, nhiều người khác và thưởng thức thủ pháp của bài bình.
- Chú của người dịch.

Tiếng rao của những người bán hàng rong cho tới nay vẫn thường xuyên làm sôi động phố xá Việt Nam. Chúng làm say mê những người nước ngoài chưa quen thuộc lắm với những cảnh đó.

Thế nhưng hàng rào ngôn ngữ khiến ta không hiểu những tiếng rao đó! Nhưng không sao, chỉ cần âm điệu của những tiếng rao đó tạo thành một quang riêng cho những giấc mơ lạ lùng của chúng ta.

Bởi vì, tiếng rao, theo tác giả, không chỉ là một giai điệu dịu dàng mà còn có mùi, vị và màu sắc riêng kích thích ngũ quan chúng ta.

Thư viện của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp ở Paris có một công trình đẹp, mà lại là bản độc nhất, gồm khoảng hai mươi bức tranh hai mặt nhan đề "Hàng rong và những tiếng rao trên đường phố Hà Nội". Các tranh vẽ này do các học viên Trường Mĩ thuật Đông Dương vẽ năm 1929. Với khổ giấy 29×20cm, một số tranh được vẽ bằng màu nước.

Một số tranh được in lại trong một cuốn sách xuất bản năm 1980.

Dưới đây là một số tranh và các ghi chép trên tranh:

Inv. EFEO
Paris N° 23577

F 3021



Les Marchands ambulants
et les cris de la Rue
à Hanoi

VIET.

Socio.

93

[19] pl.

VIET. ANTHR.

#0



Texte, Musique, croquis et
commentaires culinaires par

Les Elèves de l'Ecole
des Beaux Arts de
l'Indochine

et

F. de Fénis

REVUE INDOCHINOISE

Georges Lefebvre

Bia bộ tranh

Hàng rong và những tiếng rao trên đường phố Hà Nội.

Bài, kí âm, phác họa và bình luận âm thực của các học viên Trường Mỹ thuật Đông Dương và F. de Fénis.

Avant-propos.

Bien que je ne sois pas un grand amateur de boissons fortes, j'ai toujours beaucoup prise la manière d'Alphonse Allais qui a su agréments l'histoire de son célèbre Captain Cap de nombreuses recettes de cocktails.

En effet, la littérature par elle-même est insipide; il semble donc que, lorsque, poussé par un démon incongru, un auteur se laisse aller à écrire, il



Devrait du moins chercher à se faire pardonner cette impertinence par une abondante illustration.

Ce n'est pas même assez, j'imagine, que de récréer le lecteur par quelques agréables dessins qui charment sa vue.

Et son oreille, pendant ce temps, restera-t-elle inoccupée?

Mieux encore: que sera-ce que tout cela si l'eau ne lui vient à la bouche en lisant, et si son goût et son odorat ne sont en même temps sollicités?

Tels sont les grands principes que les auteurs de cet album ont eu présents à l'esprit en le composant.

Voilà pourquoi nous avons écrit
cet album.

On y trouvera natif en musique que
les cris qui se développent en une véritable
mélodie. Pour les autres, trop brefs ou trop
peu rythmés, la notation musicale n'ajoute
rien au dessin et à la légende.

Les auteurs.

Alphonse *Louise* *Phung*
Octaf *P. N. Van* *Thuan*
Hon *THANH* *S. Han* *Phung*
Wham *Nguyen* *Hau*
wha *THU* *F. defen*

Lời nói đầu được viết ở
hai trang:

Mặc dù tôi không phải là tay
thưởng thức rượu mạnh cổ
hạng, nhưng tôi luôn luôn bị lôi
cuốn bởi cách thức Alphonse
Allain tô điểm cho cuốn sách
nổi tiếng Captain Cap của ông
ta bằng những công thức pha
chế cocktail.

Thực vậy, văn chương tự thân
nó là nhạt nhẽo; vì thế, hình
như mỗi khi bị một con quỉ bất
lịch sự¹ thôi thúc, một nhà văn
sẽ lao vào viết, và ít ra anh ta
cũng phải tìm cách tự tha thứ
cho sự dại dột của mình bằng
những minh họa phong phú.
Nhưng ngay như thế cũng chưa
đủ làm vui độc giả qua một vài
bức tranh sướt mướt.

Thế tại để không trong khi xem
tranh à?

Còn hơn thế nữa: chuyện gì sẽ
xảy ra nếu nước bọt không ứa
ra miệng và mùi vị của nó cũng
lúc không kêu gọi. Đó là
những nguyên tắc lớn mà các
tác giả cuốn album này đã nhớ
nằm lòng khi sáng tác.

Đó là lí do vì sao chúng tôi viết
cuốn album này.

Các tác giả²

EXTRÊME-ASIE

¹ Ngâm chỉ cái thói hay viết lách của người đời.

² Bạn đọc kiểm tra sẽ thấy có nhiều chữ ký các họa sĩ người Việt; như ở trang này có chữ ký của Tô Ngọc Vân; Trần Phênh. Đây cũng là một trang dành cho các bạn
đọc muốn sưu tầm chữ ký.



Bán bánh rán

Puisse le lecteur qui la feuillettera, se sentir agréablement chatouillé dans ses diverses papilles, cônes, bâtonnets et autres stratagèmes sensoriels. Sa joie de vivre, en sera augmentée d'autant.

La pâtisserie annamite mérite pas la variété qu'on s'y arrête plus qu'on ne le fait d'ordinaire.

Je sais bien qu'elle a contre elle sa réputation de saleté. Mais il faut vraiment avoir un esprit bien futile et bien latillon pour s'arrêter à une objection pareille alors qu'on voit en France même les pâtisseries vaselines leurs gâteaux pour en retarder la putréfaction jusqu'aux extrêmes limites du possible, et nos bons domestiques



Bánh



Bán cốm

se venger à leur façon, sur la crème Chantilly, — c'est-à-dire d'une façon repugnante — d'une observation de leur maître qui leur a déplu.



Les cris de la rue, à Hanoi, sont en majeure partie, comme on pourra s'en convaincre, consacrés à la pâtisserie.

Nous n'avons pas négligé les autres. Le souvenir qu'on conserve d'une ville dans laquelle on a séjourné longtemps est fait un peu de ses monuments, beaucoup de l'ombre de ses cloches et de l'humidité de la rue, ainsi que des bonnes choses du terroir qu'on y a mangées.



Kí họa và bình luận của một học viên có tên/họ bắt đầu bằng chữ P hoặc S:

Phải cần tới mọi cách để độc giả có thể cảm nhận được sự thích thú tới tận đầu lưỡi, phải cần tới mọi cách thức và niềm vui sống cũng sẽ tăng lên theo.

Với nhiều loại bánh khác nhau, hàng bánh An Nam đáng làm ta phải dừng lại bên nó nhiều hơn.

Tôi biết rằng sự bán có tiếng của hàng bánh chống lại ngay nó. Nhưng ta phải có một tâm hồn thật phù phiếm và thật tỉ mỉ để dừng lại bên những gánh hàng như vậy, trong khi ở ngay chính bên Pháp những người bán bánh phết va-dơ-lin lên bánh để cho bánh càng lâu thiu càng tốt và những người giúp việc tối trong nhà chúng ta trả thù bằng cách phết va-dơ-lin lên bánh kem Chantilly, tức là theo một cách rất bẩn, khi thấy chủ chán mình.

Mọi người phải công nhận rằng tiếng rao trên đường phố Hà Nội chủ yếu là tiếng rao của hàng bánh.

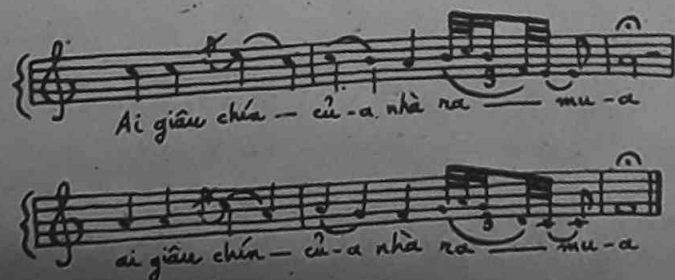
Chúng tôi không bỏ qua những hàng khác.

Những kỉ niệm ta giữ lại từ một thành phố ta ở lâu được cấu thành, mỗi thứ một tí, từ những công trình nghệ thuật, từ rất nhiều tem thư, từ những tháp chuông, từ những tiếng động của đường phố, cũng như từ những thổ sản ta ăn.

³ Theo nghĩa mỉa mai.



La petite marchande de mûres sauvages passe vers 10h du matin et offre sa marchandise aux boys et aux coolies du quartier européen. Goûtent-ils comme il convient le charme mélancolique du chant qui sort de sa petite bouche rieuse?



Những người bán hàng rong. Cô bé bán dâu.

Khoảng 10h, cô bé bán dâu đi qua khu phố Tây, mời các cậu bồi và những người cu-li mua dâu. Phải chăng người mua thưởng thức dâu như thưởng thức tiếng rao buồn buồn đáng yêu từ đôi môi hồng tươi cười?



L'annamite qui vend cette soupe
aux poumons ou aux bœufs morceaux
de bœuf dans le ruisseau porte
accroché à un fléau : derrière, un
fourneau où mijote la soupe en
question ; devant, une étagère
renfermant les accessoires du
service.

Le Chinois, avec un appareil
analogue vend une soupe de
bouillon de vermicelle et de bœuf
qu'il annonce d'un air analogue.

Người bán cháo thịt bò bạc nhac.

Người An Nam bán cháo bò gân: phía sau là một cái lò, trên đặt nồi cháo;
phía trước là những ngăn đặt bát đũa và những thứ phục vụ việc bán hàng.

Người Tàu, với chiếc gánh tương tự, bán một loại cháo có mì sợi và thịt bò, cũng rao tương tự.

ECOLE FRANÇAISE



Đền Ngọc Sơn và chợ hoa dầu Hàng Khay.



Cri qu'on entend entre 2 et 3
heures du matin à la porte des
maisons qui n'ont pas le tout à
l'égout.

Le bonhomme soûlé qui
pousse ce cri porte aux yeux
droite de son fleau deux kinettes
et une voiture le suit, cahotante
et malodorante, dans la nuit.



Tô. Ngọc. Văn



Mở cửa thay thùng nhé!
Ouvre la porte que je change
les kinettes Hé!

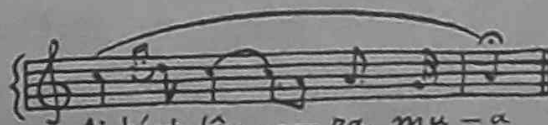


Phu thùng và kí âm tiếng gọi thay thùng.

Khoảng từ 2h tới 3h sáng, có tiếng phu thùng gọi thay thùng trước cửa những nhà không có hố xí tự hoại.
Người phu thùng gánh hai thùng phân; một chiếc xe, dây nấp nhưng vẫn hôi thối, đi theo anh ta.



*Gamin portant de petits
pains dans un panier rond de
bambou recouvert d'un linge.
Le petit pain est considéré
par les Annamites comme une
friandise et mangé seul à
l'égal d'un gâteau.*



*Ai bánh tây — ra mu — a
Qui du pain d'occident sont achetés?*

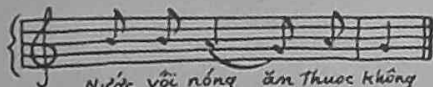
Chợ hoa⁴. Cậu bé bán bánh tây⁵.

Cậu bé mang một chiếc thúng bằng tre đan đựng những chiếc bánh tây nhỏ, trên phủ một tấm vải.
Bánh tây được người An Nam xem là một thứ bánh ngon và ăn như ăn bánh ngọt⁶.

⁴ Hình vẽ này cho ta nhận ra đây là vị trí sau này sẽ xây dựng các quán hoa bên Hồ Hoàn Kiếm, đầu phố Hàng Khay hiện nay. Đài nước nằm giữa các quán hoa và bờ hồ.

⁵ Trước đây 50, 60 năm, bánh mì được gọi là bánh tây để chỉ rằng bánh mì là của người tây (người Pháp, người châu Âu).

⁶ Người châu Âu coi bánh mì là lương thực nên thường ăn kèm với thực phẩm, trong khi nhân dân ta trước đây ăn bánh mì không, coi như ăn quà.



Nước sôi nóng ăm thuốc không
Eau thé chaud fumer tabac ?

Très jeunes garçons portant
un pot de thé, une soucoupe et une
pipe primitive en bambou.
Pour 2 sapèques, pendant la
chaleur, on peut boire, une
soucoupe pleine de thé et tirer
une bouffée de la pipe.
Pour 1 sapèque, on n'a droit
qu'à une demi-soucoupe.



REVUE INDOCHINOISE

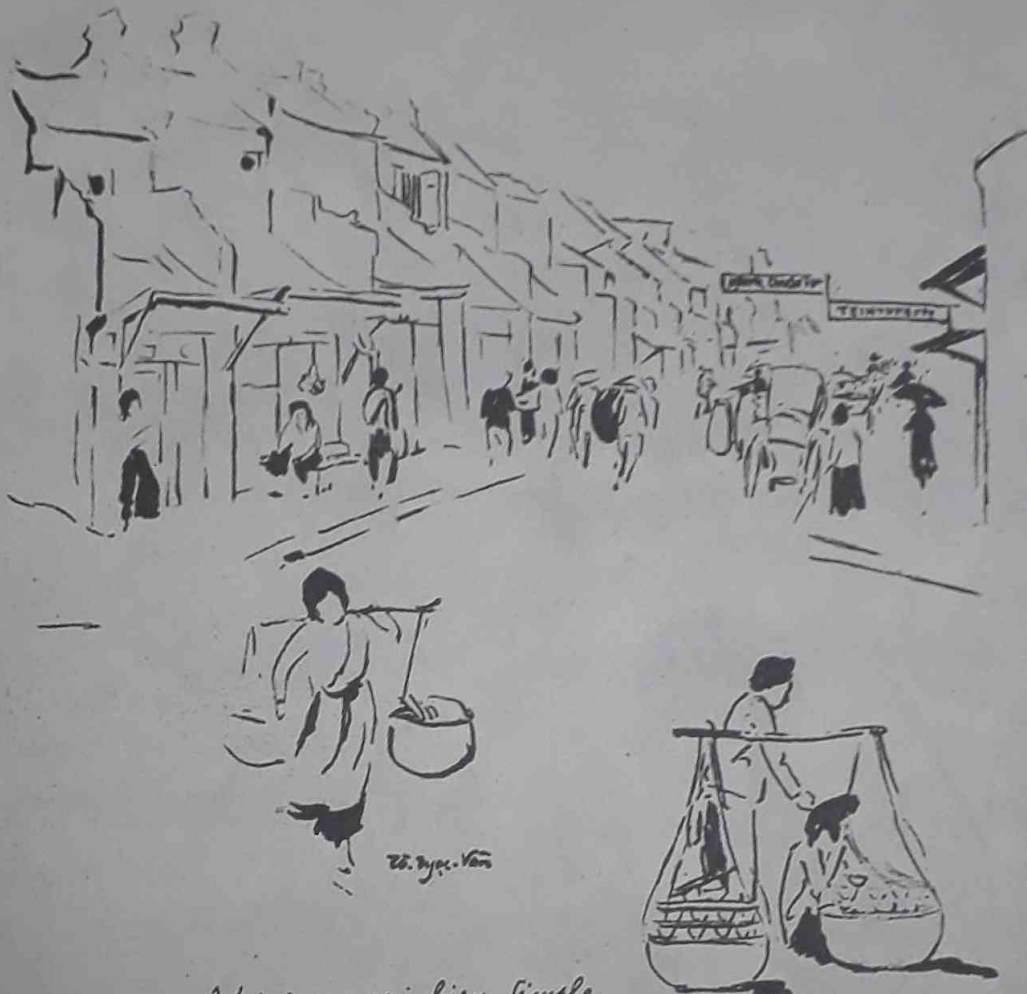


Chú bé bán nước sôi.

Chú bé rất trẻ mang một bình nước sôi, một cái bát và một cái điếu cày. Vào ngày nóng bức,
với hai xu ta có thể uống một bát nước sôi đầy và kéo một hơi thuốc lào.
Với một xu, ta chỉ được một nửa bát.

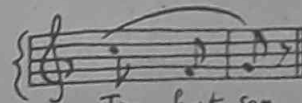


Những hàng rong



Voici un cri bien simple
bien caractéristique et très
fréquemment entendu qui fait
pour ainsi dire, partie du paysage
avec celui du marchand de petits
pains et celui du marchand de
cane à sucre.

La denrée qu'il annonce
est exquisite. Elle consiste en
un sirop parfumé à la fleur de
pamplemousses dans lequel
nagent des graines de lotus
cuits ayant le goût de châtaignes.

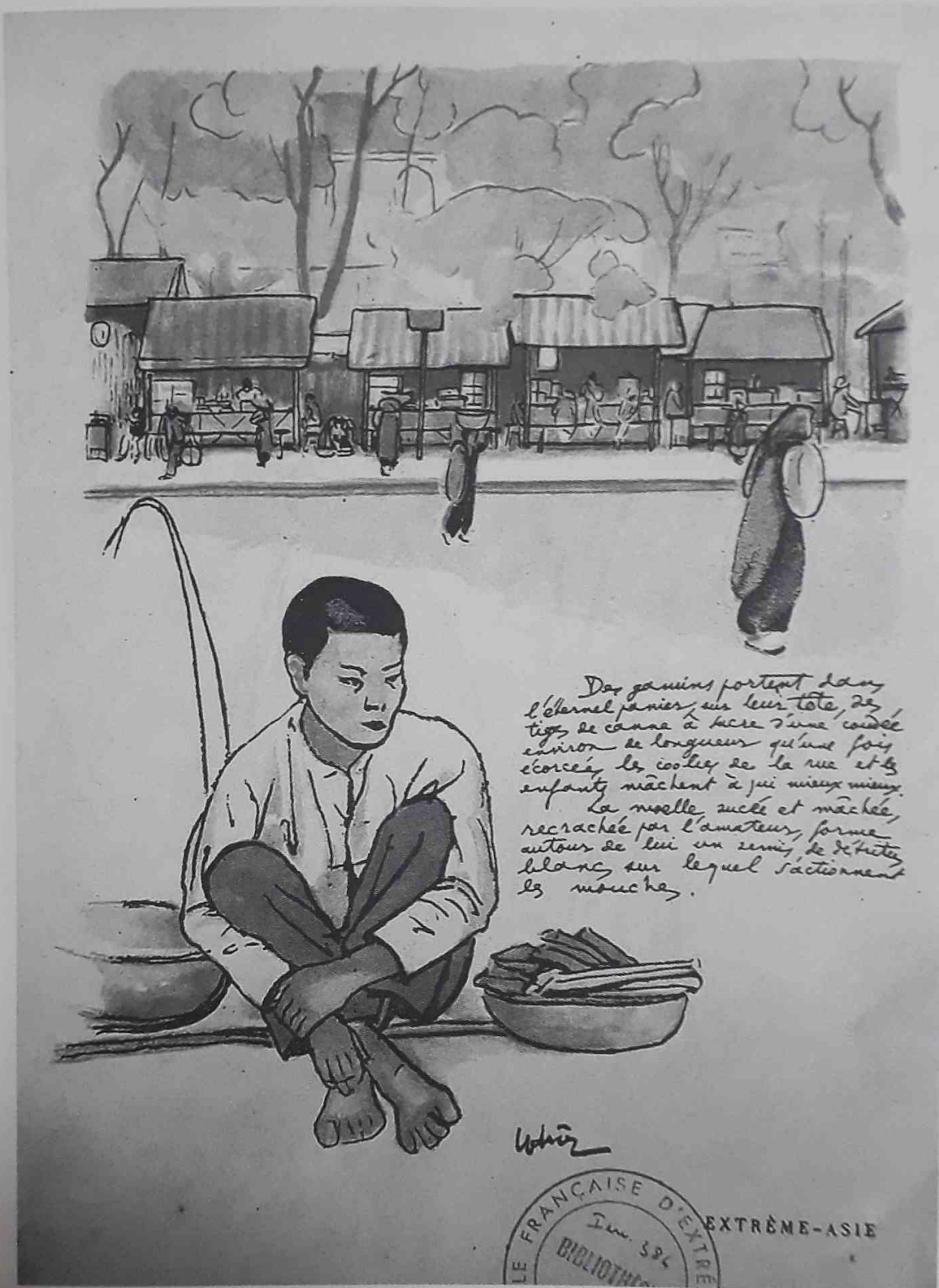


Tre hat sen
Sirop aux graines de lotus

Hàng chè hạt sen.

Đây là tiếng rao rất đơn giản, rất đặc trưng và rất thường gặp, cùng với hàng bánh, hàng mía, làm thành một bức tranh.
Món chè hạt sen rất tuyệt diệu. Nó gồm có nước đường ướp hương hoa bưởi thả hạt sen luộc chín, có vị như vị hạt dẻ.





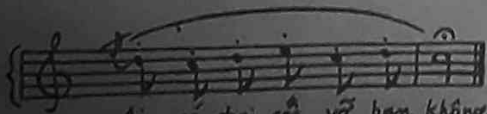
Chú bé bán mía

Các chú bé đội trên đầu chiếc thùng muốn thưởng những khúc mía dài quãng một cẳng tay, được bóc vỏ mỗi khi gặp những người cu-li trên đường phố và bọn trẻ con nhai kĩ cùng kĩ kiệt. Bã mía do những người ăn quả nhả ra làm thành một đồng rác quanh các cậu, ruồi bâu bên trên.



La marchande ou plutôt
l'acheteuse de verre casse porte sur
son épaule un fléau aux deux bouts
duquel sont suspendus deux
paniers de bambou ronds recouverts
de deux paniers plats en guise de
couverts.

Dans ces différents récipients
elle met le verre cassé, la plume,
le canard, les vieilles boîtes à thé,
les vieux souliers et les cheveux
emmêlés qui sont les objets courants
de son commerce, ainsi qu'en
font foi les variantes suivantes de
la chanson chantée par elle ou
ses congénères :



Ai có chai cốc vỡ bán không
Ơi... bán... bán... bán... bán...



Người thu mua thủy tinh.

Người dân bà mua thủy tinh vỡ gánh hai chiếc thúng, trên đây hai chiếc mẹt tre.
Bà có những chiếc hộp đựng khác nhau để đựng li cà phê, hộp chè cũ, giấy cũ, tóc rối... muốn mua tùy theo tiếng rao.



THÀNH PHỐ SÔNG HỒ

Tiểu dẫn:

Bài dưới đây do chúng tôi tổng hợp chủ yếu từ cuốn *Hanoi 1936-1996* của Georges Boudarel và Nguyen Van Ky, cuốn *Histoire de Hanoi* của Philippe Papin.

SÔNG HỒ HÀ NỘI

Chữ Hà Nội (河内) theo nghĩa đen có nghĩa là “trong sông”. Có nhiều cách giải thích chữ “Hà Nội”; chẳng hạn, một trong những giải thích cho rằng Hà Nội có tên như vậy là do nằm giữa sông Hồng và sông Đáy, có học giả Pháp cho rằng “gọi là Hà Nội vì nó ở bên trong vòng khuyên của con sông”; có người còn cho rằng đoạn sông Hồng quanh Hà Nội được gọi là Nhĩ Hà (耳河) vì sông có dạng như vành tai.

Không biết thuyết nào đúng, thuyết nào sai nhưng dù thế nào, “Hà Nội” vẫn chứa đựng trong nó “sông nước”, thực tế “Hà Nội” nguyên là một vùng đầm lầy, lỗ chỗ đây đó đầm hồ¹, vết tích của một con sông cũ. Nước của Hà Nội một phần đổ ra sông Hồng, một con sông đáng sợ, có thể biến đổi diện mạo thành phố chỉ trong một đêm vào mùa lũ, một phần đổ vào những rừng cây²

rậm rạp mà dấu tích nằm trong tên gọi của một số địa phương lân cận như Gia Lâm (rừng đa), Mai Lâm (rừng mai). Trên vùng đất ngập lụt đó, công tác đê điều là mối quan tâm hàng đầu của dân chúng. Hiện nay, vào mùa lũ, thành phố Hà Nội nằm dưới mực nước.

Khoa ngôn một chút, có thể nói trong thế kỉ trước Hà Nội là Venise của Viễn Đông: dân chúng trong thành phố đi lại bằng thuyền qua những ao đầm thông với nhau và những con lạch.

Nước có mặt khắp nơi đã định hình lối sống vật chất và văn hóa của thành phố, có lẽ từ đó mà người ta có từ *đất nước*³.

Thói quen ghi chép của người Pháp cho ta đoạn mô tả dưới đây về đi lại bằng thuyền ở Hà Nội: “Thông tin viên các tờ Le Temps và hãng thông tấn Havas năm 1884 phải ở trong một ngôi chùa ven bờ hồ, còn Paul Bonnetain, thông tin viên của tờ Figaro ở bờ bên kia. Để thăm nhau, các nhà báo phải qua hồ bằng thuyền”⁴.

HỒ TÂY VÀ HỒ TRÚC BẠCH

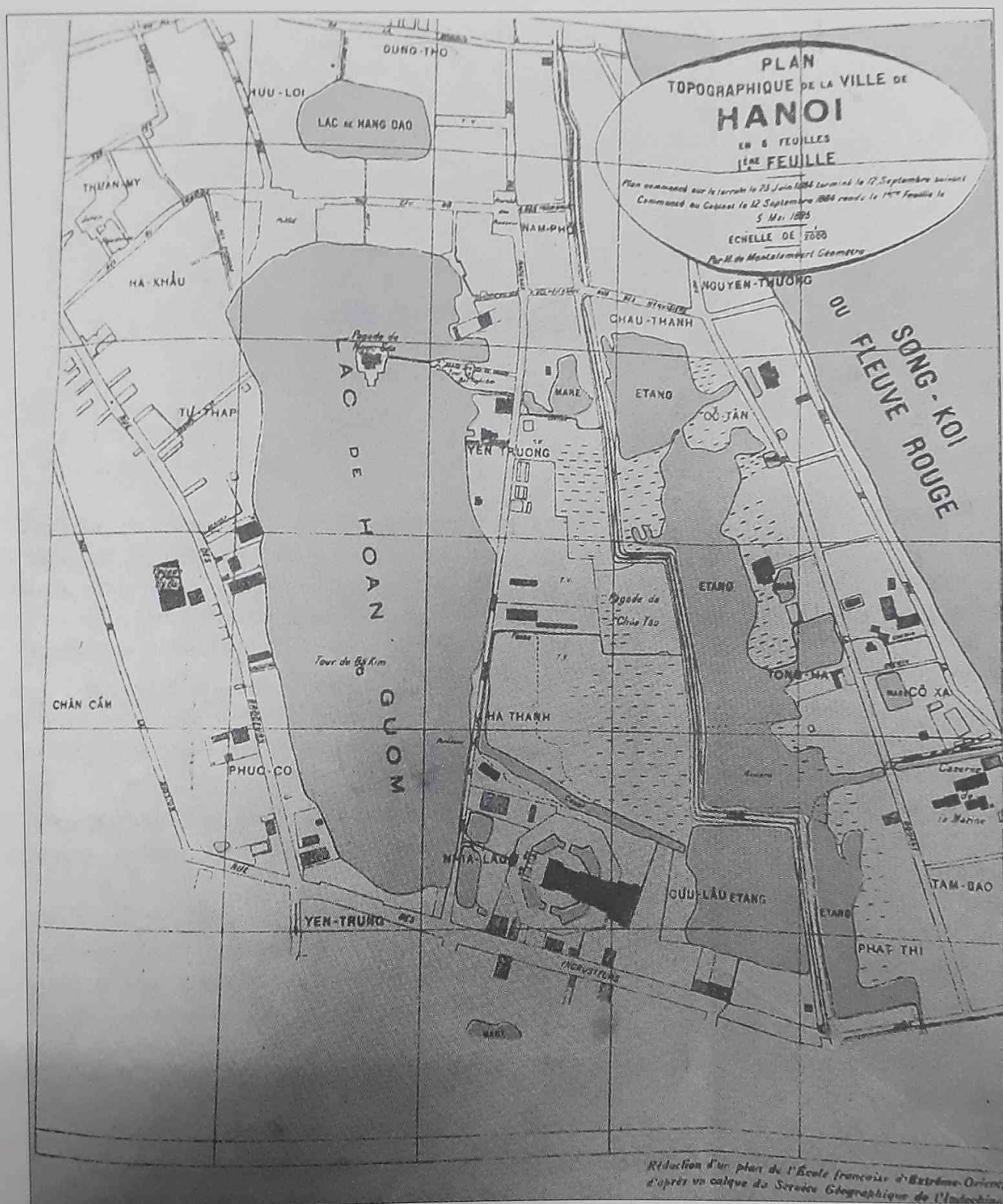
Về nguồn gốc Hồ Tây, có hai huyền thoại. Huyền thoại thứ nhất cho biết khi Lạc Long Quân mới lập nước, ở vùng Hồ Tây có một con cáo chín đuôi thường

¹ Đầu thế kỉ 19, riêng phía Đông thành phố có hơn 400 hồ; chính xác là 404 hồ, chiếm một diện tích hơn 80 hecta.

² Các rừng cây này đã trở thành trầm tích, tức là nằm sâu dưới độ cao chung của Hà Nội hiện nay, chỉ còn lại dấu ấn của chúng qua các tên gọi *ngân* và *lâm* như: Gia Lâm (rừng đa), Đông Ngàn (rừng phía Đông), Đông Lâm (rừng phía Đông), Du Lâm (rừng cây du), Trường Lâm (rừng dài), Mai Lâm (rừng mai).

³ Xem Georges Boudarel - Nguyen Van Ky, Hanoi 1936 - 1996.

⁴ André Masson, Hanoi pendant la période héroïque 1873 - 1888.



Bản đồ Hà Nội 1885

Nguồn: <http://belleindochine.free.fr>

Bản đồ này cho thấy năm 1885, Hồ Hoàn Kiếm vẫn còn gần như thông được với sông Hồng và nội đô gần như một Venice.

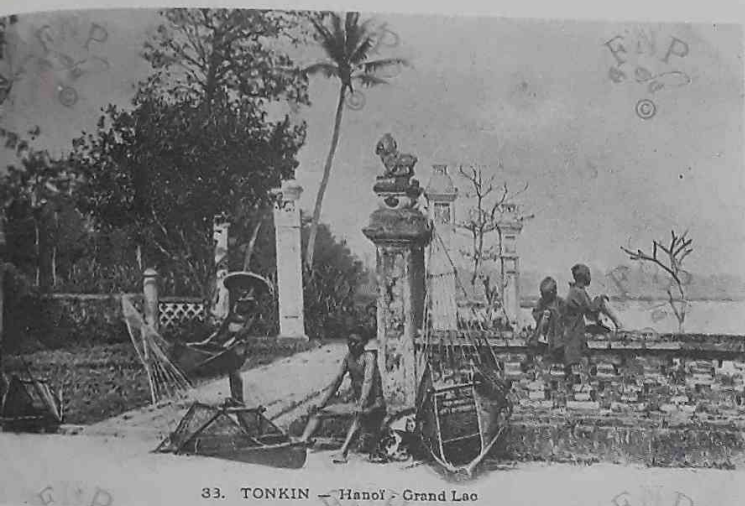
biến thành một người đàn ông quấy nhiễu dân chúng. Lạc Long Quân dâng nước làm ngập hang. Con cáo phải ra khỏi hang, cuống cuống bỏ chạy, mọi người đuổi theo và giết được. Trái núi liền đổ xuống để lại một cái hố rộng bị nước tràn vào thành Hồ Tây.

Những người già hơn thì đưa ra giả thuyết thứ hai: một lần nhà sư Không Minh Không được triệu sang Trung Quốc để chữa bệnh cho công chúa. Công chúa khỏi bệnh, vua Trung Quốc cho ông vào kho lấy đồng đen. Khi về nước, Không Minh Không đem đồng đúc thành một quả chuông. Tiếng chuông đánh lên vọng tới

tận Trung Quốc khiến con trâu vàng⁵ ở Trung Quốc tưởng mẹ gọi, liền theo hướng chuông ngân, chạy sang Việt Nam. Các vết chân chạy của nó ở Hà Nội tạo thành sông Kim Ngưu, một nhánh của sông Tô Lịch. Khi vừa tới khu vực Hồ Tây thì dứt hồi chuông, con trâu dừng lại, ngơ ngác tìm mẹ, quần đi quần lại thành Hồ Tây.

SÔNG TÔ LỊCH

Sông Tô Lịch là một nhánh của sông Hồng, nó tách⁶ ra khỏi sông Hồng ở phường Hà Khẩu, chảy qua phố Hàng Lược, đường Carnot (Phan Đình Phùng), đường Thụy Khuê, chạy men dưới chân đường Bưởi, đường Láng, qua Cầu Mới, men dưới chân đường Khương Đình, qua Cầu Bươu, cuối cùng đổ vào sông Nhue.



33. TONKIN — Hanoi — Grand Lac

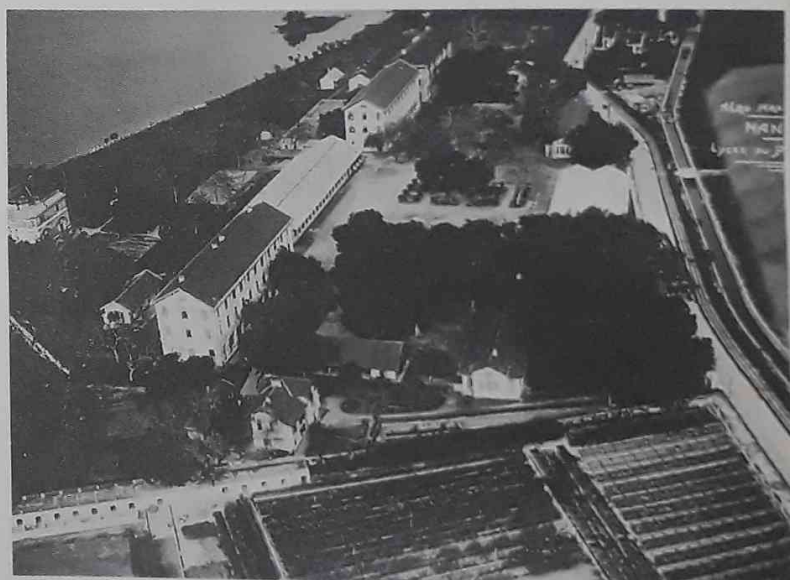
Ven Hồ Tây

Nguồn: <http://hanoilavie.com>



Hồ Trúc Bạch

Nguồn: <http://hanoilavie.com>



Trường Trung học Bảo hộ

Nguồn: <http://caom.archivesnationales.culture.gouv.fr>

Tiêu đề người Pháp đặt cho bức ảnh này là "Trường Trung học Bảo hộ" (nay là Trường Trung học phổ thông Chu Văn An, ở đầu phố Thụy Khuê); nhưng họ không ngờ rằng đây là một bức không ảnh rất tốt giúp xác định vị trí của một đoạn sông Tô Lịch đối với Hồ Tây

Trong hình, ta thấy rất rõ một đoạn sông Tô Lịch, song song với đường xe điện, chảy giữa hai bờ bê tông rất thoáng, từng chỗ lại có những cầu bê tông.

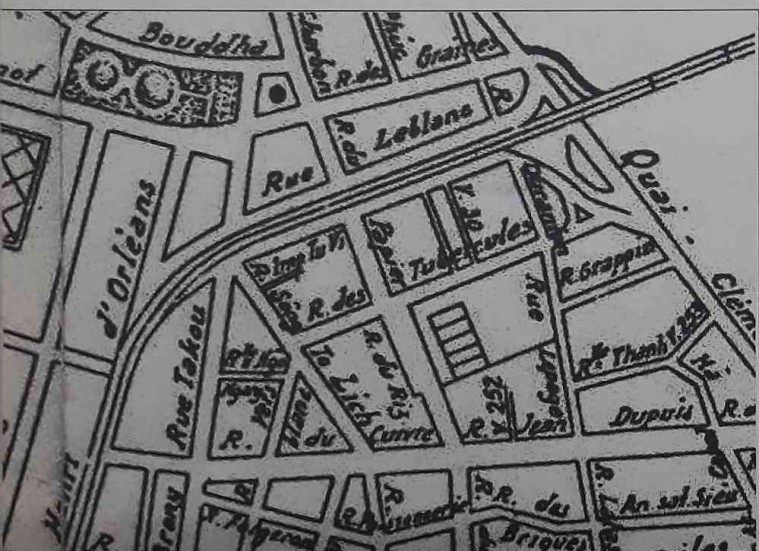
⁵ Người ta nói vàng là con của đồng đen.

⁶ Đứng ra là "đổ vào sông Hồng"



Một cây to bên sông Tô Lịch

Nguồn: <http://croiseur-lamotte-picquet.fr>



Trích bản đồ Hà Nội 1936

Nguồn: <http://nguyentl.com>

Bản đồ Hà Nội 1936 là một bản đồ rất chi tiết với các tên phố. Trên đây là trích phần có phố **Sông Tô Lịch**, nay là phố Hàng Lược. Với tên gọi như vậy, chắc phố này phải nằm đề lên sông Tô Lịch và dưới nó là một cống ngầm lớn sau nhiều năm chây lờ thối. Bản đồ cũng cho thấy phố Sông Tô Lịch rất gần phố Carnot (nay là Phan Đình Phùng), vấn được làm đề lên phần sông Tô Lịch dù gần hào phía Bắc của Thành (phần gạch chéo)

Như vậy, sông Tô Lịch nối các vùng trong đồng bằng với kinh thành, riêng bờ của nó trong khu vực gần kinh thành được tôn cao lên 5-6m trên một đoạn khoảng 3km thành hai lớp.

Sông Tô Lịch có hai đặc điểm: Thứ nhất, về mặt thương mại, các thuyền qua cửa Hà Khẩu, theo sông Tô Lịch mang hàng hóa vào sâu trong thành phố qua mạng lưới kênh, hồ. Thứ hai, về mặt phòng thủ, nó cùng với sông Hồng tạo thành một hình chữ U ngược, do đó là một con sông che chắn tốt cho các thành lũy được xây dựng ở đáy chữ U. Có lẽ đó là cách giải thích vì sao Tử Thành, La Thành, Đại La Thành, Thăng Long lại nằm ở những vị trí như chúng đã nằm, và sông được tôn làm sông thần hộ của kinh thành.

Ngày nay nhiều đoạn sông Tô Lịch ở phía Bắc biến thành cống ngầm dưới đường phố, vì thế ta có thể gặp một số câu kiểu “khi còn chảy lộ thiên” trong một số sách vở của người Pháp.

BẾN SÔNG HỒNG

Sông Hồng đóng một vai trò quan trọng trong lịch sử giao lưu của Hà Nội với bên ngoài. Trong nhiều thế kỉ, các thương nhân, các nhà ngoại giao đều tới Hà Nội theo sông Hồng; thậm chí đầu thế kỉ trước các quan chức Pháp từ Pháp sang hay về nước đều lên xuống ở đây, một thí dụ là khi Paul Bert chết ngày 11-11-1886 thì chiều ngày 14, quan tài được đưa ra bến tàu, chỗ chiếc tàu *Henri Rivière* đợi sẵn.

Các biên niên viết về sông Hồng không nhiều, không có huyền thoại về sông Hồng trong khi một nhánh của nó là sông Tô Lịch lại rất phong phú.

Các ảnh chụp và ghi chép cho thấy các hoạt động buôn bán bên sông Hồng chủ yếu ở đoạn từ cầu Long Biên tới Bắc Cổ. Qua ảnh chụp ta thấy đoạn này buôn bán rất nhộn nhịp, có lẽ vì thế có thời kì người Pháp đặt tên đoạn này là *quai commercial*.

Trích đoạn dưới đây trong cuốn *Une campagne au Tonkin* của bác sĩ Hocquard cho ta vài nét về bến sông Hồng Văn Miếu vào năm 1884:

“Đoạn sông Hồng ở Hà Nội rộng tới một kilômét; chỗ chúng tôi xuống tàu, bờ sông cao tới hai, ba mét khiến

cho việc lên xuống rất khó khăn. Trên bờ có một hàng bàng song song với sông mà phía sau thấp thoáng những ngôi nhà xếp thẳng hàng bên nhau của khu Nhượng địa.

...

Sông Hồng rất sâu, tàu bè có thể neo vào “ke”⁷ nhưng chẳng có gì dễ lên bờ, đến nỗi sau khi lội trong bùn nhão nhoét tới tận bắp chân, mấy lần chúng tôi suýt ngã gãy cổ khi leo lên những bậc thang do mai khoét qua qua vào đất sét⁸.

Lúc chúng tôi tới, trên “ke” diễn ra một cảnh sôi động ghê gớm: hơn ba trăm phu bản xứ bốc hàng xuống mỗi khi các tàu từ Vịnh Hạ Long lên, chở theo binh lính và hàng hóa. Trên chiếc áo dây mảnh vá của mỗi người phu có khâu một miếng vải trắng hình vuông ghi một con số và chữ cho biết người đó phục vụ đơn vị nào (hậu cần, bộ tổng tham mưu, quân y...). Mỗi người phu có một cái đòn tre và một sợi dây thừng. Để chuyển một ba lô phải cần hai người phu: họ dùng dây buộc ba lô vào giữa chiếc đòn tre rồi hai người dùng vai khiêng ở

hai đầu. Nếu ba lô quá nặng, phải cần tới bốn người phu: họ bắt chéo hai chiếc đòn tre lại thành hình chữ X rồi treo chiếc ba lô vào chỗ bắt chéo để khiêng.

Mọi sự vận chuyển đều dùng sức người, hoàn toàn không có một chiếc xe nào ở đây; vả lại, con đê cao không cho phép dùng xe có bánh⁹.



Đò ngang

Nguồn: <http://hanoilavie.com>



Xóm bên sông Hồng

Nguồn: <http://hanoilavie.com>



Xóm vạm chài

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

⁷ Nguyễn văn quai, từ đã được Việt Nam hóa thành ke. Đó là một sàn rộng bằng gỗ hay bê-tông song song các với tàu sông, tàu hỏa... để hành khách lên xuống.

⁸ Các bản đồ cổ ghi bến tàu ở chỗ ngang Ngõ Gạch hiện nay. Năm 1884, không còn gì nữa để tàu cập vào, hành khách phải lội trước khi có thể leo lên bờ (chú của Philippe Papin).



▲ Người trên sông

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Bên sông Hồng

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

TONKIN



Collection R. Moriau, Hanoi



Đền bên sông

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Trong điều kiện chịu lũ lụt hàng năm, một công trình kiến trúc tôn giáo hoặc lịch sử như thế này không khỏi làm người ta tò mò tự hỏi đó là công trình gì, còn hay mất.

(169) TONKIN : Hanoi - Les quais du Fleuve Rouge.



▲ Đường dẫn lên cầu Doumer (1)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Đường dẫn lên cầu Doumer (2)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Bức ảnh này và bức ảnh trên rất lí thú với những người yêu thích địa lí. Phân tích kĩ ta sẽ thấy rằng tòa nhà trong hai bức ảnh là một; con đường trong hai ảnh là đường Trần Nhật Duật hiện nay; lan can trong hai ảnh là lan can đường dẫn ô tô lên cầu. Bức ảnh thứ nhất cho ta một cái nhìn tổng quan về bến sông Hồng. Ngôi nhà hai tầng hiện nay vẫn còn nguyên vẹn. Chiếc xe ba gác đi ra từ phố Hàng Khoai hiện nay.



46. - TONKIN. - HANOI. - Chaloupe de la C^e des Fluviales sur le Fleuve Rouge



P. Couadou, photog., Toulon-sur-Mer

▲ Hồ Tàu khách của công ti Đường sông
Nguồn: <http://indochine-souvenir.com>

▼ Tàu khách Thérèse
Nguồn: <http://hanoilavie.com>

16. - Chaloupe "LA Thérèse" à HANOI (Tonkin)





▲ Bến sông Hồng (1)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Bến sông Hồng (2)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

48. - HANOI. - Le Quai du Commerce sur le Fleuve Rouge



Indochinoise



▲ Bến sông Hồng (3)

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Ba bức ảnh về bến sông Hồng giúp ta hình dung được sự tấp nập của Kẻ Chợ khi xưa.

▼ Bè lá cọ

Nguồn: <http://www.archivesnationales.culture.gouv.fr>
Những bè tre nửa trên chất lá cọ từ Phú Thọ xuôi về, những năm 1950 phần lớn tập trung ở Phà Đen





Bến tàu Việt Trì

Nguồn: <http://www.archivesnationales.culture.gouv.fr>

BÃO LỤT TẠI HÀ NỘI

Tiểu dẫn:

- Năm ngay cạnh sông Hồng nên hàng năm Hà Nội phải đối mặt với lũ. Ngoài ra, do nằm gần Biển Đông, nên Hà Nội thỉnh thoảng cũng phải chịu những cơn bão.
- Dưới đây là một số trích đoạn, ghi chép của người Pháp về vấn đề này.

TRẬN BÃO NĂM 1881

*Nguồn: André Masson,
Hanoi pendant la période héroïque*

Ông Kergaradec tiếp nhận khu nhà mới ngày 15-10-1876 và giữ chức Lãnh sự Hà Nội cho tới cuối năm 1882. Trong suốt thời kỳ này, chúng tôi chỉ ghi nhận được trận tàn phá khu Nhượng địa của cơn bão trong đêm 5 rạng ngày 6-10-1881: “Sáng sớm hôm đó, khu Nhượng địa bày ra một cảnh thảm thương. Khắp nơi, ngôi vỡ tung, cửa sổ mất búng, các cánh cửa con tung ra. Các ngôi nhà từ trên xuống dưới bị phủ một lớp đất vàng do mưa bão tấp vào. Các ngôi nhà nhỏ, các rào chắn hoặc tường tan ra từng mảnh theo đúng nghĩa đen của từ này. Các vườn cây cũng chịu chung số phận: tất cả bị nát hết hoặc bị nhổ sạch, những cây to bị gãy như những que diêm, những cây nhỏ hơn thì bị vật trụi

lá, gãy cành, tróc rễ và bị gió lôi đi. May là không có ai bị thương. Công binh sửa chữa khẩn cấp và ghi nhận những thiệt hại. Họ đánh giá những thiệt hại trước mất khoảng bảy hoặc tám nghìn franc”.

... VÀ TRẬN LỤT NĂM 1884

*Nguồn: André Masson,
Hanoi pendant la période héroïque*

Các cuộc hành binh quanh Hà Nội cho phép giải tỏa thành phố, cuối năm 1883, khu Nhượng địa thật sự trở nên yên ổn trước những cuộc tấn công của quân Cờ Đen, nhưng lại phải chống một kẻ thù khác: sông Hồng.

Nước dâng năm 1884 làm sạt lở bờ khu Nhượng địa trên một chiều dài 3km rộng 60m. Chiều rộng này tương ứng với chiều rộng ban đầu phân cách các ngôi nhà với sông. Ngay lập tức chúng bị nghiêng đi phớt mặt cho đợt nước dâng mới.

Kỹ sư Pavillier được gọi ngay từ Nam Kỳ ra để nghiên cứu cách khắc phục. Hệ thống phòng chống lũ của ông bảo vệ trực tiếp mép sông khu Nhượng địa, trực tiếp, “nhờ ốp đá dựa trên một móng đá vững chắc chạy dài 400m”, và gián tiếp, bằng cách đẩy dòng chảy từ bờ phải sang bờ trái “bằng một con đê dọc sông có thể ngập lúc nước cao nhất và được xây dựng ở phía thượng

lưu thành phố trên mặt các dải cát mà, theo như quan thuế cho biết, con đê có thể bám vào được”.

Đá để bỏ móng được lấy từ công trường đá Kê Sớ, cách Hà Nội 89 km về phía Nam. Các công trình bắt đầu từ đầu năm 1885. Hơn 8000m³ đá được vận chuyển trước tháng sáu mặc dù có những khó khăn và chậm trễ do phải dùng thuyền. Con đê ở phía thượng lưu được hoàn thành trước mùa lũ năm 1885 và dòng chảy, thay vì xối vào khu Nhượng địa ở bờ phải, từ đó trở đi đổ vào bờ trái. Dần dần, một dải cát được hình thành và ngày nay dòng sông chảy cách bờ cũ của khu Nhượng địa một đoạn.

HỘ ĐÊ

Jean Marquet

Tiểu dẫn

Đoạn dưới đây trích từ cuốn tiểu thuyết phong tục *De la rizière à la montagne* của Jean Marquet cho chúng ta thấy những lo lắng do lũ lụt đe dọa, và công việc của dân ven sông Hồng để ngăn chặn lũ lụt.

Đột nhiên có tiếng trống thúc vang phía ngoài làng Thượng Cát¹.

Chuyện gì vậy? Chắc đê đã vỡ? Sau bao đau thương do dịch tả gây ra, lẽ nào người ta còn chịu sự tàn phá tàn hại một trận lụt nữa?

Than ôi! Không còn nghi ngờ gì nữa: tiếng trống lại thúc gấp hơn nữa, và một người phi ngựa nước đại về báo tin nước sông Cái có thể đánh vỡ đê Thượng Cát; nước trong đồng đã rỉ ra. Không được chậm một giây.

Thế là người mõ, theo lệnh lí trưởng, chạy khắp làng, tới từng ngõ ngách. Sau một hồi khua chiếc mõ tre kêu “tắc, tắc...”, người mõ cất cao giọng của một người già hay rệu: “Bẩm mời các cụ, các thân hào lớn, thân hào nhỏ, các chức sắc, sĩ tộc tới ngay đình để phân bổ người ra cứu đê! Sáng sớm mai, lao dịch các xóm phải mang theo mai, cuốc ra đê Thượng Cát”.

Tắc, tắc, tắc...

Đã sáu ngày sáu đêm, hàng nghìn con người, da chai xạm vì mưa nắng, đã có mặt liên tục trên đê. Một nửa số đó bồi trúc đê, nửa còn lại nghỉ trong các chùa hoặc những túp lều dựng bằng cành cây. Gạo được phát mỗi ngày hai lần. Cứ cách từng quãng một, người ta lại đặt một vại nước chè với chiếc gáo dừa cho dân phu uống.

Đã sáu ngày sáu đêm, mọi người vật lộn trên đê: đàn ông dùng mai xắn đất ruộng cho phụ nữ và trẻ em chuyển tới những chỗ chỉ định. Nguyên và một số người khác được phân công dùng vỏ đóng những cây tre đục dài vào ngay thân đê. Những cây tre đục nối với nhau thành một con cừ, chúng như một cái khung cứng không thể bẻ gãy được.

Đúng là có hiệu nghiệm: nước đỏ rỉ ra ngưng dần, rồi ngưng hẳn; nguy cơ đã bị đẩy xa. Tri huyện, đưa hai bàn tay lên quanh miệng, nói to, những ai ở các làng xa có thể về. Với vết nứt đã được vá, dân bên sông chỉ cần cử người theo dõi và báo cáo ngay mọi diễn biến nhỏ nhất nhất.

Với chiếc mai trên vai, Nguyên cùng với các bạn trở về làng. Họ vui sướng vì đã thoát khỏi một thảm họa khủng khiếp. Trên đường về, vang lên những câu hát đối nhả nhót làm bật ra những tiếng cười của các cô gái.



3001. TONKIN - Hanoi - Typhon du 9 Juin 1903 - Alentours du Petit Lac

Hồ Hoàn Kiếm sau cơn bão 9-6-1903

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

¹ Trước đây thuộc tỉnh Hà Đông, nay thuộc Hà Nội



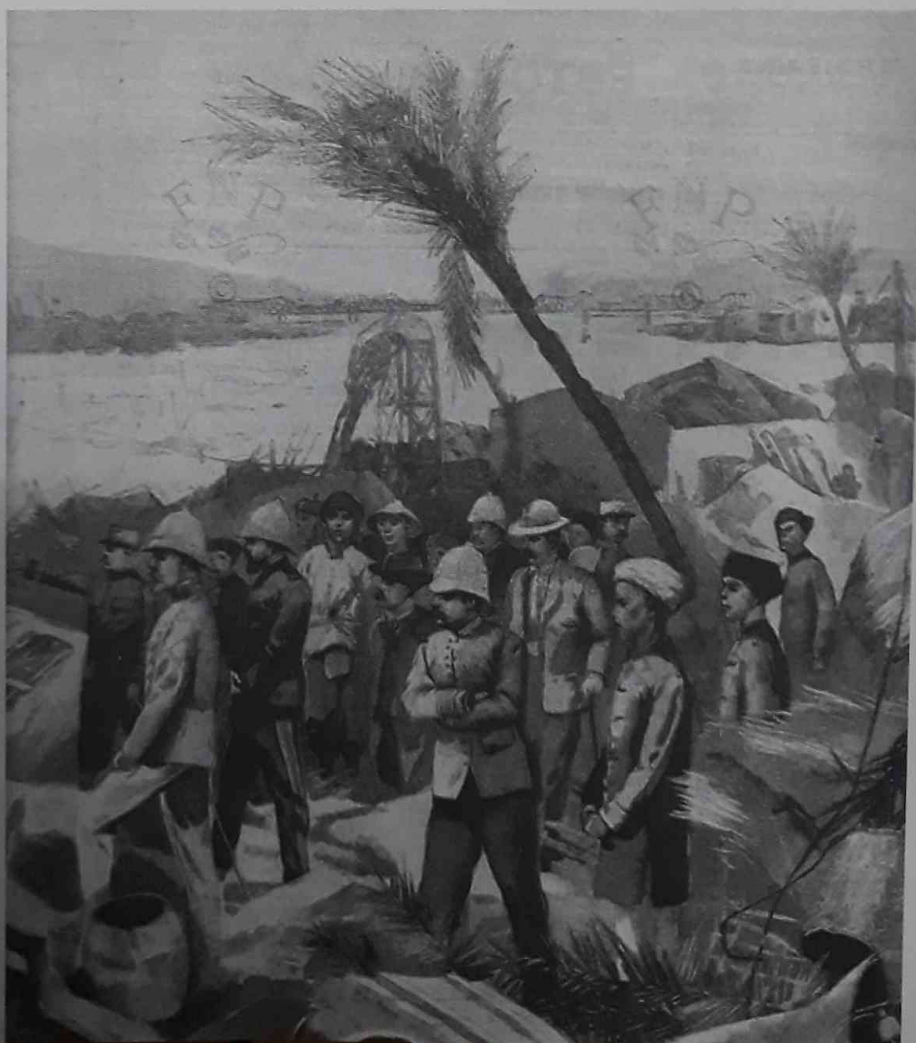
▲ Trước khách sạn Métropole ngày 7-6-1903
Nguồn: <http://hanoilavie.com>

▼ Một ngôi làng trong trận lụt năm 1926 (1)
Nguồn: <http://hanoilavie.com>





▲ Một ngôi làng trong trận lụt năm 1926 (2)
 Nguồn: <http://hanoilavie.com>



► Toàn quyền Paul Beau thị sát trận lụt 1926
 Nguồn: <http://belleindochine.com>



Cầu Doumer phía Gia Lâm trong trận lũ năm 1926

Nguồn: <http://hanoilavie.com>



Đê sông Hồng gần Hà Nội trong trận lũ năm 1926

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

DỊCH BỆNH VÀ HỎA HOẠN Ở HÀ NỘI

Tiểu dẫn:

Bài này gồm ba bài viết: một tóm lược của người tuyển dịch và hai bài viết của hai tác giả Pháp.

SƠ LƯỢC VỀ HỎA HOẠN VÀ DỊCH BỆNH Ở HÀ NỘI TRƯỚC NĂM 1954

Trước 1945, với một cơ sở hạ tầng yếu kém và dân số khu “Kê Chợ” thường xuyên đông đúc nên Hà Nội thường xảy ra dịch bệnh và hỏa hoạn.

Về hỏa hoạn, “trong khoảng các năm 1891-1892, các khu phố của người bản xứ thường liên tục bị các đám hỏa hoạn thiêu sạch, mà báo Indépendance tonkinoise tổng kết cứ mỗi tuần một trận. Trận hỏa hoạn ấn tượng nhất là trận xảy ra đêm 22-1-1891: hơn 200 ngôi nhà và 4 ngôi chùa trong khu vực giới hạn bởi các phố Hàng Vôi, Hàng Bè, Hàng Tre và dê, bị thiêu rụi. Tất cả các trận hỏa hoạn, nguyên nhân không tìm ra được, đều xảy ra vào ban đêm. Người Pháp thì cho là dân chúng bất cẩn, báo chí thuộc địa lên án tinh thần thiếu thiện chí của dân chúng, cứ “đóng kín cửa ở trong nhà hoặc bỏ chạy khi người châu Âu gọi”. Lính cứu hỏa thì vừa thiếu vừa trang bị kém, phần lớn khi tới nơi thì mọi chuyện đã xong rồi”¹.

Về dịch bệnh, “mỗi năm dịch tả và dịch hạch giết chết từ ba tới bốn trăm người ở Hà Nội”², và “trong khoảng thời gian từ 1885 tới 1920, tuổi trung bình của các viên chức Việt Nam trong chính quyền Pháp, trong đó có những người khá giả như thư kí, nhân viên đánh máy, nhân viên văn phòng, thuế quan, là 36 tuổi 6 tháng. Những cái chết sớm như vậy chủ yếu do dịch tả xuất hiện từ tháng bảy tới tháng chín hàng năm”³.

Xếp sau dịch tả là dịch hạch, như trận dịch xảy ra trong khu phố cổ vào năm 1902. “Trận dịch này, người ta quy trách nhiệm cho những người phu Trung Quốc bị cách li ở Văn Miếu để kiểm dịch. Vì vi trùng dịch hạch được truyền qua chuột nên tòa Thị chính Hà Nội, vào tháng 4-1903, quyết định trả thù lao 0,20 đồng cho những ai bắt được 100 con chuột. Kết quả là biện pháp đó ngay lập tức tạo điều kiện cho việc nuôi chuột⁴. Thế là người ta phải thay đổi biện pháp và đã mang lại kết quả: chỉ trong năm tháng, từ tháng 1 tới tháng 6 năm 1906, trên 55.030 con chuột được mang tới sở cảnh sát.

Tuy nhiên, việc dập tắt các trận dịch đã vấp phải sự chống đối của dân chúng không hiểu biết. Họ nhiều lần nổi dậy chống lại việc thiêu hủy những ngôi nhà nhiễm

² Philippe Papin, *Histoire de Hanoi*.

³ Như trên.

⁴ Xem *Bulletin médical de l'Indochine*, số các tháng 10, 11, 12 năm 1906, Hà Nội.

¹ Xem Georges Boudarel - Nguyen Van Ky, *Hanoi 1936 - 1996*.

dịch, chống việc tẩy trùng, vào nhà kiểm tra, thậm chí cả trích ngừa mà họ cho rằng không hiệu nghiệm bằng đốt thật nhiều pháo⁵. Các gia đình che dấu những người nhiễm dịch hạch để tránh phải vào trại cách li Bạch Mai. Hơn thế nữa, các di hài thường được bí mật mang về quê mai táng càng làm cho tai họa lan rộng⁶.

Ngoài những trận dịch được ghi chép trong sách vở, còn có những trận dịch chỉ tồn tại trong trí nhớ của những người cao tuổi, chẳng hạn ngày nay ít ai có thể ngờ cùng với trận đói năm 1945 là trận dịch chảy rận ở Hà Nội.

TRẬN DỊCH HẠCH Ở HÀ NỘI NĂM 1903

Claude Bourrin

Trích Choses & Gens en Indochine (1898-1908)

Tôi được giải ngũ vài tuần trước khi bế mạc Đấu xảo⁷. Đấu xảo phải kết thúc vì lúc đó ở Hà Nội đang có dịch hạch. Tâm điểm ổ dịch lại chính là khu Đấu xảo do, theo như người ta nói, chuột trong các kiện hàng nhập khẩu từ Ấn Độ. Một đêm, tôi bị thức giấc vì những tiếng kêu rên vọng tới từ khu trại của những người gác An Nam. Tôi tới xem thì thấy nhiều người quần quai trên đất, có biểu hiện của các triệu chứng đáng ngờ. Tôi liền cấp báo bệnh viện, người tới đưa các bệnh nhân đi.

Sáng hôm sau lại có thêm nhiều trường hợp nữa trong đó có một số trường hợp tử vong. Người bồi của tôi cũng bị và định bỏ trốn khi nghe tới bệnh viện. Tôi phải đích thân lôi anh ta tới đồn cảnh sát và nói cặn kẽ với cảnh sát. Tuy vậy vẫn không ngăn cản được chú nhóc bỏ trốn và mang mầm bệnh về làng. Vậy mà không hiểu sao sau khi gây ra cái chết cho một số người nhà, anh bồi vẫn sống khỏe.

Trong một bài viết vui trên tạp chí *Vie indochinoise* do mình sáng lập, bác sĩ Le Lan⁸ đã trách vui bác sĩ

⁵ Đơn kêu ngày 20 và 21 tháng 4-1903 nói rằng các biện pháp của người Pháp chỉ tốt cho người Pháp vì "nội tạng người Pháp khác nội tạng người Việt Nam". Xem hồ sơ 74462, phòng R.S.T., Cục Lưu trữ Quốc gia.

⁶ Như trên.

⁷ Chỉ Đấu xảo Hà Nội 1902.

⁸ Bút danh của một sĩ quan Pháp, theo một an-nam-mít hóa bút danh được một số tác giả Pháp ưa chuộng lúc đó.

Yersin dùng phương pháp huyết trị liệu để ngăn chặn sự mất máu trong đám dân chúng đông như kiến của đại đế quốc bên cạnh. Giờ đây dịch hạch xảy ra với dân An Nam và tôi ngờ rằng người viết biên niên sắt đá ấy lại dám viết với sự đùa cợt đó lắm.

Gì đi nữa, trận dịch đã lan rộng và bắt đầu lan tới thành phố do sự sinh sản nhưng nhúc của chuột. Người ta vội vàng chuyển các bộ trung bày đi, lính cứu hỏa, vốn nhẩn rồi trong thời gian diễn ra Đấu xảo, đốt trụ các gian nhà không quan trọng. Người ta đào một chiếc hào quanh khu vực nhiễm dịch, lũ chuột tránh lửa chạy xuống hào liền bị vôi giết như ngã rạ. Có tới hàng ngàn con như vậy.

Trái với dự luận chung, thực ra trận dịch không phát sinh từ khu Đấu xảo vì trước khi các kiện hàng từ Ấn Độ tới, tòa nhà chính đã có những biện pháp diệt chuột. Nghị định 23-4-1902, tức sáu tháng trước khi khai mạc triển lãm, thưởng 4 xu cho ai giết hoặc bắt được một con chuột. Vài tuần sau, tiền thưởng hạ xuống còn một xu vì dân An Nam ra tận những vùng xa dần thủ đô để săn lùng chuột làm cho chi phí diệt chuột trở nên đáng kể. Nếu cứ giữ tiền thưởng ở mức bốn xu, có lẽ họ sẽ sang tận Ấn Độ lùng hàng lô hàng lóc chuột dịch hạch. Ngay mức thưởng một xu cũng đã làm cho săn chuột thành một thương vụ có giá, vì thế những người được bảo hộ⁹ khôn ngoan đã thẳng tay nuôi chuột ngay trong thành phố để tiết kiệm chi phí vận chuyển. Từ tháng 6, tiền thưởng hạ xuống còn nửa xu cho một con chuột còn đuôi. Nguyên do là cảnh sát chặt đuôi chuột đốt đi để ngăn người ta nộp xác một con chuột nhiều lần để lĩnh thưởng. Mặc, mỗi sáng số chuột mang tới sở cảnh sát vẫn không giảm, một hiện tượng cho thấy sự cùng cực của dân chúng Bắc Kỳ. Từ ngày 10-7, chính quyền hạ tiền thưởng xuống còn một xu cho năm con nhằm kết thúc một ngành công nghiệp cực kỳ nguy hiểm, vì biện pháp đưa ra tưởng rằng sẽ tiêu diệt chuột, nhưng thực tế lại tạo thuận lợi cho sự phát triển chúng.

Tuy nhiên, năm 1903, dịch hạch lại xuất hiện và bùng phát vào cuối mùa khô. Phải có những biện pháp diệt chuột. Ngày 3-4, người ta keo kiệt chỉ thưởng một

⁹ Chỉ nhân dân ta.

xu cho năm con chuột bắt được. Những người nuôi - bắt chuột làm ngơ. Mười lăm ngày sau, tiền thưởng phải tăng lên một xu cho hai con, sau đó là một xu một con vào ngày 1-5. Người ta tin rằng công nghiệp chuột không được dân chúng quan tâm nữa, bằng chứng là tiền thưởng tăng dần mà dân chúng vẫn làm ngơ: tiền thưởng ngày 1-12 là hai xu một con, ngày 4-2-1904 là ba xu một con. Chỉ tới ngày 22-2-1904, khi tiền thưởng là bốn xu một con thì chuột dự trữ, chuột nuôi cấp tốc... từ các nơi đổ về sở cảnh sát. Chính quyền phải vội vàng đề ra các hình phạt đối với những người vận chuyển chuột từ những vùng không được thưởng về. Cần chú ý rằng để chống dịch hạch hữu hiệu, cơ chế thưởng cũng vươn tới những tỉnh bị nhiễm dịch.

Việc cấm vận chuyển chuột đã chấm dứt việc buôn lậu chuột của các tay nuôi chuột và như vậy gần như chấm dứt một thảm họa.

TRẬN DỊCH TẢ Ở HÀ NỘI NĂM 1910

Jeanne Leuba

Tiểu dẫn

Bài này của Jeanne Leuba có tựa là *Quand la mort régnait (Souvenirs du choléra de Hanoi en 1910)*¹⁰, đăng trên nguyệt san *Etrême Asie - Revue indochinoise*, số tháng 3-1929. Bài được viết dưới dạng nhật ký từ ngày 14-5-1910 tới ngày 1-6-1910. Dưới đây chúng tôi trích một đoạn của ngày 14-5-1910.

Ở Hà Nội, người ta bàn tán nhiều về dịch tả nhưng chưa ai thấy nó ra sao trong ăn uống, đi lại. Chỉ là tin đồn như những tin đồn bình thường khác trong thành phố.

Nhưng ở đây dịch bùng lên bất ngờ. Người ta cảm thấy con quỷ khát máu đang có mặt khiến người An Nam phải cầu cúng, lúc nào cũng lo sợ nhiễm dịch; người ta cảm thấy nó quanh quất, không sao lường được, dấu đó trong không khí ngột ngạt. Những bản tin rợn người của báo chí khắc sâu trong tâm trí mọi người: những xác người nằm trên đất lờ mờ..., năm người đàn

bà¹¹ đi chợ, đột nhiên như bị sét đánh, ngã vật bên đường thành đồng..., những gia đình, thay nhau chết, phải bỏ trốn, nhìn thấy người chết nằm xếp hàng trên đường đi..., những ngôi làng vắng vẻ..., những đám mai táng vội vàng và bí mật để tránh Tây khử trùng..., một con thuyền bị tai họa giáng xuống, và những người trên thuyền đấu tranh với người chủ thuyền, hoảng quá, định ném những xác chết xuống sông..., những đám rước, những lễ thiêu sinh, hiến sinh của một số tư gia, nhiều tiền của bỏ ra cho những lễ vật bay theo khói; các buổi cầu đảo, những cô đồng thầy cốt¹² múa may ở các giao lộ với đôi má bị linh¹³ xuyên qua; tiếng trống thúc suốt ngày đêm, hương nghi ngút trong bóng tối trên các bàn thờ, sâu trong các chùa...

Và không một trường hợp nào xin rắc vôi, không một yêu cầu tẩy trùng, cũng chẳng ai nghĩ tới chuyện tẩy rửa. Cút dãi quanh nhà; ao tù hôi thối dùng để vo gạo, rửa bát đĩa, giặt quần áo; sự hỗn tạp lúc nhúc, các loại rau nước, rau xà lách, bầu bí, quả xanh, thức ăn tràn ngập các chợ cóc, và những chiếc miệng khát áp ngay vào các vòi nước...

Chỉ có những cơn mưa như thác mới có thể cứu được xứ sở đang gặp tai họa này. Nhưng đất tiếp tục như hóa đá dưới ánh mặt trời tro tro. Trời vẫn vũ mây như sắp có giông. Mây tối đen như mực kéo tới trong tiếng sấm rền nhưng rồi tan biến, chỉ mang lại sự ngột ngạt nặng nề. Cơn sốt dâng lên trong mạch dưới bầu trời trắng lóa như một tấm kim loại. Những cái đầu căng thẳng càng nặng nề thêm. Và sự thư thái không biết bao giờ mới tới.

¹¹ Nguyễn văn công ai.

¹² Tam dịch từ nguyên văn *illumine*, nghĩa đen là kẻ cuồng tưởng.

¹³ Nguyễn văn poignard.

¹⁰ Tam dịch *Khi cái chết ngự trị (những kỉ niệm về trận dịch tả ở Hà Nội năm 1910)*.



75. - TONKIN. - HANOI. - Les Mangeurs de poux en famille

▼ Chuẩn bị đồ nấu ăn

Nguồn: <http://hanoilavie.com>

Một cô gái gần Hà Nội chuẩn bị cho bữa ăn. Trong vùng đồng bằng Bắc Bộ có rất nhiều ao hồ, thường mỗi nhà có một ao riêng. Ao dùng cho người và súc vật tắm, rửa rau và nấu, bát; thậm chí dùng để tưới ruộng trong mùa khô. Người ta cũng trồng trong ao một số cây ăn được.

▲ Bắt chấy

Nguồn: <http://hanoilavie.com>



CEtte PETITE TONKINOISE DES ENVIRONS DE HANOI PRÉPARE LE REPAS FAMILIAL. LES ÉTANGS SONT TRÈS NOMBREUX DANS LES DELTAS ANNAMITES. SOUVENT CHAQUE CASE A LE SIEN, ILS SERVENT AU BAIN DES HOMMES ET DES ANIMAUX, AU NETTOYAGE DES LÉGUMES ET DE LA VAISSELLE, ET MÊME A L'IRRIGATION DES RIZIÈRES EN PÉRIODE DE SÉCHÉRESSE. ON Y FAIT AUSSI POUSSER CERTAINES PLANTES COMESTIBLES.

LỄ HẠ CỜ CỦA QUÂN ĐỘI PHÁP TẠI THÀNH HÀ NỘI NĂM 1954

Tiểu dẫn

*Bài dưới đây chúng tôi tham khảo từ trang web **dienbienphu.org** của các cựu binh Pháp đã chiến đấu ở Điện Biên Phủ. Theo chúng tôi, đây là một tư liệu rất lí thú vì nó hoàn chỉnh, về mặt sử học, cho giai đoạn từ lúc Francis Garnier kéo cờ Pháp trên Cột Cờ Hà Nội tới buổi lễ hạ cờ dưới đây.*

Một cơn mưa đổ xuống thành phố khi lính kèn nổi nhạc chào lá cờ lần cuối cùng. Lính lê-dương và lính Bắc Phi, những người đã chiến đấu bảy năm trên các đồng lúa châu Á, bỗng sững chào.

Tướng Masson, chỉ huy trưởng lực lượng triệt thoái bước ra Sân vận động Hà Nội¹. Cờ được kéo xuống. Hai hạ sĩ quan gấp lá cờ thành bốn; sau đó, một người đứng nghiêm đưa hai tay đón lá cờ gấp.

Lúc đó tướng Masson mới quay về phía đại tá Argence ra lệnh: “Tiến lên!”. Một người lính già, ngực đầy huân chương trong đó có chiếc Bắc đẩu bội tinh, tiến lên mấy bước.

Tướng Masson nói: “Đại tá Argence, ông xứng đáng giữ lá cờ này, tôi trao nó cho ông. Ông đã bảo vệ Thành Hà Nội năm 1945, xứng đáng là người ra đi cuối cùng”.

Yên lặng bao trùm vừa khóp với tiếng gió mưa. Lẫn với nước mưa trên mặt các sĩ quan là những giọt nước mắt lặng lẽ của sự tuyệt vọng. Tiếng kèn vang lên trong buổi lễ thống thiết này đánh dấu sự kết thúc của một giai đoạn lịch sử. Đó là 75 năm hiện diện của nước Pháp mà nay ra đi với lá cờ này.

Đông Dương không còn nữa! Các đơn vị rút đi. “Trung đoàn Bắc Kỳ” là đơn vị cuối cùng của quân đội Pháp rời Hà Nội, mang theo lá cờ Pháp.

Tì cùi tay vào bờ thành tàu, những người lính kê-pi trắng² thấy xa dần mảnh đất họ hằng yêu mến mà giờ đây vĩnh viễn giữ lại một số đồng ngũ của họ trong lòng đất.

¹ Trước đây gọi là sân Mangin, nay là sân của CLB Quân đội, ở phía sau Thư viện Quân đội, trên đường Hoàng Diệu.

² Chỉ lính lê-dương.



▲ Lễ hạ cờ của quân viễn chinh Pháp
trong Thành Hà Nội ngày 9-10-1954
Nguồn: tạp chí LIFE



◀ **Tướng Cogny trên một tàu đổ bộ LCT³ rút khỏi Miền Bắc Việt Nam.**

*Nguồn: Indochine française 1856-1956,
Eric Deroo – Pierre Valaud*

Ông nhìn Vịnh Hạ Long và nghĩa trang hải quân lần cuối cùng.
Trong nghĩa trang có mộ của những người lính đầu tiên chết
trong cuộc chinh phục thuộc địa.

³ Nhân dân ta gọi là tàu há mồm.

TƯ LIỆU ẢNH:

HÀ NỘI TRONG NHỮNG GIỜ PHÚT CUỐI CÙNG CỦA NGƯỜI PHÁP



French wounded from Dien Bien Phu

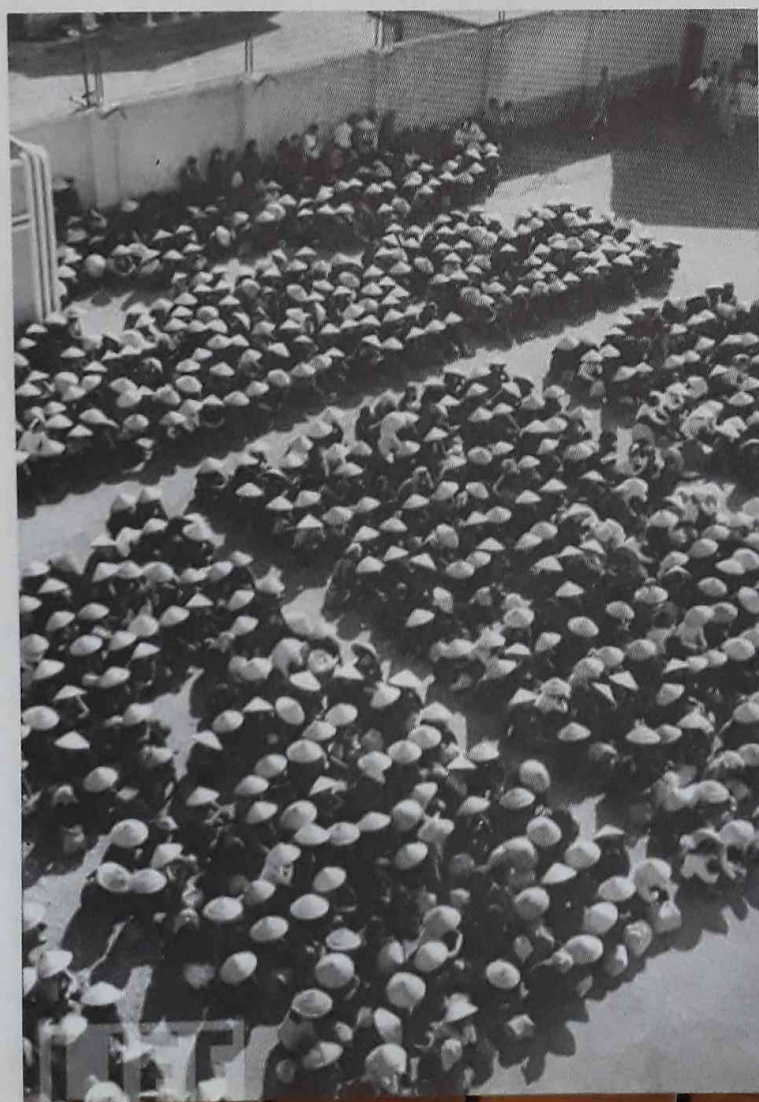
Thương binh Pháp từ Điện Biên Phủ được chuyển về Hà Nội

Trong các sách vở tranh ảnh của Pháp về việc rút khỏi Hà Nội, có một điểm lí thú là sự kiện Điện Biên Phủ thường được gắn với sự kiện họ rút khỏi Hà Nội năm 1954.

Nguồn: tạp chí LIFE



▲ Các phòng giam
Nguồn: tạp chí LIFE



◀ Tù nhân trước tháng 10-1954

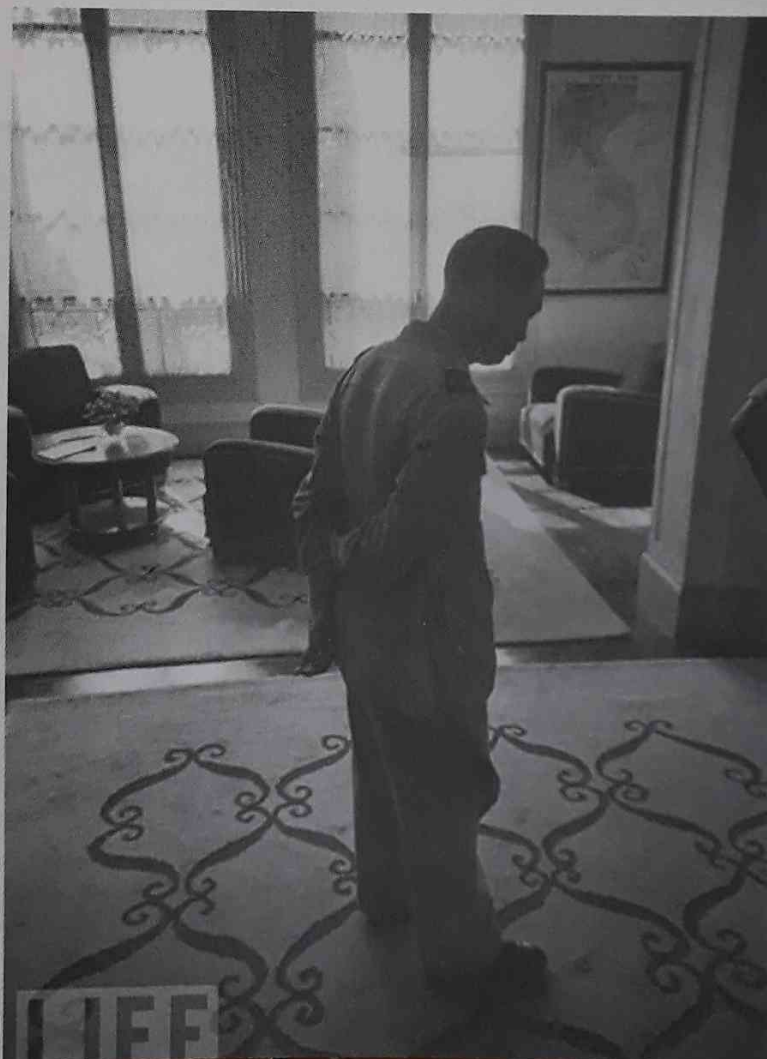
Nguồn: tạp chí LIFE

"Có một số lượng rất đông tù nhân là thường dân, chủ yếu là phụ nữ"(Life). Ảnh chụp ngày 1-7-1954.

► **Họp Ủy ban phòng thủ Bắc Việt**
 Nguồn: tạp chí LIFE
 Cuộc họp gồm thiếu tướng Nguyễn Văn
 Vạn, ông Trần Trung Dung, ông Hoàng Cơ
 Bình. Họ nằm trong một ủy ban ba người
 mà tờ Life gọi là Committee for defense of
 North Vietnam, xin tạm dịch như trên.



► **Thiếu tướng Nguyễn Văn Vạn**
 Nguồn: tạp chí LIFE





▲ Luyến tiếc (1)
Nguồn: tạp chí LIFE

▼ Luyến tiếc (2)

Nguồn: tạp chí LIFE

Ảnh này và ảnh trên chụp Sân Mangin (nay là Sân câu lạc bộ Quân đội) từ một ngôi nhà ở phía Bắc Cột Cờ một chút. Hàng cây bên phải là hàng cây trên đường Hoàng Diệu.





▲ Chiếc GMC⁴ cuối cùng trong Thành?
 Nguồn: tạp chí LIFE

⁴ GMC viết tắt từ General Motor Company; một loại xe do Mỹ sản xuất, thông dụng trong quân đội Pháp thời kì 1945-1954.

► Giây khắc cuối cùng của
 người Pháp ở Dinh Toàn quyền

Nguồn: tạp chí LIFE

Thực ra tại thời điểm chụp, tòa
 nhà này mang tên Biệt Điện, nơi
 ở của Bảo Đại tại Hà Nội, những
 người trong ảnh không hoàn toàn
 là người Pháp.





▼ Những người Pháp cuối cùng tại trường Đại học Đông Dương

Nguồn: tạp chí LIFE

Tòa nhà sau cửa sổ với đường dẫn nghiêng nghiêng lên thêm chờ cho biết đó là tòa nhà chính, trông ra đường Lê Thánh Tôn, của Đại học Đông Dương. Sơ mi trắng của những người hai phía cho biết họ không phải giới nhà binh, họ là những nhà khoa bảng. Người đứng ở vị thế chủ tọa có thể, với nhiều phần trăm chắc chắn, là giáo sư Trần Văn Giàu. Hai người Pháp đứng ngoài cửa cho thấy họ không có vai trò gì trong cuộc họp nhưng đã kịp làm chứng nhân cho sự hiện diện cuối cùng của người Pháp tại tòa nhà tên tuổi một thời.

▲ Người Pháp cuối cùng bên bể bơi đường Hoàng Văn Thụ (nay là bể bơi Ba Đình)

Nguồn: tạp chí LIFE





▲ Những người Pháp cuối cùng tại Nhà máy nước Yên Phụ⁵

Nguồn: tạp chí LIFE

⁵ Nay thuộc Công ti Nước sạch Hà Nội.



► Người Pháp cuối cùng tại bốt Hàng Trống (1)

Nguồn: tạp chí LIFE

Đồn cảnh sát này trước Cách mạng tháng Tám gọi là bốt Hàng Trống. Tại thời điểm chụp, đồn là trụ sở Ty Cảnh sát Thành phố Hà Nội, nay là trụ sở Công an Quận Hoàn Kiếm.



◀ Người Pháp cuối cùng tại bót Hàng Trống (2)

Nguồn: tạp chí LIFE

Ảnh chụp từ bên trong bót Hàng Trống. Phía trước là ngã tư chạy về bốn phố khác nhau: Hàng Khay, Giá Long (nay là Bà Triệu), Tràng Thi, Lê Thái Tổ. Tòa nhà chính giữa ảnh và một cửa bị thân cây che khuất là cửa hàng của công ti Descours et Cabaud, nay là trụ sở một công ti du lịch.

▼ Chào vĩnh biệt...

Nguồn: tạp chí LIFE





▲ ...những người nằm lại (1)

Nguồn: tạp chí LIFE

▼ ...những người nằm lại (2)

Nguồn: tạp chí LIFE





▲ Di chuyển hài cốt trước khi rút đi
Nguồn: tạp chí LIFE



◀ Suy nghĩ trước bản tin
Nguồn: tạp chí LIFE



▲ Buổi học cuối cùng?
 Nguồn: tạp chí LIFE

▼ Chợ Trời bên hồ Thiền Quang
 Nguồn: tạp chí LIFE

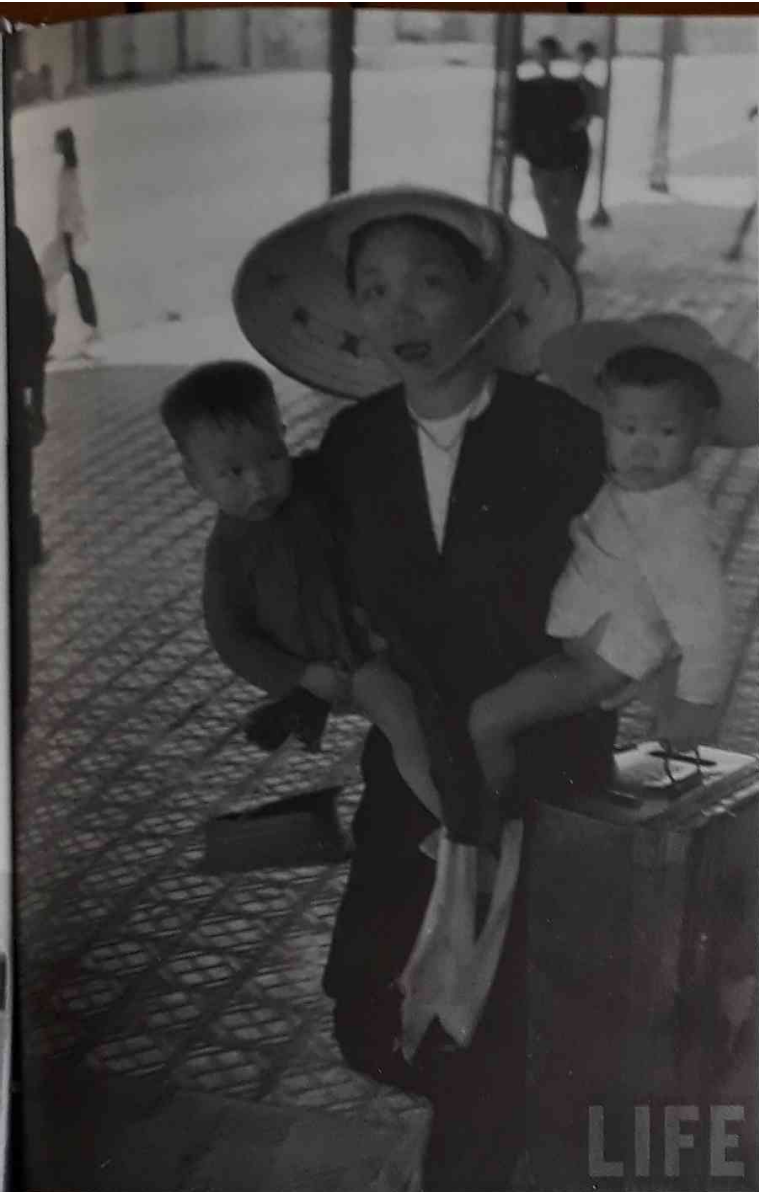




◀ Một chợ Trời nữa
Nguồn: tạp chí LIFE



▶ Những người ra đi cùng quân đội Pháp (1)
Nguồn: tạp chí LIFE



◀ Những người ra đi cùng quân đội Pháp (2)
 Nguồn: tạp chí LIFE



▶ Trước giờ ra đi (1)
 Nguồn: tạp chí LIFE

Ảnh cho bạn đọc biết vị trí quán rượu Tavern Royal tên tuổi một thời,
 và hình dáng của hai chiếc xe tải Citroen T45 bên kia đường.



▲ Trước giờ ra đi (2)

Nguồn: tạp chí LIFE

Các nhân vật trong hai ảnh cho thấy người phụ nữ mặc áo dài chỉ là một người giúp việc.

▼ Sân bay Gia Lâm (1)

Nguồn: tạp chí LIFE





▲ Sân bay Gia Lâm (2)
Nguồn: tạp chí LIFE

▼ Người Pháp cuối cùng trên đường Lý Nam Đế

Nguồn: tạp chí LIFE

Kiểu nhà cùng với người lính sau hàng rào cho ta đoán, với nhiều chắc chắn, đây là phố Lý Nam Đế.





▲ Sẵn sàng rút
Nguồn: tạp chí LIFE



◀ Chờ đợi rút
Nguồn: tạp chí LIFE



▲ Kề đi, người đến
Nguồn: tạp chí LIFE

▼ Những giây phút cuối cùng của quân

Pháp trên một phố cổ

Nguồn: tạp chí LIFE

Tám biển gắn trên cột điện bên phải ảnh và
đường tàu điện cho biết đây là ngã tư Hàng Gai
– Phú Doãn.





Phố Hàng Gai trước và sau khi Pháp rút

Nguồn: tạp chí LIFE

Định vị phố này là việc không khó lắm đối với những người có tuổi và trước đây hay nhảy tàu điện: đường tàu điện từ chính giữa đường chuyển vào sát vỉa hè, điểm đặc trưng của hệ thống đường tàu điện Hà Nội chỉ thấy tại đây, cho ta biết đây là ngã tư Hàng Gai – Lương Văn Can. Điều này còn được khẳng định bằng hình con dấu (hình trên) của hiệu khắc dấu tập trung ở phố này, và bằng biểu hiệu của hiệu giày Tân Toàn (hình dưới), số nhà 67 hoặc 87 Hàng Gai. Cà kê một chút, không biết hiệu giày này có họ hàng gì với hiệu giày Hoàn Toàn tên tuổi một thời trước đây không.

Hướng mũi xe nhà binh Pháp (hình trên) và lá cờ đỏ sao vàng (hình dưới) cho thấy hướng rút của đơn vị quân Pháp này từ Thành ra, hướng về phía Bờ Hồ.



Quân Pháp trên cầu Doumer

Nguồn: tạp chí LIFE

TƯ LIỆU ẢNH:

LỚP LỚP ĐOÀN QUÂN TIẾN VỀ⁶ ...

Tiểu dẫn

Ngày 20-11-1873, cờ Pháp cắm trên Cột Cờ, Thành Hà Nội; 9- 10-1954 lá cờ đó bị kéo xuống, cũng trong Thành. Hai mốc thời gian tạo ra giai đoạn chủ đề của cuốn sách này.

Có thể coi đây là khúc vĩ thanh của chủ đề đó.



Tướng Văn Tiến Dũng tại hội nghị Trung Giã

Nguồn: tạp chí LIFE

Trung Giã là một địa điểm trên quốc lộ 3 từ Hà Nội đi Thái Nguyên. Tại đây, năm 1954, diễn ra hội nghị quân sự Việt-Pháp thảo luận các vấn đề trong đó có qui trình Pháp rút khỏi Hà Nội. •
Tại thời điểm chụp, ông Dũng chưa là tướng.

⁶ Mượn lời câu hát trong bài *Tiến về Hà Nội* của nhạc sĩ Văn Cao.



▲ Năm cửa ô đón mừng đoàn quân tiến về... (1)

Nguồn: tạp chí LIFE

Cây cầu đường sắt chung với đường bộ cho thấy đây không phải là cầu Long Biên. Xét các cầu đường sắt chạy về Hà Nội, cầu này có thể là cầu Đường.

▼ Năm cửa ô đón mừng đoàn quân tiến về... (2)

Nguồn: tạp chí LIFE

Ảnh chụp bên đường tàu điện Yên Phụ.

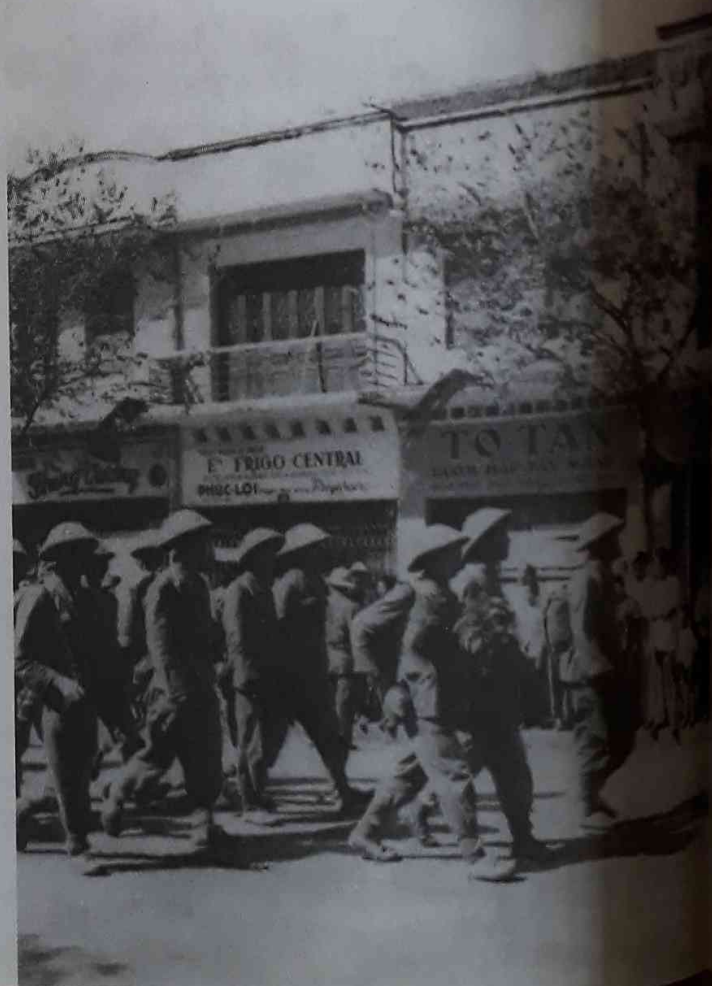
⁷ Câu mượn của bài hát *Tiến về Hà Nội* của nhạc sĩ Văn Cao.



LIFE



▲ Năm cửa ô đón mừng đoàn quân tiến về ... (3)
 Nguồn: tạp chí LIFE



► Năm cửa ô đón mừng đoàn quân tiến về ... (4)

Nguồn: tạp chí LIFE

Ảnh chụp trước cửa nhà số 208, phố Duy Tân (nay là phố Huế).
 Hiệu nhuộm Tô Tân nằm gần ngã tư Huế-Nguyễn Công Trứ.
 Điểm lí thú của bức ảnh đối với người soạn cuốn sách này là nếu đi
 ngược đoàn quân, khoảng ba chục nhà nữa, ta sẽ gặp nhà số 1
 Đoàn Trần Nghiệp, tại ngã ba Huế - Đoàn Trần Nghiệp, nơi gia đình
 anh ta đóng kín cửa, vào tháng 10-1954, nín lặng nhìn lính Tây đi đi
 lại lại, để rồi mở cửa chạy ào ra khi lá cờ đỏ sao vàng
 xuất hiện ở đầu đoàn quân.



▲ Năm cửa ô đón mừng đoàn quân tiến về ... (5)
 Nguồn: tạp chí LIFE

▼ Năm cửa ô đón mừng đoàn quân tiến về ... (6)
 Nguồn: tạp chí LIFE





▲ Năm cửa ô đón mừng đoàn quân tiến về ... (7)

Nguồn: tạp chí LIFE

Ảnh chụp trước hiệu kem Long Vân, tại vòng xoay Đinh Tiên Hoàng - Lê Thái Tổ hiện nay.



◀ Năm cửa ô đón mừng đoàn quân tiến về ... (8)

Nguồn: tạp chí LIFE



Năm cửa ô đón mừng đoàn quân tiến về ... (9)

Nguồn: tạp chí LIFE



▲ **Voi trên phố Hàng Đào**
 Nguồn: tạp chí LIFE



► **Tiếp quản phủ Toàn quyền**
 Nguồn: tạp chí LIFE
 Tại thời điểm chụp, cơ sở này mang tên Biệt điện.



▲ Các anh về ... (1)
Nguồn: tạp chí LIFE

▼ Các anh về ... (2)

Nguồn: tạp chí LIFE

Ảnh chụp trước Trường Đại học Đông Dương cũ, đường Lê Thánh Tôn.





Các anh về ... (3)

Nguồn: Indochine française 1856-1956,

Eric Deroo - Pierre Valaud



Anh bộ đội (1)

Nguồn: Indochine française 1856-1956,

Eric Deroo - Pierre Valaud



LIFE

▲ Anh bộ đội (2)
Nguồn: tạp chí LIFE



► Anh bộ đội (3)
Nguồn: tạp chí LIFE

LIFE

► Anh bộ đội (4)

Nguồn: tạp chí LIFE

Chiến sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam đứng gác trước lãnh sự quán Mỹ trên đường Hai Bà Trưng. Ảnh chụp ngày 1-10-1954.



◄ Anh bộ đội (5)

Nguồn: tạp chí LIFE



▲ Cán bộ (1)
 Nguồn: tạp chí LIFE

▼ Cán bộ (2)
 Nguồn: tạp chí LIFE





◀ **Cán bộ (3)**
 Nguồn: tạp chí LIFE

▼ **Đón mừng bộ đội (1)**
 Nguồn: tạp chí LIFE





Đón mừng bộ đội (2)

Nguồn: tạp chí LIFE



▲ Đón mừng bộ đội (3)
Nguồn: tạp chí LIFE

▼ Đón mừng bộ đội (4)
Nguồn: tạp chí LIFE



PHỤ LỤC 1

Phụ lục này gồm 2 phần:

1. Sơ đồ các di tích lịch sử của Montelambert
2. Bản đồ các công trình xây dựng thời thuộc địa

I. SƠ ĐỒ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ CỦA MONTELAMBERT

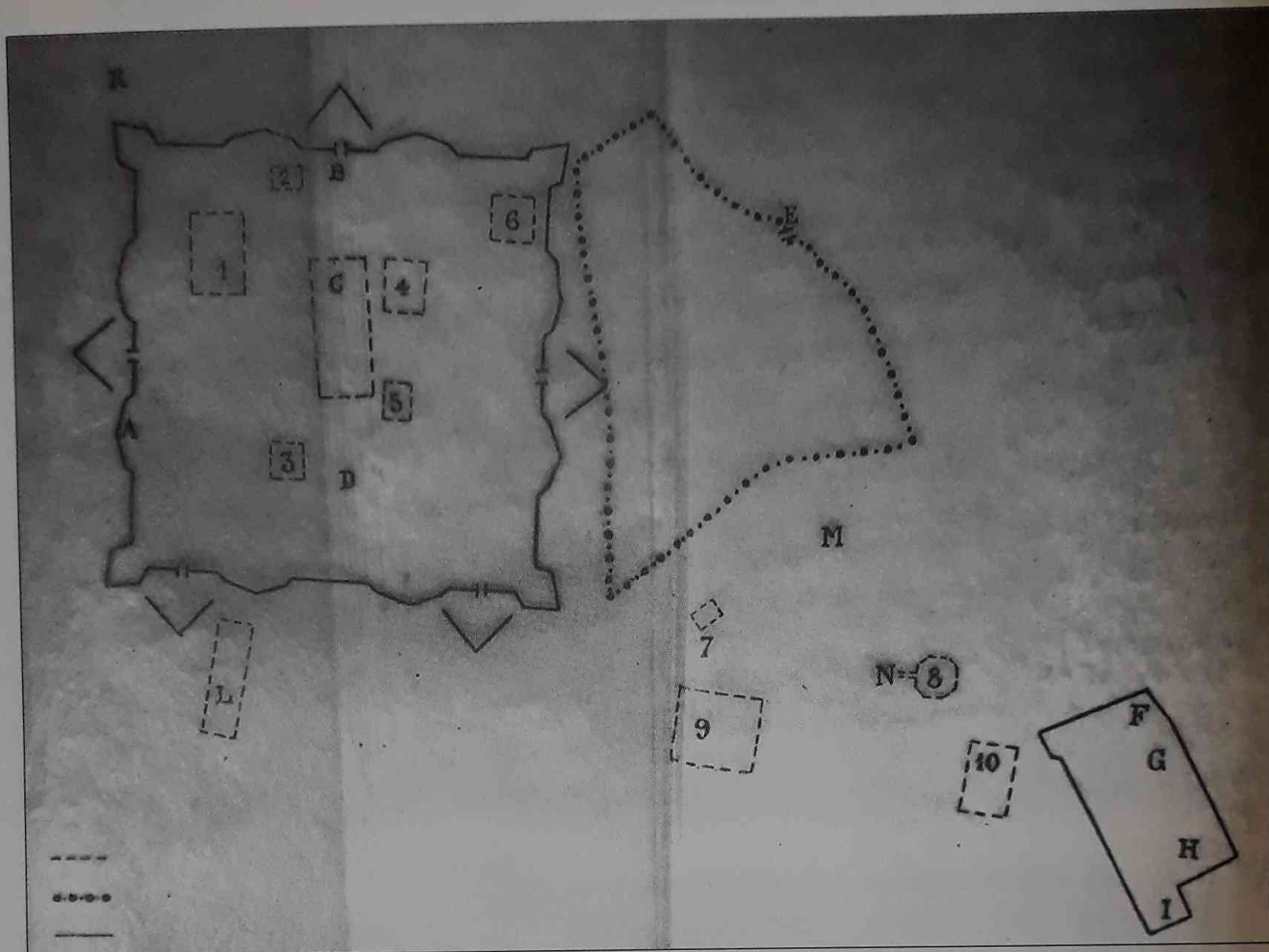
Tiểu dẫn

Phần này trích từ cuốn **HANOI pendant la période héroïque (1873-1888)** của André Masson. Sơ đồ cho biết các di tích lịch sử ở Hà Nội. Nó giúp tra cứu, làm rõ vị trí địa lý của một số điểm nói ở các bài trên..

Sơ đồ gồm 2 bản đồ chồng lên nhau: bản đồ thứ nhất (hình 1) là bản đồ Hà Nội chụp từ trên không với ghi chú các công sở, công thự, công trình nghệ thuật, công trình lịch sử; bản đồ thứ hai (hình 2) do Montelambert vẽ trên giấy mờ (còn gọi là giấy can) và được đặt chính xác trên bản đồ thứ nhất sao cho một vị trí trên hai bản đồ trùng nhau nhằm làm cho độc giả biết một địa điểm lịch sử (được ghi trên bản đồ 2) nằm ở đâu trên bản đồ không ảnh.

▼ Hình 1.- Bản đồ Hà Nội chụp từ trên không được in trên giấy thường.





Hình 2.- Bản đồ do Montelambert vẽ trên giấy mờ.

CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ BIẾN MẤT:

1. Kho của tỉnh Hà Nội.
2. Dinh Quan bố.
3. Võ miếu.
4. Dinh Tổng đốc .
5. Dinh Tuần phủ.
6. Nhà tù.
7. Chùa Không Lộ¹.
8. Chùa Báo Ân.
9. Văn Miếu.
10. Trường Tiên.

CÁC CÔNG TRÌNH ĐƯỢC BẢO TỒN

- A. Đoạn pháo đài nhô phía Tây².
- B. Cửa Bắc.
- C. Nền Cố Cung.
- D. Cột Cờ.
- E. Cổng Ô Quan Chưởng.
- F. Tòa Lãnh sự (bị phá hủy năm 1927)³.
- G. Dinh Tổng chỉ huy Quân đội⁴.
- H. Doanh trại binh lính bảo vệ lãnh sự⁵.
- I. Nghĩa địa Pháp đầu tiên⁶.
- K. Đền Quán Thánh.
- L. Văn Miếu.
- M. Đền Ngọc Sơn.
- N. Cổng chùa Báo Ân.

² Nay đã biến mất, nhường chỗ cho khu Bộ Tư Pháp và nhà khách Hùng Vương hiện nay.

³ Để xây dựng tòa nhà nay là Bảo tàng Lịch sử ở đầu phố Phạm Ngũ Lão.

⁴ Trên phố Phạm Ngũ Lão hiện nay.

⁵ Trên phố Phạm Ngũ Lão hiện nay.

⁶ Nằm trong khu vực nay là Bộ Tư lệnh Biên phòng, cuối đường Trần Hưng Đạo.

¹ Tức Chùa Li Quốc Sư ở phố Li Quốc Sư.

PHỤ LỤC 2

BẢNG ĐỐI CHIẾU ĐỊA DANH

CHÚ THÍCH

A

An-trung: làng An-trung ở khoảng gần phố Hàng Điều và khu Nhà Hỏa ngày nay.

B

Bắc-hà: tên gọi vùng Chùa Trích ngự trị để phân biệt với Nam-hà là vùng Chùa Nguyễn ngự trị. Bắc-hà gồm từ vùng Đèo Ngang trở ra Bắc, ở đây dùng để trở vùng Bắc-bộ, tức là từ Ninh-bình trở ra Bắc.

Bảo-linh (thôn): nay là khu vực phố Hàng Tre.

Bích-câu: làng Bích-câu ngày nay ở khu vực phía sau sân vận động Hàng Đẫy.

Bích-lưu: tên làng nay ở vào khoảng phố Thợ Nhuộm gặp phố Hai Bà Trưng, vườn hoa Mê-linh.

Bảo-khánh: tên làng, nay là khu vực phố Bảo-khánh ở phía tây bắc Hồ Gươm.

Bến Trường-tín: bến đò này ở vào phía Nam Hà-nội, khoảng phía Bắc bến Phà-đen ngày nay.

Báo-thiên: Tháp Báo-thiên này xây từ đời Lý cùng với chùa Báo-thiên, đến thời Pháp sang, đã trải qua tám trăm năm. Chỗ tháp Báo-thiên cũ, nay là nơi dựng nhà Thờ-lớn.

Bón-be (phố): phố Tràng-tiền ngày nay.

C

- Cồ-lân*: làng này ở cạnh làng Cựu-lâu, nay là khu vực cạnh nhà Hát-lớn và khu vực viện Bảo tàng cách mạng.
- Cựu-lâu*: làng Cựu-lâu ở vào vùng Ngũ Long-lâu cũ nay là phố Tràng-tiền.
- Cồ-am*: làng Cồ-am thuộc huyện Vĩnh-bảo, thuộc Hải-dương.
- Cồ-vũ*: tên phường, nay là ở khoảng phố Hàng Nón và khúc giữa phố Hàng Gai.
- Cồ-nhuế*: tên làng, ở huyện Từ-liêm, ngoại thành Hà-nội.
- Chân-cầm*: làng này ở vào khoảng phố Chân-cầm ngày nay.
- Cót*: tức làng An-quyết, nay thuộc xã An-hòa ở sát phía Tây Nam Ô Cầu-giấy.
- Cống Vị, Vạn-phúc*: các địa điểm và làng thuộc huyện Từ-liêm sát phía Tây Hà-nội.
- Cách Bi*: tên làng (Vật-cách và Cồ-bi) ở huyện Gia-lâm.
- Cửa Đại Pháp quốc*: tức là Ô Tây-long cũ, ở gần nhà Hát-lớn hiện nay.
- Cờ Ngự (Đường)*: con đường ngăn hồ Trúc-bạch với Hồ-tây. Nay là đường Thanh Niên.

D

- Du-lâm*: làng này thuộc huyện Đông-anh, ngoại thành Hà-nội hiện nay.
- Dịch-vọng*: tức làng Vòng ở huyện Từ-liêm, ngoại thành Hà-nội ngày nay.
- Dũng-thọ*: tên làng, nay là khu vực ngõ Hàng Giấy và phố Hải Tượng.
- Dinh thự của Kinh lược sứ*: dinh này ở vào khu vực Thư viện Quốc-gia và phía sau Bộ Công nghiệp nặng, thuộc phố Tràng-thị ngày nay.

- Đông-ngạc**: tức làng Vẽ, ở ven sông Hồng, thuộc huyện Từ-liêm, ngoại thành Hà-nội ngày nay.
- Đảo Hòn Ngọc**: hòn đảo phía Bắc Hồ Gươm, trên có xây đền Ngọc-sơn.
- Đông-thọ**: tổng Đông-thọ, thuộc huyện Thọ-xương bao gồm nhiều làng và phường, nay là khu vực từ phố Hàng Buồm đến phố Tràng-tiền.
- Đông-nhân**: tên làng ở phía Nam Hà-nội cũ, ven sông Hồng, nay đã lở. Đền Bà Trưng ở làng đó, đã di vào làng Hương-viên ở sau khu tập thể Nguyễn Công Trứ ngày nay.
- Đông-ngàn**: một huyện thuộc phủ Từ-sơn ngày xưa. Phủ Từ-sơn gồm nhiều huyện. Nhưng thời Pháp thuộc huyện Đông-ngàn cũ được đổi thành phủ Từ-sơn tức huyện Từ-sơn sau này. Gần đây huyện Từ-sơn lại sáp nhập với huyện Tiên-du thành huyện Tiên-sơn, tỉnh Hà-bắc.
- Đông-thành (chợ)**: chợ này ở phường Đông-thành cũ, nay là khoảng phố Hàng Phèn, Hàng Vải.
- Đông-lân (bến) phường Hà-khẩu**: bến Đông-lân hay Đông-hà ở cạnh cửa sông Tô-lich, khoảng chợ Gạo ngày nay, ở phía đông phường Hà-khẩu (nay là khu vực phố Hàng Buồm) Ở Đông-hà ở đây.
- Đông-hà (phường)**: Đứng lẫn với ô Đông-hà. Phường Đông-hà ở vào khoảng phố Cầu-gỗ và đầu phố Hàng Gai ngày nay.
- Đền-thủy**: Khu vực Đền-thủy cũ của ta, về sau nhà Nguyễn dâng cho thực dân Pháp làm nhượng địa, bao gồm khu vực ven sông Hồng, từ phía sau nhà Hát-lớn. Viện Bảo tàng Lịch-sử kéo dài đến Bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô ngày nay.
- Đông-thành (phường)**: phường Đông-thành gồm khu vực các phố Hàng Đồng, Hàng Vải, Hàng Bút, Hàng Phèn, phố Thuốc-bắc, phố Bát-sứ.
- Đông-xuân**: Tổng Đông-xuân bao gồm khu vực Bắc khu phố Hoàn-kiểm ngày nay.
- Đền Bà Chúa**: tức đền Bà Kiệu, ở phố Đinh Tiên Hoàng, phía đông Hồ Gươm.

Đê La-thành: con đê này bây giờ đã thành đường nhựa đi từ Thủ-lệ (chỗ đền Voi-phục) qua Giảng-võ đến Ô Chợ Dừa. Ở gần Giảng-võ có tấm bia ghi ngày và nơi tử trận của Francis Garnier (tấm bia mới đổ nát vài năm gần đây).

Đền Thần Hỏa: hoặc miếu Thần Hỏa ở số nhà 30 phố Hàng Diêu ngày nay.

Đấu-xảo (phố): phố Trường-thị ngày nay. Năm 1887, thực dân Pháp mở hội chợ Đấu xảo ở khu vực ấy. (Đấu xảo nghĩa là thi khéo).

Đống-thành (thôn): ở vào khoảng các phố Hàng Phèn, Hàng Vải, Hàng Bút, Hàng Bát sứ ngày nay.

G

Gia-ngư: thôn này ở vào khoảng phố Gia-ngư ngày nay, đi từ phố Hàng Giấy ra phố Hàng Đào.

Giảng-võ, Ngọc-khánh, Thủ-lệ: các thôn này ở phía đông và phía đông nam Ô Cầu-giấy.

Gò Nam-giao: Nam-giao là nơi nhà vua xưa làm lễ tế trời. Nam-giao thường đặt ở phía Nam kinh đô. Đời Lê, vua đóng đô ở Hà-nội. Đền Nam-giao đặt ở phía Nam kinh thành, thuộc khu vực phố Lê Đại Hành và Đại Cồ Việt của Hà-nội hiện nay.

Gia-quất, Thượng-cát: làng thuộc huyện Gia-lâm.

Gláp-bát: làng Gláp-bát thuộc huyện Thanh-tri ở phía Nam Hà-nội.

Gambetta (phố): Đó là tên mà ngày trước thực dân Pháp đặt cho phố Trần Hưng Đạo ngày nay.

H

Hòa ước Nhâm-tuất: hòa ước 1862 bọn phong kiến nhà Nguyễn bán đứng Nam-kỳ cho Pháp.

Hồ thủy quân: tức là hồ Hữu Vọng. Hồ Hoàn-kiểm trước kia gồm hai phần: hồ Tả vọng tức Hồ Gươm ngày nay, và hồ Hữu-vọng kéo dài đến tận phố Hàng Chuối bây giờ. Tên Hồ-thủy-quân trước đây dùng để chỉ cả hai phần, về sau quen dùng để chỉ hồ Hữu-vọng. Hồ này ngày nay đã bị lấp.
Hương-mặc (làng): tức làng Me, nay thuộc huyện Tiên-sơn, Hà-bắc.

Hồ Thái cực: hồ này ngày nay đã bị lấp. Địa điểm cũ của hồ là ở khu vực Hàng Đào, từ phố Trung-yên ăn thông ra phố Hàng Bạc.

Hà-khẩu: xem chú thích Đông-tân (bến).

Hà-thanh (làng): Đứng lẫn với làng Thanh-hà. Làng này ở vào khoảng nay là phố Cầu-gỗ và phố Hàng Dầu, phía đông bắc Hồ Gươm.

Hòa-phong (tháp): tháp này là một bộ phận của chùa Quan Thượng. Chùa đã mất nhưng tháp vẫn còn. Hiện nay tháp ở ven Hồ Gươm, cạnh chỗ tàu điện đổ, gần chợ hàng hoa, ngã tư Tràng-tiền.

Hoàng-mai (tên làng): ở phía dưới chợ Mơ.

Hương-canh: tên làng ở huyện Kim-anh, tỉnh Vĩnh-phú ngày nay.

Hòe-nhai (chùa): chùa Hòe-nhai ở phố Hàng Than ngày nay. Người ta còn hay gọi là chùa Hòa Giai.

Hàm-long: ở vào địa điểm phố Hàm-long ngày nay.

Hạ Yên-quyết: tức làng Cót nay là xã Yên-hòa, ở Tây nam Cầu-giấy.

Hàng Cỏ (phố): tên quen dùng để chỉ khúc phố từ nhà ga Hà-nội (tức ga Hàng Cỏ) đến chỗ cắt ngang phố Quang Trung ngày nay.

Huyện Thọ: tức huyện Thọ-xương.

K

Khánh-thụy (làng): ở khu vực ngõ Hàng Hành ngày nay.

Khán Xuân (phường): nay là khu vực phía Nam vườn Bách-thảo, gần Hồ Tây.

Kim Cồ (phường): nay là khu vực phố Hàng Mành.
Khắc Niệm: tức làng Ném thuộc huyện Quế-vũ tỉnh Hà-bắc ngày nay.
Kim-liên: tên làng thuộc tổng Kim-liên ở phía Nam Hà-nội.
Khóa Quý dậu: tức năm 1873.
Kim-lủ: tức làng Lủ thuộc huyện Thanh-trì, ngoại thành Hà-nội, ở về phía Tây-nam Ngã tư sở.
Kim-mã: làng Kim-mã ở phía Tây Hà-nội, cuối phố Hàng Đầy.
Kính-thiền: diện này xây dựng từ đời nhà Lê ở trong thành Hà-nội cũ, sau bị thực dân Pháp phá hủy, chỉ còn bực thềm có rồng đá. Hiện ở trong doanh trại quân đội nhân dân, thuộc khu vực khu phố Ba-dình, còn di tích.
Khoa thi Tý Ngọ Mão Dậu: ngày xưa cứ ba năm thi hương một lần vào các năm Tý (Sửu, Dần) Mão (Thìn Ty) Ngọ (Mùi, Thân) Dậu.
Khoa Giáp-tý: khoa thi năm 1864, Thi ở Hà-nội.
Khoa Bình-tý: tức khoa thi năm 1876.
Khu trường Tây: tức khu nhượng địa Đồn-thủy.
Khu Nhà-chung: khu này ở vào phố Nhà-chung hiện nay.
Khu Công-xét-xi-ông: tức là khu nhượng địa Đồn-thủy.
Khoa giáp tí trường Hà: xem khoa giáp tí.

L

Linh-đường: làng này ở phía tây nam Hà-nội thuộc huyện Thanh-trì.
La-cả, La-khe: hai làng này ở phía tây và tây nam thị xã Hà-đông ngày nay.
Liên-trì (chùa): còn gọi là chùa Quan Thượng hay chùa Báo-ân. Gọi như thế vì chùa do tổng đốc Hà-nội Nguyễn Đăng Giai (quan thượng Giai) xây vào năm 1848. Chùa Liên-trì sau bị thực dân Pháp phá đi để xây dựng các cơ quan của chính quyền thực dân. Địa điểm của chùa nay là ở khu vực phố Đinh Lê, Bộ Nội-vụ, Nhà Khách của Nhà nước, sở Bưu-điện Hà-nội và trụ sở Ủy ban quốc tế.

Làng: tức An-lãng và Cốt tức An-quyết là hai làng ở huyện Từ-liêm phía nam và tây nam Ô Cầu-giấy.

Linh-quang (chùa): tức chùa Bà Đá, ở phố Nhà Thờ ngày nay.

M

Mọc: tên gọi chung của nhiều làng phía nam Ngã-tư-sở (xem chữ Nhân-mục).

Minh-giám, Yên-hòa: thôn Minh-giám ở vào khoảng giữa phố Hàng Bột và phố Khâm-thiên ngày nay.

Miếu Thần Hỏa: ở số nhà 30 phố Hàng Điếu ngày nay.

Mã-vĩ: ngày nay là phố Mã-mây.

N

Nghi-tàm: tên làng ở phía đông Hồ Tây, thuộc huyện Từ-liêm

Nam-ngư: tên làng, nay là khu vực phố Nam-ngư gần Cửa Nam.

Nhân-mục: làng Mọc ở phía tây nam Hà-nội, gần Ngã tư sở.

Nam-phố: làng Nam-phố ở ngoài bờ sông phía ngoài Hàng Bè, khoảng từ phố Hàng Thùng ngày nay ra đến bãi sông Hồng.

Nèm: xem nghĩa chữ Khắc-niệm.

Ngũ tư Vũ-thạch: ngày nay là chỗ gặp nhau giữa phố Bà Triệu, phố Hàng Khay, phố Lê Thái Tổ và phố Tràng-thị.

Ngũ ba Bảo-khánh: ở gần nhà thủy-tạ ven tây bắc Hồ Gươm.

Ngũ ba Tụ-tháp: ở gần cầu lạc bộ Thống-nhất ngày nay.

Nghĩa địa Tây: nghĩa địa này ở đầu phố Quan Thánh đối diện với sườn bên trái đền Trấn Võ. xé chỗ lâu diện đồ ngày nay. Hiện nay mồ mả đã đem đi nơi khác và nơi đó đã trở thành một sân vận động nhỏ. Đừng lẫn với nghĩa địa Tây ở nơi mà ngày nay là khu tập thể Nguyễn Công Trứ.

Nha Kinh lược: trụ sở nha Kinh lược ở khu vực Thư viện Quốc-gia và Bộ Công nghiệp nặng, phố Trường-thị ngày nay.

Ngọc-nhi (phố): từ phố Francis Garuder, ngày nay là phố Đinh Tiên Hoàng chạy từ ngã tư Tràng-tiền, Hàng Khay, Hàng Bài, men suốt phía đông Hồ Gươm, lên đến ngã tư Hàng Gai, Hàng Đào, Cầu Gỗ.

Nhà trạm Hà-trung: ở vào khu vực phố Hà-trung ngày nay (gần chợ Hàng Da).

Nhị-khê: làng Nhị-khê ở huyện Thanh-oai, tỉnh Hà-tây ngày nay.

Nghĩa-lâu: làng Nghĩa-lâu ở vào khoảng đầu phố Tràng-tiền và Đinh Tiên Hoàng ngày nay.

Ngũ long lâu: nay là phố Tràng-tiền (gồm Nghĩa-lâu và Cựu-lâu).

Ô

Ô Uy-nghĩa: một cửa ô ở phía đông Hà-nội, nay là ở vào khoảng phố hàng Chĩnh và phố Hàng Muối.

Ô Yên-hậu: cửa ô phía đông bắc Hà-nội, nay là khoảng giữa đầu cầu Long-biên và bến xe Bến Nứa.

Ô Quan Chưởng: cửa ô này ở phố Ô Quan Chưởng ngày nay. Hiện còn cổng xây gạch.

Ô Đông-hà: Xem chữ Đông-tân.

Ô Long-lường: ô này còn gọi là Tây-long hay Tây-luong ở vào quãng sau Nhà Hát-lớn bây giờ.

Ô Hàng Cau: cửa ô ở phía đông Hà-nội, đầu phố Hàng Bè (Hàng Bè còn gọi là Hàng Cau).

Ô Hàng Mắm: ở đầu phố Hàng Mắm ngày nay.

Ô Chợ Dừa: cửa ô phía đông nam Hà-nội, ở cuối phố Hàng Bột và phố Khâm-thiên.

Ô Tây-luong: xem Ô Long-tường.

P

Phúc-lâm: tên làng thuộc tổng Kim-liên, huyện Thọ-xương, tỉnh Hà-nội cũ, nay là khu vực Nhà Máy-rượu, cạnh khu tập thể Nguyễn Công Trứ, phố Nguyễn Công Trứ.

Phụ-khánh: làng này ở phía nam thành Thăng-long thời xưa. Nay là khu vực các phố Hỏa-lò, Dã-tượng.

Phủ Phụng-thiên: tên phủ đặt từ đời Lê, bao gồm hai huyện Thọ-xương và Vĩnh-thuận, tức là gồm chủ yếu bốn khu phố Hà-nội ngày nay.

Phủ Hoài: tức phủ Hoài-dức.

Phúc-lô: thôn Phúc-tô ngày nay là vùng phía tây nam Hồ Gươm, khoảng từ cửa tòa báo Thủ-đô đến đồn Công-an ngã tư Bà Triệu — Lê Thái Tổ.

Phúc-kiến (phố): tên gọi trước kia của phố Lãn Ông ngày nay. Có tên như vậy vì ở phố này có đồng Hoa-kiền quế ở tỉnh Phúc-kiến.

Phúc-lâm (đình): Đình làng Phúc-lâm. Làng Phúc-lâm này không phải là làng của bác Hai Phúc (nhân vật của tiểu thuyết) thuộc tổng Kim-liên. Làng Phúc-lâm này thuộc tổng Phúc-lâm ở ven sông Nhị, vào khoảng bãi Phúc-xá, Phúc-tân ngày nay.

Phất-lộc: ngõ Phất-lộc ngày nay ở sát bờ sông Hồng, đi từ Hàng Mắm đến phố Nguyễn Hữu Huân.

Phúc-châu (phố): tức phố Lý Thái Tổ ngày nay.

Q

Quảng văn đình: đình này ở vào khu vườn hoa Cửa Nam ngày nay.

S

Sông Tô: tức là sông Tô-lịch. Sông Tô-lịch thời ấy chảy qua làng Thanh-hà ở khoảng phố Hàng Chiếu, ngày nay, đổ ra sông Nhị ở phía ngoài Ô Quan Chưởng, cạnh chợ Gạo.

Sở tuần Thanh-hà : tức Sở tuần ty ở làng Thanh-hà trên sông Tô-lịch, làng Thanh-hà, ở vào đầu phố Hàng Chiếu và Ở Quan Chưởng ngày nay. Sở tuần ty thu thuế thuyền buôn

T

Tượng Bôn-be : tượng tên thực dân Paul Bert ở vườn hoa Bôn-be, nay là vườn hoa Chi-linh. Tượng đã bị phá sau ngày 9-3-1945 sau khi thực dân Pháp bị lật đổ.

Tư đệ ở Thái-nà : nhà riêng của Hoàng Cao Khải ở ấp Thái-hà.

Thái-cam (chùa) : chùa này ở giữa phố Hàng Gà ngày nay.

Trần-ba đình : tức là đình trần sòng. Đình này ở sân sau đền Ngọc-sơn, nhìn xuống phía nam Hồ Gươm.

Thịnh-hào : làng Thịnh-hào thuộc khu phố Đống-đa, ở gần Ở Chợ Dừa.

Trèm Vẽ : hai làng ở phía bắc Hà-nội, ven sông Hồng.

Thủ-lệ : làng này ở sát ngã tư Cầu Giấy, phía tây Hà-nội.

Thái Cực (phường) : phường Thái Cực ở sau phố Hàng Đào, khoảng phố Trung-yên sang đầu phố Hàng Bạc ngày nay.

Tân-khai : phố Tân-khai ở phía đông thành Hà-nội cũ. Nay là khoảng phố Hàng Gà.

Thịnh-liệt : tức làng Sét ở huyện Thanh-tri.

Thuận-mỹ : làng này ở vào khoảng các phố Hàng Quạt, Hàng Hòm, Hàng Nón ngày nay.

Trường-thi : nơi tổ chức các kỳ thi hương, nay là phố Trường-thi.

Trùng-thanh : làng Trùng-thanh ở vào khoảng phố Hàng Tre ngày nay.

Tổ-tịch : nghĩa là chiếu trắng. Xóm này ở vào khoảng ngày nay là phố Tổ-tịch.

Thanh-nhàn : làng này ở dưới Ở Đống Mác ven sông Nhị, phía nam Hà-nội.

- Thất-thị**: làng Thất-thị ở ngoài bãi ven sông Nhị-hà.
- Trang-lâu**: làng Trang-lâu ở vào khoảng phố Hàng Dầu và Lò Sũ hiện nay.
- Trường-lin**: tên làng ở ven sông Nhị-hà, phía nam Hà-nội.
- Trâu-khe** (đình): Trâu-khe là tên làng thuộc huyện Bình-giang, tỉnh Hải-dương. Người làng đó làm nghề hàng bạc, sau ra ở thành phố Hàng Bạc Hà-nội và dựng đình thờ thành hoàng làng Trâu-khe ở đây. Đình này còn gọi là đền Nội-miếu ở ngõ Nội-miếu (ngõ này ở giữa phố Hàng Bạc, góc phố Hàng Giấy và phố Lương Ngọc Quyến).
- Thượng-đình — Nhân-mục**: tên gọi các làng Mộc ở phía tây nam Hà-nội.
- Tam-son**: một làng thuộc huyện Đông-ngàn (xem chữ Đông-ngàn).
- Tân vị khoa tiến sĩ**: tiến sĩ khoa thi năm Tân vị (1871).
- Tả vọng đình**: đình Tả-vọng, chúa Trịnh xây trên hòn đảo nay là đảo Tháp Rùa.
- Tây-long-tân, Tây-luông, Ô Long-lương**: ba tên này dùng để trở cùng một địa điểm nay là mạn phía sau Nhà Hát-lớn.
- Tả-vọng (làng)**: ở khu vực phố Hàng Dầu.
- Thọ-xương, Vĩnh-thuận, Hoài-đức**: hai huyện Thọ-xương và Vĩnh-thuận sang đời nhà Nguyễn đã phụ thuộc vào phủ Hoài-đức sau khi bãi bỏ phủ Phụng-thiên.
- Tự Tháp**: tên làng ở phía tây Hồ Gươm. Nay là Ngã ba Nhà thờ và Hàng Trống, Cầu lạc bộ Thống-nhất.
- Tổ Mộc** (đình): đình này ở thôn Phúc-tô — xem chữ Phúc-tô.
- Tây Mỗ**: tên làng, thuộc huyện Từ-liêm, ngoài thành Hà-nội.
- Tiến-thị** (phường): ở vào khoảng nay là phố Nhà Chung và một phần phố Lý Quốc Sư.
- Thanh-hà** (bến đò đình Thanh-hà): làng Thanh-hà ở vào khoảng Hàng Chiếu và Ô Quan Chưởng. Sông Tô-lich chảy qua đây đổ ra sông Hồng. Đình Thanh-hà ngày nay vẫn còn ở số nhà 77 phố Hàng Chiếu.

U

Ưu-nghĩa: xem Ở Ưu-nghĩa.

V

Vĩ: tức làng Đông-ngạc, ở ven sông Hồng, thuộc huyện Từ-liêm, ngoại thành Hà-nội.

Vũ-thạch: tên làng, nay là khu vực từ phố Hàng Khay đến phố Trần Hưng Đạo, giữa phố Hàng Bài và phố Bà Triệu.

Vọng-dức: làng này ở vào khoảng nay là sau rạp chiếu bóng Tháng 8.

Voi-phục: đền Voi-phục ở làng Thủ-lệ, ngã tư Ở Cầu-giấy.

Vĩnh-trù: thôn Vĩnh-trù ở vào địa điểm phố Hàng Rươi hiện nay.

Vân-hồ: làng này ở phía nam Hà-nội ngày nay, phía sau là cuối phố Bà Triệu, phía mặt là công viên Thống-nhất.

Vườn hoa Tự-do: nay là vườn hoa Chí-linh (trông ra Hồ Gươm).

Vũ-thạch (phố): tức khúc phố Bà Triệu từ đầu Hàng Khay đến ngã tư Trần Hưng Đạo và phố Bà Triệu.

X

Xuân-yên (đền): Đền này nay vẫn còn ở phố Lương Văn Can.

Xuân-yên (làng): làng này ở vào khoảng phố Hàng Quạt ngày nay.

Xuân-tảo: làng thuộc huyện Từ-liêm phía bắc Hồ Tây.

Xóm bình khang: danh từ ngày trước quen dùng để trỏ xóm cô đầu, kỹ nữ. Ở đây không phải là tên riêng của một địa điểm nào nhất định của Hà-nội cũ.

Y

Yên-thái : tên làng thuộc huyện Thọ-xương cũ nay là khu vực các phố Yên-thái, Hàng Hòm, Hàng Manh. Đứng liền với Yên-thái ở ven phía tây bắc Hồ Tây.

Yên-trường (làng) : nay là khu vực từ trụ sở Ủy ban Hành chính thành phố Hà-nội đến sau đền Bà Triệu phía đông Hồ Gươm.

Yên-ninh : ngày nay là phố Yên-ninh, dốc Hàng Than.

Yên-hậu : xem Ở Yên-hậu.

Yên-thành và Yên-định : hai làng này ở vào giữa phố Hàng Than Hàng Bún và Quan Thánh.

PHU LUC 3

TÊN MỚI CỦA CÁC PHỐ HÀ NỘI TỪ NGÀY 28-2-1951

Tiểu dẫn

- Danh mục dưới đây trích từ cuốn *Lịch sử Hà Nội qua các Tài liệu Lưu trữ, tập I*, của Cục Lưu trữ Nhà nước, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, do NXB Văn hóa – Thông tin xuất bản.
- Tuy chỉ là một trong nhiều đợt đổi tên, nhưng chúng tôi thấy nó rất cơ bản, chuyển tiếp tên gọi các phố thời thuộc địa sang tên gọi hiện nay, nên có thể suy ra đa phần tên các phố hiện nay.

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***Nghey định số 138-ND ngày 28 tháng 2 năm 1951 của Thị trưởng
Thành phố Hà Nội (được Thủ hiến Bắc Việt duyệt y)
đặt tên mới các phố trong Thành phố.***

Thị trưởng Thành phố Hà Nội
Chiếu Dụ số 1 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ chức công quyền;
Chiếu Dụ số 2 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ chức hành chính;
Chiếu Sắc lệnh số 15-NV ngày 27 tháng 2 năm 1950 bổ nhiệm
vị Thị trưởng Thành phố Hà Nội.

Nghi định:

Điều 1. - Những phố trong Thành phố Hà Nội mang tên mới
chiếu bảng danh sách kèm theo Nghị định này.

Điều 2. - Ông Tổng Thư ký toà Thủ chính chiếu Nghị định thi hành.

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 1951

LỮU T Hâm Hoàng Tín

S6 1368-PTH-OD

Duyệt y

Hà nội, ngày 14 tháng 3 năm 1951

Thủ hiến Bắc Việt,

NGUYỄN HỮU TRÍ

BẢNG TÊN PHỐ MỚI

TÊN PHỐ CŨ	SỐ THỨ TỰ	TÊN PHỐ MỚI	KHU
Digue de Yên Phụ	1	Đường Yên Phụ	1 - 2
Rue Blockhaus Nord	2	Phố Phố Đức Chính	1 - 2
Impasse de Trúc Lạc	3	Ngõ Trúc Lạc	1
Rue des deux Soeurs, Voies N°95, 96	4	Phố Trúc Bạch	1
Rue Mạc Đình Chi	5	Phố Mạc Đình Chi	1
Rue Trần Hưng Đạo	6	Phố Ngũ Xã	1
Voies N° 108	7	Phố Trần Kế Xương	1
Voies N° 104	8	Phố Vũ Phạm Hàm	1
Voies N° 103	9	Phố Nguyễn Khắc Hiếu	1
Voies N° 105, 106	10	Phố Nguyễn Đình Chiểu	1
Rue Maréchal Lyautey	11	Đường Cổ Ngư	1
Route du village du Papier	12	Đường Thụy Khuê	34
Avenue du Grand Bouddha	13	Đại lộ Quán Thánh	3, 4, 34
Impasse Châu Long	14	Ngõ Châu Long	3
Impasse Yên Thành	15	Ngõ Yên Thành	3
Rue Antoine Bonnet, Voies N°96	16	Phố Châu Long	1, 3
Rue Đỗ Hữu Vị	17	Phố Cửa Bắc	2, 3
Rue Bourrin, Galet	18	Phố Yên Ninh	2, 3
Impasse Bourrin	19	Ngõ Yên Ninh	11
Rue Tiến Quân Thành	20	Phố Nguyễn Khắc Nhu	11
Rue Emile Nolly	21	Phố Phạm Hồng Thái	1, 2
Rue Jambert	22	Phố Nguyễn Trường Tộ	3, 4
Voies N° 34	23	Phố Hồ Nhài	4
Rue Trippenbach	24	Phố Nguyễn Trung Trực	4
Rue de Hồng Phúc	25	Phố Hồng Phúc	4
Rue du Charbon	26	Phố Hàng Than	4
Rue de l'Hôpital chinois	27	Phố Nhà Thương Khách	4
Rue Mongr. Deydier	28	Phố Bùi Viện	4
Rue des Vermicelles	29	Phố Hàng Bún	2, 3
Ruelle des Vermicelles	30	Ngõ Hàng Bún	4

Rue Dieulefils, Voie N° 94	31	Phố Đặng Dung	3
Rue des Frères Schneider	32	Phố Nguyễn Biểu	3
Impasse Carnot	33	Ngõ Phan Đình Phùng	34
Rue Madame Autigeon	34	Phố Đặng Tất	34
Rue Háu Quân Chất	35	Phố Mai Xuân Thưởng	34
Digue Parreau	36	Đường Hoàng Hoa Thám	34
Boulevard Carnot	37	Đại lộ Phan Đình Phùng	3, 4, 34
Rue des Graines	38	Phố Hàng Đậu	4
Ruelle des Graines	39	Ngõ Hàng Đậu	4
Rue Durantou	40	Phố Nguyễn Thiệp	4, 5
Rue Leblanc	41	Phố Nguyễn Hữu Huân	5
Rue Leblanc	42	Phố Gấm Cầu	6
Rue des Tubercules	43	Phố Hàng Khoai	5
Ruelle des Tubercules I	44	Ngõ Hàng Khoai I	5
Ruelle des Tubercules II	45	Ngõ Hàng Khoai II	5
Rue du Papier	46	Phố Hàng Giấy	5
Rue du Riz	47	Phố Đồng Xuân	5
Rue du Sucre	48	Phố Hàng Đường	5
Rue des Cantonnais	49	Phố Hàng Ngang	9
Rue de la Soie	50	Phố Hàng Đào	10
Rue Lê Quý Đôn	51	Phố Lương Văn Can	10, 13
Rue des Balances	52	Phố Hàng Cân	10
Rue de la Laque	53	Phố Chà Cá	7
Rue du Sòng Tô Lịch	54	Phố Hàng Lược	6
Ruelle Ngõ Ngang	55	Phố Hàng Chai	6
Rue Takou	56	Phố Hàng Cót	6
Rue Général Noguès	57	Phố Lê Văn Linh	6
Rue des Vers Blancs	58	Phố Hàng Rươi	6
Rue du Cuivre	59	Phố Hàng Mã	6
Rue Jean Dupuis	60	Phố Hàng Chiếu	8
Rue des Nattes en joncs	61	Phố Ô Quan Chưởng	8
Voie N° 252	62	Ngõ Chợ Đồng Xuân	8
Rue Lepage	63	Phố Nguyễn Thiện Thuật	5
Rue Grappin	64	Phố Cao Thắng	5
Ruelle Thanh Hà	65	Phố Thanh Hà	5
Ruelle Thanh Hà	66	Ngõ Thanh Hà	5
Place du Commerce	67	Phố Chợ Gạo	8

Rue Ân Sát Siêu	68	Phố Nguyễn Siêu	8
Rue des Briques	69	Phố Ngõ Gạch	8
Rue de la Poissonnerie	70	Phố Hàng Cá	7
Rue des Forgerons	71	Phố Lò Rèn	7
Ruelle des Etoffes	72	Phố Cống Dục	7
Rue des Etoffes	73	Phố Hàng Vải	7
Rue des Phúc Kiến	74	Phố Lãn Ông	7
Rue des Voiles	75	Phố Hàng Buồm	8
Rue des Pavillons noirs	76	Phố Mã Mây	9
Rue Đào Duy Từ, Ancien Canal	77	Phố Đào Duy Từ	8
Ruelle Đông Thái	78	Phố Đông Thái	8
Rue des Vases	79	Phố Hàng Chĩnh	8
Ruelle de Sám Công	80	Phố Tôn Thất Yên	9
Rue Géraud	81	Phố Tạ Hiện	9
Rue Nguyễn Duy Hàn, Lataste	82	Phố Hàng Giấy	8
Ruelle de Nội Miếu	83	Ngõ Nội Miếu	9
Ruelle de Hải Tượng	84	Ngõ Hải Tượng	9
Rue Nguyễn Khuyển, Galet	85	Phố Lương Ngọc Quyến	9
Ruelle de Phát Lộc	86	Ngõ Phát Lộc	9
Rue du Sel	87	Phố Hàng Muối	9
Rue de la Saumure	88	Phố Hàng Mắm	9
Rue des Changeurs	89	Phố Hàng Bạc	9
Rue des Paniers	90	Phố Hàng Bó	10
Rue Vieille des Tasses	91	Phố Bát Đàn	10
Avenue Général Bichot	92	Đại lộ Cửa Đông	7
Boulevard Henri d'Orléans	93	Đại lộ Phùng Hưng	6, 7, 11
Rue Fetshamel	94	Phố Nhà Hoá	11
Rue du vieux Marché	95	Phố Hàng Phèn	7
Rue de Tien Tsin	96	Phố Hàng Gà	7
Rue des Tasses (từ Hàng Mã đến Hàng Vải)	97	Phố Hàng Đồng	7
Rue des Tasses (từ Hàng Vải trở xuống)	98	Phố Hàng Bát Sứ	7
Rue Combanère	99	Phố Hàng Bút	7
Rue des Médicaments	100	Phố Hàng Thuốc Bắc	7
Rue des Ferblantiers	101	Phố Hàng Thiếc	10

Rue Phạm Phú Thứ (từ Henri d'Oléans đến Nguyễn Trãi)	102	Phố Phạm Phú Thứ	11
Rue Phạm Phú Thứ (từ Nguyễn Trãi trở xuống)	103	Phố Hội Tin Lành	11
Rue Nguyễn Trãi	104	Phố Nguyễn Trãi	11
Rue Bourret	105	Ngõ Trăm	12
Rue Hà Trung	106	Phố Hà Trung	12
Impasse de Hà Trung	107	Ngõ Hà Trung	12
Rue de la Citadelle	108	Phố Đường Thành	11, 12
Rue des Cuirs	109	Phố Hàng Da	12
Rue des Pipes	110	Phố Hàng Điếu	12
Rue des Chapeaux	111	Phố Hàng Nón	11
Rue des Eventails	112	Phố Hàng Quạt	10
Ruelle de Yên Thái	113	Phố Yên Thái	12
Ruelle de Tam Thương	114	Ngõ Tam Thương	12
Rue des Stores	115	Phố Hàng Mành	12
Rue des Caisses	116	Phố Hàng Hòm	10
Ruelle de Hàng Chi	117	Ngõ Hàng Chi	10
Ruelle de Tô Tích	118	Phố Tô Tích	10
Rue O'dendhal	119	Phố Đinh Liệt	14
Ruelle de Chung Yên	120	Ngõ Chung Yên	14
Rue Nguyễn Trọng Hiệp	121	Phố Cao Bá Nha	14
Rue de Philharmonique	122	Phố Hồ Hoàn Kiếm	14
Rue des Radeaux	123	Phố Hàng Đè	14
Rue Maréchal Pétain	124	Phố Phan Thanh Giản	9, 14
Rue des Bambous	125	Phố Hàng Tre	14
Rue Tirant	126	Phố Gia Ngư	10, 14
Rue Hillaret	127	Phố Bạch Thái Bưởi	14
Quai Clémenceau	128	Đại lộ Trần Nhật Duật	5, 8, 9, 14
Quai Guillemoto	129	Đại lộ Trần Quang Khải	15
Rue des Seaux, rue Rondony	130	Phố Hàng Thùng	14
Rue du Pont en Bois	131	Phố Cầu Gỗ	10, 14
Rue du Chanvre	132	Phố Hàng Gai	13
Rue du Coton	133	Phố Hàng Bông	12, 17
Rue Blonde	134	Phố Cắm Chỉ	17
Rue Capitaine Bruisseaux	135	Phố Kỳ Đồng	17

Rue Maréchal Joffre	136	Phố Lý Nam Đế	6, 11
Cité Maréchal Joffre	137	Ngõ Hàng Hương	6, 7
Cité Nam Ký	138	Ngõ Lý Nam Đế	11
Rue Gal Badens	139	Phố Tôn Thất Thiệp	17
Impasse Gal Badens	140	Ngõ Tôn Thất Thiệp	17
Rue de la Porte Sud (ou Voie N° 52)	141	Rue de la Citadelle intérieure	Trong thành
Avenue Pierre Pasquier	142	Đại lộ Hoàng Diệu	33, 34
Rue Destenay	143	Phố Nguyễn Cảnh Chân	34
Avenue de la République	144	Đại lộ Dân Quyền	34
Avenue Paul Doumer	145	Đại lộ Nguyễn Lâm	33
Rue Ollivier	146	Phố Tôn Thất Đạm	33
Rue Elie Groleau	147	Phố Chùa Một Cột	33
Route du Champ de Courses	148	Phố Đội Cấn	33
Boulevard Giovaninelli	149	Đại lộ Tôn Thất Thuyết	33
Avenue Puginier	150	Đại lộ Nguyễn Tri Phương	17, 33
Rue Charles Coulier	151	Phố Khúc Hạo	33
Rue Van Vollenhoven	152	Đại lộ Chu Văn An	31, 33
Rue Résident Morel	153	Phố Bà Huyện Thanh Quan	33
Avenue Brière de L'Isle	154	Đại lộ Hùng Vương	33, 34
Rue Général Manguin	155	Phố Ông Ích Khiêm	33
Route de Ngọc Hà	156	Phố Ngọc Hà	33
Route Circulaire	157	Đường Đại La	Ngoại Thành
Voie N° 143	158	Phố Nguyễn Phạm Tuấn	31
Route de Sơn Tây	159	Phố Sơn Tây	31
Boulevard Félix Faure, rue Galliéni	60	Đại lộ Hàm Nghi	33
Rue de Tuyên Quang	161	Phố Cao Bá Quát	30
Rue Général Leblois	162	Phố Lê Trực	31
Phố Duvallier	163	Đại lộ Nguyễn Thái Học	30, 31
Rue Borgnis Desbordes	164	United States of America Street (Phố Mỹ Quốc)	16
Rue Paul Bert (từ ngã tư	165	Great Britain Street (Phố	15

Đống Khánh đến Ty Cảnh Binh 1)		Anh Quốc)	
Rue Paul Bert, rue de France (một phần phố Paul Bert tức Tràng Tiển cũ)	166	Rue de France (Phố Pháp Quốc)	15
Ruelle de Hội Vũ	167	Ngõ Hội Vũ	16
Impasse de Phủ Doãn	168	Ngõ Phủ Doãn	16
Rue Lagisquet	169	Phố Chân Cầm	16
Ruelle de Ngõ Huyện	170	Ngõ Huyện	16
Ruelle Père Dronet	171	Ngõ Thọ Xương	16
Ruelle Père Lecornu	172	Phố Âu Triệu	16
Rue Julien Blanc	173	Phố Phủ Doãn	16
Rue Lamblot	174	Phố Lý Quốc Sư	13
Rue de la Mission	175	Phố Nhà Chung	13
Impasse Landais	176	Ngõ Nhà Chung	13
Ruelle des Oignons	177	Ngõ Hàng Hành	13
Voie N° 271	178	Ngõ Báo Khánh	13
Rue Pottier	179	Phố Báo Khánh	13
Rue Jules Ferry	180	Phố Hàng Trống	13
Avenue de la Cathédrale	181	Phố Nhà Thờ	13
Rue Jules Ferry, avenue Beauchamps (P. Jules Ferry từ quận C. B. I đến Nhà Thông Tin)	182	Đại lộ Lê Thái Tổ	13
Boulevard Francis Garnier	183	Đại lộ Đinh Tiên Hoàng	14, 15
Rue Albert Pouyanne	184	Phố Lò Sũ	14
Rue du Lac	185	Phố Hàng Dấu	14, 15
Rue Balny	186	Phố Trần Nguyên Hãn	15
Avenue Dominé, rue Bonhour	187	Phố Lê Lai	15
Avenue Chavassieux	188	Phố Lê Thạch	15
Rue Fourès	189	Phố Đinh Lễ	15
Rue Boissière	190	Phố Nguyễn Xí	15
Rue Leclanger	191	Phố Lê Phụng Hiếu	15
Rue de la Chaux (từ phố A. Pouyanne đến phố Dominé)	192	Phố Hàng Vôi	15
Rue de la Chaux (từ phố	193	Phố Tôn Đản	15

Dominé trở xuống)			
Rue Capitaine Lebrousse	194	Phố Lý Đạo Thành	15
Rue Maréchal Foch	195	Phố Trương Định	15
Ruelle de la Sapèquerie	196	Ngõ Tràng Tiến	19
Rue Laubarède	197	Phố Đặng Thái Thân	15
Boulevard Rollandes	198	Đại lộ Hai Bà Trưng	15, 18, 19
Rue Neyret	199	Phố Cửa Nam	17
Rue Tour de la Citadelle	200	Phố Đinh Ngang	17
Cité Văn Tân	201	Ngõ Yên Thế	30
Voie N° 268	202	Phố Yên Thế	30
Ruelle de Thanh Miến	203	Ngõ Thanh Miến	30
Voie N° 206 th	204	Phố Báo Anh	31
Rue Bàng Nhữn Đôn	205	Phố Hàng Cháo	31
Voie N° 203	206	Phố Lê Như Hổ	31
Voie N° 204	207	Phố Lý Văn Phúc	31
Voie N° 214	208	Phố Trình Hoài Đức	31
Voie N°	209	Phố Phạm Phú Tiên	31
Voie N° 205	210	Ngõ Hàng Bọt	31
Rue Soeur Antoine (từ Thanh Giám đến nhà Tế Bần)	211	Phố Hàng Bọt	31, 32
Rue Soeur Antoine (từ nhà Tế Bần trở xuống)	212	Rue Soeur Antoine (phố Sơ An Toàn)	31, 32
Rue de Cát Linh	213	Phố Cát Linh	32
Voie N° 238	214	Phố Quốc Tử Giám	32
Voie N° 249	215	Phố Số 215	32
Rue Alexandre de Rhodes	216	Phố Đặng Trần Côn	32
Rue Graffeuil	217	Phố Bích Cầu	32
Rue Auguste Tholance	218	Phố Đoàn Thị Điểm	32
Voie N° 221	219	Phố Trương Vĩnh Ký	32
Route de Sinh Từ	220	Phố Sinh Từ	30
Impasse de Nam Hoa	221	Ngõ Số 221	30
Ruelle de Yên Sơn	222	Ngõ Số 222	30
Voie N° 258	223	Ngõ Ngõ Sĩ Liên	30
Voie N° 253	224	Phố Số 224	30
Voie N° 237	225	Phố Số 225	30
Voie N° 251	226	Phố Số 226	30
Rue Cao Đắc Minh	227	Phố Văn Miếu	30

Rue Lý Thường Kiệt	228	Phố Ngô Sĩ Liên	30
Rue Đinh Tiên Hoàng	229	Phố Trần Quý Cáp	30, 32
Ruelle de Nam Ngư	230	Phố Nam Ngư	17
Cité Chân Hưng	231	Ngõ Hàng Cỏ	17
Rue de Colomb	232	Phố Phan Bội Châu	17
Rue de Teinturiers, J. Soler	233	Phố Hàng Bông Thợ Ruộm	17, 18
Ruelle de Thịnh Đức	234	Ngõ Vạn Kiếp	17
Rue Richaud	235	Phố Quán Sứ	16, 18
Impasse de l'Identité	236	Ngõ Lý Thường Kiệt	18
Rue de la Prison	237	Phố Hoà Lò	18
Rue Rodier	238	Phố Triệu Quốc Đạt	18
Rue Lambert	239	Phố Dã Tượng	18
Cité Lambert	240	Ngõ Dã Tượng	18
Rue Paul Simoni	241	Phố Lê Chân	18
Boulevard Jauréguiberry	242	Đại lộ Quang Trung	18, 21
Boulevard Gia Long	243	Đại lộ Gia Long	16, 21
Boulevard Đồng Khánh	244	Đại lộ Đồng Khánh	18, 21
Route de Huế	245	Phố Duy Tân	21, 25, 26
Rue Vọng Đức	246	Phố Vọng Đức	19
Boulevard Henri Rivière	247	Đại lộ Ngô Quyền	15, 19
Boulevard Amiral Courbet	248	Đại lộ Lý Thái Tổ	15
Boulevard Bobillot	249	Đại lộ Lê Thánh Tôn	19
Rue de la Sapèquerie	250	Phố Phạm Sư Mạnh	19
Rue Dutreuil des Rhins	251	Phố Nguyễn Khuyến	19
Boulevard Rialan	252	Đại lộ Phan Chu Trinh	19, 23
Rue Raffenet	253	Phố Phan Huy Chú	19, 23
Impasse de Verdun	254	Ngõ Phan Huy Chú	19
Rue de la Concession	255	Phố Phạm Ngũ Lão	19
Rue Capitaine Monceaux	256	Phố Nguyễn Huy Tứ	19
Rue Berthe de Villers	257	Phố Đinh Công Tráng	19
Boulevard Gambetta	258	Đại lộ Trần Hưng Đạo	17, 18, 19
Boulevard Carreau	259	Đại lộ Lý Thường Kiệt	17, 18, 19
Route Mandarine	260	Phố Hàng Lọng	17, 20
Route Mandarine prolongée	261	Phố Kim Liên	20, 29

Cité Tân Hưng	262	Ngõ Túc Mác	20
Rue Bovet	263	Phố Yết Kiêu	20
Cité Bovet	264	Ngõ Yết Kiêu	20
Rue Delorme	265	Phố Trần Bình Trọng	20
Voie N° 9	266	Ngõ Đoàn Như Hải	20
Rue Barona, rue Trạng Trình	267	Phố Liên Trì	20
Cité Jauréguiberry	268	Xóm Hạ Hối	20
Rue Robert	269	Phố Trương Hán Siêu	21
Rue Bernard de Beau	270	Phố Nguyễn Chế Nghĩa	22
Cité Vinh Thái	271	Ngõ Hàm Long III	22
Cité Tràng Khánh	272	Ngõ Lê Văn Hưu III	22
Impasse de Đức Khánh	273	Ngõ Hàm Long II	22
Cité Thuận Lợi	274	Ngõ Hàm Long I	22
Cité Bảo Long	275	Ngõ Lê Văn Hưu I	22
Cité Krug	276	Ngõ Phan Chu Trinh	23
Rue Pavie	277	Phố Hàn Thuyên	23
Impasse Pavie	278	Ngõ Hàn Thuyên	23
Boulevard Doudard de Lagrée	279	Phố Hàm Long	21, 22
Rue Jouhaux	280	Phố Ngô Văn Sở	21
Rue de Reinach	281	Phố Trần Quốc Toản	20, 21
Rue Bonifacy	282	Phố Nguyễn Gia Thiều	20
Rue Dufourcq, Halais, Riquier	283	Phố Nguyễn Du	20
Rue Laveran	284	Phố Lê Văn Hưu	21, 22
Cité Nghĩa Lợi ou Vinh Xương	285	Ngõ Thư Sách	22
Cité Khang An	286	Ngõ Lê Văn Hưu II	22
Cité Tràng An	287	Ngõ Tràng An	21
Rue Jabouille	288	Phố Hồ Xuân Hương	21
Rue Crévoste	289	Phố Thuyên Quang	20
Rue Hà Văn Ký	290	Phố Vũ Lợi	20
Rue Hautefeuille	291	Phố Đỗ Hành	20
Rue Mongrand	292	Phố Nguyễn Thượng Hiền	20
Voie N° 170 ^{bis}	293	Phố Nguyễn Quỳn	20
Rue Résident Miribel	294	Phố Trần Nhân Tôn	25, 29
Rue Harmand	295	Phố Trần Xuân Soạn	22

Voie N° D	296	Phố Số 296	29
Rue René Daurelle	297	Phố Nguyễn Bình Khiêm	29
Rue Lô Lợi	298	Phố Bà Triệu	21, 25, 26
Rue Du Vigneau	299	Phố Huyền Trân Công Chúa	21, 25, 26
Rue Chanceaulme	300	Phố Triệu Việt Vương	21, 25, 26
Rue Charron	301	Phố Mai Hắc Đế	25, 26
Alfred Logerot	302	Phố Phùng Khắc Khoan	24
Rue Jacquin	303	Phố Ngô Thời Nhiệm	22, 24
Rue Pescadores	304	Phố Phù Đổng Thiên Vương	24
Rue Hérel de Brisis	305	Phố Thi Sách	22, 24
Cité Đại Lợi	306	Ngõ Trần Xuân Soạn	24
Rue Luro	307	Phố Lê Gia	24
Rue Goussard	308	Phố Chợ Đười	25, 29
Rue Amiral Sènes	309	Phố Hoà Mã	24
Rue Chéon	310	Phố Phạm Đình Hổ	23
Boulevard Armand Rousseau	311	Phố Lê Đức	23, 28
Voie N° 272	312	Phố Nguyễn Trung Ngạn	23
Rue Général Beylié	313	Phố Hàng Chuối	23
Impasse Beylié	314	Ngõ Hàng Chuối	23
Rue Cdt Révérony, Voie 147	315	Phố Tăng Bạt Hổ	23, 28
Rue Capitaine Pouligo	316	Phố Trần Thánh Tông	23
Rue Sergent Giac	317	Ngõ Duy Tân	24
Rue Charles Wiélé	318	Phố Tô Hiến Thành	25, 29
Rue Sergent Larrivé	319	Phố Nguyễn Công Trứ	23, 24
Voie G/2	320	Ngõ Bà Triệu	26
Rue Général Constant	321	Phố Đoàn Trần Nghiệp	26
Rue Chapuis	322	Phố Thái Phiên	26
Ruelle Chapuis	323	Ngõ Lê Đại Hành	26
Boulevard Hoàng Cao Khải	324	Đại lộ Lê Đại Hành	26
Voie E/1	325	Phố Số 325	24

Voie L/4	326	Phố Đội Cung	24
Voie H/I	327	Phố Cao Đạt	24
Voie 202, 164	328	Đường Đại Cồ Việt	26, 27, 28
Voie 233	329	Phố Yên Bái	27
Voie 233 ^{bis}	330	Ngõ Chùa Vua	27
Voie 260 ^{bis}	331	Ngõ Trần Cao Vân	27
Voie 234	332	Phố Số 332	27
Voie 230	333	Phố Trần Cao Vân	27
Rue Gustave Dumoutier	334	Phố Chùa Vua	27
Voie 223	335	Phố Số 335	27
Voie 261	336	Phố Số 336	27
Voie 262	337	Phố Số 337	27
Voie 232	338	Phố Đồng Nhân	27
Voie 229	339	Phố Số 339	27
Rue Docteur Calmette	340	Phố Yersin (Phố Y-Éc-Sanh)	28
Rue Constant Mathis	341	Phố Nguyễn Lai Thạch	28
Rue Marcel Léger	342	Phố Lê Quý Đôn	28
Voie N° 163	343	Phố Chu Mạnh Trinh	28
Voie 153 ^{bis}	344	Phố Số 344	28
Voie 159	345	Đường Lương Yên	28
Quai Rheinart	346	Đại lộ Trần Khánh Dư	19, 23, 28
Digue Nouvelle	347	Đường Nguyễn Khoái	28
	348	Đường Văn Dôn	36
	349	Đường Tây Kết	36
	350	Giốc Vạn Kiếp	36
	351	Đường Bạch Đằng	36
	352	Giốc Chương Dương Độ	36
	353	Đường Hàm Tử Quan	36
	354	Giốc Tân ấp	35
	355	Giốc Nghĩa Dũng	35

VƯỜN HOA

Square Eckert	I	Vườn Tây Hồ	34
Square Carnot	II	Vườn Vạn Xuân	4

Jardin Botanique	III	Vườn Bách Thảo	34
Rond Point Puginier	IV	Vườn Hồng Bàng	33, 34
Square Puginier	V	Vườn Bãi Sậy	33
Square Hébrard	VI	Vườn Kính Thiên	33
Square Robia	VII	Vườn Chi Lăng	33
Place Neyret	VIII	Vườn Bách Việt	17
Square Simoni	IX	Vườn Tây Sơn	8
Place Négrier	X	Vườn Đông Kinh Nghĩa Thục	15
Place Cột Đồng Hồ	XI	Vườn Cột Đồng Hồ	9
Square Alexandre de Rhodes	XII	Square Alexandre de Rhodes (Vườn Đắc Lộ)	15
Square Paul Bert	XIII	Vườn Chí Linh	15
Square Chavassieux	XIV	Vườn Diên Hồng	15
Place Foch	XV	Place de Paris (Vườn Ba Lê)	15
Square de la Prison	XVI	Vườn Mê Linh	18
Place Berthe de Villers	XVII	Vườn Vũ Quang	15
Square de l'Université	XVIII	Vườn Tào Đàn	19
Square Gambetta	XIX	Vườn Bình Than	19
Square Pasteur	XX	Square Pasteur (Vườn Bát Tơ)	18

Bảng tên phố mới đính kèm Nghị định số 138NĐ ngày 28 tháng 2 năm 1951 của ông Thị Trưởng Thành phố Hà Nội. ...

Số 1368-PTH-QĐ

Duyệt y

Hà nội, ngày 14 tháng 3 năm 1951

Thủ Hiến Bắc Việt

NGUYỄN HỮU TRÍ

PHỤ LỤC 4

TIỀN TỆ THỜI THUỘC ĐỊA

Đơn vị tiền tệ trong cuốn sách này là **piastre** chúng tôi chuyển sang tiếng Việt thành **đồng**. Để hiểu thế nào là piastre, một bài viết của ông Nguyễn Đình Đầu có thể cho ta một tóm tắt như sau:

Ngày 9-3-1878, Ngân hàng Đông Dương cho đúc đồng *piastre de commerce* có chuẩn tương đương đồng *trade dollar* của Mỹ đang lưu hành lúc đó, tức nặng 27,215 gram và hàm lượng 900/1000 bạc, với hi vọng chấm dứt việc có nhiều đồng tiền cùng lúc lưu hành trên thị trường tiền tệ lúc đó, nhưng thực tế càng làm phức tạp thêm với các đồng con Ó (của Mexico với độ chuẩn 27 gram và hàm lượng bạc 9027/10.000), trade dollar, piastre, franc.

Về tiền giấy, ngày 21-1-1875, Ngân hàng Đông Dương cho phát hành các loại giấy bạc *franc* với các mệnh giá 1.000fr, 500fr, 100fr, 20fr và 5fr.

Từ năm 1885, Ngân hàng Đông Dương đúc thêm đồng bạc Xòe (người phụ nữ biểu tượng cho nước Pháp mặc váy xòe) tức đồng *piastre de commerce* cũ, các đồng bạc lẻ 5 hào, 2 hào và 1 hào. Một đồng là 10 hào, một hào là 10 xu; chúng có đặc điểm là đều có hình bà đầm xòe (xem hình), khác nhau ở mệnh giá và năm phát hành. Đồng 1 xu in chữ 1 cent; đồng 5 hào in chữ 50 cents ...

Khi đó 1 xu ăn được một bữa quà sáng.

Đồng piastre Đông Dương bằng bạc, đồng franc Pháp bằng vàng nên tỉ giá giữa chúng thay đổi theo giá vàng, bạc. Thí dụ, năm 1886, 1 piastre ăn 4,2 franc



Đồng piastre 1885

PHỤ LỤC 5

TÊN GỌI CỦA HÀ NỘI QUA CÁC THỜI KÌ

Trước hết cần chú ý rằng các kinh thành trong mục lục này đều nằm trong thủ đô Hà Nội hiện nay nhưng chúng không trùng nhau về địa bàn.

Niên đại	Tên gọi	Ý nghĩa
Trước thế kỉ 7	Long Đỗ 龍肚 ⁷	Bụng rồng, rốn rồng, phần phình ra
607	Tống Bình 宋平	
866-1009	Đại La thành 大羅城	Thành [như cái] lưới lớn
1010-1805 ⁸	Thăng Long 昇龍	Rồng bay lên
1397-1407	Đông đô 東都	Kinh đô [ở] phía Đông
1407-1430	Đông quan 東關	[cửa] Quan phía Đông
1430-1788	Đông kinh 東京	Kinh đô phía Đông
1788-1805	Bắc thành 北城	Thành [phía] Bắc
1805-1831	Thăng Long 昇隆	Sự thịnh vượng phát triển
1831 tới nay	Hà Nội 河內	[thành phố] Trong sông

PHỤ LỤC 6

NIÊN BIỂU LỊCH SỬ HÀ NỘI ĐỐI CHIẾU VỚI LỊCH SỬ VIỆT NAM

Việt Nam	Hà Nội
~1500-1000: thời kì Đồng Đậu, đông kết đồng bằng Bắc Bộ	
~2879-258: triều đại Hồng Bàng.	
~ 257-208: triều đại Thục - Âu Lạc với kinh đô ở Cổ Loa.	
~208: Triệu Đà lập nước Nam Việt.	
~111: người Trung Quốc chiếm Nam Việt đổi tên thành Giao Chi.	
34: khởi nghĩa của Hai Bà Trưng.	
187-226: Sĩ Nhiếp làm thứ sử Giao Châu.	
544-547 : Lí Bôn lập nhà Tiền Lí ⁹	545: Lí Bôn xây dựng một kè gỗ bên sông Tô Lịch. 607: Tống Bình, trị sở Giao Châu. 621: Khâu Hòa xây dựng Tử thành, tức "thành con" bên trong thành.
679: nhà Đường lập An Nam đô hộ phủ.	679: Tống Bình, trị sở An Nam đô hộ phủ. 767: Trương Bá Nghi xây dựng La thành ¹⁰ . 806: Triệu Xương xây dựng An Nam La thành. 863: Nam Chiếu chiếm thành Tống Bình.
865-868: Cao Biền làm Tiết độ sứ An Nam Đô hộ phủ	866: thành mang tên Đại La thành.
868: bãi bỏ An Nam Đô hộ phủ.	

⁹ Để phân biệt với nhà Hậu Lí của Lí Công Uẩn

¹⁰ Theo Nguyên Hòa quận huyện chí (quyển 38), năm 767, Trương Bá Nghi xây La Thành ở vị trí mới, cách sông Tô Lịch 200m.

906-930: họ Khúc nắm quyền. 938: chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền. 968: Đinh Bộ Lĩnh thống nhất đất nước, lên ngôi vua, xưng Đinh Tiên Hoàng, lập ra nhà Đinh, chuyển kinh đô về Hoa Lư.	
1010-1225: nhà [hậu] Lí. 1054: vương quốc lấy quốc hiệu là Đại Việt. 1075: kì thi tuyển quan đầu tiên. 1075-1079: chống nhà Tống xâm lăng.	1010: Thăng Long (Hà Nội) trở thành kinh đô của vương quốc. Đạo Phật thịnh. 1049: xây dựng Chùa Một Cột. 1057: xây dựng chùa Báo Ân. 1070: xây dựng Văn Miếu. 1076: lập Quốc tử giám. 1086: lập hàn lâm viện.
1226-1400: triều đại Trần. 1258: kháng chiến chống quân Mông Cổ lần thứ nhất. 1284: kháng chiến chống quân Mông Cổ lần thứ hai. 1288: kháng chiến chống quân Mông Cổ lần thứ ba.	1230: Thăng Long được chia thành 61 phường. 1258: quân Nguyên cướp phá kinh thành. Trần Đông Bộ Đầu. 1265: đặt chức An phủ sứ Kinh sư. 1272: trình diễn múa rối nước lần đầu tiên. 1284: quân Mông Cổ cướp phá kinh thành. 1288: quân Mông Cổ chiếm kinh thành nhưng sau đó bị Trần Hưng Đạo chiếm lại. 1341: Nguyễn Trung Ngạn là người đầu tiên làm Đại doãn Kinh sư. Thế kỉ thứ 14 có các nhà nho nổi tiếng làm quan triều đình như: Lê Văn Hưu (1230-1322), Mạc Đĩnh Chi (1272-1346), Trương Hán Siêu (?- 1354), Lí Tế Xuyên.

1369: Dương Nhật Lễ tiến ngôi. 1374: kì thi đình đầu tiên.	1371: Champa cướp phá kinh thành. 1377: Champa cướp phá kinh thành. 1378: Champa cướp phá kinh thành. 1380: Nguyễn Trãi ra đời. 1389: Những người theo nhà sư Phạm Sư Ôn chiếm kinh thành.
1397: rời đô vào Thanh Hóa. 1400-1407: triều đại Hồ, quốc hiệu là Đại Ngu. 1406: nhà Minh xâm chiếm Việt Nam. 1414-1428: nhà Minh cai trị Việt Nam. 1418-1427: chiến tranh giải phóng do Lê Lợi lãnh đạo. 1427: hội thề Đông Quan, quân Trung Quốc đầu hàng.	1397: Thăng Long đổi tên thành Đông Đô. 1407: Đông Đô, bị cướp phá, đổi tên thành Đông Quan. 1426: Lê Lợi vào Đông Đô.
1428-1788: triều đại Hậu Lê. 1460-1497: Lê Thánh Tôn trị vì. 1469: vua ra lệnh vẽ bản đồ đầu tiên của đất nước. 1470: Chiếm Thành mất.	1428: Thăng Long lại trở thành kinh đô nhưng dưới tên gọi Đông Kinh 1471: Đông Kinh qui tụ một nửa quan lại của vương quốc. 1484: dựng bia tiến sĩ ở Văn Miếu. 1510-1522: rối động không ngừng ở kinh thành.

1527-1592: triều đại Mạc. 1545: Nam Triều ở Thanh Hóa quy tụ những người trung thành với nhà Lê, chống lại Bắc Triều ở Thăng Long. 1600-1777: Đất nước bị chia cắt thành Nam Triều, Bắc Triều. 1685: bút kí của Samuel Baron. 1688: bút kí của William Dampier. 1768-1838: cuộc đời Phạm Đình Hổ. 1771: khởi nghĩa Tây Sơn.	1592: Trịnh Tùng vây hãm kinh thành. 1599: các chúa Trịnh xây dựng vương phủ ngoài hoàng thành. 1627: Alexandre de Rhodes tới Thăng Long. 1631: cháy lớn. 1645-1700: hoạt động của thương điểm Hà Lan ở Thăng Long. 1683-1697: hoạt động của thương điểm Anh ở Thăng Long. 1749: Trịnh Doanh xây dựng thành Đại Đô. 1772: Lãn Ông tới Thăng Long. 1786: các công trình trong vương phủ của Chúa Trịnh bị phá hủy. Tên gọi Thăng Long bị đổi ra Bắc Thành.
1788: Nguyễn Huệ lên ngôi ở Huế lấy đế hiệu là Quang Trung lập nên triều Tây Sơn. 1789: quân Thanh thua ở Thăng Long.	
1802-1945: triều đại Nguyễn. 1813: Nguyễn Du sáng tác <i>Long thành cầm ca.</i> 1822: nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương mất. 1858: quân Pháp bắn phá Đà Nẵng.	1802: Nguyễn Ánh vào Thăng Long. 1805: chuyển trị sở Thăng Long về thành Hoài Đức. Đổi tên 昇龍 (rồng bay lên) thành 昇隆 (phát triển thịnh vượng); hai tên đều phát âm như nhau nhưng nghĩa khác nhau. 1831: tên gọi Thăng Long bị đổi ra Hà Nội. 1842: xây chùa Báo Ân.

1859: Sài Gòn bị Pháp chiếm.	
1865: Nam Kỳ trở thành thuộc địa của Pháp.	1865: xây đền Ngọc Sơn. 1873: Francis Garnier chiếm thành Hà Nội. Phạm Đình Bách vẽ bản đồ Hà Nội. 1875: thành lập Khu Nhượng địa Pháp. 1882: Henri Rivière chiếm thành Hà Nội. Ra đời bài <i>Chính khí ca</i> .
1884: lập chế độ bảo hộ của Pháp ở Bắc Kỳ.	
1886: lập chế độ dân sự ở Đông Dương.	1887: Nhà thờ lớn Hà Nội. Bốn tòa công sở (Đốc lí, Bưu chính, dinh Thống sứ, Kho bạc) được xây dựng bên bờ Đông Hồ Gươm. 1888: Hà Nội bị triều đình Huế cắt cho Pháp làm Khu Nhượng địa. 1896: bãi bỏ các quan An Nam ở Hà Nội. 1902: đặt Hà Nội làm thủ đô của Liên bang Đông Dương. Cầu Doumer được hoàn thành.
1905: Nhật thắng Nga tại eo Tsushima. 1906-1907: phong trào duy tân.	1906: cấm nhà lá trong thành phố. 1907: mở trường Đông kinh Nghĩa thực ở phố Hàng Đào. 1911: hoàn thành Nhà hát Thành phố. 1924: áp dụng luật năm 1913 của chính quốc về bảo vệ các công trình lịch sử. 1921: Hà Nội có 4.000 người châu Âu, và 100.000 người Việt Nam.
1927: Nguyễn Thái Học thành lập Việt Nam Quốc dân đảng.	
1930-1931: khởi nghĩa Yên Bái và nông dân nổi dậy ở miền Trung.	
1930: thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương.	1934: trường Thăng Long bắt đầu hoạt động.
1941: thành lập Mặt trận Việt Minh.	

1944: nạn đói ở miền Bắc. 1945: 9-3: Nhật đảo chính Pháp. 2-9: Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. 5-10: tướng Leclerc đổ bộ lên Sài Gòn. tháng 11: Đảng Cộng sản Đông Dương giải thể. 1946: tháng 3: quân Pháp vào Hà Nội. Hà Nội bước vào cuộc đấu tranh chính trị. tháng 11: quân Pháp ném bom Hải Phòng. 19-12: toàn quốc kháng chiến. 1954: 7-5: Điện Biên Phủ thất thủ. tháng 7: hiệp định Genève.	1954: 9-10: quân đội Pháp làm lễ hạ cờ trong Thành. 10-10: quân đội Pháp hoàn toàn rút khỏi Hà Nội.
---	--

Mục lục

• LỜI TỰA		5
• LỜI NGƯỜI TUYỂN DỊCH		7
• NGUỒN GỐC HÀ NỘI	<i>Georges Azambre</i>	9
• NHẬN XÉT HÀ NỘI VỀ ĐỊA LÍ ĐÔ THỊ (1884-1954)	<i>G. Azambre</i>	57
• NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT KHI THĂM HÀ NỘI	<i>Madrolle</i>	67
• VÀI NÉT VỀ KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ HÀ NỘI (1873-1954)		123
• KHU PHỐ BẢN XỨ	<i>André Masson</i>	147
• KHU PHỐ TÂY	<i>André Masson</i>	199
• THÀNH HÀ NỘI	<i>André Masson</i>	235
• TRƯỜNG THI	<i>André Masson</i>	269
• THÀNH CỔ LOA	<i>Madrolle</i>	287
• LÀNG BUỔI VÀ NGHỀ LÀM GIẤY		297
• NHỮNG ĐIỂM IN DẤU THẦN TIÊN Ở PHÍA NAM THÀNH THĂNG LONG CŨ		
	<i>Nguyễn Văn Huyền</i>	311
• NGƯỜI NƯỚC NGOÀI Ở HÀ NỘI		315
• HAI SỰ KIỆN ĐÁNG NHỚ CỦA HÀ NỘI 1911	<i>Claude Bourrin</i>	323
• CẦU DOUMER	<i>Paul Boudet</i>	333
• CÁC THÀNH VIÊN PHÒNG THƯƠNG MẠI HÀ NỘI VÀ HẢI PHÒNG, TỪ LÚC THÀNH LẬP TỚI THỜI KÌ DOUMER CẦM QUYỀN	<i>Claire Villemagne-Renard</i>	343

• NHỮNG CUỘC ĐẤU XẢO Ở HÀ NỘI	359
• Ô TÔ HÀ NỘI	375
• QUẢNG CÁO Ở HÀ NỘI	387
• NHỮNG TIẾNG RAO TRÊN ĐƯỜNG PHỐ HÀ NỘI	411
• THÀNH PHỐ SÔNG HỒ	427
• BÃO LỤT TẠI HÀ NỘI	439
• DỊCH BỆNH VÀ HỎA HOẠN Ở HÀ NỘI	445
• LỄ HẠ CỜ CỦA QUÂN ĐỘI PHÁP TẠI THÀNH HÀ NỘI NĂM 1954	449
• PHỤ LỤC 1	485
• PHỤ LỤC 2	487
• PHỤ LỤC 3	500
• PHỤ LỤC 4	513
• PHỤ LỤC 5	514
• PHỤ LỤC 6	515

MỘT SỐ TƯ LIỆU QUÝ VỀ

HÀ NỘI

NHIỀU TÁC GIẢ

Lưu Đình Tuấn
(tuyển dịch và chú giải)

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Biên tập: GIA TÚ CẦU

Bìa: MAI QUẾ VŨ

Sửa bản in: HOÀI HƯƠNG

Kỹ thuật vi tính: XUÂN THẾ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Phòng 602, số 209 Giảng Võ, Phường Cát Linh,

Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

Khổ 24 x 29 cm, Số 92-2010/CXB/43-280/Tre.

Quyết định xuất bản số: 604A/QĐ-Tre, ngày 03 tháng 9 năm 2010.

In 1.500 cuốn, tại Công ty cổ phần in Thanh Niên,

62 Trần Huy Liệu-Q.PN-TP.HCM.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 09 năm 2010.

959.731

M512



Nằm ở phía Đông Thành Hà Nội, im lìm như ngủ yên sau các tháp canh và pháo đài, khu phố buôn bán, “khu dân cư lúc nhúc” theo nhận xét của Rivière, cho ta những nét trái ngược của sự cực kỳ nào nhiệt. Khu phố có dạng tam giác, đáy dựa vào bờ Bắc Hồ Hoàn Kiếm, hai cạnh dựa vào sông Hồng và Thành Hà Nội.

Gắn với khung cảnh hiện đại của khu phố kiểu châu Âu, khu phố khéo tay và đông đúc này phần nào giữ được vẻ đẹp xưa kia của nó với những đường phố quanh co lên xuống và vẻ cổ lỗ của những người thợ thủ công cúi mình bên công việc trong các cửa hàng.

Khu phố bán xù
André Masson

MỘT SỐ TƯ LIỆU QUÝ VỀ

HÀ NỘI

Cuốn sách **Một số tư liệu quý về Hà Nội**

... là tập hợp những tiểu luận, chương sách của gần hai chục tác giả người Pháp viết về lịch sử, địa lý, đến phong tục, tín ngưỡng, nghề nghiệp, giáo dục, kiến trúc, giao thông... của một thời Hà Nội xa xưa.

... các tác giả đó đều là những trí thức có tầm cỡ đương thời.

... đã bổ sung rất nhiều ảnh tư liệu có tuổi đời cũng non một thế kỷ.

... nên giúp bạn đọc nhận ra diện mạo đa dạng của Hà Nội từ 1954 trở về trước.

Nhà Hà Nội học Nguyễn Vinh Phúc

WORLD BOOKS



Giá 290 000 đ



VV 2549/2013

